

RICHARD
YATES



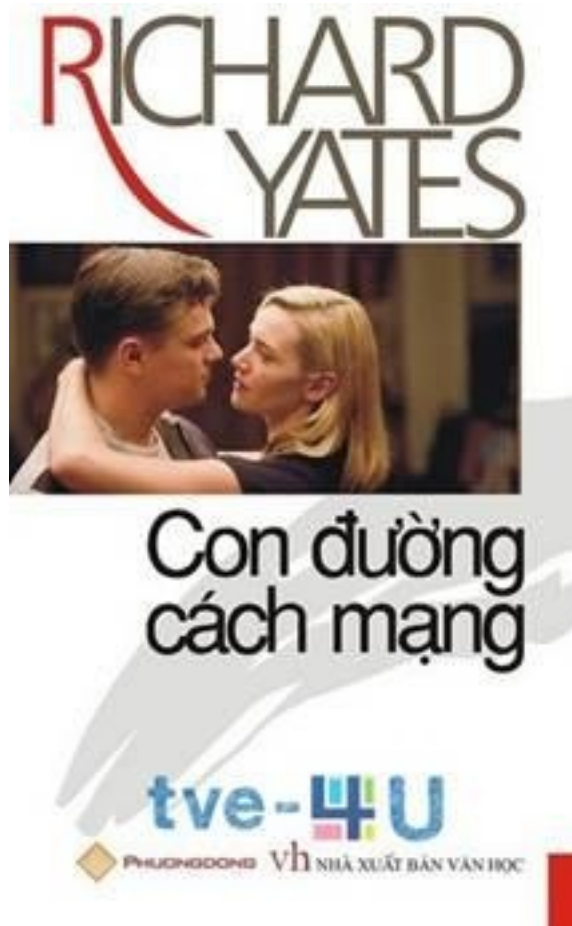
Con đường cách mạng

PHƯƠNG CHINH



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG



Nguyên tác: **Revolutionary road**

Tác giả: **Richard Yates**

Dịch giả: **Nguyễn Thu Ba**

Công ty phát hành: **Phương Đông**

Nhà xuất bản: **NXB Văn Học**

Trọng lượng vận chuyển: **550 g**

Kích thước: **13 x 20.5**

Số trang: **499**

Ngày xuất bản: **07/2009**

Giá bìa: **85.000đ**

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **10/02/2015**

Cuốn sách này được giới thiệu ở đây nhằm chia sẻ cho những bạn không

có điều kiện mua sách!
Còn nếu bạn có khả năng hãy mua ủng hộ nha!

Giới thiệu

Cuốn tiểu thuyết là một trong những khúc ca bi tráng nhất về sự cô độc của con người trong lịch sử văn học nhân loại. Năm 2005, tiểu thuyết **Con đường cách mạng** được tạp chí **Time** bình chọn là một trong 100 cuốn sách viết bằng tiếng Anh kinh điển nhất từ năm 1923 đến nay. Tác phẩm đã được đạo diễn Sam Mendes khởi dựng thành phim và đạt nhiều thành công vang dội.

Richard Yates (1926 - 1992) được coi là người đã chép lại hoàn hảo biên niên ký về đời sống sâu sắc và vô cùng phức tạp của nước Mỹ giữa thế kỷ 20 trong những tác phẩm kinh điển của mình. **Con đường cách mạng** - cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông ngay lập tức giât giải sách Quốc gia (The National Book Award). Những tác phẩm tiếp theo như **Lễ diễu hành phục sinh**, **Sự chở che đặc biệt** liên tục gây ra chấn động bởi những khúc bi ca về sự cô độc của con người đã vạch trũng tâm thức của thời đại, phản ánh một cách khốc liệt đời sống hiện thực Mỹ.

Cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh là khu đồi Cách Mạng, nơi đại lộ Cách Mạng chạy băng qua. Câu chuyện chỉ xoay quanh cuộc sống của bộ ba gia đình Frank - April Wheeler, Milly Campbell - Shep Campbell và gia đình bà Givings. Không ồn ào, mạnh mẽ, không tập nập nhộn nhịp mà lặng lẽ, chậm chạp, thậm chí cô tịch và hoang lạnh. Sự im lặng trong tâm thức của con người dẫn đến những nghi ngờ, những cô đơn và vô vọng khủng khiếp. Nó bào mòn con người, nhấn con người chầm chậm chìm vào đầm lầy của sự cô độc. **Con đường cách mạng** đã xoáy sâu vào tâm thức nước Mỹ, phơi bày một cuộc sống ngậm với những cú vặn mình khốc liệt bên dưới vỏ bọc là sự tử nhạt, nhàm chán và vô vị ở ngoại ô vùng Connecticut.

Tiểu thuyết **Revolutionary road** đã được đạo diễn Sam Mendes dựng thành bộ phim cùng tên - bộ phim mang lại cho Kate Winslet giải Quả cầu vàng 2009 dành cho vai nữ chính xuất sắc nhất. Trong đợt này, cuốn **Lễ diễu hành phục sinh** của Richard Yates cũng được NXB Văn Học & Phương Đông Books phát hành.

“Còn hơn cả lối viết đẹp, đó là tất cả những gì làm cho cuốn sách này trở

thành sống động một cách mạnh mẽ, rực sáng và ngay lập tức là một tuyệt tác” - *Tennessee Williams*

“Được đón nhận như một tuyệt tác ngay từ lần xuất bản đầu tiên, Con đường Cách mạng là câu chuyện kể về Frank và April Wheeler, một đôi vợ chồng trẻ nhàm chán với cuộc sống tầm thường, vô vị ở ngoại ô và luôn mong mỏi được trở thành đặc biệt. Richard Yates đã để lại cho người đọc một sự hoài nghi về quyết định thay đổi nhằm đạt được những điều tốt hơn trong cuộc sống của Frank và April. Đơn giản đây là cuốn tiểu thuyết hay nhất trong năm mà tôi đã được đọc” - *Nick Hornby*

Mục lục

PHẦN I

CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG VII

PHẦN II

CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V

CHƯƠNG VI

PHẦN III

CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG VII

CHƯƠNG VIII

CHƯƠNG IX

Than ôi! Khi tình cảm là sự pha trộn của sự dễ dãi và hoang dã!

John Keats

PHẦN I

CHƯƠNG I

Những âm thanh kết thúc cuối cùng của buổi diễn tập thử trang phục đã làm cho nhóm Laurel không còn việc gì để làm ngoài việc đứng đó, im lặng và đầy tự tin, lung linh qua ánh đèn chiếu của khán phòng trống không. Họ hầu như không thở được khi diện mạo nghiêm nghị và thấp tè của người quản lý xuất hiện từ hàng ghế trống gọi họ nhóm họp lại trên sân khấu, và khi ông kéo chiếc thang cột kẹt từ phía cánh gà, leo lên đó và nói với họ rằng, bằng tất cả nhiệt huyết của mình, họ là những diễn viên thật tài năng và ông thấy thật tuyệt vời khi được làm việc với họ.

“Đây quả thật không phải là công việc đơn giản”, ông nói, với cặp kính lấp lánh trang nhã nhìn quanh sân khấu. “Chúng ta đã có rất nhiều vấn đề, và thật sự, đã đôi lúc tôi phải bắt mình không được mong chờ quá nhiều. Nghe như là ủy mị, nhưng thật sự tối nay chúng ta đã làm được. Ngồi ở dưới kia, đột nhiên tối nay, tận sâu trong đáy lòng, tôi nhận thấy lần đầu tiên các bạn đã làm việc bằng cả trái tim mình”. Một tay ông đặt lên ngực để chỉ rằng đường đi đến trái tim thật đơn giản và tự nhiên; rồi tay kia ông nắm lại, không rời, đưa qua đưa lại thật chậm, gây ấn tượng thật sâu sắc, một bên mắt nhắm lại với môi dưới cong lên thể hiện niềm vui hân hoan và đầy vẻ tự hào. “Tối mai hãy biểu diễn như thế này nhé”, ông nói “và chúng ta sẽ có một đêm diễn hoàn hảo”.

Họ đã có thể khóc trong sự nhẹ nhõm. Nhưng, trong sự rung động, họ đã cười, nói, bắt tay và hôn nhau. Ai đó ở tình huống như họ sẽ đi uống bia, còn họ lại cùng nhau hát quanh chiếc đàn piano ở khán phòng cho đến tận khi cùng thống nhất ra về và chúc nhau có một giấc ngủ ngon.

“Hẹn gặp nhau ngày mai nhé!”, họ nói với nhau, hạnh phúc như những đứa trẻ, và dưới ánh trăng trên đường về nhà họ chợt nhận thấy họ nên kéo cửa xe ô tô xuống để tận hưởng khí trời, mùi thơm của đất và hoa. Đây là lần đầu tiên nhóm Laurel cho phép họ được cảm nhận sự đến gần của mùa xuân.

Đó là vào năm 1955 và nơi được nhắc đến là một phần của miền Tây Connecticut vừa mới được ba làng sát nhập lại do việc mở con đường cao tốc số 12. Nhóm Laurel là một nhóm diễn nghiệp dư nhưng lại là một nhóm diễn nghiêm túc và được đầu tư tốn kém vì diễn viên trẻ được tuyển chọn ở cả ba thị trấn. Đây là một sản phẩm nghệ thuật đầu tay của họ. Suốt cả mùa đông, các buổi thảo luận được diễn ra ở hết từ nhà người này sang nhà người khác về Ibsen, Shaw và O'Neill, nhưng cuối cùng sự biểu quyết của số đông lựa chọn *Rừng hoá đá*, và ngay từ những cảnh diễn đầu tiên, họ đã cảm nhận thấy niềm đam mê đang dần lớn lên trong họ từng tuần. Có thể cá nhân mỗi người cho rằng người quản lý của họ là một người đàn ông nhỏ bé ngồ ngộ (và ông đúng là như thế thật, theo cách là dường như ông không có bất kỳ một khả năng nào ngoài khả năng nói và thường kết thúc lời bình luận của mình bằng việc lắc đầu làm cho má rung lên) nhưng họ đều yêu quý ông và kính trọng ông, và họ hoàn toàn tin vào những điều ông nói. “Bất kỳ một tác phẩm nghệ thuật nào cũng đều xứng đáng được đánh giá là hay nhất khi diễn viên thể hiện được tác phẩm đó,” có một lần ông đã nói với họ như vậy, và một lần khác nữa: “Chúng ta hãy nhớ rằng. Chúng ta không đơn thuần chỉ là biểu diễn. Mà chúng ta đang hình thành ra một sân khấu cộng đồng, và đó mới là điều quan trọng cần phải làm”.

Điều làm họ lo lắng lúc đầu là e rằng sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ, và nỗi sợ hãi đã trở nên tồi tệ thêm khi họ sợ phải chấp nhận sự thật đó. Lúc đầu các buổi diễn tập thường được diễn vào các thứ Bảy - dường như luôn vào những buổi chiều lặng gió tháng Hai và tháng Ba khi bầu trời một màu trắng tinh, còn cây cối thì tối sẫm và những cánh đồng màu nâu cùng với những gò đất nằm trơ khác và yếu ớt giữa những bông tuyết nhả nhúm. Nhóm Diễn[1], ra khỏi nhà từ những cánh cửa bếp khác nhau và ngập ngừng trong giây lát để cài áo choàng hoặc đi găng tay, thường phải nhìn thấy cảnh vật mà trong đó dường như chỉ có một vài ngôi nhà già nua và bạc màu với thời gian; không gian đó làm cho chồn nường thân của họ trông thật mong manh và tạm bợ, bị đặt nhầm chỗ giống như những món đồ trang trí còn mới tinh bị để quên ngoài hè qua đêm và bị mưa xối xả. Ô tô của họ dường như cũng không ồn - rộ và sáng bóng trong màu sắc của những viên kẹo và kem một cách không cần thiết, coi bộ đang phải khó khăn đi qua bùn và trườn theo những con đường khắp khênh dẫn đến đường cao tốc số 12. Có vẻ như họ tận hưởng không gian riêng trong những chiếc xe của mình - suốt cả một khu thung lũng rực sáng những chiếc xe rất sành điệu được làm bằng nhựa màu, gương và thép không gỉ - nào thì KING KONE, MOBILGAS,

SHOPORAMA, EAT - nhưng rốt cuộc họ cũng đi theo những hướng khác nhau, lần lượt từng người, theo con đường lộng gió đưa họ đến trường học trung tâm; họ phải ghìm mình lại và dừng xe ở bãi đỗ xe yên tĩnh trước cửa thính phòng của trường học.

“Xin chào”, nhóm Diễn chào nhau một cách bẽn lễn.

“Xin chào!... Xin chào!...”. Và họ miễn cưỡng đi vào trong thính phòng.

Đóng vào những đôi giày cao su nặng nề vòng quanh sân khấu, thấm nước mũi bằng khăn giấy Kleenex và nhăn nhó với những tập bản thảo xộc xệch, cuối cùng họ cũng hết bực tức lẫn nhau bằng một chuỗi cười đầy sự độ lượng và nhất trí với nhau, hết lần này đến lần khác rằng còn rất nhiều thời gian để giải quyết ôn thoả mọi việc. Nhưng thực sự không còn nhiều thời gian nữa, và tất cả họ đều biết điều đấy. Việc tăng gấp đôi thời gian diễn tập chỉ làm cho vấn đề của họ trở nên tồi tệ thêm. Thời gian trôi qua đã lâu so với những gì mà người quản lý đã nói với họ “đã thật sự sẵn sàng cho buổi ra mắt, đã thật sự sẵn sàng cho thành công”, đối với họ vẫn chỉ là sự giậm chân tại chỗ, không xác định, một sự nặng nề không thể diễn tả nổi, không biết bao nhiêu lần họ nhìn thấy sự thất bại trong mắt nhau, với từng cái gật đầu hối tiếc, trong từng nụ cười khi chia tay nhau, trong từng bước hấp tấp vội vã đi ra xe về nhà nơi mà bất kỳ sự thất bại nào cũng dường như đã ở sẵn đó chờ đợi họ.

Và tôi nay, chỉ còn hai tư giờ nữa, bằng cách nào đó họ đã có thể làm được. Choáng váng với những cảm giác xa lạ của việc trang điểm và trang phục trong buổi tối âm áp đầu tiên của năm, họ đã quên đi sự sợ hãi của bản thân; họ đã để cho niềm đam mê vở kịch trong họ trào dâng, lôi cuốn họ và tan ra như đọt sóng; nghe có vẻ ủy mị (nếu thật vậy thì cũng có sao?) nhưng họ đã đặt toàn bộ trái tim của họ vào vở kịch. Liệu ai có thể đòi hỏi được nhiều hơn thế?

Tối hôm sau, khán giả rong rần nối đuôi nhau trong những chiếc ô tô đến xem vở kịch rất nghiêm túc. Cũng như nhóm Diễn, khán giả hầu hết là những người trẻ tuổi ở độ tuổi trung niên. Trang phục họ mặc được coi là hấp dẫn theo cách mô tả của những cửa hiệu thời trang New York là Trang phục Đồng quê. Ai cũng có thể nhận ra rằng họ là những người tầng lớp trên trung lưu, nhìn theo cách đánh giá về học vấn, nghề nghiệp, thể chất và rõ ràng, họ coi đây là một buổi tối thật quan trọng. Tất nhiên, khán giả đều biết

rằng, và họ cũng nói đi nói lại khi đi vào khán phòng và chỗ ngồi là vở kịch *Rừng hoá đá* không hoàn toàn là một trong những vở kịch kiệt tác của thế giới. Nhưng trên hết, đó cũng là một vở kịch hay với những quan điểm cơ bản mà mỗi cảnh diễn hiện tại đều có giá trị như những năm ba mươi (“thậm chí còn giá trị hơn thế nữa”, một người nói với vợ mình - người đang gặt đầu và miệng đang nhai ra vẻ hiểu ý chồng - “thậm chí còn giá trị hơn thế nữa khi bạn thực sự nghĩ về điều đó”). Điều đáng nói, thực sự không phải chỉ đề cập về vấn đề vở kịch mà là nhóm Diễn - một ý tưởng táo bạo, đầy sức sống, tràn ngập hy vọng; đó là sự ra đời của nhà hát kịch cộng đồng thật sự hữu ích, ngay trong chính cộng đồng của họ. Đó chính là lý do đã đưa họ đến đây, với số lượng khán giả được lấp đầy hơn một nửa khán phòng, và đó cũng là lý do làm cho họ nín lặng và hồi hộp khi ánh đèn sân khấu tối dần.

Màn sân khấu được kéo lên khi bức tường phía sau vẫn còn run rẩy với sự ra hiệu của người quản lý sân khấu, và lời của vai diễn bị át đi bởi tiếng cọt kẹt và những tiếng động ở phía ngoài sân khấu. Sự mất trật tự nho nhỏ đó là dấu hiệu của việc mất bình tĩnh đang dần tăng lên trong nhóm Diễn, nhưng dưới ánh đèn sân khấu họ dường như chỉ muốn khẳng định cho việc đón chờ những điều tuyệt diệu sắp diễn ra. Họ dường như muốn nói rằng, hoàn toàn tự tin: Xin hãy chờ cho một phút; vẫn chưa đến lúc bắt đầu mà. Chúng tôi hơi run một chút, nhưng làm ơn hãy cùng chia sẻ sự lo lắng với chúng tôi. Và không cần phải đợi lâu và cũng không cần phải thêm một lời thứ lỗi nào nữa vì khán giả đang quan sát một nữ diễn viên hát giọng cao, Gabrielle.

Tên của nữ diễn viên đó là April Wheeler, và cô đã làm cho cả khán phòng xôn xao bình phẩm “thật dễ thương quá” ngay khi cô bước ra sân khấu. Ít phút sau đó là sự thể hiện tràn trề hy vọng của khán giả và những lời thì thầm “cô ta khá đấy chứ”, tiếp theo là những cái gặt đầu thật nghiêm túc đầy vẻ tự hào trong số khán giả tình cờ biết được nữ diễn viên này đã theo học ở một trong những trường sân khấu đứng đầu của New York khoảng mười năm về trước. Cô hai mươi chín tuổi, cao, với mái tóc màu tro vàng không một ánh đèn sân khấu nào có thể làm méo mó một vẻ đẹp quý phái như vậy, cô dường như phù hợp với vai diễn một cách lạ lùng. Thậm chí, mặc cho việc sinh nở hai con đã làm cho thân hình cô mang dáng vẻ nặng nề ở hông và đùi, cô vẫn mang dáng dấp duyên dáng bên lén của thời con gái; nếu ai đó tình cờ nhìn thoáng qua Frank Wheeler, một thanh niên có khuôn mặt tròn và thông minh đang ngồi nắm chặt tay ở hàng ghế khán giả dưới cùng, đều có thể nói rằng trông anh giống như một người đang theo đuổi cô hơn là một người chồng.

“Đôi khi tôi cảm thấy như thể mình đang tỏa sáng mọi nơi,” cô nói, “và tôi muốn đi ra ngoài, muốn làm một điều gì đó thật điên rồ và phi thường...”

Đằng sau cánh gà, hội ý và lắng nghe, đột nhiên những diễn viên khác thấy yêu cô. Hoặc chí ít họ cũng chuẩn bị sẵn sàng cho việc yêu cô, ngay cả với những diễn viên đã phần nộ về việc thi thoảng cô đã thiếu khiêm nhường trong những buổi diễn tập, vì đơn giản, cô đột nhiên trở thành nguồn hy vọng duy nhất của họ.

Sáng hôm đó, nam diễn viên chủ đạo bị suy sụp vì mắc viêm đường ruột. Anh đến nhà hát trong tình trạng bị sốt cao nhưng vẫn nài nỉ xin được diễn, nhưng chỉ năm phút trước khi vở kịch bắt đầu anh đã bị nôn ở phòng thay đồ, và người quản lý không biết phải làm gì ngoài việc đưa anh về nhà và vào vai diễn của anh. Sự việc diễn ra quá nhanh đến mức không ai còn nghĩ được đến việc cần phải thông báo với khán giả về việc diễn viên đóng thế; một vài diễn viên đóng vai phụ thậm chí còn không biết gì cho đến tận khi họ nghe thấy giọng của người quản lý vang lên trên sàn diễn, dưới ánh đèn sân khấu, đang nói lời thoại quen thuộc của vai diễn mà đáng nhẽ sẽ phải cất lên từ một diễn viên khác. Ông đang làm những gì tốt nhất có thể để thể hiện được lời thoại theo cách bán chuyên nghiệp cao, nhưng không thể phủ nhận được rằng trông ông thật không hợp với vai diễn Alan Squiers - lùn tè, hói một phần và hơn cả là việc không thể nhìn thấy gì nếu như không đeo kính vì ông đã từ chối đeo kính khi ra sân khấu. Khoảnh khắc ông bước vào sân khấu, sự hiện diện của ông đã làm cho những diễn viên phụ bị phân tâm và quên mất việc là họ cần phải đứng ở đâu, và khi đang ở đoạn giữa của lời thoại quan trọng hồi một về sự phù phiếm - “*Vâng, tri thức không mục đích; hữu danh vô thực; hữu sắc vô hương* -” tay ông đã vô tình gạt vào cốc nước và làm đổ nước lênh láng ra mặt bàn. Ông cố gắng chữa nguợng bằng nụ cười khúc khích và một loạt những lời thoại ngẫu hứng “*Nàng thấy đấy, ta thật vô dụng. Giúp ta một tay thu gọn chỗ này nào:*” nhưng phần còn lại của lời thoại bị hỏng hoàn toàn. Mầm mống của sự đổ vỡ, ngấm ngấm và luôn thường trực nay có cơ hội được nổ tung, bắt đầu từ việc một nam diễn viên bị ốm lan truyền sang những diễn viên khác, ngoại trừ April Wheeler.

“Chàng không muốn được em yêu à?” Cô hỏi.

“*Gabrielle, có chứ*”, người quản lý đáp lại thật ngọt ngào. “*Ta rất muốn có được tình yêu của nàng*”.

“Chàng có thấy em duyên dáng không?”

Chân của người quản lý bắt đầu nhún nhảy theo nhịp điệu của bàn chân.
“Còn có nhiều từ khác đẹp hơn thế để nói về nàng”.

“Vậy thì tại sao chúng ta lại không bắt đầu nhỉ?”

Dường như cô đang nói lời thoát một mình, và có thể nhìn thấy rõ ràng là các câu thoại đang dần yếu đi. Trước khi kết thúc hồi một, khán giả cũng như nhóm Diễn đều nhận thấy cô đang mất dần sự lôi cuốn, và chẳng mấy chốc họ cảm thấy ngượng thay cho cô. Cô thể hiện tác phẩm bằng những động tác sân khấu không thật và cứng đờ cứng đẫn; cô vươn cao đôi vai và mặc dù đã được trang điểm nhưng cũng không thể giấu được sự bẽ bàng đang dần lộ ra trên mặt và trên cổ cô.

Rồi tiếp đến màn diễn của Shep Campbell, một kỹ sư trẻ, vạm vỡ với mái tóc được nhuộm đỏ trong vai của một tay chơi, Duke Mantee. Ngay từ đầu, cả nhóm diễn đã rất lo lắng cho Shep, nhưng vì anh và vợ anh, chị Milly, đã đóng góp đồ sân khấu và quảng cáo, là những người có tinh thần làm việc nhiệt tình và rất thân mật với đoàn diễn nên họ không có lòng dạ nào để từ chối anh. Và nay, kết quả của lòng nhiệt huyết cùng với cảm giác tội lỗi lo lắng của Campbell đã được thể hiện ra bằng việc anh đã quên mất một trong những lời thoại chính, có ai đó đã nhắc nhưng lời nhắc nhanh và nhỏ đến mức người ở hàng thứ sáu không thể nghe thấy được, và anh đã vào vai diễn giống như một người không có kỷ luật hơn là một vai diễn của một nhân viên tạp hoá cần mẫn, luôn gật đầu chào mọi người, tay áo xắn lên để làm mọi việc.

Vào giờ nghỉ, khán giả lộn xộn ra ngoài hút thuốc, đi lang thang theo từng nhóm dọc hành lang của trường học, đọc những mẫu tin trên bảng, và lấy tay phủi bụi trên những chiếc quần được cắt thon thả và những chiếc váy juyp bằng cotton trang nhã. Không ai muốn quay lại khán phòng để xem nốt những hồi cuối của vở kịch nhưng họ cũng vẫn quay lại.

Đối với nhóm Diễn cũng vậy, họ đều nghĩ rằng - rõ ràng như những giọt mồ hôi trên mặt họ, cần phải dẹp tất cả những cảnh diễn đáng tiếc đã diễn ra, càng nhanh càng tốt. Dường như thời gian như đang trôi dài đi hàng giờ, một sự thử thách chịu đựng thật ác nghiệt trong đó sự trình diễn của April

Wheeler cũng tội như những diễn viên khác, nếu không muốn nói là tội tệ hơn. Sự thất bại lên đến đỉnh điểm khi cảnh diễn về cái chết tang thương được kết thúc bằng một tiếng súng ở phía bên ngoài và bốc khói từ khẩu súng Tommy của ngài Duke, Shep Campbell đặt giờ cho việc thả khói không được cẩn thận và tiếng súng nổ phía bên ngoài khán phòng to đến mức mà tất cả những ca từ yêu thương bị đánh át bởi tiếng nổ kéo dài lê thê đình tai nhức óc. Khi màn sân khấu được buông xuống, tất cả chỉ còn lại là sự thể hiện của lòng khoan dung.

Tiếng vỗ tay, không to và cũng chỉ đủ lòng nhiệt tình cho hai lần rèm kéo, một lần dành cho nhóm Diễn đi vào trong cánh gà và xô đẩy nhau quay lại chào khán giả, và lần nữa dành cho ba nhân vật chính bước ra với vẻ u sầu: người quản lý nhấp nháy với đôi mắt cận thị, Shep Campbell lần đầu tiên trong suốt cả buổi diễn trông thật dữ tợn và April Wheeler đờ người ra với những nụ cười nghi thức.

Rồi ánh đèn sân khấu bùng sáng. Không một ai trong khán phòng biết là cần phải thể hiện như thế nào và cần phải nói gì. Mọi người nghe thấy một giọng nói không chắc chắn của bà Helen Givings, một người làm nghề môi giới bất động sản, nhắc đi nhắc lại “*Được đây*”, nhưng hầu hết khán giả im lặng và gần như chết cứng, tay cầm thuốc lá đứng dậy và đi ra lối đi. Một cậu học trò có năng lực, được thuê làm việc cho buổi biểu diễn chịu trách nhiệm về ánh sáng, nhảy lên sân khấu với tiếng cọt kẹt của đế giày và bắt đầu gọi chỉ dẫn cho một người không nhìn thấy ở phía trên đỉnh sân khấu. Cậu đứng đó e dè dưới ánh đèn sân khấu, cố gắng che giấu những mụn trứng cá trong bóng tối và thể hiện con người cậu qua những đồ dùng của một kỹ sư điện - nào là dao, cuộn thùng, dây điện - được đeo một cách chuyên nghiệp trên bao súng bằng da bóng ở phía dưới hông trong bộ quần áo công nhân bằng vải trúc bầu Ấn Độ. Và rồi dần ánh sáng bị tắt đi, cậu học trò tạo ánh sáng mờ mờ cho lối đi ra. Rèm sân khấu trở lại là một bức tường chán ngắt với lớp nhung màu xanh đã bạc màu với những vệt kẻ do bụi tạo nên. Không còn gì để xem nữa ngoài những bộ mặt của khán giả khi họ xúm xít đi trong hàng để ra cổng chính. Lo lắng, căng mắt ra nhìn, thành từng đôi một, họ nhìn quanh và di chuyển như thể một lối thoát có trật tự và điềm tĩnh ra khỏi nơi này là điều cần thiết tiên quyết cho sự sống còn của họ; cứ như thể hiện thực họ không thể sống được cho đến tận khi ra khỏi nơi này mặc cho việc họ bị mịt mù và tiếng sột soạt của sỏi trong bãi đỗ xe dưới chân họ, nơi mà trên bầu trời tối sẫm có đầy sao.

CHƯƠNG II

Franklin H. Wheeler nằm trong nhóm số ít người đang làm nóng lại tình hình. Anh làm vậy với nỗi buồn đầy hối tiếc và cũng vì những gì anh cho là chân giá trị, rụt rè trên lối đi ra đến cửa sân khấu anh luôn mồm nói “*Xin thứ lỗi... Xin thứ lỗi*”, vừa gật đầu và mỉm cười với tất cả những khuôn mặt mà anh biết vừa cho một tay vào túi quần để giấu giếm việc anh đã cắn móng tay trong suốt cả buổi diễn.

Trông anh gọn gàng và săn chắc, một vài ngày nữa là đến tuổi ba mươi, với mái tóc đen cắt ngắn và một vẻ đẹp không phô trương mà nhà nhiếp ảnh quảng cáo thường hay dùng để xây dựng hình tượng người tiêu dùng sáng suốt trong việc sử dụng hàng tốt mà không cần phải mua đồ đắt tiền (Mà tại sao lại phải trả tiền nhiều hơn?). Nhưng trên tất cả, vì sự thiếu hụt nét độc đáo về cấu trúc, khuôn mặt anh có tính biến đổi khác thường: nó có thể diễn tả hoàn toàn những cá tính khác nhau dưới những góc độ biểu cảm. Khi cười, anh là một người đàn ông hiểu rõ không có gì đáng lo ngại về sự thất bại của một vở kịch nghiệp dư, một người đàn ông tốt bụng, hóm hỉnh đã biết dùng từ thật chính xác trong việc động viên vợ mình ở đằng sau sân khấu; nhưng khoảng thời gian giữa những nụ cười của anh, khi anh nhún vai qua đám đông bạn có thể nhìn thấy sự bồn chồn hoang mang đã dần bám sâu trong đôi mắt anh, và dường như còn hơn cả như thế, chính anh lại là người đang cần sự động viên.

Sự cố là suốt buổi chiều hôm đó ở thành phố, tự mâu thuẫn với chính những gì anh định nghĩa “công việc ngớ ngẩn nhất mà bạn có thể tưởng tượng,” anh đã dồn hết tâm trí vào việc dự đoán ra viễn cảnh tối nay: anh sẽ chạy vội về nhà tung các con lên trời và cười vui cùng bọn trẻ, tận hưởng một ly cocktail, ăn tối sớm và nói chuyện phiếm với vợ mình; anh sẽ đưa vợ đến trường, tay anh sẽ tình cảm đặt lên đùi vợ (“*Nếu chỉ có thế thì em sẽ không lo lắng, Frank*”); anh sẽ ngồi đó đắm chìm bởi niềm tự hào và rồi bừng tỉnh để hòa nhập vào với tiếng vỗ tay như sấm khi rèm sân khấu được kéo lên; trong lòng chộn rộn niềm vui anh sẽ đẩy đám đông hân hoan đằng sau sân khấu để đến thỉnh cầu vợ mình một nụ hôn đắm lệt (“*Có đạt không anh? Có thật sự là đạt không anh?* ”); và rồi cả hai người sẽ dừng lại ở công ty đáng được ngưỡng mộ của Shep và Milly Campbell để uống một ly, nắm tay nhau dưới

bàn và nói hết tất cả mọi chuyện. Không một viễn cảnh nào báo trước cho anh một cú sốc và một sự thật nặng nề; không một viễn cảnh nào cảnh báo là anh có thể bị tràn ngập ảo tưởng hào nhoáng, ngộ nhận về một nữ diễn viên mà anh đã không xem diễn trong nhiều năm qua, một nữ diễn viên mà mỗi một cái nhìn, mỗi một điệu cười đều dâng lên trong anh một sự ham muốn mãnh liệt (“*Chàng không muốn em yêu chàng hay sao?*”), và rồi ngay trước mắt anh, cô dường như được tan ra và trở nên lơ đãng, và sự hiện diện hàng ngày của “sinh vật” này đã làm anh không thể chối từ niềm đam mê cũng chính là người phụ nữ mà anh đã biết và hiểu như hiểu về nỗi đau của chính bản thân mình, đó là một người phụ nữ cần cỗi với đôi mắt đỏ hoe thể hiện sự xấu hổ, với nụ cười giả tạo khi ra chào khán giả, cũng vô duyên như việc anh bị đau chân hay như việc anh khó chịu với đồ lót hay như việc phải chịu đựng mùi mồ hôi chua nồng của anh.

Anh dừng lại ở cửa, rút khăn tay màu hồng ra khỏi ví để kiểm tra xem liệu nó đã bị rách toạc thành bột trộn lẫn của máu và thịt chưa. Rồi, chỉnh lại áo choàng, anh đi qua cửa và bước lên phòng nghỉ đầy bụi, cao, trong ánh sáng thô và đầy bóng của những vai diễn do bị phản chiếu từ những bóng đèn không mui, nơi mà nhóm Diễn, sáng rực dưới lớp hoá trang, đứng đó, nói chuyện với khách mời, mỗi tập hai hoặc ba người quanh sân khấu, mặt tái nhợt đi vì lo lắng. Vợ anh không ở đó.

“Không, tôi nói nghiêm túc đấy”, ai đó nói, “Có nghe thấy tôi nói gì không?” Và một người khác nói “Trời ạ, dù sao thì buổi biểu diễn cũng vui”. Người quản lý, đứng trong nhóm bạn ít ỏi từ New York, vừa thềm nhạt rút thuốc lá ra vừa lúc lắc cái đầu. Shep Campbell, mồ hôi thành giọt, đứng đó, tay vẫn cầm khẩu súng Tommy, còn tay kia ôm cô vợ bé nhỏ, bù xù đang đứng cạnh dây kéo rèm sân khấu, rõ ràng định cười khoái trí với vợ về buổi biểu diễn.

“*Frank?*” Milly Campbell vẫy và kiễng chân gọi tên anh qua chiếc loa tay, như thể là ở đây đông lắm, đông hơn nó thực có. “Frank! Chúng tôi sẽ gặp anh và April sau nhé? Uống nhé?”

“Tốt thôi”, anh nói. “Vài phút nữa nhé!” Anh nháy mắt và gật đầu khi Shep giờ súng chào anh đầy hài hước.

Ở góc phòng anh thấy một trong số ít tay chơi đang nói chuyện với một cô nàng phúng phính, người đã quên mất vĩ bạch vào và gây ra sự gián đoạn ba mươi hai giây ở hồi một, người mà đã khóc rất nhiều nhưng nay thì vui thú

với việc đánh vào thái dương mình và nói “Trời ơi, tôi phải tự giết mình đi mới phải!” trong khi tay chơi kia run rẩy lau lớp sơn dầu trên miệng mình và nói “Không, tôi muốn nói là dù sao cũng đã rất vui, cô hiểu tôi chứ? Đó mới là điều quan trọng, trong một bối cảnh như thế này”.

“Xin lỗi,” Frank Wheeler nói, đi chen qua họ về phía phòng thay đồ nơi mà vợ anh thường hay ở đó với bạn diễn của mình. Anh gõ cửa và chờ, và hình như anh nghe thấy vợ mình nói “Mời vào”, anh hé mở cửa và lén nhìn vào bên trong.

Cô ở đó một mình, ngồi thẳng trước gương và lau đồ hoá trang. Đôi mắt cô vẫn đỏ và cô chớp mắt, cười với anh đúng điệu cười mà cô đã sử dụng khi chào khán giả trước khi quay lại gương, và cô nói “Chào anh”, “Anh đã sẵn sàng đi về chưa?”

Anh đóng cửa lại và đi về phía cô với một vẻ mặt được thể hiện qua đôi môi đầy sự yêu thương, hóm hỉnh và đam mê; những gì anh định làm là sẽ cúi xuống, hôn cô và nói “Nghe này: em thật tuyệt”. Nhưng, với một cái rụt vai tế nhị đã nói với anh rằng cô không muốn bị làm phiền, làm cho anh không biết phải làm gì với đôi tay của mình, và rằng câu nói “Em thật tuyệt” sẽ là lời tán dương không phải lúc - nó sẽ trở nên bị hạ mình, hoặc ít ra thì nó cũng trở nên ngô nghê, ủy mị và quá nghiêm túc.

“Thế đấy”, thay vì, anh nói, “Anh nghĩ rằng đó không hẳn là một chiến thắng hoặc một điều gì đó tương tự như vậy?” Và anh đưa điều thuốc lên miệng một cách vui vẻ và châm thuốc bằng việc đánh cái bật lửa Zippo kêu lách cách.

“Em nghĩ rằng là không”, cô nói, “Chút nữa là em sẽ xong”.

“Không sao đâu, em cứ thong thả”.

Anh cho cả hai tay vào túi quần, hất những ngón chân đã mệt mỏi trong đôi giày của mình và nhìn xuống chúng. Liệu, cuối cùng thì, câu nói “Em thật tuyệt” có phải là câu tán thán tốt hơn câu đã nói hay không. Nhưng chắc chắn anh sẽ nghĩ ra một câu an ủi nào đó tốt hơn sau đây; ngay bây giờ, điều mà có thể giúp anh đứng tại đây là nghĩ đến, trên đường về nhà, anh sẽ dừng lại ở quầy rượu nhà Campbell để thưởng thức rượu ngô, gấp đôi tửu lượng. Anh ngắm mình trong gương, siết chặt cằm, hơi quay đầu về một phía để

trông gầy và oai vệ hơn, với khuôn mặt - một khuôn mặt trong gương mà anh luôn mang từ thời niên thiếu, một khuôn mặt mà không một nhà nhiếp ảnh nào có thể lột tả được - đang được vợ anh ngắm cho đến khi họ chuẩn bị đi. Đôi mắt cô, ở đó, trong gương, nhằm vào anh ở giây phút không lấy gì làm thoải mái này, trước khi cô nhìn chằm chằm xuống chiếc cúc ở giữa áo choàng của anh.

“Anh à”, cô nói, “Anh có thể giúp em một việc được không? Thật ra là...”. Dường như tấm lưng mảnh khảnh là nơi bầu vú duy nhất để giúp giọng nói cô không run, “Thật ra là, Milly và Shep muốn chúng ta đến chơi sau đây. Liệu anh có thể nói với họ là mình không thể đến đó? Vì lý do cô giữ trẻ hoặc một lý do nào đó chẳng hạn”

Anh đã định đi nhưng chợt đứng sững lại, vai nhô lên, tay để trong túi quần, giống như một luật sư trên khán đài đang cân nhắc một điểm về đạo lý. “Hm”, anh nói, “thật ra anh đã nói với họ là chúng ta sẽ đến. Anh muốn nói là anh vừa gặp họ ở bên ngoài và anh nói rằng chúng ta sẽ đến”.

“Ôi, vậy thì liệu anh có thể ra ngoài nói với họ lần nữa là tôi khinh suất quá vì đã hứa với anh. Lý do đơn giản thôi mà”.

“Nghe anh nói này”, anh nói, “Đừng lại bắt đầu như thế, em. Vì anh nghĩ là chúng ta sẽ thấy vui. Và lại, nếu mình từ chối thì thật là khiếm nhã, phải không em?”

“Như thế có nghĩa là anh sẽ không nói lại với họ?” Cô nhắm mắt lại. “Vâng, thế cũng được. Thế thì em. Vâng, cảm ơn anh”. Khuôn mặt cô trong gương, mọc và bóng lên vì kem dưỡng, trông như bốn mươi tuổi, hốc hác như thể vừa phải chịu đựng một cơn đau về thể xác.

“Gượng đã em”, anh nói với vợ, “Em có thể thoải mái được không nào. Anh không nói như vậy. Anh chỉ muốn nói là nếu chúng ta xử sự như vậy thì họ sẽ nghĩ chúng ta thật là bất nhã. Mà thật sự họ sẽ nghĩ như vậy đấy. Anh không thể làm việc đó được”.

“Vâng thế cũng được ạ. Anh đến gặp họ, nếu anh muốn. Còn đưa em chìa khoá xe nhé”.

“Ôi, trời ơi, đừng lại bắt đầu bản nhạc với chiếc chìa khoá nữa. Tại sao em

lại luôn phải như vậy...”

“Frank”. Mắt cô vẫn nhắm. “Em sẽ không đi gặp họ. Em không cảm thấy khoẻ, và em...”

“Thế cũng được”. Anh quay đi, hai tay run lên chết cứng, nắm lấy nhau trông giống như người đang chăm chú diễn tả về chiều dài một con cá có hình hài ngắn. “Được thôi. Anh xin lỗi. Anh sẽ nói với họ. Anh sẽ quay trở lại. Anh xin lỗi”.

Sàn nhà bập bênh dưới chân anh như đang ở trên boong tàu khi anh đi ra phía cánh gà, nơi có người đang chụp ảnh bằng chiếc máy ảnh cỡ nhỏ (“Đứng im nào... Được rồi. Được rồi”) và diễn viên đóng vai cha của Gabrielle đang nói với cô nhỏ phúng phính đó, trông cô ta như có vẻ sẵn sàng tiếp tục khóc, điều duy nhất có thể làm lúc này là hãy viết ra tất cả những suy nghĩ để kiểm chứng lại chúng.

“Anh chị đã sẵn sàng chưa?” Shep Campbell hỏi.

“Hm”, Frank nói, “thật sự, tôi e rằng chúng tôi không đi được. April đã hứa với bà trông trẻ là sẽ về sớm, anh chị thấy đấy, chúng tôi thực sự...”

Mặt hai vợ chồng chùng xuống vì bị tổn thương và thất vọng. Milly trề môi ra và dần dần thả lỏng. “Trời ơi”, cô nói, “Tôi nghĩ rằng April đang cảm thấy kinh khủng về tất cả những gì đã xảy ra, có phải như vậy không? Đáng thương quá”.

“Không, không, vợ tôi vẫn ổn”, anh nói với họ như vậy. “Không phải như vậy đâu. Vợ tôi vẫn ổn. Chỉ là vì không thu xếp được với bà trông trẻ thôi”. Đây là lần nói dối đầu tiên trong suốt hai năm kể từ khi họ làm bạn với nhau, và điều đó đã làm cho cả ba nhìn trân trân xuống sàn nhà vì họ cảm thấy thật khó khăn khi phải mỉm cười ngập ngừng chào nhau một cách nghi lễ; và quả thật họ đã không làm được điều đó.

Cô đợi anh ở phòng thay đồ, chuẩn bị sẵn sàng cho một khuôn mặt xã giao để đối mặt với bất kỳ một thành viên nào của nhóm Diễn Laurel trên đường họ đi ra khỏi khán phòng, nhưng họ cố tránh để không phải gặp một ai. Cô dẫn anh đi qua cửa ngách để dẫn đến một hành lang vắng, vắng, khoảng năm mươi thước Anh, và họ đi không nắm tay nhau, im lặng, đi qua những khuôn

cửa hình chữ nhật được ánh trăng hắt vào và in bóng trên nền đá cẩm thạch.

Trong bóng tối, mùi trường học, bút chì, những quả táo và hồ bột thư viện đã đập vào mắt anh một nỗi nhớ nhà thật ngọt ngào và anh dường như được quay trở lại tuổi mười bốn, đó là vào năm anh sống ở Chester, Pennsylvania - ồ, không, ở Englewood, bang New Jersey - anh dành toàn bộ thời gian nghỉ của mình vào việc đi tàu đến Bờ biển miền Tây. Anh đã đi theo nhiều ngã đường khác nhau được vẽ trên bản đồ, anh đã thử nhiều lần cách anh tự giải quyết (một cách lịch sự, nhưng nếu cần thì cũng sẽ là những cú đấm bằng tay) với những kẻ lang thang mà anh gặp trên đường, và tất cả những món đồ trong tủ quần áo của anh hầu hết là từ các cửa hiệu Army và Navy: áo khoác hiệu Levi, một chiếc áo kaki kiểu nhà binh với phù hiệu trên vai, những đôi giày chất lượng cao được nịt thép ở mũi và gót giày. Một chiếc mũ phớt đã cũ của cha được anh đội vừa bằng cách quấn quanh một vòng giấy báo ở chỗ thắt eo thể hiện một cách hoàn hảo của vẻ nghèo lương thiện hoàn toàn phù hợp với quần áo và vật dụng, và anh có thể lấy bất kỳ thứ gì anh cần ở ba lô Boy Scout, và sẽ được tặng thêm phần nghệ thuật bằng một miếng băng dính che đi biểu tượng của Boy Scout. Điều thú vị nhất của kế hoạch là sự hoàn toàn tuyệt mật, cho đến ngày, ở hành lang của trường, anh bốc đồng rủ một cậu bé to béo tên là Krebs, người mà anh lúc đầu coi là một thứ đồ gàn gỏi nhất cho đến khi trở thành bạn thân của anh trong năm học đó, đi cùng anh. Krebs chết đuối người - “đi trên *tàu chở hàng á*” - và rồi cậu ta cười phá lên. “Chúa ơi, cậu thà giết tôi đi còn hơn, Wheeler. Cậu có thể đi được trên tàu chở hàng bao xa? Cậu có những suy nghĩ điên rồ này từ đâu vậy, Wheeler? Cậu có biết tại sao bạn bè cho rằng cậu là một thằng khùng không? Chỉ đơn giản, vì cậu là một thằng khùng!”

Bây giờ, đi ngang qua nơi có phảng phất những mùi hương tương tự và nhìn vào hình bóng xanh nhợt của dáng người April khi cô đi cạnh anh, anh cho phép sự trào dâng những cảm giác ở tận trong sâu thẳm con người anh đồng điệu cùng cô, cũng như đồng điệu với những nỗi buồn thiếu thời của cô. Anh thường không làm được điều đó với vợ mình vì hầu hết những ký ức của cô đều được diễn tả một cách vô cùng cứng rắn và khó mà có thể đồng cảm được (“Em luôn biết rằng không ai quan tâm đến em và em cũng để cho mọi người biết rằng em hiểu điều đó”), nhưng mùi hương ở trường học đã làm anh nhớ về một ký ức đặc biệt mà cô đã kể với anh, đó là vào một buổi sáng ở trường học Rye Country Day^[2], tự nhiên cô đến thàng một cách bất thường, chảy xối xả, làm cô ngỡ ngàng ở giữa lớp học. “Lúc đầu em ngồi đó”, cô kể cho anh nghe. “Thật là ngớ ngẩn; và rồi quá muộn”. Và, anh nghĩ,

chắc hẳn cô đã biết phải làm thế nào lách được ra khỏi bàn và chạy ra khỏi phòng khi chiếc váy juýp bằng vải linen màu trắng bị nhuộm màu đỏ, đúng chỗ ngồi, to bằng kích cỡ của chiếc lá gỗ thích trong khi ba mươi học sinh nam và nữ đều nhìn lên ngỡ ngàng, chắc hẳn cô đã biết phải làm thế nào để chạy hết được hành lang trong một sự im ắng đến kinh hoàng khi đi qua các lớp học trong tiếng xì xào, rồi lại còn làm rơi sách, nhặt chúng lên và lại chạy, máu chảy nhỏ giọt trên sàn, cô đã chạy đến phòng trợ giúp như thế nào và lại sợ không dám vào, thay vào đó, bằng cách nào đó cô đã phải chạy suốt một dọc hành lang khác đến được lối thoát hiểm để cởi áo len và buộc quanh eo và hông; và rồi, thì, như thể nghe thấy những tiếng bước chân theo mình, cô đã phải đi qua bãi cỏ đầy nắng như thế nào để về nhà, không đi quá nhanh, đầu ngẩng cao để nếu chẳng may có một ai trong một của một trăm cái cửa sổ kia vô tình nhìn ra đều cho rằng cô đi ra khỏi trường một cách bình thường và cách cô đang buộc áo cũng hoàn toàn bình thường.

Chắc hẳn vẻ mặt cô lúc đó cũng y hệt như bây giờ, khi họ mở cửa thoát hiểm và đi qua sân trường nơi chỉ cách Rye có vài dặm, và chắc hẳn cách cô bước đi cũng y hệt như ngày nào vậy.

Anh đã mong vợ anh ngồi gần khi họ ngồi trong ô tô - anh muốn ôm lấy bờ vai của cô trong lúc anh lái xe - nhưng cô thu mình lại và ngồi chết gí ở chỗ gần cửa, quay lưng lại, nhìn ra ánh đèn và bóng của con đường. Vì thế mắt anh căng ra, miệng anh mím lại khi nhấn ga và vào số, cuối cùng, khi liếm môi, anh đã nghĩ ra được điều để nói.

“Em biết không? Em là người tuyệt vời duy nhất trong toàn đoàn diễn. Anh không đùa đâu, April. Anh nói thật đấy”.

“Thôi, anh”, cô nói, “Em cảm ơn”.

“Chỉ đơn giản là mọi người không nên để em rơi vào tình trạng hỗn độn”. Tay anh mở áo để làm mát cái cổ và cũng là để tìm thấy cảm giác an toàn, không bẽ bàng trong chiếc cà vạt bằng lụa và chiếc áo hiệu Oxford. “Anh chỉ muốn can thiệp vào những gì được gọi tên ông ấy. Tất cả chỉ có vậy. Ông quản lý ấy”.

“Không phải lỗi của ông ấy”.

“Thật vậy, tất cả bọn họ. Chúa biết rằng họ đều không ổn. Tất cả chỉ là

chúng ta nên biết trước tất cả sự việc này. Đáng nhẽ anh đã phải dự đoán được trước, thực chất là gì. Nếu như không vì sự thuyết phục của anh và gia đình Campbell thì em đâu có tham gia vào nhóm diễn này. Hãy nhớ lại những gì chúng ta đã được cảnh báo? Và em cũng đã nói rằng có thể họ sẽ chỉ là những kẻ ngờ nghệch, phải vậy không? Đáng nhẽ ra anh đã phải nghe em”.

“Thôi nào. Chúng ta không nói về chuyện này nữa nhé”.

“Được thôi”. Anh cố ôm lấy đùi vợ nhưng vợ anh ngồi quá xa. “Được rồi. Anh chỉ không muốn em bị nặng nề nữa thôi”.

Với cảm giác tự tin anh rồ ga ra khỏi con đường phụ gồ ghề và lái xe ra đường quốc lộ số 12, cảm nhận cuối cùng mình cũng được tỉnh tâm trở lại. Một cơn gió trong lành lùa vào mái tóc anh và hạ nhiệt cái đầu, anh bắt đầu nhận ra sự thất bại của nhóm Diễn Laurel trong một viễn cảnh thực tế. Không chỉ đơn giản là cảm giác bị tổn thương. Những người sâu sắc và thông minh thường gặp phải những việc xảy ra như thế này trên con đường đi, cũng giống như việc họ làm những điều vô nghĩa có quy mô trong những công việc ngớ ngẩn ở thành phố và trong những ngôi nhà ở ngoại ô. Tình hình tài chính kinh tế có thể làm cho bạn phải sống trong môi trường như vậy, nhưng điều quan trọng là không được để cho mình bị chi phối, bị nhiễm và hoà tan. Và hãy luôn biết rằng mình là ai.

Và nay, trong việc cố gắng để biết mình là ai, tâm trí anh quay trở về những năm đầu sau chiến tranh và kỷ niệm về một ngôi nhà đồ nát trên phố Bethune, một phần của New York, nơi mà phần bờ tây tao nhã của làng đã biến thành khu nhà kho im tiếng. Trong những năm đầu của lứa tuổi hai mươi, việc khoác trên mình những chiếc áo choàng đầy tự hào của “cựu chiến binh” và “người tri thức” cũng dừng cảm như việc anh mặc chiếc áo jacket bằng vải tuyết đã cũ hay một chiếc áo ka-ki đã phai màu một cách cẩn thận, anh đã là chủ nhân của ba chiếc chìa khoá của căn hộ một phòng ở trên phố đó. Hai chiếc chìa khoá kia, và quyền được “sử dụng chỗ” vào mỗi tuần thứ hai và tuần thứ ba, thuộc về hai người bạn cùng phòng ở trường Columbia, mỗi người trong số họ trả một phần ba tiền thuê phòng trong số hai mươi bảy đô la. Hai người này, trong đó một người là cựu phi công chiến đấu, còn người kia là cựu lính thủy đánh bộ, già hơn và tự do trong ngôn ngữ hơn anh - họ dường như có thể lôi kéo được sự đặt chỗ không giới hạn của những cô gái muốn sử dụng phòng cùng họ - nhưng cũng không phải mất

nhieu thời gian, đến nỗi Frank phải tự ngạc nhiên với chính bản thân mình, anh bắt đầu theo kịp họ; đó chính là thời gian bắt kịp với tất cả mọi thứ, theo nhiều cách, nhanh đến mức đáng ngạc nhiên và cũng là thời gian xây dựng sự tự tin đến mức độ chóng mặt. Chưa bao giờ anh mất phí cho những chuyến khám phá lịch trình đi của tàu, nhưng dường như, không một Krebs nào lại có thể gọi anh là đồ khủng nữa. Quân đội lấy anh năm mười tám tuổi, tổng anh vào cuộc tiến công mùa xuân cuối cùng của cuộc chiến tranh ở Đức, và mặc dù mang đến cho anh một chuyến đi châu Âu đầy bồi hồi nhưng cũng hết sức thú vị trong một năm trước khi anh giải ngũ, cuộc sống kể từ đó ngày càng mang lại cho anh sức mạnh. Với nét phóng túng trong tính cách của anh - chính cá tính này đã làm cho anh mơ mộng và bị cô lập giữa bạn học ở trường cũng như trong quân đội - dường như đột nhiên trở thành một tư chất hấp dẫn và quan trọng. Lần đầu tiên trong đời anh đã được ca tụng, và thực tế, việc các cô gái thật sự muốn lên giường với anh chỉ là chuyện nhỏ khi so sánh với điều đặc biệt mà anh khám phá ra gần đây - đó là các đấng mày râu, các đấng mày râu đó thật sự muốn nghe anh nói chuyện. Điểm số ở trường học của anh hiếm khi cao hơn điểm trung bình, nhưng không có một điểm trung bình cho sự thể hiện của anh ở quán bia, những buổi nói chuyện thâu đêm bắt đầu hình thành quanh anh - những cuộc nói chuyện thường được kết thúc bằng những lời thì thầm cam kết nói chung, đi kèm với hành động đánh vào thái dương đầy ý nghĩa. Người ta nói rằng, những điều anh thật sự cần là thời gian và tự do để tìm ra chính mình. Những công việc cơ bản khác nhau được dự báo trước cho anh, mọi người đều cho rằng công việc của anh nên liên quan đến vấn đề “con người”, nếu như không muốn nói một cách chính xác là đó là nghệ thuật - ở bất kỳ hình thức nào, công việc đó phải được xác định cho sự cống hiến kiên định và lâu dài - và công việc đó cần phải liên quan đến quyết định anh sớm rút khỏi vĩnh viễn việc đến việc châu Âu, nơi mà anh thường hay mô tả đấy là phần đáng sống nhất của thế giới. Và chính bản thân Frank, bằng việc đi dạo bộ lúc nghỉ ngày trên phố sau những buổi nói chuyện, hoặc hàng đêm, nằm và nghĩ về phố Bethune khi sử dụng chỗ mà không cùng với một cô gái nào cả, hiếm khi anh áp ủ những điều ngoại lệ. Chẳng phải tiểu sử của những người vĩ đại được lấp đầy bởi những thời gian dò dẫm để tìm ra chính mình, được lấp đầy bởi cùng một cách nổi loạn với cha mình và những con đường của cha mình? Thậm chí, anh còn cảm thấy thoải mái khi anh không có bất kỳ sự quan tâm về một lĩnh vực đặc biệt nào: để tránh được những mục tiêu cụ thể, anh tránh những giới hạn cụ thể. Cho đến nay, với chính bản thân cuộc sống, thế giới là lĩnh vực anh lựa chọn.

Nhưng khi anh được trường đại học chấp nhận nhập học, anh đã bắt đầu bị ám ảnh bởi những sự chán nản vụn vặt không thể đếm hết được, và tinh thần chán nản ngày càng gia tăng sau khi tốt nghiệp đại học vài tuần, và khi hai người bạn cùng phòng sử dụng chìa khoá phòng ít hơn, anh thường xuyên phải ở một mình trên phố Bethune, làm những công việc linh tinh để sống qua ngày trong khi đang ấp ủ những ý tưởng lớn. Sự chán nản cắn xé anh, đặc biệt, cho đến giờ, không một cô gái nào anh biết mang lại cho anh một cảm giác chiến thắng trọn vẹn. Một cô thì rất xinh ngoại trừ việc mắt cá chân quá dày, một cô thì thông minh nhưng lại có khuynh hướng muốn làm mẹ anh, nhưng anh cũng phải thừa nhận rằng không ai trong số họ là con gái hạng nhất. Và cũng chưa bao giờ anh suy xét về việc như thế nào là cô gái hạng nhất, mặc dầu anh chưa lần nào đến gần một cô gái hạng nhất để được cầm tay họ. Có hai hoặc ba người trong số những cô gái hạng nhất học ở một số trường anh đã đến, trong quan niệm của họ, anh bị miệt thị một cách vô thức vì anh không phải là dân của thành phố; những gì mà anh không nhìn thấy ở trong quân đội thì hầu như anh lại được nhìn thấy ở những tấm biển hiệu lờ lợc, trong những giai điệu âm nhạc, nhìn từ xa qua cửa sổ mạ vàng của câu lạc bộ sĩ quan, và mặc dù, kể từ đó đến giờ, anh đã gặp rất nhiều người trong số họ, ở New York, họ cũng chỉ là những người luôn bước lên bước xuống chiếc taxi, theo sát là sự hiện diện lớn vồn, không dứt ra được của những anh chàng đường như chưa bao giờ xứng đáng được gọi là đấng nam nhi.

Tại sao lại không ở một mình? Như một thể loại đàn ông Jean-Paul-Satre, nhuộm màu nicotine không phai, mãnh liệt, chẳng phải đó là một logic đơn giản khiến anh có giới hạn với những thể loại đàn bà Jean-Paul-Satre, nhuộm màu nicotine không phai, mãnh liệt hay sao? Nhưng thật ra, đó là lời tư vấn của sự thất bại, và rồi một đêm, lót dạ bằng bốn ngậm whiskey ở buổi tiệc ở Morningside Heights, anh đi theo sự tư vấn của chiến thắng. “Hình như tôi không biết tên em”, anh nói với một cô gái hạng nhất ngoại lệ, một cô gái có mái tóc sáng rực và đôi chân tuyệt mỹ đã kéo anh đi một nửa quãng đường qua một phòng toàn những người xa lạ. “Em tên là Pamela?”

“Không”, cô nói. “Pamela ở đằng kia. Em là April, April Johnson”.

Trong vòng năm phút, anh nhận ra anh có thể làm cho April Johnson cười, và rằng anh không những có thể thu hút sự chú ý nghiêm túc của cô qua đôi mắt màu xám mở to mà còn làm cho học sinh của họ chạy tới chạy lui và ngồi tụ tập thành những nhóm hình cung nhỏ khi anh nói chuyện với cô, như

thể chính vóc dáng và khuôn mặt anh là điểm nhấn thu hút sự quan tâm của họ.

“Anh làm nghề gì?”

“Anh là phu khuân vác ở cảng”.

“Không, em hỏi thật đấy”.

“Anh cũng nói thật mà”. Và anh cũng đã muốn chìa tay của mình cho cô xem nhưng lại ngại là cô có thể đánh giá sự khác biệt giữa chai tay và da bị phỏng rộp. Trong vài tuần qua, dưới sự hướng dẫn của một anh bạn đại học từng trải, anh đã tự giác “sang sửa lại thân hình” trên boong tàu mỗi sáng và nhún nhảy dưới sức nặng của những sọt hoa quả. “Dù sao thì tôi cũng đã có một công việc khác tốt hơn. Bắt đầu vào thứ hai. Là người thu tiền vào ca đêm ở một quán cà phê tự chọn”.

“Thật ra, nhưng em không có ý nói như vậy. Em muốn hỏi là anh thật sự quan tâm đến những lĩnh vực nào?”

“Cung à...” (và anh còn quá trẻ để có thể đủ dũng cảm gọi một người mới quen là “cung à” mà không bị đỏ mặt) - “Cung à, nếu tôi đã có câu trả lời thì tôi cá rằng tôi sẽ làm cho cả hai chúng ta cùng trở nên chán ngắt đến chết trong vòng nửa giờ đồng hồ”.

Năm phút sau, đến lúc nhảy, anh nhận thấy tám lưng nhỏ bé của April Johnson lướt nhẹ và ôm trọn trong tay anh như thể đã có chủ đích từ trước; và một tuần sau đó, hầu như cả ngày, cô nằm bên cạnh anh, khoe với anh cơ thể của mình dưới ánh đèn màu xanh đầu tiên của ngày ở phố Bethune, vẽ ngón tay thanh tú của mình lên mặt anh, từ phía chân mày cho đến má và thì thầm: “Thật đấy, Frank. Em nói thật đấy. Anh là người đàn ông thú vị nhất mà em đã từng gặp”.

“Thật sự không đáng phải như thế,” anh nói, kim đồng hồ công-tơ-mét màu xanh rung lên vượt quá tốc độ sáu mươi ở dặm cuối cùng trên đường cao tốc. Họ gần về đến nhà. Đáng nhẽ họ đã uống với nhau và có thể cô sẽ khóc một chút - điều đó làm cho cô cảm thấy dễ chịu hơn - và rồi họ sẽ cười về việc đã xảy ra và chôn mình trong phòng ngủ, rũ bỏ quần áo, dưới ánh trăng, bầu ngực bé nhỏ mũm mĩm của cô sẽ run lên mời gọi anh, và không có bất kỳ

một lý do nào để họ không cùng nhau như trước kia.

“Anh muốn nói thật là tồi tệ khi phải sống giữa khu dân cư ngoại ô nhỏ bé ngớ ngẩn này - thành thật mà nói, anh cũng muốn nói có cả Campbell trong đó nữa, - thật là tồi tệ khi phải sống giữa những người mà luôn làm cho chúng ta bị tổn thương, từ những việc nhỏ nhất - Em không nói gì à?” Anh liếc thoáng qua đường và giật mình nhìn thấy, dưới ánh đèn của bảng đồng hồ kỹ thuật, cô đang lấy hai tay ôm mặt.

“Em đã nói là đủ rồi mà, Frank. Anh có thể không nói về điều đó được không, trước khi anh làm em tức phát điên lên?”

Anh nhanh chóng cho xe chạy chậm lại và đỗ xe ở chỗ dừng xe trái cát bên lề đường, tắt máy. Anh trườn nhẹ qua ghế và cố gắng nắm lấy tay vợ mình.

“Đừng, Frank. Làm ơn đừng làm thế. Em chỉ muốn được ở một mình, được không anh?”

“Em yêu, anh chỉ muốn...”

“Hãy để cho em yên. Hãy để cho em được *yên!*”

Anh quay trở lại chỗ vô lăng và bật đèn, nhưng tay anh từ chối việc muốn khởi động xe. Thay vào đó, anh ngồi đó trong giây lát, qua màng nhĩ, lắng nghe nhịp đập của mạch máu trong cơ thể mình.

“Điều này làm anh mất thăng bằng,” cuối cùng, anh nói, “chúng ta cần cân nhắc những điều vớ vẩn đang xảy ra ở đây. Anh muốn nói rằng dường như em đã vào vai Bà Bovary khá tốt, và có hai điểm anh muốn làm sáng tỏ. Một, không phải lỗi của anh làm cho vở kịch trở nên tồi tệ. Hai, rõ ràng là không phải lỗi của anh làm cho em không thể diễn như một diễn viên thực thụ, và chừng nào em vượt qua được sự cố của vở kịch này thì chừng đó tình hình của chúng ta mới khá hơn được. Ba, anh không tự nhiên vào vai một ông chồng tinh lẻ, không nhạy cảm và ngờ nghệch; em đang cố bắt anh phải như vậy kể từ khi chúng ta chuyển đến đây, và anh đáng bị nguyên rủa nếu anh thực sự đã như vậy. Bốn...”

Cô ra khỏi ô tô và chạy về phía đèn pha, nhanh và đầy vẻ duyên dáng, chỉ có hông là hơi to một chút. Trong giây lát, khi anh trèo ra khỏi xe và chạy theo

sau cô, anh đã nghĩ rằng cô muốn tự tử - cô đã nhiều lần ứng xử như vậy - nhưng cô đã dừng lại ở vệ cỏ trong bóng tối bên đường, cách ba mươi thước Anh về phía trước, bên cạnh một chiếc biển phản quang KHÔNG ĐI QUA. Anh chạy theo cô, đứng không vững, thở dốc, giữ một khoảng cách nhất định với vợ mình. Cô không khóc; cô chỉ đứng đó, quay lưng về phía anh.

“Em đang làm cái quái gì thế”, anh nói “tất cả chuyện này là như thế nào? Quay về ô tô ngay”.

“Không, em muốn đứng đây một lát. Hãy để em đứng đây trong giây lát, được không?”

Tay anh thông xuống; rồi, khi tiếng chuyển động và ánh sáng của một chiếc xe ô tô đang tiến gần về phía sau họ, anh cho một tay vào túi, với vẻ bề ngoài đã thừa nhận cho một cuộc nói chuyện rất vụng về. Chiếc ô tô vượt qua họ, ánh đèn chiếu vào chiếc biển và tấm lưng căng tròn của cô; và rồi, phần còn lại của ánh đèn vụt qua để cho những tiếng lạo xạo của bánh xe xa dần, rồi chìm vào im ắng. Phía bên tay phải họ, trong một đầm lầy tối sẫm, tiếng ngóc kêu râm ran, hoàn toàn là một bài ca tuyệt vọng. Thẳng phía trước, cách hai hay ba trăm thước Anh, trái đất hiện lên trên những đường dây điện thoại được ánh trăng soi tạo nên ụ đất của Đồi Cách mạng, theo dọc là mỏm đất lấp lánh những biển hiệu thân thiện Bất động sản Đồi Cách mạng. Gia đình nhà Campbell sống ở một trong những ngôi nhà đó; gia đình nhà Campbell có thể là ở một trong những chiếc ô tô rọi sáng đang tiến về phía sau họ.

“April!”

Cô không trả lời.

“Nghe anh bảo này,” anh nói, “Tại sao chúng ta không vào trong ô tô và nói chuyện nhỉ? Thay vì phải chạy trên Đại lộ 12 này?”

“Em chưa nói rõ với anh à?”, cô nói, “Em thật sự không muốn nói về chuyện ấy nữa”

“Được rồi,” anh nói, “Được rồi, Chúa ơi, April, anh đang cố hết sức có thể để ứng xử tế nhị về chuyện này, nhưng, anh...”.

“Anh tốt quá,” cô nói, “Anh thật tốt quá”.

“Gượng đã...” anh rút tay khỏi túi và đứng thẳng, nhưng rồi anh lại đút tay trở lại vì những chiếc ô tô khác đang đi đến. “Hãy nghe này”. Anh cố nuốt nhưng cổ họng anh khô quá. “Anh không biết em đang cố chứng minh điều gì,” anh nói, “nói một cách thẳng thắn, anh không nghĩ rằng em cũng biết là em đang làm gì. Nhưng anh biết một điều. Anh biết là anh không đáng phải chịu như thế này”.

“Anh luôn biết rõ, phải vậy không,” cô nói, “về những việc anh làm và những điều anh không đáng phải chịu”. Cô đi lướt qua anh và đi về phía ô tô.

“Này, gượng đã!” Anh suýt ngã trong lúc đi theo cô trên cỏ. Những chiếc ô tô khác hối hả đi qua, theo cả hai chiều, nhưng anh không quan tâm đến điều đó. “Chờ đã, Chúa ơi!”

Cô tựa đầu vào cái chắn bùn và khoanh tay từ chối một cách khéo léo trong khi anh ấn mạnh và thoa ngón tay lên mặt cô.

“Nghe anh nói này. Đây là lần đầu tiên em đã không bỏ đi với việc bóp méo những điều anh nói. Điều này vô tình xảy ra vào thời điểm tồi tệ và anh biết rằng anh không có lỗi. Em có biết em trông như thế nào khi em như thế này không?”

“Ôi, Chúa ơi, giá mà tôi nay anh ở nhà”.

“Em có biết em trông như thế nào khi em như thế này không? Em bệnh hoạn lắm. Rất bệnh hoạn”.

“Và anh có biết anh là đồ như thế nào không?” Mắt cô nhìn khắp người anh, nhìn lên nhìn xuống, “Trông anh thật kinh tởm”.

Và rồi cuộc chiến vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Cánh tay họ rung lên, khuôn mặt họ méo xệch đi đầy vẻ căm thù và sự tức giận làm cho họ ngày càng chìm đắm vào việc khoét sâu những điểm yếu nhất của nhau, giả vờ ca tụng những điểm mạnh của nhau nhưng thực chất rất khéo léo, dùng động tác giả và quay lại phản kháng nhau. Giữa những lần thở, cuộc chiến kéo họ về với những kỷ niệm trong những năm qua, với một vũ khí cũ kĩ đã xé toạc vết thương lòng; và cứ thế, nó cứ diễn ra, diễn ra.

“Ôi, Frank, anh chưa bao giờ lừa được tôi, chưa một lần. Tất cả những câu châm ngôn có phẩm hạnh quý giá của anh, “tình yêu” của anh và cách nói quanh co của anh - anh có nghĩ rằng tôi đã quên được lần anh đánh vào mặt tôi chỉ vì tôi nói rằng tôi không tha thứ cho anh? Ôi, tôi luôn biết rằng tôi là lương tâm của anh, là lòng dạ của anh - và cũng là cái túi đấm của anh nữa[3]. Chỉ bởi vì anh đã cho tôi vào bẫy một cách ngoạn mục, anh nghĩ rằng anh...”

“Cô bị mắc bẫy? Cô bị mắc bẫy? Ôi, Chúa ơi?”

“Đúng thế, tôi đã bị mắc bẫy”. Cô nắm chặt tay vào xương đòn của mình. “Tôi, tôi, tôi. Ôi, anh thật đáng thương, tự lừa dối mình - Hãy nhìn lại mình! Nhìn lại mình đi và nói với tôi, làm thế nào, bằng sự *căng*” - cô hát đầu, và với nụ cười nửa miệng, hàm răng trắng bóng của cô hiện lên dưới ánh trăng - “*căng* hết sức tưởng tượng, anh có thể nói với tôi là anh là một người đàn ông đích thực?”

Anh quay tay run lên đấm về phía sau đầu cô và cô co rúm người lại ở chỗ chần bùn, nhả nhúm vì sợ; thay vì đánh cô, anh làm điệu bộ của những đấu sĩ quyền Anh và đấm bốn lần vào ô tô: *Bong! Bong! Bong! Bong!* - trong khi cô đứng đó và nhìn. Khi anh dừng lại được, chỉ còn lại âm thanh đều đều, inh tai, duy nhất phát ra từ những chú ngoé, vang xa đến hàng dặm.

“Thật là khôn kiếp”, anh nói rất khẽ. “Thật là khôn kiếp, April!”

“Tốt thôi. Bây giờ chúng ta về nhà được chứ?”

Khó thở và miệng khô lại, đầu chao đảo và tay chân thì run lên, họ ổn định chỗ ngồi ở trong xe y hệt như những người mệt mỏi và già rồi. Anh nổ máy và lái xe đi cẩn thận, xuống chỗ rẽ ở chân Đồi Cách mạng và đi lên phía con đường rải nhựa đầy gió của Đại lộ Cách mạng.

Đây là con đường đầu tiên họ đi khi họ đến nơi đây, cách đây hai năm, như là những hành khách thân thiện trong chiếc xe bất động sản chuyên dụng[4] của bà Helen Givings, một người môi giới bất động sản. Bà lịch sự nhưng cảnh giác khi nói điện thoại - có quá nhiều người thành thị có khuynh hướng đến sống tại đây nhưng họ đã làm mất thời gian của bà vì yêu cầu những cuộc mặc cả không tưởng - nhưng từ giây phút họ bước xuống tàu, như lúc

bà nói với chồng mình sau này, bà nhận thấy họ là một đôi vợ chồng mà cần phải mất thời gian với họ một chút, thậm chí kể cả ở gói thu nhập thấp. “Chúng thật dễ thương”, bà nói với chồng. “Cô con gái thật mê hồn, và tôi nghĩ rằng cậu con trai cũng rất kiệt xuất ở thành phố - cậu ta rất dễ thương, khá dè dặt - và thật sự, thật là dễ chịu khi làm việc với tuýp người như vậy”. Bà Givings hiểu ngay rằng họ muốn có một ngôi nhà đặc biệt - một ngôi nhà đơn sơ được thiết kế lại, hoặc cũng có thể là một ngôi nhà di động, hoặc có thể là một ngôi nhà tranh - một cái gì đó duyên dáng - và bà không thích phải nói với họ rằng những thể loại nhà như vậy bây giờ không còn tồn tại nữa. Bà tha thiết nói với họ là đừng mất hết nhiệt huyết; bà biết một nơi có thể họ sẽ thích.

“Hiện tại thì đoạn này của con đường chưa phải là nơi nhộn nhịp,” bà giải thích, bà đưa mắt nhìn về mặt chăm chú và hài lòng của họ và con đường khi bà rẽ vào đường cao tốc số 12. “Như anh chị thấy đây, đây là nơi đang xây dựng, những ngôi nhà đang xây dở, xe chở hàng - thợ hàn, thợ mộc và những người thợ trong vùng đang làm việc. Nhưng *dần dần* nơi này sẽ...” - bà chỉ cho họ thấy qua kính chắn gió bằng que chỉ, làm cho chiếc vòng tay bằng kim loại đập leng keng vào tay lái - “*dần dần* nó sẽ mở ra quanh đây một khu mới phát triển hoàn hảo tên là Khu Đồi Cách mạng - chia thành những cấp độ rất khác nhau, tất cả đều trong màu tùng lam góm guốc và cũng đất kinh khủng, tôi cũng không biết tại sao nữa. Mà không, nhưng nơi mà tôi muốn chỉ cho anh chị hoàn toàn không liên quan gì đến nơi này. Một trong những người xây dựng địa phương chúng tôi đã xây sau chiến tranh, anh chị biết đấy, tất cả những toà nhà xấu xí đều bắt đầu được xây dựng trước đó. Nó thật sự là một ngôi nhà nhỏ dễ thương, được sắp xếp xinh xắn. Đơn giản, đường sạch, bãi cỏ đẹp, thật là thích hợp cho trẻ nhỏ. Nó ở ngay phía bên phải của chỗ vòng tới này, anh chị có thấy con đường dọc đây đẹp hơn không? Dễ thương? Một con đường đầy sức sống ở đó, trên cái dốc nhỏ ở đằng kia!”

“Ôi, đúng là như vậy”, April nói khi ngôi nhà hiện lên sau rặng sồi mọc thẳng đứng ở lớp thứ hai và khi chiếc xe chậm chậm rẽ vào, nhỏ nhắn, bằng gỗ, mọc cao trên nền đất thô bằng xi măng, cửa sổ trung tâm nhìn từ phía bên ngoài giống như những tấm gương màu đen mở to vậy. “Vâng, tôi nghĩ là nó... đẹp, anh à, anh có nghĩ vậy không? Tuy nhiên nó bị che bởi biển quảng cáo; em e rằng sẽ không tránh được”.

“Anh cũng đoán thế,” Frank nói. “Vả lại, một biển hiệu quảng cáo sẽ không

thể làm hỏng được phong cách nhà chúng ta”.

“Ôi, thật tuyệt,” bà Givings thốt lên, nụ cười của bà làm cho họ cảm thấy lâng lâng khi họ rẽ vào lối đi và họ bước ra khỏi xe để xem nhà. Bà đi quanh họ, yên tâm và sẵn sàng phục vụ, trong khi họ đi bộ trên nền sàn nhà thô, thì thào nhận xét. Mỗi chỗ đều có mục đích sử dụng riêng. Bộ ghế sofa có thể đặt ở đây và cái bàn to có thể đặt ở kia; giá sách vững chãi ốp vào tường có thể che đi sự hiện diện của biển quảng cáo; sự sắp đặt đồ đạc một cách tinh tế, thưa, sẽ trung hoà được phong cách cứng nhắc của vùng ngoại ô trong căn phòng khách quá cân đối này. Ngoài ra, sự rất cân đối của nơi này cũng là một sự hấp dẫn - thực tế là tất cả các góc nhà đều đúng góc độ, mỗi một thanh rầm đều nằm thẳng và chính xác, cửa được đặt ở vị trí cân đối và khi đóng mở không phát ra một tiếng động nào. Tận hưởng thiết kế của đèn và cảm nhận những tay nắm cửa, chúng đã làm cho ngôi nhà thêm vui mắt. Khám phá phòng tắm không một vết nứt nào, họ có thể cảm nhận niềm vui khi ngâm mình trong bồn tắm rộng; họ có thể nhìn thấy con họ đi chân trần trên hành lang không nắm móc, không mảnh vụn, gián và sạn. Nơi này có thật nhiều tiềm năng. Sự hội tụ của mớ lộn xộn trong cuộc sống của họ có thể sẽ được phân loại và sắp xếp vừa với những căn phòng này, giữa những hàng cây này; và nếu nó mất thời gian? Ai lại có thể ngại khi sống trong một không gian rộng, thoáng mát, sạch sẽ và yên tĩnh như nơi này?

Bây giờ, khi ngôi nhà chìm vào trong bóng tối với ánh sáng vui vẻ, rực rỡ của căn bếp và nhà để xe, họ căng vai ra và cảm của họ thể hiện sự mệt mỏi về thể xác. April vào nhà trước, đi lướt qua bếp, tựa người vào chiếc tủ lạnh lớn, và Frank đi chập chờn phía sau cô. Rồi cô bật công tắc trên tường, phòng khách rực sáng. Đèn bị bật đột ngột làm cho căn phòng dường như bỗng bênh, mọi vật dường như bị lênh đênh, và thậm chí khi mọi vật đã tĩnh lại thì dường như nó cũng có vẻ hoài nghi. Ghế sofa vẫn ở đây, chiếc bàn to vẫn ở kia, nhưng dường như cũng trở nên dè dặt; vẫn còn bức tường sách, ngoan ngoãn cạnh tranh giành ưu thế với biển hiệu quảng cáo, nhưng dường như đã trở thành thư viện cho mượn sách. Những đồ vật khác thực sự đã làm mất đi vẻ cứng nhắc của khung cảnh nhưng có lẽ chúng cũng đã thất bại trong việc tạo ra những giá trị khác. Ghế, bàn uống cafe, đèn sàn và bàn làm việc, đứng đó như những món đồ được sắp xếp tùy tiện chuẩn bị cho một cuộc đấu giá. Chỉ có một góc phòng là còn thể hiện sự hiện diện của sự sống vui vẻ - thậm bị rách, đem bị lún và gạt tàn đầy tàn thuốc - và đây là nơi hóng mát mà họ đã sắp xếp một cách miễn cưỡng cách đây sáu tháng: phạm vi của nơi để ti vi (“Tại sao lại không nhỉ? Chẳng phải chúng ta đã không

chấp nhận nó cho bọn trẻ còn gì? Bên cạnh đó, thật là ngốc nghếch khi lại hợm hĩnh tự hào về việc sử dụng ti vi...”)

Bà Lundquist, người giữ trẻ, đã thiếp đi ở trên ghế sofa và nằm khuất sau bờ tựa của ghế. Bà bật dậy, nhìn trừng trừng và cố gắng cười, hàm răng giả của bà đập vào nhau lách cách, tay bà dò dẫm trên mái tóc bạc trắng bị rụng.

“Mẹ đây ạ?” một giọng nói tỉnh ngủ vang lên từ phòng trẻ vọng xuống. Đó là Jennifer, sáu tuổi. “Mẹ, vỡ kịch có thành công không ạ?”

Frank rẽ nhầm hai lần trong lúc đưa bà Lundquist về nhà (bà Lundquist, lão đảo dựa vào cửa và bảng đồng hồ, cố gắng nén sợ bằng nụ cười chằm chằm vào trong bóng tối; bà ta nghĩ anh bị say), và trên đường về nhà, một mình, anh lái với một tay tựa vào miệng. Anh đang cố nhớ lại lúc cãi nhau, nhưng thật là tuyệt vọng. Thậm chí anh còn không biết là anh đang tức giận hay hối hận, liệu anh có muốn tha thứ hay là anh phải tha thứ. Cổ họng anh vẫn còn bị đau do phải hét lên và tay anh vẫn run lên do đâm vào ô tô - anh nhớ như in chuyện đó - nhưng hình ảnh đôi vai vươn cao lúc cô chào khán giả, với một nụ cười bị tổn thương, giả tạo đã làm anh trùng lại với sự hối hận. Suốt đêm là một cuộc đấu tranh! Anh phải nắm vô lăng thật chắc bằng cả hai tay vì đèn đường mờ đi và bông bành trước mắt anh.

Ngôi nhà thật tối, và cảnh tượng ngôi nhà, khi anh lái xe vào, một hình thù yếu ớt chạy dài bị bao trùm bởi bóng tối kinh hoàng của cây và bầu trời, làm cho anh nghĩ đến cái chết. Anh bước nhẹ qua bếp và phòng khách, nhón chân cẩn thận đi vào sảnh, đi qua phòng trẻ và đi vào phòng ngủ, đóng cửa một cách nhẹ nhàng.

“April, nghe anh nói này”, anh thì thào. Lột chiếc áo choàng ra, anh vào giường và ngồi thụp xuống cạnh giường trong tư thế ăn năn hối hận một cách cổ điển. “Nghe này. Anh không làm phiền em đâu. Anh chỉ muốn nói là anh... không có gì để nói ngoài câu Anh xin lỗi”.

Dường như vấn đề sẽ trở nên rất tồi tệ; dường như nó sẽ là những chuỗi ngày tồi tệ như vậy. Nhưng ít nhất là họ cũng đã cùng ở đây, một mình và im lặng trong căn phòng của riêng họ, thay vì hét lên giống như lúc ở trên đường quốc lộ, ít nhất, sự việc cũng đã tiến đến giai đoạn hai, một sự im lặng kéo dài, tuy nhiên có vẻ đáng ngờ, luôn dẫn đến việc hoà giải. Bây giờ cô sẽ không chạy đi đâu được nữa, và anh cũng vậy, không có một cơ hội nào để

làm cho anh phát cáu lên nữa; cả hai đều đã mệt. Lúc mới lấy nhau, những giai đoạn chiến tranh lạnh có vẻ còn tồi tệ hơn những âm thanh bẽ bàng làm họ cách ly nhau: mỗi lần như vậy anh đều nghĩ rằng, không thể có được cách nào tử tế hơn trong lúc đó. Nhưng vẫn luôn có một cách, dù tử tế hay không, trước tiên tìm ra được cách để xin lỗi, rồi chờ đợi, cố không nghĩ về nó quá nhiều. Và bây giờ, cảm giác đó gần giống như một chiếc áo choàng đã cũ và không thích hợp. Anh có thể mặc nó với sự thoải mái gọi cảm nào đó, vì nó cho phép anh làm tê liệt ý chí và sự kiêu hãnh.

“Anh không biết điều gì thực sự đã xảy ra ở đó,” anh nói, “nhưng dù gì đi nữa, hãy tin anh - Anh... April?”. Và với việc với tay ra, anh phát hiện đó là một cái giường trống. Vật có hình dài mà anh nói suốt từ nãy chỉ là cuộn ga trải giường của chăn và một cái gối; cô đã không ngủ ở giường nữa.

“April?”

Anh sợ hãi chạy vào buồng tắm và đi ra hành lang.

“Làm ơn đi đi”, giọng cô vang lên. Cô cuộn tròn trong cái chăn ở ghế sofa ở phòng khách, nơi bà Lundquist đã nằm.

“Nghe anh nói này. Anh sẽ không làm phiền em đâu. Anh chỉ muốn nói Anh xin lỗi”.

“Thật tuyệt. Bây giờ anh để cho tôi được yên chứ?”

CHƯƠNG III

Tiếng cọt xát chất chúa của kim loại làm anh tỉnh giấc. Anh cố chạy trốn khỏi tiếng động đó, vùi mình sâu hơn vào bóng tối mát lạnh nơi dư âm của một giấc mơ đẹp vẫn còn vương vấn, nhưng nó đã dội đi dội lại, xé toạc giấc mơ của anh cho đến khi anh choàng tỉnh trong ánh nắng mặt trời.

Đã hơn mười một giờ, sáng thứ bảy. Mũi anh tắc tị như thể có một chất dính bằng cao su, đầu anh vầng vất, và con ruồi đầu mùa đang bò vào chiếc ly whiskey bất hạnh để trên mặt sàn, bên cạnh một chai rượu gần như trống rỗng. Chỉ sau khi nhận ra cảnh vật quanh mình, anh mới bắt đầu nhớ lại được những gì đã diễn ra tối qua - anh đã ngồi đây uống rượu như thể nào cho đến tận bốn giờ sáng, cào đến rách cả da đầu bằng cả hai tay và cho rằng không cần phải ngủ. Và chỉ sau khi nhớ lại mọi điều, tâm trí anh mới tập trung được vào việc định hình tiếng động: nó phát ra từ máy cắt cỏ đã bị han gỉ của anh, đang cần được tra dầu. Ai đó đang cắt cỏ ở sân sau, điều mà anh đã hứa làm từ tuần trước.

Anh nặng nề kéo mình đứng dậy, mò mẫm tìm áo choàng tắm và đập nước vào vòm miệng. Rồi anh đi về phía đó và hé nhìn qua khung cửa sáng chói. Chính là April, lãnh đạm đẩy và kéo chiếc máy cũ kỹ, mặc áo sơ mi nam và một cái quần rộng, bay phần phật trong khi bọn trẻ đùa nghịch đằng sau cô với tay đầy cỏ đã cắt rồi.

Ở trong phòng tắm, anh dùng nước lạnh vừa đủ, dùng thuốc đánh răng và khăn giấy Kleenex để hồi tỉnh lại những phần còn hoạt động được trong đầu anh; anh phục hồi lại khả năng thu nạp ôxy và lấy lại sự điều khiển cơ bắp rắn chắc để vượt qua khả năng hiện tại. Nhưng không thể làm được gì với đôi bàn tay của anh. Phòng rộp và tái nhợt, chúng rũ xuống như thể xương bị tháo ra một cách đau đớn. Một cử động nắm tay lại có thể làm cho anh đau đến tận đầu gối. Nhìn chúng, đặc biệt ở phần móng tay bị bết xuống không bao giờ có cơ hội mọc lại nữa, anh muốn đập chúng vào thành bồn rửa mặt. Và rồi anh nghĩ về đôi bàn tay của bố anh, điều này nhắc nhở anh giấc mơ, vừa mới có, vừa mới diễn ra trước khi có tiếng động của máy cắt cỏ, trước khi anh cảm nhận thấy việc bị đau đầu và trước khi anh nhìn thấy ánh nắng mặt trời, là một khoảng thời gian thanh bình sâu lắng nhưng mơ hồ diễn ra

cách đây đã lâu rồi. Cả bố mẹ vẫn còn ở đó, và anh nghe thấy tiếng mẹ anh nói, “Ôi, đừng đánh thức con dậy, Earl; để cho con ngủ”. Anh cố gắng nhớ về giấc mơ một lần nữa, không thể; nhưng với bản tính nhạy cảm đã làm anh suýt bật khóc trong giây lát cho đến khi cảm giác đó tan biến đi.

Đến giờ, bố mẹ anh qua đời cách đây đã vài năm, và thỉnh thoảng điều này đã làm anh phiền lòng khi anh không thể nhớ nổi khuôn mặt của bố mẹ mình. Kỷ niệm đang dội về, không cần phải dùng đến ảnh của họ, bố anh đầu hói không rõ với hàng mi rậm và một cái miệng mãi mãi gắn liền với trạng thái hoặc là bức tức hoặc là cau kinh, còn mẹ anh với cặp kính không viền, chụp tóc và đôi môi được tô son một cách vụng về. Anh cũng nhớ rằng, cả hai bố mẹ anh đều luôn luôn bị mệt mỏi. Sinh anh ở tuổi trung niên, đồng thời vốn đã vô cùng mệt mỏi với việc nuôi dưỡng hai cậu con trai khác nữa, họ càng ngày càng tăng mệt mỏi dài như thời gian anh đã được biết đến họ, cuối cùng, quá mệt mỏi, họ đã ra đi trong sự thanh thản như nhau, một giấc ngủ, cách nhau sáu tháng. Nhưng, không bao giờ có bất kỳ một điều gì mệt mỏi về bàn tay của cha anh và không có một khoảng thời gian nào và bất kỳ một sự lãng quên nào có thể làm mờ nhạt hình ảnh họ trong mắt anh.

“Mở nó ra!” Đó là một trong những kỷ niệm đầu đời của anh: thử thách làm nói lỏng một quả dấm to, và bằng tất cả những cố gắng điên cuồng của cả hai tay, không bao giờ thành công, gỡ từng ngón tay ra khỏi sự cố gắng siết chặt của nắm dấm, trong lúc tiếng cười của cha anh cứ vang lên từ bờ tường của phòng bếp. Nhưng nó không hẳn chỉ là sức mạnh mà anh ghen tị, đó còn là độ chắc chắn và tinh tế - khi họ cầm một thứ gì đó, bạn có thể cảm nhận thấy nó như thế nào - và sự toát lên về tinh thông đối với mọi thứ mà Earl Wheeler sử dụng: tay cầm bằng da lợn kê cột kẹt của chiếc ca táp, tay cầm của tất cả đồ nghề làm việc bằng gỗ, kho hàng nguy hiểm đến rùng mình và cò súng khẩu súng săn của ông. Chiếc ca táp của ông là một sự hấp dẫn đặc biệt đối với Frank ở tuổi lên năm, lên sáu; nó luôn được để trong bóng tối của hành lang vào các buổi tối, thỉnh thoảng sau bữa đêm anh táo bạo đi về phía chiếc cặp và coi nó như là của anh vậy. Sao mà nó lại đẹp và muốt như thế này nhỉ, nhưng sao nó lại có cái quai dày đến như thế này được nhỉ! Nó nặng thật (Ui!) Nhưng sao nó lại có thể đứng đưa một cách nhẹ nhàng bên cạnh cha vào mỗi sáng thế? Về sau, khoảng mười hay mười hai tuổi gì đó, anh cũng trở nên quen thuộc với những đồ nghề của thợ mộc, nhưng không một ký ức nào về những thứ đồ nghề này là dễ chịu. “Đừng, con!” cha anh kêu thất thanh vì một cái cưa tay “Con làm hỏng nó rồi! Con không nhìn thấy là con đang làm hỏng nó à? Không có chỗ để cầm nó nữa”. Bất cứ một

đồ nghề nào, dù có cứng đến đâu, cái đục thường, cái đục khum, cái khoan quay tay hay cái mũi khoan cũng bị u sần phát hiện ra trong giây lát là đã bị hỏng. Thế rồi tiếp theo sẽ là bài giảng về cách giữ gìn và cầm những đồ dùng đó, dưới sự hướng dẫn lão luyện khéo léo (trong lúc giảng giải những thứ gỗ dính sát vào, như vàng, trên lông khuỷu tay của cha) hoặc, hơn thế nữa, nó còn giống như một sự chịu đựng đầy nam tính bị sức ép bởi với phần bị hỏng và ông nói nhẹ nhàng: “Được rồi, con đi lên gác đi”. Sự việc luôn được kết thúc theo cách như vậy trong xưởng đồ gỗ, thậm chí cho đến tận bây giờ, chỉ cần mỗi khi anh nghĩ thấy mùi mùn cưa thôi là anh đã không thể không cảm thấy bẽ bàng. Thật là may mắn khi chưa bao giờ khẩu súng săn được anh thử. Khi anh đủ lớn để có thể đi cùng với cha trong những chuyến đi săn hiếm khi xảy ra, anh cũng không có cơ hội được thử khẩu súng đó vì sự khó chịu thường xuyên giữa hai cha con. Không bao giờ một người già lại bảo con mình thử súng, và còn hơn thế nữa - vì đây là giai đoạn hình thành nên những giấc mơ đi khám phá tàu hàng của anh - Frank cũng không bao giờ hỏi cha về điều đó. Ai muốn đứng vào vũng nước để bắt vịt chứ? Ai, với chuyện đó, muốn chơi với đồ nghề của người yêu thích nó chứ? Lúc đầu, ai muốn trở thành một người bán hàng mơ hồ, hành động giống như đang có một thương vụ lớn với một chiếc ca táp toàn những cuốn ca-ta-lô buồn tẻ, có thể nói chuyện suốt ngày về máy móc với một nhóm quan chức ngớ ngẩn với những điều xì gà chứ?

Tuy nhiên, thậm chí, cả trong thời gian đó và sau này, thậm chí ngay cả thời kỳ cuối cùng của cuộc nổi loạn ở phố Bethune, khi cha anh đã trở thành một ông già lẩm cẩm hay càu nhàu, ngủ gật với những trang sách của *Tập san Bạn đọc*, cho đến tận giờ, anh đều tin rằng có một điều gì đó thật tuyệt vời và duy nhất ở đôi tay của cha anh. Kể cả vào những giây phút cuối cùng của cuộc đời Earl Wheeler, khi ông đã bị teo lại, không còn nhìn thấy nữa và miệng thì nói lảm nhảm (“Ai đấy? Frank? Có phải Frank không?”), những cái siết chặt tay thô ráp của đôi tay ông cũng luôn chắc chắn hơn bao giờ hết, và khi chúng thông xuống, nằm im trên giường bệnh vào những phút cuối cùng, đôi tay ông trông vẫn khoẻ hơn và tuyệt vời hơn đôi bàn tay của con trai ông.

“Này, các cậu, tôi nghĩ rằng các bác sĩ tâm lý nên chơi bóng với tôi,” anh thích nói như vậy, đầy vẻ nhản nhở, với các bạn của mình. “Tôi muốn nói là chỉ riêng việc viết về mối quan hệ giữa bố tôi và tôi cũng đã đủ cho một bộ sách giáo khoa rồi, chứ đừng nói là lại thêm phần viết về mẹ tôi nữa. Chúa ơi, thật là một nơi toàn những vấn đề về thần kinh mà chúng tôi đã phải chịu

đụng”. Dầu sao đi nữa, trong những khoảnh khắc tinh thần hỗn loạn, anh cũng cảm thấy vui khi tập hợp được những dấu tích thân thương chân thật về cha mẹ mình. Mặc dù quãng đời còn lại của anh gặp bất ổn nhưng anh cảm thấy dễ chịu vì ký ức thanh bình đó mang đến cho anh những giấc mơ đẹp; và anh thường hay hoài nghi, hơi ngay thẳng một chút, rằng chính điều đó đã làm cho anh về cơ bản là bình tĩnh hơn vợ mình. Vì nếu bác sĩ tâm lý chơi bóng với anh thì chỉ có Chúa mới biết được khi nào họ mới có thể chơi được với April.

Trong tất cả những câu chuyện ít ỏi mà cô đã kể với anh, cha mẹ cô trái ngược với sự đồng cảm của anh giống như trong tiểu thuyết của Evelyn Waugh. Liệu những con người như vậy có thật sự tồn tại không? Anh chỉ có thể hình dung ra họ giống như tranh biếm họa lòe loẹt của thế kỷ hai mươi, tạp chí cao bồi Playboy và Flapper, giàu một cách khó hiểu, vô tâm và độc ác, thành hôn do sự xếp đặt của một thuyền trưởng ở giữa Đại Tây Dương và ly hôn trong năm sinh đứa con duy nhất của mình.

“Em nghĩ là mẹ em chắc hẳn đã đưa em từ bệnh viện về thẳng nhà cô Mary,” cô nói với anh. “Ở một chừng mực nào đó, em không nghĩ rằng em đã ở với một ai ngoài cô Mary cho đến khi em năm tuổi, và sau đó em sống với vợ chồng của một trong những bà cô khác hay những người bạn khác của mẹ em hoặc một ai đó trước khi em đến sống với cô Claire ở Rye”. Phần còn lại của câu chuyện về việc cha cô đã tự vẫn trong một khách sạn ở Boston năm 1983, và sau đó vài năm mẹ cô đã chết sau một thời gian dài bị giam tại trại cai nghiện rượu ở Bờ biển phía Tây.

“Chúa ơi,” Frank đã kêu lên khi lần đầu tiên anh nghe thấy câu chuyện này, vào một đêm hè nóng khủng khiếp trên phố Bethune (mặc dầu lúc đó anh không hoàn toàn chắc chắn, khi anh thông xuống và lắc đầu, liệu những gì anh cảm nhận là nỗi buồn cho sự bất hạnh của câu chuyện hay là sự đố kỵ vì đó là một câu chuyện gây ấn tượng hơn chuyện của anh.) “Hm,” anh nói. “Anh nghĩ rằng cô em luôn thật sự giống như mẹ em, phải vậy không?”

Nhưng April nhún vai, nhếch mép theo cách, mà gần đây anh quyết định, anh không thích - trông cô “dữ tợn”. “Anh định nói cô nào? Em hầu như không nhớ cô Mary, hay những người sau đó, và em luôn ghét Claire”.

“Thôi nào. Sao em có thể nói em luôn ghét bà ta? Anh muốn nói, bây giờ nhìn lại, dường như có thể tình cảm của em là như vậy, nhưng chắc hẳn theo

năm tháng bà ta cũng đã dành cho em những tình cảm của - *em biết đấy*, tình yêu thương, sự an toàn và mọi điều khác nữa”.

“Thế nhưng bà ta không như vậy. Chỉ có điều hài hước thực sự mà em đã từng trải nghiệm đó là khi một trong hai bố mẹ em đến thăm. Họ chính là người em yêu”.

“Nhưng họ hầu như chưa từng bao giờ đến thăm em. Anh muốn nói em không thể có cảm giác họ là cha mẹ em, theo cách ứng xử như vậy; thậm chí em còn không biết họ. Làm sao mà em có thể yêu được họ?”

“Nhưng em đã yêu họ, chỉ có vậy thôi”. Và cô lại bắt đầu nhặt đồ ra rồi cất chúng đi, trong hộp nữ trang, những quà kỷ niệm mà cô bày ra trên giường trước mặt anh: ảnh kỷ niệm ở nhiều độ tuổi, trên những tấm vỏ khác nhau, chụp chung cùng với cha hoặc mẹ; bức vẽ tiểu họa chân dung duyên dáng của mẹ cô; một bức ảnh về cha mẹ cô được đóng khung da, có màu vàng, cao và ăn mặc tao nhã bên cạnh cây cọ, với câu đề tặng *Cannes, 1925*; chiếc nhẫn cưới của mẹ cô; trâm cài đầu cổ điển có một mớ tóc của bà ngoại cô; một con ngựa nhỏ bằng nhựa màu trắng bé xíu, dụng cụ để đo đồng hồ, có giá trị thực hai hoặc ba xu nhưng nó đã được cất giữ trong nhiều năm vì “bố em cho em”.

“Chắc chắn rồi,” anh thừa nhận. “Có thể chúng dường như lãng mạn và là tất cả; chúng có thể choáng ngợp và thật quyến rũ hoặc tương tự như vậy. Vấn đề không phải là ở chỗ ấy. Anh muốn nói về tình yêu thương”.

“Em cũng vậy. Em yêu họ”. Sự im lặng nghiêm nghị theo sau lời cô nói, trong khi cô gài hộp nữ trang, đã bị kéo dài đến mức anh tưởng là cô đã kết thúc câu chuyện của mình. Anh quyết định là không nói đến chủ đề này nữa, ít nhất là tại thời điểm hiện tại. Đêm quá nóng để có một cuộc tranh luận. Nhưng hoá ra là cô chỉ đang nghĩ kỹ, chuẩn bị cẩn thận trước khi nói những từ tiếp theo để chắc chắn rằng chúng thể hiện đúng những từ cô nói. Cuối cùng khi cô bắt đầu nói, trông cô giống như đứa trẻ trong ảnh đã làm cho anh cảm thấy tự xấu hổ. “Em thích quần áo của họ,” cô nói. “Em thích cách họ nói chuyện. Em thích được nghe họ kể về cuộc sống của họ”.

Không có gì cho anh làm ngoại trừ việc ôm cô trong tay mình, thể hiện đầy nuối tiếc cho việc thiếu thốn tình cảm và tràn ngập hứa hẹn ngầm và tôn trọng rằng anh sẽ không bao giờ miệt thị vấn đề này nữa.

Một chút vết bẩn của sữa đã bị khô và hạt ngũ cốc vương trên mặt bàn là những gì còn lại cho bữa sáng của bọn trẻ; phần còn lại của bếp thể hiện sự sạch sẽ thật hoàn hảo. Ngay sau khi uống xong ly cà phê, anh định mặc quần áo và đi ra ngoài, lấy lại chiếc máy cắt cỏ từ tay cô, bằng sức mạnh nếu cần thiết, để lấy lại được sự cân bằng của buổi sáng càng nhiều càng tốt. Nhưng khi anh vẫn mặc áo choàng, chưa cạo râu và dò dẫm với những nút bấm của lò sưởi bằng điện thì chiếc xe bất động sản lưu động của bà Givings từ từ đi vào. Trong giây lát anh định né đi, nhưng đã quá muộn. Bà ta đã nhìn thấy anh qua cánh cửa, và April, lê bước ở phía cuối vườn, đã hoàn toàn trốn được bà ta qua việc vẫy tay chào qua bãi cỏ rộng và tiếp tục cắt cỏ. Anh đã bị “tóm”. Anh miễn cưỡng mở cửa và đứng đó với thái độ hiếu khách. Tại sao người phụ nữ này luôn làm phiền họ nhỉ?

“Tôi không thể chịu nổi được một phút!” bà ta kêu lên, đi loạng choạng về phía anh dưới sức nặng của một cái hộp các tông chết tiệt toàn là đất và cây đang đung đưa. “Tôi mang đến cho anh cây hoa đá để trồng ở trên lối vào nhà anh. Ui cha, trông anh không được thoải mái”.

Anh cúi chào một cách thật vụng về, lết một chân để cố giữ cho cửa mở trong khi cầm cái hộp từ tay bà ta. “May quá,” anh nói với nụ cười kẻ sát với khuôn mặt bồn chồn đầy phẫn của bà ta. Mỹ phẩm của bà Givings hình như luôn bị trang điểm vô cùng vội vàng, một công việc ngớ ngẩn được hoàn thiện một cách thiếu kiên nhẫn, bà là một người phụ nữ có lớp da bì bì nhưng gọn gàng và luôn hoạt động, ở tuổi năm mươi, người phụ nữ có đôi mắt của sự sùng bái tôn giáo bằng cách thể hiện tầm quan trọng của việc luôn bận rộn. Thậm chí kể cả khi bà đứng im vẫn có một năng lượng động học nào đó thể hiện qua đôi vai và cách khoác trên người bộ quần áo rộng được cài một cách kín đáo đầy phẫn nộ; khi không thể tránh khỏi việc phải ngồi bà luôn chọn những chiếc ghế thẳng và sử dụng chúng một cách dè dặt, và hầu như khó có thể nhìn thấy cảnh bà ngả lưng trên ghế. Hoặc không dễ dàng gì hình dung được bà đang ngủ, không còn những nụ cười giả tạo hay là sự cố gắng của những tiếng cười xã giao và những lời nói suông.

“Tôi nghĩ rằng nó cần cho lối đi vào nhà anh, anh có nghĩ vậy không?” Bà ta nói tiếp. “Anh đã bao giờ trồng cây hoa đá này chưa? Anh sẽ nhận thấy là nó là một loại cây trồng trên đất thích hợp nhất, thậm chí trên cả đất có acid”.

“Ôi, may quá,” anh lại nói. “Thế thì tốt quá. Cảm ơn cô Givings rất nhiều”.

Cách đây hai năm bà có yêu cầu họ gọi bà là Helen, một cái tên mà lưỡi anh hầu như không thể phát âm được. Thường thì anh giải quyết vấn đề này bằng cách không gọi tên bà, lấp liếm việc thiếu sót đó bằng những nụ cười và những cái gật đầu đầy thân thiện, và bà cũng không gọi anh là gì cả. Bây giờ, khi mà đôi mắt bé nhỏ của bà lần đầu tiên nhìn thấy cảnh tượng vợ anh đang cắt cỏ trong khi anh nằm ườn trong bếp với cái áo choàng tắm, cả hai đứng đó cười với nhau một nụ cười không lấy gì làm vui vẻ. Anh để cho cánh cửa đóng sập lại phía sau và nắm thật chắc cái hộp đang bị lắc lư trong tay anh, một dòng cát nhỏ chảy xuống mắt cá chân trần của anh.

“Chúng tôi có thể... cô biết đấy, làm gì với nó?” Anh hỏi bà ta. “Tôi muốn, cô biết đấy, làm cho nó mọc, sống được và tất cả những điều khác nữa”.

“Thật ra, anh không phải làm gì. Tất cả những việc anh cần làm là tưới một ít nước cho nó trong vài ngày đầu, anh sẽ thấy nó hoàn toàn phát triển. Nó gần giống như cây trồng ở hàng rào của châu Âu, anh thấy đấy, tuy nhiên ngoại trừ việc ở châu Âu cây có hoa màu hồng, ở đây cây lại có hoa màu vàng”.

“À, vâng,” anh nói. “Cây trồng hàng rào”. Bà ta còn nói với anh nhiều điều khác nữa về cây cỏ, trong khi anh gật đầu, nhìn bà ta và mong bà ta đi về sớm, đồng thời lắng nghe tiếng kêu vo vo và rên xiết của cái máy cắt cỏ. “Hay quá,” anh nói khi giọng của bà ta dừng lại. “Thật là tuyệt. Cảm ơn cô rất nhiều. Tôi... có thể mời bà một cốc cà phê chứ?”

“Thôi để khi khác, cảm ơn nhiều”, bà ta đi được bốn năm bước, rồi lùi lại, như thể anh đang đưa cho bà một cái khăn bản để bà xỉ mũi vậy. Rồi, từ chỗ đứng an toàn của mình, bà nở một nụ cười trau chuốt hở ra những cái răng dài. “Anh đã nói với April là chúng tôi rất thích buổi biểu diễn tối qua chưa - à, mà gờm đã, tôi sẽ nói với cô ấy”. Bà nhển cổ và nheo mắt trong nắng, phán đoán khoảng cách để giọng nói của bà có thể được nghe thấy, thế rồi bà thả giọng:

“*April! April!* Tôi chỉ muốn nói là chúng tôi thích vở kịch!” Khuôn mặt reo hò và căng ra của bà trông như thể hình ảnh của một người phụ nữ đang phải chịu đau đớn về thể xác.

Sau một giây âm thanh của tiếng máy cắt cỏ đã dừng lại và giọng nói từ xa của April vang lên, “Cô nói gì ạ?”

“Tôi nói, chúng tôi YÊU VỢ KỊCH!”

Cuối cùng, khi nghe thấy những tiếng yếu ớt của April “Vâng... Cảm ơn cô”, bà đã có thể chùng được lại. Bà quay lại nói với Frank vẫn đang vụng về ôm cái hộp. “Anh thật sự có một người vợ có tài. Tôi không biết phải nói với anh về việc Howard và tôi đã thích vợ kịch đến như thế nào”.

“Cô thật tốt quá,” anh nói, “Thật ra, tôi nghĩ nhìn chung vợ kịch không phải hoàn hảo lắm. Tôi muốn nói, hầu hết mọi người đều nghĩ như vậy”.

“Không, không, vợ kịch thật sự hấp dẫn mà. Tôi nghĩ rằng những người bạn tốt của anh ở trên quả đồi kia thật sự đã vào vai không được may mắn lắm - Ông Crandall...? - nhưng nói theo một cách khác...”.

“Vâng, Campbell. Thật sự tôi không nghĩ anh ta đóng tồi hơn những người khác; tuy nhiên anh ta cũng đã phải đóng một vai khó”. Anh luôn cảm thấy cần thiết phải bảo vệ nhà Campbell với bà Givings, người có quan điểm dường như bất kỳ một ai sống ở Khu Đồi Cách mạng đều đáng được đề cao một cách tể nhị.

“Tôi không nghĩ điều đó là đúng. Tôi đã lấy làm ngạc nhiên khi không nhìn thấy chị Crandall trong nhóm - à, mà là Campbell thì phải? Tuy nhiên, tôi cũng không hy vọng là chị ta có thời gian chăm sóc tất cả bọn trẻ đó”.

“Cô ta làm việc ở hậu trường”. Anh đang cố di chuyển cái hộp để cát không rò ra ngoài hoặc vương ra chỗ khác. “Thực tế là cô ta đã rất tích cực trong tất cả mọi việc”.

“Thế thì tốt quá. Tôi chắc rằng chị ta sẽ như vậy; một người có trái tim nhỏ bé hay giúp đỡ người khác và thật là thân thiện. Thế đã nhỉ...”. Bà đi khép nép ra phía ô tô. “Tôi sẽ không giữ cô nữa”. Đây chính là khoảnh khắc cho bà nói “À, còn một điều nữa, trong lúc tôi nghĩ về điều đó...”. Bà gần như lúc nào cũng như vậy, và điều khác mà bà muốn nói hoá ra lại là điều đầu tiên đã làm cho bà đến đây. Và bây giờ bà ngập ngừng, hiển nhiên là bà đang do dự không biết có nên nói hay không; rồi nét mặt bà nói bà đã quyết định không nói, với tình thế như thế này. Dù có là điều gì đi nữa thì cũng phải đợi đã. “Tốt thôi. Đơn giản là tôi thích con đường đá mà anh làm bắt đầu từ bãi cỏ trước nhà”.

“À,” anh nói. “Cám ơn cô. Tôi có lẽ là chưa thật sự bắt đầu làm”.

“À, tôi biết mà,” bà khẳng định với anh. “Đó là một công việc vất vả”. Rồi bà cất lên giai điệu với hai nốt lịch thiệp của bài hát tạm biệt và giật giạt bước vào chiếc xe lưu động, chậm chậm lái xe ra về.

“Mẹ ơi, xem bố có cái gì này,” Jennifer gọi mẹ, “Bà Givings đã mang nó đến”.

Michael, bốn tuổi, nói, “Đó là hoa. Nó có phải là hoa hay cái gì thế ạ?”

Chúng hồi hả chạy qua bãi cỏ đã được cắt đi về phía anh trong khi April nặng nề từ từ tắt động cơ và kéo chiếc máy cắt cỏ ra phía sau cô, thổi sợi tóc ngớ ngẩn ra khỏi mắt cô bằng cái bật môi dưới. Mọi việc làm của cô dường như muốn chứng minh rằng, với sự nhấn mạnh dứt khoát chưa từng có, một người vợ nội trợ trung lưu nhạy cảm là tất cả những gì mà cô muốn làm và tất cả những gì mà cô mong muốn ở tình yêu là có một người chồng đáng nhẽ phải đi ra ngoài và thỉnh thoảng cắt cỏ thay vì vùi đầu vào ngủ cả ngày như vậy.

“Nó bị rò kia bố,” Jennifer nói.

“Bố biết là nó bị rò rồi. Yên nào. Em à,” anh nói với vợ, nhưng không hoàn toàn nhìn vợ. “Em có thể nói cho anh biết anh nên làm gì với cái thứ này không?”

“Làm sao mà em biết được? Nó là cái gì vậy?”

“Anh không biết nó là cái quái gì nữa. Nó là một loại cây trồng hàng rào châu Âu hay là một thứ gì tương tự như vậy”.

“Châu Âu gì cơ?”

“Ồ, không. Gươm đã. Nó là một loại cây trồng hàng rào, màu hồng thay vì là màu vàng. Màu vàng thay vì màu hồng. Anh nghĩ rằng em đã biết đến chúng rồi”.

“Cái gì đã làm anh nghĩ thế?” Cô đến gần liếc nhìn cái cây, tay cô chỉ vào

một cánh hoa mُمْ mُمْ. “Cái này để làm gì? Cô ấy không nói gì ạ?”

Đầu óc anh hoàn toàn trống rỗng. “Đợi đã. Nó được gọi là *beechnut*. Ồ, không, *seechnut* (hạt giống). Anh chắc là nó được gọi là *seechnut*”. Anh liếc môi và thay đổi tư thế ôm cái hộp. “Nó sống rất tốt trên đất có acid. Có phải chuông rung không?”

Bọn trẻ đưa mắt đầy hy vọng từ bố sang mẹ, và trông Jennifer bắt đầu lo lắng.

April đút tay vào túi quần. “Tuyệt vời cho cái gì? Anh muốn nói là anh chưa hỏi cô ấy à?”

Cây hoa rung lên trong cánh tay anh. “Nhìn kia, em có thể thoải mái được không? Thậm chí anh còn chưa uống cà phê, và anh...”

“Ồ, thế thì tuyệt. Em nên làm gì với thứ này? Em nên nói gì với người đàn bà đó trong lần gặp tới?”

“Nói với bà ta những gì em muốn,” anh nói. “Để thay đổi, có thể em nên nói với bà ta hãy lo việc của bà ta đi”.

“Bố ơi, đừng hét”. Jennifer nhảy lên nhảy xuống trong đôi giày bị lấm cỏ, tay vỗ đen đét và bắt đầu khóc.

“Bố không hét,” anh nói với con, với tất cả sự phần nộ vì bị buộc tội oan ức. Cô bé đứng yên và cho tay vào mồm, dường như là để làm cho đôi mắt mờ đi, trong khi Michael chộp con ruồi trên quần lót của mình và lùi hai bước về phía sau, nghiêm nghị với sự ngưng ngừng.

April thở dài và búi lại lọn tóc. “Được thôi,” cô nói. “Đưa nó xuống hầm rượu. Ít ra là chúng ta cũng phải nhìn thấy chúng. Con đi mặc quần áo vào. Đến bữa trưa rồi đây”.

Anh mang cái hộp xuống cầu thang hầm rượu, vứt ụych nó xuống sàn và đá vào góc nhà, khiến anh bị đau điếng dây chằng ở ngón chân cái.

Anh dành cả buổi chiều với chiếc quần đùi bộ đội cũ kĩ và một cái áo đã rách để làm lối đi bằng đá. Ý tưởng là làm một con đường dài và cong chạy từ sân

trước ra đến đường cái, tránh cho khách không đi qua bếp. Có vẻ việc này tưởng chừng như đơn giản cho đến tận ngày nghỉ cuối tuần của tuần trước, khi anh bắt đầu làm, đến nay khi nền đất trở nên dốc hơn, anh nhận ra rằng đá phẳng là không ổn. Anh phải làm những bậc đi bằng đá có chiều dày gần như chiều rộng, những miếng đá được anh lấy từ cánh rừng dốc đứng ở phía sau nhà và với đôi chân lão đạo mang chúng về qua bãi cỏ trước nhà. Rồi anh phải đào hố cho mỗi bậc đi trên nền nhiều đá đến mức phải mất mười phút mới làm được một cái hố chỉ đặt vừa được một bàn chân. Việc làm đó được xem là một việc làm không được tán dương và thiếu suy nghĩ, một loại công việc làm bạn trở nên vụng về vì mệt mỏi và nóng nảy do công việc không tiến triển và trông như nó sẽ mất hết cả mùa hè thì mới hoàn thành được công việc.

Mặc dầu vậy, khi cơn thở dốc và choáng váng qua đi, anh bắt đầu cảm thấy thích sự chuyển động của cơ bắp, mồ hôi toát ra và mùi của đất. Ít nhất thì đây cũng là công việc của đàn ông. Ít ra, khi ngồi nghỉ trên sườn dốc bằng gỗ, anh có thể nhìn xuống và thấy ngôi nhà của mình được xếp đặt theo cách mà ngôi nhà cần phải được mang dáng vẻ trong một ngày xuân đẹp trời, anh sẽ nhìn thấy ngôi nhà mình được an toàn trên thảm cỏ xanh, nó thể hiện nét trang nghiêm tinh khiết dễ vỡ của tình yêu của một người đàn ông và một người vợ với các con của mình. Nheo mắt lại nghiêm túc với dòng suy nghĩ về hình ảnh của ngôi nhà, với việc phô bộ đùi cong, dính vào và căng ra dưới lớp O.D. cũ kĩ của mình, và với việc phô cẳng tay nổi đầy tĩnh mạch bắt chéo qua đùi và đôi bàn tay dính bản ở đó - không so sánh với bàn tay của cha anh, có thể, nhưng một bàn tay khá khéo và có ích thì tất cả đều như nhau - anh thấy vui đến nỗi thái dương cảm thấy đau nhức vì nhiệt huyết và hân hoan khi anh cố nhấc ra một tảng đá bị mứt vào cái hộc trắng ớn và lăn nó qua đám phân xanh ghê tởm đến rừng mình, chỉ bởi vì anh là một đảng mày râu. Chạy theo nó đến rìa của bãi cỏ, anh lại ngồi lên nó, miệng lẩm bầm, đánh vật với nó để đưa nó lên đùi, rồi lên eo và ôm trọn nó trong cẳng tay mình; rồi anh đi ra ngoài cánh rừng, mắt như không hồn loạng choạng trên cỏ mềm, vòng ra phía có dấu mờ mờ màu trắng của ngôi nhà và trong ánh nắng mặt trời của bãi cỏ đằng trước, trên lối đi ra đường, anh thả nó xuống và gần như ngã phịch xuống nó.

“Chúng con giúp bố nhé, có được không ạ?” Jennifer nói. Cả hai con anh đến ngồi gần anh ở trên cỏ. Ánh mặt trời đã làm nên hai vòng tròn có màu vàng hoàn hảo trên đầu hai mái tóc vàng hoe và khiến cho áo phông của con anh thành một màu trắng loá.

“Con chắc chứ,” anh nói.

“Vâng, vì bố muốn có chúng con đi cùng có phải không ạ?”

“Đúng rồi, con yêu. Đừng đến gần quá, con. Con sẽ đá bụi ở trong hố lên đấy”. Và anh lao vào làm việc với cái xẻng cán dài để đào cái hố sâu, vui thích với tiếng xoạt xoạt có giai điệu và tiếng xấn đất của tảng đá đã được chôn.

“Bố ơi!” Michael hỏi, “Tại sao cái xẻng lại loé sáng hả bố?”

“Bởi vì nó va phải đá, con à. Khi thép va vào đá thì nó phát sáng”.

“Tại sao bố không lấy đá ra ạ?”

“Đấy là việc bố đang cố làm. Đừng đến gần quá, con sẽ bị đau đấy”.

Cuối cùng thì những mẩu đá cũng phải long ra; anh bốc nó ra và quỳ xuống cào phần có những viên đá cuội màu nâu ở trong hố cho đến khi chiều sâu và hình dáng của cái hố trông ổn. Rồi anh nhấc và lăn tảng đá cuội vào hố, lèn chặt, thế là một bậc đi nữa được hoàn thành. Một đàn muỗi nhỏ bay quanh đầu anh, làm cho anh cảm thấy buồn buồn và chỉ đủ nhìn thấy chúng đang treo trên đầu và bay qua mắt anh.

“Bố ơi!” Jennifer nói. “Sao mẹ lại ngủ ở ghế sofa ạ?”

“Bố không biết. Có thể bất chợt mẹ thích như thế, bố đoán thế. Con đợi ở đây trong khi bố đi lấy phiến đá khác nhé”.

Khi anh lê bước quay lại cánh rừng sau nhà, càng nghĩ anh càng thấy đấy là câu trả lời tốt nhất có thể, nhìn từ góc độ đơn giản thành thật và tế nhị. Cô ấy bất chợt thích như vậy. Cuối cùng thì đấy có phải là lý do duy nhất không? Có bao giờ cô có được một lý do thấu đáo hơn và bớt ích kỷ để làm bất kỳ một điều gì trong đời cô chưa?

“Em yêu anh khi anh tử tế,” một lần, cô nói với anh, trước khi họ thành thân và điều cô nói đã làm anh nổi cáu.

“Em đừng có nói như thế, ôi Chúa ơi, chả lẽ em không “yêu” con người khi họ tốt. Em không thấy là điều đó đồng nghĩa với “Có cái gì cho tôi không?” chẳng. Em ơi”. (Lúc đó vào nửa đêm, họ đứng ở Đại lộ Số sáu, anh đang ôm cô trong vòng tay của mình, bàn tay anh ôm chặt lấy người cô trong chiếc áo choàng hiệu Polo). “Em ơi. Hoặc là em yêu anh hoặc là không và em sẽ phải quyết định điều đó”.

Ôi, được thôi, cô đã quyết định rồi mà. Thật là dễ dàng quyết định theo tiếng gọi của tình yêu trên phố Bethune, theo ân huệ được tự hào thả bộ và khoa thân trên chiếc đệm cỏ trong một căn hộ tràn ngập ánh nắng ban mai giữa những chiếc ghế tạm thời, những áp phích quảng cáo du lịch Pháp, giá sách được làm bằng những miếng gỗ thừa xếp lại với nhau - một căn hộ mà chứa đựng một nửa của sự vui thú khi họ gần nhau là cảm giác giống như hôn nhân, và là nơi mà sau này, sau chuyến đi đến Tòa Thị chính Thành phố về, sau buổi lễ lấy chìa khoá trang trọng từ hai người bạn về, một nửa của sự vui thú khi được lấy nhau lại chính là cảm giác của chuyện yêu đương. Cô đã hoàn toàn ủng hộ việc đó, được thôi. Và tại sao lại không nhỉ? Chẳng phải đây chính là khái niệm tạm được gọi là tình yêu đầu mà cô được biết đến chẳng? Thậm chí ở mức độ lợi thế thực sự mà tình yêu đã mang lại sự hấp dẫn không thể từ chối: nó đã giải phóng cho cô khỏi sự chán nản đã trở nên chai sạn mà cô mặt khác đã phải đương đầu chỉ với tư cách là một sinh viên của trường kịch tốt nghiệp với lòng nhiệt tình vừa phải, có tài năng vừa phải; nó đã làm cô giảm độ hưng phấn với công việc văn phòng bán thời gian (“Cho đến khi chồng tôi tìm thấy một công việc mà anh ấy thật sự muốn làm”) để dành nhiệt huyết cho những cuộc tranh luận về sách, tranh và những thiếu hụt trong cá tính của một số người khác, cho việc cố gắng nhiều cách mới để làm tóc và những kiểu quần áo mới không đắt tiền (“Anh có thích đôi xăng đan này không, trông có *quê* quá không ạ?”) và dành hàng giờ liền thông thả đắm chìm trên chiếc giường đôi của họ. Nhưng ngay cả trong những ngày đó cô cũng đã tự cân bằng khi có việc xảy ra bất ngờ; cô luôn sẵn sàng bỏ đi khi cô bất chợt cảm thấy muốn (“Đừng có nói với em theo cách đó, Frank, nếu không là em *đi* ngay, em *nói thật* đấy”) hoặc khi mọi việc không ổn.

Và thế là đã có một sự việc trở nên trầm trọng. Theo như kế hoạch của họ, sẽ dần có một gia đình gồm bốn thành viên, nhưng lần mang thai con đầu sớm hơn bảy năm so với dự định. Đó là một sự cố, và giá mà anh hiểu cô hơn thì anh đã có thể tính được cô sẽ chấp nhận nó như thế nào và những gì cô có thể bất chợt cảm thấy thích làm điều đấy. Mặc dầu vậy, lúc trên đường về

nhà từ phòng khám trong một chiếc xe buýt tuyến ngọt ngào, anh hoàn toàn bị rơi vào trạng thái chán nản. Cô từ chối không nhìn mặt anh khi họ trên xe; cô mang trên mình một “*cái đầu*” bị sốc hoặc hoài nghi hoặc tức giận hoặc bốc lửa - “*cái đầu*” mà có thể có bất kỳ một trạng thái nào, hoặc là tất cả các trạng thái hoặc cũng không có bất kỳ một trạng thái nào, đó là tất cả những gì mà anh có thể cảm nhận. Đứng sát vào cô, mồ hôi chảy đầm đìa với quai hàm chết lặng đi và nụ cười dửng dưng, cố gắng nghĩ ra điều gì đó để nói, anh chỉ biết rằng mọi thứ đã ngoài tầm kiểm soát. Dù với bất kỳ một cảm giác nào khi bạn nghe thấy tin đã có bầu, cứ cho là đó là cảm giác thất vọng thay vì vui thích, chẳng phải đó là điều mà cả hai cần phải được chia sẻ hay sao? Vợ bạn sẽ không có ý định ngoảnh mặt lại với bạn, phải vậy không? Bạn cũng không cần phải hành động và phỉnh nịnh để lấy lòng vợ bằng những câu chuyện cười và những cái nắm tay, cứ như thể bạn sợ rằng vợ mình có thể tan biến vào chính khoảnh khắc hoà nhập đích thực đầu tiên của cuộc đời bạn - và nếu điều đó không thể đúng thì vấn đề ở đây sẽ là gì nhỉ?

Điều đó đã không xảy ra cho đến một tuần sau đó, khi anh về nhà và phát hiện ra vợ mình đang khoanh tay đi sừng sững trong căn hộ, đôi mắt xa xăm và vẻ mặt có một cái nhìn thật đặc biệt mà chắc hẳn cô đã quyết định một điều gì đó và giữ vững quan điểm không vì một sự nói càn nào.

“Frank, anh nghe này. Anh đừng có nói khi em chưa nói xong, anh hãy lắng nghe đã nhé”. Với giọng nói được kiềm chế một cách kỳ lạ, cứ như thể cô đã luyện bài diễn văn này nhiều lần rồi mà không cần phải thở trong lúc cô nói, cô nói với anh về một cô học trò ở trường kịch người đã biết, từ kinh nghiệm bản thân, một cách phá thai hoàn toàn không hề có một sai sót nào. Điều đó chỉ đơn giản là: bạn đợi cho đến thời điểm thích hợp, vào cuối tháng thứ ba; rồi bạn dùng một ống tiêm bằng cao su tiệt trùng và một chút nước tiệt trùng, và bạn rất cẩn thận...

Ngay trong lúc cảm giác ức chế chứa chất đầy ngực, anh biết rằng, đó không chỉ đơn thuần là tư tưởng đã làm anh khó chịu - Chúa mới biết được, điều đó còn lớn hơn cả một sự thu hút - nó chính là hành động mà cô đã tự quyết một mình, trong bí mật, mưu toan với một cô học trò, thăm thấu sự việc, mua ống tiêm cao su và luyện tập bài diễn văn; và rằng nếu cô đã nghĩ về anh thì cũng chỉ như nghĩ về một cản trở có thể có trong kế hoạch, một chướng ngại vật có thể gây phiền hà cần phải được loại bỏ và tống khứ nếu như sự việc bị diễn ra căng thẳng nhất. Đó là điều đã làm anh không thể chịu đựng nổi; nó đã làm cho giọng anh run lên vì bị xúc phạm:

“Ôi Chúa ơi, đừng có ngu xuẩn như vậy. Em muốn tự sát à? Anh không muốn nghe em nói về điều đó”.

Cô thở dài nhẫn nại. “Được thôi, Frank. Trong trường hợp này không cần anh phải nghe nữa. Em đã muốn nói với anh chỉ vì nghĩ rằng anh có thể giúp em. Đáng nhẽ em đã phải hiểu anh hơn rồi mới phải”.

“Nghe này. Hãy nghe anh. Nếu em làm chuyện ấy... nếu em làm chuyện ấy, thề có Chúa anh sẽ...”.

“Ôi, anh sẽ làm gì? Anh bỏ em? Liệu em có thể coi đó là một lời hăm dọa hay là một lời tuyên bố?”

Và thế là cuộc chiến diễn ra suốt đêm. Cuộc chiến đã làm cho họ rít lên, vật lộn và đâm vào ghế, nó trào ra khỏi căn hộ, xuống dưới cầu thang và tràn ra cả đường (“Hãy tránh xa tôi ra! Hãy tránh xa tôi ra!”); nó đã làm cho họ run lên vì sợ khi chạm vào hàng rào dây điện kéo căng của vũng nước bãi rác thải, cho đến khi kẻ say xin đến nhìn họ chăm chăm và làm cho họ muốn đi về nhà, thậm chí bây giờ anh vẫn còn cảm nhận thấy nỗi hoảng sợ và ngưng đọng về việc đã xảy ra, ngồi đây tựa người vào hàng cây với đàn muỗi đang bám vào cổ anh. Tất cả những thái độ đã cứu nguy cho anh, đã làm cho anh có thể gồng mình nhấc được tảng đá ra khỏi cái hố và chạy theo nó đang lăn ầm ầm xuống dốc với dáng vẻ của người có lòng tự trọng đầy phẩm giá và vững chắc, chính thái độ đó của anh đã làm anh chiến thắng ở ngày hôm sau. Ngày hôm sau, khóc trong vòng tay anh, cô đã cho phép mình lắng nghe lời can ngăn của anh.

“Vâng, em biết mà, em biết mà,” cô thì thầm vào lớp áo sơ mi của anh, “Em biết anh đã đúng. Em xin lỗi. Em yêu anh. Chúng ta sẽ đặt tên cho đứa trẻ là Frank và chúng ta sẽ đưa nó đến trường, cùng với tất cả những thứ khác nữa. Em hứa, em xin hứa”.

Và nay, điều đó, đối với anh, dường như là chưa bao giờ trong từng khoảnh khắc của cuộc đời anh đạt được sự nam tính hơn như thế, nếu cần thiết bất kỳ một bằng chứng nào thì: ôm trong vòng tay của mình một người con gái đã bị chế ngự, quy hàng, miệng luôn nói “Ôi, anh yêu; ôi, anh yêu,” trong khi cô hứa rằng cô sẽ sinh con cho anh. Trông tránh và chao đảo dưới sức nặng của tảng đá dưới ánh mặt trời, cuối cùng thì anh cũng thả nó xuống và

phủi đôi bàn tay đau nhức, anh cầm lấy cái xẻng và tiếp tục làm việc, trong khi quanh anh là giọng nói thánh thót và líu lo của bọn trẻ, như sự tra tấn trong thâm lặng của đàn muỗi.

Mình không thật sự muốn có con, anh nghĩ miên man theo nhịp của tiếng đào hố. Liệu đó có phải là điều tệ nhất không? Mình cũng chẳng thích có con hơn cô ta. Phải chăng điều đó không phải là sự thật, khi mọi thứ trong cuộc sống của anh nhìn từ quan điểm đó đã bị nối tiếp bởi những điều mà anh không thật sự muốn làm? Phải làm công việc ngớ ngẩn vô vọng đã chứng minh được anh là một người đàn ông có trách nhiệm như bất kỳ một người đàn ông có gia đình nào khác, chuyển đến sống ở một căn hộ thời thượng và có giá quá cao để chứng minh cho niềm tin chín chắn của mình được xếp đặt trong một trật tự và thể chất tốt, sinh thêm con để chứng minh đứa con đầu lòng của mình không phải là sự nhỡ nhàng, mua thêm một căn nhà ở nông thôn vì đây là một bước đi tiếp theo có logic và anh phải chứng minh được chính anh làm được điều đó. Chứng minh, chứng minh; và không có thêm bất kỳ một lý do nào khác rằng anh đã cưới một người phụ nữ mà bằng cách này hay cách khác luôn đặt anh vào tình trạng phải đối phó, người yêu anh khi anh tử tế, người sống theo cảm tính với những gì làm cô bất chợt thích và cũng là người có thể bất kỳ lúc nào - và đây là phần tồi tệ nhất - dù là đêm hay ngày có thể bất chợt muốn bỏ anh. Thật là lố bịch và cũng thật sự đơn giản như vậy.

“Bố lại phá đá ạ?”

“Không phải bây giờ,” anh nói, “Đây là một cái rễ. Bố nghĩ rằng, dẫu sao nó cũng quá sâu để đào. Nếu con tránh đường, bố sẽ cố cho tảng đá này vào chỗ đấy”.

Anh quỳ xuống, lăn viên đá vào chỗ nhưng nó lại không vừa. Nó lung lay và cao hơn 3 inches.

“Bố ơi, nó cao quá”.

“Bố biết rồi mà”. Anh cặm cùi bẫy hòn đá ra và bắt đầu chặt cái rễ cây, anh cố cắt nó bằng chiếc rìu, một cách vụng về. Nó chắc như là một cái sụn.

“Con yêu, bố nói là con không được đến gần. Con đang làm bụi mù lên đấy”.

“Con đang giúp bố mà”.

Jennifer trông như bị tổn thương và ngạc nhiên lắm, và anh nghĩ con anh chuẩn bị khóc. Anh cố gắng nói trầm giọng xuống và nhẹ nhàng. “Này, các con. Sao các con không tìm việc gì khác để chơi nhỉ? Các con có cả một cái sân rộng để chơi cơ mà. Thôi nào, con yêu. Thế này nhé. Bố sẽ gọi các con khi bố cần”.

Nhưng chỉ một phút sau chúng đã quay lại, ngồi sát cạnh nhau và nói chuyện rất khẽ. Hoa mắt lên vì sự cố gắng và mồ hôi làm anh mờ mắt, anh đứng giạng chân qua cái hồ, tay cầm cái xẻng thẳng đứng, trông như chiếc máy đóng cọc, nâng lên cao và hạ xuống thấp bằng tất cả sức mạnh của mình vào cái rễ. Anh xé rách tả tơi cái rễ, làm cho rễ lộ ra phần thịt trắng, âm ẩm, nhưng nó vẫn chưa bị đứt, nó không muốn bị đứt và nó đã làm cho bọn trẻ cười phá lên mỗi khi chiếc xẻng nảy và rung lên trong tay anh. Tiếng cười trẻ thơ mong manh của chúng, hình ảnh của làn da mềm như hoa tulip và hai mái đầu sáng rực trong nắng, dễ vỡ như vỏ trứng là một sự tương phản hoàn toàn với cảm giác của tiếng thép chát chúa và lõi cây bị giăng xé, và chính cảm giác này đã làm cho mắt anh cảm nhận thấy sự méo mó của sự thật. Trong giây lát, khi đẩy lưỡi xẻng xuống, anh nghĩ rằng anh nhìn thấy chiếc giày màu trắng của Michael bị trượt vào cái hồ. Ngay khi anh treo người và ném cái xẻng phát ra tiếng kêu lanh canh, anh biết rằng điều đó chưa xảy ra - nhưng rất có thể là nó đã xảy ra, đây mới là điều đáng nói - và cơn tức giận của anh bùng phát nhanh đến nỗi anh túm lấy thắt lưng của con, quay cho nó một vòng và phát thật mạnh vào mông đít của cậu con trai bằng bàn tay hộ pháp của mình, hai lần liền, bằng tất cả sự lo lắng rằng tai nạn có thể xảy và tiếng gầm thét phát ra từ giọng anh: “Ra khỏi đây, mau! Đi ngay!”

Nhảy lên và quay tròn, túm chặt lấy đít quần bằng cả hai tay, đột nhiên Micheal nhận thấy cơn thèm khóc của mình, và từ sau tiếng khóc ré lên lúc đầu, trong từng giây tiếp theo, không một âm thanh nào có thể phá vỡ được tiếng khóc lặng đi của Micheal. Mắt cậu bé nhắm tịt lại, miệng cậu gào to và dừng lại ở vị trí để cậu có thể thở được; và sau đó là tiếng khóc thét rên rĩ và ngượng ngùng. Jennifer nhìn em mình, mắt mở tròn, với hơi thở tiếp theo, khuôn mặt cô bé bắt đầu vẹo vọ và nhăn lại và cô bé cũng bắt đầu khóc.

“Bố đã nói với các con rằng,” anh giải thích cho con, tay anh vung vẩy. “Bố đã nói rằng sẽ có tai nạn nếu các con đến quá gần. Có phải vậy không? Có phải vậy không? Thôi được rồi. Đứng lên. Cả hai đứa”.

Chúng cũng không cần phải chờ được bảo như vậy. Chúng đã điềm tĩnh rời anh, đi ngang qua bãi cỏ, khóc và quay lại nhìn anh đầy trách móc. Trong giây lát anh hẳn đã có thể chạy theo con để xin lỗi, anh cũng có thể đã khóc cùng chúng nếu như anh không tự bắt mình phải nhặt chiếc xẻng lên và lại tiếp tục chặt vào cái rễ; và trong khi anh làm việc anh chuẩn bị một bản tóm tắt không lời, lo lắng theo cách tự bảo vệ mình. Khi thật, mình đã bảo các con, anh quả quyết với chính mình, và nay, đầu óc anh đã tĩnh tâm với thực tế. Con trai anh cho chân vào đúng chỗ anh đang làm, Chúa ơi. Nếu mình không kịp thời quay người thì chắc hẳn chân con anh đã, Chúa ơi...

Khi anh nhìn lên, anh nhìn thấy April ra khỏi cửa bếp và sang phía bên cạnh nhà, anh nhìn thấy lũ trẻ chạy theo cô và áp mặt vào chiếc áo của cô.

CHƯƠNG IV

Thế là đã là chủ nhật, phòng khách chìm trong âm thanh mệt mỏi phát ra từ tờ *Chủ nhật*, và dường như đã một năm nay Frank Wheeler và vợ anh không hề nói với nhau một câu nào. Cô đã đi biểu diễn phần hai và phần cuối của tác phẩm *Rừng hoá đá* một mình và vẫn tiếp tục ngủ trên ghế sofa.

Anh đang cố gắng thư giãn trong chiếc ghế bành, đọc lướt qua phần tạp chí *Thời báo*, trong khi bọn trẻ chơi một cách im lặng góc phòng và April đang rửa bát trong bếp. Anh đã lật qua cuốn tạp chí hơn một lần, đặt nó xuống, nhấc nó lên, và anh tiếp tục giở đến trang có hình quảng cáo một thời trang được chiếu sáng một cách có kỹ thuật, cỡ toàn trang với tiêu đề “Một bộ váy đầy nữ tính, thực sự hấp dẫn để mặc đi bất kỳ nơi đâu bạn muốn...” và chủ đề nói về một cô gái tự đắc, thân hình cao với bộ ngực và cái hông trong bộ váy mẫu thời trang, anh nghĩ, không thể hờ sâu hơn được nữa. Lúc đầu anh nghĩ trông cô ta giống một cô gái trong văn phòng anh tên là Maureen Grube; rồi anh cho rằng cô người mẫu này trông xinh hơn và có thể còn thông minh hơn. Mặc dầu vậy, có một sự giống nhau rõ ràng; và khi anh nghiên cứu về cô gái đầy nữ tính và thực sự hấp dẫn này, đầu óc anh rơi vào tình trạng mơ màng đắm đuối về thể xác. Ở buổi tiệc Giáng sinh vừa qua ở văn phòng, hoàn toàn anh không bị say như việc anh thể hiện, anh đã đẩy Maureen Grube dựa vào tủ file và hôn cô một cái hôn thật dài và mạnh mẽ.

Không hài lòng với bản thân mình, anh thả tờ báo xuống thảm và châm thuốc mà không nhận ra rằng có một điều thuốc khác, vẫn còn dài, đang cháy âm ỉ trong chiếc gạt tàn bên cạnh anh. Rồi, vì một buổi chiều rạng rỡ, bọn trẻ hoàn toàn im ắng và cuộc chiến với April đã lại một ngày nữa chìm vào trong quá khứ, anh đi vào bếp, ôm lấy khuỷu tay của vợ khi cô cúi cong người trong chiếc bồn rửa bát đầy bọt xà phòng.

“Nghe anh nói này,” anh thì thầm. “Anh không cần biết ai đúng ai sai hay toàn bộ vấn đề này là gì. Liệu chúng ta có thể gạt nó sang một bên và âu yếm nhau như những con người để thay đổi không khí không em?”

“Cho đến lần tới, anh muốn nói? Hãy làm cho mọi thứ trở nên tuyệt vời, thoải mái và ấm cúng cho đến lần tới? Em e rằng là không được, xin cảm ơn.

Em mệt mỏi với trò chơi này rồi”.

“Em không nhận thấy là em đã không công bằng với anh à? Em muốn gì ở anh?”

“Hai điều, tại thời điểm bây giờ. Em muốn anh bỏ tay ra và hạ thấp giọng xuống”.

“Liệu em có thể nói với anh một điều? Liệu em có thể nói với anh em đang làm cái quái gì thế?”

“Chắc chắn rồi. Em đang rửa bát”.

“Bồ ơi!” Jennifer nói khi anh quay trở lại phòng khách.

“Gì thế?”

“Bố đọc cho con truyện cười này nhé?”

Một lời đề nghị ngược ngạo và ánh mắt tin tưởng của chúng làm cho anh muốn khóc. “Xin sẵn sàng,” anh nói “Chúng ta cùng ra kia ngồi và cả ba chúng ta đọc truyện cười nào”.

Anh cảm thấy khó khăn để giữ cho giọng của mình từ cái cổ họng đặc kịt sang diễn cảm khi anh bắt đầu đọc to, với hai cái đầu tựa sát hai bên sườn và đôi chân bé nhỏ trải dài trên đệm ghế sofa, ấm nóng tựa vào chân anh. Chúng biết tha thứ là gì; chúng mong anh tốt hơn hay tồi tệ hơn; chúng yêu anh. Tại sao April không nhận ra được yêu thật sự là giản đơn và cần thiết? Tại sao cô lại phải làm rối tung mọi chuyện lên?

Rắc rối duy nhất là những câu chuyện cười dường như kéo dài mãi mãi; việc gỡ mỗi một trang sách lộn xộn và dày đặc đã làm cho công việc này không thể đi đến hồi kết thúc. Chẳng bao lâu, giọng anh trở nên đều đều, vội vàng và căng thẳng và đầu gối bên phải bắt đầu cảm thấy tê đi.

“Bố, bố bỏ qua một truyện cười”.

“Không, con yêu. Đó là lời quảng cáo. Con không muốn đọc chúng à?”

“Vâng, con muốn”.

“Bố cũng muốn”.

“Nhưng nó không phải là một câu chuyện cười. Nó là lời quảng cáo cho một loại thuốc đánh răng nào đó”.

“Bố cứ đọc đi ạ”.

Anh ổn định lại. Tất cả dây thần kinh ở chân răng dường như bện chặt với dây thần kinh ở chân tóc ngứa râm ran. “Được rồi,” anh nói. “Con nhìn này, ở bức tranh thứ nhất người phụ nữ này muốn nhảy với người đàn ông này nhưng anh ta không mời cô ta, và đây, ở bức tranh tiếp theo cô ta đang khóc và bạn cô ta nói rằng có thể lý do mà anh ta không muốn nhảy với cô ta vì hơi thở của cô ta không thơm, và ở bức tranh tiếp theo, cô ta đang nói chuyện với một bác sĩ nha khoa, và bác sĩ nói...”.

Anh cảm thấy như thể anh đang chết chìm một cách vô vọng vào chiếc đệm với những tờ báo và cơ thể của con anh, giống như một người đàn ông trong vũng cát lầy. Khi những câu chuyện cười cuối cùng cũng phải đến hồi kết thúc, anh vật lộn với bàn chân, thở hổn hển một cách thanh thản, và đứng đó trong vài phút ở giữa thảm, nắm thật chặt tay trong túi quần để dần lòng lại khỏi phải làm những gì mà dường như bất ngờ trở thành điều duy nhất trên thế giới này làm cho anh thật sự và thật lòng muốn làm; nhặt chiếc ghế lên và ném nó vào tấm biển quảng cáo.

Cuộc sống là cái quái gì thế này? Dưới sự xếp đặt của Chúa, những gì được coi là mục tiêu, ý nghĩa và mục đích cho một cuộc sống như thế này?

Khi chiều về, ngập chìm trong bia, anh bắt đầu mong chờ gia đình Campbell đến chơi. Thường thì điều này hay làm anh chán nản (“Tại sao chúng ta không bao giờ gặp ai khác? Anh có nhận ra rằng họ là những người bạn duy nhất mà chúng ta có?”), nhưng tối nay việc viếng thăm của họ lại là một sự hứa hẹn gì đó. Ít nhất là cô phải cười và nói trong khi họ có mặt; ít nhất là thỉnh thoảng cô sẽ phải mỉm cười với anh khi gọi anh “cung à”. Ngoài ra, không thể phủ nhận được rằng gia đình Campbell dường như đã làm cho họ đối xử với nhau một cách tốt nhất.

“Xin chào!” Họ chào nhau.

“Xin chào!... Xin chào!”

Cái âm thanh vui vẻ một từ này, được vang lên vào lúc tranh tối tranh sáng và được phát ra to hơn từ cánh cửa bếp của gia đình nhà Wheeler, là sự thể hiện truyền thống để bắt đầu một buổi tối giải trí. Rồi đến những cái bắt tay, những cái hôn nhả nhúm một cách trịnh trọng, những âm thanh mệt lử đáng yêu - “A-h-h”; “U-o-o” - muốn nói rằng đã vượt hàng dặm đường cát nóng bỏng để tìm thấy nơi nghỉ ngơi thoải mái này hoặc muốn nói rằng hơi thở đã được thả lỏng sau khi bị giữ chặt một cách khó khăn. Ở phòng khách, vừa nhấp rượu vừa nhả nhó khi tràn trề với những ngụm rượu lạnh đậm đầu tiên, họ kéo nhau vào khoảnh khắc ca tụng lẫn nhau; rồi họ ngập trong những tư thế khác nhau của sự chán nản được khống chế.

Milly Campbell thả giày xuống và lúng túng ném nó vào sâu trong đệm sofa, mắt cá chân để trên mông và khuôn mặt nhả nhúm trong nụ cười rất thể thao - đó không hẳn là một cô gái xinh xắn nhất thế giới, nhưng cũng có thể, dễ thương, nhanh nhẹn và hài hước khi có ở bên.

Bên cạnh cô, Frank trượt xuống dưới gáy cho đến khi chân anh vênh cao lên đến đầu. Đôi mắt anh như sẵn sàng cho việc mở màn những câu chuyện và đôi môi mỏng của anh đã hoàn toàn ở trong tư thế được uốn cong rất hóm hỉnh, cứ như thể anh đang phải ngậm một viên thuốc đắng, nhỏ ở trong lưỡi.

Còn Shep, oai vệ và đáng tin cậy, một sự ảnh hưởng vững chắc đối với mọi người, đã làm cho đầu gối bằng xương bằng thịt của anh phải dang rộng ra và làm cho chiết cà vạt bị nới lỏng bằng những ngón tay cơ bắp để thả lỏng cái cổ của mình thoải sức với những cơn cười.

Và sau rốt là đến lượt người cuối cùng, April đặt mình trong tư thế với vẻ tao nhã lơ đãng trong chiếc võng, thả đầu mình vào tám bạt và nhả ra làn khói thuốc hình xoắn ốc đầy vẻ quý phái và buồn bã. Họ đã sẵn sàng bắt đầu.

Đầu tiên, với sự ngạc nhiên và khuây khỏa của mọi người, dường như chủ đề tế nhị về nhóm diễn Laurel có thể nhanh chóng được chấm dứt. Một vài từ trao đổi thoáng qua và một vài tiếng cười thầm với cái đầu đung đưa, phản đối dường như thế là đã đủ quan tâm. Milly khẳng khẳng cho rằng buổi biểu diễn lần thứ hai tốt hơn buổi biểu diễn lần thứ nhất - “Em cho rằng ít nhất khán giả dường như... dù sao thì cũng đánh giá cao hơn, em nghĩ thế. Phải

vậy không anh?” Shep nói rằng cá nhân anh rất vui với điều tồi tệ đã qua; và April, người làm cho cái nhìn thoáng qua đầy lo lắng của mọi người trở lại, đã làm cho họ được thư giãn với một nụ cười.

“Để tạo ra một cụm từ mới”, cô nói, “Dù sao thì cũng đã rất vui. Chẳng phải thật sự là khủng khiếp khi có không biết bao nhiêu người nói như vậy tới qua hay sao? Tôi đã nghe những câu nói như vậy đến cả năm mươi lần rồi”.

Trong vài phút, buổi nói chuyện đã chuyển hướng sang bọn trẻ và bệnh tật (cậu con trai lớn của gia đình Campbell quá nhẹ cân và Milly lo rằng cậu bé có thể sẽ bị mắc bệnh về máu chưa rõ nguyên nhân, cho đến khi Shep nói dù con trai anh có đang chịu đựng bất cứ bệnh tật nào, nó cũng không thể làm yếu đi cánh tay ném của cậu), và từ đó đi đến thống nhất là trường tiểu học thực sự đã làm tốt, cân nhắc về việc một ban giám hiệu đối kháng đã được bầu ra, và từ đó nói về thực tế giá cả leo thang quá cao trong siêu thị. Khi tới bài “bài diễn văn” của Milly về sùng cừ, chính lúc đó, dấu hiệu của sự không thoải mái có thể nhìn thấy rõ tràn ngập căn phòng. Họ đổi chỗ ngồi, họ lấp đầy những khoảng trống kinh khủng bằng những cử chỉ xã giao, cẩn thận về việc rót thêm rượu, họ tránh không nhìn mắt nhau và cố tránh bàn về lĩnh vực không thể tranh cãi, gây hoang mang mà làm cho họ không có gì để nói. Đó là một kinh nghiệm mới.

Cách đây hai năm hay một năm gì đó, chuyện này không bao giờ có thể xảy ra, vì chẳng may nếu không có gì để nói thì cũng luôn có một chủ đề về tình trạng của quốc gia một cách thái quá. “Sao mà anh có thể yêu thích được việc kinh doanh của Oppenheimer này nhỉ?”, một trong số họ sẽ khởi xướng, và người khác sẽ tranh luận đến cùng với sự nhiệt huyết đầy cách mạng. Sự phát triển ung thư của Thượng nghị sĩ McCarthy đã đầu độc nước Mỹ, và với lượt rót rượu thứ hai hoặc ba họ bắt đầu có thể nhìn thấy chính bản thân họ như là thành viên của một tổ chức hoạt động ngầm có tri thức đang bị teo lại theo thể trận. Những trích đoạn trong tạp chí *Người quan sát* hay *Vệ sĩ Manchester* sẽ được nói đến và đọc to lên, với những cái gật gù đầy khâm phục và chậm rãi; Frank có thể nói về châu Âu với nỗi nhớ băng khuâng - “Chúa ơi, tôi ước ao là chúng tôi đã đến đó sống khi chúng tôi có cơ hội” - và câu nói này có thể sẽ dẫn đến rất nhanh một sự thèm khát muốn từ bỏ quốc tịch cho tất cả mọi người: “Tất cả chúng ta cùng đến đó!” (Một lần câu chuyện đi xa đến mức như buổi thảo luận thực sự cho một chuyến đi thực về giá tàu thủy, tiền thuê nhà và trường học, cho đến khi Shep, sau khi tỉnh táo xoay cốc cà phê, nói về những khó khăn khi kiếm việc ở nước ngoài.)

Và thậm chí, khi những vấn đề chính trị đã trở nên quá nhàm thì cũng vẫn còn chủ đề khó bàn nhưng hấp dẫn vô tận về *Tuân giáo*^[5], *Ngoại ô*, *Đại lộ Madison* hay là *Xã hội Mỹ ngày nay*. “Ôi, Chúa ơi,” Shep có thể bắt đầu, “Anh có biết về nhân vật hàng xóm nhà chúng tôi không? Donalson? Người mà luôn có những hành động ngớ ngẩn với động cơ điện và có thể nói suốt ngày về chủ đề chủng tộc của chuột và chào bán với giá mời mọc? Thật là, nghe này: tôi đã nói với anh về điều gì anh ta nói về cái hầm nướng của anh ta chưa?”. Và sau đó sẽ là những giai thoại về sự bảnh chọe vô cùng “ngoại ô” làm cho họ cười đến chết mệt.

“Ôi, em không thể tin được,” April khẳng khẳng. “Thật sự họ nói theo cách như vậy sao?”

Và Frank sẽ mở rộng chủ đề. “Vấn đề là nó sẽ không trở nên quá tồi tệ khi không quá đặc thù. Không phải chỉ có Donalson... mà cả Cramers cũng như vậy, anh gọi họ là gì nhỉ, Wingates và hàng triệu những người khác nữa. Tất cả bọn họ là lũ ngớ ngẩn mà anh phải gặp hàng ngày ở trên tàu. Thật sự là bệnh hoạn. Không ai nghĩ, cảm nhận và quan tâm nữa; không ai hứng thú hay tin vào bất kỳ điều gì trừ việc quan tâm đến những điều tầm thường quái dị thoả mái của riêng họ”.

Milly Campbell quần quai vì thích thú. “Ôi, thật quá. Điều đó có phải là sự thật không anh?”

Tất cả bọn họ đều đồng ý, và hàm ý hạnh phúc ở đây là họ, chỉ có bốn người, sống trong buồn phiền với nền văn hoá đang chết dần và mê muội. Nó được thể hiện trong hình hài của sự thách thức, trong sự hồi âm thăm dò của nỗi cô đơn và chính đó là ý tưởng thành lập ra nhóm diễn Laurel ngay từ những giây phút đầu. Milly đưa thông tin về một vài người mà cô ta gặp ở phía bên kia quả đồi đang cố gắng thành lập ra một nhóm kịch. Họ dự định sẽ tuyển một người quản lý ở New York và sáng tác ra những vở kịch nghiêm túc, nếu như họ đánh thức được sự quan tâm của công chúng. Ôi, việc đó không tốn kém lắm - Milly biết thế - nhưng cô ta lo lắng, do dự, nếu như nó có thể không thú vị. Lúc đầu, April có thái độ khinh khỉnh: “Ôi, Chúa ơi. Tôi biết những thứ nghệ thuật thủ công này mà. Sẽ có một người phụ nữ trong mái tóc xanh với chuỗi hạt gỗ một lần gặp Max Reinhardt và rồi sẽ có hai hay ba đàn ông đồng tính yếu ớt, được bao quanh là bảy cô gái với làn da xấu một cách hãi hùng”. Nhưng rồi một lời quảng cáo hấp dẫn đã xuất hiện trên một

tờ báo địa phương. (“Chúng tôi đang cần tuyển diễn viên...”); rồi gia đình nhà Wheeler cũng gặp gỡ mọi người, trong một buổi tiệc buồn tẻ, và họ phải công nhận mọi người, theo cách nói của April, chân thật. Trong kỳ Giáng sinh họ đã gặp chính người quản lý và công nhận với Shep rằng ông ta dường như là người biết mình đang làm gì, và trong vòng một tháng, tất cả bọn họ đã cam kết. Thậm chí Frank, trong khi từ chối một cảnh (“Tôi sẽ tệ lắm”), cũng đã giúp mọi người viết quảng cáo và đồ họa quảng cáo ở văn phòng của anh, và cũng chính Frank nói một cách hoàn toàn hy vọng về khả năng triết học và xã hội học được đề cập đến ở tác phẩm. Nếu thật sự một nhà hát cho cộng đồng được thành lập ở đây, liệu đó có phải là một bước đi đúng đắn không? Chỉ có Chúa mới biết được họ có thể sẽ chẳng bao giờ truyền được cảm hứng cho nhà Donalsonk - và ai quan tâm cơ chứ? - nhưng ít nhất là họ cũng cho nhà Donalson một điểm dừng; họ có thể chỉ cho nhà Donalson một cách sống không chỉ quan tâm đến đoàn tàu, Đảng Cộng hoà và hầm nướng thịt. Ngoài ra, họ có gì để phải mất đâu?

Dù gì đi nữa thì họ cũng đã thất bại rồi. Đổ lỗi cho sự không thành công của nhóm diễn Laurel có thể hầu như không đánh lừa được tờ *Tuần giáo*, *Ngoại ô* hay *Xã hội Mỹ ngày nay*. Làm sao mà những câu chuyện cười có thể kể cho hàng xóm của họ nghe được khi chính những người hàng xóm này đã ngồi xem và toát cả mồ hôi trong khu vực khán giả? Donaldsons, Cramers, Wingates và tất cả những người khác nữa, họ đều đi xem *Rừng hoá đá* với một tấm lòng chân thật, rộng lượng đáng ngạc nhiên và rồi để bị thất vọng hoàn toàn.

Milly đang nói về chuyện làm vườn, về khó khăn trong việc trồng một bãi cỏ màu mỡ trên Đồi Cách mạng, và mắt cô mờ dần vì hoảng sợ. Giọng cô là âm thanh duy nhất trong căn phòng khoảng trên dưới mười phút, và nó vẫn tiếp tục. Cô dường như đã nhạy cảm nhận ra điều này, nhưng cô cũng biết rằng nếu cô cho phép mình dừng lại thì ngôi nhà sẽ ngập chìm trong một sự im lặng dày đặc như nước, một sự im lặng như một cái ao rộng và sâu không thể tưởng tượng được mà cô sẽ hì hụp và chết chìm trong đó.

Chính Frank đã đến và giải cứu cho cô. “Nghe này, Milly. Cô có biết *seecham* là cái gì không? hoặc *beecham*? Một loại cây à?”

“Seecham,” cô ta nhắc lại, làm ra vẻ đang nghĩ, đỏ mặt vì biết ơn lộ trên khuôn mặt mềm mại của cô. “Tôi e rằng tôi không biết, Frank. Dù sao tôi có thể tra nó cho anh. Chúng tôi có sách ở nhà”.

“Thôi, không thật sự cần phải như vậy đâu,” anh nói. “Chỉ vì cô Givings - vợ vẫn - qua đây ngày hôm qua với một cái hộp to đựng cái... điên rồ này”.

“Cô Givings!” Milly kêu lên trong niềm vui bất ngờ khi nhớ được ra điều gì đó và cảm thấy mình nổi bật hẳn lên. “Ôi, Chúa ơi, tôi thậm chí còn chưa nói với mọi người về điều đó! Tôi nghĩ rằng thậm chí tôi còn chưa nói với Shep, phải vậy không anh? Về cậu con trai của họ? Thật là phi thường”.

Cô ta lại dừng lại, nhưng hoàn toàn độc thoại trong một hoàn cảnh hoàn toàn khác hẳn: mọi người đang lắng nghe. Sự khẩn cấp trong giọng nói, cách hăm hở cô ngả người về phía trước để kéo mạnh chiếc váy juýp xuống đầu gối đã có nếp nhăn đã làm tất cả họ phấn khích với lời hứa hẹn có một chủ đề mới, và Milly nhăm nháp việc giành được khán giả, không để cho việc tiết lộ được nói ra càng chậm càng tốt. Trước tiên, gia đình Wheeler có biết là bà Givings có một cậu con trai không?

Đương nhiên là họ biết rồi; và Milly ngồi gật gù một cách thông thái, cho phép mình được nói ngất quăng, trong khi họ nhắc nhở nhau về một người thủy thủ gầy gò cười toe toét trong bức ảnh để trên bệ lò sưởi ở gia đình cô Givings trong lần họ đến đó ăn cơm tối; họ nhớ lại lời cô Givings giới thiệu đây là John, người ghét cay ghét đắng hải quân, đã làm những điều tuyệt diệu ở M.I.T[6] và hiện nay đang thật xuất sắc với chức vị là người hướng dẫn toán ở trường đại học miền Tây nào đó.

“Thật ra,” Milly nói, “Cậu ta hiện nay không dạy toán nữa, và cậu ta cũng không ở miền Tây. Mọi người có biết cậu ta đang ở đâu không? Mọi người có biết nơi mà cậu ta sống trong suốt hai tháng qua không? Cậu ta đã ở đây, Greenacres,” cô thêm vào, khi mọi người nhìn ngây ra. “Ở bệnh viện bang. Ở bệnh viện tâm thần”.

Thế là ngay lập tức họ bàn bán xôn xao, xích lại gần nhau và bồn chồn trong làn khói thuốc; trông hoàn toàn giống như thời xa xưa vậy. Chẳng phải đây là điều buồn nhất, định mệnh và kinh khủng nhất hay sao? Liệu Milly có chắc về điều cô đang nói không?

Ồ, tất nhiên rồi, cô ta hoàn toàn chắc chắn. “Và còn gì nữa nhỉ,” cô ta tiếp tục, “cậu ta không đi thẳng đến Greenacres. Cậu ta bị cảnh sát liên bang đưa về đây rồi tổng cậu ta tới đó”.

Một bà tên là Macready, người giúp việc bán thời gian cho bà Givings đã kể cho Milly mới chỉ hôm qua toàn bộ câu chuyện, ở trung tâm mua bán, và thật không thể tin được là cô không được biết tin này từ trước. “Bà ta nói bà ta nghĩ rằng đến giờ chắc hẳn mọi người đã nghe tin này. Dù sao đi nữa, chị biết đấy... có lẽ cậu ta bị căng thẳng về tinh thần trong một thời gian dài. Bà ta nói họ gần như phá sản vì phải chữa trị cho cậu ta ở viện điều dưỡng tư nhân ở California; Cứ mỗi lần đến viện điều dưỡng là cậu ta ở lại hàng tháng trời và rồi lại ra viện - tôi nghĩ, có thể là cậu ấy đi dạy - và sau đó lại vào viện. Và rồi cậu ta hình như khá ổn trong một thời gian dài, cho đến khi cậu ta bất thành linh bỏ việc và biến mất. Rồi cậu ta lại xuất hiện, không hề có một sự báo trước nào, lao về nhà như một con sóc và bắt giữ họ trong vòng ba ngày”. Bà giúp việc cười khúc khích một cách khó khăn vì cụm từ “bắt giữ” nghe có vẻ quá cường điệu để thể hiện hiện thực. “Đó là những gì bà Macready nói. Tôi muốn nói rằng, có thể anh ta không có súng hay dao hay bất cứ một thứ gì khác, nhưng chắc chắn anh ta đã làm cho họ sợ gần chết. Đặc biệt khi ông Givings quá già và đang có vấn đề về tim mạch. Những gì cậu ta làm là nhốt họ lại, cắt đường dây điện thoại và nói rằng cậu ta sẽ không đi cho đến khi họ đáp ứng cái cậu cần, cậu sẽ nói những gì đã làm cho cậu đến đây. Trước tiên cậu ta đòi giấy khai sinh, thế là họ lục khắp trong đồng giấy tờ cũ cho đến khi họ tìm thấy và đưa tờ giấy đó cho cậu, và cậu ta xé nó đi. Sau đó cậu ta đi đi lại lại trong phòng, vừa đi vừa nói - gầm rú lên - tôi đoán thế - và đập phá. Đồ đạc, tranh treo tường, bát đĩa - mọi thứ. Đúng lúc đó bà Macready đến làm việc và cậu ta cũng nhốt bà ta lại luôn - đấy là lý do tại sao mà bà Macready phát hiện ra - và tôi đoán là bà ta đã bị nhốt ở trong đó khoảng mười giờ trước khi bà ta thoát ra ngoài ga-ra. Rồi bà ta gọi cảnh sát bang, họ đã đến đưa cậu ta tới Greenacres”.

“Ôi, Chúa ơi,” April thốt lên. “Cảnh sát bang á. Thật kinh khủng quá”. Và tất cả họ đều gật đầu đồng ý một cách trịnh trọng.

Shep có vẻ như nghi ngờ về tính trung thực trong lời kể của người giúp việc - “Rốt cuộc, toàn bộ sự việc mới chỉ là tin đồn” - nhưng những người khác phủ nhận điều anh nói. Dù là tin đồn hay không thì đó cũng là cả một sự thật không thể nhầm lẫn được.

April chỉ ra ý nghĩa của những lần ghé thăm muộn mà gần như vô nghĩa: “Đó là điều khôi hài nhất. Em luôn có cảm giác là bà ta muốn cái gì đó hay nói với chúng ta điều gì đó nhưng lại không thể cất nên lời... anh có cảm

thấy như vậy không?” (Đến lúc này cô quay về phía chồng, nhưng hoàn toàn không nhìn vào mắt chồng và hoàn toàn không có từ tán thán kèm theo, ví dụ như “anh yêu” hay thậm chí là “Frank”, điều lấp đầy trái tim anh hy vọng. Anh dồn hết tâm lực để đoán rằng anh đã nhận được những điều đó ở cô.) “Chúa ơi, thật là buồn quá”. April nói. “Bà ta dường như muốn nói về điều đó lắm hoặc cũng là để thăm dò chúng ta đã biết được những gì, hoặc là một điều gì đó”.

Milly, thư giãn thoải mái, muốn khám phá sự việc theo quan điểm của phụ nữ. Một người mẹ sẽ cảm thấy như thế nào khi biết rằng đứa con duy nhất của mình bị rối loạn thần kinh? Shep giật mạnh cái ghế, kéo nó đến gần Frank, bỏ qua hai người vợ, dồn hết tâm trí vào cuộc tranh luận thực tế và thẳng thắn về những khía cạnh có thật. Việc này là gì? Liệu một đảng mày râu có thể bị ép tống giam vào nhà thương điên như vậy được chẳng? Chẳng phải điều này nghe có vẻ như có gì đó ám muội, nhìn từ quan điểm pháp luật?

Frank bắt đầu nhận thấy nếu tiếp tục để câu chuyện phát triển theo chiều hướng này thì sự thú vị của chủ đề chẳng mấy chốc sẽ tan biến; nếu không có sự thú vị này thì tối nay có thể sẽ biến dạng thành một kiểu giết thời gian quen thuộc của những người tinh lẻ, chính là kiểu tiêu khiển vào buổi tối của gia đình Donalson, Wingates và Cramers trong đó phụ nữ tư vấn cho phụ nữ về món ăn và quần áo và đàn ông ngồi lại với nhau để đàm đạo về công việc và ô tô. Thậm chí Shep có thể nói, “Frank, công việc của anh thế nào?” theo cách thân tình nhất, cứ như thể Frank không nói rõ, đã nhiều lần rồi, rằng công việc là phần ít quan trọng nhất trong cuộc đời anh, không bao giờ được đề cập đến ngoại trừ việc đề cập đến nó một cách châm biếm. Nó chỉ là thời gian dành cho hoạt động.

Anh uống một ngụm thật sâu, ngả người về phía trước, cao giọng đủ để loại bỏ ý định nghi ngờ và tập trung vào nhóm. Có thật như vậy không, anh hỏi, một câu chuyện điển hình hay ho vào thời điểm này và tại nơi này? Một đảng nam nhi có thể huênh hoang, đập tan nát và vật lộn với cảnh sát bang, trong khi những bình phun nước vẫn quay tít vào lúc chạng vạng tối trên những bãi cỏ và vô tuyến vẫn bật đều đều ở mọi phòng khách. Đứa con duy nhất của người phụ nữ về nhà trong tình trạng mất trí, dẫn vật mình với Chúa chỉ để cảm nhận được sự đau đớn tột độ về thể xác và tinh thần của nỗi buồn và tội lỗi trong khi bản thân mình đang bận rộn với những công việc của bảng chia vùng, những lời chào ríu rít nhỏ nhoi với hàng xóm và những cái

hộp cát-tông đựng đầy cây cỏ trồng trong vườn.

“Tôi muốn nói về sự suy đồi,” anh tuyên bố, “một xã hội có thể suy tàn như thế nào? Hãy nhìn theo cách này nhé. Đất nước này có thể là thủ đô phân tâm học và tâm thần học của thế giới. Chính ngay với bản thân Freud[7] lão luyện cũng có thể chưa bao giờ mơ tưởng tới một mớ nguyên tắc đã được công hiến nhiều hơn cả dân số của Hợp chủng Quốc - điều đó không đúng sao? Toàn bộ nền văn hoá tồi tệ của chúng ta đang hướng về điều đó; nó là một tôn giáo mới; nó là mật ngọt tinh thần và tri thức cho mọi người chúng ta. Và với tất cả điều đó, hãy xem những gì diễn ra khi một đảng nam nhi thật sự đánh vào đầu mình. Hãy gọi cảnh sát, cho hắn ra khỏi đây, bắt hắn và nhốt hắn vào trước khi hắn kịp làm hàng xóm thức giấc. Vì Chúa, khi sự việc dẫn đến ván bài cuối cùng thì chúng ta vẫn còn đang ở thời Trung cổ. Cứ như thể là mọi người đã ngầm đồng ý với nhau sống trong một tình trạng luôn tự dối mình. Đây chính là địa ngục của sự thật! Hãy sống với một mớ toàn những con đường lộng gió nhỏ bé đáng yêu và những ngôi nhà nhỏ bé đáng yêu được sơn màu trắng, màu hồng và màu xanh bé thơ; hãy là những người tiêu dùng tốt, có rất nhiều Cảm giác Đồng điệu và làm cho con mình được tắm trong tình cảm - Bố là người đàn ông tuyệt vời vì bố đã làm ra tiền, mẹ là một người phụ nữ tuyệt vời vì mẹ đã bị chết kẹt với bố trong nhiều năm qua - và nếu một thực tế cũ rích bất chợt bùng lên và thốt lên lời tán thán thì tất cả chúng ta đều trở nên bận rộn và giả vờ như nó chưa bao giờ xảy ra”.

Đó là một loại bột phát mà thường thì thẳng được sự đồng tình âm ỉ, hoặc ít nhất cũng làm cho Milly kêu lên, “Ôi, điều đấy đúng quá!” Nhưng dường như nó không có một tác động nào. Ba người trong số họ ngồi lắng nghe anh một cách lịch sự trong lúc anh nói, và khi anh dừng lại thì trông họ hoàn toàn yên tâm, giống như những học sinh ở cuối buổi học.

Anh chẳng biết làm gì ngoại trừ việc đứng lên đi thu cốc và lui ra bếp, nơi anh thường hay nóng nảy vụng mạnh và đập cái khay đá. Cửa sổ phòng bếp màu đen đã phản chiếu khuôn mặt anh, tròn, thể hiện nhiều sự yếu ớt, và anh nhìn chằm chằm với sự căm ghét. Đó chính là lúc anh nhớ về một điều - suy nghĩ đó dường như theo sau thay vì đến trước cái nhìn bị tác động được thể hiện ở khuôn mặt được phản chiếu - một điều gì đó đã làm anh bị sốc và rồi lại lấp đầy trong anh một cảm giác công bằng châm biếm. Khuôn mặt trên gương, lại một lần nữa dường như đoán trước được thay vì phản ánh được tâm trạng anh, nay đã thay đổi từ cái nhìn thiếu can đảm sang một nụ cười

thông thái và cay đắng, và nó đã gật đầu với anh nhiều lần. Rồi anh lại bận rộn với đồ uống, lo lắng quay trở lại với mọi người. Điều mà anh đã nhớ ra là, dù là bất kỳ điều gì khác nữa đi nữa nó có thể hàm ý, thì cũng là điều gì đáng nói.

“Tôi vừa nghĩ ra một điều,” anh tuyên bố, và tất cả họ đều nhìn lên. “Ngày mai là sinh nhật tôi”.

“Thế đấy!” Vợ chồng Campbell cùng thốt lên với âm thanh chúc mừng mệt mỏi.

“Tôi sắp ba mươi tuổi. Mọi người có thể đếm được không?”

“Khỉ a, đương nhiên là tôi có thể đếm,” Shep nói, người đã ba mươi hai tuổi và Milly, ba mươi tư tuổi, đang phải tằn thuốc ở vạt áo.

“Không, nhưng ý tôi là thật là hài hước khi chúng ta không còn ở độ tuổi của những năm hai mươi nữa,” anh nói, trong lúc ổn định lại chỗ ngồi trên ghế sofa. “Nó là một giai đoạn - mọi người biết rồi đấy - kết thúc một kỷ nguyên hay là một cái gì đại loại như thế. Tôi không biết nữa”. Anh đã say; anh đã thật sự say rồi. Trong vòng một vài phút tiếp theo anh tiếp tục nói những điều còn ngớ ngẩn hơn thế, và nhắc lại với chính mình - anh biết điều đó, và sự tuyệt vọng khi biết về điều đó làm cho anh nói nhiều hơn.

“Các lần Sinh nhật,” anh vẫn đang nói. “Thật là hài hước khi tất cả chúng đều chạy ập đến với mình mỗi khi mình nhìn lại. Tôi nhớ một trong những lần sinh nhật có một sinh nhật tồi tệ khi tôi hai mươi tuổi”. Và anh bắt đầu kể cho họ anh đã có sinh nhật như thế nào, hoặc một phần của buổi sinh nhật, bị kẹt chặt bởi súng ống, mô-tơ của tuần cuối cùng của chiến tranh. Một phần trí nhớ nghiêm túc lạnh lùng của anh biết rằng tại sao anh lại làm thế: vì câu chuyện hài hước về quân đội và chiến tranh đã hơn một lần trở thành sự cứu nguy cuối cùng cho buổi tối với gia đình nhà Campbell. Không có gì làm cho Shep cảm thấy thích thú hơn, và mặc dầu những cô vợ có thể cười sai chỗ và van nài hóm hỉnh, họ sẽ chẳng bao giờ tìm hiểu sự quan tâm và lòng chung thủy của đàn ông, không thể từ chối khi họ lắng nghe với khuôn mặt rục rờ và sáng lên với tình cảm lãng mạn. Một trong những đêm đáng nhớ của nhóm tình bạn này, thực tế đã được diễn ra với một loạt các sê-ri về những câu chuyện trong quân đội đã được đạo diễn khéo léo và đạt được đỉnh điểm của sự phấn khích ở tiếng gầm lên của bài hát giọng nam. Shep

Campbell và Frank Wheeler, hớn hờ hân hoan cười nói, toát mồ hôi và đắm chìm trong sự ngưỡng mộ ngái ngủ của những bà vợ, đã nắm những nắm tay của mình theo phách duyệt binh vào bàn uống cà phê và rống lên, lúc ba giờ sáng:

“O, o, o...”

Christ Almighty, ngăn nắp, trốn tránh

Chúng ta là quái quỷ gì đây nhỉ?

Chết tiệt, toàn chuyện tào lao

Chúng ta là những đứa trẻ sơ sinh...”

Và anh kể những giai thoại của mình, cẩn thận và hay nhất có thể, sử dụng tất cả những mảnh khoé để tự chế giễu mình một cách hài hước đến nỗi dẫn đến hình thành tính cách về sự hồi tưởng quân đội trong những năm qua. Sự hồi tưởng không chấm dứt cho đến khi anh kể đến phần “...vì thế tôi hích cái cậu đứng cạnh và nói “Này, hôm nay là ngày bao nhiêu nhỉ?” làm cho anh bắt đầu thấy không dễ dàng nữa và cũng là vì đã quá muộn rồi. Không có gì để làm ngoài việc phải kết thúc: “Và thế là hoá ra hôm nay là sinh nhật tôi”. Anh biết rằng anh đã kể câu chuyện này với gia đình nhà Campbell trước đó, dùng hầu hết là vẫn những từ ngữ đó, chắc hẳn đã cách đây một năm rồi kể từ khi anh kể ra, có mối liên hệ với năm anh hai chín tuổi.

Cả hai vợ chồng Campbell đã thể hiện sự thích thú với tất cả sự tận tâm, Shep kín đáo nhìn đồng hồ. Nhưng phần tồi tệ nhất - phần tồi tệ nhất của toàn bộ ngày nghỉ cuối tuần, nếu như không nói đến việc xác định ngày tháng của cuộc đời anh - là cách April nhìn anh. Anh chưa bao giờ nhìn thấy cái nhìn chăm chăm toát lên vẻ chán nản đáng thương trong đôi mắt của cô.

Anh bị ám ảnh suốt đêm, trong khi ngủ một mình; và nỗi ám ảnh vẫn còn đó vào buổi sáng, khi anh nuốt ngum cà phê và lúi ra lúi đi trong chiếc Ford cũ kĩ nhàu nát mà anh dùng cho việc ra nhà ga để đi làm. Trên đường đi làm, một trong những hành khách khoẻ mạnh nhất và trẻ nhất trên tàu, ngồi lặng với vẻ mặt của một người đàn ông bị ép buộc một cái chết không đau đớn, đến từ từ. Anh cảm thấy như mình đã ngoại tứ tuần rồi.

CHƯƠNG V

Kiến trúc của toà nhà Knox không lãng phí một chút thời gian nào trong việc cố gắng làm cho nó trông cao hơn hai mươi tầng, và kết quả là trông nó thấp hơn. Họ cũng không thêm dành thời gian làm cho nó đẹp lên nữa, vì thế nó trông rất xấu: lẻo khoẻo và mái bằng, cái mái đua ra màu lục hạt đậu hẹp thò ra như cái môi của cái cốc đã được đóng đinh. Nó đứng đó trong sự nhàm chán thích hợp với phía dưới khu vực giữa thành phố, và từ chính ngày khánh thành toà nhà, vào đầu thế kỷ, rõ ràng là nó đã được định mệnh gắn chặt với nơi hỗn độn khói thuốc của vô số những hình hài thẳng đứng, trong những bức ảnh chụp từ trên không, mà những toà nhà hùng mạnh của New York đã hiện ra và mọc lên.

Nhưng, với tất cả sự giản dị, toà nhà Knox mang trên mình một chất lượng phù hợp với quan niệm của số đông. Nếu nó thiếu vẻ trang trọng thì ít nhất nó có kích thước; nếu nó không có vẻ to lớn khác thường thì chắc chắn cũng không có những dáng vẻ phù phiếm; nó là một toà nhà dành cho thương mại.

“Nó đây rồi, Frank”, Earl Wheeler nói với con trai vào một buổi sáng mùa hè năm 1935. “Đi thẳng về phía trước. Đó là toà Nội thất văn phòng nhà. Con nên để bố dắt tay, đây là nơi qua đường nguy hiểm...”.

Đó là lần duy nhất Frank được bố đưa đến New York, và nó đã trở thành điều đáng chú ý và vui mừng nhất hàng tuần liền mà dường như, trong sự hồi tưởng, đó là thời gian duy nhất bố anh có thể đã từng được mô tả là vui tính. Trong thời gian đó, cụm từ khó hiểu “Oat Fields” đã được bố anh nhắc đến nhiều lần trong cuộc nói chuyện trên bàn cơm tối, cùng với những chủ đề “New York” và “Nội thất văn phòng nhà”, và thường xuyên được nhắc lại làm cho mẹ anh phải thốt lên “Ồ, thật tuyệt, anh Earl,” và “Ồi, em thấy vui quá”.. Frank dần dần luận ra được là cái thuật ngữ “Oat Fields” không có gì liên quan đến tin đồ phái Quây-co[8] mà thực chất nó là tên gọi kỳ cục của một người đàn ông - Ông Oat Fields - một người đàn ông không chỉ có một khuôn người quá khổ (“Một trong những người to nhất của Nội thất văn phòng nhà”) mà còn là người có đầu óc tinh khôn. Và chắc chắn là anh không thu nạp những thông tin này vào đầu trước khi nó được mẹ anh giải thích, với một vài tin đáng ngạc nhiên. Ông Oat Fields biết ông Earl Wheeler

có một cậu con trai mười tuổi, đã mời cậu con trai đó cùng với bố cậu đến thăm Nội thất văn phòng nhà. Bố và con là khách mời của ông Fields vào bữa tiệc trưa (đây là lần đầu tiên anh từng nghe thấy mẹ anh nói từ tiệc trưa thay cho bữa trưa), sau đó ông Fields sẽ đưa họ đi chơi bóng ở sân vận động Yankee. Trong một vài ngày sau đó, tình trạng hồi hộp đã tăng lên nhưng không thể chịu đựng nổi cho đến khi nó dường như có thể phá hỏng mọi thứ vào buổi sáng của chuyến đi: anh gần như nôn ra hết bữa sáng vì căng thẳng và say tàu trong chuyến đi ra thành phố, và có thể cũng đã bị nôn ngay trong taxi nếu như họ không ra khỏi xe để đi bộ qua một vài toà nhà cuối cùng trong không khí trong lành; nhưng với việc làm tiêu tan những suy nghĩ u ám trong đầu anh khi họ thả bộ, dường như tất cả mọi thứ đều bắt đầu ổn trở lại.

“Kia rồi,” bố anh nói khi họ sang đường. “Nào, bây giờ thì đây là tiệm cắt tóc, nơi mà chúng ta sẽ vào cắt tóc trong vòng một phút, và đây là tàu điện ngầm - con xem này, sao họ lại xây dựng được công nhà ga tàu điện ngầm ngay trong chính toà nhà được nhỉ?” - Và xem kia, đây là phòng trưng bày. Những chiếc cửa sổ chạy theo chiều dài của toà nhà, ngay từ đây. To hơn nhiều so với phòng trưng bày cũ kĩ xinh xắn ở nhà con nhỉ? Và đây nữa - đây là một vài sản phẩm mà chúng ta làm. Đây là máy chữ, tất nhiên, địa chỉ và máy tính tiền và một vài những thứ khác nữa trong hệ thống lưu trữ, và kia là một máy tính kế toán mới đặt ở góc phòng đằng kia; nhìn đây nữa này, ở cửa sổ tiếp theo. Đây là những máy đục lỗ thẻ. Cái đồ to kia là một thiết bị của máy chữ, cái đồ nhỏ cạnh đó là máy phân loại. Khi con xem hướng dẫn của đĩa trẻ kia, thì thật sự đây là một sự trưng bày đáng nhìn. Một anh chàng mang cái bàn có thể cần đục lỗ, chồng chúng lên nhau, đặt chúng vào đó và ấn nút, và những cái thẻ cũ chạy qua đó với một tốc độ lớn”.

Nhưng mắt của Frank cứ miên man lơ đãng nhìn từ những chiếc máy đến hình phản chiếu riêng anh trong tấm gương. Anh nghĩ trông anh thật ấn tượng một cách ngạc nhiên trong bộ đồ mới, với chiếc áo choàng và cà vạt hoàn toàn giống như cha anh, nó đã làm anh hài lòng khi anh nhìn thấy hình ảnh tươi sáng của hai bố con, một người đàn ông và một cậu bé, cùng với số đông người vô tận đi qua họ trên lối đi bộ phía sau họ. Sau một phút, anh lùi lại vài bước và nhìn thẳng lên, cho đến khi cổ áo của anh bị kẹp và cổ, và rồi... Wow! Giá mà anh công nhận anh đã hy vọng nhìn thấy một toà nhà chọc trời, nhưng phút cuối cùng của sự thất vọng đã tan biến với cái nhìn lâu như thế này. Cao nữa và cao nữa và cao nữa những tầng lớp cửa sổ hiện ra, càng lên cao thì càng bé hơn và rút gọn so với những cửa sổ ở phía dưới, cho đến khi những rầm đờ và ngưỡng cửa chưa bao giờ trở nên hẹp đến như thế

hoà vào với nhau. Hãy tưởng tượng rơi từ chính tầng trên cùng xuống! Rồi anh nhìn thấy cái mái đua ra cao títt đang di chuyển một cách chậm chạp và vững chắc về phía bầu trời - toà nhà đang rơi trên chúng - nhưng không có thời gian để hoảng sợ trước khi anh kịp nhìn thấy sai lầm của mình: chính bầu trời đang di chuyển, mây trắng đang bay qua gờ của mái nhà, và trong chốc lát, đầu óc anh tập trung vào thực tế là anh cảm thấy sự rùng mình đáng ngạc nhiên lạnh đến tận xương sống, tràn ra cả sức mạnh của nền đá granitô rộng lớn và sự im lặng của cả toà nhà. Wow!

“Toàn tập, phải không con?” Bố anh đang nói. “Chúng ta hãy đi cắt tóc nào, rồi chỉnh sửa lại và đi vào trong. Chúng ta chuẩn bị đi thang máy để lên đến tận tầng thượng của toà nhà”.

Nhưng khi mọi việc diễn ra thì khoảnh khắc đầu tiên trên lối đi bộ mới là thời gian đặc biệt trong ngày. Tiệm cắt tóc thể hiện rất lịch sự, hành lang bằng đá cẩm thạch nhợt nhạt phát ra những tiếng vang, nơi bốc mùi xì gà, rồi thì ô, mùi nước hoa phụ nữ, rồi từ đó sự thú vị của ngày bắt đầu thu dần dần nhỏ lại. Thang máy không hề mang lại cảm giác đang bay, duy nhất một điều, đó là cảm giác bị giam cầm và buồn nôn. Khi vào đến văn phòng, trên tầng thượng, anh chỉ nhớ được đây là một mẫu Anh gồm toàn đèn sáng trắng và một người phụ nữ rất gầy có chiếc áo đục lỗ để hở ra số đo khủng khiếp của những chiếc dây mà chắc chắn là chúng sẽ được nối với đồ lót của bà ta - người gọi anh là Sonny - chỉ cho anh cách sử dụng cây nước nóng (“Nhìn này, Sonny, những bong bóng nước nổi lên khi cô ấn nút - thế là nước ra rồi - chẳng phải là thú vị hay sao? Đây, con thử đi”); và anh sẽ không bao giờ quên được sự khiếp đảm ngay tức thì khi anh nhìn ông Oat Fields, nếu không phải là người to nhất thì cũng phải là người béo nhất anh từng thấy. Cặp kính của ông Oat Fields phản chiếu những hình ảnh đập ngay vào mắt của bóng đèn văn phòng, để bạn không thể biết được mắt ông ta như thế nào trong khi nói chuyện với ông ta, ông ta nói với giọng rất thấp và dường như không lắng nghe câu trả lời của người nói chuyện.

“Nào, chẳng phải cháu là một cậu bé to lớn hay sao! Tên cháu là gì? Hừ! Cháu có thích đi học không? Được rồi, tốt thôi. Cháu có thích bóng chày không? Hừ?”

Phần tồi tệ nhất của ông ta là cái miệng, nó ướt đến nỗi mà một tá những dây nước bọt bám chặt và rung lên giữa cái môi đang di chuyển; và chính điều này, cũng nhiều như những điều khác đã cản trở sự thích thú của Frank ở

bữa trưa, hay tiệc trưa tại một nhà hàng trong một khách sạn lớn. Miệng của Oat Fields không ngậm lại trong khi nhai và nó để nhỏ những vệt thức ăn màu trắng vương trên mép cốc của ông ta. Ông ta làm mềm phần vỏ cứng của ổ bánh mì bằng cách dầm nó trong bát đựng nước sốt một lúc, trước khi ông ta nhắc nó lên đưa nó vào cái miệng đang trề ra, làm cho một phần của miếng bánh mì rơi vào và vương lại một vệt bản màu nâu vàng trên áo vét của ông ta.

“Ông hoàn toàn đúng, Oat,” Earl Wheeler nói liên tục trong suốt bữa ăn, “Tôi hoàn toàn đồng ý với ông về điểm đó,” và vào khoảnh khắc hiếm có ông liếc nhìn Frank với ánh mắt hoảng hốt cứ như thể vô cùng ngạc nhiên khi thấy anh đang ngồi ở đó. Chơi bóng cũng là một sự thất vọng nữa: không ai đánh cú đánh ghi điểm, và với kiến thức hạn hẹp của Frank về trò chơi này, cú đánh ghi điểm là tất cả những gì quan trọng. Trong giờ chơi cuối cùng ánh nắng xuyên thẳng vào mắt anh, làm cho anh bị đau đầu, và anh phải đi ra nhà vệ sinh nhưng anh không biết phải làm như thế nào đề cập đến việc này. Rồi đến việc phải cố đi chiếc tàu điện ngầm bản thủ dẫn đến sân ga Penn, trong lúc bố anh quở trách anh vì lơ là khi nói câu chào “Cám ơn ông, tôi đã có một thời gian rất vui vẻ” với Oat Fields. Trong ánh sáng yếu ớt của nhà chờ, khi họ đứng chờ mở cửa, anh nhìn một cách vô thức vào sự mệt mỏi về thể xác và sự thất bại về tinh thần lộ rõ trên khuôn mặt của cha anh, trông thật mơ hồ, thủng lỗ chỗ và rất già. Rồi, hạ thấp mắt xuống, anh phát hiện ra ống quần của cha anh giật nhẹ và nhịp nhàng với biểu hiện lo lắng của ngón tay đút túi quần của ông.

Và điều đó, cuối cùng thì, trở thành một điều đáng nhớ riêng biệt sâu sắc nhất trong ngày; lúc sau, trong cùng buổi tối đó, khi anh loạng choạng và đi chân không trong phòng tắm trong nhà, hình ảnh trong trí nhớ anh dội về với cái miệng đang ăn của Oat Fields làm cho anh bị nôn mửa.

Phải hơn một năm sau anh mới có thể ghép được những yếu tố thực tế đơn giản với nhau. Earl Wheeler, trung thành với vị trí trợ lý giám đốc chi nhánh ở Newark trong số những người bị giảm biên chế và cắt giảm lương trong Giai đoạn Khủng hoảng Kinh tế^[9] bằng cách nào đó đến Nội thất văn phòng nhà như một ứng cử viên vào vị trí trợ lý đắc lực cho Oat Fields (và mãi cho đến tận sau này anh đoán sự giải thích cho những cái tên - trên thực tế trong một thế giới của những sự cắt giảm bắt buộc, một tập đoàn của những Bill vui tính hay Jack hay Herb hay Ted mà trong đó một cái tên không thể rút gọn được như Earl thì luôn là một điểm bất lợi thứ yếu, “Oat” là một cái tên

tốt nhất có thể làm được cái gì đó cho một người có tên là Otis). Nhưng việc thăng chức đã bị thất bại; người có cấp cao hơn đã ra lệnh cho Oat Fields có thể làm việc mà không cần đến trợ lý, và Earl Wheeler hoặc là phải hiểu điều đó hoặc phải đoán về kết cục ở điểm nào đó trong tiệc trưa hoặc ở lúc chơi bóng.

Và dù có hay không ông đã từng chấp nhận sự thất vọng, Frank biết rằng cho đến tận thời gian cuối cùng của cuộc đời ông chưa bao giờ hiểu được điều đó. Đó chắc hẳn là điều đầu tiên của nhiều sự kiện đã đi qua sự hiểu biết của Earl Wheeler, vì nó là sự khởi điểm của giai đoạn suy sụp. Trong những năm tiếp theo ông được luân chuyển từ vị trí làm việc ở nơi này sang nơi khác cho đến khi ông về hưu chẳng bao lâu sau chiến tranh (không quá lâu so với cái chết và việc nghỉ hưu của Oat Fields), vào thời điểm ông chuyển từ vị trí cấp độ trợ lý sang một người bán hàng thông thường ở Harrisburg, Pennsylvania. Và cũng trong những năm đó, với sự hoang mang ngày càng tăng, ông đã không nhận ra sự suy nhược của sức khỏe, tuổi già khó khăn đến nhanh của vợ ông, sự khác nhau giữa hai người con trai lớn - và cuối cùng là sự nổi loạn âm ỉ, sự bỏ trốn và sự suy sụp tinh thần của người con trai út.

Một người phu khuân vác ở biển! Một người làm việc ở quầy thu tiền! Một kẻ yếu đuối ăn nói thô tục, đầy thù hận, bạc bẽo, mê muội trên con đường qua Làng Greenwich và chỉ có Chúa mới biết được anh ta bầu bạn theo kiểu gì; một đứa trẻ thích nhạc rock, không biết đến bất kỳ một khuôn phép nào ngoài việc làm cho mẹ cậu ta gần như bị lãng quên bằng cách không viết thư về hỏi thăm nhà trong vòng sáu hay tám tháng trời và cuối cùng là một bức thư không có địa chỉ người gửi và dấu bưu điện với nội dung “Đã lấy vợ tuần trước - có thể sẽ đưa về thăm lúc nào đó”.

Rồi sau đó, thật là điều may mắn nhất cho Earl Wheeler, khi ông không xuất hiện ở quán bar rẻ tiền gần ký túc xá trường Columbia vào một buổi trưa năm 1948, lúc mà con trai ông đang đàm luận với một thanh niên trẻ ngồi thườn thượt có tên Sam, một cựu sinh viên về tâm lý làm việc bán thời gian ở văn phòng sắp xếp sinh viên.

“VẬY thì vấn đề là gì, Frank? Tôi nghĩ rằng cậu đã quay trở lại châu Âu rồi chứ”.

“Anh đùa đấy à. April có thai rồi”.

“Ôi, Chúa ơi!”

“Nhưng, nghe này; có rất nhiều cách khác nhau để nhìn về vấn đề này, Sam. Hãy nhìn sự việc theo cách này. Tôi cần một công việc, được chứ. Liệu đó có phải là bất kỳ lý do tại sao công việc làm hỏng tôi? Nhìn này. Tất cả những gì tôi cần là có đủ tiền trang trải để tồn tại trong năm tới hoặc hơn thế, cho đến khi tôi tính toán được; trong lúc đó tôi muốn giữ lại số chứng minh. Vì thế điều làm tôi lo lắng nhất để tránh được là thể loại công việc có thể được đánh giá “hay ho” theo quyền lợi riêng. Tôi muốn một công việc không thể đụng chạm được đến tôi. Tôi muốn làm việc cho một tập đoàn lớn, có thâm niên nhưng đã vụng về trong việc làm ra tài chính trong giấc ngủ ngàn thu được một trăm năm rồi, nơi họ phải tuyển tám nhân viên cho mỗi một công việc vì không một ai trong số những nhân viên này có thể được mong chờ là sẽ quan tâm đến những điều nhàm chán mà họ đang làm. Tôi muốn vào nơi đó và nói, “Nhìn này”, anh có thể xác tôi với một nụ cười lịch thiệp của một sinh viên đại học trong vài giờ một ngày, đổi lại tôi sẽ được trả lương như thế nào, và khi xong việc thì chúng ta phải coi trọng thể giới riêng của mỗi bên. Anh hiểu chứ?”

“Tôi cũng nghĩ thế,” cậu sinh viên tâm lý học nói. “Quay trở lại văn phòng đi”. Và ở đó, chỉnh lại cái kính và lật giở danh mục danh thiếp, Sam bắt đầu viết ra một danh sách các tên công ty phù hợp với nhu cầu; một nhà máy sản xuất đồng và đồ đồng, một nơi làm đồ dùng công cộng nổi tiếng, một nhà máy ketch xù sản xuất túi giấy...

Nhưng khi Frank nhìn thấy cái tên kinh hoàng *Máy văn phòng Knox* trong danh sách anh nghĩ chắc hẳn có sự nhầm lẫn ở đây. “Khoan đã; tôi biết điều này là không thể được...” và anh thuật lại sơ qua bằng miệng về nghề của cha anh và anh đã làm cho cậu sinh viên tâm lý thích thú cười thầm.

“Tôi nghĩ là anh sẽ thấy mọi thứ đã thay đổi một chút kể từ thời kỳ của ông già anh, Frank,” anh ta nói. “Đó là thời kỳ Khủng hoảng, đừng quên điều đó. Ngoài ra, ông ta làm việc bên ngoài, còn anh làm việc ở trong văn phòng. Theo thực tế thì đây chính là nơi mà anh đang tìm. Tôi chợt nhận ra họ có những thanh niên ngồi quanh tòa nhà và không bao giờ nhấc một ngón tay lên trừ khi cần phải kiểm tra. Mặc dầu vậy, tôi sẽ nhắc đến cha anh khi anh đi phỏng vấn. Có thể nó sẽ giúp gì cho anh chăng”.

Nhưng, Frank, khi bước vào cái bóng của Toà nhà Knox trong tâm trí tràn ngập anh lớn vờn bởi lần viếng thăm kia (“Con nên nắm tay bố, đây là nơi sang đường nguy hiểm...”), quyết định sẽ thú vị hơn nếu không nhắc đến tên của cha anh trong buổi phỏng vấn. Anh đã không, và anh đã có việc làm chính ngày hôm đó ở tầng 15, một nơi được gọi là Phòng Khuyến mãi Kinh doanh.

“Bán hàng gì ạ?” April hỏi. “Khuyến mãi? Em không hiểu. Anh sẽ phải làm gì?”

“Ai mà biết được? Họ giải thích cho anh trong nửa giờ đồng hồ mà anh vẫn không biết được, và anh không nghĩ rằng họ biết. Mà không, chẳng phải đó là một điều thú vị hay sao? Máy văn phòng Knox cũ kĩ. Đợi đã, anh sẽ nói với ông già. Kể cho ông nghe anh thậm chí còn không nhắc đến tên ông”.

Và thế là nó bắt đầu như một câu chuyện cười. Người khác có thể không nhìn thấy đây là điều hài hước, nhưng nó đã lấp đầy Frank với một điều bí mật, sự thích thú nghiêm túc khi anh hết ca của những nhiệm vụ lười nhác, đi quanh văn phòng theo cách mà sau này gần như đã trở thành thói quen của anh, nếu như không hoàn toàn thực sự là cá tính, kể từ khi anh được vợ miêu tả “vô cùng gợi cảm” - bước sỏi chân khoan thai, chậm rãi, sự thể hiện cơ bắp đầy hấp dẫn nhưng với dáng vẻ khinh khỉnh ngái ngủ của sự căng thẳng hay vội vàng gì đó. Và phần hay nhất của câu chuyện cười là những gì diễn ra vào lúc 5 giờ mỗi buổi chiều. Dè dặt và mỉm cười với những người làm của Knox, gật đầu chúc ngủ ngon khi anh ra khỏi thang máy, anh sẽ đi ô tô buýt về phố Bethune, nơi anh sẽ phải leo hai đợt cầu thang có mặt bậc thang dốc, kê cột kẹt, mở cánh cửa màu trắng được phủ không biết bao nhiêu tầng bụi và những lớp phòng rộp nhiều đến nỗi mà bề mặt của chiếc cửa giống như một miếng nắm độc hình cái dù và bước vào một căn phòng rộng, sạch sẽ thoáng thoáng mùi thuốc lá, sáp nến, vỏ quýt và mùi nước hoa Cô-lô-nho; ở đó có một người con gái xõa tóc, xinh đẹp đang đợi anh về, một cô gái hoàn toàn không giống như những người vợ của những người làm việc cho Knox vì đơn giản căn hộ của anh không giống như nhà của những người Knox. Thay vì uống với nhau vài ly rượu cocktail sau giờ làm, họ sẽ âu yếm nhau, có khi họ làm chuyện đó trên giường và có khi là ở trên sàn; có khi phải đến tận mười giờ trước khi họ thức tỉnh và thả bộ trên những con phố ban đêm yên tĩnh để đi ăn tối, và rồi thì toà nhà Knox có thể để lại phía sau hàng dặm.

Vào cuối năm thứ nhất, câu chuyện cười dần trở nên nhạt nhẽo, và khả năng của người khác có thể nhìn thấy độ hóm hình của câu chuyện đã bắt trở nên chán nản. “Ồ, anh muốn nói bố anh đã làm việc ở đó,” họ có thể nói như vậy khi anh cố giải thích, và mắt họ, dù thường xuyên hay không, bắt đầu thể hiện phim đã hết với ánh nhìn mà mọi người còn lưu lại dành cho một thanh niên không mạo hiểm, biết vâng lời và đứng đắn. Chẳng bao lâu sau (và đặc biệt là sau năm thứ hai, với cái chết của cả bố và mẹ) anh thôi không cố giải thích phần hài hước của công việc nữa, thay vào đó anh bắt đầu tập trung vào những phần khô khan khác của công việc: sự không nhất quán ngớ ngẩn xảy ra giữa anh và những đồng nghiệp ở Toà nhà Máy văn phòng Knox; hố sâu ngăn cách giữa sức lực anh cần phải dành cho công việc và những gì anh thực sự làm. “Tôi muốn nói điều thuận lợi nhất của nơi làm việc giống như Knox là anh có thể phân nào dùng tâm trí của mình vào mỗi 9 giờ sáng, để tâm trí được thả lỏng trong suốt phần ngày còn lại, và không một ai nhận ra sự khác biệt”.

Gần đây vẫn như vậy, đặc biệt từ khi anh chuyển đến ở tại vùng ngoại ô, anh phải tránh toàn bộ chủ đề bất cứ khi nào có thể bằng cách trả lời, đối với câu hỏi anh làm gì để sống, rằng là anh không làm gì cả, thật sự là như vậy; rằng anh có một công việc buồn tẻ nhất mà bạn có thể có thể mừng tượng ra được.

Vào buổi sáng thứ hai sau sự kết thúc của nhóm Diễn Laurel, anh bước vào toà nhà Knox giống như chiếc máy tự động. Những khung cửa quảng cáo được bài trí theo cách mới, hình ảnh của những biển quảng cáo sáng rực về một người phụ nữ còn trẻ, một thời trang và thanh mảnh cười toe toét và đánh dấu bút chì vào danh sách đã được tô đậm về một loạt lợi ích của những sản phẩm - TỐC ĐỘ, CHÍNH XÁC, QUYỀN LỰC - dưới những tấm hình đó, đi qua một sảnh rộng được trải thảm sâu của sàn quảng cáo, một mẫu hàng phong phú đứng lơ lửng để làm thuyết minh. Một vài sản phẩm, những sản phẩm đơn giản hơn, giống như những chiếc máy đã khơi dậy lòng nhiệt tình trong cha anh hai mươi năm trước đây, mặc dầu mẫu thiết kế đen ở góc của ngày đó đã được thay đổi tất cả để vừa với “những hình thức được điêu khắc” theo dạng hình cầu của vỏ bọc mới có màu sắc của miếng lườn gà; nhưng cũng có những sản phẩm khác được trang bị để xử lý những thực tế của kinh doanh ở tốc độ lớn hơn bất kỳ một sản phẩm nào mà Earl Wheeler có thể mơ thấy. Những thứ này, sẵn sàng kêu rừ rừ và nhấp nháy với sự bí hiểm của điện tử, mọc lên qua sàn ngày càng ấn tượng cho đến khi chúng đạt đến cực độ trong những bộ phận bí hiểm của máy tính điện tử Knox “500”,

một chiếc máy mà, theo như tấm thẻ bảo tàng được trưng bày ở tầng hầm, có thể “thể hiện được công việc đòi người với chiếc máy tính trên bàn trong vòng ba mươi phút”.

Nhưng Frank đi qua phòng trưng bày mà không thèm liếc qua, và hành động của anh khi bước vào sảnh là của một chuyên gia đăng trí; anh tuân theo ngón tay chỉ đường của người khởi động thang máy mà hoàn toàn không ý thức được hay nhận thấy ai là một trong sáu người điều khiển thang máy đã ngái ngủ đón chào anh (anh hầu như chưa bao giờ như vậy, trừ khi bất chợt sự hiện diện của một trong hai người có thể tạo nên sự ngột ngạt thoáng qua: ông già có đầu gối đàn hồi như lò xo đến mức chỗ phòng trông thật đau đớn khi nó được ép về phía sau quần của ông và người kia, một cậu bé khổng lồ mà sự mất trật tự về tuyến nội tiết đã làm ưu phiền cái hông của người mẹ và cái đầu đầy lông tơ và khuôn mặt không râu của đứa trẻ sơ sinh). Tựa lưng vào sự tù túng tao nhã của chiếc ô tô, anh thấy tiếng trượt cửa đóng chặt lại và công bảo vệ kêu lạch cạch sau đó, và khi chiếc ô tô bắt đầu đi, anh bị vây quanh bởi những trao đổi trái ngược nhau của đồng nghiệp. Anh nghe thấy một tiếng nói thận trọng và trầm của nhóm Đồng bằng Vĩ đại, (“... đương nhiên rồi, chúng tôi gặp phải thời tiết không ổn một chút đang vào Chicago...”), âm thanh phát ra đôi âm với trọng âm gió và cộc của người thành phố “...À, thế ra là, “Anh đang đùa à?” anh ta nói “nghe này, tôi không đùa đâu...” trong khi có sự pha trộn mềm mại của tám hay mười giọng nói, đàn ông và đàn bà, nhắc đi nhắc lại lời chào bình minh trong im lặng dưới tiếng kêu o o của chiếc quạt phía trên đầu; và rồi đến lúc gật đầu chào, nghi lễ bước sang bên để nhường đường cho mọi người đứng sát mép ở phía trước với câu lầm bầm “Xin mời ra... xin mời ra” rồi đợi trong khi cánh cửa trượt mở ra, đóng vào, mở ra và đóng vào. Lần thứ tám, thứ mười một, thứ mười hai, thứ mười bốn...

Ở cái nhìn đầu tiên, tất cả những tầng trên của tòa nhà Knox trông đều giống nhau. Mỗi tầng là một phòng mở, rộng, sáng chói với những bóng đèn trần huỳnh quang, được chia thành một mê cung của những lối đi và những phòng nhỏ được phân cách bằng những vách ngăn cao hơn vai người. Phần ô phía trên của những tấm chia ngăn này, từ eo cho đến vai, được làm bằng những tấm kính dày không có khung hơi được gấp nếp để nhìn được nửa phần trong suốt có màu trắng xanh; và hiệu quả tổng thể của việc này, đối với người khi ra khỏi thang máy và nhìn qua phòng, là cảm giác của cái hồ phía bên trong rộng mà trong đó những người bơi xa gần đang chuyển động, có góc tạo ra cảm giác có sự tiến triển vững chắc, có góc thì chỉ như giẫm

lên nước, những góc khác thì giống như đang làm vỡ bề mặt và lặn xuống dưới, và rất nhiều góc bị nhấn chìm, khuôn mặt họ dần ra hoà vào trong đợt sóng có vết màu hồng khi họ ngụp lặn dưới bàn làm việc. Nhưng ảo tưởng nhanh chóng bị xua tan khi đi sâu vào bên trong văn phòng, ở nơi đây, dày đặc một màn không khí khô khốc - thật sự là như vậy, như Frank Wheeler thường hay phàn nàn, “đủ để làm khô cầu mắt của bạn”.

Mặc dầu vậy, dù cho với tất cả những sự phàn nàn của mình, thỉnh thoảng anh cũng cảm thấy có lỗi khi chấp nhận sự vui thích mập mờ ở chính điều bất tiện này của văn phòng. Khi anh nói, vì anh đã phàn nàn về những điều này hàng năm nay rồi, rằng, theo cách hóm hỉnh, anh chắc là anh sẽ nhớ Knox già nua khi anh thôi việc, anh muốn nói, tất nhiên, những người làm việc ở đó sẽ làm anh nhớ (“Tôi muốn nói, họ là một số đông những người đứng đắn; dù thế nào đi nữa, một vài người trong số họ”) và thậm chí, một cách trung thực nhất, anh không thể từ chối là anh sẽ có cảm giác nhớ nó như cảm giác nhớ nhà, tầng 15. Qua nhiều năm anh đã phát hiện ra nét đặc biệt khá nhạy cảm giữa tầng 15 và những tầng khác của toà nhà; dù ít hay nhiều nó cũng thật vui vẻ, nhưng khác với những gì được gọi là tầng “của anh”. Nó chính là sự thử thách hàng ngày, khô khan và tươi sáng, sự đánh giá tẻ nhạt của riêng anh. Nó đã dạy cho anh những cách mới để dàn trải những giờ trong ngày - hầu hết thời gian dành cho việc đi uống cà phê, hầu hết thời gian dành cho việc ăn trưa; hầu hết thời gian dành cho việc đi về nhà - và anh đã đi đến tin tưởng vào sự lãng phí thời gian phiền muộn xen kẽ giữa những niềm vui thích như là một người tàn phế tìm đến sự tin tưởng chắc chắn vào một nỗi đau có định kỳ. Nó là một phần trong anh.

“Chào buổi sáng, Frank,” Vince Lathrop nói.

“Chào buổi sáng, Frank,” Ed Small nói.

“Chào ông Wheeler,” Grace Mancuso nói, người làm việc cho Phòng thảo mộc ở ban Nghiên cứu Thị trường.

Bàn chân anh biết nơi nào rẽ vào lối đi có biển hiệu Phòng phát triển bán hàng, họ biết sẽ mất bao nhiêu bước để đưa anh qua ba phòng nhỏ đầu tiên và nơi anh sẽ phải rẽ lần nữa để đi vào phòng thứ tư; anh có thể hoàn toàn làm được điều đó kể cả trong giấc ngủ.

“Xin chào,” Maureen Grube nói, cô là lễ tân của tầng và làm việc trong

nhóm đánh máy của bà Jorgensen. Cô ta chào anh theo cách hoàn toàn phụ nữ, nói một cách thẳng thắn là hoàn toàn tăng bốc anh, và khi cô ta lùi sang bên cạnh để anh đi qua anh hoàn toàn muốn vòng cánh tay mình quanh người cô, kéo cô đến đâu đó (phòng thư chẳng hạn? thang hành lý chẳng hạn?) nơi anh có thể ngồi xuống, ôm cô, cởi bỏ chiếc áo len màu xanh hoàng gia và lấp đầy miệng anh hết bầu ngực này sang bầu ngực khác của cô.

Đây không phải là lần đầu tiên ý nghĩ này chợt loé trong đầu anh; sự khác biệt là lần này nó chợt xuất hiện trong anh không sớm hơn suy nghĩ của anh. Tại sao lại không nhỉ?

Đôi chân đưa anh đến cửa phòng nơi có biển đề tên:

J.R.ORDWAY

F.H.WHEELER

Anh dừng lại ở đó, một tay anh móc qua mép kính, trong khi quay lại và nhìn cô. Cô đang đi xuống phía dưới lối đi, mông cô chuyển động một cách nhịp nhàng trong chiếc juýp bằng vải flannel, anh nhìn cô ta cho đến tận khi cô ta khuất sau vạch nước của tấm vách ngăn ở phía đầu đưa cô đến chỗ ngồi của mình ở khu vực lễ tân.

Hãy thoải mái nào, anh tự an ủi mình. Làm điều như thế này cần một kế hoạch nho nhỏ. Điều đầu tiên cần phải làm, anh biết, là đi vào bên trong và chào buổi sáng Jack Ordway, cởi áo choàng ra và ngồi xuống. Anh đã làm như vậy, ngay sau khi anh đóng sập tất cả tầm nhìn sau bức tường của phòng anh, và khi anh ổn định về một phía của bàn làm việc với bàn chân bên phải tự động dùng ngón chân mở ngăn kéo phía dưới và sử dụng nó như một chỗ để chân (sức ép của giày qua nhiều năm đã làm mòn đi một chút gờ của chiếc ngăn kéo đặc biệt đó), anh cho phép mình có một đợt sóng thích thú đến chậm chậm làm tan vỡ anh. Tại sao không? Chẳng phải cô ta đã tạo cho anh cảm giác được khuyến khích nhiều tháng nay rồi hay sao? Những cơn sóng nhấp nhô như vậy đã đi qua anh khi anh ở lối đi, cúi sát qua bàn của anh để đưa cho anh một cái cặp giấy, mỉm cười một cách đặc biệt, một cách mà anh chưa từng bao giờ thấy cô sử dụng nó với một ai khác? Và lúc đó ở bữa tiệc Giáng sinh (anh vẫn còn nhớ mùi vị của miệng cô ta) chẳng phải cô ta đã run lên trong tay anh, và chẳng phải cô đã thắm thì “Anh thật ngọt ngào”.

Tại sao không? Ôi, không phải ở trong phòng thư hay thang máy hành lý, nhưng chẳng phải cô ta cũng có một căn hộ ở đâu đó hay sao, với một người bạn cùng phòng, và rất có thể người bạn cùng phòng với cô sẽ đi vắng cả ngày?

Jack Ordway đang nói với anh, buộc anh phải cắt bỏ thêm muốn để nhìn lên và nói “Cái gì cơ?” Sự xâm phạm của người khác cũng không là một vấn đề - anh có thể gạt đầu và đưa ra câu trả lời đúng trong khi giữ cho suy nghĩ của mình được thả hồn với Maureen Grube. Nhưng Ordway thì khác.

“Tôi nói rằng, sáng nay tôi cần sự giúp đỡ của anh, Franklin,” anh ta nói, “Đây là một việc khẩn cấp. Tôi thật sự nghiêm túc đấy, anh chàng già nua à”. Anh ta hiển nhiên đang nghiên cứu một tập tài liệu được đánh máy để trên mặt bàn, tranh ấn tượng; chỉ những ai biết cách đọc những bức tranh đấy mới có thể nói được bàn tay dường như đang che mắt anh nhưng thực sự là đang nâng đầu anh lên, còn mắt anh thì đang nhắm. Vào lứa tuổi đầu 40, mảnh khảnh và ngăn nắp, với mái tóc màu xám và khuôn mặt đẹp trai dí dỏm của một diễn viên lãng mạn, anh ta thuộc tuýp người mấp mé nghiện rượu có sự cứu rỗi linh hồn dường như ẩn chứa trong sự tái sinh vô tận của khả năng có thể cười át tất cả mọi thứ, và anh ta là một anh hùng đa cảm của văn phòng. Tất cả mọi người đều yêu quý Jack Ordway. Hôm nay anh ta mặc một bộ com-lê của Anh - bộ com-lê mà anh phải đặt hàng ở một nhà may ở Luân Đôn trong một chuyến đi du lịch vài năm trước đây, với giá tiền bằng một nửa tháng lương, một bộ com-lê có những chiếc cúc ở cổ tay thật sự ra cúc và chiếc quần cạp cao chỉ có thể mặc khi có dây đeo quần, bộ com-lê mà chưa từng bao giờ thấy thiếu một chiếc khăn tay bằng vải linen còn mới để hờ ở túi áo ngực - nhưng đôi bàn chân dài và hẹp của anh ta lại đặt chéo qua bàn với sự vụng về của trẻ con đã để lộ ra một phong cách hoàn toàn Mỹ đến mức độ tầm thường; và lý do cho sự tương phản này chỉ vì một điều mà Jack Ordway không hề biết là đã để lại một tàn tích vô cùng xấu - đó là dây giày không buộc.

“Tiếp theo nhé...”, anh ta nói với giọng không chắc chắn, khàn khàn. “Trong hai hoặc có thể là ba giờ tới anh phải nhắc tôi về mỗi sự tiếp cận của Bandy; anh phải bảo vệ tôi khỏi sự làm phiền của bà Jorgensen, và anh có thể phải sàng lọc cho tôi quan điểm của công chúng trong trường hợp tôi thôi việc. Điều đó thật là tồi tệ”.

Câu chuyện được bọc vỏ của cuộc đời Jack Ordway đã trở thành một truyền thuyết thứ yếu của tầng 15: mọi người đều biết anh ta đã cưới một cô gái giàu có như thế nào và sống bằng tiền thừa kế của cô ta ra sao cho tới khi nó bị bốc hơi trước chiến tranh, kể từ đó nghiệp kinh doanh của anh ta đã bị trải qua ở toà nhà Knox như thế nào, ở trong một cái phòng bằng kính được nối tiếp theo những cái phòng bằng kính khác, và nó đã được phân biệt bằng một vẻ thiếu hụt công việc hoàn toàn hoàn mỹ như thế nào. Thậm chí, tại đây, ở phòng Khuyến mãi bán hàng, nơi không một ai làm việc ngoại trừ Bandy già nua, người quản lý, anh ta đã có thể giữ lại được danh tiếng độc nhất vô nhị của mình. Ngoại trừ khi có một tàn tích vô cùng xấu hạ thấp anh ta, anh ta đứng lên đi quanh và nói suốt ngày, khuấy động một dàn hợp xướng cười ở bất cứ nơi nào anh ta đến, thỉnh thoảng, thậm chí còn dành được nụ cười độ lượng của Bandy và làm cho bà Jorgensen rơi vào những cơn cười chảy ra nước mắt mà không có gì ngăn được.

“Trước tiên,” anh ta nói, “vào ngày thứ bảy những người bạn điên rồ của Sally bay từ Bờ biển về sẽ hăm hở tiệc tùng. Chúng tôi có nên đưa họ đi thăm thành phố không? Ôi, dù sao thì chúng tôi cũng nên. Tất cả những người bạn thân của cô ta và tất cả những điều này, và ngoài ra, họ luôn mang theo nhiều tiền. Vì thế. Sẽ bắt đầu bằng việc ăn trưa ở nhà hàng Andre, và Đức Chúa lòng lành, chắc hẳn cậu chưa từng bao giờ nhìn thấy nhiều Martini cỡ bự như vậy. Ôi, và không một ai trong số họ chỉ uống có một hoặc hai chai, không một ai. Tôi không thể đếm xuể. Và rồi xem này. À, vâng. Và rồi không có việc gì khác để làm ngoài việc ngồi quanh và uống cho đến thời gian uống cocktail. Và rồi, thời gian uống cocktail cũng đến”. Anh ta rũ bỏ tư thế công việc, đẩy những tờ giấy loại sang một bên, tựa nhẹ vào ghế và hai tay ôm lấy đầu; anh ta quay từ bên nọ sang bên kia theo nhịp điệu của lời kể, điệu cười và cách nói chuyện qua tiếng cười, trong khi Frank theo dõi anh ta với một sự pha trộn giữa lòng thương hại và sự chán ghét. Hầu như tất cả những mẫu chuyện còn rơi rớt lại của anh ta dường như đều bắt đầu bằng những người bạn điên rồ của Sally bay từ Bờ biển vào, hay là từ Bahamas, hay là từ châu Âu, với túi đầy tiền, và chính bản thân Sally luôn là tâm điểm của sự giải trí - cựu cô gái mới lớn, một người vợ lịch thiệp không có con và một người bạn cùng chơi không thể tìm chế được. Điều đó, ít nhất, là cách mà người nghe ở tầng 15 tưởng tượng về hình ảnh của cô ta; Frank đã có thể làm được việc đó, và tưởng tượng căn hộ của họ giống như cách xếp đặt sân khấu của nhà soạn kịch Noel Coward^[10], cho đến hôm anh về nhà Orward để uống rượu và phát hiện ra Sally thật là ủy mị và đã có nếp nhăn, một người phụ nữ có tuổi, có vẻ đàn độn với cặp môi luôn hoài niệm

đến thời trẻ bằng cách tô theo hình cái cung của nữ thần ái tình hay hờn dỗi. Mỗi một ngữ điệu lái nhải được sử dụng để gọi tên Jack tối đó, khi cô ta bồi rối đưa người qua những căn phòng gồm toàn da mục, bạc và cốc đầy bụi, để chứng tỏ cô ta lên án anh ta nhiều đến nhường nào về việc để cho thế giới sụp đổ; mỗi khi cô ta ngược mắt nhìn lên trần nhà đã bạc màu sơn trông như thể cô đang cầu cứu sự cứu rỗi của Chúa để trừng phạt anh ta - vì người đàn ông ngốc nghếch, yếu đuối này mà cô ta đã phải hy sinh cả cuộc đời, người đã hủy hoại tình bạn của cô ta bằng sự tính toán không ngừng nghỉ đến từng đồng xu, người cố đòi nhậu nhẹt ở cái công việc cổ cùn trắng ảm đạm và đưa về nhà những người cùng cơ quan buồn thảm. Và Jack, hời tiếu thoáng qua và làm trò cười, và đã gọi vợ là “Mẹ trẻ”.

“... làm thế nào mà chúng ta quay trở lại được từ Idlewild,” anh ta nói, “đó là điều mà tôi sẽ không bao giờ biết. Sự ghi nhớ cuối cùng rõ ràng của tôi là lúc tôi đang đứng ở phòng đợi Idlewild lúc 3 giờ sáng nay và tự hỏi nếu có ai đó làm ơn nói với tôi làm sao mà chúng ta đến được đây ngay từ lúc đầu. à, mà không, gờm đã. Sau đó có gì đó liên quan đến việc cùng ăn bánh hamburger - À, mà không, tôi nghĩ rằng nó xảy ra trước đó...” Cuối cùng khi câu chuyện kết thúc anh ta bỏ tay ra khỏi đầu, một cách điêu luyện, cau mày và nháy mắt liên tục. Rồi sau đó anh ta thông báo rằng anh ta đã cảm thấy khá hơn.

“Tốt”. Frank thả chân từ ngăn kéo xuống và ngồi yên lại trong bàn làm việc. Anh phải suy nghĩ, và cách tốt nhất để suy nghĩ là phải trải qua những cảm giác của công việc. Một tập giấy tờ sáng nay đang đợi anh trong khay tài liệu đến, trên cùng là công việc của ngày thứ sáu, vì thế điều đầu tiên anh phải làm là lộn ngược lại toàn bộ đồng giấy tờ để trên mặt bàn và bắt đầu từ dưới cùng. Mỗi ngày khi anh làm như vậy (hoặc, đôi khi nhiều ngày, khi anh nhầm chán với khay tài liệu đến, vì thế có nhiều ngày anh đã không sờ đến nó) anh cố gắng tìm xem có bao nhiêu giấy tờ có thể được xử lý mà thật sự không cần phải đọc nội dung. Một vài tài liệu có thể ném đi ngay, một vài tài liệu khác có thể hầu như nhanh chóng bị tổng khứ bằng cách đánh dấu vào lề “Gì thế này?”, với chữ ký tắt của mình và gửi chúng cho Bandy, hay anh viết “Anh có biết gì về điều này không?” và gửi chúng cho ai đó như Ed Small chẳng hạn, người ngồi ở phòng bên cạnh; nhưng nguy cơ là có thể những tài liệu đó lại quay trở lại với anh trong vài ngày với việc đánh dấu “Làm đi” từ Bandy hoặc “Không” từ Small. Cách an toàn hơn là đánh dấu chữ “Luu” và đưa nó cho bà Jorgensen và mấy cô gái, sau khi việc đọc liếc qua một cách vắn tắt nhất được khẳng định đó không phải vấn đề khẩn; nếu đó là vấn đề

khẩn, anh có thể đánh dấu “Lưu và theo dõi trong vòng một tuần”, hoặc có thể anh sẽ đặt nó ở lối đi và tiếp tục xử lý những tài liệu khác. Loại giấy tờ bị chất đống mà được anh gạt sang bên theo cách như thế là những tài liệu mà anh sẽ lật lại ngay khi anh hoàn thành hay quá chán nản với chồng văn thư ở trong khay tài liệu đến. Sắp xếp chúng theo thứ tự tương đối của tầm quan trọng, theo cùng một trật tự, anh sẽ chèn chúng với cái giá khoảng sáu đến tám inches luôn để ở giữa bàn làm việc, được giữ bằng cái chặn giấy làm bằng đồ sứ sáng bóng mà Jennifer làm cho anh khi anh còn ở trường mẫu giáo. Đây là đồng công việc hiện tại của anh. Nhiều loại giấy tờ trong đó phải chịu đựng “phù hiệu” của Bandy ví dụ như “Làm đi” hoặc của Ed Small ví dụ như “Không” hoặc một vài loại giấy tờ đã được qua vòng quay “Lưu và theo dõi” đến ba hay bốn lần; một vài loại giấy tờ khác phải chịu đựng những tờ nhắn ví dụ “Frank - xem xét việc này nhé,” là những món quà đến từ một người dùng anh như anh dùng Small. Thi thoảng anh chuyển một phần công việc hiện tại và đặt nó vào đồng giấy tờ được đánh giá có tầm quan trọng tương đương với cấp độ 2 nằm ở góc xa phía bên tay phải của bàn làm việc, dưới một cái sa bàn bằng chì của Máy tính điện tử Knox “500”. Đây chính là đồng tài liệu mà anh không thể bắt mình đối diện được vào thời điểm bây giờ, và điều tồi tệ nhất, thỉnh thoảng toàn bộ cặp giấy tờ phòng ra được lấp đầy với những tờ giấy đánh máy quá cầu thả và phân bị thiếu, những kẹp giấy dễ trượt, được tống dần dần vào đáy của ngăn kéo đựng những đồ linh tinh ở phía bên tay phải của bàn làm việc. Đồng giấy tờ trong ngăn kéo đó thuộc thể loại mà Ordway thường gọi là những phần tốt thật sự, và cái ngăn kéo đó, đối diện với cái ngăn kéo dùng vào mục đích là chỗ nghỉ của chân, đã trở nên một phần cản rút nho nhỏ choán trong tâm trí anh: anh cảm thấy ngượng khi mở ngăn kéo như thể nó chứa những con rắn đang sống vậy.

Tại sao không? Chẳng phải là thật dễ dàng khi đi lên và mời cô ta đi ăn trưa sao? Không, nó không đơn giản đến như thế; nó thật sự là một phiền toái. Một luật lệ bất thành văn của tầng 15 đã chia cắt nhân viên nam và nhân viên nữ về tất cả những vấn đề của kinh doanh, ngoại trừ buổi liên hoan Giáng sinh. Mấy cô sắp xếp ăn trưa riêng theo cách bất khả xâm phạm như việc sử dụng một phòng thí nghiệm tách biệt, và chỉ thẳng góc mới công khai bất chấp trật tự này.

Anh vẫn đang ở giữa đống lộn xộn của khay tài liệu cho đến khi một khuôn mặt mỏng đang mỉm cười và một khuôn mặt tròn đầy nghiêm nghị lộ ra trên bức tường kính, nhìn vào phòng anh từ phòng bên cạnh. Đó là những khuôn

mặt của Vince Lathrop và Ed Small, và điều này có nghĩa là bây giờ là thời gian cho việc đi xuống uống cà phê.

“Thưa các quý ông,” Vince Lathrop nói. “Chúng ta nhảy chứ?”

Một nửa giờ sau đó họ quay lại văn phòng, sau khi đã được nghe một phần nào đó về những khó khăn của Ed Small với giống cỏ và chăm sóc cỏ ở Roslyn, Đảo Dài[11]. Cà phê đã giúp lấy lại phong độ cho Ordway, rõ ràng là cái mà anh ta cần thật sự là một ly cà phê, và để chứng minh cho việc anh ta cảm thấy tốt hơn như thế nào, anh ta đi đi lại lại trong phòng và bằng cách đóng vai Bandy, anh ta lắc lư cái đầu và liên tục chèm chẹp.

“Được thôi, nhưng tôi tự hỏi liệu chúng ta có thực sự làm việc có hiệu quả, đó là một vấn đề (một tiếng hôn gió). Vì nếu chúng ta thật sự muốn hiệu quả, thì chúng ta đã phải đến đó và để hiệu quả, hiệu quả (một tiếng hôn gió), để hiệu quả hơn...”.

Frank đang cố gắng lần thứ hai hay lần thứ ba gì đó đọc những tài liệu ở trên đầu chông công việc hiện tại, dường như là một lá thư từ giám đốc chi nhánh ở Toledo; nhưng những đoạn văn lại không rõ ràng, cứ như thể được viết bằng tiếng nước ngoài. Anh nhắm mắt lại, xoa xoa và đọc lại lần nữa, và lần này thì anh đã hiểu.

Giám đốc chi nhánh Toledo, người theo truyền thống của Knox thường hay quy cho bản thân mình là “chúng tôi”, mong muốn được biết công việc đã được giải quyết như thế nào kể từ lá thư trước có liên quan đến nhiều sai sót nghiêm trọng và những lời hướng dẫn sai lạc ở sê ri SP-1109, có một bản copy được đính kèm. Điều này được chứng minh bằng một cuốn quảng cáo dày, có bốn màu, bọc phủ với tiêu đề *Xác định Kiểm soát Sản phẩm của bạn với Knox “500”* và hình thức của cuốn quảng cáo phản tác dụng cho việc ghi nhớ. Nó đã được làm trong nhiều tháng trước đó do một người viết bài quảng cáo không tên tuổi làm việc cho một hãng mà kể từ thời gian đó đã đánh mất bản báo cáo của Knox, và đã phát hành hàng chục nghìn bản ra thị trường được ghi “Địa chỉ cho mọi yêu cầu F.H. Wheeler, Văn phòng Nhà”. Thời điểm đó Frank đã biết rằng đó là một mớ lộn xộn - những trang giấy được in dày đặc không tuân theo logic đơn giản, cũng như tôn trọng độc giả, và minh họa chỉ được liên hệ với nội dung một cách rời rạc - nhưng anh cũng để cho cuốn quảng cáo này được thực hiện, chủ yếu bởi vì có lần Bandy đã đe dọa anh ở lối đi bằng tiếng xiết vào răng và nói “Chúng ta vẫn

chưa phát hành cuốn quảng cáo đó à?”

Kể từ khi đó, mọi yêu cầu xin hãy liên lạc với F.H. Wheeler đến với anh từ từ, những lời phàn nàn đến từ mọi nơi trên nước Mỹ, và anh lờ mờ nhận ra điều gì đó đặc biệt là khẩn cấp về những điều phàn nàn đến từ Toledo. Đoạn văn tiếp theo nhắc nhở anh.

Vì anh sẽ nhớ lại, mục đích của chúng tôi là đặt anh 5.000 cuốn quảng cáo để phân phát tại hội nghị NAPE hàng năm (Trợ lý Quốc gia của Điều hành Sản phẩm) ở đây vào ngày 10 - 13 tháng sáu. Tuy nhiên, như đã đề cập ở thư trước, cuốn quảng cáo, theo quan điểm của chúng tôi, phẩm chất kém đến nỗi không thể đáp ứng được mục đích với bất kỳ hình thức, kích cỡ và phong cách nào.

Vì thế, xin hãy tư vấn ngay lập tức theo như lời đề nghị của chúng tôi ở trong thư trước, cụ thể là: Đã có những giải pháp gì để bản chỉnh sửa của cuốn quảng cáo sẽ có mặt ở văn phòng của chúng tôi không muộn hơn ngày 8 tháng sáu với số lượng như đã yêu cầu?

Anh nhìn thật nhanh vào góc phía trên bên tay trái và cảm thấy được thư giãn khi nhận thấy lá thư này không có bản copy gửi cho Bandy. Đó là một chút may mắn; nhưng dù thế đi nữa, đây cũng là dấu vết của một Người đàn ông hoàng Thực sự. Thậm chí, nếu vẫn còn thời gian để hoàn thành cuốn quảng cáo (và có thể là không), anh cũng vẫn phải thông qua công việc với Bandy, và Bandy chắc hẳn sẽ muốn biết tại sao ông ta lại không được biết về việc này hai tháng trước đó.

Anh gạt vấn đề này sang đông công việc loại 2 khi những ý tưởng tươi sáng chợt loé lên trong mớ hỗn độn; và đột nhiên anh ra khỏi phòng, đi về phía sảnh lễ tân với nỗi khiếp đảm.

Cô ta đang ngồi ở quầy lễ tân dù không có việc gì để làm, và khi cô ta ngược lên, mắt cô ta tràn ngập vẻ mong chờ thoả mãn - của một kẻ tòng phạm, dường như hoàn toàn là như vậy - đến nỗi anh gần như quên hết lý do mà anh phải giả vờ nói vì sao anh đến gặp.

“Maureen,” anh nói, trong khi anh tiến lên gần và ôm lấy phần lưng ghé của cô ta, “nếu em không quá bận ở đây liệu em có thể giúp tôi tìm một vài thứ ở hệ thống lưu trữ trung tâm. Em đã nhìn thấy cuốn quảng cáo này chưa?” Anh

đề cuốn quảng cáo trên bàn như thể đó là sự khám phá riêng tư vậy, và cô ta trườn mông về phía trước để xem, đến nỗi bộ ngực đung đưa sát vào tay anh.

“Mm?”

“Vấn đề là, nó cần được hiệu chỉnh. Có nghĩa là tôi sẽ phải đào xới tất cả những tài liệu để xem xét lại, bắt đầu từ ngay cái đồng hồ tạp này. Hiện nay, nếu em kiểm tra hồ sơ không còn hoạt động dưới tên SP - 1109, em sẽ thấy những bản sao của tất cả những tài liệu chúng ta đã gửi đến cho các đại lý; rồi, nếu em kiểm tra từng văn bản một em sẽ thấy có số mã khác dẫn chúng cho em đến những hồ sơ khác; theo cách đó chúng ta có thể lần theo tài liệu ngược trở lại đến hồ sơ gốc. Thôi nào, tôi sẽ giúp em bắt đầu”.

“Vâng, được thôi”.

Khi anh đi ra lối đi phía sau hông cô ta anh cảm thấy sự hứa hẹn của thắng lợi trong lồng ngực căng phồng, và chẳng bao lâu sau khi họ ở có một mình với nhau ở khu vực mê hồn trận của hệ thống lưu trữ trung tâm, được bao trùm bằng mùi nước hoa, họ bồn chồn chạm vào nhau qua ngăn kéo của cặp hồ sơ.

“Mười một... anh nói gì cơ?”

“Mười một không chín... Chắc chắn là phải ở đâu đó đây thôi”.

Đây là lần đầu tiên anh cho phép mình nhìn chăm chú khuôn mặt cô ta. Nó tròn và mũi to và không thật sự xinh xắn - anh có thể hoàn toàn thừa nhận điều đó ngay bây giờ - và việc trang điểm quá dày có thể để che đi làn da xấu, cũng như việc những nét vạch đuôi màu đen nhỏ bé mà cô ta vẽ ở đuôi mắt để làm cho mắt cô ta trong to hơn và cách xa nhau hơn. Sự nấn nót trong việc để kiểu tóc có thể là vấn đề lớn nhất - chắc hẳn nó đã là một bụi rậm quăn tít không ra một kiểu dáng nào cả từ khi cô ta còn là một đứa trẻ, và chắc hẳn vẫn còn gây cho cô ta những điều phiền toái khi gặp mưa - nhưng miệng của cô ta thì thật tuyệt vời: hàm răng hoàn hảo và đôi môi gọn gàng, huyền ảo và phúng phính có thành phần của bánh hạnh nhân. Anh nhận thấy nếu anh tập trung mắt của anh vào miệng cô ta để phần còn lại của khuôn mặt được nhạt nhòa đi và rồi lùi lại để cảm nhận được toàn bộ chiều cao và vóc dáng của cô ta trong một hình ảnh mơ hồ, hoàn toàn có thể tin rằng anh đang nhìn vào một người phụ nữ nóng bỏng nhất thế giới.

“Đây rồi,” cô ta nói. “Bây giờ anh muốn tất cả các cặp hồ sơ có liên quan đến những số mã khác này nữa, đúng không?”

“Đúng thế, có thể sẽ mất chút thời gian; Tôi hy vọng rằng em sẽ không đi ăn trưa sớm”.

“Không, hôm nay em chưa có một kế hoạch cụ thể nào”.

“Hay quá. Tôi sẽ quay trở lại trong giây lát và xem em làm việc như thế nào. Cảm ơn nhiều, Maureen”.

“Không có chi”.

Anh quay lại phòng làm việc và ngồi xuống. Thật là một sự sắp xếp hoàn hảo. Anh có thể đợi ở đây cho đến khi toàn bộ phần còn lại của tầng làm việc này trống rỗng vì mọi người đã ra ngoài ăn trưa; rồi sau đó anh sẽ quay lại và đón cô ta. Vấn đề duy nhất của anh bây giờ là phải suy nghĩ một lý do cho việc không đi ra ngoài ăn trưa một cách bình thường, với đám đông thông thường - một lý do, nếu có thể, sẽ che giấu anh được hết cả buổi chiều.

“Đi ăn không?”, một giọng đàn ông trầm hỏi, và lần này ba cái đầu ló qua tấm vách ngăn. Đó là ba cái đầu của Lathrop, Small và người đã cất giọng nói, một núi người màu xám với hàng lông mày rậm rịt và một cái râu được cầm chặt, dáng người ló ra đủ cao hơn tấm kính để lộ anh ta đang mặc một chiếc áo sơ mi kẻ ca rô luộm thuộm nghịch ngợm, cà vạt bằng len lông và áo khoác màu muối tiêu. Đó là Sid Roscoe, nhà hiền triết chính trị và văn học của tầng 15, một người tự miêu tả là “gã báo chí già nua”, khinh khỉnh biên tập phần nhà cho người lao động, *Knox News*, “Thôi nào, anh bạn lập dị”, anh ta nói thân mật, “Giẫm lên chân mình rồi đấy!”

Jack Ordway làm theo lời anh ta, dừng lại chỉ để lăm bằm “Xong chưa, Frank?”. Nhưng Frank lùi lại, kiểm tra đồng hồ với một cái nhìn của người đàn ông đang bị sức ép về thời gian.

“E rằng hôm nay tôi không thể cùng đi với mọi người được rồi,” anh nói. “Có vài người muốn đi thăm khu phố trên chiều nay; Tôi có thể sẽ phải qua đó kiểm tra”.

“Ôi, ơn Chúa, Wheeler,” Ordway nói, quay lại với anh. Có một nét thể hiện mất cân đối của việc bị sốc và thất vọng trên khuôn mặt của anh ta, một cái nhìn như định nói “Nhưng anh phải đi với chúng tôi”; nó làm cho Frank mất vài giây nhận ra sự cố là gì. Ordway cần anh. Khi có Frank đi cùng để hỗ trợ tinh thần, có thể anh sẽ lái được nhóm đến nơi mà Ordway gọi là một nơi “dễ chịu” một nhà hàng Đức tối tăm, nơi một vòng *martinis* nhẹ nhưng đầy đủ sẽ lướt qua mặt bàn như một phần nằm trong thực đơn; nếu không có anh, dưới mối quan hệ của Roscoe, họ sẽ chắc chắn đi đến một nơi “khủng khiếp” - một bữa ăn qua loa sạch sẽ đến tàn nhẫn và “sáng sủa” có tên Thiên đường Bánh quế, nơi thậm chí bạn không thể có được một cốc bia nào và là nơi mà những mùi giả tạo của bơ chảy và si rô gỗ thích đủ để làm cho bạn nôn oẹ vào khăn giấy bé tí.

Nhưng Frank ngồi im, đập đập vào bia hồ sơ đồng công việc hiện tại. Anh đợi cho đến khi họ chắc chắn đã vào trong thang máy, rồi anh tiếp tục đợi. Mười phút trôi qua, và hai mươi phút, dường như văn phòng còn quá đông; rồi cuối cùng anh ló ra một nửa từ chiếc ghế của mình, lén nhìn qua mặt của tấm vách ngăn ở mọi hướng.

Đầu của Maureen di chuyển phía trên mép nước của hệ thống lưu trữ trung tâm. Có thêm một vài cái đầu nữa chụm lại với nhau ở gần thang máy và một nhóm khác rải rác ở góc đằng xa, nhưng không có lý gì mà phải chờ lâu hơn nữa. Văn phòng sẽ chẳng bao giờ vắng vẻ hơn như thế này được. Anh cài khuy áo và hiên ngang ra khỏi phòng.

“Thế là ổn rồi, Maureen”, anh nói, như quy xuống phía cô ta, cầm tập hồ sơ và giấy từ tay cô. “Tôi không nghĩ là chúng ta cần nhiều hơn nữa”.

“Được thôi, nhưng chỉ mới có một nửa số tài liệu, mặc dầu vậy, em muốn nói chẳng phải anh cần tất cả những hồ sơ này hay sao?”

“Em nghe này: Đừng lo về điều đó nữa. Ta đi ăn trưa nhé”.

“Vâng. Em rất vui”.

Tất cả hành động mà anh làm là vội vàng quay trở lại bàn làm việc để thả đồng giấy tờ và lăn vào phòng vệ sinh nam để rửa mặt. Nhưng khi đứng chờ thang máy, trong lúc chờ cô ta ra khỏi phòng vệ sinh nữ, anh hoàn toàn lo lắng. Đám đông ít ỏi quanh thang máy bắt đầu có cả những người đi ăn trưa

về; nếu cô ta không nhanh họ có thể sẽ chạm trán với Ordway và những người khác. Cô ta làm cái quái gì mà lâu thế? Chắc hẳn cô ta đứng khoanh tay quanh ba cô gái khác cười như không thể kiểm soát được với chính ý tưởng ra ngoài đi ăn trưa với Ông Wheeler?

Rồi đột nhiên cô ta đi về phía anh với một chiếc áo khoác nhẹ, cửa thang máy đang mở ra và giọng của người vận hành thang máy vang lên “Xuống”.

Anh đứng hơi lùi về phía sau cô và bắt mình đứng trong tư thế nghỉ duyệt binh cứng nhắc khi họ rơi trong không gian. Tất cả những nhà hàng phục vụ cho những văn phòng quanh đây sẽ rất đông người Knox; anh sẽ phải đưa cô ra khỏi vùng lân cận, và khi họ đi qua sảnh, anh nắm lấy khuỷu tay của cô, ngập ngừng như thể là ngực cô ta vậy. “Nghe này,” anh lầm bầm. “Không có chỗ nào tươm tất để ăn quanh đây. Em có muốn đi vòng một chút không?”

Họ đang ở trên lối dành cho người đi bộ, đám đông chen lấn, và anh đứng đó cười như một kẻ lẩn thẩn cho những gì dường như một phút trọn vẹn không quyết định trước khi từ “taxi” chọt loé lên trong đầu anh; rồi tất cả ngay lập tức làm anh cảm thấy thoải mái khi một chiếc taxi đang chậm chậm tiến vào theo dấu hiệu của cánh tay đang vẫy, và cũng thật là tuyệt vời khi nhìn thấy nụ cười của cô, cúi xuống và bước vào taxi một cách duyên dáng ở chỗ ngồi thật sâu phía bên trong, đến nỗi anh không thèm để ý đến những gì anh nhìn thấy bằng góc mắt vào lúc đó: vóc dáng không thể nhầm lẫn được của Sid Roscoe trong đám đông, bên cạnh là hình ảnh quen thuộc của Lathrop, Small và Ordway, đi về từ phía nơi “khủng khiếp”. Không thể nói được liệu họ có nhìn thấy anh hay không, và ngay lập tức anh quyết định điều đó không quan trọng. Anh đóng sầm cửa lại, cho phép mình nhìn liếc qua cửa ô tô một lần nữa khi chiếc ô tô ra khỏi chỗ ngoặt, và anh muốn cười thật to ở hình ảnh của đôi giày da màu vàng da cam của Jack Ordway đập đen đét dọc theo một rùng chân và bàn chân.

CHƯƠNG VI

“Mọi việc dường như đang không đi đúng chủ đề,” cô nói. “Ý em là em cảm thấy thoải mái và mọi thứ, nhưng em nghĩ chúng ta nên ăn một chút gì đó”.

Họ ở trong một nhà hàng tường gạch đất tiền trên phố Miền Tây Số 10, Maureen đã nói trong nửa giờ đồng hồ trong sự vội vàng tự truyện đến mức độ không thở được, chỉ dừng lại có một lần để anh điện thoại cho bà Jorgensen và sắp xếp cho một trong những cô khác trực ở quầy lễ tân chiều nay. (“Vấn đề là,” anh giải thích, “Tôi phải mượn Maureen giúp xác định vị trí một vài thứ ở “Máy giám sát”, có vẻ là chúng tôi sẽ bị chôn chân ở đây cho đến hết ngày”. Không có ban nào hay phòng nào ở bất cứ trong toà nhà Knox có tên gọi là “Máy giám sát”, nhưng anh khá chắc là bà Jorgensen không biết và bất cứ một ai bà ta hỏi cũng không chắc về văn phòng này. Anh đã xử lý cuộc điện thoại khéo léo đến mức anh không nhận ra mình sắp say cho đến khi chỉ một chút xíu nữa thôi là anh làm đổ khay bánh ngọt Pháp trên đường anh quay trở lại nhà hàng từ buồng điện thoại về). Thời gian còn lại dành cho việc uống đều đều và lắng nghe với những cảm giác lẫn lộn.

Có một vài điều anh được biết: cô ta hai hai tuổi và đến từ một thị trấn vùng nông thôn, nơi bố cô ta là chủ một cửa hàng bán đồ dùng và dụng cụ trong nhà; cô ta ghét tên của mình (“Ý em là tên Maureen thì ổn nhưng “Grube” nghe ghê quá; Em cho rằng đó là một lý do làm cho em muốn lấy chồng”); cô ta đã lấy chồng năm mười tám và đã bỏ chồng sáu tháng sau đó - “Nó hoàn toàn là điều lố bịch” - và dành một hay hai năm sau đó “chỉ lau nhà và làm việc ở công ty gas và cảm thấy nhàm chán” cho đến khi cô bị tấn công bởi suy nghĩ những gì cô luôn thực sự và đích thực muốn làm là đến New York và “sống”.

Tất cả những điều này thật thú vị, đó là cách cô ta bẽn lễn mắc lỗi khi gọi anh là “Frank,” cô ta quả thật có một căn hộ cùng với một cô gái khác - một căn hộ “đáng ngưỡng mộ một cách hoàn hảo” ngay tại đây ở trong Làng - nhưng sau một lúc anh nhận thấy anh luôn phải tự nhắc nhở mình là phải cảm thấy hài lòng. Vấn đề, anh nghĩ, chủ yếu là cô ta nói quá nhiều. Đồng thời chính đa phần cách nói của cô ta nghe có vẻ giả tạo, nhiều khả năng thể hiện sự duyên dáng đã bị chặn lại và chôn dưới lớp vỏ bọc của việc cố tạo ra

mình xinh xắn. Chẳng bao lâu anh có thể phỏng đoán hầu như, nếu không phải là tất cả sự trống rỗng của cô ta được đổ lỗi cho người bạn cùng phòng, tên là Norma và là người mà cô ta dường như cảm thấy không đáng được ngưỡng mộ. Cô ta càng kể cho anh về cô kia hay là “cô ả” - rằng cô kia lớn tuổi hơn và đã hai lần ly dị, rằng cô kia làm việc cho một tờ báo lớn và biết “mọi hạng người khó tin” - thì anh càng thấy khó chịu về việc cô ta và Norma thích thú với vai trò của người thông thái cổ điển và người học cách sống chỉ có niềm vui chính thống là phụ nữ. Có những dấu hiệu của sự trợ giáo qua việc trang điểm quá dày và cách để tóc quá cẩn thận của Maureen, cũng như trong từng thói cầu kỳ có chủ tâm và lối nói tầm phào - sự lạm dụng từ ví dụ như “điên”, “hoang đường” và “kinh khủng,” việc thuật lại sự việc với đôi mắt mở to để bảo quản căn hộ, và những câu chuyện vặt vãnh gồm cả người Ý bán hàng tạp hóa dễ thương, người giặt đồ Trung Quốc dễ thương và những cảnh sát khu vực đáng yêu nhưng cộc cằn, tất cả họ, theo lời kể, trở thành những vai phụ cũ rích trong một bộ phim hư cấu của Hollywood có nội dung kể về những cô gái độc thân ở Manhattan mà nhân vật được thể hiện bằng những chiếc kẹo.

Phải chịu đựng lắng nghe sự giải bày tâm sự này anh đã gọi đến nhiều lần rượu, và bây giờ lời tuyên bố nhu mì của cô ta là câu chuyện đang không đi vào trọng tâm làm cho anh cảm thấy có lỗi. Tất cả lòng nhiệt tình dễ bị tổn thương của Norma đã thể hiện qua khuôn mặt của Maureen; trông cô ta thành thật và bất lực như một đứa trẻ về việc phát ốm lên vì chiếc váy dạ tiệc. Anh gọi bồi bàn và giúp cô ta gọi những món lạnh nhất trong thực đơn với tất cả sự chăm sóc của một người cha chu đáo; khi cô ta đã ổn định chỗ ngồi để bắt đầu ăn, nhìn lên rồi quả quyết rằng đã cảm thấy khá hơn, thì cũng là lúc đến lượt anh nói.

Hầu như là chỉ có anh nói. Các câu tuôn trào ra từ trong anh, những đoạn văn được tự sáng tác và cắt cánh, những giai thoại hợp lý nảy ra và rút lui để dọn đường cho việc chuyển thể sang văn trào phúng trịnh trọng.

Bắt đầu bằng việc táo bạo, sắc sảo lột bỏ bề ngoài của Tập đoàn Thương mại Knox, câu chuyện đã làm cho cô ta cười, anh tự tin chuyển sang những lĩnh vực khác rộng hơn cho đến khi anh tiết lộ ra chuyện hoang đường của Hãng Tự do đang phải cạnh cô; rồi, ngay vào lúc bất kỳ một câu chuyện kinh tế nào có dấu hiệu cảnh báo sẽ làm cho cô ta cảm thấy nhàm chán, anh đưa cô ta vào những lĩnh vực của tâm lý rồi đưa cô quay trở lại trái đất với lời nói lém lỉnh.

Bây giờ thì cô ta cảm thấy như thế nào với cái chết của Dylan Thomas? Chẳng phải cô đồng ý rằng thế hệ này thiếu sức sống và nhiều hoang loạn hơn trong thời đại hiện đại hay sao? Anh đang ở đỉnh cao của sự hưng phấn. Anh đang sử dụng chất mà đã làm cho Milly Campbell phải thốt lên “Ôi, đúng quá, Frank!”, ngón nghề phong phú hơn và thân quen hơn mà một lần đã giúp anh trở thành một người hay nhất April Johnson từng gặp. Thậm chí anh còn sử dụng cả đến việc đưa thông tin anh đã từng làm phu khuân vác ở biển. Mặc dầu vậy, qua tất cả những câu chuyện đó, mạch chuyện được thêu dệt khéo léo chỉ để phục vụ cho Maureen: một bức chân dung mô tả chính bản thân anh như một người đàn ông trẻ có gia đình, lịch sự nhưng với một tâm trạng vỡ mộng, buồn và dững cảm trong cuộc chiến với hoàn cảnh của mình.

Khi đến lúc uống cà phê anh có thể nhận thấy câu chuyện của anh đã có tác dụng. Khuôn mặt cô ta thể hiện sự đáp lại với hết mọi điều anh nói: anh có thể làm cho khuôn mặt cô ta nở nụ cười vui sướng, nghiêm trang, gật đầu đồng ý nghiêm túc hay dịu lại trong sự trầm ngâm lãng mạn; nếu anh muốn anh có thể dễ dàng làm cho nó nhỏ lệ. Khi cô ta nhìn anh thoáng qua, nhìn xuống cái cốc hay ỷ mị nhìn quanh phòng, đó chỉ là sự thể hiện của nhịp thở đầy xúc cảm; nếu có thể thì, anh thề rằng anh nhận thấy cô ta đang lên kế hoạch về việc sẽ kể cho Norma về anh như thế nào (“Ôi, một người đàn ông lôi cuốn”), và cách cô ta dường như bị cảm kích khi anh giúp cô ta mặc áo choàng, cách cô ta xoay người qua anh khi họ ra khỏi chỗ thả bộ trong ánh nắng mặt trời, rõ ràng những nghi ngờ bé nhỏ cuối cùng đã an toàn tan biến. Anh đã làm được điều đó.

Vấn đề bây giờ là đi đâu. Họ đang lơ đãng đi về phía rặng cây của Quảng trường Washington; vấn đề của việc thả bộ trong công viên là ngoài việc lãng phí thời gian đáng quý thì đây cũng là giờ công viên đông phụ nữ và có thể trong số họ là bạn hay là hàng xóm của April. Anne Snyder và Susan Cross, và chỉ có Chúa mới biết có bao nhiêu người trong số họ đang ở trong công viên, giương gò má mềm mại ra ánh nắng mặt trời hay lau kem trên miệng của những đứa con khi họ nói chuyện về trường mẫu giáo hay tiền thuê nhà quá cao hay những bộ phim của Nhật kỳ diệu, chờ cho đến lúc thu gọn đồ chơi và bánh quy giòn hiệu Graham và thả bộ về nhà để làm cocktail cho chồng, và họ sẽ phát hiện ra anh ngay trong giây lát (“Đúng rồi, tất nhiên đây là Frank Wheeler, nhưng ai đang đi cùng anh ta nhỉ? Điều đó không kỳ cục sao?”). Nhưng anh đã đề cho sự khiếp đảm không thoải mái này diễn ra

trước khi Maureen dừng lại bên lề đường.

“Đây là chỗ của em. Anh có muốn vào làm một ly hay một thứ gì đó không?”

Anh theo cái hông của cô ta đi lên một cầu thang được trải thảm màu xin và tiếng cánh cửa lách cách đóng lại sau lưng anh, anh đang đứng ở trong phòng bốc mùi máy hút bụi, thịt hun khói của bữa sáng và nước hoa, một căn phòng im ắng, cao, nơi mà mọi thứ được tắm đẫm trong ánh sáng màu vàng từ cửa sổ được đóng rèm bằng thanh tre, đã làm cho ánh nắng mặt trời thành những hình xiên theo phương thẳng đứng có màu nâu vàng và vàng óng. Anh đứng đó với cảm giác cao và khỏe khi cô ta cúi xuống và nhún đầu trong đôi chân đang đi tất, sắp xếp lại cái gạt tàn và đóng tạp chí - “Em xin lỗi, chỗ em ở lộn xộn quá, anh có ngồi được không?” - và khi cô ta quỳ gối xuống cái ghế giường với lấy cái dây để kéo rèm, anh tiến đến gần cô ta và đặt tay mình vào eo. Thế là thành công. Với cái rên nhẹ cô ta quay lại và tựa người vào anh, mời chào bằng cái miệng của mình. Thế là họ cùng nhau lên ghế, và điều khó khăn nhất bây giờ là sự bức bối của quần áo. Xoắn lấy nhau và thở hổn hển, họ vội vàng với nào là những nơ, cúc, thắt lưng và ghim cài cho đến khi chướng ngại vật cuối cùng phải tuột ra; trong sự ấm nóng và nhịp nhàng của da thịt anh nhận thấy một cảm giác quá mạnh, không thể chống lại của *đây là cái mà tôi cần*; đây là cái mà tôi cần; sự miệt mài của anh được trọn vẹn đến mức anh chỉ lờ mờ nhận thấy tiếng cô ta thì thầm, “Ôi, vâng; vâng; dạ;...”

Khi chuyện đó kết thúc, khi họ tách nhau ra và lại ôm lấy nhau trong mớ hỗn độn của tay và chân bị đổ mồ hôi nhẹ, anh biết rằng anh chưa bao giờ dễ chịu với ai hơn như thế trong cuộc đời anh. Chỉ có vấn đề duy nhất là anh đã không nghĩ ra được từ gì để nói.

Anh cố gắng nhìn vào mặt cô ta, để cho anh có một lời giải đáp, nhưng cô ta đã áp chặt mặt mình vào ngực anh đến nỗi tất cả những gì anh có thể nhìn thấy là một mớ lộn xộn màu đen của tóc cô ta; cô ta đang đợi anh nói trước. Anh quay đầu sang một chút và nhận thấy anh đang nhìn qua cái móc khóa của tấm rèm mà cô ta đã định kéo lên một vài inhsơ trước khi rơi vào vòng tay anh. Anh nhìn kỹ cái gờ mái bằng gạch bị phơi nắng của ngôi nhà qua con phố, nơi có những cái chụp ống khói và anten vô tuyến in những cái bóng khó hiểu trên nền xanh rực rỡ của bầu trời. Từ nơi nào đó, ở trên cao và rất xa là tiếng o o trườn nhẹ của máy bay. Anh nhìn sang chỗ khác, trong căn

phòng nơi mọi thứ - tranh Picasso, tuyển tập *Câu lạc bộ sách trong tháng*, cái võng, cái bệ lò sưởi tua tua những tấm ảnh chụp nhanh - mọi thứ bơi trong ánh sáng màu vàng đầy sức sống; suy nghĩ tiếp theo chợt đến đầu tiên với anh là cái áo choàng đã bị liệng đi và áo sơ mi đang bay ở đâu đó, gần cái ghế, giày của anh, quần và đồ lót thì ở đây, gần với tay. Anh có thể đứng dậy mặc quần áo và ra khỏi đây trong vòng ba mươi giây.

“Em này,” cuối cùng thì anh nói, “Tôi nghĩ rằng đây không phải chính xác là những gì em nghĩ trong đầu khi em bắt đầu đi làm sáng nay, phải vậy không?”

Sự im lặng tiếp tục, hoàn toàn im lặng đến nỗi anh nhận thấy lần đầu tiếng tích tắc của đồng hồ ở phòng bên. Rồi:

“Không,” cô ta nói, “Đương nhiên là không rồi ạ”. Và cô ta nhanh chóng ngồi dậy. Cô ta mò mẫm chiếc áo len màu xanh hoàng gia và chộp lấy nó che thân mình. Rồi, ngập ngừng, cô ta dường như quyết định sự e lệ hầu như không còn nghĩa lý gì nữa, và thả nó xuống; nhưng với sự bối rối ngượng ngùng cô ta lại nhặt nó lên, rõ ràng tự hỏi liệu đây không phải là thời gian khi sự e lệ có ý nghĩa quan trọng nhất, và rồi che ngực mình và khoanh tay lại. Tóc cô ta giờ trở nên hoang dã không hấp dẫn, chắc hẳn như thời niên thiếu; nó dường như nở tung từ da đầu cho đến hàng trăm chỗ thắt nút. Cô ta tế nhị sờ vào nó với những ngón tay của mình, không phải theo cách làm cho nó được suôn mà theo cách nửa tỉnh táo và ngấm ngấm giống như anh thỉnh thoảng sờ vào phần dưới của mình khi mười sáu, chỉ để chắc chắn rằng cái vật kinh khủng của mình vẫn còn đó. Mặt và cổ cô ta tái nhợt đi nhưng một cái liếc mắt ửng đỏ vì thẹn bắt đầu hằn trên cả hai má, như thể cô ta bị tát, và trông cô ta bị tổn thương đến mức độ chỉ trong một hoặc hai giây anh chắc rằng anh có thể đọc được suy nghĩ của cô ta. Norma sẽ nói gì? Liệu Norma có kinh hoàng là cô ta đã quá dễ dãi đến như thế? Không; chắc chắn cảm giác của Norma sẽ là của một người lớn thực thụ, trong mối quan hệ thực sự thạo đời vì thật là sáo rỗng đến tuyệt vọng khi suy nghĩ theo cách “dễ dãi” hay “khó khăn” để “làm chuyện đó”. Có, nhưng nếu như đây vẫn là ứng xử người lớn và thạo đời trong tất cả mọi việc, vậy tại sao cô ta lại không thể quyết định làm gì với cái áo len? Tại sao cô ta lại phải dành thời gian vớ vẩn để suy nghĩ xem liệu cô ta có thể nói gì với một người đàn ông?

Cuối cùng cô ta cũng trấn tĩnh lại. Cô nâng cằm lên như thể để tung mái tóc dày và mượt ra đằng sau và buộc mặt của mình có một nụ cười hài hước ở

phòng khách, lần đầu tiên nhìn thẳng vào mắt anh.

“Anh có thuốc không, Frank?”

“Có, đây”. Cuối cùng, khuôn dung, câu chuyện bắt đầu được tuôn ra.

“Tên của phòng ban mà anh đã sáng tạo ra là gì?”

“Mm?”

“Anh biết mà. Nơi anh nói với bà ta chỗ chúng ta làm việc. Bà Jorgensen”.

“Ôi. *Máy giám sát*. Tôi không hoàn toàn sáng tạo ra cái tên ấy. Trước kia cũng đã có một phòng ban tên như vậy, ở phía dưới, tôi nghĩ là ở tầng tám. Đừng lo, dù sao, bà ta sẽ không bao giờ nhận ra điều đó đâu”.

“Nghe có vẻ thật sự không hay lắm. *Máy giám sát*. Xin lỗi, Frank”. Và cô ta đi ngang qua căn phòng, cúi người một cách kỳ cục, cứ như thể làm như thế sẽ khiến cho cô ta bị hờ người ít hơn, vào trong phòng nơi phát ra tiếng đồng hồ tích tắc.

Khi cô ta ra ngoài, mặc một chiếc váy dài đến sàn và tóc cô ta hầu như hoàn toàn được hồi phục lại hình dáng trước, cô ta nhận thấy anh đã mặc xong quần áo và lịch sự xem những chiếc ảnh chụp nhanh trên bệ lò sưởi, giống như một vị khách chưa được mời ngồi. Cô ta chỉ cho anh phòng tắm, và khi anh quay trở lại, cô ta đã dựng giường lên và lưỡng lự dịch nó về phía bếp.

“Anh có muốn uống hay dùng một thứ gì đó không?”

“Không, cảm ơn Maureen. Thật sự, tôi nghĩ là tôi nên đi bây giờ. Muộn rồi”.

“À, vâng, đúng rồi. Anh đã bị nhỡ tàu chưa?”

“Dở quá nếu anh bị muộn”. Cô ta coi bộ bình tĩnh và đầy phẩm giá, và cô ta mang dáng vẻ đó với vẻ tao nhã cho đến lúc mở cửa cho anh, khi mắt lạc vào góc gần chỗ ghế dài và phát hiện ra thứ gì đó nhẹ và mỏng có màu trắng, một chiếc áo nịt ngực hay là một dây nịt bít tất, đã bị bỏ sót khi đứng dậy và vẫn còn nằm đó cuộn lại ở trên thảm. Cô ta bắt đầu, có thể nhận thấy sự thôi thúc chạy ra chộp lấy và giấu nó vào phía sau chiếc đệm - hoặc có thể xé nó

ra từng mảnh - và khi quay lại mắt cô ta mở to và sáng, lộ rõ vẻ đáng thương.

Điều đó không thể tránh được; anh nên nói điều gì đó. Nhưng điều chân thành nhất mà anh có thể nói là anh chưa bao giờ cảm thấy thoải mái hơn với bất kỳ ai đến như thế - để cảm ơn cô ta - anh tự hỏi liệu điều anh nói sẽ để lại hiệu quả không tốt, hoàn toàn giống như việc anh cho cô ta tiền? Một ý nghĩ khác chợt loé lên trong đầu anh: anh có thể buồn và mềm yếu; anh có thể ôm lấy vai cô ta và nói “Nghe này, Maureen. Sẽ không có bất kỳ một tương lai gì cho những việc như thế này”. Nhưng rồi có thể cô ta sẽ nói “À, vâng, em biết”, và giấu mặt cô ta vào lớp áo khoác của anh ta, điều đó làm anh không có gì để nói nhưng nếu nói “Tôi không muốn nghĩ rằng tôi đã lợi dụng gì đó; nếu tôi đã như vậy, vậy thì, tôi...” đó lại là một vấn đề. Anh sẽ phải nói “Tôi xin lỗi,” điều cuối cùng mà anh muốn làm - chính điều cuối cùng trong thế giới của Chúa là anh muốn xin lỗi. Thiên nga có xin lỗi Leda không? Một chú đại bàng có bao giờ xin lỗi? Con sư tử có bao giờ xin lỗi? Thiên địa quý thần ơi, chưa, chưa bao giờ.

Thay vào đó, những gì anh làm là cười với cô ta - một nụ cười hấp dẫn, tràn tụy và xảo quyệt - và giữ cho bộ mặt mình ở tư thế như vậy cho đến khi cô ta ngáp ngừng cười lại. Rồi anh cúi xuống hôn nhẹ cô ta vào môi và nói, “Nghe này: em thật tuyệt. Hãy giữ gìn nhé”.

Anh xuống cầu thang, đi ra phố và đi bộ; trước khi anh đi được một nửa đoạn đường anh đã bị rơi vào tình trạng của một cuộc chạy đăc chí, anh đã chạy suốt cả một chặng đường đến Đại lộ số 5. Khi anh phải ngoặt sang một bên để tránh không đi vào phần đường dành cho trẻ em, một phụ nữ đã quát vào mặt anh “Anh không nhìn thấy là anh đang đi vào đâu à?” nhưng anh từ chối, chắc hẳn không ít hơn sự từ chối của một con đại bàng hay một con sư tử, để nhìn lại. Anh cảm thấy như một người đàn ông.

Liệu một người đàn ông có thể trở về nhà trong khoang hút thuốc ở phía sau, nghiêm nghị chỉnh lại cái quần ở chỗ đầu gối để giữ nếp và thu gọn tờ báo buổi chiều thành một ô hẹp để dành cho người ngồi cạnh mình một chỗ chỉ đủ rộng cho một khuỷu tay? Liệu một người đàn ông có thể ngồi ngoan ngoãn xoa bóp cái đầu đau nhức của mình và cho phép chính bản thân mình bị bao quanh bởi tiếng nói huyên thuyên của nhóm đàn ông có vỏ bọc tử tế và nản chí ngồi đưng đưa chơi bài brit trong cái mùi ứ đọng của giấy in báo và thuốc lá, hơi thở khùng khiếp và điều hoà ở trên đầu.

Chết tiệt, không. Con đường cho một người đàn ông phải thẳng và mở, trong một lối đi bằng sắt phát tiếng kêu inh ỏi, nơi có gió đập mạnh vào chiếc cà vạt, đứng trên đôi chân được dang rộng ở trên sàn phát ra tiếng lanh lảnh, rùng mình, hút một hơi thuốc thật sâu từ điều thuốc đang bị kẹp trên tay cho đến khi mẩu thuốc cuối cùng đang cháy là một cái kim lửa và đập nhẹ tàn thuốc và rồi lại ngậm vào điều thuốc thẳng đứng như một viên đạn vào tiếng kêu inh ỏi của nền đường sắt, trong khi những thành phố ngoại ô chạy dọc chậm chậm theo từng đám bụi màu xám và hồng của buổi bảy giờ. Và khi anh về đến sân ga, con đường cho người đàn ông bước xuống phải đưa những bước đi bằng sắt, anh nhảy xuống trước khi tàu dừng bánh, chạy xuống tàu và bước chậm lại với những bước sai mạnh mẽ và thoải mái khi anh đi đến chỗ đỗ xe ô tô.

Rèm được kéo lên từ cửa sổ quảng cáo. Anh nhìn thấy trên đường trước khi anh đi vào lối đi; rồi, khi anh rẽ vào chỗ ngoặt, anh nhìn thấy April chạy từ cửa bếp lên đứng đợi anh ở chỗ để xe. Cô đang mặc một chiếc váy cocktail màu đen, đôi giày múa và một chiếc tạp dề rất nhỏ, một loại vải màu trắng quần tít mà anh chưa bao giờ nhìn thấy. Anh hầu như không có thời gian để tắt máy trước khi cô giật mạnh cánh cửa xe và ôm lấy cổ tay của anh bằng cả hai tay. Đôi tay cô mỏng hơn, lo lắng hơn của Maureen; cô cao hơn và già hơn và sử dụng một loại nước hoa hoàn toàn khác, cô nói nhanh hơn, với giọng cao.

“Frank, nghe này. Trước khi anh vào nhà em cần phải nói chuyện với anh. Nó rất là quan trọng”.

“Gì thế?”

“Ôi, rất nhiều điều. Trước tiên em nhớ anh suốt cả ngày và em thật sự xin lỗi anh vì mọi việc và em yêu anh. Phần còn lại có thể đợi. Nào, bây giờ thì anh vào nhà đi”.

Giá mà anh đã có cả năm trời để cống hiến và không làm thêm bất kỳ điều gì khác, chắc hẳn anh đã không thể, cho cuộc sống của anh, phân loại và cân đo được sự xúc cảm tràn ngập trong anh chỉ hai hay ba giây lê bước vào bậc nhà bếp với April ôm chặt lấy tay mình. Nó giống như là đi qua một cơn bão cát; nó còn giống như là đang đi trên mặt đại dương; nó giống như đang đi trên không vậy. Và đây là điều hài hước: với tất cả sự cản trở trong sâu thẳm, anh không thể nhận ra giọng của April, khác so với chính nó, một chất giọng thật

kỳ lạ như giọng của Maureen khi cô ta nói về những người hoang đường mà Norma biết, hay như cách nói “Máy giám sát” - chất lượng giọng của một người đóng kịch, ở mức độ cường độ hơi giả tạo, theo cách dường như nói với anh ít hơn những đoạn trích lãng mạn.

“Đợi đây, anh yêu,” cô nói. “Đợi em một phút đến khi em quay lại,” và cô để cho anh một mình ở trong bếp nơi có mùi cháy của thịt bò nướng làm cho anh chảy nước mắt. Cô cầm trên tay một cốc đầy đá theo Một cũ và whiskey và biến mất trong phòng khách tối om mà từ đó, bây giờ, anh có thể nghe thấy một tiếng khúc khích bị nén lại của trẻ nhỏ và tiếng lạo xạo của diêm quẹt.

“Được rồi,” cô gọi, “Nào bây giờ thì...”

Họ đã ngồi vào bàn, anh nhìn vào khuôn mặt của ba người bọn họ trước khi anh nhìn thấy họ được hoà lẫn vào trong màu vàng đang lấp lánh. Nó là một chiếc bánh có nến. Rồi tiếp đến giọng hát chậm chậm vút lên:

“Chúc mừng sinh nhật!”

Giọng của Jennifer to nhất và chỉ có April là có giai điệu khi họ hát ở nốt cao - “Chúc mừng sinh nhật bố...”, Michael đang cố làm những điều tốt nhất có thể, và cậu bé cười to nhất.

CHƯƠNG VII

“Tha thứ cho em về cái gì, April?” Họ đang đứng cùng nhau trên tấm thảm ở phòng khách, và cô ngập ngừng bước đến gần anh.

“Cho tất cả mọi thứ,” cô nói, “Cho tất cả mọi thứ. Cách em đã đối xử với anh trong ngày nghỉ cuối tuần. Cách em đã ứng xử với anh kể từ khi em bị rơi vào tình trạng bối rối của vở kịch khủng khiếp đó. Em có rất nhiều điều muốn nói với anh, và em có một kế hoạch thật tuyệt vời, Frank. Nghe em nói này”.

Nhưng không phải dễ dàng lắng nghe mọi thứ trong sự im lặng bị tổn thương hiển hiện trong đầu anh. Anh cảm thấy giống như một kẻ bạo chúa vậy. Anh đã ăn ngẫu nhiên trong bữa tối như một người bị bỏ đói và hoàn thành bảy cái đĩa ngập bánh sô-cô-la ngọt ngào giả tạo; anh reo lên nhiều lần, trong khi mở món quà sinh nhật, cái từ mà anh đã sử dụng để mô tả về Maureen Grobe đã như thế nào với anh - “Tuyệt... thật tuyệt...” - anh đã nghe thấy tiếng cầu nguyện phát ra từ giường bọn trẻ và tiếng nhón chân trong phòng chúng; và bây giờ anh cho phép vợ mình xin hỏi sự tha thứ, cùng lúc, với đôi mắt lạnh lùng, anh nhận ra cô không có gì nhiều lắm để ngắm nhìn: cô quá già, quá cao và quá khắc nghiệt.

Anh muốn chạy vội ra ngoài và có vài hành động hối lỗi thực sự - đâm nắm tay vào cây hay chạy hàng dặm, nhảy qua những bức tường bằng đá, cho đến khi anh mệt lử trong một bãi lầy toàn bùn và bụi gai. Thay vào đó, anh nhắm mắt, với tay ra và kéo cô gần về phía anh, vò nhàu cái tạp dề cocktail của cô trong một cái ôm khủng khiếp, để cho tất cả nỗi giày vò tan biến khi anh ghi chặt và vuốt ve đường cong bên lưng của cô trong khi anh thúc giục cái miệng của mình rên rỉ trên cổ cô. “Ôi, em yêu,” anh nói, “Ôi, cô gái đáng yêu của anh”.

“Gượng đã, anh. Anh có biết cả ngày hôm nay em làm gì không? Em nhớ anh. Và Frank, em đã nghĩ về một điều tuyệt vời nhất - không đợi đã, ý em là em yêu anh và mọi thứ của anh, nhưng nghe này. Em...”

Cách duy nhất để làm cho cô không nói nữa và làm cho cô ra khỏi tầm nhìn

là hôn vào miệng cô; rồi sàn nhà bắt đầu nghiêng đi ở một góc nguy hiểm và họ có thể sẽ rơi vào bàn uống cà phê nếu họ không đi ba bước lảo đảo tiến về phía ghế sofa đầy khêu gợi.

“Anh yêu!” cô thì thầm, cố thở. “Em yêu anh nhiều lắm, nhưng anh không nghĩ rằng chúng ta nên... ồ, đừng dừng lại. Đừng, dừng lại”.

“Nên cái gì?”

“Nên cố gắng vào giường trước đã. Nhưng nếu không, nếu nó làm cho anh khó chịu, mình có thể làm chuyện đó ở đây. Em yêu anh”.

“Không, em đúng mà. Chúng ta sẽ vào giường”. Anh bắt mình phải đứng dậy, kéo cô lên với anh. “Anh nên đi tắm trước đã”.

“Không. Đừng tắm, em sẽ không cho anh tắm đâu”.

“Anh phải tắm, April”.

“Tại sao?”

“Chỉ vì anh phải như vậy thôi”. Nó làm cho tất cả ham muốn của anh tan biến trong từng bước đi nặng nề.

“Em nghĩ anh thật sự là nhỏ mọn,” cô nói và giữ chặt lấy tay anh. “Nhỏ mọn kinh khủng. Frank, anh có thích khoảnh khắc hiện tại không? Cái cà vạt có ổn không? Em phải đi đến mười bốn chỗ khác nhau mà không một nơi nào có cái cà vạt lịch sự cả”.

“Nó là một cái cà vạt tuyệt vời. Nó là cái cà vạt tuyệt vời mà anh có”.

Dưới vòi nước nóng xối xả, trong đó Maureen Grobe đã trở thành một làn da thứ hai bám chặt vào mà chỉ có sự cọ rửa thật lâu mới có thể trút hết đi được, anh quyết định anh sẽ nói với cô. Anh sẽ nghiêm túc nắm lấy tay cô và nói “Nghe này, April. Chiều nay anh...”.

Anh tắt vòi nước nóng và bật vòi nước lạnh, điều mà anh đã không làm trong nhiều năm. Cú sốc đã làm anh nhảy múa và thở hổn hển nhưng anh đã bắt mình phải đứng yên cho đến khi anh đếm đến ba mươi, cách anh vẫn hay

thường làm trong quân ngũ, và anh bước ra với cảm giác của một kẻ triệu phú. Nói với cô á? Tại sao, đương nhiên là anh sẽ không nói với cô. Liệu điều đó có ý nghĩa gì?

“Trông anh sạch quá,” cô nói, xoay người sát vào anh trong bộ váy ngủ kêu gọi nhất. “Trông anh sạch và yên bình quá. Lại đây với em và mình nói chuyện một chút đã nhé, có được không? Xem em có cái gì này”.

Cô đặt một chai brandy và hai cái ly trên mặt bàn uống nước buổi tối, nhưng phải một lúc lâu sau anh mới cho cô rót rượu, hay nói điều gì đó. Khi cô lùi ra khỏi anh, ngay khi, chỉ để gỡ dây đăng ten khỏi bờ vai và để cho nó rơi xuống ngực, nơi mà đầu ti cô bắt đầu cứng lại và căng lên trước khi anh ôm nó bằng cả hai tay.

Lần thứ hai anh nhận thấy hành động của tình yêu làm cho anh không thể nói được, và anh hy vọng rằng cô có thể làm ơn hoãn việc nói chuyện sang sáng mai. Anh biết rằng dù bất cứ điều gì cô phải nói là sẽ được nói với một sự nhấn mạnh cường điệu và kỳ lạ, và anh không cảm thấy có thể đảm đương được điều đó bây giờ. Tất cả những điều mà bây giờ anh muốn là nằm đây và nở nụ cười trong bóng tối, bối rối và ân hận, và hạnh phúc, và chuẩn bị cho sức nặng của sự buồn ngủ.

“Anh à?” Giọng cô văng vẳng đâu đây. “Anh à, anh sắp ngủ đấy à? Vì em có nhiều điều nói lắm và chúng ta đang phí phạm chai brandy kia, thậm chí em không có cơ hội nói với anh về kế hoạch”.

Sau một phút, anh nhận thấy mình dễ tỉnh táo lại, nếu như chỉ là hứng thú bên cạnh cô dưới hai lớp chăn phủ, nhấp rượu brandy dưới ánh trăng và lắng nghe giọng lên trầm xuống bổng của cô. Dù có diễn kịch hay không, giọng cô khi đang yêu luôn là âm thanh ngọt ngào. Cuối cùng, với sự miễn cưỡng, anh bắt đầu lắng nghe cô nói.

Kế hoạch của cô là, ý tưởng được sinh ra từ nỗi buồn, nỗi nhớ anh suốt ngày, tình yêu của cô dành cho anh là một kế hoạch được thảo ra một cách tỉ mỉ cho chuyến đi thăm châu Âu vào mùa thu. Anh có nhận ra họ có bao nhiêu tiền không? Với tiền tiết kiệm, với việc bán nhà và ô tô, và với những gì họ có thể tiết kiệm được từ nay cho đến tháng chín, họ có thể sống thoải mái trong sáu tháng. “Nó không mất mát điều gì ngoài việc mất sáu tháng trước khi chúng ta được ổn định và đủ sống lâu như chúng ta muốn - đó là phần

tuyệt nhất”.

Anh làm trong giọng của mình rồi nói. “Nghe này, em yêu. Trước tiên, có thể làm công việc gì...?”

“Không một công việc nào cả. Em biết rằng anh có thể kiếm được việc ở bất cứ nơi nào trên thế giới nếu anh muốn, nhưng đó không phải là điều em muốn nói. Vấn đề là anh sẽ không đi kiếm bất kỳ một công việc nào cả, mà là em. Anh đừng cười - nghe em nói một phút thôi. Anh có khái niệm gì về việc họ sẽ trả bao nhiêu cho công việc thư ký ở những cơ quan chính phủ ngoài nước không? NATO và ECA và những chỗ tương tự như vậy? Và anh có nhận ra chi phí cuộc sống thấp như thế nào, khi so sánh với mức ở đây không?” Cô đã tính toán mọi thứ; cô đã đọc một bài báo ở tạp chí. Kỹ năng của cô là đánh máy và tốc ký sẽ làm cho họ đủ sống, thậm chí còn hơn như thế - đủ thuê một người phục vụ nửa ngày cho việc chăm con trong khi cô đi làm. Nó thật sự, cô van nài, là một kế hoạch đơn giản tuyệt hảo đến mức cô ngỡ ngàng về việc cô chưa bao giờ nghĩ đến nó trước kia. Nhưng cô phải tự ngắt lời mình, với sự thiếu kiên nhẫn ngày càng tăng, để nói anh không được cười nữa.

Điều cười của anh không hoàn toàn có thực, cũng như cách anh siết chặt vai cô như thể giải tán toàn bộ câu chuyện như một sự đồng bóng đáng yêu. Anh đang cố che giấu cô, nếu không phải từ chính bản thân mình, là kế hoạch đang thực sự làm anh hoảng sợ.

“Em nghiêm túc đấy, Frank,” cô nói. “Anh nghĩ là em đùa hay là đang làm sao à?”

“Không, anh biết. Anh có một vài câu hỏi, tất cả chỉ có vậy. Có điều là, anh sẽ làm gì khi em ra ngoài đi làm kiếm tiền?”

Cô lùi lại và cố kiểm tra khuôn mặt của anh trong ánh sáng lờ mờ như thể cô không thể tin được anh đã không hiểu. “Anh không thấy? Anh không thấy toàn bộ vấn đề sao? Anh sẽ làm những gì mà anh không cho phép mình làm từ cách đây bảy năm. Anh sẽ tìm lại mình. Anh sẽ đọc, nghiên cứu, thả bộ và suy nghĩ. Anh có thời gian. Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời anh có thời gian để tìm ra những gì anh muốn làm, và khi anh tìm ra nó anh sẽ có thời gian và tự do để bắt đầu thực hiện nó”.

Và, anh biết khi anh cười lặng lẽ và gật đầu, đó là những gì mà anh sợ cô nói ra. Anh mừng tượng ra sự không yên lòng khi cô về nhà sau một ngày làm việc ở cơ quan - mặc một bộ vét do thợ may Pháp thiết kế, mạnh mẽ rút găng tay - về đến nhà thấy anh gặp người trong chiếc áo choàng nhuộm màu của trứng, trên một chiếc giường không được dọn, nhỏ lông mũi.

“Nghe anh nói này,” anh bắt đầu. Anh để cho bàn tay của mình trượt nhẹ khỏi bờ vai cô và để nó dưới cánh tay cô để âu yếm bầu ngực nhỏ nhắn của vợ. “Trước tiên, tất cả những điều em đang nói rất ngọt ngào và rất...”.

“Không phải là ngọt ngào!” Cô phát âm như thể đó là tất cả tinh hoa mà cô xem thường, cô nắm lấy tay anh và hất nó xuống như thể nó cũng ti tiện vậy. “Chúa ơi, Frank, em không muốn thể hiện ngọt ngào. Em sẽ không tiếp tục hy sinh lòng vị tha nữa - anh có nhìn ra điều đó không?”

“Được rồi, được rồi, nó không chỉ là ngọt ngào. Đừng có quan trọng hoá vấn đề. Dù gì đi nữa, anh nghĩ em phải nhận ra là điều ấy không phải là hiện thực; đó là tất cả những điều anh muốn nói”.

“Để chấp nhận được điều này,” cô nói, “Em đã phải đặt ra khả năng hiện thực có thể xảy ra là rất thấp và kỳ lạ. Vì, anh thấy đấy, em chợt nghĩ nó không phải là một thực tế. Em nghĩ nó sẽ không phải là một hiện thực cho một người đàn ông với bộ óc minh mẫn phải đi làm như một con chó hàng năm trời liền cho những công việc mà anh ta không thể chịu đựng nổi, khi về đến nhà anh ta cũng không thể chịu đựng nổi nơi ở của mình, và đối với vợ thì cô ta cũng phải cùng một sự chịu đựng giống như anh, sống trong một mớ những sự hoảng sợ nho nhỏ - Chúa ơi, Frank, em sẽ không phải nói với anh những gì không ổn nơi đây - Em chỉ đang nhắc lại lời của anh. Vừa mới tối qua khi vợ chồng Campbell còn ở đây, hãy nhớ những gì anh nói toàn bộ quan điểm về dân ngoại ô luôn giữ bí mật trong nhà? Anh nói mọi người muốn cho những đứa trẻ con họ được tắm trong tình cảm. Anh nói...”.

“Anh biết những điều anh nói. Anh không nghĩ rằng em đã lắng nghe, vì, trông em rất chán nản”.

“Em đã chán nản. Đó là những gì em muốn nói. Em không nghĩ rằng đêm qua, em đã từng bị rơi vào tình trạng buồn bã, chán nản, chán tất cả những gì trong cuộc sống của em hơn thế nữa. Từ câu chuyện về cậu con trai của Helen Giving nổi cộm trên tất cả, cách chúng ta chộp lấy vấn đề giống như

những con chó sau bữa ăn; em nhớ là đã nhìn anh và nghĩ “Chúa ơi, giá mà anh ấy đừng nói nữa”. Vì tất cả những điều anh nói đều dựa vào giả thuyết là chúng ta, theo cách nào đó, đều là đặc biệt và phi thường đối với toàn bộ vấn đề, và em muốn nói “Nhưng chúng ta không như thế! Hãy nhìn vào chúng tôi! Chúng tôi giống như những người mà các bạn đang nói! Chúng tôi là những người mà bạn đang nói! Tôi có phần... tôi không biết, coi thường các bạn, vì bạn không nhìn thấy sự ảo tưởng khiếm đảm của chính sự việc”. Và rồi sáng nay khi anh đi, khi anh lùi xe lại, em nhìn thấy anh quay lại nhìn ngôi nhà như thể nó sắp cắn anh. Trông anh khốn khổ quá và em đã bật khóc, và rồi em cảm thấy cô đơn như địa ngục và em nghĩ, sao nhỉ, sao sự việc lại trở nên tồi tệ như thế này? Nếu như đó không phải là lỗi của anh thì sẽ là lỗi của ai? Làm thế nào mà chúng ta có thể từng rơi vào thế giới mộng tưởng nho nhỏ kỳ lạ của Donalsons, Cramers và Wingates - Ô, vâng, và cả nhà Campbell nữa, và vì một điều khác nữa mà em nhận ra ngày hôm nay là cả hai vợ chồng Campbell đều lãng phí thời gian một cách quá, quá, quá phí phạm. Và đột nhiên hé mở trong em - thành thật đấy, Frank, nó giống như sự phát hiện hay là điều gì đó tương tự - em đang đứng trong bếp và đột nhiên nó hé mở trong em rằng đó chính là lỗi của em. Nó luôn là lỗi của em, em có thể nói với anh khi nó bắt đầu. Em có thể nói với anh thời gian chính xác khi nó bắt đầu. Đừng ngắt lời em”.

Nhưng anh biết tốt hơn là nên dừng cô lại. Cô chắc hẳn đã dành cả buổi sáng trong sự đau đớn về thể xác và tinh thần, đi tới đi lui trong các phòng của ngôi nhà im ắng đến ghê rợn, sạch sẽ đến ghê hồn và xoáy ngón tay vào eo cho đến khi chúng cảm thấy đau; cô chắc hẳn đã dành cả buổi chiều trong những hành động điên cuồng ở trung tâm mua bán, trông chừng chiếc ô tô một cách độc đoán đi qua mê cung của những tấm biển KHÔNG RẼ TRÁI và những viên cảnh sát giao thông tức giận, rượt qua những bách hoá để mua quà sinh nhật, nướng thịt bò và làm bánh với chiếc tạp dề cocktail. Cả ngày của cô là một quả cảm chuẩn bị cho giây phút hạ mình này; bây giờ nó hiển hiện ở đây và cô bị kết tội nếu cô chịu thêm bất kỳ sự can thiệp nào.

“Nó quay trở lại thời kỳ chúng ta còn ở trên phố Bethune,” cô nói. “Chính lần đầu tiên em mang thai Jennifer em nói với anh rằng em sẽ đi phá thai, bỏ con đi. Ý em là lúc đó anh cũng không muốn có con gì hơn em - mà tại sao anh lại phải muốn - nhưng khi em đi ra ngoài mua ống kim cao su, em đã để tất cả gánh nặng lên anh. Nó giống như cách nói - Được thôi, được, nếu anh muốn đưa con này sẽ trở thành tất cả trách nhiệm của anh. Anh sẽ phải thay đổi chính bản thân anh và nuôi sống chúng ta. Anh sẽ phải từ bỏ ý tưởng trở

thành một điều gì đó của thế giới ngoài ý tưởng là một người cha. Ôi, Frank, nếu như anh chỉ cho em những gì em đáng được hưởng - nếu như anh chỉ gọi em là một con quý cái và quay lưng lại với em, anh có thể cho em là giả tạo trong giây phút. Em có thể sẽ không bao giờ trải qua được điều này - em có thể sẽ không bao giờ có được sự can đảm, chỉ với một điều - nhưng anh đã không. Anh quá tốt, non nớt, và hoảng sợ; anh đã ứng xử đúng, và thế là cách mà toàn bộ sự việc bắt đầu. Đó là vì sao cả hai ta cam kết với một ảo tưởng khổng lồ như thế - vì nó chính là nó - một sự ảo tưởng khổng lồ - suy nghĩ mà mọi người đã từ chối nó từ cuộc sống thực và “ổn định” chúng trong gia đình. Đó là một sự nói dối ủy mị của vùng ngoại ô, và em đã bắt anh phải theo nó trong suốt thời gian qua. Em đã làm cho anh sống với nó! Chúa ơi, em đã đi quá xa để vẽ ra một bức tranh của bản thân được nhạc kịch bao phủ, hoàn toàn cũ rích - và em nghĩ đây thực sự là những gì đã mang lại cho nhà của em - bức tranh tự họa như một cô gái có thể là một Diễn viên nếu cô ta không lấy chồng quá sớm. Và ý em là anh biết trọn vẹn rằng em sẽ không bao giờ có thể là một diễn viên và chưa bao giờ thực sự muốn như thế; anh biết đấy, em đi học chỉ vì để xa nhà, và em cũng biết điều đó. Em luôn biết điều đó. Và ở đây, trong vòng ba tháng em đã thả bộ với sự thể hiện ngọt ngào, cay đắng, cao thượng trên gương mặt - ý em là làm sao mà anh có thể tự dối mình? Anh có thấy thần kinh dễ bị kích động như thế nào chỉ vì những điều này? Em muốn có nó cả hai cách. Nó không đủ để hủy hoại đời em; em muốn cải cách toàn bộ vấn đề kỳ quái này và dường như muốn làm cho anh thấy anh đã hủy hoại em, vì thế em có thể kết thúc được như là một nạn nhân. Điều đó chẳng phải là tệ quá hay sao? Nhưng nó là sự thật! Hoàn toàn sự thật!”

Và với mỗi từ “sự thật” cô lại dấm nắm tay của mình vào đầu gối để trần của mình. “Bây giờ anh có thấy là anh sẽ phải tha thứ cho em về cái gì không? Và tại sao chúng ta sẽ phải ra khỏi đây và đến châu Âu càng sớm càng tốt không? Nó không phải là vấn đề của sự “ngọt ngào” hay là độ lượng hay một điều gì khác. Em không mang lại cho anh một đặc ân nào cả. Tất cả những gì mà em muốn nói với anh là anh luôn bị mang tiếng, và em chỉ biết xin lỗi anh khi nó đã muộn”.

“Thôi nào. Anh có thể nói không?”

“Vâng, anh hiểu điều em nói chứ? Và em có thể uống thêm một chút brandy được không? Chỉ một chút thôi - được rồi ạ. Em cảm ơn”. Khi cô nhấp một ngụm cô hất tóc về đằng sau, làm cho chân trượt khỏi vai, cách xa anh ra

một chút để tựa lưng vào tường, khoan chân lại. Trông cô hoàn toàn thư giãn và tự tin, sẵn sàng lắng nghe, hạnh phúc khi nói ra được điều cô cần nói. Sự phát sáng trắng xanh từ cơ thể cô là một quyền năng; anh biết rằng anh không thể nghĩ sáng suốt nếu anh nhìn cô, vì thế anh bắt mình nhìn vào sàn nhà có bóng ánh trăng ở giữa chân anh, và anh phải mất thời gian lâu hơn cần thiết để châm thuốc, thời gian như ngừng lại. Anh sẽ phải chịu đựng. Khi cô về đến căn hộ Paris của mình, đôi giày cao gót của cô vang lên một cách dứt khoát trên nền gạch và tóc cô được búi gọn; vẻ mặt cô thể hiện sự mệt mỏi đến nỗi một đường thẳng đứng giữa đôi mắt hiện rõ, thậm chí kể cả khi cô cười. Ngoài ra...

“Trước tiên,” cuối cùng anh nói, “Em đã quá khắc nghiệt với bản thân. Không có bất kỳ một điều gì mà lại không có hai mặt: đen và trắng. Em không bắt anh phải đi làm ở Knox. Ngoài ra, hãy nhìn theo cách thế này. Em nói em luôn biết em không phải là một diễn viên thực thụ, và vì thế thật là không hợp lý nếu em cứ đi quanh và cảm thấy bị lừa dối. Chúng ta hãy đối diện với nó: liệu đó chẳng phải cũng là điều đúng với anh hay sao? Ý anh là bất kỳ ai nói anh là một người tuyệt vời?”

“Em không hiểu anh đang nói gì,” cô bình tĩnh nói. “Em nghĩ là sẽ thật sự phiền hà nếu anh là một người tuyệt vời. Nhưng nếu anh nói với bất kỳ ai nói anh là một trường hợp ngoại lệ, nếu ý anh là với bất kỳ ai nói anh có sự minh mẫn độc đáo, xuất sắc - Ôi, Chúa ơi, Frank, câu trả lời sẽ là tất cả mọi người. Khi lần đầu gặp anh, anh rất...”

“Ôi, quý thân ơi, tôi là một gã thông minh với một cái mồm to. Tôi đã phô trương rất nhiều sự uyên bác mà tôi không có. Tôi là...”

“Anh không phải như vậy! Sao anh lại có thể nói như vậy? Frank, liệu có phải là một điều tồi tệ nếu anh mất lòng tin vào chính bản thân mình?”

Dù sao; không; anh phải công nhận rằng nó không đến nỗi tệ như thế. Ngoài ra, anh sợ rằng anh còn phát hiện ra một sự nghi ngờ trong giọng nói của cô - một lời khuyên mờ nhạt có thể thuyết phục cô là anh là một nhà thông thái, và cuối cùng - thật là đau đớn.

“Thôi được,” anh thừa nhận. “Được thôi, hãy nói là anh là một đứa trẻ đầy hứa hẹn. Vấn đề là có rất nhiều đứa trẻ hứa hẹn ở Columbia; điều đó không cần thiết, có nghĩa là...”

“Không có nhiều người giống như anh,” cô nói, nghe như cam đoan một lần nữa. “Em sẽ không bao giờ quên tên-anh-là-gì, anh biết không? Người mà anh luôn ngưỡng mộ? Người là phi công chiến đấu và có nhiều em theo? Bill Croft. Em sẽ không bao giờ quên được cách anh ta luôn nói về anh. Một lần anh ta nói với em: Nếu tôi có được một nửa bộ óc của anh chàng kia, tôi sẽ không bao giờ phải lo lắng nữa”. Và anh ta hàm ý thật sự như vậy. Mọi người đều biết không có điều gì trên cái đất này mà anh lại không làm được hay có thể là nếu như anh chỉ cần có một cơ hội để tìm ra chính mình. Tuy nhiên, đó tất cả chỉ là chuyện ngoài lề. Anh không phải trở thành một chút ít ngoại lệ, và điều này cũng là một điều cần làm. Anh không thấy thế sao?”

“Em có thể cho anh nói hết được không? Trước tiên...”. Nhưng thay vì phải nói anh cảm thấy cần phải yên lặng trong vài phút. Anh uống một ngụm rượu to, làm cháy cổ họng mình và thả ra một hơi ấm qua vai và xuống xương sống khi anh nghiêm nghị nhìn xuống sàn.

Liệu Bill Croft đã thực sự nói như vậy?

“Mọi điều em nói có thể có lý ở mức độ nào đó,” anh bắt đầu nói, và một trong những cách thể hiện anh đã đui lý là giọng nói của anh vang lên từng nhịp cũng cường điệu như cô vậy. Đó là giọng nói của một người anh hùng, một giọng nói thích hợp với tuýp người mà Bill Croft ngưỡng mộ. “Có thể đúng ở một mức độ nào đó nếu anh có một vài tài năng rõ ràng và xác định nào đó. Nếu anh là một nghệ sĩ, chẳng hạn, hay một nhà văn, hay một...”.

“Ôi, Frank. Sao anh có thể nghĩ chỉ có nghệ sĩ và nhà văn là những người cống hiến cho cuộc sống? Anh này: em không quan tâm nếu anh không làm gì trong năm năm; Em không quan tâm nếu sau năm năm anh quyết định trở thành một thợ nề hay một thợ máy hay một tay lái buôn. Anh không hiểu em nói gì sao? Không có gì liên quan đến cái gọi là tài năng rõ ràng hay nhất định nào đó - đó là tư chất của anh bị kìm hãm ở đây. Đó là những gì mà anh đang bị từ chối và từ chối trong kiểu sống thế này”.

“Và đó là cái gì?” Lần đầu anh cho phép mình nhìn cô - không chỉ nhìn mà còn bỏ kính xuống và ôm lấy chân cô, cô cũng ôm lấy tay anh như bằng cả hai chân mình.

“Ôi, anh có biết không?” Cô đưa tay anh lên hông và vòng qua bụng để ôm

nó thật chặt. “Anh không biết sao? Anh là một sinh linh tuyệt vời nhất và giá trị nhất trên cõi đời này. Anh là một đấng mây râu”.

Với tất cả thoả ước của cuộc đời mình, đây dường như chính là một chiến thắng. Chưa bao giờ trước đó sự hứng khởi lại tuôn trào trong anh mạnh mẽ hơn thế; chưa bao giờ vẻ đẹp từ sự thật được thể hiện trong sáng hơn như thế; chưa bao giờ trong khi ôm vợ mình anh đã chiến thắng cả về không gian và thời gian đến như thế. Quá khứ có thể tan biến ý chí của anh và tương lai có thể cũng sẽ vậy; và tường nhà và toàn bộ mảnh đất hoang dưới nó, thị trấn, và rừng nữa cũng sẽ thế thôi. Anh đã vâng lệnh của vũ trụ vì anh là đàn ông, và cũng bởi vì một sinh linh tuyệt vời người đã mở cửa và khuấy động anh, tế nhị và mạnh mẽ, là một người phụ nữ.

Ở những tiếng hót ngập ngừng và tươi sáng từ những chú chim báo thức, khi rặng cây được chuyển từ màu xám sang màu xanh ô liu trong màn sương đang tan, cô nhẹ nhàng chạm vào môi anh bằng ngón tay của mình.

“Anh yêu! Chúng ta sẽ làm chuyện đó, phải không anh? Ý em là nó không hẳn chỉ là một buổi nói chuyện dài hay là gì gì đó, phải vậy không anh?”

Anh đang nằm, thích thú với nhịp thở lên xuống chậm chậm trong lồng ngực, với cảm giác rộng và sâu và đủ sức lực để mang trên mình một chiếc áo giáp thời Trung cổ. Liệu có điều gì mà anh không thể làm? Liệu có chuyện đi nào mà anh không thể đồng ý và bất kỳ một phần thưởng nào trong cuộc sống mà anh không thể hứa hẹn với cô?

“Không, em...”, anh nói.

“Ý em muốn bắt đầu ngay lập tức. Ngay ngày mai. Viết thư và những việc linh tinh khác, kiểm tra hộ chiếu. Và em nghĩ chúng ta nên nói với Niffer và Mike về việc này ngay, có phải không ạ? Họ cần một chút thời gian để quen dần với điều này, ngoài ra, em muốn họ biết trước khi bất kỳ ai khác biết. Anh có muốn như thế không?”

“Anh đồng ý”.

“Nhưng ý em là em không muốn nói với họ trừ khi anh hoàn toàn chắc chắn”.

“Anh hoàn toàn chắc chắn”.

“Tuyệt quá. Anh yêu, xem giờ đi anh. Mọi nhà hầu như đã bật đèn rồi. Anh sẽ mệt lắm đấy”.

“Không, anh sẽ không mệt. Anh có thể ngủ trên tàu. Anh có thể ngủ trong cơ quan. Ôn thôi em”.

“Được thôi. Em yêu anh”.

Rồi họ rơi vào trong giấc ngủ như những đứa trẻ.

PHẦN II

CHƯƠNG I

Giờ là sự bắt đầu một thời điểm của một tâm trạng bị xáo trộn nhưng đầy thích thú, một suy nghĩ thiếu thận trọng nhưng đầy hân hoan mà Frank Wheeler có thể sau này không bao giờ nhớ được cảm giác đó đã kéo dài trong bao lâu. Nó có thể đã là một tuần hay hai tuần hay có thể nhiều hơn thế trước khi cuộc sống của anh bắt đầu quay trở lại được rõ ràng, với mỗi quan tâm thông thường về sự trôi đi của thời gian và những lo lắng cần được xem xét và phân tích; và rồi, khi nhìn lại, anh không thể nói nó đã kéo dài trong bao lâu. Cái ngày duy nhất luôn luôn rõ ràng và sắc nét trong trí nhớ của anh là ngày đầu tiên, ngày sau ngày sinh nhật anh.

Anh đã ngủ trên tàu, cô ngã trên một tấm vải lông đầy bụi và tờ *Thời báo* đang trượt trên vạt áo; anh đứng thật lâu với một cốc cà phê đủ nóng trong mái vòm màu nâu nhạt đầy tiếng vang ở Grand Central, cho phép anh đi làm muộn. Những người đàn ông khác trông bé nhỏ, gọn gàng và thật nực cười, với những chiếc áo đồng phục có đốm màu xám cùng với chiếc cổ còn được cài khuy dưới và những bàn chân hơi vội, hoạt bát! Số đông trong họ thể hiện sự tuyệt vọng vô tận, vội vàng đi qua nhà ga, các con phố, và trong vòng một giờ nữa kể từ bây giờ họ sẽ phải đứng im.

Những toà nhà văn phòng ở trung tâm thành phố đang đứng đó đợi chờ sẽ nuốt chửng họ và kìm kẹp họ, đến nỗi mà đứng trong một toà nhà nhìn qua hẻm nối với toà nhà khác là có thể điều tra ra một nơi thí nghiệm côn trùng im ắng đến ghê người trong đó trưng bày hàng trăm những con người hồng hào bé xíu trong những chiếc áo sơ mi màu trắng, mãi làm việc với giấy tờ và cau mày với những cú điện thoại, thể hiện sự căm lạng với một chút đam mê dưới sự lãnh đạm tuyệt đối của những đám mây mùa xuân bay qua.

Trong lúc đó, cốc cà phê của Frank Wheeler thật ngon, giấy ăn vô cùng trắng và khô, một người phụ nữ giống như bà anh đang phục vụ anh lịch sự và thực sự hài lòng với nhịp điệu trong công việc của chính bản thân mình (“Vâng, thưa anh; cảm ơn anh; tất cả chỉ có thế!”) đến nỗi mà anh muốn tựa

vào bà và gửi một cái hôn vào đôi má nhăn nheo của bà. Anh đến văn phòng với một tâm trạng phờ phạc của sự mệt nhọc đã được giải toả một nửa trong đó mọi âm thanh đều bị bóp nghẹt, mọi cảnh tượng đều bị mờ đi và mọi nhiệm vụ đều trở nên dễ dàng.

Điều nào đến trước thì làm trước: điều đầu tiên anh cần làm, khi cửa thang máy mở ra ở tầng 15, là bước ra và đi đến chỗ của Maureen Grobe như một người đàn ông. Cô ta ngồi ở bàn lễ tân có một mình, chắc hẳn trong bộ vét màu đen vì nó là bộ vét giản dị nhất và ít kêu gọi nhất trong tủ quần áo, và cô ta nhìn thấy anh đi vào chắc cô ta trông sẽ rất bối rối. Nhưng nụ cười của anh sẽ thật lão luyện - không phải là một nụ cười lén lút hay rỗng tuếch mà là một nụ cười hoàn toàn cởi mở và thân thiện - đến nỗi mà anh có thể cảm nhận thấy sự tự tin sẽ trở lại trên khuôn mặt của cô ta trước khi anh bước vào bàn làm việc. Liệu cô ta có e ngại là anh sẽ nghĩ cô ta là kẻ lang thang? Và rồi anh sẽ dành thời gian cả ngày để thì thầm và cười thầm với những người đàn ông khác? Nếu thế, nụ cười sẽ nói với cô ta rằng hãy thư giãn. Ngoài ra, liệu cô ta có sợ anh sẽ biến nó thành một câu chuyện cười lãng mạn? Và rằng anh sẽ gây rắc rối cho cuộc sống của cô ta bằng một chút phiền phức ở góc phòng (“Tôi phải gặp em...”) ? Nụ cười cũng sẽ làm cho cô ta không phải lo lắng về điều đó; có hai khả năng, vào lúc này, có thể dường như sẽ là điều phiền muộn duy nhất.

“Chào em,” anh nói chân thành. “Hôm qua em có gặp rắc rối nào không? Ý tôi là với bà Jorgensen”.

“Không. Bà ta không nói gì”. Cô ta dường như cảm thấy khó khăn khi nhìn vào mắt anh; dường như chỉ nhìn vào cái gút nơ ở cà vạt của anh. Anh đứng đó và cười với cô, với những lời rì rầm không ngớt và sự hồi hã của mọi người bị vượt ra khỏi tầm nghe trong cái hồ khô khốc dưới chân họ, anh có thể dễ dàng làm cho thời gian trong ngày ngừng trôi hay yêu cầu cô ta đánh máy; không có gì trên gương mặt anh hay thế đứng của anh khuấy động sự tò mò của những người nhìn anh. Ngay cả ở cự ly gần, từ nơi cô ta ngồi, anh biết rằng không có bất cứ một nghi ngờ nào về sự chân thành thân tình.

“Maureen,” anh bắt đầu. “Tôi nghĩ rằng, nếu có điều gì xảy ra, cho bất kỳ một trong hai ta, tôi muốn nói, chiều nay chúng ta nên đến đâu đó và nói chuyện. Và nếu em muốn, nếu có bất kỳ một điều gì mà em muốn nói hay muốn hỏi, thì chúng ta hãy làm như thế. Có điều gì không em?”

“Không. Ngoại trừ việc em..., mà không. Không thật sự có một điều gì cả. Anh đã đúng”.

“Đó không phải là vấn đề đúng sai. Tôi không muốn em nghĩ tôi - mà thôi, không sao. Nhưng nghe này: điều quan trọng trong việc này là đừng hối tiếc. Tôi không; Tôi hy vọng em cũng không, và nếu em có em hãy nói cho tôi biết nhé”.

“Không,” cô ta nói “em không hối tiếc”.

“Tôi rất vui. Em nghe này: Em thật tuyệt vời, Maureen. Nếu có bất kỳ điều gì mà tôi có thể - em biết đấy, làm gì cho em, tôi hy vọng là em sẽ nói với tôi. Có thể nghe rất rẻ tiền. Tất cả những điều tôi muốn nói là tôi muốn trở thành bạn của em”.

“Được thôi,” cô ta nói, “Em cũng vậy”.

Anh đi về phía lối đi qua các phòng làm việc, đi thật chậm rãi và tự tin với một phong độ sung mãn và hoàn toàn mới trong “bước đi đầy tình tứ” già nua của phố Bethune. Chỉ đơn giản như vậy thôi! Và nếu anh đã dành nhiều ngày lên kế hoạch, thử nghiệm kế hoạch, lưu trữ hàng đống văn bản gồm toàn văn bản hỗn tạp với những dòng bị chỉnh sửa và gạch chéo, anh sẽ không bao giờ đạt được một bài diễn văn hài lòng hơn như thế, ấn tượng hơn như thế. Và tất cả là do sự thôi thúc của tình thế! Liệu có gì trên đời này mà anh không thể làm được?

“Xin chào, Cha,” anh nói với Jack Ordway.

“Franklin, con trai của ta. Thật là tốt khi nhìn thấy con với một bộ mặt hoàn toàn toả sáng của buổi bình minh”.

Nhưng việc gì đến trước thì làm trước; việc tiếp theo cần làm bây giờ là KHAY tài liệu đến. Không; công việc trước tiên sẽ phải là đóng giấy tờ anh thả ở giữa bàn làm việc ngày hôm qua, là những văn bản mà Maureen đã lấy từ trung tâm lưu trữ, cái đống văn bản mang lại một loạt các ưu phiền đến từ giám đốc chi nhánh ở Toledo và tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm. Liệu anh có thể để cho một việc như vậy hạ nhục anh không? Tất nhiên là không rồi.

“Thư nội bộ gửi đến Toledo,” anh nói vào loa ghi âm, tựa lưng vào cái ghế xoay và cho chân vào cái tựa bằng gỗ trên rìa ngăn kéo. “Xin chú ý B.F. Chalmers, giám đốc chi nhánh. Tiêu đề: hội nghị NAPE. Xuống dòng. Trả lời phúc đáp đến lá thư trước và gần đây, xin thông báo là vấn đề đang được giải quyết hết sức thoả đáng, chấm câu. Xuống dòng”.

Anh viết ra mà không có bất kỳ một ý tưởng nào cho việc vấn đề sẽ được giải quyết như thế nào, không hoàn toàn có một ý tưởng nào; nhưng khi anh bấm tay vào loa ghi âm, anh bắt đầu xuất hiện những ý tưởng, và ngay khi đó anh ngâm ra được những câu nói trôi chảy, chỉ dừng lại để mỉm cười. Việc giải quyết vấn đề với giám đốc chi nhánh ở Toledo hoá ra cũng dễ như việc xử lý Maureen Grube.

F.H. Wheeler, hay, “chúng tôi,” hoàn toàn đồng ý với những vấn đề tồn tại của cuốn hướng dẫn sử dụng là không hợp lý. May mắn thay, vấn đề này đang được giải quyết theo cách, “chúng tôi” có thể nói tự tin, đáp ứng được sự chấp thuận của giám đốc chi nhánh. Khi giám đốc chi nhánh không còn nghi ngờ nữa, phái đoàn NAPE sẽ được tặng hàng tá các cuốn hướng dẫn sử dụng xúc tiến thương mại đầy tính cạnh tranh, hầu như tất cả rồi cũng sẽ bị ném vào thùng rác trên tầng hội thảo. Vấn đề là, rồi thì, cần phải phát triển một thứ gì khác cho Knox - một thứ gì đó có thể thu hút được sự chú ý của phái đoàn, là cái gì đó mà anh ta muốn cho vào trong ví của mình và cầm về khách sạn. Loại tài liệu như vậy đang được sản xuất, được thiết kế đặc biệt cho hội thảo NAPE: một tiêu đề bán hàng ngắn gọn và đi thẳng vào vấn đề “Bàn về Quản lý Chất lượng”. Tài liệu này không dựa vào thiết kế bóng mờ, đúng như ý giám đốc chi nhánh muốn nhìn thấy, không thiết kế loè loẹt hay biệt ngữ quảng cáo được sử dụng. Được in một cách sinh động theo kiểu rộng, dễ đọc, trắng đen, đảm bảo yêu cầu có tác dụng trực quan thông qua ngôn ngữ đơn giản. Tài liệu có thể sẽ “mang đến cho phái đoàn NAPE không gì ngoài những điều họ muốn, hai chấm: thực tế”.

Sau khi đặt thêm một dây curoa mới vào máy ghi âm, anh lại tựa người và nói “Bản sao cho phòng đánh máy. Đầu đề: Bàn về Quản lý Chất lượng, ba chấm. Xuống dòng. Quản lý chất lượng là, phải, cuối cùng, phải, không gì ngoài việc đưa những chất liệu thích hợp đặt vào đúng chỗ, đúng thời điểm, phải, theo một kế hoạch đã được hoạch định. Chấm câu, xuống dòng. Đây là sự tính toán đơn giản, chấm. Với tất cả những khả năng có thể, phải, con người có thể làm việc với một cái bút chì và giấy, chấm. Nhưng Máy tính Điện tử Knox 500 có thể làm - gạch ngang - một cách hoa mỹ - gạch ngang -

nhANH hơn hàng nghìn lần, chآم. Vì thế...”.

“Đi uống cà phê không, Franklin?”

“Tôi e rằng không, Jack. Tôi cần hoàn thành việc này đã”.

Và anh đã không hoàn thành nó, mặc dầu nó đã làm cho anh mất cả một buổi sáng. So từng tờ văn bản từ tài liệu của trung tâm lưu trữ với bàn tay nhàn rỗi, nhặt câu ở đây và đặt đoạn văn ở kia, anh tiếp tục ngâm giọng vào máy ghi âm cho đến khi anh giải thích tất cả những thuận lợi của việc sử dụng máy tính để kết hợp với những chi tiết của sản phẩm nhà máy. Nghe như rất có căn cứ khi anh tua lại (“Khi tờ giấy bạc của chất liệu được nổ”, anh nghe thấy giọng của mình, “bước tiếp theo của máy tính là kiểm tra lại những phần đã được kiểm kê mới nhất”). Không ai có thể nói anh hoàn toàn không biết mình đang nói gì. Khi bản đánh máy được đưa lại cho anh, anh trau chuốt - có thể anh sẽ để cho một trong những nhân viên kỹ thuật kiểm tra lần nữa, cho chắc chắn - và rồi anh cho người đánh máy lại và gửi nó đến Toledo theo số những bản sao được yêu cầu. Để tự bảo vệ anh sẽ chuyển một bản copy cho Bandy, với một dòng chú ý “Hy vọng là văn bản này sẽ ôn - Toledo muốn có tài liệu ngắn gọn và dễ chịu cho những thứ NAPE cần,” và thật là may mắn anh thoát được trở ngại này. Trong lúc đó anh có thể an toàn vút bỏ toàn bộ thư từ rắc rối của Toledo ra khỏi đồng công việc mà anh đã không thể đối mặt cho đến tận phút này, và đưa chúng vào khay tài liệu đi được đánh dấu “Lưu”, cùng với tất cả tài liệu của bản quảng cáo.

Điều này đã làm giảm sự lộn xộn trên bàn làm việc của anh đáng ngạc nhiên đến mức, sau bữa ăn, anh đã hưng phấn giải quyết luôn hai hay ba vấn đề khác nữa trong đồng công việc mà anh đã không thể đối mặt. Một trong những công việc này bao gồm một lá thư đòi hỏi phải xử lý thận trọng giải thích tại sao “chúng tôi” cho phép một mẫu cũ của loại thí điểm máy cộng được chuyển đến Hội chợ Thương mại Chicago, và anh đã trả lời bằng một lá thư tuyệt tác; ngoài ra, một tập thư dày khác mà anh đã từ chối trả lời hàng tuần nay, hóa ra lại đơn giản hơn anh tưởng, trong đó nó đã rút gọn trở thành một quyết định hoàn toàn thẳng thắn tùy thuộc vào anh. Liệu những cái ghim cài áo bằng vàng đặc (\$14.49) hay là những cái khuy ve áo bằng vàng đặc (\$8.98) có thể được chào như giải thưởng trong cuộc thi phá kỷ lục giữa những người bán hàng thiết bị lập bảng của Minneapolis St.Paul? Đây thì những cái ghim cài áo! Và được thả vào khay tài liệu đi.

Anh thật đúng là khoẻ như trâu; phải đến tận lúc bốn giờ, đi lờ đờ ra chỗ uống nước (“Hãy nhìn xem những bọt bong bóng nổi lên - Lục bụi! - Trông hay không kìa?”) anh mới nhận ra. Chính bởi vì April đã gieo vào đầu anh một sự hồi lỗi nhỏ nhoi khi tối qua cô nói anh “làm việc như một con chó trong nhiều năm qua”. Anh đã nhận ra là dù anh đang làm gì đi nữa thì anh cũng đã làm việc ở đây được nhiều năm, hầu như không thể được định nghĩa là làm việc như một con chó - nhưng cô đã không cho anh một cơ hội nào cả. Và bây giờ, bằng việc cố gắng dọn sạch tất cả đồng tài liệu trên bàn làm việc chỉ trong có một ngày, anh đoán anh đang cố gắng hoàn chỉnh việc đánh lừa cô. Nhưng điều vô lý ở đây là gì? Nó có thể trở thành một vấn đề của việc anh đã làm việc ở đây nhiều năm như thế nào, hay những gì cô nghĩ anh đang làm hay những gì anh nghĩ cô nghĩ là anh đang làm? Không một điều gì trở thành vấn đề nữa; anh có thể hiểu điều đó không? Và khi anh từ cây nước uống loạng choạng về phòng, che cái miệng lạnh lẽo của mình bằng một bàn tay ấm, lần đầu tiên anh bắt đầu hiểu rằng trong một vài tháng nữa thôi anh sẽ vĩnh viễn rời khỏi nơi này. Tất cả - đèn, tấm vách ngăn bằng kính, những người đánh máy hay chuyện - toàn bộ sự đau đớn tột độ về thể xác đến một cách chậm chạp và khô khan của nơi này có thể được cất bỏ khỏi cuộc đời anh giống như một cát bỏ một khối u trong não; một sự giải thoát.

Công việc cuối cùng của ngày trong văn phòng bao gồm không một việc gì cả và không mất nhiều công sức, mặc dầu cần phải có một nỗ lực nhất định. Anh mở ngăn kéo dưới cùng của bàn làm việc, cẩn thận lấy ra toàn bộ tài liệu “hàng hoá Thực sự” - nó nặng như một vài quyển sổ điện thoại - và gảy nhẹ nó vào sọt rác.

Một vài ngày không xác định sau đó, văn phòng dường như bị biến mất trong nhận thức của anh. Anh trải qua nhiều cảm giác, xê dịch đồng tài liệu, họp với Bandy, ăn trưa với Ordway và những người khác, cười với lòng tự trọng khi đi qua chỗ Maureen Grube ở hành lang và thậm chí còn thỉnh thoảng dừng lại để tán chuyện với cô, để cho cô ta thấy họ là bạn - nhưng thực tế là thời gian ban ngày không còn một chút ý nghĩa nào trừ khoảng thời gian nghỉ ngơi và chuẩn bị chờ tối đến.

Anh dường như chưa bao giờ hoàn toàn thức tỉnh cho đến khoảnh khắc anh xuống tàu khi mặt trời lặn và lên xe ô tô. Rồi đến thời gian uống cùng April, khi bọn trẻ nằm im bên vô tuyến, và rồi đến niềm vui tuyệt vời cho bữa tối, với cường độ nói giống như thời kỳ của những bữa tối trước khi họ lấy nhau.

Nhưng ngày không thật sự bắt đầu cho đến tận sau đó, khi bọn trẻ đã lên giường với cánh cửa phòng ngủ được đóng chặt lại đón chờ một màn đêm buông xuống. Rồi họ có thể lấy chỗ của họ trong phòng khách - April cuộn tròn một cách khêu gợi trên ghế sofa, luôn luôn như vậy, Frank đứng dựa vào giá sách, với một tách cà phê ý và một miếng thuốc - và dọn đường cho việc họ yêu nhau.

Anh thường bắt đầu bằng việc đi tới đi lui trong phòng khi anh nói, và cô nhìn theo anh, đầu và vai hơi nghiêng. Thỉnh thoảng khi anh cảm thấy anh đưa ra một luận điểm sắc bén anh thường quay tròn và nhìn cô chăm chăm trong sự chiến thắng; rồi đến lượt cô nói, trong khi anh đi vòng quanh và gặt đầu, khi cô nói hết lượt của mình nét mặt họ lại nhìn nhau hớn hờ. Thỉnh thoảng sự hài hước được loé lên trong ánh mắt đầy tình yêu thương: Em biết là em đang phô trương, họ dường như muốn nói với nhau như vậy, nhưng anh cũng thế mà, và em yêu anh.

Và điều đó có nghĩa là gì? Chính điều cốt lõi của câu chuyện, hơn tất cả, thông điệp và nhịp điệu của câu chuyện, dù bất kỳ điều gì khác nữa họ có thể nói, là sự khẳng định họ sẽ là những người mới và tốt hơn bắt đầu từ bây giờ. April, ủ mình trên ghế sofa trong chiếc váy tạo nên một đường cong duyên dáng từ eo cho đến mắt cá chân, cái cổ cao rất trắng trong ánh sáng dịu và khuôn mặt điềm tĩnh đến hoàn hảo của cô, hầu như không đào bới bất kỳ một sự tương đồng nào với một nữ diễn viên bị bê mặt và cứng nhắc đứng trong màn chào tạm biệt - và lại càng không với một người vợ đồ mồ hôi đầy giận dữ giật mạnh cái máy cắt cỏ, hay với một người phụ nữ đã có chồng một lữ cam chịu một buổi tối cho một tình bạn giả tạo với gia đình Campbell, hay với một phụ nữ nóng bỏng đầy bối rối, lúng túng đón chào anh với một buổi tiệc mừng sinh nhật. Giọng cô huyền ảo và thấp, thấp như trong cảnh đầu của *Rừng hoá đá*, và khi cô hát nhẹ đầu ra sau cười và ngã người về phía trước để với lấy cái gạt tàn để gạt tàn thuốc, cô đã thể hiện mình với vẻ đẹp cổ điển. Bất kỳ ai cũng có thể hình dung cô đang chinh phục châu Âu.

Frank khiêm tốn nhận thấy điều gì đó tương tự như sự thay đổi đang lớn dần trong anh. Anh biết một điều rằng anh đã phát triển một cách nói chuyện mới, chậm hơn và thận trọng hơn bình thường, tiếng sâu hơn và trôi chảy hơn: hầu như anh không bao giờ phải trông cậy vào câu nói nhỏ nhoi thể hiện sự hối tiếc hay lấp bắp (“Không, nhưng ý tôi là... tôi không biết... anh biết đấy...”.) mà thường thì ngắt câu của anh lại, hay đầu anh cúi nhanh và

đu đưa trong sự cố gắng lo lắng quen thuộc để làm cho anh được giải toả. Ngắm bóng bước đi của mình hiện trên cửa sổ quảng cáo màu đen, anh phải công nhận rằng phong thái anh không được hoàn hảo như cô - khuôn mặt anh quá béo và miệng anh trông quá nhạt nhẽo, quần của anh được là quá cẩn thận và áo của anh quá cầu kỳ theo kiểu Madison Avenue - nhưng thỉnh thoảng vào những tối muộn khi cổ anh cảm thấy đau và mắt anh nóng lên vì nói chuyện, khi anh khom vai và bạnh hàm ra, nới lỏng cà vạt và treo nó như một cái thòng lọng, anh có thể nhìn trừng trừng vào cửa sổ và nhìn thấy sự bắt đầu dửng dưng của một nhân vật.

Đây cũng là một thời gian chưa quen đối với bọn trẻ. Đi sang Pháp vào mùa thu thực sự có nghĩa là gì? Và tại sao mẹ chúng lại cứ khăng khăng nói là đó sẽ là một chuyến đi thú vị, như thể là thách thức chúng nghi ngờ về điều ấy vậy. Với việc này, sao lại thấy mẹ kháng khác với chúng? Vào các buổi chiều mẹ thường hay ôm chúng và hỏi chúng vội vàng với sự sôi nổi như thể nói về Đêm Noel vậy, và rồi mắt mẹ chúng nhìn xa xăm khi chúng trả lời, và trong giây phút mẹ có thể nói “Vâng, thưa con yêu, nhưng đừng nói nhiều quá nhé! Cho mẹ con nghỉ một chút nào”.

Và khi bố chúng về nhà cũng vậy: bố chúng thường tung chúng lên không trung, cho chúng đi tàu lượn quanh nhà cho đến khi chúng chóng mặt, nhưng chỉ sau khi thôi không làm phiền chúng nữa là bố chúng lại ra chào mẹ chúng ở cửa bếp. Và rồi là cuộc nói chuyện vào bữa tối! Không có một cơ hội cho bất kỳ đứa con nào có thể nói xen vào. Michael nhận thấy cậu bé có thể lắc nhẹ cái ghế, nói nheo nhéo những lời trẻ con vô nghĩa hay nhét đầy miệng khoai tây nghiền và há mồm ra, cậu ta làm tất cả những điều đó mà không bị một lời quở trách nào; Jennifer ngồi thẳng cạnh bàn và tránh nhìn cậu, giả vờ vô cùng thích thú với những gì mà bố mẹ đang nói, mặc dầu sau đó, ngồi đấy đợi đến giờ đi ngủ, đôi khi cô bé lặng lẽ mút tay và bỏ đi.

Có một điều được an ủi: chúng có thể đi ngủ mà không phải lo sợ là sẽ bị đánh thức trong vòng một giờ bởi tiếng đóng cửa sầm sầm, tiếng thở hỗn hển, tiếng đấm và những âm thanh cộc lốc như một trận chiến; tất cả những điều đó, hình như đã là quá khứ. Chúng có thể nằm xuống gà gật trong âm thanh yên bình phát ra từ phòng khách, một âm thanh rắc rối phức tạp theo nhịp điệu lên trầm xuống bổng dần đưa chúng vào giấc mơ. Và nếu chúng trở mình thức giấc sau đó và động đậy chân tay trên đệm, thì chúng cũng biết rằng âm thanh đó vẫn còn đấy - một giọng rất trầm và giọng kia thật dịu dàng, nói và nói, một âm thanh có thật, mềm mại như răng núi xanh ngát

hiển hiện đằng xa.

“Cả cái đất nước này bị mục ruỗng với sự đa cảm,” một đêm Frank nói, vụng về từ cửa sổ quay người đi vào trong thảm. “Nó giống như một loại bệnh dịch lan truyền trong nhiều năm, trong nhiều thế hệ, cho đến tận bây giờ khi mọi thứ ta đụng chạm đến nhẽo nhọt”.

“Chính xác là vậy,” cô thích thú nói với anh.

“Ý anh là chẳng phải đó là một vấn đề sao, khi ta hoàn toàn thất vọng với nó? Ý anh là thậm chí còn hơn cả động cơ về lợi nhuận hay sự mất mát về giá trị tinh thần hay là sự sợ hãi bị đánh bom hay bất kỳ một điều gì đó như vậy. Hay có thể đó là hệ quả của tất cả những sự việc đó; có thể đó chính là điều xảy ra khi mọi việc đều bắt đầu cùng một lúc ngoài tất cả những truyền thống văn hoá thực sự đã thấm thấu chúng. Dù thế nào đi nữa, với bất kỳ một kết quả là gì, nó đang giết dần nước Mỹ. Ý anh là, có phải là... Sự tầm thường kiên định trong mọi suy nghĩ và mọi xúc cảm thấm thấu đến từng loại thức ăn bổ thần kinh cho trẻ con trước khi tiêu hoá; sự lạc quan, sự xúc cảm dễ khỏa lấp trong từng quan điểm sống của mỗi người?”

“Vâng, đúng thế,” cô nói. “Vâng đúng thế”.

“Và ý anh là liệu tất cả đàn ông đều kết thúc bằng việc bị “thiến” không? Vì đó là những gì xảy ra; đó là những gì được phản chiếu trong tiếng kêu nhỏ nẻ về việc “điều chỉnh” hay “an ninh” hay “thống nhất” - và ý anh là, Chúa ơi, em có thể nhìn thấy điều đó xảy ra ở mọi nơi: tất cả những điều nhằm nhí của vô tuyến tuyên truyền, những câu chuyện hài được xây dựng trên giả thuyết là cha là một thằng đàn và mẹ thì luôn nằm trên ông ấy; những biển hiệu bé nhỏ bắt mắt dĩ này được mọi người treo ở sân trước - chắc là em không bao giờ nhận ra những biển hiệu đó trên Quả Đồi đâu nhỉ?”

“Biển hiệu, ý của anh là, với tên người được viết số nhiều, ví dụ như Donalsons?”

“Đúng thế!” Anh quay lại, mỉm cười với cô với vẻ chúc mừng chiến thắng là cô đã hiểu được chính xác những gì anh muốn nói. “Never “Donalson” hay là “John J. Donaldson” hay bất cứ một cái tên nào. Luôn là “Gia đình Donaldson”. Em hãy tưởng tượng toàn bộ nhóm người bé nhỏ âm cúng ngồi quanh trong một cái phòng như con thỏ rối trong bộ đồ pyjama, ơn Chúa,

những cái kẹo dẻo được nướng. Anh đoán chắc gia đình Campbell chưa treo cái biển nào như vậy, nhưng hãy đợi. Phần trăm họ sẽ làm việc đó là cao, họ sẽ làm”. Anh dừng lại với một nụ cười ở sâu trong cổ. “Và Chúa ơi, khi ta nghĩ là mình đã rất gần với những việc như thế này...”.

“Nhưng chúng ta sẽ không thế,” cô nói với anh, “Đó mới là điều quan trọng”.

Một lần khác, khá muộn, anh đến gần sofa và ngồi bên cạnh bàn uống cà phê, đối diện với cô. “Em biết điều này giống cái gì không, April? Nói chuyện như thế này? Toàn bộ ý tưởng đến châu Âu theo cách này?” Anh cảm thấy căng thẳng và đầu căng như lên dây đàn; chính hành động ngồi bên cạnh bàn uống cà phê dường như là một điều thú vị và căn nguyên để làm. “Nó giống như thoát ra khỏi túi giấy bóng kính đen. Nó giống như bị nhốt vào một loại túi giấy bóng kính nhiều năm rồi mà không biết, và đột nhiên thoát ra được khỏi nó. Nó gần giống như cách anh cảm thấy anh phải đứng ở hàng đầu lần đầu tiên, trong chiến tranh. Anh nhớ hành động rất tàn nhẫn và hoảng sợ đó, vì đó là cách hợp thời phải hành động, nhưng anh không thể thật sự đặt trái tim anh vào hành động đó. Ý anh là anh hoảng sợ, dĩ nhiên rồi, nhưng đó không phải là vấn đề chính. Những gì mà anh thực sự cảm nhận không có gì liên quan đến sự hoảng sợ hay không hoảng sợ. Anh chỉ cảm nhận được đó là một xúc cảm hoảng sợ của cuộc sống. Anh cảm thấy toàn máu. Mọi thứ trông thật hơn nó vốn có; tuyết trên cánh đồng, con đường, rặng cây, bầu trời xanh hoang loạn đều được đánh dấu bởi những dấu vết hoang tưởng - mọi thứ. Và tất cả mũ bảo hiểm và áo khoác choàng và súng trường, và cách mà những người lính đang bước đi; anh cảm thấy yêu họ, thậm chí kể cả với những người anh không ưa. Và anh nhớ rõ cảm giác nhận thức của cơ thể và tiếng thở của mình. Anh nhớ bọn anh đi qua thành phố đổ nát, tường nhà bị phá sạch và đóng gạch vụn, anh đã nghĩ trông nó thật tuyệt. Đúng thật là vớ vẩn, có thể là anh đã cảm lạnh và hoảng sợ như bất kỳ một ai khác, nhưng trong anh cũng không khác hơn chút nào. Anh nghĩ mãi: đây thực sự là sự thật. Đây là sự thật”.

“Một lần em cũng đã nghĩ như vậy,” cô nói thể hiện sự ngượng ngịu qua đôi môi mình, và anh nhận thấy một điều gì đó căng thẳng một cách không cưỡng lại được chuẩn bị được tuôn ra.

“Khi nào?” Anh rụt rè như một cậu học sinh, không dám nhìn vào mặt cô nữa.

“Đó lần đầu tiên anh yêu em”.

Bàn uống cà phê bị nghiêng đi một cách lố bịch và bị chạm mạnh đến nỗi làm cốc rung lên khi anh xoay người từ phía cạnh bàn sang phía sofa và anh cầm tay cô; và thế là một buổi tối đã được kết thúc.

Điều đó đã không xảy cho đến khi những buổi tối hạnh phúc những vây trôi qua - cho đến lúc, trên thực tế, khi anh lại bắt đầu cảm nhận thấy sự trôi qua của thời gian - những mối bất hoà lại nhen nhóm xen vào giữa những câu chuyện của vợ chồng anh.

Một lần anh ngắt lời vợ để nói, “Em này, tại sao mình cứ nói mãi về Paris thế nhỉ? Có phải họ đặt cơ quan chính phủ ở cả những nước khác trên toàn châu Âu, phải không em? Tại sao lại không là Ý nhỉ? Hay là Viên, hay thậm chí là một nơi ở Hy Lạp? Ý anh là chúng ta nên mở rộng quan điểm; Paris không phải là nơi duy nhất”.

“Vâng tất nhiên là không rồi”. Cô nóng vội gạt tàn thuốc. “Nhưng dường như nó có vẻ là chỗ hợp lý nhất để chúng ta bắt đầu, có phải vậy không anh? Với sự thuận lợi của việc anh biết tiếng và những thứ khác nữa”.

Nếu anh nhìn vào cửa sổ lúc đó chắc hẳn anh đã hình dung được một kẻ nói dối đang hoảng sợ. Ngôn ngữ! Anh đã từng có lúc nào đó làm cho cô tin là anh nói được tiếng Pháp?

“Thật ra,” anh nói, cười thâm và tránh xa cô, “Anh không chắc lắm về điều này. Anh hầu như đã quên hết một chút xíu ngôn ngữ mà anh biết, ý anh là anh chưa bao giờ biết tiếng theo cách - em biết mà, có thể nói được một cách trôi chảy hay bất kỳ một điều gì đó tương tự như vậy; chỉ đủ để đối phó”.

“Đó là tất cả những gì chúng ta cần. Anh sẽ thích nghi dần rất nhanh thôi. Cả hai ta đều sẽ vậy. Và ngoài ra, chí ít là anh cũng đã từng đến đó. Anh biết thành phố được bố trí như thế nào và những kiểu hàng xóm là gì; đó là điều quan trọng”.

Anh im lặng tự nhủ với bản thân mình rằng điều này, cuối cùng, hoàn toàn là thật. Anh biết hầu hết những nơi đã được in trên bưu thiếp có tranh phong cảnh một mặt, với tất cả sức lực trong ba ngày ở trong thành phố cách đây đã

lâu rồi; anh cũng biết làm thế nào để đi đến bưu điện Mỹ từ bất kỳ nơi nào và Hội chữ thập đỏ cũng đã được thành lập ở đó, làm thế nào để đi từ những nơi đó đến khu gái làm tiền[12], và biết làm thế nào để chọn được một cô gái làm tiền loại tốt và phòng của cô ta sẽ có mùi như thế nào. Anh biết tất cả những điều đó, anh biết nơi đẹp nhất của Paris, nơi mà mọi người thật sự biết sống như thế nào, bắt đầu từ St. Germain des Pres và vùng đông nam mở rộng (hay là tây nam nhỉ?) cũng như Cafe Dome xa xôi. Nhưng những kiến thức mà anh biết được gần đây lại là những kiến thức anh biết được qua tạp chí *Mặt trời luôn mọc* ở trường cấp III nhiều hơn là với những lần đi thực tế trong thành phố với tâm trạng hoàn toàn cô đơn và chân thì tẩy sung. Anh đã ngưỡng mộ sự duyên dáng cổ kính của những toà nhà và cách mà đèn đường phát ra những tia sáng xanh dịu dàng trên phố vào ban đêm, cách mà mỗi một mái hiên sáng rực trải dài hiện ra một biển người với những khuôn mặt nói chuyện một cách thông minh khi anh đi qua; nhưng rượu trắng đã làm cho anh bị đau đầu và những khuôn mặt đang nói tất cả dường như, khi anh nhìn họ gần hơn, thật dài đối với những người đàn ông có râu quai nón đáng kính hãi hay đối với những phụ nữ có đôi mắt thể hiện sự tiếp nhận đàn ông hoặc sa thải họ ngay sau hai giây. Một nơi được lấp đầy trong anh cảm giác của sự thông thái bay lơ lửng không thể với tới được, cảm giác của vẻ đẹp yêu kiều không thể tả được sẵn sàng và chờ đợi ở góc phố, nhưng anh lại thả bộ yếu ớt trên những con phố xanh vô tận và tất cả những người biết sống như thế nào giữ lại trong mình bí mật đang giày vò họ, thỉnh thoảng anh phải dừng lại để uống một ly và nôn mửa vào cốp xe, cái thứ buộc anh phải hoà mình lại vào quân đội.

Je suis, anh tự thực hành trong khi April mãi mê nói; *tu es; nous sommes; vous etes; ils sont*.

“... Chúng ta nên ổn định ngay,” cô nói, “Anh không nghĩ thế à? Anh có nghe em nói không đấy?”

“Anh đang nghe đây. Mà không, anh xin lỗi. Hình như là anh không”. Và anh ngồi xuống bàn, uống cà phê, mỉm cười với những gì anh hy vọng là sự ngay thẳng khiến cho cô nguôi giận. “Anh vừa nghĩ là đây không phải là điều đơn giản - bỏ nhà đi đến một nơi xa lạ với bọn trẻ và tất cả những điều này, ý anh là, chúng ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn mà chúng ta thậm chí không thể lường tượng được khi ở đây”.

“Chắc chắn là thế rồi, anh”, cô nói. “Và chắc chắn là nó sẽ không dễ dàng gì.

Anh có biết những điều đáng làm là gì không?”

“Dĩ nhiên là không. Em đúng. Tối nay anh cảm thấy mệt, anh nghĩ vậy. Em có muốn uống một chút không?”

“Không, em cảm ơn”.

Anh đi ra bếp và lấy một cốc cho mình, để làm cho anh được tỉnh táo; và không có gì khó khăn nữa cho đến tận tối hôm sau, hôm sau nữa, khi cô kể lộ ra một điều đáng chú ý đã xảy ra trong ngày với cô.

Anh nghĩ rằng trong ngày cô đã quá lười và đãng trí; anh mừng tượng ra cô tắm thật lâu và dành toàn bộ thời gian đứng trước gương trong phòng ngủ, thử hết tất cả các loại quần áo và các kiểu tóc mới - có thể là chỉ rời khỏi chiếc gương để nhảy một điệu valse nhẹ nhàng với tiếng đàn violon trong trí tưởng tượng, xoay tít trong giấc mơ dưới ánh đèn trong nhà và lại mỉm cười với chính sự tưởng tượng của mình, rồi vội vàng dọn phòng ngủ và dọn nhà gọn gàng kịp lúc anh về đến nhà. Nhưng hoá ra vào những ngày cụ thể cô đã đi ra New York ngay sau bữa sáng, đi phỏng vấn và điền vào đơn xin việc dài dằng dặc ở văn phòng tuyển người làm việc ở nước ngoài, và sắp xếp cho việc làm hộ chiếu, nhận được vài ba quảng cáo cho chuyến đi và lịch trình của một nửa tá các công ty vận tải thủy cũng như hàng không, mua thêm hai túi du lịch, một cuốn từ điển tiếng Pháp, một cuốn hướng dẫn đường đi ở Paris, một quyển chuyện *Chú voi Babar* cho bọn trẻ và một cuốn sách có tên *Người Pháp sáng láng* (“Dành cho những người sáng láng đã làm một chút gì đó”), và phi về nhà và đôi ca cho bà giúp việc ngay trước khi bữa tối bắt đầu và pha một bình martinis.

“Em không mệt à?”

“Không, không hẳn thế. Em cảm thấy điều gì đó là sinh lực. Anh có nhận ra là em đã dành thời gian ra thành phố được bao lâu rồi không? Em đã định xuất hiện ở cơ quan anh vào bữa trưa để làm cho anh được bất ngờ, nhưng lại không đủ thời gian. Có điều gì thế anh?”

“Không, không có gì cả. Nó giống như làm anh ngạc nhiên vậy, chỉ có thể thôi; khối lượng công việc em có thể hoàn thành trong một ngày. Thật là ấn tượng quá”.

“Anh thật nhiều chuyện,” cô nói, “Anh không như vậy à, ôi, em không có ý phàn nàn anh”. Cô nhăn mặt lo lắng giống như vẻ thấu hiểu nụ cười điệu của những bà vợ trong chuyện hài trên vô tuyến. “Dường như là em đã làm hơi quá, có phải vậy không anh - chịu trách nhiệm về mọi việc”.

“Không,” anh phản đối, “em này, đừng ngóc nghếch thế; Anh không bực mà. Không có gì đâu em”.

“Dù sao thì cũng là một vấn đề. Nó giống như lúc em cắt cỏ, hay làm một điều gì đó tương tự. Em biết em nên để anh chuẩn bị hộ chiếu và làm việc với công ty du lịch, nhưng em đã ở gần đó và thật là ngớ ngẩn nếu em không vào. Nhưng dù sao, em cũng xin lỗi”.

“Em, em sẽ không nói nữa chứ? Anh sẽ phát bực lên mất, nếu em tiếp tục nói về chuyện đó. Em làm ơn có thể quên đi được không?”

“Vâng, em sẽ không nói nữa”.

“Có thể cuốn sách này không có ích lắm cho chúng ta,” anh nói, đập tay vào cuốn *Người Pháp sáng láng*. “Ý anh là, anh nghĩ nó hơi cao siêu quá”.

“À, vâng. Em nghĩ nó là loại sách hơi kiểu cách một chút; em mua nó trong lúc vội. Đó cũng là một việc mà em nên để anh làm. Anh thường có kinh nghiệm hơn em trong việc này”.

Cuối cùng thì cô cũng nói với anh, đầy vẻ hối lỗi, vào cái đêm mà cô nhận được tin xấu. “Ý em không hẳn là xấu, nhưng thật khó chịu. Trước tiên ngày hôm nay bà Givings gọi điện trân trọng mời mình đến ăn tối vào tối mai, đương nhiên em nói không; em nói em không thể nhờ người trông trẻ được. Rồi bà ta bắt đầu cố thuyết phục em cho bữa tối tuần sau và em thì tiếp tục từ chối, cho đến khi em nhận ra là chúng ta cần phải gặp bà ta sớm, dù thế nào đi nữa, về việc quảng cáo bán nhà, vì thế em nói sao họ không qua nhà mình ăn tối”.

“Ôi, Chúa ơi”.

“Không, anh đừng lo. Họ sẽ không đến mà - anh biết bà ta như thế nào mà. Bà ta nói lảm nhảm là không muốn mang lại cho chúng ta phiền phức - Chúa ơi, thật đúng là sự chịu đựng đau khổ của phụ nữ - và em cố nài chúng ta rất

muốn gặp, về một việc, và sự giằng co này kéo dài đến một nửa giờ đồng hồ cho đến khi cuối cùng em làm cho bà ta đồng ý qua nhà mình một mình vào tối mai. Vì thế, bà ta sẽ đến sau bữa tối, hoàn toàn chỉ là công việc, nếu may mắn thì chúng ta sẽ không phải gặp lại ngoại trừ lần chúng ta bán nhà”.

“Tốt thôi”.

“Vâng, nhưng đây là vấn đề. Em hoàn toàn quên rằng tối mai chúng ta sẽ sang nhà Campbell. Vì thế em gọi Milly, cố dùng lại lời nói dối về người trông trẻ, và cô ta dường như - em không biết, thật sự thất vọng. Anh biết Milly thỉnh thoảng như thế nào mà? Giống như phải làm việc với một đứa trẻ. Và điều đầu tiên em biết cô ta đã làm cho em nói đồng ý, chúng ta sẽ sang nhà họ tối nay thay vì tối mai. Và đây là kỳ nghỉ cuối tuần của chúng ta - nhà Campbell tối nay, nhà Givings tối mai. Em vô cùng xin lỗi anh”.

“Khi ạ, điều đó ổn mà. Đây có phải là điều mà em đang định nói là tin xấu không?”

“Anh có chắc là anh không cảm thấy khó chịu không?”

Anh không hề khó chịu. Trên thực tế, anh nhận ra anh đã tắm và thay quần áo, anh đang ngắm trông việc muốn nói với Campbell về kế hoạch này. Việc như thế này dường như sẽ không bao giờ được coi là thật cho đến khi nói được ra với mọi người.

“Em này, April,” anh nói, trong khi nhét áo trong quần. “Khi chúng ta nói chuyện này với bà Givings, không có lý do gì để phải giải thích tại sao chúng ta đi châu Âu? Ý anh, anh nghĩ, bà ta nghĩ *tôi không ngờ ngán đến như vậy*”.

“Tất nhiên là không rồi”. Cô ngạc nhiên ở chính suy nghĩ về việc nói với bà Givings bất kỳ một điều gì ngoại trừ một lý do đơn giản là họ muốn bán nhà. “Bà ta có thể làm được chuyện gì khi ta nói ra? Và cũng không cần nói với gia đình Campbell về việc của chúng ta”.

“Không,” anh nói nhanh, “mình phải nói với họ...” và gần như anh đã nói “Họ là bạn mình” trước khi anh tự nhận thấy. “Ý anh, em biết mà; dĩ nhiên là chúng ta không phải nói. Nhưng tại sao lại không?”

CHƯƠNG II

Sheppard Sears Campbell thích đánh bóng giày của mình. Nó là một tình yêu mà anh ta đã học được trong khi còn quân ngũ (anh là một cựu chiến binh của ba chiến dịch trong sư đoàn không vận) và thậm chí ngay cả bây giờ, mặc dầu những đôi giày da mềm thường dân không được đánh giá cao như những chiếc ủng có đế nặng của thời xa xưa, thì mùi cay nồng và sinh khí của công việc khi phải cúi xuống là một sự kết hợp của *tinh thần đồng đội*. Anh ta hát bài hát của những ban nhạc lớn trong khi làm công việc này, đưa đẩy những giai điệu khô khan với âm thanh của môi trề và mắt lác - *Buddappa banh!Banh!Banh!* - tặng phần âm trầm, và thỉnh thoảng anh ta dừng lại tợp một ngụm từ lon bia để ở trên sàn, bên cạnh anh ta. Rồi anh ta gãi lưng, cào chỗ áo ở nách đã ngả màu vàng, cho phép mình ợ một tiếng dài khoan khoái.

“Em à, mấy giờ gia đình Wheeler đến?” Anh ta hỏi vợ, người đang tự ngắm mình, đầy cảm xúc, trước gương ở bàn phấn được riềm xung quanh.

“8:30 anh à”.

“Chúa ơi,” anh ta nói, “Nếu anh đi tắm thì quá muộn rồi nhỉ”. Nheo mắt lại, anh ta co ngón chân lại trong chiếc giày ở bên phải để kiểm tra độ bóng trước khi lại cúi xuống, nhặt lấy cái giẻ và bắt đầu đánh nốt chiếc bên kia.

Vẻ mặt nông dân lãnh đạm trên khuôn mặt anh ta chỉ hiếm khi được thể hiện với Shep Campbell ở thời buổi tân tiến này - anh ta chỉ dùng nó trong tâm trạng lúc đánh giày hay lúc thay lốp xe - nhưng nó đã giữ lại vết tích nói lên mong muốn từ tận trong đáy lòng mình. Qua năm tháng, từ một cậu con trai thành một người đàn ông, trên tất cả, anh ta khao khát được vô cảm và vô giáo dục, để giữ cái gì đó cho riêng mình khi giữa đám đông toàn là thanh niên và ông già ủ dột mà những điều chế nhạo của họ, dù có thật hay là tưởng tượng ra, cũng đã ám ảnh anh ta suốt thời niên thiếu, để chôi bỏ bằng cả một sự cố gắng của ý chí về những gì mà trong suốt một khoảng thời gian là những sự việc đầy hồ thẹn đè nặng trong quãng đời của mình: rằng anh ta lần lượt được nuôi dưỡng trong khu nhà của người giàu và căn hộ tầng áp mái ở vùng lân cận Khu Sutton, bị đi học tư và chỉ được phép chơi với

những đám bạn khi nhận được ánh mắt mỉm cười của người trông trẻ người Anh hay lệnh bà người Pháp. Và rằng người mẹ ly dị giàu có của anh ta van nài, cho đến tận khi anh ta mười một tuổi, được mặc quần áo cho anh ta vào mỗi chủ nhật trong bộ đồ dân tộc đáng kính của người Scotland hiệu Bergdorf Goodman.

“Bà ta, vì Chúa, đã lấy kẹo cao su của tôi!” - thậm chí cho đến giờ, thỉnh thoảng anh ta vẫn nguyên rủa chuyện đó, với một vài người bạn mà anh có thể tâm sự về mẹ mình, nhưng trong những khoảnh khắc sáng suốt hơn, bình tĩnh hơn, anh ta nhận thấy sự cảm nhận tha thứ cho bà. Không một cha mẹ nào hoàn hảo; và ngoài ra, dù bất kỳ mục đích của bà ta là gì, anh ta biết rằng bà chưa thật sự bao giờ có một cơ hội. Từ thời kỳ đầu tuổi vị thành niên, từ khi tuổi dậy thì bắt đầu một cơ thể cường tráng, nếu như không nói là trước đó, anh ta đã hoàn toàn vĩnh viễn không nhận được những cái ôm ngọt ngào từ mẹ mình nữa. Bất kể một vật gì trên đời này, thậm chí có thể chỉ hơi liên quan đến những gì mà mẹ anh ta gọi là “có học thức” hay “ngoan ngoãn” thì đều là sự nguyên rủa đối với Shep Campbell trong những năm đầu đời, và mọi thứ mà bà ta cho là “thiếu thẩm mỹ” thì lại là điều anh muốn. Ở một trường dự bị lớp một, anh ta nhận thấy thật dễ dàng khi trở thành một học sinh vụng về với cách ăn mặc luộm thuộm và nghịch như quỷ, sợ hãi và ngưỡng mộ mơ hồ và đáng thương hại khi nhận xét anh là một trong những cậu bé được nuôi từ thiện; sau khi bị đuổi khỏi trường ở những năm cuối cấp anh ta chuyển thẳng, đó là sự kinh hoàng của mẹ anh, đến nhóm sinh viên của trường trung học ở Manhattan, và trường đào tạo binh nhì của cảnh sát, cho đến khi sinh nhật lần thứ mười tám sung sướng chuyển anh ta vào lính nhảy dù, quyết định tự giải thoát mình không những chỉ với sự dũng cảm dễ nhận thấy mà còn bằng những đóng góp khác được những người lính trao giải thưởng rất cao, đó là phẩm chất của kẻ đáng ghét dữ tợn.

Anh ta đã đạt được trình độ ở cả hai điểm, và chiến tranh dường như chỉ khoét sâu thêm mức độ khẩn cấp của cuộc kiếm tìm. Sau đó dường như hoàn toàn logic khi anh ta nhún vai coi khinh tất cả những cuộc tranh luận đầy nước mắt với mẹ mình về vấn đề của Princeton hay Williams và thông vai đi khỏi thay vì đăng ký nhập học ở học viện kỹ thuật hạng ba ở Trung Tây. (“Ở G.I. Bill”[\[13\]](#), anh ta luôn giải thích như thế, như thể bất kỳ một khả năng hỗ trợ về tiền bạc cho cá nhân nào đều có thể làm cho anh ta trở nên yếu thế.) Ở đó, ngủ gà gật trong lớp học dưới lớp áo jacket bằng da hay đi lảo đảo vào mỗi tối với nhóm bạn bụi đời, làu bàu khinh bỉ cái cốc bia sủi bọt vì chính suy nghĩ về nghệ thuật tự do, anh ta học cách đàn ông không thể bác bỏ

được, buôn bán kỹ thuật cơ khí của tầng lớp trung không thể chôi cãi được. Cũng là ở đó anh ta đã tìm thấy vợ mình, một nhân viên tạp vụ đáng kính trọng, mềm mại và nhỏ nhắn làm việc ở phòng trợ cấp, lần đầu tiên làm cha của những đứa con trai của anh; và phải đến nhiều năm sau đó sự phản kháng vĩ đại đã trở thành phong cách.

Điều đã xảy ra - về sau anh ta gọi đó là “thời gian tôi bị phát điên” - là khi anh ta tỉnh dậy tự tìm thấy mình được nhận vào làm ở một nhà máy cơ khí chạy bằng sức nước một trăm dặm từ Pheonix, Arizona, và sống trong một của bốn trăm ngôi nhà giống hệt, sít vào với nhau ở sa mạc, một cái hộp được phơi nắng của một khu nhà với bốn cánh núi được đóng khung từ một cửa hàng bán đồ rẻ tiền treo trên tường và năm cuốn hướng dẫn kỹ thuật màu nâu đặt trong cả một giá sách trần trụi - một cái hộp báo thức mỗi đêm cho đến sự bùng nổ vô tuyến hay là những tiếng đình tai nhức óc của hàng xóm rọi vào Canasta.

Sheppard Sears Campbell phải công nhận rằng mình cảm thấy tuyệt vọng giữa những đám người với những khuôn mặt được xếp đặt một cách vội vàng, đàn độn, những cô gái la inh ỏi với tiếng cười không bình thường qua những câu chuyện ở trong phòng tắm (“Harry, Harry, nói với ai đó về một lão đã bị bắt quả tang trong nhà vệ sinh nữ”) hay là vén môi trong sự im lặng đáng tôn trọng trong khi chồng họ đang cãi nhau về xe ô tô (“Bây giờ thì anh thích Chevvy; về phần tôi anh có thể có bất cứ một cái Chevvy nào vừa mới lắp ráp xong, hay là không một cái nào”), và anh nhanh chóng nhìn mình như một kẻ mạo danh hay một tên khờ. Tất cả cùng một lúc dường như chuyển mạo hiểm giả vờ là một điều gì đó không phải là mình đã dẫn anh ta vào một cách sống mà anh ta không muốn và không thể chịu đựng nổi, rằng bằng việc thách thức mẹ mình anh ta đã quay lưng lại với quyền được sinh ra.

Những ảo tưởng tươi sáng đã ám ảnh anh ta về một thế giới có thể và đã có thể thuộc về anh ta, một thế giới của kiến thức và tri giác mãi mãi in trong tâm trí với khái niệm “miền Đông”. Ở miền Đông, anh ta tin rằng, một người vào đại học không phải để đào tạo nghề mà là một sự tìm kiếm có kỷ luật về sự thông thái và vẻ đẹp, và không ai ngoài mười hai tuổi tin những từ ngữ đó lại dành cho những người ẻo lả. Ở miền Đông, mặc quần bằng vải tuyết và flannen nhàu nhĩ, anh ta có thể đi dạo hàng giờ liền giữa những cây đu cỏ kính và những tháp đồng hồ, nói chuyện với bạn mình, và bạn mình có thể là phần tinh hoa của thế hệ. Con gái miền Đông thật mảnh khảnh và duyên

dáng; họ xúc động với chính quyền của những nơi như Bennington và Holyoke; họ nói chuyện thông minh với giọng nói tinh tế, thấp, và họ không bao giờ cười khúc khích. Vào những buổi tối mùa đông giá lạnh, bạn có thể gặp họ để uống cocktail ở Biltmore và đưa họ đi nhà hát, và sau đó, ấm nồng với rượu brandy, họ sẽ cùng bạn đi đến một quán trọ ở New England được phủ đầy tuyết, nơi họ hạnh phúc rơi vào vòng tay bạn dưới một tấm đệm lông chim. Ở miền Đông, khi tốt nghiệp trường cao đẳng, bạn có thể dừng lại và đi làm một cách nghiêm túc cho đến khi bạn dành ra một vài năm trong một căn hộ được lấp đầy sách cũ nhân, với những chuyến đi nghỉ giữa kỳ ở châu Âu. Và khi nhận thấy thiên hướng thực sự cuối cùng của bạn là một quá trình lựa chọn không vội vàng và có báo trước; cũng giống như khi cuối cùng bạn cũng quyết định thành thân, điều đó phải được cử hành theo nghi thức long trọng nhất sau cả một quá trình quan hệ lâu dài và công phu.

Nghiên ngẫm những hình ảnh tưởng tượng, không phải mất nhiều thời gian trước khi Shep Campbell có được tai tiếng là một kẻ hợm hĩnh của nhà máy nước. Anh ta cũng phản đối Milly, và làm cho cô hoảng sợ vì anh ta đã trở thành một người ủ rũ say mê nhạc cổ điển và một độc giả đặt tạp chí văn học theo quý, hay hờn dỗi. Anh ta hiếm khi nói chuyện với cô, và khi nói chuyện, anh không bao giờ pha tạp kỳ lạ theo kiểu cổ điển của cậu bé trên phố New York và nông dân da đỏ, một sự kết hợp mà cô ta luôn nhận thấy “có duyên thật sự”, trong một nhịp điệu mới của sự gấp gáp vang lên như tiếng chuông giống như trọng âm của người Anh. Và rồi một tối chủ nhật, sau khi anh ta đã uống cả ngày và cãi vã với lũ trẻ, cô ta nhận thấy mình đang khóc với đứa con đang bú trong khi chồng cô gọi cô là kẻ đáng ghét ngu dốt và đập ba nắm đấm vào tường.

Một tuần sau đó, vẫn còn xanh xao và sợ run lên, cô ta đã giúp anh ta gói ghém quần áo, chăn màn và đồ bếp cho vào trong ô tô bắt đầu cuộc hành hương đi về phía Đông bụi bặm; và sáu tháng tiếp theo ở New York, trong khi anh ta cố gắng quyết định liệu có nên tiếp tục là một kỹ sư nữa hay không - thời gian đó, Shep biết, là thời gian khó khăn nhất trong cuộc đời của Milly. Điều ngạc nhiên lẫn ngỡ đầu tiên là tiền của mẹ anh ta đã ra đi (lúc đầu chưa thực sự bao giờ có nhiều tiền, và bây giờ chỉ vừa đủ để bà ta sống tươm tất trong một căn phòng khách sạn, một phụ nữ già nua, quý phái, hay cáu kỉnh với một con mèo), và có hàng trăm những sự ngạc nhiên lẫn ngỡ khác nữa trong thực tế tràn ngập chính New York - hoá ra là một thành phố đồ sộ, bản thủ, ồn ào và độc ác. Chi tiêu tằn tiện với đồng tiền tiết kiệm cho những loại thức ăn và đồ đạc rẻ tiền, chưa bao giờ biết được là Shep đã ở

đâu và anh ta sẽ về nhà với một tâm trạng như thế nào, không bao giờ biết được sẽ nói gì khi anh ta nói ngất quăng về những khoá tốt nghiệp về nhạc và tâm lý, hay khi anh ta muốn đi lang thang hàng giờ liền ở vòi phun nước đã cạn ở Quảng trường Washington với một bộ râu quai nón đã mọc được bốn ngày, cô ta đã hơn một lần tra tìm số liên lạc của bác sĩ tâm lý trong cuốn danh bạ điện thoại của New York đã được phân loại. Nhưng cuối cùng anh đã ổn định với một công việc với Allied Precision ở Stamford, họ đã đi thuê nhà và rồi chuyển đến Công ty bất động sản Đồi Cách mạng, rồi cuộc sống của Milly lại quay trở lại bình thường.

Đối với Shep cũng vậy, những năm đã qua là thời gian của sự hoà bình tương đối. Hay chí ít nó cũng dường như là như vậy, ở một cấp độ nào đó, trong bóng tối sinh động của một buổi tối mùa xuân đẹp như thế này. Anh ta hài lòng có đầy đủ sườn cừu và bia, anh ta đang mong ngóng được nói chuyện với gia đình Wheeler, và mọi việc đã có thể bị tồi tệ hơn rất nhiều. Công việc ở Stamford và Công ty Bất động sản Đồi Cách mạng và nhóm diễn Laurel không hoàn toàn chính xác là những gì anh ta tưởng tượng với viễn cảnh ở Arizona, nhưng nó là cái quái gì thế. Nếu không còn điều gì khác, sự chín muồi của những năm đã qua đã làm cho anh ta có thể nhìn lại với những hồi tiếc.

Vì ai có thể phủ nhận được giai đoạn thử thách của anh ta, dù có bị loạn thần kinh hay không, đã làm cho anh ta nhiều điều tốt? Có phải nó đã giúp anh ta trên con đường đến Ngôi sao Bạc và một nhiệm vụ ngoài thực tế ở tuổi hai mươi mốt? Những điều đó là có thật, chúng là cảnh tượng địa ngục hơn tất cả những người đàn ông đã trải qua lứa tuổi của anh ta có thể phàn nàn được. (Nhiệm vụ thực tế! Chính cấu trúc từ trong suy nghĩ của anh ta có thể vẫn làm ám lại tính tự phụ được lan truyền trong ngục và cổ mình) và không một bác sĩ tâm lý nào có thể lấy chúng đi được. Anh ta cũng không bị quấy rầy lâu hơn bởi cảm giác về phương diện văn hoá đã bị bỏ lỡ và bị che lấp dưới thể hệ của anh ta. Anh ta có thể chắc chắn cảm thấy chính bản thân mình ngang bằng với một người đàn ông như Frank Wheeler, ví dụ là vậy, và Frank là sản phẩm của tất cả mọi thứ mà cùng một lúc làm cho anh ta quẫn quại vì ghen tị - trường đại học miền Đông, mỹ thuật tự do, những năm tháng của việc đi gõ cửa tự nhiên quanh khu Làng Greenwich. Rồi điều gì là khủng khiếp đến vậy khi chuyển đến Khu Kỹ thuật bang?

Ngoài ra, nếu anh ta không chuyển đến Khu Kỹ thuật bang chắc hẳn anh ta đã không gặp Milly, và không cần đến bác sĩ tâm lý ngớ ngẩn để thông báo

với anh ta là anh ta đã ôm thật sự và thật sự đang gặp rắc rối về tâm lý, nếu anh tiếp tục hối tiếc. Có thể sự giáo dục của họ khác nhau; có thể anh ta đã cưới cô ta khó có thể nhớ vì sao và có thể đó không phải là một cuộc hôn nhân lãng mạn nhất trong cuộc đời này, nhưng Milly là cô gái dành cho anh. Có hai điều ở cô trở thành một nguồn cảm xúc ngỡ ngàng không đổi trong tâm trí anh: rằng cô ta đã bị mắc kẹt cùng với anh trải qua mọi sự hoảng loạn ở Arizona và New York - anh ta thề rằng anh ta sẽ không bao giờ quên được - và rằng cô đã tiếp nhận chúng một cách hoàn hảo để phù hợp với cách sống mới của cuộc đời anh ta.

Cô ta đã học được nhiều điều! Đối với một cô gái có bố là một thợ quét sơn được đào tạo dở dang và những người anh người chị đều nói theo cách “Không có hết gì cả,” đó không phải là một điều dễ dàng. Anh ta càng nghĩ về điều đó, thấy điều đó càng khác thường nếu cô ta mặc váy gân giống theo như cách của April Wheeler và nói chuyện khá tốt về mọi chủ đề mà bạn muốn nói đến; rằng cô ta có thể sống trong một ngôi nhà xấu xí, hoàn toàn ngoại ô như thế này và biết tại sao và cần phải được tạ tội như thế nào trong vấn đề nghề nghiệp và con cái (“Ngoài ra, dĩ nhiên, chúng tôi sống trong thành phố, hay ở một nơi nào khác, trong một đất nước thật sự...”). Và khi cô ta đã có thể làm cho mỗi phòng có một vẻ tri thức, riêng biệt và có chỗ trống mà April gọi là “thật thú vị”. Thật vậy, hầu như là tất cả các phòng. Cảm thấy thú vị và khoan dung khi cuộn giá để giày vào trong ống sấp, Shep Campbell phải công nhận rằng cái căn phòng cụ thể này, cái giường ngủ này, không phải là một nơi rất sành điệu. Những bức tường hẹp, được dán giấy theo thiết kế hình hoa cây cỏ to màu hồng và màu hoa oải hương (xanh nhạt hơi pha đỏ), đỡ cẩn thận những cái râm và lần lượt đỡ những hàng đồ vật dễ vỡ trong nháy mắt làm bằng thủy tinh; cửa sổ dùng vào mục đích sử dụng của cửa sổ thì ít mà phục vụ cho việc bài trí những tấm rèm nặng nề có hoạ tiết trang trí lạ theo vệt sọc nổi thì nhiều, nó phù hợp với ga trải giường cũng có hình dẹt sọc nổi và bàn phấn không cân xứng với thảm. Đó là một căn phòng mơ ước cho một bé gái được ở một mình với những con búp bê và những suy nghĩ tưởng tượng trang trí cho đồ vật của mình thật đẹp giữa những cái sọt màu da cam bị vỡ và những mẫu thừa quần áo trong một góc râm bí mật của sân sau, một bé gái có thể lau cái đầu hói của trái đất cho đến khi nó bóng mượt như bột bánh mì và lại lau nó nếu nó bị nát vụn, một bé gái với những ngón tay chân nắn, thì thầm, lo âu với đôi má rung lên với mỗi lần làm đom và giật mạnh cái dải ruy băng bị lấm đất dúi xuống đất (“Này thì... Này thì”) và đôi mắt sợ hãi, nhanh, khi cô bé làm việc đó, trông giống đôi mắt hiện đang kiếm tìm trong gương những dấu hiệu của tuổi trung niên.

“Anh à?” Cô ta nói.

“Gì thế?”

Người phụ nữ chậm chậm quay lại trên chiếc ghế dài được chần bông, căng thẳng với một suy nghĩ phiền muộn. “Được thôi - Em không biết, anh có thể sẽ cười, nhưng anh này, anh có nghĩ là gia đình Wheeler sẽ... bị mắc kẹt, hay là cái gì đó tương tự?”

“Không, đừng có ngốc thế,” anh ta nói với cô ta, cho phép giọng của mình trầm xuống và đầy lương tri. “Điều gì khiến em nghĩ thế hả?”

“Em không biết. Em chỉ vừa mới nghĩ đến nó. Ý em là em biết cô ta sẽ thất vọng về vở kịch và mọi thứ, nhưng đó không phải là lỗi của chúng ta, có phải vậy không? Và rồi khi chúng ta ở đó lần trước, mọi thứ có vẻ thuộc loại... em không biết nữa. Hãy nhớ lại khi em cố mô tả cách mẹ anh nhìn em lần đó? Được thôi, April cũng đã nhìn em đúng như vậy vào đêm hôm đó. Và bây giờ toàn bộ việc này là quên lời mời của chúng ta đi. Em không biết nữa. Thật là hài hước, chỉ có vậy thôi”.

Anh ta đóng nắp hộp xi đánh giày và cất nó đi với cái giẻ và bàn chải được cuộn lại. “Em này,” anh ta nói, “em chỉ toàn tưởng tượng. Em sẽ phá hỏng buổi tối nay mất”.

“Em biết là anh sẽ nói thế mà”. Cô ta nắm bàn chân mình, nhìn vu vơ và thật thảm hại trên đôi môi màu hồng.

“Em chỉ nói những gì là sự thật. Thôi nào; hãy thoải mái và vui vẻ”. Anh ta đi lại và ôm lấy cô ta; nhưng nụ cười của anh ta đóng băng lại với vẻ nhăn nhó lo lắng khi tựa vào tai cô ta, vì khi cúi xuống gần vai cô ta, anh chợt thấy phảng phất mùi gì đó bị ôi.

“Ôi, em đoán anh đã đúng,” cô ta nói. “Em xin lỗi. Anh đi tắm đi, ngay bây giờ, và em sẽ dọn phòng bếp”.

“Không phải vội đâu, em,” anh ta nói. “Họ thường hay đến muộn một chút mà. Sao em lại cũng không tắm nhỉ, nếu em muốn?”

“Không, em tắm rồi, ngay lúc em mặc váy mà”.

Trong khi tắm, trầm ngâm sát xà phòng và kỳ cọ người, Shep Campbell tự hỏi cái quái gì đã thỉnh thoảng làm cho cô ta có cái mùi như vậy. Không phải vì cô ta không tắm - anh ta biết là tối qua cô ta đã tắm rồi - và không phải vì cô ta đến tháng; anh đã kiểm tra cách đây lâu rồi. Dường như là mùi đó phát ra khi lo lắng, giống như da bị mụn hay bị hở van dạ dày; anh ta đoán bởi vì cô ta ra mồ hôi nhiều hơn mỗi khi cô ta căng thẳng.

Nhưng anh ta phải thừa nhận rằng, khi anh ta lau người trong lúc xông hơi, đó là cái mùi gì đó còn nặng mùi hơn cả mùi mồ hôi. Chỉ riêng cái mùi đó, Chúa mới biết được, có thể là điều thú vị với phụ nữ. Và đột nhiên anh ta nhớ lại toàn bộ thời gian mùa hè năm trước khi anh ta ôm April Wheeler khi cô nửa say nửa tỉnh trên sàn nhảy Cabin Đạn động của Vito đông nghịt người đến ngạt thở khi chiếc váy ướt đầm của cô dính chặt vào lưng và thái dương cô lướt nhẹ một cách ngọt ngào dưới má anh ta khi họ xoay người nói rì rầm vào cái giá của trống con và tiếng rền rĩ của saxophone. Ôi, cô đang toát mồ hôi, được thôi, và mùi cơ thể cô mạnh và thơm như mùi chanh vậy; chính mùi cơ thể cô toả ra nồng nàn như cảm giác nhịp nhàng quá mức đã làm cho anh ta - đã làm cho anh ta muốn - ôi, Chúa ơi. Điều đó đã diễn ra cách đây gần một năm, và ký ức về chuyện đó vẫn làm cho những ngón tay của anh ta run lên mỗi khi anh ta cài cúc áo.

Căn nhà dường như vẫn không được tự nhiên. Cầm theo lon bia trống rỗng, anh ta đi xuống cầu thang để xem Milly đang làm gì, anh ta đi qua một nửa phòng khách trước khi nhận ra là mình có bốn cậu con trai.

Anh ta gần như bị vấp vào chúng. Chúng đang nằm theo hàng, những đứa con của họ, tám, bảy, năm và bốn tuổi mặc pyjama màu xanh y hệt như nhau, tất cả đều chống khuỷu tay nhìn chăm chăm vào màn hình màu xanh đang lập loè của vô tuyến. Bốn khuôn mặt với mái tóc màu vàng hoe, mũi hếch, nhìn nghiêng từ một bên, trông giống nhau y hệt và giống y hệt như Milly, những chiếc quai hàm kia đang nhai theo một cùng một phách những chiếc kẹo cao su với những giấy gói màu hồng trải đầy trên thảm.

“Này, cu tí,” anh ta gọi, nhưng không một đứa nào nhìn lên. Anh ta cẩn thận đi vòng qua chúng, vào trong bếp, nhả mặt lại. Đã bao giờ những người đàn ông khác cảm thấy khó chịu khi nhìn thấy các con mình? Không phải chỉ vì chúng sẽ làm cho anh ta ngạc nhiên; chẳng có gì không bình thường ở đó cả.

Quá bình thường, trên thực tế, anh ta có thể tình cờ bất ngờ xuất hiện với chúng và nghĩ, những anh chàng này là “ai” nhỉ? Và phải mất đến vài giây để cho anh ta nhận định chúng là con. Nhưng khi thật, nếu ai đó hỏi anh ta rằng anh ta cảm thấy như thế nào vào những lúc như vậy, anh có thể diễn tả cảm giác của mình với sự chân thật như một sự cắn rứt thú vị sâu kín - cùng một cảm giác như vậy khi anh ta kiểm tra phòng ngủ của chúng vào ban đêm hay khi chúng phi nước đại trên thảm cỏ dưới cú ném bóng cao của anh. Với hoàn cảnh này thì lại hoàn toàn khác hẳn. Lần này anh ta phải công nhận rằng anh ta cảm nhận thấy một cảm giác hoảng sợ thoáng qua và rất riêng.

Milly đang ở trong bếp, phết một vài loại nước sốt thịt vào bánh quy giòn, liếm tay khi cô ta đang làm bếp.

“Em à,” anh ta nói, đi khép nép quanh cô. “Anh sẽ tránh ra ngay bây giờ đây”.

Anh ta lấy một lon bia lạnh từ tủ lạnh và mang nó ra bãi cỏ ở sân sau, nhấp bia một cách chín chắn. Từ đây, nhìn xuống những cái bóng trên cùng của rặng cây, anh có thể nhìn thấy rìa của mái nhà Wheeler; xa hơn nữa, xuống phía dưới, về phía bên phải, dưới hàng dây điện thoại, những dòng xe kêu rì rì nối đuôi nhau vô tận trên Đại lộ 12 vừa mới bật đèn. Anh ta nhìn xa xăm vào khoảng cách đang tỏa sáng mờ mờ trên đại lộ một lúc thật lâu, cố gắng luận ra điều gì đó.

Nếu như không phải là anh ta cảm thấy hoảng sợ, vậy thì chính xác nó là cảm giác gì? Một sự phản đối hờn hĩnh, quá khó tính, có thể lắm, vì việc chúng nằm ườn ra, nhai kẹo cao su đã làm cho chúng trông thật đàn và - thế nào nhỉ, tầng lớp trung lưu? Nhưng điều vô lý ở đây là gì? Chẳng thà anh ta nhìn thấy con mình ở bàn uống trà nhỏ chết tiệt ấy? Mặc váy dân tộc của người Scotland? Không, phải là gì đó có ý nghĩa hơn thế. Có thể là do chính hình ảnh của chúng đã đi vào suy nghĩ của anh ta và làm cho anh ta nghĩ về April Wheeler - thật sự là anh ta đã nghĩ về cô! Tất cả mọi suy nghĩ! Chẳng phải sẽ là tốt hơn nếu đối mặt với nó thay vì trốn tránh nó? - Những suy nghĩ về April Wheeler đặt cả vào trong tâm trí anh ta và làm cho anh ta hơi bị sốc một chút; tất cả chỉ có thế. Và bây giờ đối diện với nó, anh ta cho phép mình không nhìn vào Đại lộ 12 nữa mà nhìn vào mái nhà của Wheeler. Vào mùa đông, khi rặng cây bị rụng lá, bạn có thể nhìn thấy hầu hết những ngôi nhà và phần bãi cỏ từ đây, và ban đêm bạn có thể nhìn thấy ánh đèn phát ra từ cửa sổ phòng ngủ. Anh ta bắt đầu tự hỏi liệu bây giờ April đang làm gì? Cô

đang chải tóc? Đang đi tất? Anh hy vọng cô sẽ mặc cái váy màu xanh đen.

“Anh yêu em, April,” anh ta thì thào, để cảm nhận liệu nó có đúng là cảm giác của “Anh yêu em, anh yêu em không?”

“Anh à,” Milly gọi. “Anh đang làm gì ngoài đó thế?” Cô ta đang đứng trong lối đi ở bếp đã được bật sáng, liếc nhìn vào hoàng hôn, và ngay sau cô là vợ chồng nhà Wheeler.

“Ôi,” anh ta nói, đi qua bãi cỏ quay vào nhà. “Xin chào! Không nhìn thấy các bạn đi lên”. Rồi, dường như cảm thấy thật ngớ ngẩn, anh ta dừng lại uống ngụm bia cuối cùng và nhận thấy anh ta đã uống ngụm cuối cùng mấy phút trước đó; lon bia đã hoàn toàn nóng lên trong tay anh ta.

Thật là một buổi tối không dễ chịu gì, ngay từ lúc bắt đầu - rất khó chịu, thực tế, trong toàn bộ giờ đầu Shep tránh nhìn vào mắt Milly vì sợ rằng sự thể hiện của anh ta sẽ khẳng định sự lo lắng của cô ta. Anh ta không thể phủ nhận nó: có điều gì đó rất không ổn đang diễn ra ở đây. Vợ chồng Wheeler không để toàn tâm toàn ý vào buổi tối ngày hôm nay; họ không được thoải mái, cứ đi đi lại lại. Không một ai trong họ thêm nói với ra bếp và giúp họ chuẩn bị đồ uống; cả hai bọn họ đều ngồi một cách lịch sự dính chặt vào ghế sofa, bên cạnh nhau. Chắc là phải dùng đến một phát súng lục để tách họ ra.

April quả thật đã mặc chiếc váy màu xanh đen, và cô chưa bao giờ trông xinh hơn như thế, nhưng trong mắt cô ánh lên một cái nhìn xa xăm và kỳ lạ - cái nhìn của một khán giả chân thành hơn là một người khách, đơn giản là một người bạn - và tất cả những gì bạn có thể mong đợi từ cô chỉ là những câu trả lời “Vâng” hay “Ồ, thế à”.

Frank cũng như vậy, mười lần tồi tệ hơn. Nó không hẳn chỉ là anh không nói chuyện (mặc dầu nếu chỉ có như thế, đối với Frank, đó là một điều gì đó nằm ngoài cá tính mà bạn có thể hiểu được) hoặc anh không có bất kỳ một sự cố gắng nào để che giấu thực tế là anh đang không nghe Milly nói; chính anh đã hành động giống như một kẻ hợm hĩnh đáng ghét. Mắt anh nhìn tản mạn trong phòng, kiểm tra từng món đồ đạc và với mỗi bức tranh như thể anh chưa bao giờ tìm thấy mình trong một căn phòng khách điển hình theo kiểu ngoại ô thật là buồn cười như trước kia - như thế, vì Chúa, anh đã không ở đây hai năm rắc tàn thuốc và uống say túy lúy ở bất cứ nơi nào có thể trong căn phòng này; như thể anh đã không làm thủng lỗ ở trên thảm của chính cái

ghế sofa này vào mùa hè năm ngoái và say lúot khurót, ngáy o o ở trên chính cái thảm này. Một lần, trong khi Milly đang nói, anh ngả người về phía trước và liếc xéo cô ta giống như một người đàn ông nhìn chăm chú vào giữa những cái thanh của cái lồng chuột tối tăm, và nó làm cho Shep mất một phút để luận ra là anh đang làm gì: anh đang đọc tiêu đề của một cuốn sách trên giá để ở phía bên kia căn phòng. Và phần tồi tệ nhất là Shep, với tất cả sự bực mình, đã phải kiềm chế cơn bốc đồng để đập chân mình một cách vui vẻ và nói xin lỗi (“Thật ra, nó không hẳn là một cái thư viện, ý tôi là tôi không muốn anh bình luận về thẩm mỹ đọc của vợ chồng tôi, về cơ bản - thật sự, chúng hầu như chỉ là những đồ tạp nham chất đống lại trong nhiều năm qua, hầu như tất cả những cuốn sách hay nhất của chúng tôi đều có một phong cách của...”) Thay vào đó, với cái miệng mím chặt, anh ta đi thu cốc và ra khỏi nhà bếp. Ôi Chúa ơi!

Anh ta rót cho vợ chồng Wheeler gấp đôi ở lần rót rượu thứ hai, để câu chuyện được tiếp tục, và chỉ rót cho Milly một nửa vì nếu cô ta tiếp tục uống như thế này thì trong bộ dạng của mình chỉ trong một giờ nữa cô ta sẽ trở nên nhạt nhẽo.

Và cuối cùng thì vợ chồng Wheeler cũng thả lỏng - dù khi thời gian thư giãn của họ qua đi, Shep cũng không chắc hoàn toàn, nhưng anh ta thích họ theo cách như thế này hơn.

Nó được bắt đầu khi Wheeler làm trong cổ họng mình và nói, “Thật sự, chúng tôi có một vài tin mới. Chúng tôi sẽ...”, anh dừng lại ở đó và đỏ mặt liếc nhìn April. “Em nói đi”.

April cười với chồng - không giống như khán giả hay một người khách hay một người bạn, nhưng theo cách làm cho trái tim thêm muốn của Shep bị đảo lộn - và rồi cô quay lại và nói với khán giả của mình. “Chúng tôi sẽ chuyển đến châu Âu,” cô nói. “Đến Paris. Mãi mãi”.

Cái gì? Khi nào? Như thế nào? Tại sao? Gia đình Campbell, vợ và chồng, nổ tung với một loạt những câu hỏi hùng hổ khi vợ chồng Wheeler chìm vào trong tiếng cười và trả lời nhẹ nhàng. Ngay lập tức mọi người nói chuyện rôm rả.

“... Ôi, chỉ hai hay ba tuần nữa thôi,” April đáp lại sự van nài của Milly muốn biết điều này đã được bắt đầu bao lâu rồi. “Thật khó mà nhớ được.

Chúng tôi vừa mới quyết định đột ngột, chỉ có vậy thôi”.

“Thế à, nhưng ý tôi là điều này là gì?” Shep đang hỏi Frank hai hay ba lần. “Ý tôi là anh đã tìm được việc ở đó, hay là gì vậy?”

“Không, không hẳn là như vậy”. Và câu chuyện dừng lại trong khi anh và April lặng lẽ nhìn nhau, làm cho họ tức điên lên. Được thôi, Shep dường như muốn nói; nói với chúng tôi hay là không nói. Ai quan tâm chứ?

Và rồi câu chuyện được tiếp tục. Ngả người về phía trước, ngắt lời nhau và nắm tay nhau như những đứa trẻ, vợ chồng Wheeler kể toàn bộ về câu chuyện của họ. Shep làm những gì anh ta luôn cố gắng làm khi mỗi một mẩu tin buồn lần lượt dồn dập đến với mình: anh ta cuộn tròn với chai rượu. Anh ta chấp nhận mỗi sự thực khi nó đến và để cho nó trượt đi một cách không đau đớn trong tâm trí của mình, suy nghĩ. Được thôi, được thôi. Tôi sẽ nghĩ về điều này sau; và điều này nữa; và điều này nữa; đến nỗi phần trước và sự lan lợi trong tâm trí anh ta trống rỗng để chỉ cập nhật được thông tin. Theo cách đó, anh ta có thể thể hiện được cảm xúc không đổi trên khuôn mặt mình và nói ra những điều đáng nói; anh ta thậm chí có thể thú vị nhận ra chí ít bữa tối hôm nay cũng đã trở nên sôi nổi và ít nhất là có nhiều chuyện để nói rồi. Và anh ta ngạc nhiên và tự hào khi Milly xử lý tình huống tốt đến như vậy.

“Ồ, nghe thật hay quá,” cô ta nói khi họ dừng lại. “Tôi nói thật đấy; nghe hay lắm. Chúng tôi sẽ nhớ các bạn lắm, mặc dầu... phải vậy không anh? Anh!” Mắt cô ta nhấp nháy. “Chúng tôi sẽ thực sự nhớ các bạn”.

Shep đồng ý như vậy và vợ chồng Wheeler rút về trạng thái lịch sự, duyên dáng theo cách của họ. Họ nói, họ cũng sẽ nhớ gia đình Campbell. Nhớ rất nhiều.

Sau đó, khi bữa tối kết thúc và vợ chồng Wheeler ra về, căn nhà trở nên im ắng, Shep cẩn thận cho phép một chút sự đau đớn dâng lên trong anh - chỉ đủ để nhắc nhở anh ta là nhiệm vụ đầu tiên, ngay bây giờ, là vợ anh ta. Anh ta có thể giữ phần còn lại trong thời điểm hiện tại.

“Em, em có biết anh nghĩ gì không?” Anh ta bắt đầu, đứng cạnh cô ta khi cô ta rửa cốc và gạt tàn ở bồn rửa bát. “Anh nghĩ toàn bộ câu chuyện của họ nghe có vẻ như một công việc chưa được chín muồi”. Và anh ta có thể nhìn

thấy bờ vai cô ta chùng xuống.

“Em cũng nghĩ thế. Ý em là em không muốn nói gì hết nhưng em cũng nghĩ giống y hệt như anh. Chưa chín muồi không hẳn đã là từ chính xác. Ý em là không ai trong họ dừng lại trong giây lát và nghĩ về những đứa con của mình”.

“Đúng thế,” anh ta nói. “Và đó mới chỉ là một điều thôi. Một điều khác nữa: cái ý tưởng một khá ngớ ngẩn là việc cô ta định hỗ trợ cho anh ta? Ý anh là người đàn ông đó chuẩn bị trở thành một người như thế nào khi chấp nhận một điều như vậy?”

“Ôi, hoàn toàn chính xác,” cô ta nói. “Em cũng nghĩ y hệt như anh. Ý em là em không thích phải nói ra điều này vì em thực sự rất yêu quý họ và họ - anh biết mà, họ thật sự là những người bạn tốt và cả những điều khác nữa, nhưng đó là sự thật. Em cứ nghĩ như vậy - đó là những gì em thực sự suy nghĩ”.

Nhưng sau đó, vẫn thế, nằm trong bóng tối ở tầng trên, anh ta không còn có giá trị gì với cô ta. Anh ta cảm nhận thấy sự căng thẳng đang lớn dần trong cô ta khi cô ta nằm xuống cạnh mình; anh ta có thể cảm nhận thấy sự khó chịu trong hơi thở của cô ta, run lên với những lần hít vào, và anh ta biết nếu anh ta chạm vào bây giờ - nếu anh ta quay về phía cô ta và làm cho cô ta biết là mình còn thức - cô ta sẽ nằm trong vòng tay của anh và nức nở, tuôn trào tất cả mọi việc, trong khi anh ta vuốt ve lưng vợ và thì thầm, “Sao thế em, hm, sao thế mẹ nó, nói cho bố nghe nào”.

Anh ta đã không thể làm điều đó. Anh ta không thể cố gắng được. Anh ta không muốn nước mắt cô ta rơi vào phần trên của bộ pyjama; anh ta không muốn cô ta được ấm nóng trong vòng tay anh. Không phải là tối nay, dù sao đi nữa; không phải bây giờ. Anh ta không thể an ủi được ai bây giờ.

Paris! Chính cái tên địa danh đã làm cho sự căng thẳng tăng lên đến đỉnh điểm, làm cho anh ta quay trở lại thời gian khi ảnh hưởng của thế giới lướt đi nhẹ nhàng và sạch sẽ như một chú chim vô hình đầy niềm tự hào với móng vuốt của mình dường như bám chặt lấy nơi gạch đại úy được gài vào bờ vai chiếc áo jacket Eisenhower của anh ta vậy. Ô, anh ta vẫn còn nhớ những đại lộ của Paris, của những rặng cây, sự thanh thản diệu kỳ của chiến thắng trong mỗi tối (“Anh có muốn một vai to không, Campbell? OK, anh lấy cốc to còn tôi lấy cốc nhỏ. Này cô... Xin lỗi, cô...”) và mỗi buổi sáng, mỗi buổi

sáng xanh vàng uông phí bên cạnh cốc cà phê nóng hôi, với chiếc bánh mì còn tươi và lời hứa của họ cho một cuộc sống bất tận.

Và, được thôi, được thôi; có thể đó là đồ trẻ con, đồ lính, nhiệm vụ thực tế; được thôi.

Nhưng Chúa ơi, nếu anh ở đó với April. Đi xuống những con phố với những ngón tay yêu thương của April Wheeler được ôm trọn trong tay anh ta, trèo lên những bậc cầu thang bằng đá của một vài ngôi nhà màu xám cổ xưa cùng với cô; quay cùng cô trong căn phòng màu xanh, cao với sàn nhà được lát bằng gạch đỏ; tận hưởng tiếng cười rì rầm của cô và giọng cô ở đâu đó vang lên (“Anh không muốn em yêu anh sao?”); tận hưởng mùi hương chanh toả ra từ cơ thể cô, và một cảm giác sạch sẽ, dài vô tận khi anh ta và cô... Ôi, Chúa ơi.

Ôi, Chúa ơi, nếu được ở đó với April Wheeler.

CHƯƠNG III

Kể từ năm 1936, khi họ quyết định mãi mãi không sống ở thành phố nữa, ông và bà Howard Givings cứ hai hay ba năm lại chuyển nhà một lần, và họ luôn giải thích rằng vì Helen có việc làm với công việc kinh doanh nhà. Bà ta có thể mua một ngôi nhà đã xuống cấp, chuyển đến, đặt tâm trí vào nâng cấp ngôi nhà và bán nó với lợi nhuận, để tiếp tục đầu tư vào ngôi nhà tiếp theo. Bắt đầu ở Westchester, chuyển dần đến phía bắc hạt Putnam và rồi đến Connecticut, bà ta đã làm được sáu cái nhà. Nhưng ngôi nhà hiện tại của họ, cái thứ bảy, là một câu chuyện khác. Họ đã ở đó được năm năm hay gần sáu năm gì đó rồi, và họ chắc là sẽ không chuyển đi đâu nữa. Vì bà Givings thường hay nói, bà ta đã yêu nơi này rồi.

Đó là một trong số ít nơi ở đáng tin cậy trước Cách mạng còn sót lại ở quận, ở bên sườn còn lại có hai trong số ít loại cây đu, và bà ta thích nghĩ nó như là một thành trì cuối cùng chống lại sự thô thiển của cuộc sống. Những nhu cầu của ngày làm việc có thể làm cho bà ta chết ngạt trong việc phải đối đầu với lũ phe phái thù địch luôn luôn xâm chiếm; bà ta có thể phải đứng mỉm cười trong bếp của những trang trại không lớn thật kinh khủng và phân cấp, làm việc với những người lỗ mãng không thể tưởng tượng được có con chạy xe đạp ba bánh trên gheo quanh chân bà và làm đổ nước Kool Aid vào váy bà; bà ta có thể phải chịu đựng khói thải và hứng chịu cảnh tan hoang của Đại lộ 12, với những siêu thị, điểm bán pizza và những quầy bán bánh trứng đã bị đóng băng, nhưng những điều này chỉ làm tăng sự thích thú quay trở lại của bà. Bà ta yêu những con đường có bóng râm còn sót lại ít ỏi với hàng trăm yard cuối cùng, điều này có nghĩa bà ta hầu như lúc nào cũng ở đó, và tiếng lạo xạo của đường rải sỏi dưới lốp xe, và việc tắt máy trong ga ra ngăn nắp, và việc thả bộ mệt mỏi, dửng dưng đi qua những luống hoa ngát hương dẫn đến cửa Colonial đẹp kiểu già nua của bà. Và hương thơm tinh khiết đầu tiên toả ra từ cây tuyết tùng, mùi sáp sần ở trong nhà, lướt qua tạp chí *Currier và Ives* trên giá để ô cũ kĩ duyên dáng, không bao giờ làm mất nguồn cảm hứng trong bà với xúc cảm cho một khái niệm được gọi là “nhà”.

Đây được coi là một ngày đặc biệt đau đầu. Thứ bảy luôn là ngày bận rộn nhất cho tuần làm việc của bất động sản, và chiều nay, trên tất cả mọi việc, bà phải lái xe đến Greenacres - không phải để thăm con trai mình, dĩ nhiên

rồi, vì bà không bao giờ làm điều đó trừ khi có chồng đi cùng - nhưng cho một buổi làm việc với bác sĩ của con, một điều luôn để lại cho bà một cảm giác bị mất thanh danh. Chẳng phải những bác sĩ tâm lý là những người thông thái, giọng trầm, nhân từ như cha sao? Rồi bạn sẽ có cảm giác như thế nào ngoài cảm giác cảm thấy bị mất thanh danh với sự hiện diện của một người nhỏ bé, cắn móng tay và mắt đỏ ngầu dùng băng dính để giữ những cái cốc với nhau và một mẫu kim hoàn hiệu Woolworth để giữ cho cả vạt được kẹp phẳng trên chiếc áo sơ mi trắng - người phải lật giở một tá cặp hồ sơ ẩm ướt trước khi anh ta có thể nhớ ra bệnh nhân nào của anh ta là người bạn cần đến gặp để nói chuyện, và rồi có thể nói, “À, vâng, vâng; và bà muốn hỏi gì?”

Nhưng nay, bằng bất kỳ sự bảo vệ thánh thiện nào cho người đi đường mệt lử, bà đã về đến nhà. “Ông ơi,” bà reo lên từ phòng ngoài, vì chắc chắn là chồng bà đang đọc báo trong phòng khách, và không dừng lại để nói chuyện với ông mà đi thẳng xuống bếp, nơi người quét dọn đã dọn đồ pha trà theo bộ. Thật là một âm thanh vui vẻ và thoải mái phát ra từ ấm đun nước! Và phòng bếp thật sạch và rộng làm sao, với những cửa sổ cao. Nó đã mang lại cho bà sự bình yên mà bà chỉ có thể nhớ được là bà đã có khi bà còn là một đứa trẻ, nói chuyện tào lao với người giúp việc trong phòng bếp ở căn nhà tuyệt vời của cha ở Philadelphia. Và điều thú vị, bà thường hay suy ngẫm, là không một ngôi nhà nào của bà, có thể có cái đẹp như nhà này, thậm chí có cái còn đẹp hơn, nhưng mang lại cho bà cảm giác như thế này.

Dĩ nhiên rồi, con người thay đổi, bà thỉnh thoảng tự nhủ; chỉ đơn giản là mình đang già đi và mệt mỏi rồi. Nhưng trong trái tim bà, một cách bền lễn, bà giữ trong lòng một sự giải thích hoàn toàn khác. Tình yêu ngôi nhà, bà thật sự tin, chỉ là một trong những thay đổi trong con người trong một vài năm gần đây - những thay đổi sâu lắng và tích cực đã đưa bà đến với quan điểm mới về quá khứ.

“Chỉ vì mình yêu nó,” bà có thể nghe thấy tiếng nói của mình vang lên đã nhiều năm như vậy, để đáp lại những mong muốn quá khích của Howard muốn biết tại sao bà lại bỏ việc ở thành phố.

“Chắc chắn là không thể thú vị rồi,” ông nói, “và nó chắc chắn không như thể chúng ta cần tiền. Tại sao lại thế?” Và câu trả lời của bà luôn là tôi yêu nó.

“Bà yêu công ty Horst Ball Bearing? Bà thích làm người viết tốc ký? Sao lại có thể có những người yêu cái nghề này được nhỉ?”

“Đột nhiên tôi thích công việc đó. Ngoài ra, ông đã biết chúng ta cần tiền, nên chúng ta làm việc cả ngày. Và ông cũng biết tôi không phải là nhân viên tốc ký”. Bà là một trợ lý hành chính. “Thật đấy, Howard, không có gì để bàn ở đây cả”.

Và bà không bao giờ có thể giải thích hay thậm chí hiểu được những gì bà yêu không phải là công việc - mà nó cũng có thể là công việc - hay thậm chí đó là sự độc lập mà nó đã mang lại cho bà (mặc dầu dĩ nhiên thật là quan trọng đối với một phụ nữ kiên định đứng trên bờ vực của sự ly dị). Sâu hơn nữa, những gì bà yêu và cần là chính bản thân công việc. “Làm việc chăm chỉ,” bố của bà luôn nói như vậy, “là liều thuốc tốt nhất chữa được tất cả mọi loại bệnh của đàn ông - và của cả đàn bà nữa,” và bà luôn tin vào điều đó. Sức ép công việc, sự hối hả và vẻ hào nhoáng của văn phòng làm việc, những khay thức ăn cho bữa ăn trưa nhanh, giải quyết chính xác và dứt khoát giấy tờ và các cuộc điện thoại, tình trạng kiệt sức của làm việc ngoài giờ và cảm giác thư giãn ngọt ngào cuối cùng của việc cởi được đôi giày khi màn đêm buông xuống, luôn để lại trong bà một cảm giác kiệt quệ và trong sáng, bà không muốn với bất kỳ thứ gì ngoại trừ hai viên thuốc đau đầu và một bồn tắm nóng, một bữa ăn nhẹ và lên giường - đó là chất tình yêu của bà; chính tất cả những điều đó đã củng cố làm cho bà chống chọi lại được với hôn nhân và thời gian còn ở với bố mẹ. Nếu không có nó, như bà thường nói, chắc hẳn bà đã bị loạn trí rồi.

Khi bà bỏ việc và chuyển về nông thôn để làm về bất động sản, đó là buổi giao thời khó khăn. Đơn giản là không có đủ công việc về việc kinh doanh bất động sản. Không nhiều người mua bất động sản trong thời gian gần đây, và cũng có giới hạn về thời gian mà bà có thể dành cho việc nghiên cứu luật thể chấp và xây dựng mã; có cả những ngày không có việc gì để làm ngoài việc sắp xếp lại giấy tờ ở trên bàn làm việc bằng gỗ hồng sắc và đợi điện thoại reo, với sự lo lắng quá căng thẳng đến nỗi bà có thể sẵn sàng hét lên, cho đến khi bà phát hiện ra trạng thái tình cảm của bà có thể được thư giãn với sự cải thiện những điều xung quanh bà. Với chính đôi tay mình, bà đã cạo từng lớp giấy dán tường và thạch cao để lộ ra ván lót tường bằng gỗ sồi độc đáo; bà làm lan can cầu thang, dỡ bỏ những khung trượt cửa sổ bình thường và thay vào đấy là những khung trượt có hình thức Colonial được làm bằng những tấm kính nhỏ; bà vẽ thiết kế và giám sát sát sao việc xây sân

thượng và ga ra; bà dọn dẹp, lắp kín, lăn vào công việc và trông hàng trăm phút vuông thăm cổ mới. Trong vòng ba năm bà đã làm tăng giá trị cho nơi ở lên năm nghìn đô và, bà đã thuyết phục được Howard bán đi và mua cái nhà khác, và tạo tiền đề thuận lợi để phát triển cái nhà thứ hai. Và rồi cái nhà thứ ba và thứ tư và những cái nhà tiếp theo nữa cũng ra đời như vậy, cùng với tình hình kinh doanh bất động sản luôn phát triển, đến nỗi vào một năm đỉnh điểm bà đã phải làm việc tới mười tám giờ một ngày - mười cái nhà nhằm mục đích kinh doanh và tám cái nhà để làm nhà ở. “Chỉ vì tôi yêu công việc này,” bà tuyên bố, xả thân suốt đêm với những công việc dường như không có điểm dừng với đũa, bào, đóng đinh, làm bóng và sửa chữa, “Tôi thích làm những công việc này - thế còn ông?”

Và bà có ngốc nghếch không vậy? Với cảm giác hiện tại tràn ngập hạnh phúc và điềm tĩnh, khi bà sắp đồ pha trà vào khay, bà thở dài độ lượng cho những suy nghĩ của mình về việc trong những năm qua bà đã ngốc nghếch, đã sai và đã ngớ ngẩn đến như thế nào. Ôi, bà đã thay đổi, không còn nghi ngờ gì nữa. Con người có thể thay đổi, và sự thay đổi có thể là sự nở hoa mà cũng có thể là một sự coi thường, có phải vậy không? Vì dường như chính nó là như vậy: một sự nở hoa cuối cùng, sự khao khát nữ tính bị trì hoãn quá lâu.

Ôi, sự phát triển tình cảm của bà dành cho ngôi nhà và sự rút gọn lại thời gian dành cho công việc chỉ là những dấu hiệu hơi hợt nhất, nhỏ nhất mà thôi; có điều gì đó sâu hơn cũng như... những điều thú vị, kỳ lạ và thật là xáo trộn; những điều về thể xác. Thỉnh thoảng một đoạn nhạc Beethoven vang lên từ chiếc đài radiô có thể làm cho bà muốn khóc vì sung sướng. Thỉnh thoảng, nói chuyện với Howard, bà cảm thấy ham muốn - thế đấy: bà muốn được ôm ông và ghì chặt đầu ông vào ngực mình.

“Tôi nghĩ hôm nay chúng ta nên uống trà đơn giản thôi,” bà nói, mang theo khay đựng trà đi vào trong phòng khách. “Tôi nghĩ ông sẽ không cảm thấy phiền. Ý tôi là, nếu chúng ta uống trà bây giờ thì chúng ta sẽ không cảm thấy muốn ăn bữa tối, và chúng ta sẽ có một bữa ăn tối rất sớm, ông biết rồi mà, vì tối nay tôi sẽ qua nhà Wheeler vào lúc tám giờ. Thời gian gặp cũng hơi khó chịu một chút”. Bà nhẹ nhàng đặt khay trà xuống chiếc bàn uống cà phê đã cổ với mặt bàn đã bị hằn mờ vết keo dán cho những chỗ bị tách khi John ném chúng ra khỏi phòng vào cái đêm kinh hoàng cảnh sát đến.

“Ôi, được ngồi xuống thật là tuyệt vời,” bà Givings nói. “Liệu có gì thú vị

hơn khi được ngồi xuống sau một ngày làm việc vất vả?”

Mãi đến khi bà hoàn thành xong tách trà theo như cách pha trà ông thích, với ba thìa đường, và đưa nó cho ông, bà nhìn lên để chắc rằng chồng mình vẫn ở đó. Và mãi đến khi đột nhiên cảm nhận thấy hương trà phảng phất và nhìn vào bà, Howard Givings nhận ra bà đã về nhà. Dụng cụ trợ thính đã bị tắt suốt chiều. Sự đột ngột làm cho khuôn mặt ông nao núng giống như một đứa trẻ bị giật mình, nhưng bà đã không nhận ra. Bà cứ nói liên hồi trong khi ông đặt tờ *Heral Tribune* xuống, dò dẫm bật dụng cụ trợ thính với một bàn tay run rẩy còn tay kia với cốc trà và cái nông đựng chén, nói huyên thuyên.

Howard Givings trông già hơn bà sáu bảy tuổi. Cuộc đời trưởng thành của ông dành cả cho việc là một nhân viên cấp thấp của một công ty bảo hiểm nhân thọ đứng thứ bảy trên thế giới, bây giờ khi về hưu dường như những năm chán ngắt của công việc văn phòng đã ghi dấu ông đầy sức sống như những thủy thủ được ghi dấu bởi gió và nắng. Ông trắng và nhẹ nhàng. Khuôn mặt ông, thay vì nhăn nheo và suy giảm vì tuổi tác, lại căng mịn như trẻ sơ sinh, và tóc ông cũng giống trẻ con, mềm và mượt như lụa bông. Ông chưa bao giờ là một người kiên quyết, và bây giờ điểm yếu của ông là dấu hiệu của cái bụng to, nó buộc ông phải ngồi với hai đầu gối gầy còm bị dang rộng ra. Ông mặc một cái áo sơ mi kẻ ô vuông màu đỏ khá chải chuốt, với cái quần bằng vải flannel màu xám, tất màu xám và một đôi giày màu đen đã cũ bị nhăn nheo và phần bị nhăn nheo bị so sánh như da mặt mịn của ông vậy.

“Có bánh không bà?” Ông hỏi, sau khi làm trong giọng. “Tôi nghĩ chúng ta vẫn còn một vài cái bánh dứa”.

“Vâng, vẫn còn ạ, nhưng ông biết mà, tôi nghĩ chúng ta nên uống trà đơn giản hôm nay vì chúng ta sẽ ăn tối sớm...”. Bà giải thích mãi về việc bà bận với vợ chồng Wheeler, chỉ vì bà lơ mờ nghĩ rằng mình đã nói với ông trước đó, và ông gật đầu, và chỉ lơ mờ về điều bà đang nói. Khi bà nói bà bắt đầu mê mải vào lúc mặt trời lặn toả ánh đỏ thẫm qua mái tóc của chồng mình và làm cho bộ phận trợ thính lấp lánh đốm lửa, nhưng suy nghĩ của bà lại đang hướng về buổi tối.

Đây không phải là lần ghé thăm bình thường đến nhà Wheeler; nó là, trên thực tế, bước đầu cẩn thận để hoàn thành được kế hoạch mà bà đã định làm cách đây nhiều, nhiều tuần. Vào lúc chạng vạng một buổi tối, bà đi tản bộ

trên thảm cỏ xanh thăm ở sân sau để lấy lại sự bình tĩnh, bà đã nhận thấy mọi người trong trí tưởng tượng của mình với sự sum họp của một gia đình. April Wheeler ở đó, ngồi trong một cái ghế làm bằng sắt màu trắng và quay cái đầu xinh xắn mỉm cười triu mến với lời bình luận như một người cha và thông thái của Howard Givings, đang ngồi cạnh cô gần chiếc bàn sắt màu trắng với đồ uống là cocktail và đá. Chéo qua họ, đứng và ngả người về phía trước với một ly rượu trên tay, Frank Wheeler đang nói chuyện thân mật với John, tựa người vào chiếc ghế dài làm bằng sắt màu trắng trong sự hồi phục lại tinh thần. Bà sẽ nhìn thấy John cười, kiềm chế và nhã nhặn, bày tỏ sự bất đồng quan điểm với Frank về một vài điểm nhỏ về chính trị hay sách hay bóng chày hay là gì đi nữa mà cậu thanh niên trẻ đó đang nói, và bà nhìn thấy cậu ta quay đầu lại và nói với bà:

“Mẹ, mẹ có nói chuyện với bọn con không?”

Hình ảnh đó lớn vồn trong bà hàng nhiều ngày cho đến khi nó trở nên thật như hình minh họa trên tạp chí vậy, và bà cứ để cho hình ảnh tưởng tượng đó được phát triển. Thậm chí bà còn tạo ra một chỗ cho bọn trẻ nhà Wheeler: chúng có thể chơi lặng lẽ trong bóng râm đằng sau bụi hồng, mặc đồ soóc trắng và những đôi giày tennis, bắt đom đóm trong bình Mason. Và sự tưởng tượng càng sống động bao nhiêu thì khả năng hợp lý mà bà có thể nhìn thấy lại càng ít bấy nhiêu. Liệu có thể mang lại cho John một thế giới gồm toàn điều tốt để con trai bà có thể hồi phục lại giữa một vài người ít ỏi cùng tuổi với con bà, nhạy cảm và cũng hợp nhau không? Và không cần đặt ra bất kỳ một câu hỏi nào đòi hỏi sự vị tha ở gia đình Wheeler: chẳng phải là họ đều đã nói với bà, không biết bao lần, họ muốn có những người bạn hợp với họ hay sao? Chắc chắn là đôi vợ chồng tẻ ngắt ở trên Đồi kia (Là Crandall hay Campbell nhỉ?) không thể mang đến cho họ, nói theo cách - được thôi, những buổi nói chuyện thú vị và những gì tương tự như vậy. Và phần tinh túy nhất mà mọi người đều biết về John, dù cho con trai bà có thể hoặc không thể là gì đi chăng nữa, thì cũng vẫn là một người có học.

Ôi, đây là tất cả những gì phù hợp nhất cho tất cả bọn họ; bà biết vậy; bà biết thế. Nhưng bà cũng biết rằng điều này không thể vội vàng được. Bà biết ngay từ lúc đầu tiên là bà phải tiến hành việc này một cách từ tốn, từng bước một.

Với những lần ghé thăm trong những ngày qua, bà và Howard đã được phép đưa con trai mình đi dạo khoảng một giờ ngoài sân bệnh viện với những gì

được định nghĩa là sự thử nghiệm ban đầu. “Tôi không nghĩ tại thời điểm này việc đưa cậu ta đi thăm một gia đình là một hành động sáng suốt,” bác sĩ nói vậy vào tháng trước trong lúc anh ta góm ghiếc bẻ khớp tay bị dính mực, lần lượt từng khớp một, ở trên bàn làm việc. “Dường như vẫn còn những biểu hiện của hành động thù địch có liên quan đến, à, không khí gia đình và những việc linh tinh khác. Hiện tại, tốt hơn nên hạn chế cậu ta đến những chỗ chơi dân nhập. Sau đó, tùy vào tình hình xem sự việc tiến triển như thế nào, ông bà có thể đưa cậu ta về chơi ở nhà của một vài người bạn thân, nơi không nhiều thì ít cậu ta sẽ cảm nhận được sự bình thường; đây có thể là bước tiếp theo. Ông bà có thể tự quyết định được việc này”.

Bà đã nói chuyện này với Howard - thậm chí bà còn kín đáo nói với John một vài lần, trong những lúc đi dạo - và tuần trước, theo sự đánh giá của bản thân, cẩn thận nhận định tình hình, bà đã quyết định thời gian cho việc thực hiện bước tiếp theo đã nằm trong bàn tay. Bà hẹn gặp với bác sĩ ngày hôm nay chỉ đơn giản là thông báo về quyết định của bà, và hỏi thêm một vài lời khuyên nữa. Theo bác sĩ, bà nên thông báo với vợ chồng Wheeler về tình trạng sức khỏe của John ở mức độ nào? Như đã được tiên đoán, bác sĩ không giúp gì được bà - bác sĩ nói, bà cũng có thể tự nhận định - nhưng ít ra bác sĩ đã không đưa ra sự phản đối nào, và tất cả những điều này hiện nay vẫn là phải đưa ra được yêu cầu với vợ chồng Wheeler. Thật là thuận tiện nếu bà có thể thực hiện được việc này và có một buổi nói chuyện chân tình ở đây, như là bà đã lên kế hoạch, bên bàn ăn dưới ánh sáng của ngọn nến; nhưng điều này đã không thực hiện được.

“Tôi hy vọng đó sẽ không phải là sự đòi hỏi quá đáng,” bà thì thầm nhắc lại khi bà rửa đồ pha trà trong bếp, “nhưng tôi tự hỏi nếu tôi có thể hỏi anh chỉ một điều không. Đó là về con trai tôi, John...”. Ôi, thật ra nó không phải là vấn đề bà nói ra như thế nào; bà sẽ tìm ra được từ khi thích hợp, và biết là vợ chồng Wheeler sẽ hiểu. Chúa hãy ban phúc cho họ; Chúa hãy ban phúc cho họ; bà biết là họ sẽ hiểu.

Bà không nghĩ được gì khác khi bà vội vàng chuẩn bị, phục vụ và dọn dẹp bữa ăn tối sớm; khi bà đã xong, khi bà dừng lại ở sảnh để làm cho đôi môi mình được tươi tắn dưới lớp son môi, bà nói “Tôi đi đây,” trước khi đi, bà phấn khích như một cô gái.

Nhưng thời khắc mà bà đi lại nói chuyện và cười trong phòng khách nhà Wheeler, sự phấn khích của bà đã bị trở thành một cảm giác hoảng sợ. Bà

cảm thấy mình như một người không mời mà đến.

Bà đã mong chờ nhận thấy họ căng thẳng và không có tổ chức hơn bao giờ hết - cả hai cùng nói một lúc, nhảy nhót quanh bà, tranh nhau nhảy lên ném một thứ đồ chơi sắc nhọn ra khỏi cái ghế mà bà đang định ngồi - nhưng thay vào đó, họ tiếp bà với một thái độ thanh thản. April không cố gắng giải thích là nhà đang rất bừa bộn, vì nó không phải như vậy; Frank không phải thốt ra “Cô uống chút gì nhé” và vật lộn với đồ uống rồi đóng sập tủ lạnh, bởi vì đồ uống đã được chuẩn bị sẵn sàng trên mặt bàn. Vợ chồng Wheeler, hình như đã uống và nói chuyện với nhau một cách lặng lẽ, tại cái bàn này, một lúc trước khi bà đến; họ thân mật bày tỏ niềm vui khi gặp bà, nhưng nếu bà không đến thì họ cũng vẫn tiếp tục nói chuyện với nhau đầy hoan hỉ.

“Ôi, chỉ một chút cho tôi thôi nhé, được rồi,” bà Givings nghe thấy mình nói như thế, và “Có phải thật tuyệt khi chúng ta có thể ngồi xuống”, “Tôi, chẳng phải nhà của anh chị trông thật gọn gàng,” và một số điều khác nữa; rồi: “Tôi hy vọng đó sẽ không phải là một sự đòi hỏi quá đáng, nhưng tôi muốn hỏi sự giúp đỡ của anh chị. Đó là về việc của con trai tôi, John”.

Sự co bóp cơ bắp trên cả hai gương mặt của vợ chồng Wheeler chỉ thoáng qua nhanh đến mức mà nếu chỉ với một chiếc camera không tinh xảo thì không thể bắt được hình ảnh đấy, nhưng bà Givings đã cảm nhận thấy nó giống như một sự phản đối. Họ đã biết! Đó chính là một khả năng mà bà đã hoàn toàn bỏ sót. Ai đã nói với họ nhỉ? Họ biết được đến đâu? Họ có biết về việc đột nhập vào nhà, cắt dây điện thoại và Cảnh sát bang chưa chỉ?

Nhưng bà vẫn phải đi qua toàn bộ câu chuyện. Thật ra, bà đang nói với họ là con trai bà không được khỏe. Những gì liên quan đến làm việc quá sức, rồi hết điều này đến điều khác, con trai bà đã lên đỉnh điểm của sự suy sụp thần kinh. May mắn là cậu ta đã về ở tại vùng lân cận được một thời gian rồi - bà cảm thấy khó chịu với suy nghĩ là con trai bà bị ốm xa nhà - nhưng cũng vẫn là sự lo lắng cho bố cậu và bà. Bác sĩ cậu ta nói là phải hoàn toàn cho cậu ta được nghỉ ngơi, vì thế, hiện tại cậu ta - “thật ra, thật sự, tại thời điểm hiện tại cậu ta đang ở Greenacres”. Chỉ có giọng nói của bà là sự hiện diện duy nhất cho sự sống, ngoài ra người bà dường như chết lặng đi.

Và thật sự, giọng nói của bà đã đảm bảo với họ rằng, họ có thể ngạc nhiên ở một nơi hoàn toàn hoàn hảo như Greenacres, theo quan điểm bền vững - ôi, về phương tiện và nhân viên phục vụ và những thứ khác nữa, tốt hơn nhiều,

ví dụ so với những nhà nghỉ cá nhân và những nơi khác trong vùng.

Giọng nói tiếp tục vang lên, thức tỉnh hoàn toàn, cho đến khi nó đi đến điểm cuối cùng. Một chủ nhật không lâu nào đó - ôi, không phải là ngay lập tức, tất nhiên rồi, nhưng một chủ nhật nào đó trong tương lai - liệu vợ chồng Wheeler có thể...

“Tại sao, dĩ nhiên là không rồi, Helen,” April Wheeler nói. “Chúng tôi rất muốn được gặp cậu ấy. Thật là vui khi bà đã nghĩ đến chúng tôi”. Frank Wheeler nói, trong lúc rót thêm rượu cho bà, rằng chắc chắn cậu ta là một người thú vị.

“Chủ nhật tới, cô thấy thế nào?” April hỏi. “Nếu hợp với cô”.

“Chủ nhật tới?” bà Givings giả vờ đếm. “Thật ra, xem nào: tôi không chắc lắm nếu - Được thôi, chủ nhật nhé”. Bà biết là bà phải cảm thấy vui với điều đó - đó chính là, cuối cùng, những gì mà bà đến đây - nhưng tất cả những gì mà bà muốn bây giờ là ra khỏi đây và về nhà. “Tất nhiên là việc đó không khẩn cấp. Nếu chủ nhật tới không thuận tiện hay anh chị bạn gì đó chúng ta có thể đặt lại lịch mà...”.

“Không, cô Helen. Chủ nhật tới là được mà”.

“Tốt quá,” bà nói. “Tốt quá. Ôi, Chúa ơi. Muộn rồi. Tôi e rằng tôi nên về - Ôi, nhưng anh chị có điều gì muốn nói thì phải. Thế là tôi lại nói hết phần của anh chị rồi”. Khi bà nhấp một ngụm rượu bà nhận ra miệng bà khô lại. Cảm thấy nó bị phồng rộp lên.

“Thật ra, cô Helen,” Frank Wheeler bắt đầu, “Chúng tôi có một vài tin khá quan trọng...”.

Sau một nửa giờ, suốt cả chặng đường lái xe về nhà, bà Givings nhướn lông mày vì chưa hết ngạc nhiên. Hình như bà cảm thấy không thể đợi được đến khi về đến nhà để kể chuyện cho chồng mình.

Bà thấy ông vẫn ngồi trên ghế tựa trong ánh đèn màu vàng, bên cạnh chiếc đồng hồ đứng vô giá hoàn hảo bà mua đấu giá trước chiến tranh. Ông đã đọc xong *Herald Tribune* và chuẩn bị đọc *Điện tín thế giới* và *Chủ nhật*.

“Howard,” bà nói. “Ông có biết bọn trẻ nói gì với tôi không?”

“Bọn trẻ nào hả bà?”

“Vợ chồng Wheeler, ông biết mà, những người mà tôi vừa đi gặp về? Đôi vợ chồng sống ở khu Con đường Cách mạng? Những người mà tôi nghĩ có thể John sẽ thích”.

“Thế à, gì thế?”

“Chuyện là như thế này, trước tiên tôi tình cờ được biết tài chính của chúng không được ổn định; chúng phải vay toàn bộ tiền mặt để trang trải cho ngôi nhà, đó là một việc, và điều đó mới chỉ cách đây hai năm. Điều thứ hai...”.

Howard Givings cố gắng lắng nghe, nhưng mắt ông chỉ chăm chú vào tờ báo để trước mặt. Một cậu bé mười hai tuổi ở South Bend, người da đỏ, đã vay hai mươi năm đô la để mua thuốc cho con chó có tên là Spot, và ban giám đốc ngân hàng đã cùng ký vào tờ giấy.

“... Vì thế tôi nói: “Nhưng tại sao lại bán? Chắc là anh chị cũng cần phải có một nơi dành cho anh chị lúc quay trở lại”. Và ông có biết là cậu ta nói gì không? Cậu ta nhìn tôi theo đúng cách canh chừng như thế này và nói “Thật ra, vấn đề là, cô biết đấy. Chúng tôi sẽ không quay trở lại”. Tôi nói, “Ôi, anh đã kiếm được việc ở đây chưa?” “Chưa”, anh ta nói - cũng giống như thế này này. “Không, chưa có một việc nào cả”. Tôi nói “Anh chị ở với người bà con hay ở với bạn hay ở với ai?” “Không”. Và bà Givings trở mặt ra để nhại lại sự tốt cùng của việc vô trách nhiệm. “Không, không biết gì cả. Chúng tôi sẽ đi, tất cả chỉ có vậy”. Thật sự, Howard, tôi không thể nói hết được sự ngượng ngùng. Ông có thể tưởng tượng? Ý tôi là, chẳng phải đó là một thể loại - vô vị, theo một cách nào đó? Toàn bộ câu chuyện?”

Howard Givings sờ vào dụng cụ trợ thích đáp “Ý bà là gì, vô vị á?” ông đoán là ông đã mất mạch chuyện. Câu chuyện được bắt đầu với một điều gì đó về một người nào đó chuẩn bị đi châu Âu, nhưng nay hiển nhiên câu chuyện đã trở thành một câu chuyện khác.

“Thế không phải thế sao?” Bà hỏi. “Những con người thực tế không một đồng xu, với những đứa trẻ chuẩn bị đi học? Ý tôi là mọi người sẽ không làm như thế, có phải vậy không? Trừ khi họ - đang trốn chạy khỏi điều gì

đấy, hay một thứ gì đấy? Và ý tôi là tôi không thích phải suy nghĩ về một điều gì đó - thật ra, tôi không biết phải suy nghĩ như thế nào; vấn đề ở đây là gì. Và dường như họ luôn thể hiện họ là tuýp người chắc chắn và ổn định. Điều này không kỳ lạ sao? Và điều kỳ lạ là, ông biết đấy, là những gì tôi đã cam kết với bản thân về kế hoạch của John trước khi họ tiết lộ ra tất cả những điều này; bây giờ tôi nghĩ chúng ta sẽ phải vượt qua chuyện này, mặc dầu hầu như không có ý nghĩa gì nữa”.

“Bà này, vượt qua chuyện gì? Tôi không thật sự hiểu những gì bà...”.

“Thế đấy, với việc đưa con đến thăm họ, Howard à. Ông không nghe bất kỳ điều gì tôi nói à?”

“Không, đương nhiên là có chứ. Những gì tôi muốn nói là, tại sao lại dường như không có ý nghĩa gì nữa?”

“Thế đấy, bởi vì...” bà nói một cách thiếu kiên nhẫn. “Còn *giá trị* gì nữa của việc giới thiệu John với họ, nếu họ sẽ chuyển đi vào mùa thu này”.

“Giá trị?”

“Vâng, ý tôi đơn giản là - ông biết mà. Con cần những người ổn định. Ôi, dĩ nhiên tôi định nói là không có hại gì khi để con gặp họ, đưa con đến đó một hay hai lần trước khi họ - chỉ là điều tôi đang nghĩ đến về khái niệm của những việc có thể nhìn xa được hơn, bằng cách này hay cách khác. Ông ơi, không phải là rất lung tung hay sao? Tại sao ông lại cho rằng con người không thể...”. Bà không hoàn toàn chắc chắn những gì bà đang nói, hay những gì bà muốn nói, và bà ngạc nhiên bà đã vắt cái khăn tay ẩm, thật chặt trong khi nói. “Vẫn vậy, tôi cho rằng không thể nào nói được về con người,” bà kết luận, và rồi bà quay ra, đi nhẹ lên cầu thang để đi nghỉ.

Đi qua cái gương bị khuất ở đầu cầu thang, bà nhận ra với niềm kiêu hãnh của chính hình ảnh bản thân, ít nhất khi nhìn lướt qua, vẫn là một cô gái nhanh nhẹn và uyển chuyển ở trong một ngôi nhà được trang bị đầy đủ; và trên cái thảm rộng mênh mông trong giường ngủ, nơi bà cởi nhanh chiếc áo jacket và thoát ra khỏi chiếc váy, dường như bà đang được quay về với ngôi nhà của cha, vội vàng mặc quần áo cho bữa trà có khiêu vũ. Máu trong người bà dường như chạy đua với sự khẩn cấp của những chi tiết cuối cùng (dùng loại nước hoa nào nhỉ? Ôi, nhanh lên, loại nào?) và bà gần như là chạy ra

ngoài lan can để gọi, “Đợi đã! Con đến đây! Con sẽ ở đó bây giờ!”

Chính là cảnh tượng và cảm giác về chiếc áo bằng vải flannel cũ kĩ của bà và chiếc quần rộng thùng thình, treo trên cái móc ở phòng để đồ, đã làm cho bà trở nên vững vàng. Ngốc thật, ngốc thật, bà tự chửi rửa mình; mình sắp bị đãng trí rồi. Nhưng cú sốc thật sự chợt đến khi bà ngồi trên giường để cởi tất, vì bà muốn bàn chân mình được thanh mảnh và trắng với bộ xương dễ gãy, thẳng, có những tĩnh mạch màu xanh. Thay vào đó, hiển hiện ở trên mặt thảm giống như hai con cóc, chúng thật cứng và nổi lên những nốt viêm tấy ở kẽ ngón chân, cuộn lại để giấu đi móng chân bằng sừng. Bà bịt chúng thật nhanh vào chiếc tất mềm (thật sự đó là thứ thú vị nhất trên đời dùng để chạy quanh nhà) và nhảy lên để kéo phần còn lại của quần áo đồng què nhạy cảm, đơn giản vào đúng chỗ, nhưng đã quá muộn, trong vòng năm phút bà phải đứng đó nắm lấy cột giường bằng cả hai tay và mím chặt miệng lại vì bà đang khóc.

Bà khóc vì bà đã quá hy vọng vào vợ chồng Wheeler tối nay và bây giờ bà thất vọng hoảng loạn, hoảng loạn và hoảng loạn. Bà khóc vì bà đã năm mươi sáu tuổi và bàn chân bà rất xấu, sưng phồng và trông thật khủng khiếp; bà khóc vì không một cô gái nào giống như bà khi bà còn học ở trường và không một cậu con trai nào yêu bà sau đó; bà khóc vì Howard Givings là người đàn ông duy nhất hỏi bà làm vợ, và bởi vì bà đã chấp nhận điều đó, và vì đứa con trai duy nhất của bà bị mất trí.

Nhưng chẳng bao lâu thì nỗi buồn của bà chấm dứt; tất cả những gì bà cần phải làm là đi tắm và hỉ mũi, rửa mặt và chải tóc. Rồi, làm cho mình được tỉnh táo, bà bước vui vẻ và nhẹ nhàng đi xuống cầu thang và chiếc tất mềm và quay trở lại ngồi ở ghế tựa chéo với chồng bà, bật một cái đèn trong phòng khi bà vào.

“Ồ đó,” bà nói. “Thật là dễ chịu hơn rồi. Thật sự, Howard, thần kinh tôi căng lên như dây đàn sau khi làm việc với vợ chồng Wheeler. Ông không thể tưởng tượng được buổi nói chuyện đã làm cho tôi buồn đến như thế nào. Vấn đề là tôi luôn nghĩ họ là những người trẻ tuổi chắc chắn. Tôi nghĩ là tất cả những đôi vợ chồng trẻ ngày nay cần phải ổn định hơn. Ông không nghĩ là họ phải như vậy à, đặc biệt là trong một cộng đồng như vậy. Chỉ Chúa mới biết được, tất cả những gì tôi được nghe là những cặp vợ chồng trẻ muốn xin chết để được ổn định ở đây, và nuôi những đứa con của họ ở đây...”

Bà cứ nói mãi, nói mãi và đi đi lại lại trong phòng; Howard Givings đếm những lần ông gật đầu, ông mỉm cười và tiếng âm âm của ông sáng suốt đến mức mà bà không bao giờ nhận ra ông đã tắt máy trợ thính vào ban đêm.

CHƯƠNG IV

“Trốn khỏi nhà tù,” Jack Ordway nói, khuấy cốc cà phê. “Bắt đầu cuộc đua. Xoá sạch dấu vết. Hợp một quá, Franklin”.

Họ đang ngồi ở cái bàn dành cho hai người bị dính nước sốt cà chua ở trong một góc tối của quán Nice, và Frank bắt cảm thấy hồi tiếc khi nói với Ordway về châu Âu. Một thằng hề, một thằng nghiện rượu, một thằng đàn ông không thể tranh luận về bất kỳ điều gì ngoại trừ việc nói về bản thân mình với cái giọng châm biếm trau chuốt - liệu đây có phải là người bạn tâm tình để có thể nói được chuyện này không? Nhưng anh vẫn nói với anh ta, dù thế nào đi nữa, vì trong vài tuần qua, việc giữ bí mật trong suốt cả ngày làm việc tại văn phòng ngày càng trở nên khó hơn. Ngồi nghe chăm chú trong những buổi họp nhân viên trong khi Bandy phác thảo những việc cần làm trong “mùa thu” và “ngày đầu năm,” nhận những công việc được giao cho Phòng Phát triển Thị trường về mặt lý thuyết sẽ làm anh mất hàng tháng mới hoàn thành được, thỉnh thoảng anh nhận ra tâm trí anh chuẩn bị sẵn sàng vào việc được vận hành với cỗ máy thực hiện dự án chậm chạp của Bandy trước khi anh chợt nghĩ: Không, đợi đã - mình không ở đây vào thời gian đó mà. Trước tiên những náo động nhỏ nhỏ về tâm lý thật là vui, nhưng sự vui thích đó đã bị vơi đi và chẳng bao lâu đã trở thành một sự phiền phức rõ ràng. Nó kéo dài cho đến tận giữa tháng sáu. Trong hai tháng rưỡi nữa (mười một tuần!) anh hẳn đang vượt đại dương, không bao giờ quan tâm đến Phát triển Thị trường nữa, tuy nhiên điều có thật của sự kiện này vẫn phải trở thành một thực tế ở văn phòng. Nó đã trở thành một điều có thật hoàn toàn chắc chắn đối với gia đình anh, và không ai nói một điều gì khác ngoài vấn đề này; nó thật khi anh ngồi trên tàu mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều, nhưng với tám giờ làm việc của anh nó vẫn là điều gì đó mong manh như một giấc mơ nhạt nhòa tan đi nhanh chóng, ít được đề cập đến. Mọi người và mọi việc ở văn phòng cấu kết với nhau chống lại sự thật đó của anh. Những khuôn mặt đồng nghiệp hơi châm biếm, hay mệt mỏi hay lãnh đạm, sự ngổn ngang của khay tài liệu ĐẾN và đóng công việc hiện tại, tiếng điện thoại hay tiếng còi báo hiệu phòng Bandy cần anh - tất cả những điều đó dường như luôn muốn nói với anh rằng số phận anh đã được an bài ở đây mãi mãi.

Mình đang làm cái quái gì thế này! Anh cảm thấy như anh đang nói điều đó

hai mươi lần một ngày. Hãy đợi đấy. Nhưng sự thách thức thật là thiếu trọng lượng. Cái hồ trì trệ, khô khan, sáng chói lợi của nơi này đã kìm chân anh lại quá lâu rồi và quá bình yên để có thể bị gợn sóng bởi bất kỳ một nguy cơ bỏ trốn âm thầm nào; tất cả đều sẵn sàng đợi xem sự thể như thế nào. Thật là quá quắt; cách duy nhất để kết thúc chuyện này là phải nói ra và phải nói với ai đó; Jack Ordway, cuối cùng, là một người bạn tốt nhất của anh trong văn phòng. Hôm nay họ cố tránh Small, Lathrop và Roscoe ở bữa ăn trưa, và bắt đầu bằng một vài cốc martini nhẹ nhưng thoả đáng; và bây giờ câu chuyện bắt đầu.

“Có một điều nhỏ mà tôi không hoàn toàn nắm được, dẫn sao”, Ordway nói, “Tôi không muốn bị trông ngó xuẩn, nhưng thật sự anh sẽ làm chuyện đó thật à? Tôi không muốn trông ra được anh ốm yếu, tiêu tụy không xác định ở một quán cà phê bên hè trong khi người bạn tình yêu quý của anh đi làm ở đại sứ quán hay ở một nơi nào đó - nhưng vấn đề ở đây là gì. Tôi thật sự không biết là anh đang định làm gì. Anh viết sách? Hay vẽ...”.

“Tại sao mọi người lại cứ nghĩ theo cách là phải viết sách hay vẽ tranh?” Frank gắng hỏi, rồi, chỉ nhận thức được một phần là anh đang nhắc lại lời của vợ, anh nói, “Chúa ơi, chẳng nhẽ chỉ có họa sĩ và nhà văn có thể cống hiến cho cuộc đời thôi hay sao? Nghe này. Điều duy nhất mà tôi ở đây với công việc khá ngu này vì... thật ra, ý tôi là có rất nhiều lý do, nhưng vấn đề là như thế này. Nếu tôi bắt đầu làm ra một danh sách gồm một loạt các lý do, một lý do mà tôi chắc là không thể coi thường là tôi yêu thích nó, bởi vì tôi không. Và tôi có được cảm giác ngộ nghĩnh này là mọi người nên làm những công việc họ yêu thích”.

“Được rồi!” Ordway van nài. “Được rồi! Được rồi! Làm ơn đừng có cái kình như thế. Câu hỏi duy nhất đơn giản của tôi là: Anh muốn gì?”

“Nếu tôi biết được,” anh nói “thì chắc hẳn tôi đã không phải đi đến đó”.

Ordway nghĩ miên man, nghiêng cái đầu với gương mặt đẹp trai của mình về một phía, nhướn mày và cong môi dưới bóng đèn lên, trông thật khó ưa. “Được rồi, nhưng anh không nghĩ là,” anh ta nói, “ý tôi muốn nói là, cứ cho rằng có một thiên hướng thật đang được ỉn nấu và chờ đợi anh, anh không nghĩ là anh có thể khám phá ra nó ở đây cũng như ở kia à? Ý tôi là điều đó là không thể?”

“Không, tôi không nghĩ thế. Tôi không nghĩ nó có thể thích hợp cho bất kỳ ai khám phá ra bất kỳ một điều gì khi làm việc trên tầng 15 ở toà nhà Knox, và tôi cũng không nghĩ là anh có thể làm được điều đó”.

“Hum, thế thì phải nói là nghe như đây là một điều tốt, Franklin. Có, thật mà”. Anh ta uống nốt cốc cà phê cuối cùng và ngồi lúi lại, mỉm cười giễu cợt qua bàn. “Và, anh nói, khi nào cuộc thử nghiệm cao quý này sẽ bắt đầu?”

Trong giây lát, Frank muốn ném cả cái bàn vào anh ta, để nhìn thấy sự hoảng sợ vô vọng trên khuôn mặt anh ta khi cái ghế bị lật úp và toàn bộ thức ăn sẽ đổ vào đầu anh ta.

“Một cuộc thử nghiệm cao quý!” Cái thái độ khinh khỉnh đó là gì vậy nhỉ?

“Chúng tôi sẽ đi trong tháng chín,” anh nói. “Hay có thể là ngoài tháng mười”.

Ordway gật đầu năm hay sáu lần, nhìn chăm chăm vào chỗ thịt và khoai tây trên đĩa. Trông anh ta không khinh khỉnh nữa; trông anh ta già, nản chí và ghen tị thềm khát; và Frank, trong khi nhìn anh ta, cảm thấy sự oán giận đã trở thành lòng thương hại. Một kẻ đáng khinh, già, ngốc nghếch và nghèo, anh nghĩ vậy. Mình đã làm hỏng bữa trưa của anh ta; mình đã làm hỏng ngày hôm nay của anh ta. Gần như anh muốn nói, “Ồn thôi, Jack, đừng lo: có thể điều đó sẽ không bao giờ xảy ra,” thay vào đó anh né tránh sự bối rối trong sự niềm vui bùng phát.

“Đề tôi nói với anh, Jack,” anh nói. “Tôi sẽ mời anh một ly brandy cho thời xa xưa”.

“Đừng, đừng, đừng, đừng,” Ordway nói, nhưng anh ta trông hài lòng như một kẻ bợ đỡ được vuốt ve khi anh hầu bàn dọn đồ và đặt những ly cognac nặng lên bàn; sau đó, khi họ trả tiền và đi lên gác dưới ánh mặt trời, anh ta cười suốt.

Đó là một ngày nắng ấm, trong veo, với nền trời quang đãng và sâu như một hiệu giặt nhuộm xanh cả toà nhà, và hôm nay cũng là ngày lĩnh lương, thời gian cho việc tản bộ đến ngân hàng sau bữa trưa theo truyền thống.

“Không cần phải nói, tôi sẽ giữ chuyện này giữa chúng ta thôi”. Ordway nói

khi họ đi. “Tôi không nghĩ rằng anh muốn làm âm chuyện này lên. Khi nào thì anh sẽ thông báo cho Bandy?”

“Tôi nghĩ, trong một vài tuần tới. Tôi chưa thật sự nghĩ về điều đó”.

Mặt trời thật là ấm và dễ chịu. Trong một vài ngày tới trời sẽ nóng, nhưng bây giờ thời tiết thật tuyệt vời. Trong cái mát lạnh của đá cẩm thạch ở ngân hàng, nơi có hệ thống Muzac đang chơi bài “Kỳ nghỉ cho những chiếc dây đàn,” anh tự thưởng thức bằng cách giả vờ như đây là lần cuối cùng anh đứng xếp hàng ở đây, lần cuối cùng anh đổi chân và sờ vào quyển séc khi anh và Ordway đợi đến lượt ở một trong mười quầy kế toán đã được đăng ký trong thời gian ăn trưa, hai lần một tháng, cho nhân viên của Knox. “Em phải đến xem bọn anh dịch từng bước một trong cái ngân hàng này,” anh nói với April cách đây một năm. “Bọn anh giống như một lũ lợn sơ sinh đợi đến lượt bú. Ôi, dĩ nhiên bọn anh là một lũ lợn con rất lịch sự, rất tế nhị; tất cả bọn anh đứng rất tinh tế và cố không hích nhau quá nhiều, và khi mỗi chú gần tiến đến quầy kế toán, chú lấy quyển séc ra và cuộn nó lại trong ngón tay hay giấu trong lòng bàn tay hay tìm cách khác để giấu nó đi mặc dù cứ ra vẻ là không như vậy. Vì rất quan trọng là phải trông như hững hờ, em biết đấy, nhưng điều thực sự quan trọng là phải chắc là không ai khác có thể nhìn thấy mình mong muốn được đến gần đến như thế nào. Chúa ơi!”

“Thưa quý ông,” Vince Lathrop nói, qua vai Frank. “Chúng ta đi hóng gió chứ?” Anh ta và Ed Small, Sid Roscoe đang rút túi số tiền gửi ngân hàng vào ví, ngôn ngữ của họ vẫn còn vương vấn việc nhai lại thức ăn ở chỗ quán ăn “Khủng khiếp” vô tình còn mắc lại chân răng, và đây là một lời mời tham gia với họ ở chỗ dành người đi bộ ở quanh toà nhà.

Anh cũng giả vờ như đây cũng là lần cuối cùng anh làm như vậy; lần cuối cùng anh tham gia cuộc đi dạo thông thả với nhân viên văn phòng dưới ánh nắng, lần cuối cùng bước đi trên đôi giày bóng loáng của anh chắc hẳn sẽ làm cho những con chim bồ câu hoảng sợ và bay qua lối người đi bộ có đầy vỏ lạc, vỡ cánh và trèo lên cho đến khi lượn vòng lên cao qua toà nhà với đôi cánh màu đen bạc.

Thật là dễ chịu khi nói được với ai đó; nó đã làm nên sự khác biệt. Anh có thể liếc quanh những khuôn mặt đang nói chuyện của bốn người đàn ông này và cảm thấy thật sự tách biệt khỏi họ. Ordway, Lathrop làm lo lắng, Ed Small bé nhỏ, Sid Roscoe già nua, tẻ nhạt, tự phụ - anh biết rằng chẳng bao

lâu nữa anh sẽ nói lời chia tay với tất cả bọn họ và trong vòng một năm có thể anh sẽ gặp rắc rối khi nhớ đến tên họ. Trong lúc này, và đây là phần hay nhất, trong lúc này không cần phải ghét họ nữa. Họ không phải là những người xấu như thế. Anh thậm chí có thể hạnh phúc cười với họ với những câu chuyện cười êm dịu của Ordway, và khi họ rẽ vào góc cuối và đi về phía toà nhà Knox, anh có thể thoải mái cùng sóng hàng năm trên phần đường dành cho người đi bộ, được truyền cảm hứng từ mặt trời để bước mạnh mẽ và xoay cánh tay với sự thể hiện rõ ràng “niềm tự hào đơn vị” của những người lính từ cùng một trung đội trên con đường độc đạo (Đơn vị nào, thưa ông? Phát triển Bán hàng, tầng 15, Máy văn phòng Knox).

Và tạm biệt, tạm biệt, anh có thể nói trong lòng với tất cả mọi người đi qua - một tập nhân viên tốc ký cười nói đang cầm mấy món đồ mua từ cửa hàng bán đồ rẻ tiền, một nhóm nhân viên chạy việc vặt nghiện thuốc nặng, yếm thế đang đứng chống tay vào toà nhà - tạm biệt tất cả các bạn với những nỗi buồn cũng như sự ngọt ngào. Tôi đi đây.

Đó là một cảm giác tự do rất tuyệt, cảm giác đó theo anh cho đến khi anh về đến văn phòng, nơi có chiếc còi tín hiệu kêu thê thảm chứng tỏ anh cần phải có mặt ở phòng làm việc của Bandy.

Ted Bandy không bao giờ phù hợp với thời tiết đẹp trời; ông ta là một người đàn ông có m nắng. Cơ thể gầy guộc xám ngoét của ông ta dường như không dành cho một mục đích nào khác ngoài việc phục vụ cho nhu cầu mặc chiếc áo vét công sở có hai hàng cúc cài chéo được may thô, và khuôn mặt mỏng buồn tẻ chỉ có thể thư giãn được trong sự an toàn khi mùa đông đến với toàn bộ cửa sổ của văn phòng được đóng. Một lần, khi ông ta được giao nhiệm vụ hộ tống một nhóm người bán hàng đoạt giải trong chuyến đi đến Bermuda, nhóm *Knox* của Roscoe mang theo một máy ảnh chụp toàn cảnh buổi tiệc được mọi người đứng dàn hàng và cười toe toét trên bãi biển trong bộ đồ bơi; và nhóm Roscoe đã bí mật phóng to một phần trong bức ảnh đó, lộ ra Bandy với nụ cười thoải mái nhất dưới sức nặng của hai cánh tay đầy lông, to vạm vỡ vòng quanh cổ ông ta, bức ảnh này đã được mọi người thích thú ngắm ngẫm truyền tay nhau hàng tuần liền ở tầng 15 và nó được đặt tên là bức ảnh hài hước nhất mà họ đã từng xem.

Bandy nay đang mặc cái gì đó giống như mọi khi, lúc đầu Frank nghĩ rằng chỉ vì những cơn gió thán sáu từ cửa sổ đã tức cười thổi tung phần tóc đáng nhẽ phải được chải nằm im trên cái đầu hói của ông ta. Nhưng anh đã phát

hiện ngay ra, khi bước vào phòng, lý do chính gây nên sự khó chịu cho Bandy là sự hiện diện của những vị khách uy nghi và hiếm khi này.

“Frank, anh biết Bart Pollock chứ, tất nhiên rồi,” ông ta nói, nhìn xuống chân và rời với cái gật đầu thứ lỗi ông ta nói, “Xin giới thiệu với Bart, đây là Frank Wheeler”.

Một dáng vẻ to lớn trong bộ vét bằng chất liệu vải gabardine màu nâu vàng nhạt đứng lên trước mặt anh, một khuôn mặt rám nắng nở nụ cười nhìn xuống, và bàn tay phải bắt tay anh thật chặt. “Đừng nghĩ rằng chúng ta đã được giới thiệu với nhau một cách chính thức rồi nhé,” một giọng nói đủ trầm vang lên làm cho đồ thủy tinh rung lên ở chỗ người nói. “Rất vui được gặp anh, Frank”

Người đàn ông này, nếu ở một chi nhánh khác đáng nhẽ phải được gọi là “Ông” thay vì gọi tên “Bart”, là giám đốc bán hàng tổng hợp cho Bộ phận Điện tử, một người đàn ông mà Frank chưa bao giờ nhận được bất kỳ một thứ gì ngoài việc nhận được cái gật đầu mơ hồ hiếm khi ở thang máy, và là người mà anh đã xem thường từ xa hàng năm nay rồi. “Ý anh là hẳn ta có thể là một người có đức tính “Chủ tịch” hoàn hảo trong theo nghĩa xấu nhất,” anh nói với April một lần. “Hẳn ta là một trong những kẻ đáng khinh giống như bố già điếm tỉnh với một nụ cười một triệu đô và khoảng ba pao cơ bắp giữa những cái tai; nếu đưa hẳn ta lên vô tuyến thì những phe phái khác sẽ không bao giờ có cơ hội”. Và bây giờ, cảm nhận thấy khuôn mặt của hẳn ta nhăn nhó đê tiện, cảm nhận thấy từng giọt mồ hôi chảy từ nách xuống xương sườn, anh cố gắng dàn xếp sự phản ứng không thể kiểm soát này bằng cách tính xem tối nay sẽ nói với April như thế nào. “Và bất chợt anh cảm nhận thấy mình như bị tan ra trước mặt hẳn - điều đó chẳng phải là hài hước hay sao? Ý anh là anh biết hẳn ta là một kẻ vớ vẩn; anh biết hẳn ta chẳng có việc gì làm để có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, và cùng lúc hẳn ta gần như là doạ nạt anh. Đó có phải là điều ngớ ngẩn nhất hay không?”

“Kéo ghế ngồi đi, Frank,” Ted Bandy nói, vuốt tóc ra sau, và khi ông ta ngồi xuống ông ta khó khăn xô dịch cái mông của mình, với dáng vẻ của người bị bệnh trĩ. “Bart và tôi vừa mới xem báo cáo về hội nghị NAPE,” ông ta bắt đầu, “Bart kêu tôi gọi anh đến để nói về vấn đề này. Có vẻ như...”.

Nhưng Frank không thể nghe tiếp phần còn lại câu nói của Bandy vì sự tập trung của anh đổ dồn vào Bart Pollock. Ngả người trong chiếc ghế, Pollock

đợi đến khi Bandy kết thúc câu nói; rồi hắn ta gõ nhẹ ngón tay vào tờ giấy mà hắn đang cầm, hoá ra đó là copy của bản *Bàn về Quản lý Chất lượng*, nói:

“Frank, đây đúng là một câu chuyện hài nhiều tập. Nó sẽ làm cho mọi người ở Toledo cười đến chết mất”.

“Và ý anh là đó có phải là điều ngớ ngẩn nhất hay không?” Anh gắng hỏi April suốt tối hôm đó, vừa cười vừa nói, theo cô đi quanh bếp với một ly rượu trên tay trong khi cô chuẩn bị bữa tối. “Ý anh là chẳng phải đó thật là châm biếm hay sao? Anh làm cái phần việc ngu ngốc này để tránh phải dính dáng đến Bandy, và thế là nó xảy ra như thế. Em nên nghe những gì lão già Pollock nói - trong suốt cả năm hắn không biết đến sự tồn tại của anh, nhưng đột nhiên anh trở thành một thanh niên sáng giá của hắn. Bandy già nua ngồi đó cố gắng cân bằng xem mình nên hài lòng hay ghen tị, còn anh ngồi đó cố gắng kiềm chế việc muốn cười cho đến chết... Chúa ơi!”

“Tuyệt quá,” cô nói. “Anh có thể giúp em mang thức ăn này vào không?”

“Và rồi hóa ra là hắn ta có... Gì cơ, đương nhiên rồi”. Anh đặt ly rượu xuống, mang đĩa mà cô đưa cho anh và họ đi vào phòng ăn, nơi bọn trẻ đã ngồi sẵn sàng vào bàn. “Và hoá ra là hắn ta có được một ý tưởng lớn; Pollock, có nghĩa là... Hắn ta muốn anh làm trọn vẹn việc này. *Bàn về Quản lý Hàng hoá tồn kho, Bàn về Phân tích Bán hàng, Bàn về Tính toán chi phí, Bàn về Tiền lương*... hắn ta sắp xếp tất cả những công việc này. Anh nghĩ là anh cần đi...”.

“Chờ em một chút, Frank. Michael, con ngồi thẳng lên ngay, nếu không con sẽ gặp rắc rối đấy. Mẹ nói thật đấy. Và đừng có cắn miếng to như vậy. Em xin lỗi; tiếp tục đi ạ”.

“Anh nghĩ là anh nên đi ăn trưa với hắn tuần sau và nói chuyện cụ thể về vấn đề đó. Liệu đó có phải là sự náo loạn hay không? Dĩ nhiên là nếu công việc này quá nhiều anh sẽ phải thông báo là anh sẽ rời công ty vào mùa thu. Không, nhưng ý anh là toàn bộ câu chuyện có phải là điều khá hài hước hay không? Sau tất cả những...”.

“Sao anh không nói ngay với ông ta?”

“... trong những năm lơ mơ với những công việc ngớ ngẩn và không bao giờ... Em nói gì cơ?”

“Em nói sao anh không nói ngay với ông ta? Tại sao lại không nói với ông ta toàn bộ kế hoạch? Họ có thể làm được những gì?”

“Thật ra,” anh nói, “Hình như không phải ở vấn đề họ “đang làm gì”; nó chỉ là... em biết đấy, một chút rắc rối, tất cả chỉ có thế. Ý anh là anh hoàn toàn không nhận thấy vấn đề cho đến lúc anh phải nói với họ một cách chính thức, tất cả chỉ có vậy”. Anh xiên một miếng sườn lợn cho vào miệng và tức giận đến nỗi anh cắn cái đĩa cùng với miếng thịt, anh nhai bằng tất cả sức mạnh của cơ miệng, trút một hơi thở dài qua lỗ mũi để thể hiện là anh đang phải kiềm chế đến như thế nào, anh nhận ra anh không hoàn toàn biết mình đang giận dữ về điều gì.

“Thật ra,” cô nói yên lặng, không nhìn lên. “Đương nhiên là việc đó hoàn toàn phụ thuộc vào anh”.

Sự rắc rối, anh đoán, trên đường về nhà tối nay anh đã phải nghĩ về việc cô sẽ nói: “Và có thể nó đã là một đoạn viết quảng cáo xúc tiến bán hàng tốt nhất từ trước đến giờ mà họ có... điều hài hước là gì nhỉ?”

Và anh tự nói: “Không, nhưng em đã bỏ qua chi tiết... một việc như thế này chúng tỏ tất cả bọn họ là một lũ ngớ ngẩn”.

Và cô: “Em không nghĩ là nó chứng minh được điều gì. Tại sao anh luôn tự hạ thấp giá trị của mình? Em nghĩ nó chứng minh anh là người có thể làm bất kỳ điều gì khi anh muốn hay khi anh phải”.

Và lại đến anh: “Anh cũng không biết nữa; có thể. Đó chính là điều anh không muốn vượt trội ở một việc vớ vẩn như thế này”.

Và cô: “Dĩ nhiên là anh không, và đó là điều tại sao chúng ta phải rời khỏi đây. Nhưng trong thời gian này, có điều gì đó làm cho anh hoảng sợ khi họ biết về việc này không? Có thể là anh không muốn hay không cần, nhưng quả thật đó không phải là điều cần thiết, có phải vậy không? Ý em là em nghĩ anh cần phải cảm thấy dễ chịu về điều đó, Frank. Thật sự đấy”.

Nhưng cô đã không nói gì cả, thậm chí còn tỏ ra thờ ơ; cô thậm chí còn

không nhìn như thể những suy nghĩ đó đã không vào đầu cô. Cô ngồi đó, thái thức ăn và nhai hoàn toàn điềm tĩnh, với tâm trí đã được đặt vào những việc khác.

CHƯƠNG V

“Con đi lấy ngôi nhà búp bê đây,” Jennifer nói vào chiều thứ bảy hôm đó, “và xe búp bê và con gấu, ba chú thỏ Phục sinh, và con hươu cao cổ, tất cả đồ chơi và tất cả sách và đĩa nhạc và trống”.

“Nghe có vẻ nhiều quá nhỉ, con yêu?” April nói, nhăn mặt lại qua cái máy khâu. Cô quyết định dành ngày nghỉ cuối tuần để loại quần áo mùa đông, loại bỏ một số và sửa lại một số, tập trung vào những loại quần áo còn chắc chắn và đơn giản mà họ cần khi ở châu Âu. Jennifer đang ngồi trên bàn chân cô, chơi vu vơ với lớp vải lót đã bị rách và những sợi chỉ.

“À, cả bộ pha trà của con nữa, và tập nhạc rock, trò game và xe đẩy”.

“Em à, em không nghĩ là mang như thế là quá nhiều sao? Em không định vứt bớt đồ đi hay sao?”

“Không, có thể em sẽ bỏ con hươu lại; em vẫn chưa quyết định”.

“Chú hươu cao cổ của con á? Không, mẹ không nghĩ thế. Chúng ta sẽ có nhiều chỗ dành cho tất cả con thú và búp bê và những thứ lặt vặt khác nữa. Chỉ những món đồ nào to là có thể làm cho mẹ phải suy nghĩ thôi - ví dụ như nhà búp bê, hay là chú ngựa đá của Mike. Những thứ đó rất khó đóng đồ. Nhưng con không phải vứt nhà búp bê của con đi đâu; con có thể tặng cho Madeline”.

“Để giữ hả mẹ?”

“Tất nhiên rồi, để giữ mà. Tốt hơn là phải vứt chúng đi, có phải vậy không con?”

“Kay,” Jennifer nói, rồi, sau đó: “Con biết là con phải làm gì rồi. Con sẽ cho Madeline ngôi nhà búp bê, và con hươu, cái xe nô và con gấu và ba chú thỏ Phục sinh và...”.

“Chỉ là những đồ to thôi, mẹ bảo. Con không hiểu mẹ à? Mẹ vừa mới giải

thích xong. Sao con không nghe mẹ?” Giọng April đầy bức tức, và rồi cô thờ dãi. “Nghe này, sao con không đi ra ngoài và chơi với Michael?”

“Không, con không thích”.

“Được thôi, mẹ cũng không cảm thấy thích thú khi phải giải thích mười lăm lần cho một ai đó quá quấy rầy và ngốc nghếch để có thể tập trung được vào điều mẹ nói. Thế đây”.

Frank cảm thấy vui khi họ không nói chuyện nữa. Anh đang ngồi ở sofa, cố gắng đọc lời giới thiệu của một quyển sách tiếng Pháp cơ bản, quyển sách mà anh đã mua để thay thế cho cuốn “Người Pháp sáng lạng”, và cuộc nói chuyện của họ làm cho anh cứ đọc đi đọc lại cùng một đoạn văn.

Nhưng một nửa giờ sau đó, khi âm thanh duy nhất trong phòng trong suốt khoảng thời gian vừa rồi chỉ còn là tiếng kêu o o không đều uể oải của chiếc máy khâu, anh bứt rứt nhìn lên để xem là Jennifer đã đi chưa.

“Con đi đâu thế em?” Anh hỏi.

“Em nghĩ con ra chơi với Micheal”.

“Không, anh không nhìn thấy con đi ra ngoài”.

Họ đứng dậy, cùng nhau đi đến phòng trẻ, và ở đó, cô bé đang nằm dài ra mút tay và nhìn chăm chăm vào hư không.

April ngồi xuống cạnh giường, để tay mình cạnh thái dương con, và rồi, tỏ ra là không bồn chồn, cô vuốt tóc con mình. “Sao thế con?” Cô nói dịu dàng. “Nói mẹ nghe nào?”

Nhìn từ cửa vào, mắt Frank mở tròn to như mắt con gái mình. Anh nuốt nước bọt, cô bé cũng thế, và bỏ tay ra khỏi mồm.

“Không có gì ạ,” cô bé nói.

April giữ tay con để không cho cô bé ngậm nữa, trong lúc mở nắm tay của con cô nhận một sợi chỉ dài màu xanh đã được buộc chặt và quấn thành nhiều vòng quanh ngón trỏ. Cô gỡ sợi chỉ ra. Nó chặt đến mức mà đầu ngón

tay đỏ tím lại và phần da âm phía dưới nhẵn lại và tái xám.

“Có phải về việc đi Paris không con?” April hỏi, trong lúc vẫn gỡ chỉ ra.
“Con cảm thấy tồi tệ à?”

Jennifer không nói gì cho đến khi vòng chỉ cuối cùng được gỡ ra. Và rồi cô bé hơi gật đầu, chỉ đủ để nhận thấy và vặn người vụng về đến nỗi đầu cô bé chui vào trong vạt áo của mẹ và cô bé bắt đầu khóc.

“Ôi, con tôi,” April nói. “Mẹ đã nghĩ là về chuyện này mà. Ôi thế là làng Niffer thật đáng thương rồi”[\[14\]](#). Cô vuốt vai con mình. “Bé con này, nghe mẹ nói này. Không có gì để bé con phải cảm thấy buồn về việc đó cả”.

Nhưng đã không thể dừng Jennifer lại được, khi mà cô bé đã bắt đầu khóc. Tiếng nức nở ngày càng sâu hơn.

“Con có nhớ khi chúng ta rời thành phố để đến đây không?” April hỏi. “Con có nhớ là chúng ta đã buồn đến như thế nào khi chúng ta phải rời xa công viên và mọi thứ khác nữa không? Và các bạn ở lớp mẫu giáo của con nữa? Và con có nhớ điều gì đã xảy ra không? Đã không phải kéo dài đến hơn một tuần trước khi mẹ của Madeline đưa bạn đến chơi, và rồi con gặp Doris Donalson, và các cậu bé nhà Campbell, và chẳng bao lâu sau con đi học và không còn gì để con phải cảm thấy tồi tệ nữa. Và cách chúng ta chuyển đến Paris cũng như vậy. Bé con có thấy thế không?”

Jennifer vươn khuôn mặt sưng phồng của mình lên và cố nói điều gì đó, nhưng đã phải mất rất nhiều giây để có thể nói được giữa những cơn nấc.
“Chúng ta sẽ sống ở đó lâu chứ mẹ?”

“Đương nhiên rồi. Đừng lo về điều đó, con”.

“Mãi mãi chứ?”

“Được rồi, con” April nói, “có thể không phải là mãi mãi, nhưng chắc chắn là chúng ta sẽ ở đó một thời gian dài. Con không phải lo lắng về điều đó nữa nhé. Mẹ nghĩ con đã ở trong nhà gần như cả ngày trong một ngày đẹp trời như thế này. Phải vậy không? Con đi rửa mặt đi, và ra ngoài chạy chơi với Michael. Được không, con?”

Khi cô bé đi rồi, Frank ngồi thụp xuống phía sau vợ mình, bên cạnh máy khâu. “Chúa ơi,” anh nói, “Thật sự là chuyện này làm cho anh cảm thấy bị sốc. Em không vậy à?”

Cô không nhìn lên. “Ý anh là gì?”

“Anh không biết. Nó giống như là một việc gì đó dường như không nên làm, khi em thật sự suy nghĩ về việc đó, từ góc độ của bọn trẻ. Ý anh, hãy đối diện với nó: đây sẽ là một điều khó khăn với bọn trẻ”.

“Chúng sẽ vượt qua được thôi”.

“Dĩ nhiên là chúng sẽ vượt qua được thôi,” anh nói, cố gắng nói với giọng vô cảm. “Chúng ta có thể đặt con vào tình thế đã rồi và làm gãy tay chúng, và chúng cũng sẽ vượt qua được thôi; đây hoàn toàn không phải là vấn đề chính. Vấn đề là...”.

“Anh này, Frank” - Cô quay lại đối diện với anh với một nụ cười khinh khỉnh và cái nhìn cứng rắn. “Anh đang nói với em là dừng chuyện này lại?”

“Không!” Anh quay đi và đi lại trên thảm. “Dĩ nhiên là anh không có ý định như vậy”. Vì cảm thấy bức mình, anh nhận thấy tốt hơn là dừng chuyện này ở đây và sẽ tiếp tục nói sau khi anh im lặng giả vờ tập trung vào quyển sách tiếng Pháp để ở trên ghế sofa. “Đương nhiên là không. Tại sao em phải bắt đầu...”.

“Vì nếu anh không có ý như vậy, thì em thật sự không hiểu anh đang muốn bàn về việc gì. Nó là vấn đề về việc quyết định ai là người chịu trách nhiệm và cam kết với kế hoạch này. Nếu bọn trẻ là người chịu trách nhiệm, thì rõ ràng là chúng ta sẽ phải làm theo những gì chúng nghĩ, điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ ở lại đây cho đến khi chúng ta chết đi. Mặt khác...”.

“Không! Đợi đã; Anh không bao giờ nói...”.

“Anh đợi em chút đã, làm ơn đi. Mặt khác, nếu chúng ta là người chịu trách nhiệm... và em thực sự nghĩ là chúng ta phải, có phải vậy không ạ? Nếu như chỉ vì chúng ta già hơn chúng khoảng một phần tư thế kỷ? Thế thì điều đó có nghĩa là phải đi. Như là một điều thứ yếu, điều đó cũng có nghĩa là làm những gì chúng ta có thể để có thể mang chúng đi càng đơn giản càng tốt”.

“Đó là tất cả những gì anh nói!” Anh phẩy cánh tay. “Em có nguồn cảm hứng về những điều gì? Làm một chuyến đi càng đơn giản càng tốt... đó chính là điều anh muốn nói”.

“Được rồi. Vấn đề là em nghĩ chúng ta đang thực hiện, và em nghĩ chúng ta sẽ tiếp tục thực hiện với tất cả những khả năng của chúng ta cho đến khi bọn trẻ vượt qua được. Trong lúc này em e rằng, em nhận thấy không có lý gì cho chúng ta ôm đầu và kêu than về bọn trẻ sẽ phải chịu đựng như thế nào, hay nói về việc đặt con vào tình thế đã rồi hay làm gãy tay chúng. Nói một cách vô tư, em nghĩ điều này thật vô lý và em mong rằng anh hãy bỏ nó ra khỏi đầu”.

Đó là lần gần như đưa họ đến trận cãi nhau có thể kéo dài đến hàng tuần; nó làm cho họ ở trên bờ vực và tỏ ra lịch sự với nhau một cách không cần thiết trong suốt thời gian còn lại của ngày, và làm cho họ ngượng với nhau khi ở trên giường. Vào buổi sáng họ tỉnh dậy trong tiếng mưa và với suy nghĩ không thoải mái là chính hôm nay là chủ nhật, là ngày họ sắp xếp gặp John Givings.

Milly Campbell đã xung phong đưa bọn trẻ đi chơi vào buổi chiều, “bởi tôi nghĩ chị có thể sẽ không muốn có con ở đây khi anh ta đến, có phải vậy không ạ? Trong trường hợp anh ta có thể trở nên thật sự bị bệnh hay làm một điều gì đó tương tự?” April đã không chịu; nhưng sáng nay, khi thời gian của buổi ghé thăm đang đến gần, cô đã bất chợt nghĩ về điều đó. “Tôi nghĩ chúng tôi sẽ làm theo lời khuyên của chị, Milly,” cô nói trong điện thoại, “nếu họ vẫn đến. Tôi nghĩ chị đã đúng... dường như đây là điều không bình thường đối với bọn trẻ”. Và cô đã đưa con đến nhà Campbell một hay hai giờ sớm hơn cần thiết.

“Chúa ơi,” cô nói, ngồi cạnh Frank trong căn bếp đã được lau chùi khi cô quay trở lại. “Đây quả thật là một việc gây lo lắng, có phải vậy không? Em tự hỏi trông anh ta sẽ như thế nào? Em không nghĩ em đã từng gặp một ai đó bị bệnh như thế này trước kia, anh có thể không? Một người thật bị xác nhận mắc chứng thần kinh, ý em là như vậy”.

Anh rót hai ly rượu nguyên chất mà anh vẫn hay thích uống vào mỗi chiều chủ nhật. “Em muốn cá bao nhiêu,” anh nói, “nếu anh ta lại hiện ra với bộ dạng của một người không bị thần kinh như tất cả bao người khác mà chúng

ta biết? Hãy thư giãn và đón chào anh ta khi họ đến”.

“Dĩ nhiên rồi, anh đã đúng”. Và cô đã nhìn anh bằng một ánh mắt mà dường như những điều phiền muộn của ngày hôm qua đã trở thành quá khứ từ lâu rồi. “Anh luôn có những cảm nhận theo bản năng về mọi việc như thế này. Anh thật là một người rộng lượng và biết thông cảm, Frank”.

Mưa đã tạnh nhưng vẫn là một ngày u ám và ẩm ướt và thật tốt nếu được ở trong nhà. Chiếc đài phát ra âm thanh lơ mơ của nhạc Mozart và một sự yên tĩnh toả hương rượu anh đào thoang thoảng đã choán lấy toàn bộ phòng bếp. Đây là cách mà anh luôn mong cho cuộc hôn nhân của mình được... không bị kích động, có thể là bầu bạn, một tình cảm yêu thương lẫn nhau đi liền với lãng mạn - và khi họ ngồi lặng lẽ nói chuyện, chờ đợi việc nhìn thấy sự xuất hiện của chiếc xe gia đình Givings qua rặng cây đầm nước, anh lắc người khoan khoái đôi ba lần như một người đàn ông đã lâu không được ra ngoài để đón nhận bình minh sẽ vươn vai cảm nhận những ánh nắng ấm áp đầu tiên vương trên cổ mình. Anh cảm thấy trong lòng bình yên; và theo thời gian khi ô tô đến, anh đã sẵn sàng cho việc đó.

Bà Givings bước ra đầu tiên, chủ định với một nụ cười chói loá mù quáng về phía ngôi nhà trước khi bà cởi áo choàng và những cái bọc ở ghế sau. Howard Givings xuất hiện từ phía ghế người lái, vụng về lau cặp kính phủ mờ sương, sau ông là một chàng trai có gương mặt đỏ, dẹt và cao trong chiếc mũ vải. Nó không phải là một chiếc mũ lưỡi trai tinh nghịch có đai nhỏ gài ở đằng sau mà bây giờ đang là một; nó là một chiếc mũ rộng, dẹt, lỗi một và rẻ tiền, phần còn lại của trang phục màu nâu xám đồng nghĩa với việc làm cho cậu ta giống như vừa ở trại trẻ mồ côi hay là ở tù ra: cái quần làm việc bằng vải sợi chéo không có ly và một chiếc áo len có cài khuy ở đằng trước màu nâu sẫm quá nhỏ đối với cậu ta. Với khoảng cách khoảng năm mươi phút^[15], nếu như không phải là năm mươi thước Anh, bạn có thể nói cậu ta đang mặc đồ được cung cấp từ viện cứu tế quần áo bang.

Cậu ta không nhìn vào nhà hay bất kỳ một thứ gì khác. Đi chậm đằng sau cha mẹ mình, cậu ta đứng với đôi bàn chân choãi ra trên sỏi ướt, ngón chân yếu ớt quặp vào như ngón chân chim bồ câu, dành toàn tâm trí vào việc châm thuốc - gõ vào ngón tay cái một cách có phương pháp, kiểm tra điều thuốc với đầu vế khó chịu, đặt nó cẩn thận vào miệng, khum tay lại để đánh diêm, và rồi hít hơi đầu tiên thật sâu như thể khói của điều thuốc này là tất cả những gì mà cậu ta đã từng có hay mong chờ đây khoái cảm.

Bà Givings có thời gian để hoàn thành tất cả những câu chào và thứ lỗi, và thậm chí chồng bà cũng có thể nói được vài lời trước khi John từ chỗ châm thuốc đi vào lối đi. Khi cậu ta đi vào, cậu ta đi rất nhanh: cậu ta đi uyển chuyển giống như là đang đi trên những quả bóng của chân mình vậy. Khi nhìn gần hơn, khuôn mặt cậu ta to và gầy, với đôi mắt nhỏ và môi mỏng, và khi nhìn nghiêng thể hiện đó là một người đã bị héo mòn do phải chịu đựng những cơn đau về thể xác.

“April..., Frank,” cậu ta nói nhắc lại lời mẹ cậu vừa giới thiệu, hoàn toàn có thể nhận thấy là cậu ta đang rất cố gắng để nhớ được hai cái tên này. “Rất vui được gặp các bạn. Tôi đã được nghe nói nhiều về các bạn”. Rồi khuôn mặt cậu ta chợt nở tung lên với nụ cười đầy ngạc nhiên. Má cậu ta kéo về đằng sau theo những nếp gấp thẳng đứng, hai hàm răng to được “hoàn hảo” bởi nhuộm màu thuốc lá lộ ra giữa đôi môi trắng ớn, và mắt cậu ta dường như mất sinh khí. Trong giây lát dường như khuôn mặt cậu ta có thể mãi mãi bị khoá trong sự nhại lại đến kỳ quặc của một nụ cười bằng hữu làm cho mọi người bị ám ảnh, nhưng nụ cười đó đã bị tắt đi khi mọi người cẩn thận đi vào nhà.

April giải thích (quá nhấn mạnh, Frank nghĩ vậy) rằng bọn trẻ đang đi dự buổi sinh nhật ở nhà bạn và bà Givings bắt đầu nói chuyện về tình trạng giao thông kinh hoàng đến mức như thế nào trên Đại lộ số 12, nhưng giọng bà kéo dài ra khi bà nhận thấy toàn bộ sự chú ý của vợ chồng Wheeler đã tập trung hết vào John. Cậu ta đang đi chậm rãi quanh phòng với những bước chân nặng nề, vẫn đang đội chiếc mũ lưỡi trai, thăm dò mọi thứ.

“Không tồi,” cậu ta nói, “không tồi. Anh chị có một ngôi nhà rất đầy đủ”.

“Mời anh ngồi,” April nói, và ngài Givings lớn tuổi đã làm theo lời cô. John bỏ chiếc mũ ra, để nó ở trên giá sách; rồi cậu ta ngồi xồm như một tá điền, nhấp nhồm, tì vào đầu gối và gạt tàn thuốc một cách điệu nghệ vào gấu lơ-vê quần. Khi cậu ta nhìn họ, bây giờ cậu ta không còn căng thẳng nữa; cậu ta toát lên vẻ hài hước, láu lỉnh của Will Rogers^[16] và trông cậu ta thật thông minh và hóm hỉnh.

“Helen già nua nói với tôi về các bạn hàng tháng nay rồi,” cậu ta nói với họ. “Có một cô Wheeler trẻ trung xinh đẹp trên Con đường Cách mạng, những nhà cách mạng trẻ trung xinh tươi trên Đại lộ Wheeler - mà một nửa thời

gian là tôi không biết những gì bà ta nói. Dĩ nhiên, một phần là vì tôi không lắng nghe. Bạn có biết là bà ta như thế nào không? Làm sao mà bà ta có thể nói và nói và nói, và không bao giờ nói lên được một điều gì? Với cách nói như vậy bạn có thể bỏ ngoài tai trong giây lát. Không, nhưng lần này tôi phải trao trả lại nó cho bà ta; nơi đây hoàn toàn không phải là những gì mà tôi mừng tượng. Nơi đây thật là đẹp. Tôi không định nghĩa “đẹp” giống như việc bà ta định nghĩa “đẹp”; đừng lo. Tôi muốn nói nó đẹp. Tôi thích nơi này. Trông giống như một nơi có con người đang sống”.

“Thế à,” Frank nói. “Cảm ơn anh”.

“Có ai muốn uống một chút rượu anh đào không?” April hỏi, vắn tay vào eo.

“Ôi, anh chị cứ tự nhiên đi, April”. Bà Givings nói. “Chúng tôi ổn mà; đừng câu nệ. Thật sự chúng tôi chỉ ở đây trong vài phút...”.

“Mẹ, sao không làm vui lòng người khác,” John nói. “Mẹ có thể không nói một chút được không. Vâng, tôi muốn một chút rượu anh đào, xin cảm ơn. Và mang ra cho cả mọi người nữa, và tôi sẽ uống phần của Helen nếu bà ta không đánh tôi. Nhưng nghe này, dù sao thì...”. Tất cả sự hóm hỉnh của cậu ta biến mất khi cậu ta ngả người về đằng trước ở tư thế ngồi xôm và đưa một tay về phía April giống như một ông bầu bóng chày chỉ tay vào sân. “Anh có cốc vại uống Whiskey không? Nghe này, lấy một cái cốc vại, cho vài ba viên đá vào, và rót rượu anh đào đầy tận miệng cốc. Đó là cách tôi thích”.

Bà Givings ngồi căng thẳng như một con rắn cuộn tròn trên ghế sofa, nhẹ nhàng nhắm mắt và tỏ vẻ muốn chết. Rượu anh đào trong cốc vại! Mũ lưỡi trai của nó ở trên giá sách - ôi, và cả quần áo nữa chứ. Hết tuần này qua tuần khác bà mang quần áo đến cho nó - áo quần tốt, chiếc áo khoác bằng vải tuyết khá cũ với đệm da ở khuỷu tay, áo len cashmere[17] - và nó vẫn nài nỉ mặc bộ quần áo của bệnh viện. Nó làm thế là để trả thù. Và cả điều khiếm nhã này nữa! Và tại sao Howard luôn vô dụng trong những lúc như thế này? Ngồi đó, ở trong góc, mỉm cười và nhắm mắt làm ngơ giống như một... Ôi, Chúa ơi, tại sao ông ta không làm gì? “Ôi, tuyệt quá, April, cảm ơn nhiều,” bà nói, run lên khi nhắc ly rượu anh đào ra khỏi khay. “Ôi, nhìn thức ăn ngon quá kìa!” Bà quay lại với sự giả vờ hoài nghi khi nhìn vào những miếng sandwich nhỏ, không vỏ, đựng trong khay đồ ăn mà April đã làm và cắt thành từng miếng sáng nay. “Bạn thật sự không phải lo lắng cho chúng tôi đến như thế”. John Givings nhấp hai ngụm và để nó ở trên giá sách trong

suốt thời gian nói chuyện còn lại. Nhưng cậu ta ăn hết một nửa đĩa bánh sandwich khi cậu ta đi vòng quanh phòng không ngừng nghỉ, ăn ba hay bốn miếng cùng một lúc và ăn ngẫu nhiên trong khi thở phì phì ra đằng mũi. Bà Givings cố gắng trụ vững trong vài phút, nói chuyện đều đều, liên hồi dường như không để cho ai có thể ngắt lời được. Bà đang cố làm cho buổi chiều trôi đi nhanh hơn. Vợ chồng Wheeler đã nghe gì về luật mới nhất của ban tách vùng chưa? Về cá nhân, bà cho rằng đó là một điều sỉ nhục; vẫn vậy, bà già định rằng cuối cùng sẽ giảm thuế xuống, và điều đó luôn là một sự may mắn...

Howard Givings, gà gât ngậm miếng sandwich, luôn để mắt dõi theo từng hành động của cậu con trai trong lúc nghe độc thoại; ông rất phù hợp với vai người bảo mẫu nhân từ trong công viên, đảm bảo cậu con trai tránh xa được những mối nguy hiểm.

John nhìn theo mẹ, đầu hếch lên một phía, và khi cậu ta phồng mồm nuốt nốt miếng cuối cùng, cậu ta cắt lời mẹ mình ngay lập tức.

“Anh là một luật sư à? Frank?”

“Tôi á, luật sư? Không. Tại sao?”

“Hy vọng anh có thể là luật sư, chỉ có vậy thôi. Tôi có thể sử dụng một luật sư. Anh làm gì nhỉ? Một nhân viên quảng cáo, hay là gì?”

“Không, tôi làm việc cho Toà nhà Máy văn phòng Knox”.

“Anh làm gì ở đó? Anh thiết kế máy móc, hay sản xuất chúng hay bán chúng hay sửa chữa chúng, hay làm gì?”

“Một thể loại giúp cho việc bán hàng, tôi nghĩ thế. Công việc của tôi không liên quan đến máy móc; tôi làm việc ở văn phòng. Thật ra nó là một công việc ngớ ngẩn. Ý tôi là không có gì... anh biết đấy, thú vị về công việc này hay bất cứ một thứ gì liên quan đến công việc này”.

“Thú vị á?” John Givings dường như phản đối khái niệm đó. “Anh lo lắng về việc công việc có thú vị hay không? Tôi nghĩ chỉ có phụ nữ mới hoài nghi về điều đó. Phụ nữ và trẻ con. Anh không nhận ra điều đó à?”

“Ôi, nhìn kia, mặt trời đang lặn!” Bà Givings kêu lên. Bà nhảy lên, đi ra phía cửa sổ quảng cáo và nhìn sẫm soi qua nó, lưng bà rất cứng nhắc. “Có thể chúng ta nhìn thấy cầu vồng. Chẳng phải là thú vị hay sao?”

Da cổ ở đằng sau gáy của Frank đau nhói vì tức giận. “Tất cả những điều tôi muốn nói”, anh giải thích, “là tôi không thích công việc ở đây và sẽ không bao giờ”.

“Rồi thì anh sẽ làm gì? Ôi, được rồi, được rồi, được rồi...”. John Givings cúi đầu xuống và yếu ớt nâng bàn tay lên như thể một sự cố gắng trong tuyệt vọng để né tránh việc bị đánh công khai. “Được thôi; tôi biết; đó không phải là việc của tôi. Đây là điều Helen già gọi là “Thật là sống sượng, con yêu”. Đó là vấn đề của tôi, anh biết đấy; luôn là như vậy. Hãy quên những điều tôi nói. Anh muốn gìn giữ ngôi nhà, anh phải có một công việc. Anh muốn xây dựng một ngôi nhà thật đẹp, thật ngọt ngào, thì anh phải làm công việc mà anh không thích. Thật tuyệt. Đây là cách chín mươi chín phần trăm con người thực hiện điều này, vì thế hãy tin tôi đi, bạn thân, anh không có gì phải xin lỗi. Bất cứ ai đến và hỏi “Anh làm thế để làm gì?” anh có thể chắc chắn là hẳn ta đang có một chuyến đi bốn giờ đồng hồ từ nhà thương điên của bang, mọi người có đồng ý không? Tất cả chúng ta đều đồng ý chứ, Helen?”

“Ôi, nhìn kia, có cầu vồng kia,” bà Givings nói, “khoan, đợi đã, tôi nghĩ không phải... ôi, nhưng thật sự tuyệt vời dưới ánh mặt trời. Tại sao chúng ta không đi dạo nhỉ?”

“Trên thực tế,” Frank nói, “anh biết khá rõ về mọi việc, John. Tôi đồng ý với anh tất cả những điều anh vừa nói. Chúng tôi cũng thế. Vì thế tại sao tôi lại bỏ việc vào mùa thu này và vì vậy mà chúng tôi phải ra đi”.

John Givings nhìn April và Frank đầy ngờ vực. “Sao cơ? Dời khỏi đây á? Ôi, này, đợi đã... bà ta đã nói gì đó với tôi. Anh chuẩn bị đi châu Âu, có đúng vậy không? À, tôi nhớ ra rồi. Bà ta không giải thích tại sao, đâu sao; bà ta nói về điều đó với một thái độ rất lạ”. Và ngay tức khắc anh ta phá vỡ bầu không khí - gần như phá vỡ bầu không khí trong nhà - bằng một điệu cười chói tai. “Này mẹ, mẹ nghĩ thế nào? Vẫn còn là điều gì đó kỳ lạ với mẹ hay sao? Hm?”

“Bình tĩnh nào,” Howard Givings nói nhẹ nhàng từ trong góc. “Bình tĩnh nào, con trai”.

Nhưng John đã lờ ông đi.

“Mọi người!” anh ta hét lên. “Mọi người, tôi cá là toàn bộ câu chuyện này dường như, rất, rất kỳ lạ đối với mẹ, Mẹ?”

Họ đã trở nên quen với âm thanh líu lo và chói phát ra từ giọng bà Givings ngày hôm đó khi những từ tiếp theo của bà như một cú sốc và nhắm vào cửa sổ quảng cáo và vang lên khốn khổ hết mức, khóc rầu rĩ: “Ôi, John, làm ơn dừng lại đi!”

Howard Givings đứng dậy và lê bước ngang qua phòng, đi đến chỗ bà. Một trong những bàn tay yếu đuối có cử chỉ như muốn ôm bà, nhưng dường như ông nghĩ tốt hơn là không nên làm thế và ông lại hạ tay xuống. Họ đứng rất gần nhau, nhìn ra ngoài cửa sổ; khó có thể nói họ đang thì thầm với nhau hay không. Nhìn họ, khuôn mặt John vẫn còn hăm hở rơi rớt lại nụ cười.

“Nhìn này,” Frank nói không được thoải mái, “có thể chúng ta nên đi dạo hay làm điều gì đó”. Và April nói, “Đúng đấy ạ, chúng ta hãy đi dạo đi”.

“Tôi bảo anh điều này,” John Givings nói. “Tại sao ba người không đi dạo, còn tôi và bạn tôi có thể ngồi đây và đợi cầu vồng. Thư giãn để tất cả sự căng thẳng đã thành quen thuộc còn đang lẫn quất quanh đây đều biến mất”.

Cậu ta lết qua tấm thảm và lấy cái mũ, khi quay trở lại cậu ta quay ngoắt ra chỗ bố mẹ cậu đứng, nắm tay bên phải khum lại hình cung về phía vai của mẹ cậu. Howard Givings nhìn thấy và cặp kính của ông loé lên sự lo lắng trong tức khắc, nhưng không kịp ngăn lại trước khi nắm tay hạ xuống - không phải là cú ra đòn mà là một cái đập nhẹ, trùi mền kéo đằng sau váy của bà.

“Hẹn gặp mẹ sau,” cậu ta nói. “Mẹ hãy nghỉ ngơi”.

Trong cánh rừng phía sau nhà, bốc hơi dưới ánh nắng mặt trời, mặt đất vừa mới được tắm trong mưa toả ra mùi hương đầy sinh khí. Vợ chồng Wheeler và những người khách của họ, thư giãn trong cảm giác của một tình bạn bị cưỡng ép, phải đi bộ theo hàng một trên đồi và bước những bước cẩn thận trong rừng; cú thúc nhẹ bằng khuỷu tay vào cành cây vắt ngang đường làm cho những giọt nước mưa rơi xuống lộp độp, và những thân cây con sáng lấp

lánh có những vết đốm sần màu đen còn vương lại trên vỏ cây. Sau một lúc họ bỏ qua cánh rừng và đi chậm chậm quanh sân sau. Đàn ông nói là phần nhiều; April lắng nghe, tựa sát vào cánh tay Frank, và hơn một lần anh nhận ra, khi liếc nhìn cô, mắt cô sáng lên đầy ngưỡng mộ với những gì anh đang nói.

Khía cạnh thực tế của kế hoạch đi châu Âu dường như không hấp dẫn John Givings, nhưng cậu ta cứ câu hỏi mãi về lý do phải chuyển đi; và khi Frank nói về điều gì đó về “sự trống rỗng vô vọng về tất cả mọi thứ ở đất nước này,” cậu ta dừng lại trên cỏ và trông ngơ ngàng.

“Wow,” cậu ta nói. “Anh vừa nói: Sự trống rỗng vô vọng. Khi thật, bao nhiêu con người đang chuẩn bị rơi vào tình trạng trống rỗng đến tuyệt vọng; ở mỗi nơi mà tôi đã từng làm việc, trên bãi biển, đó là tất cả những điều mà chúng tôi cũng đã từng nói đến. Chúng tôi ngồi quanh và nói về sự trống rỗng suốt đêm. Chưa ai từng nói đến vô vọng cả; đó là phần dở dang mà chúng tôi sợ phải nói đến. Bởi vì có thể sẽ cần phải có một sự can đảm nhất định nào đó để nói về sự trống rỗng. Và tôi nghĩ khi anh thực sự nhìn thấy sự vô vọng, đó chính là khi không còn gì để làm ngoài việc ra đi. Nếu anh có thể”.

“Có thể sẽ là như thế,” Frank nói. Nhưng anh lại bắt đầu cảm thấy không thoải mái; đã đến lúc phải đổi chủ đề. “Tôi nghe nói anh là một nhà toán học”.

“Anh đã nghe thông tin sai lệch rồi. Tôi chỉ có dạy môn đó một thời gian thôi. Dù sao thì tất cả cũng đã qua rồi. Anh có biết những phương pháp chữa sốc bằng điện là gì không? Bởi vì nếu anh thấy, một vài tháng trước tôi đã có ba mươi năm... ồ, không... ba mươi bảy...”. Cậu ta nhìn lên bầu trời với một cái nhìn trống rỗng, cố nhớ về những con số. Trong ánh nắng, Frank nhận ra lần đầu tiên vết nhăn trên má là những vết sẹo của lần phẫu thuật, và ở chỗ khác trên khuôn mặt cậu ta bị bôi bẩn và trông dữ tợn với miếng gạc. Với một lần trong đời khuôn mặt cậu ta chắc hẳn đầy một đồng mụn hay vết lở. “... ba mươi bảy lần chữa sốc bằng điện. Ý tưởng là tổng khứ tất cả những vấn đề về cảm xúc ra khỏi tâm trí của bạn, anh biết đấy, nhưng với trường hợp của tôi họ đã có một kết quả khác. Tổng khứ tất cả những vấn đề toán học ngớ ngẩn. Toàn bộ vấn đề là một sự trống rỗng hoàn toàn”.

“Khủng khiếp quá,” April nói.

“*Khủng khiếp quá*”, John Givings bắt chước cô với cái giọng ái nam ái nữ ẻo ợt và rồi quay lại phía cô với một nụ cười thách thức. “Vì sao?”, anh gắng hỏi. “Vì toán học là một chủ đề quá hay?”

“Không,” cô nói. “Vì những cú sốc chắc hẳn sẽ rất kinh khủng và bởi vì nó khủng khiếp cho bất kỳ ai muốn quên đi những gì họ muốn nhớ. Trên thực tế tôi nghĩ toán học quả thật là chán ngắt”.

Cậu ta nhìn cô chằm chằm một lúc, và gật đầu đồng ý. “Tôi thích người con gái của anh đấy, Wheeler,” cuối cùng cậu ta phát biểu. “Tôi có cảm giác cô ta là đàn bà. Anh có biết sự khác nhau giữa đàn bà và nữ tính không? Huh? Thật ra, có một lời gợi ý: một phụ nữ nữ tính không bao giờ cười to và luôn cao lông nách. Helen già với lĩnh vực đó thì quả thật là rất nữ tính. Tôi chỉ mới gặp một nửa tá đàn bà trong cuộc đời của tôi, và tôi nghĩ anh có một trong số họ ở ngay đây. Dĩ nhiên, hãy nghĩ về điều đó. Tôi có cảm giác anh là một người đàn ông. Không có nhiều đàn ông quanh đây”.

Bà Givings, ngấm ngấm theo dõi họ từ trong nhà, không thể hiểu được là cần phải nghĩ gì. Bà vẫn còn run lên - lúc ban đầu của buổi chiều đã tồi tệ hơn cả những gì lo sợ tồi tệ nhất của bà - nhưng bà phải công nhận rằng John hiếm khi trông hạnh phúc hơn và thư giãn hơn lúc bây giờ, đi tản bộ và nói chuyện ở sân sau nhà Wheeler. Và nhà Wheeler trông cũng thoải mái, đó là điều còn đáng ngạc nhiên hơn nữa.

“Họ dường như cũng quý nó, phải vậy không ông?” Bà nói với Howard, đang đọc qua tờ *Thời báo Chủ nhật* của gia đình Wheeler.

“Mm,” ông nói. “Bà không nên lo lắng về những điều này, Helen. Tại sao bà không thư giãn khi chúng quay lại, và để cho chúng được nói chuyện”.

“Vâng, tôi biết mà,” bà nói. “Tôi biết, ông đã đúng. Đó là điều tôi phải làm”.

Và bà làm như vậy và nó đã thành công. Vào những phút cuối cùng của lần ghé thăm này, trong khi mọi người trừ John uống thêm một ly nữa, bà ngại phải nói ra bất kỳ một từ nào. Bà và Howard ngồi im lặng ẩn sau cuộc nói chuyện của bọn trẻ, một giọng nói pha trộn sự bình yên mà John chưa bao giờ khàn hơn thế. Chúng đang nhớ lại những chương trình radiô dành cho trẻ em của những năm một chín ba mươi.

“Bobby Benson,” Frank nói. “Bobby Benson của H-Bar-O Ranch; tôi luôn thích anh ta. Tôi nghĩ anh ta ra đời trước Annie Mồ côi Bé nhỏ”

“Ôi, và Jack Amstrom, đương nhiên” April nói, “và “Cái bóng”, và một bí mật khác nữa - cái gì đó về một con ong? “Con ong Xanh”.

“Không, “Con ong Xanh” là sau đó,” John nói. “Ban nhạc này còn tồn tại trong cả những năm bốn mươi. Ý tôi là những tác phẩm thực sự về sau này; năm ba năm hay ba sáu gì đó, trong suốt những năm đó. Anh có nhớ một chương trình về một tên sĩ quan hải quân không? Tên hấn ta là gì nhỉ? Thường hay phát vào đúng thời gian này? Vào mỗi ngày trong tuần?”

“À, vâng, đúng rồi,” April nói, “Đợi một chút... “*Don Winslow*”.

“Đúng thế! Don Winlson của Hải quân Mỹ”.

Đó không phải hoàn toàn là những chủ đề mà bà Givings nghĩ rằng chúng sẽ tranh luận, nhưng dường như chúng rất thích thú với chủ đề này; tiếng cười của chúng thật hoài cổ và thanh thản làm cho bà tràn ngập niềm vui, làm cho bà cảm thấy mùi vị của ly rượu anh đào trở nên ngon hơn, làm cho bà cảm nhận được vẻ đẹp của từng ô vuông cảnh hoàng hôn màu anh đào được vẽ trên tường, từng ô vuông sống động với những bóng lá và những cành cây con được đung đưa theo gió.

“Thật vui quá,” bà nói lúc chia tay, và trong giây lát bà sợ rằng John có thể nói điều gì đó thật ngu xuẩn nhưng con trai bà đã không làm thế. Cậu ta đang nói và đang bắt tay với Frank, buổi gặp mặt đã được chia tay trên lối đi với dàn hợp xướng của những lời chia tay tạm biệt, những lời chúc tốt đẹp và những lời hứa hẹn gặp lại.

“Anh tuyệt quá,” April nói khi chiếc xe đi khuất. “Cách anh tiếp cậu ta! Em không biết em sẽ phải làm gì khi không có anh ở đây”.

Frank với lấy ly rượu anh đào, nhưng anh đã đổi ý và thay vào đó là một ly whiskey. Anh cảm thấy xứng đáng được khen. “Thật ra, vấn đề không phải là “tiếp” cậu ta,” anh nói. “Anh chỉ đối xử với cậu ấy như với tất cả những người khác, chỉ vậy thôi”.

“Nhưng đó chính là điều em muốn nói - điều đó thật tuyệt. Em chắc hẳn đã tiếp cậu ta theo cách như đối xử với một con vật trong vườn thú hay là một điều gì đó tương tự, là cách mà Helen làm. Chẳng hẳn thật là hài hước khi dường như cậu ta vui sướng khi chúng ta tách cậu ta ra khỏi bà ta hay sao? Và cậu ta là người dễ chịu đấy chứ? Và thông minh nữa. Em nghĩ một vài điều cậu ta nói thật nổi bật”.

“Mm,”

“Có vẻ như là cậu ta đồng ý với quan điểm của chúng ta, có phải vậy không ạ? Thật buồn cười khi cậu ta nói về “đàn ông” và “đàn bà”? Và anh có biết, Frank? Cậu ta là người đầu tiên thật sự có vẻ hiểu được những điều chúng ta nói”.

“Đúng vậy”. Anh uống một ngụm thật dài, đứng cạnh cửa sổ quảng cáo nhìn theo ánh hoàng hôn cuối cùng. “Anh nghĩ chúng ta cũng điên rồ như cậu ta”.

Cô đứng dậy và tiến gần lại anh, choàng tay qua ngực anh, tựa đầu vào bờ vai của anh. “Em không quan tâm liệu chúng ta có như thế không,” cô nói. “Anh lo à?”

“Không”.

Nhưng anh bắt đầu cảm thấy chán nản vì không thể bày tỏ được nỗi buồn của tôi chủ nhật theo một cách thông thường. Cái ngày vui vẻ, kỳ lạ này đã hết, và bây giờ trong ánh sáng mờ ảo anh nhận thấy nó chỉ còn là một sự trì hoãn trong chốc lát nỗi lo lắng đã làm anh phiền lòng trong suốt cả tuần. Anh cảm thấy nó lại bắt đầu, mặc cho cảm nhận được cái ôm thật chặt của cô ở đằng sau lưng mình - một sự khiếp đảm, một sự u uất nặng nề đang siết chặt trong tâm trí anh, một linh tính báo trước sự mất mát không thể tránh khỏi sắp xảy ra.

Và anh cũng dần nhận ra là cô cũng đã cảm thấy như thế: chắc chắn có một cái gì đó không tự nhiên trong cách cô ôm anh, một chút cố gắng nào đó để đạt được kết quả tự nhiên, mặc dầu cô biết là một cái tựa vào bờ vai anh là một mệnh lệnh và cô đã cố gắng hết sức để đáp ứng được tình thế. Họ đứng đó một lúc lâu.

“Anh chỉ muốn ngày mai không phải đi làm,” anh nói

“Vậy thì anh đừng đi nữa. Ở nhà đi anh”.

“Không, nhưng anh nghĩ là anh phải đi”.

CHƯƠNG VI

“Bây giờ Ted Bandy là một anh nông dân tốt tính,” Bart Pollock nói khi họ đi nhanh về phía các khu phố trên, “và ông ta là một trưởng phòng tốt, nhưng tôi muốn nói với anh điều này”. Hắn ta cười mỉm nhìn xuống bờ vai của chiếc áo vét may bằng vải gabardine rồi nhìn sang khuôn mặt đang rất chăm chú của Frank. “Tôi sẽ nói với anh điều này. Tôi cảm thấy hơi buồn vì ông ta đã làm thui chột tài năng của anh trong nhiều năm nay”.

“Ồ, không, xin đừng nói thế, ông... Bart”. Frank cảm thấy nét mặt của anh đang cười bên lên. “Nhưng dù sao cũng cảm ơn ông,” (“Ý anh là anh có thể nói gì được chứ?” anh sẽ giải thích với April, nếu cần. “Em có thể nói được gì với tình huống như thế này chứ?”). Anh phải nhảy chân sáo và rảo bước để đuổi kịp được những bước sải chân của Pollock, và anh nhận thấy không thoải mái với cảm giác hơi vội vàng, cùng với việc tay anh luôn phải giữ cà vạt để nó không tuột khỏi áo vét, làm cho anh trông thật nhỏ bé.

“Nơi này được chứ?” Pollock lướt nhanh qua sảnh và đi vào nhà hàng ở trong một khách sạn lớn, một nơi hồi hả rồi rít với những hầu bàn đi giày đế cao su, chở nặng đồ ăn với tiếng vang của những cuộc nói chuyện có ảnh hưởng trong âm thanh loảng choảng của dao và đĩa. Khi họ ổn định tại một bàn, Frank nhấp hai ngụm nước và nhìn quanh phòng, tự hỏi không biết liệu đây có phải là nơi mà anh và bố anh đã đến vào bữa ăn trưa ngày đó không - một bữa tiệc trưa - với ông Oat Fields. Anh cũng không chắc lắm - có nhiều khách sạn với quy mô như thế này, cùng loại như thế này - nhưng khả năng có thể xảy ra đã làm cho anh cảm thấy hài lòng với sự trùng hợp ngẫu nhiên đầy châm biếm này. “Đây có phải là điều ngớ ngẩn nhất không?” Anh sẽ gắng hỏi April tối nay. “Chính xác là trong cùng phòng này, cũng những chậu cọ này, cũng những bát nhỏ đựng hầu - Ôi, Chúa ơi, nó giống như một giấc mơ. Anh ngồi đó với cảm giác như mình đang mười tuổi vậy”.

Dù thế nào, khi ngồi xuống, anh cũng cảm thấy thư giãn. Nó làm cho Pollock thấp hơn và cho phép Frank che giấu được, dưới gầm bàn, việc anh đang nhổ và rút miếng da nhỏ ở khoé tay bên trái trong khi Pollock nói. Frank đã có gia đình chưa? Có con chưa? Anh sống ở đâu? Thật ra, chắc chắn là thật sáng suốt khi sống ở nông thôn lúc bạn có trẻ con; nhưng Frank

đã cảm thấy như thế nào về việc đi lại? Gần giống y hệt việc Oat Fields hỏi anh về cảm nhận của trường học và bóng chày.

“Anh có biết là tôi ấn tượng như thế nào với hầu hết những bài viết của anh không?” Hấn ta hỏi anh qua ly martini, cái chân ly trông có vẻ như muốn vỡ ra trong tay hấn. “Logic và sự sáng sủa của bài viết. Anh nhấn mạnh được vào từng vấn đề rất đúng chỗ và anh làm cho nó đạt được mục đích. Đối với tôi, nó không giống như việc chỉ để đọc. Nó giống như một người đàn ông đang nói vậy”.

Frank cúi đầu xuống. “Thật ra, trên thực tế, nó phải là như thế. Tôi vừa mới đọc nó vào máy ghi, ông biết đấy. Thật ra, toàn bộ vấn đề, không nhiều thì ít, đó là một sự tình cờ. Phòng của chúng tôi không chịu trách nhiệm giải quyết những gì có liên quan đến việc sáng tạo hay sản xuất, ông biết đấy; đó là công việc của đại lý. Tất cả công việc của chúng tôi là quản lý việc phân phối sản phẩm của họ ra thị trường”.

Pollock gật đầu, trong lúc nhai quả ô liu đã được ngâm trong rượu gin. “Để tôi nói với anh điều này. Tôi có điều khác muốn nói nữa, anh hiểu điều tôi nói chứ? Tốt. Để tôi nói với anh điều này, Frank. Tôi không quan tâm đến việc sáng tạo hay sản xuất hay ai là người được giao nhiệm vụ quản lý việc phân phối cái gì. Tôi chỉ quan tâm đến một việc, và chỉ một việc: bán máy tính điện tử cho những thương gia người Mỹ. Frank, ngày nay nhiều người có khuynh hướng coi thường cách bán hàng theo kiểu cổ điển đơn giản, nhưng tôi muốn nói với anh vài điều. Quay trở lại thời kỳ tôi bắt đầu công việc bán hàng ra thị trường, một người nhiều tuổi hơn tôi, rất tuyệt vời và thông thái, đã nói với tôi vài điều mà tôi không bao giờ có thể quên được. Ông ta nói với tôi, “Bart, mọi thứ đều là việc kích cầu”. Ông ta nói, “Không một điều gì có thể xảy ra, không một điều gì có thể được ra đời, trừ khi có ai đó làm nảy sinh được nhu cầu”. Ông ta nói, “Bart, anh nghĩ là anh sẽ ở đâu nếu như bố anh không thuyết phục được mẹ anh một hoá đơn hàng hoá?”

“Và anh cứ ngồi đó uống và suy nghĩ. “Cái lão này cần gì ở mình nhỉ?” Anh sẽ nói với April tối nay. “Dĩ nhiên anh vẫn nghĩ là điều này chẳng có nghĩa lý gì, nhưng vẫn thế; hấn ta làm anh phải thực sự suy nghĩ”. Và điều đó thật đúng về những loại kim cương thô, cục mịch và to nữa, em biết không? Chúng thật sự có sức hút rất riêng. Hấn ta cũng như vậy”.

“Hiện nay, đương nhiên, để bán được hàng phải bao gồm nhiều yếu tố, bao

gồm nhiều lực lượng, và anh biết đây, đây thật sự là một điều cụ thể khi anh có ý tưởng để bán thay vì chỉ là bán một sản phẩm. Hãy tiếp nhận những công việc như của chúng tôi, giới thiệu toàn bộ những quan niệm mới về quản lý kinh doanh, và khi thật, nó sẽ làm cho anh hầu như không nhận ra được tình trạng là chỉ nhìn thấy gỗ mà không nhìn thấy rừng. Anh có được những người làm nghiên cứu thị trường, anh có được quảng cáo và có được những gì mà anh đặt tên, những con người của những quan hệ cộng đồng; anh phải liên kết với tất cả những lực lượng này theo một điều cơ bản, tất cả chỉ là một sự cố gắng kích cầu. Tôi thích nghĩ về nó theo cách như là mình đang xây dựng một cái cầu vậy”. Hấn ta liếc nhìn và sử dụng một ngón tay để vẽ một hình vòng cung trong tưởng tượng thật chậm giữa cái gạt tàn và cái đĩa đựng cần tây và ô liu. “Một cái cầu thấu hiểu, một cái cầu đối thoại giữa khoa học điện...” hấn ta nức lên - “Xin lỗi, khoa học điện tử và thế giới của những công việc hàng ngày, ứng dụng quản lý thương mại. Và bây giờ anh đang làm việc cho một công ty như Knox”. Trông hấn ta lấy làm tiếc khi nhìn vào cái ly martini trống rỗng thứ hai hay là thứ ba gì đó. “Rất cũ, rất chậm, rất bảo thủ - khi thật, anh cũng đã biết về điều này giống như tôi: toàn bộ hoạt động của chúng ta nhằm vào việc bán máy chữ và hệ thống file và những cái máy đục lỗ cổ điển phát ra những âm thanh choang choang, và một nửa số nhân viên già nua trong bảng lương đều nghĩ là McKinley làm việc ở Nhà Trắng. Ngoài ra - ông có muốn gọi món không, hay lát nữa? Vâng, thưa ông, mời ông xem thực đơn. Món ragu ở đây có hương vị rất riêng và món cá hồi hun khói cũng vậy và món nắm trứng và cả món cá bon nữa. Vừa thôi và cho loại ngon nhất, cho hai suất nhé. Cho thêm đôi ba thứ này nữa trong khi chúng tôi chờ anh. Được rồi. Bây giờ, anh có thể nói công ty này giống như một lão già mệt mỏi, cổ hủ. Ngoài ra...”. Hấn ta vén tay áo và choán gần hết cái bàn, mắt căng lồi ra. Những giọt mồ hôi bắt đầu xuất hiện giữa những đốm tàn nhang màu nâu ở trên đầu hấn. “Ngoài ra, đã đến lúc cho một cuộc cách mạng nhận thức về xử lý số liệu điện tử, và Frank, hãy đối mặt với nó: đây là một đứa trẻ mới ra đời”. Hấn ta đặt đứa bé sơ sinh trong tưởng tượng bằng cả hai tay, và rồi hấn lắc chúng thật nhanh như thể giải thoát những ngón tay của mình khỏi cái chất dính như keo này. “Ý tôi là nó vẫn còn *uót!* Ý tôi là họ vừa mới kéo nó ra, lật sấp nó xuống và đánh vào mông nó và anh đưa nó cho một lão già, già lắm hay một cụ già, hãy nói là, cặp vợ chồng già này, và anh có biết là điều gì sẽ xảy ra không? Tại sao, họ sấp làm cho nó teo lại và chết đi, nó là như vậy đây. Họ chuẩn bị bế nó và để nó ở trong khay thay quần áo ở một nơi nào đó, đưa nó uống sữa thiu và không bao giờ thay bím, và liệu anh có cố thuyết phục tôi là đứa trẻ đó sẽ lớn lên mạnh khỏe không? Tại sao, khi thật, đứa trẻ không có một cơ hội nào

đề lộ nước. Tôi cho anh một ví dụ”.

Và hẳn ta đưa ra hết ví dụ này đến ví dụ khác, trong khi Frank cố gắng theo kịp hẳn. Sau đó một lúc hẳn ta dừng lại để thấm mồ hôi trên đầu bằng chiếc khăn mùi xoa, trông thật ngỡ ngàng. “Và đó là vấn đề,” hẳn ta nói. “Đó chính là điều mà hiện nay chúng ta đang phản đối”. Quan sát dứt khoát và cẩn thận, hẳn ta nuốt ực ngậm cuối cùng và tập trung vào đồ ăn đã nguội lạnh dường như đã làm cho hẳn tỉnh ra. Hẳn tiếp tục nói trong khi ăn nhưng hẳn đã ít lời hơn một chút và ấn tượng hơn, sử dụng những từ ngữ như “rõ ràng” và “hơn nữa” thay vì “bọn này” và “bọn họ”. Đôi mắt hẳn không còn trở ra nữa; hẳn ta thôi không đóng vai trùm phê phán nữa mà đã lấy lại được thăng bằng của một người điều hành ôn hoà và biết cân bằng. Có phải Frank đã nghĩ về hiệu quả to lớn của máy tính trong thị trường tương lai không? Chính Bart Pollock đã khẳng định với anh, để anh phải suy nghĩ. Và anh cứ nghĩ mãi, nghĩ mãi, thú nhận một cách khiêm tốn về sự làm ngơ của mình với kỹ thuật, rề rúng quyền được nói của mình như một nhà tiên tri, hoàn toàn lạc hướng trong một mớ cấu trúc câu phức tạp.

Nhìn và cố gắng lắng nghe, Frank nhận thấy ba ly martini của anh (hay là bốn nhỉ?) thổi phòng âm thanh của nhà hàng trong một biển tiếng ồn làm tắc tị màng nhĩ và đã gây ra một màn sương tối tăm đóng lại tầm nhìn của anh ở cả bốn hướng đến nỗi anh chỉ có thể nhìn thấy những thứ duy nhất ở trước mặt, và chúng với một sự sáng sủa đến kinh hoàng: thức ăn của anh, những bong bóng nổi lên trên cốc nước đá của anh, và Bart Pollock không hề một mỗi chuyển động cái miệng của mình. Anh sử dụng toàn bộ sức lực trong việc ngắm kỹ mục tiêu để đánh giá tính cách của Bart Pollock khi ăn, để phát hiện ra liệu hẳn ta có vương những vết pho mát màu trắng trên miệng ly hay là nhúng bánh mì vào bát đựng nước sốt, và trong lúc say anh cảm nhận thấy hoàn toàn hài lòng về việc Bart Pollock không có bất kỳ một hành vi nào giống như thế. Chẳng bao lâu, Pollock, với sự thư giãn có thể nhìn thấy được, nói chuyện ít trừu tượng hơn với những lời chỉ trích công ty và đó cũng là lúc Frank cảm thấy an toàn khi nói đến chủ đề mà gần với anh nhất.

“Bart,” anh nói. “Ông có biết về một người đàn ông đã làm việc ở đây... Văn phòng Nhà có tên là Otis Fields?”

Pollock phả ra một luồng khói thuốc và nhìn nó bay đi. “Không, tôi không nghĩ là tôi...” hẳn ta bắt đầu, nhưng hẳn chớp mắt vui sướng chăm chú. “Ôi, có phải là Oat Fields? Ồ, có, cách đây nhiều năm rồi. Oat Fields là một trong

những giám đốc bán hàng tổng hợp ở thời kỳ... Chúa ơi, phải là rất lâu... nhưng, mà này. Thời gian đó anh chưa có ở đây mà”.

Và Frank, ngạc nhiên với sự trôi chảy của giọng mình, nói sơ qua về lần cuối cùng anh đã ngồi ăn tiệc trưa ở cái bàn gần giống như thế này.

“Earl Wheeler,” Pollock nói, ngả người về phía sau liếc nhìn cố gắng nhớ lại. “Earl Wheeler. Anh nói sống ở Newark? Đợi đã. Tôi có nhớ một Wheeler và tôi nghĩ là ông ta có một cái tên giống như Earl... không, nhưng ông ta lại ở Harrisburg, hay Wilmington, và dù sao, ông ta là một người già hơn nhiều”.

“Harrisburg, đúng rồi. Nhưng đó là về sau này. Harrisburg là nơi làm việc cuối cùng của ông ta. Công việc ở Newark là công việc lúc trước, vào khoảng những năm ba năm ba sáu gì đó. Rồi ông cũng làm việc ở Philadelphia một thời gian, và Chúa ơi - hình như ở tất cả Khu vực phía Đông. Vì vậy tôi lớn lên ở trong khoảng mười bốn chỗ khác nhau, ông biết đấy”. Và anh giật mình nghe thấy một lời kêu than trong giọng mình: “Đừng bao giờ đặt hết lòng mình vào một nơi để cảm nhận nơi đó là nhà mình”.

“Earl Wheeler,” Pollock nói. “Tại sao nhỉ, dĩ nhiên rồi tôi nhớ ra ông ấy rồi. Và anh có biết lý do tôi không liên hệ ông ấy với Newark không, vì đó là thời gian trước khi tôi làm việc ở đây. Nhưng tôi có nhớ Earl Wheeler rất rõ khi ở Harrisburg; điều duy nhất mà tôi ấn tượng là ông ta giống như một người cao tuổi. Tôi có thể...”.

“Ông nói đúng. Ông ta là như vậy. Ông ta đã có một đàn con trước khi tôi ra đời, ông biết đấy...” và anh hoàn toàn hiểu được những lời mình đang nói, “tôi chỉ là sự nhờ nhờ, ông biết đấy; tôi là đứa con họ không muốn”. Những giờ tiếp theo, tỉnh táo hơn và cố nhớ lại câu chuyện, anh không thể chắc rằng anh đã không nói thế; thậm chí anh không thể chắc rằng anh đã không cười toáng lên và nói, “Ông biết không? Ông biết không, Bart? Họ đã bỏ rơi tôi trong khay thay đồ và cho tôi uống sữa thiú...” và rằng anh và Bart Pollock đã không nhảy lên đám tay vui thích về câu chuyện cười này, cười và cười cho đến khi họ khóc và ngã trên những tách cà phê.

Nhưng điều đó đã không xảy ra. Những gì xảy ra thay vào đó là Bart Pollock gật đầu hoài nghi và nói, “Liệu đó có phải là điều gì không? Và hãy tưởng tượng ký ức của anh về nhà hàng này đã kéo dài trong suốt những năm qua; thậm chí cả việc anh nhớ về cái tên của Oat Field cổ hủ nữa”.

“Thật ra, không có gì đáng ngạc nhiên. Đó chính là thời gian cha tôi đã từng đưa tôi ra New York, vì một điều; ngoài ra, nhiều điều đã bị phụ thuộc ở thời gian đó. Ông thật sự nghĩ Fields chuẩn bị mời ông một công việc ở Văn phòng Nhà, ông biết đấy. Ông và mẹ tôi đã đặt kế hoạch cho việc này, ngôi nhà ở Westchester và tất cả những thứ khác đi kèm. Tôi không nghĩ ông chưa bao giờ vượt qua được chuyện này”.

Pollock lễ phép nhìn xuống. “Dĩ nhiên đó là... đó là sự đổ vỡ của kinh doanh”. Và rồi hắn ta vội chuyển sang những vấn đề vui nhộn của câu chuyện. “Không, nhưng điều này thật sự là thú vị, Frank. Tôi không hề có bất kỳ một may mắn nào cho rằng anh là con trai của một người đã làm việc cho Knox. Ted hài hước không nói với tôi về điều này”.

“Tôi không nghĩ rằng Ted biết về điều này. Đó không phải là điều tôi nhắc đến khi tôi nhận việc”.

Và ngay tức thì Bart Pollock vừa nhăn mặt vừa cười. “Đợi đã. Ý anh muốn nói bố anh đã dành cả cuộc đời cho công việc còn anh thậm chí không bao giờ để tâm vào nó?”

“Thật ra, đúng là như vậy. Tôi đã không dành tâm trí cho công việc. Rồi ông về hưu, và tôi chỉ... tôi không biết; dù sao thì tôi cũng không. Dường như đó không phải là điều quan trọng”.

“Đề tôi nói với anh điều này, Frank. Tôi ngưỡng mộ điều đó. Anh không muốn ai mang lại cho mình điều này, điều nọ; anh muốn tự mình làm những điều mình mong muốn, có phải vậy không?”

Frank xê dịch không lấy gì làm thoải mái trong chiếc ghế của mình. “Không, nó cũng không hẳn là như thế. Tôi không biết. Thật sự là phức tạp”.

“Một việc như vậy đương nhiên là sẽ phức tạp,” Bart Pollock nói nghiêm túc. “Nhiều người đã không thể hiểu được điều này, Frank, nhưng tôi sẽ nói anh nghe điều này. Tôi ngưỡng mộ. Tôi cá rằng cha anh cũng vậy. Phải vậy không? À, mà không. Đợi đã”. Hắn ta ngả người về đằng sau, cười và nheo mắt từng trái. “Khoan đã. Hãy xem khả năng tôi phán đoán về cá tính về một con người như thế nào. Tôi cá tôi biết những gì đã xảy ra. Và nay chỉ là lời phỏng đoán”. Hắn ta nháy mắt. “Một sự phỏng đoán có kỹ năng. Tôi cá là

anh sẽ thắng tiền và làm cho cha anh nghĩ là tên của ông sẽ giúp anh có được việc, chỉ là để làm hài lòng ông. Tôi nói có đúng không?”

Và một thực tế làm anh bối rối vì đây đúng là sự thật. Vào một ngày mùa thu của năm đó, với cảm cứng ngắc và trịnh trọng trong bộ vét vải xéc, Frank đã đưa vợ về thăm cha mẹ mình; và trên suốt cả đoạn đường đi đến Harrisburg anh đã đặt kế hoạch cho việc ứng xử một cách tỉ mỉ, công phu để thông báo về đứa con và công việc. “Ôi, nhân tiện đây, con đã có được một công việc ổn định hơn,” anh định nói như thế, “một loại công việc ngó ngẩn, không thích thú một chút nào, nhưng tiền lương thì lại rất ổn”. Và rồi anh sẽ để cho ông già nói.

Nhưng khi khoảnh khắc đó đến, trong căn phòng ở Harrisburg lộn xộn bốc mùi ôm đau, thuốc men và dấu hiệu của cái chết, cùng với việc bố anh cố gắng hết sức để ôn hoà, mẹ anh cố gắng hết sức để nhỏ những giọt nước mắt hài lòng về chuyện đứa trẻ và April cố gắng hết sức để thể hiện niềm tự hào một cách bền lễn và ngọt ngào - khi tất cả những điều đầy xúc động một cách giả dối trong khoảnh khắc đó đã làm cho anh thoát khỏi sự lo lắng và anh đã thốt ra - một công việc ở Văn phòng Nhà! - giống như một đứa trẻ trở về nhà với một phiếu thành tích học tập tốt.

“Con đã gặp ai ở đó?” Earl Wheeler gặng hỏi, trông trẻ ra đến mười tuổi so với mười phút trước đó. “Ted? Ai cơ? Ted Bandy? Không thể tin được. Bố biết anh ta; dĩ nhiên, bố đã quên rất nhiều tên. Anh ta cũng biết bố. Bố nghĩ thế? Có phải vậy không?”

“Vâng, đúng thế,” Frank nghe thấy giọng nói của mình thật là lộ bịch căng phồng lên trong cổ họng. “Vâng, đúng thế. Ông ta rất ca ngạo bố”.

Và mãi cho đến lúc họ ngồi trên tàu quay trở lại New York, khi anh lấy lại được bình tĩnh anh đâm tay vào đầu gối nói, “Ông ta lại chơi mình! Chẳng phải đó là điều tồi tệ nhất hay sao? Kẻ tàn nhẫn già nua lại chơi mình lần nữa”.

“Tôi biết mà,” Bart Pollock đang nói, mắt hấn ta nháy nháy và tràn ngập chân tình. “Để tôi nói với anh điều này, Frank: tôi hiếm khi linh cảm nhầm về con người. Chăm sóc cho đứa con bé bỏng hay một sinh linh bé bỏng nào đó, hay điều gì đó với món tráng miệng của bạn?”

“Và ý anh là anh ngồi đó suốt bữa trưa,” April có thể hỏi như vậy vào tối nay, “và anh kể với ông ta toàn bộ cuộc đời anh, không hề nhắc đến việc anh chuẩn bị rời công ty vào mùa thu? Vậy ý anh là thế nào?”

Nhưng Pollock đã không để cho anh có cơ hội được nói xen vào. Ai sẽ trông trẻ? Ai sẽ xây những cái cầu đó?

“... Chuyên gia quan hệ cộng đồng của ông? Kỹ sư điện tử của ông? Tư vấn quản lý của ông? Được thôi, vậy, chắc chắn là tất cả những người đó đều đóng một vai trò quan trọng trong một bức tranh tổng thể; mỗi người trong số họ sẽ mang lại những giá trị đặc biệt trong lĩnh vực của riêng họ. Nhưng vấn đề là ở chỗ. Không một ai trong số họ có cơ sở và bằng cấp thích hợp cho công việc của họ. Frank, tôi đã nói chuyện với một vài người hàng đầu trong lĩnh vực quảng cáo và khuyến mãi. Tôi đã nói chuyện với một vài kỹ sư kỹ thuật hàng đầu về lĩnh vực máy tính và tôi đã nói chuyện với một vài chánh văn phòng hàng đầu trong cả nước, và tất cả chúng tôi đều đi đến một kết luận: đó hoàn toàn là một công việc mới, và chúng ta sẽ phát triển một loại tài năng mới để tiến hành những công việc này”.

“Hiện nay, trong sáu tháng qua hay là khoảng ấy, tôi đã phải đi quanh nghe ngóng, trong và ngoài công ty. Cho đến nay, tôi đã để mắt đến một nửa tá người trẻ tuổi với những cơ sở khác nhau, và tôi hy vọng có thể có thêm một nửa tá nữa. Anh có nhìn thấy những điều tôi đang làm không? Tôi đang tuyển cho tôi một đội ngũ làm việc. Bây giờ, để tôi...” hấn ta khoát cái bàn tay dày bịch lên để tránh không bị ngắt lời - “hãy để tôi nói được cụ thể. Những công việc bé nhỏ mà anh đang làm cho chúng tôi chỉ là công việc lúc bắt đầu. Tôi muốn anh kết thúc chuỗi công việc mà chúng tôi đã định ra vào cái hôm ở văn phòng của Ted; được thôi; nhưng những gì mà tôi đang dọn đường bây giờ là những công việc lớn và xa hơn nhiều. Như tôi đã nói, toàn bộ dự án này đang hình thành, chưa có gì là xác định cả, nhưng nó sẽ làm cho anh hiểu được tôi nghĩ gì. Tôi có một linh cảm là anh là người tôi có thể đưa vào nhóm người trên toàn quốc - những nhóm công dân, những buổi hội thảo thương mại, những nhóm người bán hàng cũng như khách hàng và những nhóm có triển vọng, và tất cả những gì anh cần phải làm là đứng trước tất cả những nhóm này và nói. Anh sẽ nói về máy tính, đề tài và thơ ca; anh có thể trả lời; anh đưa câu chuyện xử lý thông tin điện tử theo ngôn ngữ của thương gia. Frank, có thể trong tôi là một người bán hàng cổ xưa, nhưng tôi luôn cảm thấy có lỗi, và đó là: khi anh đang cố bán một ý tưởng, tôi không quan tâm đến việc nó có thể phức tạp như thế nào hay điều phức tạp đó là gì,

anh sẽ không bao giờ nhận thấy một công cụ thuyết phục hiệu quả hơn bao giờ hết đó chính là giọng nói sống động của con người!”

“Thật ra, Bart, trước khi ông đi quá xa hơn nữa, có một điều, tôi...”. Anh cảm thấy lồng ngực anh căng thẳng và thở gấp. “Ý tôi là tôi không thể nói hay trong văn phòng của Ted hôm đó vì tôi chưa nói với ông ta về điều tôi làm, nhưng điều mà tôi đang đặt kế hoạch là sẽ rời công ty trong mùa thu. Tôi nghĩ tôi nên nói sớm hơn; bây giờ tôi cảm giác... ý tôi là tôi thực sự xin lỗi nếu điều tôi nói mâu thuẫn với ông...”

“Ý anh là anh đã nói xin lỗi với ông ta?” April có thể sẽ hỏi như vậy. “Như thể anh phải hỏi sự xin phép của ông ta, hay là một điều gì đó tương tự?”

“Không!” Anh cố nói khăng khăng. “Dĩ nhiên là anh không xin lỗi ông ta. Em sẽ cho anh một cơ hội chứ? Anh nói với ông ta, chỉ có thế thôi. Tự nhiên nó trở nên lố bịch; bất chợt nó trở nên lố bịch sau khi nghe ông ta nói những điều như vậy; em không thấy thế sao?”

“Thật ra, hiện tại tôi thấy buồn vì Bandy,” Pollock nói. “Đã phí phạm năng lực của một con người trong vòng bảy năm và rồi đẩy anh ta chuyển đến làm việc ở một hãng khác”. Ông ta lắc đầu.

“Ôi, không phải là tôi chuyển sang một hãng khác... ý tôi là, ông biết đấy; nó không có liên quan gì đến lĩnh vực máy văn phòng”.

“Dù sao thì tôi cũng thấy vui vì điều đó. Frank, anh đã thẳng thắn với tôi và tôi đánh giá cao về điều đó; bây giờ tôi sẽ thẳng thắn với anh. Tôi không muốn tọc mạch vào những việc không phải của tôi, nhưng anh có thể kể cho tôi nghe về việc anh rời công ty không? Anh có thể nói cho tôi biết cam kết của anh đối với việc này được xác định như thế nào không?”

“Thật ra,... tôi nghĩ là khá xác định, Bart. Thật khó... thật ra, vâng, hoàn toàn xác định”.

“Vì ý tôi là thế này. Nếu như đấy là vấn đề tiền, chắc chắn là chúng ta có thể ngồi lại với nhau một cách thoả đáng...”.

“Không. Ý tôi là tôi đánh giá cao những điều ông chia sẻ, nhưng điều này không liên quan gì đến tiền. Nó thật ra là một vấn đề cá nhân”.

Và dường như vấn đề được dịu dần. Pollock bắt đầu gật đầu chậm rãi và chắc chắn, để chỉ ra rằng ông ta đang hiểu đây hoàn toàn là vấn đề cá nhân.

“Ý tôi là nó sẽ không ảnh hưởng đến chuỗi công việc mà tôi đang làm bây giờ,” Frank nói với ông ta như vậy. “Tôi còn rất nhiều thời gian để hoàn thành công việc; nó là một vấn đề to lớn hơn rất nhiều... ông biết đấy, nó còn lớn hơn cả một câu hỏi”.

Pollock liên tục gật đầu trong giây lát. Rồi ông ta nói, “Frank, để tôi nói với anh theo cách này. Không có bất kỳ một điều gì xác định làm cho người đàn ông lại không thể thay đổi lại được. Tất cả những gì mà tôi muốn hỏi anh là, tôi muốn anh sẽ nghĩ một chút về buổi nói chuyện ngày hôm nay. Khi đi ngủ hãy suy nghĩ về nó; nói chuyện với vợ anh - và đó luôn là điều cần phải làm, có đúng vậy không? Nói chuyện với vợ anh. Có nơi nào trên đời này mà chúng ta có thể sống mà không có họ? Và tôi muốn anh cảm thấy thoải mái và đến gặp tôi bất kỳ lúc nào và nói “Bart, chúng ta nói chuyện tiếp được chứ?” Anh có thể làm như vậy không? Chúng ta có thể để câu chuyện lại theo cách này không? Tốt. Và hãy nhớ rằng, điều tôi đang nói với anh có thể sẽ là một công việc mới cho anh đấy. Một công việc có thể rất thử thách, một nghề hoàn toàn thỏa mãn cho bất kỳ một đấng mày râu nào. Ngay bây giờ tôi chắc là điều này làm cho anh rất ham muốn”. Ông ta nháy mắt, “Anh sẽ không bao giờ bắt gặp tôi gõ cửa một đối thủ; và dĩ nhiên nó hoàn toàn là quyết định của anh. Nhưng Frank, với tất cả sự chân thành, nếu anh quyết định làm việc cho Knox, tôi tin rằng đó là một quyết định mà anh sẽ không bao giờ phải hối tiếc. Và tôi cũng tin vào những điều khác nữa. Tôi tin là như vậy...”. Ông ta thấp giọng xuống. “Tôi tin là đó sẽ là một điều đáng nhớ đẹp đẽ và là điều tỏ lòng tôn kính cha anh”.

Và làm sao anh có thể nói với April rằng những từ ngữ vô cùng tình cảm này ngay lập tức đã dồn máu trong thành họng anh? Làm sao anh có thể giải thích, mà không làm cho sự khinh bỉ bất diệt của cô trởi dậy, chỉ trong giây lát rằng anh sợ anh sẽ rơi nước mắt vào chiếc kem sô-cô-la đang tan.

Thật may, không có cơ hội nào để nói chuyện với cô tối hôm đó. Cô đã dành cả ngày với công việc mà cô luôn căm ghét và mới gần đây cô cho phép mình sao lãng: lau chùi những chỗ trong nhà không được trưng ra. Hít bụi và lau bầu về những mạng nhện, cô đã kéo mạnh và vứt cái máy hút bụi vào trong góc phòng và bỏ vào trong gầm giường; cô đã lau từng viên đá và

những đồ vật cố định trong phòng tắm với bột tẩy mà mùi hương của nó làm cho cô đau đầu, và cô đã chui cả đầu và vai vào lò bánh để lau bằng amôniac ở chỗ có văng cặn màu đen bám dai dẳng. Cô đã xé một đoạn vải lót sàn gần lò sưởi để lộ ra những gì trông giống như một vết bầm màu nâu dài cho đến khi nó hiện ra - một đàn kiến, dường như cô vẫn cảm thấy như đàn kiến đang bò trong quần hàng giờ liền sau đó - và thậm chí cô cố gắng sắp xếp lại hàm rượu đã bị chảy rượu lung tung, nơi một cái hộp đựng rác bằng giấy nhăn nhúm ẩm ướt đã bị rách khi cô nhấc nó ra khỏi đồng đất sét nhão, đã bị lên nấm ở vũng bùn có một con thằn lằn màu vàng da cam hiện ra và phi qua chân cô. Khi Frank về đến nhà cô cảm thấy quá mệt mỏi nếu phải nói chuyện.

Tối hôm sau cô cũng không cảm thấy thích nói chuyện. Thay vào đó họ xem một vở kịch ở trên vô tuyến mà theo anh nó thật là hấp dẫn, còn cô lại cho nó thật dở.

Và vào tối hôm sau nữa, sau nữa - anh có thể sau đó không bao giờ nhớ được là vào tối hôm nào - anh nhận thấy việc đi lại trong bếp của cô có cùng một sự căng thẳng, theo cách vai nâng cao mà cô đã làm trong màn hai của buổi biểu diễn *Rừng hoá đá*. Từ phòng khách vang lên tiếng còi và tiếng đàn căng thẳng đến nghẹt thở, rải rác với tiếng la inh ỏi; bọn trẻ đang xem một bộ phim hoạt hình sinh động trên vô tuyến.

“Sao vậy em?”

“Không, không có gì”.

“Anh không tin. Có điều gì xảy ra hôm nay không em?”

“Không”. Rồi sự hoàn hảo của nụ cười khi cô chào hạ màn bắt đầu trở nên không rõ ràng và rom róm thành nếp nhăn của nỗi thất vọng và hơi thở của cô trở nên to như rau đang sôi trong nồi. “Không có gì xảy ra ngày hôm nay mà em đã không biết hàng nhiều ngày liền - ôi Chúa ơi, Frank, làm ơn đừng nhìn em đần độn như vậy; anh thật sự cũng không biết về điều đó, hay đoán là nó không? Em đã có bầu, chỉ có vậy thôi”.

“Ôi, Chúa ơi,” khuôn mặt anh tái nhợt đi và há hốc mồm với cái nhìn của một người đàn ông bị choáng váng bởi tin xấu, nhưng anh biết rằng anh không thể giữ vẻ mặt đó lâu được: một nụ cười hân hoan đã vùng vẫy một

cách tự do để thoát ra khỏi lồng ngực anh; anh phải giữ nó ở trong mồm để dừng nó lại. “Wow,” anh nói khẽ qua những ngón tay của mình. “Em có chắc không?”

“Vâng”. Và cô rơi nặng nề vào tay anh như thể việc nói với anh về việc này đã lấy đi mất sức lực của cô vậy. “Frank, em không muốn làm anh thất vọng, thậm chí trước khi anh có thể uống rượu hay một thứ gì đó; ý em là đợi đến sau bữa tối nhưng em mới... sự thể là, em thật sự chắc là suốt cả tuần và hôm nay em đã đi gặp bác sĩ và bây giờ em thậm chí không thể giả vờ là nó không phải là sự thật nữa rồi.

“Wow,” anh thôi cố không kiểm chế khuôn mặt mình nữa, bây giờ nó đang vui lên vì sung sướng qua bờ vai cô khi anh ôm cô và vuốt ve cô bằng cả hai tay, thì thậm chí những từ đơn giản vào tóc cô. “Nghe này em, điều đó không có nghĩa là chúng ta không thể đi; nghe này, nó chỉ có nghĩa là chúng ta sẽ phải tìm ra cách sẽ đi như thế nào, tất cả chỉ có thế”.

Sự căng thẳng đã hết; cuộc sống đã nhân từ quay trở lại như bình thường.

“Không có cách nào khác,” cô nói. “Anh nghĩ rằng em đã nghĩ về điều gì khác cả tuần hay sao? Không có một cách nào khác. Toàn bộ mục đích chuyến đi là để cho anh một cơ hội tìm ra chính mình, và bây giờ nó đã bị phá hỏng. Và đó là lỗi của em! Vì sự bất cẩn, ngớ ngẩn của em...”.

“Không, nghe này em; không có gì bị phá hỏng cả. Em hay chán nản quá. Nếu như xấu nhất thì cũng chỉ là đợi một thời gian cho đến khi chúng ta có thể tìm ra được giải pháp...”.

“Một thời gian! Hai năm? Ba năm? Bốn? Bao lâu anh có thể nói trước khi em có thể kiếm được một công việc cả ngày? Anh à, hãy nghĩ một chút đi anh. Thật là vô vọng rồi”.

“Không, nó không phải là như vậy. Nghe này em”.

“Không phải bây giờ; đừng cố nói về việc này, có được không? Ít nhất hãy đợi cho đến khi bọn trẻ ngủ”. Và cô quay lưng lại lò sưởi, lau những giọt nước mắt bằng cổ tay để che giấu cảm giác ngượng ngùng là mình đang khóc như một đứa trẻ.

“Được mà em”.

Trong phòng khách, ôm chặt lấy đầu gối, bọn trẻ đang nhìn chăm chăm vào chú chó pun khua một cây gậy được đóng đinh ở đầu khi chú ta rượt theo một con mèo qua ngôi nhà đã bị vỡ thành nhiều mảnh. “Chào con,” Frank nói, và đi qua chúng để vào phòng tắm chuẩn bị đi ăn tối, để làm cho tâm trí anh lấp đầy nhịp điệu và bài hát về tất cả mọi điều anh có thể nói ngay khi anh và April chỉ còn một mình. “Nghe này,” anh sẽ bắt đầu. “Giả thiết là việc này sẽ mất thời gian. Hãy nhìn sự việc này theo cách...”. Và anh có thể bắt đầu vẽ ra một bức tranh của một cuộc sống mới. Nếu như có thay vào đó hai hay ba năm kéo dài trong chờ đợi để thực hiện việc đó, chẳng phải đây là khoảng thời gian để có thể kiếm thêm tiền từ công việc của Pollock hay sao? “Ôi, dĩ nhiên, nó sẽ là một công việc chẳng có ý nghĩa gì, nhưng ít nhất là còn làm thêm được tiền! Hãy nghĩ về tiền!” Họ có thể có được ngôi nhà tốt hơn - hay thậm chí vẫn có thể tốt nếu họ tiếp tục cảm thấy không thể chịu đựng nổi những khu ngoại ô, họ có thể quay trở về thành phố. Ôi, không phải là quay về một thành phố chỉ toàn tiếng ầm của tàu điện ngầm, một thành phố bị cá chép tràn vào và tối om của những ngày xa xưa, một New York mới mà chỉ có tiền mới khám phá ra được. Ai có thể biết cuộc sống của họ sẽ trở nên rộng mở hơn và thú vị đến như thế nào? Và ngoài ra... ngoài ra...

Anh đang rửa tay, ngửi thấy mùi thơm dễ chịu từ xà phòng và mùi thơm từ nước tẩy, nhận thấy khuôn mặt mình trong gương trông đơn giản hơn và tốt hơn so với nhiều tháng qua - anh vừa mới dàn xếp xong khi toàn bộ ngụ ý, toàn bộ nghĩa của từ “ngoài ra” đã hé ra trong anh. ngoài ra: tại sao lại nghĩ về việc chấp nhận tiền của Pollock như một giải pháp chỉ là thoả hiệp, một việc bắt buộc phải làm tốt nhất cho đến tận khi khả năng của cô được khôi phục lại để hỗ trợ cho anh ở Paris? Chẳng nhẽ không hề có một sức mạnh nào và chân giá trị nào của chính kế hoạch này hay sao? Nó có thể dẫn đến bất cứ điều gì - con người mới, miền đất mới - tại sao, thậm chí có thể đưa họ đến châu Âu đúng lúc. Không có một cơ hội nào mà Knox, thông qua Knox Quốc tế, chẳng bao lâu sẽ mở rộng dịch vụ xúc tiến thương mại máy tính ngoài nước? (“Ông và bà Wheeler rất không giống như những quan điểm đã được định trước về những thương gia người Mỹ,” một Henry James - bá tước gì đó có thể nói khi họ ngã người một cách lúi cuồn trên lan can phía trên Kênh Grand, cùng nhấp rượu vermouth...)

“Thế à, thế còn anh?” April có thể sẽ nói. “Làm sao anh có thể tìm ra được

chính mình đây?” Nhưng khi anh đóng vòi nước nóng lại anh biết anh sẽ trả lời cô như thế nào:

“Có thể, hãy để nó cho anh”.

Và trên gương hiện ra một người đàn ông gật đầu cương quyết với vẻ mặt đầy nam tính, tốt bụng và chín chắn.

Khi anh với lấy khăn tắm, anh nhận thấy cô đã quên đặt nó ở trên giá, và khi anh đi đến phòng để đồ, ở trên giá, một gói nhỏ hình vuông vừa được gói trong giấy đựng thuốc. Độ mới và điều phi lý khi nó được gói trong những tấm ga trải giường và khăn tắm đã làm cho nó có một sức hút và cái nhìn đầy vẻ bí mật, giống như là những món quà Giáng sinh vậy, và chính nó đã dâng lên trong anh sự hoảng sợ, không thể đếm được, đến nỗi anh phải lấy nó xuống và mở ra xem. Bên trong giấy bọc là một hộp các tông bìa cứng được dán băng dính, và bên trong hộp là một cái bơm cao su màu hồng.

Không cần phải suy nghĩ, thậm chí không cần phải do dự là phải đợi đến sau bữa tối, anh mang theo cái hộp đến phòng khách, đi qua chỗ bọn trẻ đang xem phim hoạt hình (con mèo đã quay lại và rượt theo con chó ở vùng nông thôn), đi vào bếp. Và khuôn mặt cô bị giật mình càng trở nên nặng nề hơn khi cô nhìn vào cái hộp, rồi nhìn vào mắt anh, không còn nghi ngờ gì nữa, lộ rõ mục đích của cô.

“Nghe này,” anh nói, “Em nghĩ cái điều quái gì trong đầu về việc em sắp làm thế?”

Cô quay lại chỗ nồi rau, không phản ứng nhưng trông như đã sẵn sàng, tay cô đầy vẻ căng thẳng trượt xuống phía dưới hông. “Và anh nghĩ anh sẽ làm gì?” cô nói, “Anh sẽ bắt em dừng lại chằng?”

PHẦN III

CHƯƠNG I

Khả năng chúng tôi dự liệu và thời gian phân chia đủ để tạo ra một sự thoải mái bất tận.

“Lấy giờ đồng hồ vào lúc sáu giờ,” đại úy bộ binh nói, mỗi nhóm trung úy hỗn độn cảm nhận thấy khoảng cách sợ hãi trong lúc phải chỉnh hai chiếc kim đồng hồ nhỏ xíu thành hàng trong khi hàng tấn trọng pháo đang bay về trên đầu: mặt đồng hồ trông thật tầm thường đã được lấy lại, tuy nhiên nó chỉ là tương đối. Tốt, nó cũng đã giúp cho trông được gọn gàng từ tóc cho đến cổ tay; tốt thôi: cho đến giờ, mọi việc bất chợt được thực hiện đúng giờ.

“Tôi sợ rằng, tôi bận liên tục cho đến tận cuối tháng,” người điều hành nói, áp điện thoại vào má một cách đầy gọi cảm trong lúc anh ta giờ lịch họp, mắt và mồm anh ta trong khoảnh khắc đó lộ rõ sự chắc chắn. Những trang giấy có kích cỡ theo ngày, phong phú và hơi cứng đặt trước mặt anh ta chứng tỏ rằng không có gì là không được dự kiến, không có bất cứ một cơ hội nào của tai ương và thiên mệnh có thể xảy đến bất thành linh với anh ta từ nay cho đến cuối tháng. Oanh tạc và bệnh dịch đã được khống chế ở vịnh, chính sự chết chóc cũng phải đợi đã; anh ta bận rồi.

“Để tôi xem đã nào,” người đàn ông cao tuổi nói, nghiêng cái đầu héo hon nheo mắt lại dưới ánh mặt trời bồi rôi nhớ lại, “người vợ đầu tiên của tôi mất vào mùa xuân của...” và trong giây lát ông ta hoảng sợ. Mùa xuân của cái gì nhỉ? Quá khứ? Tương lai? Dù cho bất kỳ mùa xuân nào nhưng đó là sự sắp xếp lại một cách vô thức của những tế bào vỏ trái đất đang quay khi nó bỗng bành trong vòng quay vô tận của mặt trời? Bản thân mặt trời là gì khi mà một trong một tỉ những ngôi sao vô cảm mãi mãi đi vào hư vô để trở thành hư không? Thật là vô cùng! Nhưng chẳng bao lâu những cái van suy nghĩ nhân từ trong não ông bắt ông phải làm công việc mệt mỏi, “Mùa xuân của năm 1906,” ông có thể nói như vậy. “Không, gươm đã...” và máu trong người ông lại trở nên lạnh giá như những dải ngân hà. “Đợi đã! 1904”. Và

bây giờ ông đã chắc về điều ông vừa khẳng định, sự tuôn trào sức khoẻ được hồi phục lại làm cho tay ông vô tình đánh đét vào đùi với đầy vẻ hài lòng. Ông ta có thể đã quên mất hình dáng nụ cười của bà vợ thứ nhất và giọng nói của bà ta khi khóc, nhưng bằng việc dựa vào những con số ngày mất của bà, ông đã gắn kết chúng với cuộc đời mình, và vào chính cuộc đời. Bây giờ tất cả những năm còn lại hiện về trong ông theo trật tự thời gian, năm nọ nối tiếp năm kia. 1910, 1920... Tại sao nhỉ, dĩ nhiên là ông nhớ! - 1930, 1940, cho tới ngay cả sự bình yên hiện tại xứng đáng được hưởng của ông cũng như sự hứa hẹn cho tương lai. Trái đất có thể hồi phục lại một cách an toàn yên lặng nhân từ - Thơm mùi cỏ mới! - Và cũng chính cùng một ông mặt trời già nua to lớn kia đã treo lơ lửng ở trên đó cười với ông ta trong suốt những năm qua. “Vâng, thưa ông,” ông ta nói với nhà chức trách, “1904,” và những ngôi sao tối nay sẽ làm hài lòng ông vì những báo hiệu cho việc ông được nghỉ ngơi trên thiên đàng cuối cùng đã đến. Ông đã lập lại trật tự ra khỏi thời kỳ hỗn mang.

Đầu mùa hè năm 1995 có thể là một mùa hè không thể chịu đựng nổi cho vợ chồng Wheeler, và có thể kết thúc một cách hoàn toàn khác, nếu như không phải vì cái lịch treo trên tường phòng bếp. Một món quà năm mới của gia đình A.J.Stolper và con trai, “đồ bếp” và “nội thất” trong nhà, được minh hoạ theo khiếu thẩm mỹ của Nông thôn vùng New England, nó là một quyển lịch được bố cục theo cách trang cho mỗi tháng được trình bày thêm hai biểu đồ nhỏ hơn, tháng trước và tháng sau, vì thế một quý của năm có thể được nhìn rất thuận tiện.

Vợ chồng Wheeler có thể ấn định ngày thực hiện trong nửa sau tuần thứ nhất của tháng năm - tuần sau sinh nhật anh khi họ có thể nhớ lời thì thầm của anh, “Đó là một cảm giác mát mát,” và lời thì thầm của cô, “Không, sẽ ổn thôi; đừng dừng lại...” (Cô đã mua một dụng cụ tránh thai mới tuần sau đó, chỉ để cho thêm phần chắc chắn), việc này được đặt vào tuần đầu của tháng tám, còn hơn bốn tuần nữa và hoàn toàn kết thúc trên trang sau, như một thời gian bí ẩn vậy, “ngay vào cuối tháng thứ ba” khi bạn học, từ lâu rồi, nói rằng nó an toàn cho việc dùng bao cao su.

Quá hoảng sợ làm cho cô đến thẳng hiệu thuốc ngay khi cô ra khỏi phòng khám bác sĩ chiều hôm đó; cũng làm cho anh phải đi ra sảnh để đương đầu với cô ngay trong giây lát về thứ đồ mà anh tìm thấy trong tủ đựng đồ tối hôm đó, và quá hoảng sợ đã làm họ chết cứng và nhìn nhau chăm chăm bên cạnh nồi rau, một sự im lặng đến tàn nhẫn, trong khi phim hoạt hình vẫn

bồng bênh ở phòng bên cạnh. Nhưng một lúc sau trong cùng buổi tối hôm đó, sau khi mỗi người trong số họ lén lút lần lượt nghiên cứu quyền lịch, sự hoảng sợ của họ đã bị nhấn chìm trong việc phát hiện ra những ngày sử dụng thông minh theo thứ tự, một cách logic từ bây giờ cho đến thời hạn cuối cùng. Còn rất nhiều thời gian để đưa ra những quyết định sáng suốt về vấn đề này và để giải quyết được vấn đề này.

“Anh à, em không muốn trở nên kinh khủng về vấn đề đó; em đã không như thế nếu anh không đối xử với em như vậy, trước khi chúng ta có cơ hội để bàn về vấn đề này theo cách có lý trí”.

“Anh biết, anh biết”. Và anh vỗ nhẹ bờ vai cô, xoa một cách đầy âu yếm. Những giọt nước mắt này không có nghĩa là cô sẽ đầu hàng; anh biết vậy. Điều tốt nhất họ có thể nói là những gì anh hy vọng ngay từ lúc đầu, là cô sẽ nửa chừng muốn nói ra; điều tồi tệ nhất họ chỉ muốn nói là cô không muốn phản đối anh, rằng vẽ ra cho mình một sự cam đoan là cô đã xem xét quyền lịch đến bốn tuần nay rồi như một cơ hội màu mỡ để thắng được anh dần dần. Nhưng dù bằng cách nào, và cách này lấp đầy trong anh với sự biết ơn khi anh ôm cô và vuốt ve cô, bằng bất kỳ cách nào đều có nghĩa là cô đang nghĩ về anh; cô quan tâm đến anh. Trong thời điểm hiện tại, đó là tất cả vấn đề.

“Vì, ý em, chúng ta sẽ cùng giải quyết việc này, có phải vậy không?” Cô hỏi, lùi lại một chút trong vòng tay anh. “Ngoài ra, không có một điều gì có nghĩa cả, có phải vậy không anh?”

“Dĩ nhiên rồi. Bây giờ chúng ta có thể nói một chút chứ? Vì anh có một vài điều muốn nói”.

“Vâng, em cũng muốn nói. Nhưng chỉ khi chúng ta hứa là sẽ không cãi nhau, được không? Nó không phải là vấn đề chúng ta có thể cãi nhau”.

“Anh biết mà, nghe này...”.

Và theo cách này họ đã dọn đường cho một cuộc tranh luận hoàn toàn nghiêm túc, được kiểm soát trong yên lặng mà theo cách đó họ bắt đầu điền được lần lượt các ngày vào trong quyền lịch, một cuộc tranh luận luôn giữ họ trong trạng thái thần kinh phải kiềm chế mà thật sự nó không thoải mái một chút nào. Nó giống như sự thăm dò vậy.

Cũng giống như một sự thăm dò, nó diễn ra trong một loại sắp đặt có kỹ năng; Frank đã nhìn thấy điều đó. Hàng trăm từ không đếm được của họ được nói ở trong và ngoài nhà, trên những đoạn đường dài lái xe trên đồi vào mỗi tối, trong những nhà hàng đắt tiền ở ngoại ô, và ở cả New York nữa. Thời gian họ ra ngoài với nhau trong nhiều tối trong vòng hai tuần dài như thời gian họ đã dành cho nhau trong cả năm trước vậy, và một trong những cách anh bắt đầu hoài nghi anh đang thắng, đầu tuần thứ hai, là khi cô không phản đối việc tiêu quá nhiều tiền; cô gần như chắc chắn sẽ làm thế nếu cô vẫn muốn hoàn toàn cam kết cho chuyến đi châu Âu trong mùa thu.

Nhưng anh cần một chút biểu hiện cụ thể hơn nữa. Hầu như ngay từ đầu anh đã chớp lấy thời cơ, và anh hoàn toàn có lý tự tin với chiến thắng. Cái ý nghĩ anh phải thuyết phục, cuối cùng, đã rõ ràng theo khía cạnh quan điểm. Nó không ích kỷ, chín muồi, và (mặc dầu anh cố gắng tránh nói giọng phê phán) không có gì nghi ngờ về đạo đức. Theo cách khác, cô có thể cố gắng thi vị hoá lòng dũng cảm, và điều đó hoàn toàn đáng ghét.

“Frank, chẳng nhẽ anh không nhận thấy em làm điều đó là chỉ vì anh thôi ư? Anh có thể làm ơn tin vào điều đó, hay cố gắng tin vào điều đó?”

Và tận sâu trong đáy lòng, cô nghĩ, với cảm nhận tội lỗi anh sẽ cười thật buồn bên cạnh cô. “Làm điều đó cho anh nghĩa là sao?” anh sẽ hỏi, “khi chính suy nghĩ đó làm cho anh cảm thấy muốn bị lộn nhào? Hãy suy nghĩ thêm một chút nữa, April. Làm ơn đi”.

Vấn đề chiến thuật chính của anh, trong giai đoạn đầu của chiến dịch này, là phải tìm ra đường để làm cho vị trí của anh trở nên hấp dẫn, cũng như việc đáng được khen. Những chuyến ghé thăm thị trấn, ăn ở nhà hàng ngoại ô đã giúp cho mối liên hệ này; cô chỉ phải nhìn quanh những chỗ như thế này để phát hiện ra một thế giới của những người đàn ông và đàn bà duyên dáng, đẹp trai, thật là bố công không còn gì nghi ngờ gì nữa, là những người bằng cách nào đó có thể vượt trội với môi trường của họ - những con người mà đã chuyển những công việc ngu ngốc thành những thuận lợi cho riêng họ, là những người khai thác toàn bộ hệ thống mà không bao giờ chịu khuất phục, là những người chắc chắn có khuynh hướng, nếu họ biết những vấn đề của vợ chồng Wheeler, đồng ý với anh.

“Được thôi,” cô sẽ nói sau khi nghe anh nói hết. “Giả thiết là tất cả những

chuyện này xảy ra. Giả thiết là trong một vài năm chúng ta sẽ thật bóng mượt và phấn khích và tất cả những gì tương tự như vậy, và chúng ta có những người bạn thật tuyệt vời, với những kỳ nghỉ ở châu Âu vào mỗi kỳ nghỉ hè. Anh có nghĩ rằng chúng ta sẽ hạnh phúc hơn? Chẳng phải là anh cũng đang vẫn phạm phẩm chất đàn ông trong một thể loại vô nghĩa, trống rỗng...”.

Và cô cũng sẽ chơi thẳng vào cái bẫy của anh:

“Giả thiết chúng ta hãy thống nhất đây là việc của em”. Anh có thể hỏi cô phẩm chất đàn ông của anh đáng giá bao nhiêu nếu phải ra điều kiện về việc cô sẽ đảm nhận làm một việc vô đạo đức với chính cơ thể cô? “Vì chính đó là những gì em đang làm, April; không có gì là không hiểu được chuyện đó. Em đang phải làm một việc vô đạo đức làm tổn hại đến con người em. Và cả anh nữa”.

Thỉnh thoảng, nhẹ nhàng, cô buộc tội anh đã cường điệu hoá vấn đề. Đó là việc mà phụ nữ làm hàng ngày an toàn tuyệt đối; cô bạn học ở trường đạo nọ đã làm việc đó ít nhất hai lần. Ôi, làm việc đó sau tháng thứ ba thì lại là một câu chuyện khác rồi, cô chấp nhận với anh rằng... “Ý em là, nếu rơi vào cảnh ngộ này, chắc chắn đó là một sự lo lắng chính đáng. Với hương này, mặc dầu, có thể đặt được thời gian rất sát và đã chuẩn bị hết mọi thứ, đó vẫn là cách an toàn nhất”.

Nhưng với mỗi lần nhấn mạnh mức độ an toàn của cô, anh đều phòng má và thở dốc, nhăn mặt và lắc đầu, như thể anh đang bị phải đồng ý một sự biện hộ cho luân thường đạo lý có thể sẽ bị tiệt chủng. Không, anh không thể đồng tình được.

Chẳng bao lâu sau xuất hiện thoáng qua sự ngập ngừng ngượng ngùng trong giọng nói của cô và sự né tránh dễ dàng nhận thấy trong mắt cô mỗi khi cô nói về việc phá thai như là “làm một việc gì đó”, thậm chí trong lời nói còn thể hiện chân thành về việc sự an toàn đương nhiên là thiết yếu nếu làm việc đó, như thể sự bộc lộ tình yêu của anh, khuôn mặt lo lắng của anh đã làm cho vấn đề vượt ra khỏi giới hạn của lễ nghi đàm thoại. Và cũng chẳng bao lâu - đây cũng là tín hiệu khích lệ nhất - anh bắt đầu nhận thấy ở những khoảnh khắc kỳ lạ cô ngấm ngấm quan sát anh qua lớp màn ngưỡng mộ đầy lãng mạn.

Những khoảnh khắc này không phải lúc nào cũng hoàn toàn tự phát; dù thường xuyên hay không, họ làm theo một sự cố gắng thể hiện mình thật tinh tế, về phần anh, một hình thể hiện tính đàn ông thành thực như bất kỳ một cô gái nào. Tiến đến gần cô hay đi tách khỏi cô khi họ đi qua nhà hàng, ví dụ, anh nhớ rằng anh luôn thể hiện mình theo kiểu “gợi tình” cổ điển, khi họ đi cùng nhau anh cũng thể hiện một thói quen khác nữa bằng cách luôn giữ cho đầu mình nghiêng về một phía, để làm cho mình trở nên cao quý khi cô bám vào tay anh. Khi anh châm thuốc trong bóng tối anh cẩn thận để cho khuôn mặt mình nghiêm trang ra vẻ đàn ông trước khi bật và khum tay quanh ngọn lửa (anh biết, cách đây nhiều năm bằng cách thực hành trước gương trong phòng tắm bị tắt đèn, nó đã xây dựng thật nhanh một hình ảnh rất ấn tượng), anh đã không ngừng chú ý đến từng chi tiết nhỏ: giữ cho giọng mình được trầm và vang, giữ cho tóc mình luôn được chải và giấu được việc cắt móng tay; luôn là người đầu tiên thức dậy và ra khỏi giường vào mỗi sáng, để cô có thể không bao giờ nhìn thấy khuôn mình bị căng phồng lên và ngổ ngàng trong khi ngủ.

Đôi khi sau mỗi lần phô bày rõ ràng một cách cụ thể cách thể hiện này, như khi anh nhận thấy anh đã làm cho răng hàm mình bị đau do phải nghiêng quá lâu vì hậu quả của việc quyết không di chuyển hàm gần ánh sáng đèn nền, anh cảm thấy một cảm giác nào đó không ưa chính bản thân vì phải dùng đến quá nhiều những phương pháp như thế này - và, rất mờ nhạt, với cô cũng vậy, vì quá dễ dàng bị cuốn đi theo những hành động đó. Nhưng sự tấn công lương tâm này đã nhanh chóng lắng xuống: tất cả đều công bằng trong tình yêu và xung đột; ngoài ra, chẳng phải cô cũng có quá nhiều khả năng để chơi cuộc chơi này hay sao? Chẳng phải cô đã rút ra mọi ngón bài của mình trong tháng trước rồi sao, để thuyết phục trong kế hoạch đi châu Âu. Được thôi. Có thể thật là lố bịch; có thể đó không phải là cách đối xử hay nhất của những người đã trưởng thành, nhưng đó là vấn đề làm cho họ phải bàn tiếp sau đó. Có quá nhiều việc bây giờ đáng phải lo nghĩ.

Và vì thế anh cho phép mình được thoải mái tập trung vào những phương pháp tinh vi để tận dụng vai trò của mình. Đặc biệt anh cẩn thận không bao giờ nhắc đến thời gian anh đi làm ở cơ quan hay thú nhận việc anh rất mệt mỏi sau khi xuống tàu, anh ứng xử hầu như rất đẳng cấp với hầu bàn và người phục vụ ở trạm xăng, anh còn làm cho những lời bình phẩm sau mỗi lần xem kịch thêm phần mặn mà bằng cách đưa ra những trích đoạn văn chương vô danh - tất cả chỉ để chứng tỏ một người đàn ông buộc phải dang hiến cuộc đời mình cho Knox vẫn còn rất hấp dẫn (“Anh là người đàn ông

thú vị nhất mà em đã từng gặp”); anh nô đùa phấn khích với bọn trẻ, anh khinh khỉnh cất cở với thời gian kỷ lục và một lần anh đã dành cả một đêm dưới sự hiện thân của Eddie Cantor hát vang “Đó là người yêu dấu dành cho tôi” - vì nó đã làm cho cô cười - tất cả chỉ để chứng tỏ một người đàn ông phải đương đầu với những vấn đề hôn nhân thiếu tự nhiên và lạnh lẽo nhất này, một cô vợ không muốn sinh con cho anh, hoàn toàn vẫn dễ chịu (“Em yêu anh khi anh dễ chịu”.)

Chiến dịch của anh có thể chiến thắng hoàn toàn nhanh và dễ nếu anh sắp xếp tất cả thời gian của bốn tuần phải sống trong cùng một cường độ căng thẳng như thế này; vấn đề là cuộc sống vẫn phải diễn ra.

Vẫn rất cần thiết đối với anh khi anh vẫn phải dành hầu hết thời gian cho văn phòng, nơi Jack Ordway luôn chúc mừng anh đang gặp may trong việc chèo lái cái nhà tù giam lỏng; và cần thiết đối với cô, khi cô vẫn phải dành thời gian cho việc bị giam cầm trong nhà mình.

Cũng rất cần thiết phải quan hệ với bà Givings, người gần đây đã tìm ra hết lý do này đến lý do khác để ghé qua chơi. Mục đích bề ngoài là vì công việc vốn dĩ đã rất phiền toái - có rất nhiều chi tiết cần phải bàn đến việc đưa nhà ra bán, và điều đó làm cho vợ chồng Wheeler phải lắng nghe ra vẻ như không có việc gì xảy ra - nhưng câu chuyện của bà cuối cùng lại quay về chủ đề là John và “về thời gian tuyệt vời mà chúng tôi đã có với anh chị”. Hầu như trước khi họ biết về điều đó, họ đã đồng ý một chương trình thăm dò cho những chiều chủ nhật tương lai “bất cứ khi nào thuận tiện, bất cứ một chủ nhật nào mà anh chị không quá bận, từ bây giờ cho đến lúc anh chị đi”.

Cũng thật là cần thiết phải quan hệ với vợ chồng Campbell. Một ngày chủ nhật trọn vẹn đã được dành ra theo cách đó, một chuyến dã ngoại và ăn ngoài bãi biển được tổ chức theo sự van nài của vợ chồng Campbell - một ngày với những bánh kẹp và nước mát của trẻ con, của cát, mồ hôi và sự nhâm lẫn đến kinh ngạc - và nó đã làm cho họ đứng trên bờ vực của sự kích động vào tối hôm đó. Chính là tối hôm đó, thực tế, sự tìm hiểu, hay một chiến dịch bán hàng, hay là bất cứ điều gì, đều đã bị bất ngờ trở thành một giai đoạn không lãng mạn thứ yếu.

“Chúa ơi,” April nói ngay sau khi cô đóng cửa phòng trẻ, và rời đi lại nặng nề trong cách báo hiệu sắp có sự cố. Anh đã hiểu được điều đó khi còn tìm hiểu nhau, và trong chiến dịch vận động, căn phòng này có thể là nơi tồi tệ

nhất để anh trình bày được quan điểm của mình. Tất cả mọi vấn đề đều được bộc lộ trong cái nhìn đầy nhẫn tâm của những cái chao đèn 100 watt dường như đã hỗ trợ cho việc tranh cãi của cô; và hơn một lần, vào một đêm ngọt ngào như thế này, kết quả của việc chất đống những ức chế đã đe dọa lung lay toàn bộ cấu trúc phức tạp của sự thuận lợi của anh: đồ đạc không bao giờ được sắp xếp và sẽ không bao giờ, giá sách bị xếp xó với những quyển sách đọc-rồi-quên, đọc một nửa và không đọc dường như không có gì khác nhau và cũng không bao giờ thay đổi được điều gì; cái nhìn hau háu đáng ghét của hệ thống vô tuyến; đồng hồ chơi bản thủ bị bỏ rơi có thể đã bị vùi vào amôniac, sức mạnh của họ dồn tất cả vào mắt và cổ họng với một nỗi đau cay đắng của tội lỗi và ân hận (“Nhưng em không nghĩ rằng chúng ta thực sự đã là những người cha những người mẹ. Thậm chí chúng ta còn không xứng đáng là cha mẹ...”)

Tối nay trán cô, gò má và mũi rục hồng lên vì sạm nắng, và thực tế việc cô đeo kính râm cả ngày đã làm cho mắt cô có cái nhìn hốt hoảng, trắng bệch. Tóc cô rối bù - cô liên tục phải thổi tóc ra khỏi mặt mình - và cơ thể cô trông cũng không được thoải mái. Cô đang mặc một chiếc áo sơ mi xấu xí và một cái quần soóc nhàu nhĩ màu xanh da trời chỉ đủ dài qua bụng. Dù sao cô cũng không thích mặc soóc vì nó gây sự chú ý vào cặp đùi to nổi rõ mạch máu, mềm mại đã phình ra như thế nào trong vài năm qua, mặc dầu Frank thường nói cô đừng có nghĩ lẩn thẩn về nó (“Trông chúng thật tuyệt; thậm chí anh thích chúng theo cách như thế này; bây giờ chúng là đôi chân của một người phụ nữ đã trưởng thành”). Bây giờ dường như cô đang đi duyệt binh với đôi chân của mình. Được thôi, nhìn vào chúng, dường như cô muốn nói rằng. Chúng đã đủ “phụ nữ” cho anh chưa? Đây có phải là điều anh muốn.

Anh không thể, ở bất kỳ cấp độ nào, đưa mắt ra khỏi chúng khi chúng chậm chạp nhấc từng bước đi quanh căn phòng. Anh rót cho mình một ly thật nặng và đứng nhăm nháp ly rượu gần cửa phòng bếp, gắng hết sức mình.

Sau một lúc cô ngồi nặng nề trên ghế sofa và bắt đầu chìm vào việc lục đống tạp chí cũ. Rồi cô thả chúng xuống, ngồi lại phía sau, đặt chân lên bàn uống cà phê, và nói “Anh thật sự là một người có lương tâm hơn em, Frank. Em nghĩ rằng đây là lý do tại sao em ngưỡng mộ anh”. Nhưng cô không ngược lên và nghe có vẻ ngưỡng mộ.

Anh cố gắng gạt bỏ suy nghĩ với một cái nhún vai cẩn thận khi anh ra ngoài

cạnh cô. “Anh không biết về điều đó. Anh không nhận thấy trong tất cả những việc chúng ta đang làm có liên quan đến điều được định nghĩa “luong tâm”. Ý anh là... em biết đấy, không liên quan một chút nào đến nhận thức về một *luong tâm* theo quy ước”.

Cô dường như nghĩ về điều anh nói một lúc lâu khi cô tựa lại đằng sau để bắt chéo chân, rung cổ chân. “Có cách nào khác không?” cô hỏi. “Chẳng phải “luong tâm” và “quy ước” là một hay sao?”

Anh đã có thể cho cô một cái bạt tai. Chúa ơi - vì tất cả sự ám chỉ và một chút bội bạc này! Và nếu rơi vào bất cứ một tháng nào khác trong cuộc sống hôn nhân, chắc hẳn anh đã phải ngồi xổm và hét lên: “Chúa ơi, khi nào em có thể chấm dứt cái cách Noel-hèn nhát ngớ ngẩn của những năm Mười chín, hai mươi phi báng mọi giá trị theo khuôn phép của con người bằng việc nói ra câu hợm hĩnh, dễ tổn thương và ra vẻ đáng yêu thế? Nghe này!” chắc hẳn anh đã nổi khùng lên với cô. “Nghe này! Có thể đấy là cách mà bố mẹ em đã sống; có thể là em đã được nuôi dưỡng trong một thể loại môi trường bị kích động và hợm mốt, nhưng bây giờ đã đến lúc em phải nhận ra không tồn tại những việc ngớ ngẩn trong thế giới đích thực”. Chính thông tin từ quyển lịch đã làm cho anh phải ngậm miệng. Chỉ còn có mười hai ngày nữa. Anh không thể có được bất kỳ một cơ hội nào, và thay vì hét lên về những điều cô vừa nói anh kiềm chế và nhìn chăm chăm vào ly rượu anh đang cầm thật chặt đến nỗi nó gần như tràn rượu ra ngoài vì anh đang run lên. Thậm chí không cần phải cố gắng, anh đã thể hiện hầu hết qua khuôn mặt một cách đáng nhớ của mình. Khi cơn đau qua đi, anh nói, rất khẽ:

“Em này, anh biết là em rất mệt mỏi. Chúng ta không nên nói về điều đó trong lúc này. Anh biết là em biết rõ điều đó mà. Thôi bỏ qua chuyện đó đi”.

“Bỏ qua chuyện gì? Anh biết em biết rõ điều gì?”

“Em biết. Cái việc có liên quan đến “luong tâm” và “quy ước” ấy”.

“Nhưng em không hiểu sự khác nhau”. Cô nghiêm túc tiến về phía trước ghé sofa, tất của cô đã bị kéo xuống và cô đang ngả người về phía anh với tay tì căng ra trên đầu gối. Khuôn mặt cô hoàn toàn bối rối thật ngây thơ làm cho anh không dám nhìn. “Anh không nhận thấy, Frank? Em thật sự không hiểu sự khác biệt. Mọi người có vẻ hiểu; anh hiểu; nhưng em thì không, chỉ có thế, và em không nghĩ rằng em sẽ hiểu được nó”.

“Nhìn này,” anh nói. “Trước tiên, “luong tâm” là từ của em, không phải từ của anh. Anh không nghĩ anh đã từng nói về việc này trên phương diện “luong tâm”, quy ước hay là điều gì đó tương tự. Anh chỉ đơn giản muốn nói là với trường hợp cụ thể, dường như rõ ràng điều chín muồi duy nhất là bước tiếp và có...”.

“Chúng ta lại thế với nhau rồi,” cô nói, “Anh có nhận thấy không? Em cũng không hiểu “chín muồi” là gì nữa, anh có thể nói suốt tối và em thì vẫn không hiểu. Frank, đối với em nó chỉ là từ ngữ. Em quan sát anh nói và em nghĩ: chẳng phải đó là điều tuyệt vời hay sao? Anh thật sự suy nghĩ như vậy; những từ này thật sự có ý nghĩa với anh. Thịnh thoảng, dường như em quan sát mọi người nói và nghĩ về nó trong suốt cuộc đời em...” giọng cô trở nên không chắc chắn - “và có thể nó có ý nghĩa thật kinh khủng đối với em, nhưng nó là sự thật. Đừng anh, hãy ở lại đó. Đừng đến hôn em hay làm bất kỳ một điều gì khác, hay có thể là chúng ta sẽ dừng lại trong một sự cố gắng và chúng ta sẽ không làm cho mọi việc được dàn xếp. Anh hãy ở lại chỗ đó, hãy cố gắng nói. Có được không?”

“Được thôi”. Anh đứng đó. Nhưng cố gắng nói lại là một vấn đề khác; tất cả những gì họ có thể làm là nhìn nhau với đôi mắt sục sôi, lẳng đọng trong sức nóng.

“Tất cả những điều em biết,” cuối cùng cô nói, “là những gì em cảm thấy, và em biết những gì em cảm thấy là những gì em phải làm”.

Anh đứng dậy và tắt đèn, lầm nhảm “Làm nguội nơi này đi một chút,” nhưng bóng tối cũng không giúp được điều gì. Đó là một màn đêm chết chóc. Nếu như tất cả những điều anh nói chỉ là “từ ngữ”, vậy thì mục đích của buổi nói chuyện là gì? Làm thế nào để khả năng của câu nói thảng thệ được sự ngoan cố đã bám rễ sâu như thế này rồi?

Nhưng ngay bây giờ giọng anh đã bắt đầu phát huy; hầu như hoàn toàn độc lập với ý chí của anh, nó đã quay trở lại và bắt đầu tiếp nhận tiêu xảo cuối cùng của anh, thủ đoạn chiến đấu cuối cùng vô cùng nguy hiểm mà anh đã hy vọng là anh có thể giữ chúng để chống đỡ lại khả năng bị thất bại. Nó thật là táo bạo - chỉ còn lại mười hai ngày nữa - nhưng khi anh đã nhìn vào nó thì anh không thể dừng lại được.

“Nhìn này,” anh nói, “điều này nghe như thế, anh nghĩ, có một điều gì đó “khủng khiếp” với em; thực tế là anh không... Anh nghĩ rằng, mặc dầu vậy, có một hay hai khả năng mà chúng ta chưa bao giờ nói đến, và anh nghĩ chúng ta phải nghĩ đến. Ví dụ, anh tự hỏi nếu động cơ thực của em hoàn toàn đơn giản như em nghĩ. Ý anh là chẳng phải có thể có những áp lực trong công việc ở đây mà em hoàn toàn không biết? Em không nhận ra?”

Cô không trả lời, trong bóng tối anh chỉ có thể phỏng đoán liệu cô có đang nghe hay không. Anh thở một hơi thật sâu. “Ý anh là những việc không liên quan gì đến chuyến đi châu Âu,” anh nói “hay là với anh. Ý anh là những việc của chính bản thân em, những việc bắt nguồn từ tuổi thơ của em... những việc có liên quan đến sự giáo dục của em. Những việc có liên quan đến cảm xúc”.

Một sự im lặng kéo dài trước khi cô đáp, với một giọng bình thường có chủ đích: “Ý anh là em bị bối rối bởi cảm xúc”.

“Anh không nói như thế!” Nhưng trong một giờ sau đó, khi giọng anh cứ nói mãi nói mãi, anh có thể nói hàng nghìn lần theo nhiều cách khác nhau. Rốt cuộc, chẳng phải giống như một cô gái chẳng hiểu biết gì cả nhưng sự khước từ làm cha mẹ từ thuở cô mới lọt lòng có thể đã phát triển một sự miễn cưỡng vĩnh viễn phải chịu đựng đứa con này?

“Ý anh là nó luôn là một sự hoài nghi trong anh liệu có phải em đã phải trải qua một tuổi thơ như vậy,” anh nói, “hãy để cho mình thoát khỏi tình trạng này mà không làm tổn thương - em biết đấy, lòng tự trọng và mọi thứ”. Chính bản thân cô, anh đã nhắc cô, gợi ý sự xuất hiện của một điều gì đó giống như chứng “thần kinh” trong việc lần đầu cô mong muốn bỏ đi đứa con của mình, ở trên phố Bethnue - được thôi, được thôi, dĩ nhiên lần này tình thế hoàn toàn khác lần trước. Nhưng chẳng phải liệu nó cũng có thể có khả năng là một điều gì đó nhằm lẫn tương tự có thể vẫn tồn tại trong tiềm thức của cô? Ôi, anh không nói điều này là toàn bộ sự thể - “Anh không có đủ tư cách để nói về điều này” - nhưng anh cảm thấy là nó là một lý do cần phải rất cẩn thận khám phá chúng.

“Nhưng em đã có hai con,” cô nói. “Chẳng nhẽ điều đó không nói lên thiện chí của em hay sao?”

Anh để cho những lời nói này vang lên trong bóng đêm một lúc. “Chính

cách em đặt vấn đề mang lại nhiều ý nghĩa,” anh nói khẽ, “em đã nghĩ như vậy! Như thể có con là một hình phạt? Như thể có hai con có thể “nói lên thiện chí” của em như là một điểm cộng để có thể phản đối việc có thêm những đứa con khác? Và cách em nói, cũng như vậy - hoàn toàn phản kháng, sẵn sàng cho việc chiến tranh. Chúa ơi, April, nếu em muốn nói chuyện theo cách đó anh có thể nói ngay là: em đã có ba đứa con nhưng em đã từ chối làm mẹ cho hai đứa. Điều này là gì vậy? Ôi, nghe này”. Anh nói với giọng nhẹ nhàng, như thể anh đang nói chuyện với Jennifer. “Em à. Tất cả những điều anh muốn nói là đừng như em không hoàn toàn có lý trí trong việc này. Anh chỉ muốn em nghĩ về điều đó một chút thôi, tất cả chỉ có thế”.

“Được rồi,” giọng cô chán chường. “Được thôi, giả thiết tất cả những điều này là sự thật. Giả sử em đang hành động một cách ép buộc, hay có thể gọi là bất kỳ cái gì. Vậy thì sao? Em vẫn không thể dừng những gì em đang cảm nhận thấy, có phải vậy không? Ý em là chúng ta sẽ làm gì với nó? Em cần phải làm gì để vượt qua được điều này? Liệu em có phải *Đối mặt* với những *Vấn đề* của em và bắt đầu là một người mới ngay từ sáng ngày mai, hay là một điều gì đó?”

“Em à,” anh nói. “Điều này thật đơn giản. Ý anh là cứ cho rằng em thuộc tuýp người có khó khăn về tâm lý, cứ cho rằng có vấn đề gì đó trong việc này, em không nhận thấy có điều gì đó mà chúng ta nên làm hay sao? Một điều gì đó rất logic và có thể nhận thức được”. Anh kiệt sức với âm thanh của chính mình; anh cảm thấy anh đã nói suốt hàng nhiều năm trời rồi. Anh liếm môi, với mùi vị xa lạ từ tay của người nha sĩ đang cho vào trong miệng mình (“Bây giờ thì há miệng ra nào!”), và rồi anh nói. “Chúng ta phải đi gặp bác sĩ tâm lý”.

Anh không thể nhìn thấy cô, nhưng anh có thể cảm nhận miệng cô đang dẹt ra và nhếch mép, với một cái nhìn dữ dằn. “Và công việc của Bart Pollock sẽ trả tiền cho việc đó?” Cô hỏi.

Anh thở dài. “Em biết là em đang làm gì, khi em nói một điều như vậy? Em đang phản kháng lại anh?”

“Không, em không có ý như vậy”.

“Có, đúng là em đã có suy nghĩ như vậy. Và điều tồi tệ hơn là em đang phản kháng lại chính mình. Đây chính là điều mà cả hai chúng ta đã hành xử trong

những năm nay, và bây giờ là lúc để chúng ta giải quyết dứt điểm việc này. Anh không biết liệu công việc của Pollock sẽ trả tiền cho việc này hay không; thẳng thắn mà nói, anh rất quan tâm đến những công việc có thể trả tiền cho việc này. Chúng ta là hai cá thể đã trưởng thành, và nếu một trong hai ta cần những sự giúp đỡ như thế này chúng ta phải nói ra theo cách của người trưởng thành. Câu hỏi là làm thế nào để được trả tiền cho những việc ít quan trọng nhất. Nếu cần, mình sẽ được chi trả. Anh hứa”.

“Thế thì tốt quá”. Chỉ bằng sự thay đổi của cái bóng và một tiếng sột soạt của chiếc thảm anh có thể cảm nhận thấy cô đang đứng lên. “Chúng ta có thể thôi không nói chuyện nữa, có được không? Em quá mệt rồi”.

Khi anh lắng nghe những bước chân lúi xa về phía hành lang, và rồi những âm thanh phát ra từ việc cô đang dọn giường, và rồi chìm vào im lặng, anh uống hết ly rượu với sự mừng rỡ của thất bại. Anh cảm thấy anh đã chơi nốt ván bài cuối cùng, và gần như đã mất hết.

Nhưng ngày hôm sau đã mang lại sinh lực mới cho anh từ những nguồn lực không mong chờ: đó là lần viếng thăm vào chủ nhật thứ hai của John.

“Xin chào!” anh ta kêu lên, bước ra khỏi ô tô, và từ khoảnh khắc anh ta đi nước kiệu trên ngón chân chim của mình qua lối đi, cùng với cha mẹ và những tiếng thứ lỗi xung quanh, rõ ràng đây là một buổi chiều khác biệt và khó khăn hơn với buổi chiều lần trước. Hôm nay sẽ không có dịp đi dạo cùng nhau, không có một sự hoài niệm nào về những chương trình radiô; anh đang ở trạng thái cực kỳ xúc động. Hình thức và giọng nói của anh lúc đầu mất nhuệ khí đến mức đó chính là lúc trước khi Frank bắt đầu nhận ra chuyện ghé thăm này có thể sẽ báo trước có một tác dụng nào đó. Ở đây, cuối cùng, hoàn toàn là trường hợp tâm lý cho April quan sát và suy ngẫm. Liệu cô có vẫn nói, sau cùng, là cô không quan tâm nếu cô cũng phát điên?

“Khi nào thì các bạn đi?” Anh ta gắng hỏi, ngắt lời mẹ anh ta giữa một câu tán dương về thời tiết. Họ ngồi ở bãi cỏ sau nhà, nơi mà April đang pha trà đá - đúng hơn là chỉ mỗi John là đang ngồi. Anh ta đứng dậy rồi đi quanh, thỉnh thoảng dừng lại nheo mắt chăm chăm vào một điểm ở đằng xa trong cánh rừng hay đã nhìn qua ngôi nhà và nhìn xuống đường; anh ta nhìn như thể anh ta đang đào xới nơi chôn vùi và những vấn đề bí mật còn đang lẫn khuất trong tâm trí anh ta. “Tháng chín, anh đã nói vậy phải không? Tôi không nhớ”.

“Kế hoạch vẫn chưa hoàn toàn được xác định,” Frank đáp.

“Anh sẽ ở đây thêm một vài tháng nữa, dù thế nào đi nữa; có phải vậy không? Vì vấn đề là, tôi cần hỏi mọi người một...” anh ta dừng lại và nhìn quanh bãi cỏ với nỗi niềm thắc mắc.

“Này, nhân tiện đây, ai là người trông con cho anh chị? Helen già nua luôn nói với tôi về bọn trẻ, và tôi chưa bao giờ gặp chúng. Chúng thường hay đi dự sinh nhật ở nhà bạn vào mỗi chủ nhật, hay là có vấn đề gì?”

“Chúng đang đi chơi với bạn,” April nói.

John Givings nhìn cô điềm tĩnh và khá lâu, rồi nhìn sang Frank; anh ta nhìn xuống, ngồi xuống và bắt đầu xới những lớp cỏ lên. “Vậy thì điều này muốn nói,” anh ta nói “tôi có một người mắc chứng bệnh hoang tưởng đến thăm nhà tôi, tôi có thể đưa bọn trẻ nhà tôi đi chỗ khác. Nếu tôi có con, có nghĩa là... Nếu tôi có một mái ấm gia đình”.

“Ôi, đây là một món salad trứng thật tuyệt, April,” bà Givings nói. “Chị phải chỉ cho tôi cách làm”.

“Gượng đã, mẹ. Cô ấy có thể nói với mẹ sau. Nghe này, mặc dầu vậy, Wheeler... Điều này thật quan trọng. Điều tôi muốn nói là, tôi cần phải hỏi ai đó một sự giúp đỡ, và cùng với khoảng thời gian mà anh chị sẽ còn ở lại đây trong vòng một tháng nữa, tôi nhận thấy tôi muốn người đảm nhận việc đó là anh chị. Nó không mất nhiều thời gian, nó cũng không làm cho anh chị phải tiêu tốn bất kỳ một đồng xu nào. Tôi tự hỏi liệu anh chị có thể kiếm cho tôi một luật sư?”

Howard Givings hắng giọng. “John, đừng nói về chuyện luật sư nữa. Yên tĩnh đi nào”.

Cái nhìn vào khuôn mặt của John là một biểu hiện của sự kiên trì có lý đang chuẩn bị phá vỡ. “Ông già,” anh ta nói, “liệu ông có thể ngồi im ở đó và ăn hết món salad ngon lành của ông, và đừng bắm còi nữa có được không? Hãy tắt cái máy trợ thính của ông hay là cái gì đó đi. Thôi nào,” anh ta nói với Frank. “Tôi nghĩ chúng ta nên nói chuyện riêng. À, mà đưa cả vợ anh theo”. Và với một không khí căng thẳng anh ta kéo cả hai người ra chỗ góc sân.

“Không có bất kỳ một lý do nào giải thích tại sao họ không nên nghe,” anh ta giải thích; “họ chỉ làm phiền suốt thôi. Có một việc như thế này nhé. Tôi muốn tìm ra một nhà thương điên có tư cách pháp nhân. Liệu anh có thể tìm cho tôi?”

“Thật ra,” Frank nói, “ngoài khả năng của chúng tôi, tôi e rằng tôi không biết tôi...”

“Thôi được rồi. Quên chuyện đó đi. Để có thể tìm ra, có thể anh sẽ phải tốn tiền. Tất cả những điều tôi nói là tôi cần anh dành thời gian. Hãy cho tôi một cái tên và một địa chỉ của một người luật sư có kinh nghiệm, tôi sẽ bắt đầu từ đó. Vấn đề là, anh biết đấy, tôi có rất nhiều câu hỏi thú vị, tôi muốn trả tiền cho những câu trả lời đó. Tôi nghĩ tôi có một vụ tốt, nếu chúng ta có tư cách pháp nhân...”

Có thể nó chỉ là cái nhìn chăm chăm đưa qua đưa lại giữa những khuôn mặt của vợ chồng Wheeler, với những cái nhìn thoáng qua không liên tục vượt qua bờ vai họ để kiểm tra xem bố mẹ mình đang làm gì ở phía bên kia bãi cỏ - có thể nó chỉ là như thế, kết hợp với vẻ xanh xao tái nhợt, cái môi khô cong và thực tế là tóc anh ta dựng ngược trên da đầu (hôm nay anh ta không đội mũ), nhưng khi việc độc thoại của anh ta trong ánh nắng mặt trời rực rỡ anh ta bắt đầu trông ngày càng giống hình ảnh của một người đàn ông tâm thần có đôi mắt hoang dại, phiêu bạt.

“... Bây giờ, tôi không cần phải được bảo ban rằng một người đàn ông đi theo mẹ mình với một cái bàn cà phê sẽ đặt anh ta bị yếu thế về mặt pháp lý; điều đó là rõ ràng. Nếu anh ta va vào mẹ mình và giết bà ta, đó là vụ phạm tội. Nếu như tất cả những gì anh ta làm chỉ là đập phá bàn uống cà phê và dọa bà ta một vài từ và bà ta quyết định đưa ra toà, thì đây là một vụ dân sự. Được thôi. Dù cách nào đi nữa thì người đàn ông cũng ở vị trí yếu thế, nhưng đây mới là vấn đề: trong bất kỳ một trường hợp nào thì tư cách pháp nhân của anh ta có bị hủy hoại hay không. Hiện nay, có thể giả thiết là hai hay ba khả năng có thể xảy ra. Cậu con trai không đánh bà ta, nhưng làm vỡ bàn uống cà phê, có dọa nạt bà ta - nhưng người phụ nữ, bà mẹ, đã không đưa những tình huống này trước toà. Giả thiết rằng những gì mà bà ta làm là gọi “Cảnh sát. Giả sử khi bà ta gọi cảnh sát, bà ta - Ông già!”

Hình như bằng việc hét lên một cách vô nghĩa, anh ta bắt đầu tách ra khỏi họ giống như một kẻ chạy trốn bị dồn vào thế bí, khuôn mặt anh ta bị vắn vẹo

trong sự kết hợp của uy hiếp và sợ hãi; khi Frank quay lại anh nhìn thấy lý do của cơn giận này là việc ông Howard Givings đang đi chậm chạp về phía bãi cỏ.

“Ông già! Tôi đã nói với ông rằng đừng có cản trở tôi, phải vậy không? Có phải vậy không? Ý tôi là như vậy đấy, lão già. Đừng có ngắt lời tôi khi tôi đang nói”.

“Điềm tĩnh con trai,” Howard Givings nói. “Điềm tĩnh, con trai. Đến lúc phải đi rồi”.

“Tôi nói thế đấy, lão già...” anh ta dựa lưng vào tường đá; anh ta liếc mạng nhìn quanh như thể một khẩu súng, và trong giây phút Frank sợ rằng anh ta có thể cạy một hòn đá ở trên tường để ném; nhưng Howard Givings vẫn tiếp tục điềm tĩnh tiến về phía trước để xoa dịu. Ông nắm tay con trai mình nhẹ nhàng để lập lại trật tự: John tiếp tục kêu thét, nhưng anh ta giống như một cậu bé trong cơn cú giận hơn là một người điên. “Đừng có ngắt lời tôi, chỉ có vậy thôi. Ông muốn nói gì thì ông phải đợi đến khi tôi nói xong”.

“Thôi nào, John,” Howard Givings lẩm bẩm, quay lại và dặt anh ta lặng lẽ đi dọc trên lối đi bộ cạnh bãi cỏ. “Thôi nào, con trai”.

“Trời ơi,” bà Givings nói. “Tôi vô cùng xin lỗi về việc này. Đây là lúc thần kinh nó bị kích động, anh chị biết đấy”. Bà nhìn vợ chồng Wheeler trong sự ngượng ngùng đau đớn đến tột độ, không thể quyết định được làm gì với món sandwich salad trứng trên tay mình. “Tôi e rằng anh chị sẽ thứ lỗi cho tôi... Hôm nay đáng nhẽ chúng tôi không nên đến”.

“Chúa ơi,” April nói, trong lúc rửa cốc trà đá khi khách đã về. “Em tự hỏi không biết thời thơ ấu của cậu ta như thế nào?”

“Chắc hẳn là không tốt rồi, anh nghĩ thế, với một cặp bố mẹ như vậy”.

Cô không nói gì cả cho đến khi cô rửa xong bát đĩa và treo đĩa lên giá. “Nhưng ít nhất anh ta có một cặp bố mẹ, vì thế vào lúc khó khăn nhất anh ta vẫn được an toàn hơn em. Đó có phải là điều anh muốn nói”.

“Anh muốn nói gì? Chúa ơi, hãy thư giãn, được không em?”

Nhưng cô đã đi, đóng sập cửa lại, đi đón bọn trẻ ở nhà Campbell về. Dường như cô bình tĩnh và cách biệt suốt quãng thời gian còn lại của buổi tối, hoàn thành nhiệm vụ của bữa tối và cho bọn trẻ đi ngủ, và Frank cẩn thận tránh xa cô. Bắt đầu xuất hiện dấu hiệu của một trong những buổi tối chiến tranh lạnh, một trong những lúc họ đọc sách ở những chỗ tách biệt trong cùng một phòng giống như hai người lạ mặt lịch sự, dè dặt ở sảnh khách sạn; nhưng vào lúc mười giờ, không báo trước, cô đã phá vỡ thoả ước.

“Một thể loại phủ nhận sự nữ tính,” cô nói. “Đó có phải là điều anh muốn nói không?”

“Đó có phải là điều anh muốn nói không? Em đang nói gì thế?”

Trông cô bực mình một cách uể oải, như thể mất kiên nhẫn với anh vì không tranh luận được kịp với anh. “Em biết. Vấn đề tâm lý ẩn dưới việc phá thai này. Đó có phải là những gì mà phụ nữ phải thể hiện khi họ không muốn có con? Rằng họ không là phụ nữ thực sự, hay không muốn là phụ nữ, hay là gì đó?”

“Em à, anh không biết,” anh nói chân thành, trong khi tim anh đập rộn ràng trong sự biết ơn. “Hãy tin anh, đó là sự phỏng đoán của em, cũng giống như của anh. Nghe rất logic, mặc dầu vậy, có phải vậy không? Anh có nhớ là đã đọc ở đâu đó - à, ở Freud hay Krafft Ebing hay một trong những người đó; điều này làm cho anh nhớ về thời kỳ đại học - Anh nhớ là đã đọc một bài viết gì đó về một người phụ nữ bị dị ứng với bộ phận sinh dục nam khi còn bé và sự lệch lạc này đã theo đuổi bà ta cho đến tuổi trưởng thành; anh nghĩ điều này trở nên phổ biến với phụ nữ; anh không biết nữa. Dù sao, bà ta liên tục tránh để không bị có thai, và những gì mà người viết bài báo này muốn nói là bà thật sự cố tình quá khích đến nỗi - em biết đấy - đến nỗi mà dương vật phải cho ra ngoài và luôn xiui đi. Anh không chắc là anh có nhớ chính xác không; anh đọc nó lâu rồi, nhưng đó là ý chung của bài viết”. Anh, thực tế, không hoàn toàn chắc là anh đã đọc nó (mặc dù vậy, bài báo đến từ đâu nếu anh không đọc nó?), và anh không chắc đây là một điều thích hợp để nói trong hoàn cảnh này.

Nhưng cô dường như đã lắng nghe câu chuyện không hề một chút ngạc nhiên. Cô nhìn vào hư không và cầm của cô được hai tay tì trên đầu gối đỡ lấy. Trông cô bối rối, lúng túng; chỉ có vậy thôi.

“Trong bất kỳ trường hợp nào,” anh tiếp tục, “Anh chắc rằng có thể đó là một sai lầm khi cố gắng đưa ra kết luận cho bản thân về vấn đề đọc được trong sách. Có ai kiểm chứng?” Anh quyết định anh phải dừng lại ở đây và để cô nói một lúc, nhưng cô không nói gì, và dường như, thay vào đó là một sự im lặng.

“Anh nghĩ chúng ta có thể công nhận, mặc dầu vậy,” anh nói, “chỉ trên cơ sở cảm nhận chung, rằng nếu hầu hết bé gái gặp phải vấn đề muốn được như con trai, có thể chúng sẽ vượt qua được chuyện này đúng lúc bằng việc quan sát, ngưỡng mộ và muốn tranh đua với mẹ - ý anh, em biết đấy, hấp dẫn một người đàn ông, xây dựng một tổ ấm, có con và vân vân. Và trong trường hợp của em, toàn bộ vấn đề của cuộc sống, toàn bộ kinh nghiệm đã chối từ em ngay từ lúc bắt đầu. Anh không biết; tất cả những điều này rất khó hiểu và khó... khó có thể nắm được vấn đề, anh đoán thế”.

Cô đứng lên và bỏ ra đứng gần giá sách, lưng quay lại phía anh, hình ảnh này đã làm cho anh nhớ lại lúc anh gặp cô lần đầu tiên, đã rất lâu rồi, khi đi qua căn phòng toàn những người nói chuyện đang trú ở Morningside Heights - một cô gái “hạng nhất”, cá biệt, kiêu hãnh và cao.

“Anh nghĩ thế nào nếu chúng ta tìm một người?” Cô hỏi. “Một bác sĩ tâm lý, ý em là... Chẳng phải có nhiều bác sĩ chỉ là lang băm? Tuy nhiên, vẫn vậy, em đoán đó không phải là một vấn đề nghiêm trọng, có phải vậy không?”

Anh nín thở.

“Được thôi,” cô nói. Mắt cô rơm lệ khi cô quay đi. “Em nghĩ là anh đã đúng. Em nghĩ không có gì nhiều để nói, phải vậy không?”

Anh biết, khi anh nằm trần trọc bên cạnh cô, vào lúc đêm khuya, cuộc vận động, không cần một điều kiện nào, đã chấm dứt. Vẫn còn mười một ngày nữa, và một trong những ngày đó có thể làm cho cô hoàn toàn chuyển ý. Còn hơn mười một ngày nữa, bất cứ khi nào anh gần cô, anh sẽ phải dẫn đường chỉ lối cho việc tranh luận và sẵn sàng vận dụng những kỹ năng một cách thành thạo.

Nhiệm vụ của anh bây giờ là phải củng cố chiến thắng mong manh theo nhiều cách có thể, và chờ đợi. Sẽ là tốt nhất, anh quyết định, không tốn thời gian thông báo với mọi người về sự thay đổi kế hoạch của họ - vợ chồng

Campbell và tất cả mọi người - để toàn bộ câu chuyện của vợ chồng Wheeler chuyển đi châu Âu sẽ trở thành thì quá khứ; và trong lúc đó anh sẽ không để cho sự tự mãn phá hủy vị trí của mình. Anh phải chắc chắn như một sự đảm bảo cho đến khi thời kỳ nguy hiểm qua đi. Để bắt đầu, anh quyết định anh sẽ ở nhà.

CHƯƠNG II

“Chúng ta không đi ạ?” Jennifer hỏi chiều hôm đó. Cô bé và Micheal đang đứng trên thảm ở phòng khách trong bộ quần đồ tắm, khăn tắm quấn quanh người trong giống như áo choàng. Chúng đã chơi với vòi phun nước ở bãi cỏ, và mẹ chúng đã gọi chúng vào nhà, bề ngoài là bảo chúng “thay quần áo và uống sữa và ăn bánh”, nhưng thực ra, lại hoá ra là để nghe thông báo chính thức từ cha mẹ chúng, rằng gia đình chúng sẽ không đi châu Âu nữa. “Chúng ta không đi ạ?” “Sao lại thế ạ?”

“Vì bố và mẹ quyết định bây giờ cách tốt hơn là chưa nên đi,” April nói. Họ đã thống nhất với nhau cách trả lời như thế này cách đây vài phút (chưa cần thiết phải nói với chúng là chúng sắp có em bé) và từng từ phát ra rất chắc chắn và vững vàng đến nỗi mà cô cố gắng hỏi bằng cách nói để thêm câu, rất nhẹ nhàng, “Sao lại có thể như thế được nhỉ”.

“Ôi,” sự thể hiện trung lập trên khuôn mặt bọn trẻ được nhấn mạnh bằng việc mắt chúng vẫn ngờ ngàng và đôi môi chúng, với nụ cười dính đầy sữa, vẫn còn tái nhợt vì ngâm mình trong nước quá lâu. Jennifer dùng chân gãi chỗ muối đốt ở chỗ mắt cá chân.

“Các con chỉ hỏi vậy thôi sao?” Frank hỏi, với vẻ vui hơn so với việc anh định thể hiện. “Thậm chí không một câu “hoan hô” hay một hành động nào đó tương tự? Bố mẹ nghĩ là các con sẽ vui”.

Bọn trẻ nhìn nhau cười bẽn lễn. Gần đây thật là ngày càng khó để có thể nói cho chúng biết những gì đang được mong chờ. Jennifer quệt miệng dính sữa. “Chúng ta sẽ đi Pháp sau đó, hay là như thế nào ạ?”

“Thật ra,” mẹ cô bé nói, “Có thể. Để xem thế nào đã con à. Nhưng chắc chắn là chúng ta sẽ không đi đâu trong một thời gian dài, vì thế không có gì làm cho các con phải lo thêm nữa”.

“Và chúng ta sẽ ở lại đây,” Jennifer nói đầy ý nghĩa, “nhưng không phải mãi mãi”.

“Gần đúng như thế, Niffer. Hôn mẹ nào, và sao hai con không ra ngoài chơi và tắm nắng đi? Và không nghịch nước nữa nhé, được không? Mời các con tái nhọt rồi đây. Con có thể ăn thêm bánh, nếu con muốn”.

“Niffer, em biết những gì chúng ta có thể làm mà,” Michael nói ngay khi chúng ra ngoài chơi. “Chị có biết cái chỗ trong rừng có một cái cây to đổ và có một cành cây nhỏ chị có thể ngồi và giả vờ như có một dòng suối nhỏ chảy qua không? Chúng mình có thể mang bánh ra chỗ đó và chị có thể là một quý bà đang tắm ở suối, em sẽ là một quý ông cũng đang tắm ở suối”.

“Chị không cảm thấy thích”.

“Thôi mà. Và em sẽ nói “Hôm nay em muốn ăn gì?” Và chị sẽ nói “Em muốn ăn bánh” và em sẽ nói...”.

“Chị không cảm thấy thích, chị đã nói rồi. Trời quá nóng”. Và cô bé ngồi cách xa cậu bé trên bãi cỏ khô. Tại sao lại “tốt hơn là chưa phải bây giờ? Và tại sao mẹ cô trông rất hài hước và buồn khi mẹ nói “Gần đúng như vậy”. Và tại sao bố cô lại ở nhà không đi làm khi bố không ốm”.

Khi Micheal ăn xong cậu bé chạy như điên dọc theo đường trên dốc ở sân trước, vừa chạy vừa đập tay. “Nhìn em này, Niffer. Nhìn em này, nhìn em này... Em đang ngã xuống và chết!” Cậu bé loạng choạng và ngã xuống, lộn vài vòng và nằm sõng soài, cứng đờ trên cỏ, cười rúc rích một mình vì nghĩ là chắc phải trông buồn cười lắm. Nhưng cô bé không nhìn theo. Cô bé đứng dậy tiến đến gần cửa sổ quảng cáo và lén nhìn trộm vào bên trong.

Họ vẫn đang ngồi ở trên ghế sofa, ngả người vào nhau, mẹ cô vẫn gật đầu và cha cô vẫn đang nói. Thật hài hước khi tay của cha cô đang làm điệu bộ và miệng của cha cứ nói và nói, mà không hề có một âm thanh nào phát ra. Sau đó một lúc mẹ cô đi vào bếp và cha cô vẫn ngồi đó một mình. Rồi cha đứng dậy đi xuống hầm rượu và đi ra ngoài với cái xẻng, tiếp tục hoàn thành con đường xếp đá.

“Ôi, tôi không biết là nên buồn hay vui,” Milly Campbell nói một vài buổi tối sau đó, lúng túng ngồi trên đệm của ghế sofa. “Ý tôi là thật là đáng tiếc cho các bạn, tôi nghĩ chắc là các bạn thất vọng lắm, nhưng với cá nhân tôi, tôi cũng lấy làm vui, có phải vậy không anh?”

Shep, sau khi ngáp ngừng nhấp một ngụm gin và tonic có đá làm cho răng cửa bị buốt khi đá chạm vào, anh ta đồng ý như vậy.

Nhưng sự thật là anh ta không chắc chắn về một điều. Hàng tuần nay, với cố gắng bỏ April Wheeler ra khỏi đầu, anh ta đã phải tự khuấy khoả từ sự mơ tưởng hảo huyền trong viễn cảnh mười năm đã trôi qua: rằng vợ chồng Wheeler chuẩn bị từ châu Âu về, vợ chồng Campbell sẽ ra đón tận bến cảng, và trong khoảnh khắc April bước xuống ván cầu, anh ta nhìn thấy cô béo, lùn trong suốt cả thập kỷ vật lộn với việc kiếm kế sinh nhai. Má cô chảy xệ xuống tận cằm, cô đứng đó, đi như một người đàn ông và nói chuyện theo cách xiên xỏ, châm biếm với một điệu thuốc ve vẩy trên môi. Bất cứ khi nào ảo mộng này làm anh ta dao động, anh ta lại tự bằng lòng an ủi bản thân mình với một loạt những hình ảnh duy nhất không hoàn hảo hiện tại của cô (cô quá nặng nề khi bước qua cái xà; giọng nói của cô quá chói khi cô căng thẳng; nụ cười của cô có một cái gì đó căng thẳng và giả tạo), và mỗi khi anh ta nhìn thấy một cô gái xinh đẹp, trên bãi biển hay ở chỗ nút đèn giao thông trên đoạn đường hàng ngày anh ta phải lái xe đi làm ở Stamford và khi về, anh ta sử dụng hình ảnh của cô để củng cố niềm tin là trên đời này còn rất nhiều những người phụ nữ hấp dẫn hơn, xinh đẹp hơn, thông minh hơn, ưa nhìn hơn April Wheeler. Cũng qua giai đoạn này anh ta tự rèn luyện mình yêu thích Milly hơn bình thường. Anh ta dành vô số thời gian để quan tâm đến cô ta; một lần anh ta mua một chiếc áo đắt tiền ở một cửa hàng tốt nhất ở Stamford và mang về nhà tặng cô (“Ý anh là gì, để làm gì? Vì em là người con gái của anh, điều này là để...”), và anh ta tận hưởng hình ảnh cô ta thả mình thanh thản trong sự ôm ấp của anh ta.

Và bây giờ tất cả đều như bị bắn xuống địa ngục. Vợ chồng Wheeler sẽ không đi đâu cả. Milly ngồi đó, đang tán gẫu về việc mang thai, trong chiếc áo mới đã bị mất một chiếc cúc và xám xịt quanh nách; April Wheeler đẹp và dễ chịu hơn bao giờ hết. Anh ta hắng giọng. “Vì vậy các bạn tính toán là các bạn sẽ chắc chắn ở lại đây?” Anh ta hỏi. “Hay là bạn chuẩn bị chuyển đến một ngôi nhà khác to hơn hay là gì nữa?”

“Ah,” Jack Ordway nói. “Ra vậy. Hồng việc do mang thai ngoài ý muốn. Được thôi, Frank, tôi không thể nói tôi xin lỗi. Chắc hẳn anh đã rất nhớ nơi đây trong văn phòng cũ kỹ này, tôi chắc là như vậy đấy. Ngoài ra...” anh ta lịch sự ngả người về phía sau trong chiếc ghế xoay cột kẹt rồi bắt chéo chân - “ngoài ra, mong anh bỏ qua, kế hoạch châu Âu nghe như không thực tế, một cái gì đại loại như vậy. Đó không phải là việc của tôi, đương nhiên rồi”.

“Kéo ghế đi Frank,” Bart Pollock nói. “Anh có ý tưởng gì không?”

Đó là một ngày nóng nhất trong năm, một thể loại ngày mà mọi người trên tầng 15 bàn tán về việc thật đáng hổ thẹn khi một công ty như Knox không có điều hoà, thậm chí Frank cũng đã nghĩ rằng phòng làm việc riêng của Pollock là phải có. Ở trên tầng 20 này, chắc sẽ mát hơn. Anh nghĩ Pollock sẽ đứng dậy chào anh, có thể là sẽ sai bước qua thảm vờn tay ra bắt, và ngay khi hoàn thành xong những nghi thức (“Frank, tôi hết sức hài lòng...”) họ có thể dời buổi họp sang chỗ của Tom Collines trong một phòng uống cocktail có điều hoà. Thay vào đó họ ngồi chết cứng và chán nản dưới tiếng vo vo đến bực mình của chiếc quạt điện. Căn phòng trông nhỏ hơn so với nhìn từ bên ngoài, và Pollock, mặc một chiếc áo mùa hè rẻ tiền đáng ngạc nhiên đến nỗi có thể nhìn thấy đường viền của chiếc áo lót ướt đẫm, trông giống như một nhân viên bán hàng đã kiệt sức hơn là một người quản lý hàng đầu. Bàn làm việc của ông ta, mặc dù đủ rộng và mặt bàn bằng kính, buồn tẻ như những đồng giấy tờ lộn xộn trên mặt bàn làm việc của Frank vậy. Chỉ duy nhất có sự thể hiện đẳng cấp là một cái khay bằng bạc đựng một cái tég-mốt nhỏ chắc chắn để đựng nước đá và một cái cốc vaj, và nếu quan sát cẩn thận thì sẽ thấy tất cả những đồ vật đơn giản này được khoác một lớp bụi mỏng.

“Mm,” ông ta nói khi Frank kết thúc. “Được thôi. Thế là tốt. Cá nhân tôi rất vui vì anh đã đến với quyết định này. Và bây giờ, đương nhiên, như tôi đã nói với anh...” ông ta nhắm đôi mắt ốc nhồi và dụi nhẹ mi mắt. Mọi thứ đều ổn. Chỉ vì không có một ai có thể mừng rỡ trong một căn phòng như thế này, vào một ngày như thế này; và ngoài ra, những gì mà họ đang nói, cuối cùng vẫn là công việc. “Như tôi đã nói với anh hôm ăn trưa, toàn bộ dự án vẫn còn trong giai đoạn phát triển. Thỉnh thoảng tôi sẽ gọi anh đi họp khi công việc tiến triển; trong lúc này tôi khuyên anh tiếp tục với những gì anh nói nhỉ, những mẫu quảng cáo của anh. Tôi sẽ liên lạc với Ted và nói với ông ta rằng anh đang làm cho tôi mấy việc. Đó là tất cả những gì mà ông ta cần biết trong thời điểm hiện tại. Có phải vậy không?”

“Anh chị thay đổi gì cơ?” Bà Givings nhìn mặt sợ sệt nói vào trong những cái lỗ màu đen của điện thoại. Bà sắp hết một ngày với nhiều cố gắng và ảm đạm, toàn bộ buổi chiều đã dành cho Greenacres - đầu tiên là ngồi hàng giờ liền không thể chịu đựng nổi trên những chiếc ghế dài ở hành lang được tẩy trùng và đánh bóng, đợi chờ một cuộc hẹn với bác sĩ của John, rồi ngồi trong một sự im lặng đầy bất hạnh bên cạnh bàn của bác sĩ trong khi ông ta nói với

bà về thái độ ứng xử của John trong một vài tuần qua “không lấy gì làm tích cực, tôi e là như vậy,” và rằng “tôi nghĩ chúng ta nên tạm dừng những chuyến đi chơi trong một thời gian, khoảng năm hay sáu tuần gì đó”.

“Nhưng con tôi hoàn toàn ổn khi đi với chúng tôi”, bà đã nói dối. “Đó là những gì mà tôi sắp nói với ông. Ôi, sự việc hơi quá một chút trong lần vừa rồi, như tôi đã nói, nhưng nhìn chung dường như con tôi rất thoải mái. Rất vui vẻ”.

“Vâng, nhưng thật không may, chúng tôi chỉ có thể tiến hành trên cơ sở của chúng tôi, à, với những gì chúng tôi quan sát thấy ở trong bệnh viện. Hãy nói cho tôi biết, cậu ta tỏ vẻ thế nào về những chuyến ghé chơi? Cậu ta cảm thấy như thế nào khi mỗi lần cậu ta quay trở lại bệnh viện?”

“Con tôi không thể dễ chịu hơn được. Thật sự, thưa bác sĩ, con tôi có thiện chí và hợp tác như một chú cừu con vậy”.

“Vâng,” và bác sĩ đã nhận ra cái ghim cài cà vạt đáng ghét. “Thật ra, thật sự, bà biết đấy, có sẽ dấu hiệu tích cực hơn nếu cậu ta thể hiện một vài sự miễn cưỡng. Hãy nói theo cách...” ông ta cau mày khi nhìn vào quyển lịch - “Hãy nói theo cách ít nhất phải chờ đến tận chủ nhật đầu tiên của tháng chín. Rồi chúng ta hãy thử lại”.

Ông ta có thể nói là sẽ mãi mãi. Vào chủ nhật thứ nhất của tháng chín, với khả năng này, vợ chồng Wheeler sẽ đang trên đường sang nửa bên kia của thế giới. Bây giờ, cảm thấy vô cùng mệt mỏi, bà gọi điện sang vợ chồng Wheeler để hủy lần ghé chơi tiếp theo mà họ đã lên kế hoạch - bà cũng sẽ phải tìm ra những lý do khác để hủy những lần ghé chơi của những chủ nhật tiếp theo kể từ bây giờ - và April Wheeler, với giọng nói nhỏ nhẹ và rất xa, đang cố nói với bà rằng sự việc đã thay đổi. Tại sao mọi chuyện lại luôn thay đổi, vào lúc tất cả các bạn đều muốn, vào lúc tất cả các bạn đã từng hạ thấp để cầu xin Chúa ban phúc cho bất kể điều gì, liệu đó có phải là những điều chắc chắn được phép được giữ nguyên?

“Thay đổi cái gì của chị?...” Rồi cùng một lúc bà Givings nhận thấy máu trong tĩnh mạch mình đang chảy. “Ôi, thay đổi kế hoạch của anh chị. Ôi, vậy thì anh chị chưa sẵn sàng bán...” và bút chì của bà bắt đầu vạch một hàng những ngôi sao năm cánh màu đen ở trên cùng của cuốn sổ xé, vẽ những ngôi sao với một sự bức tức kinh khủng đến nỗi những hình thức tươi vui

của chúng in hằn lên trên những trang giấy tiếp theo. “Ôi, tôi rất vui khi nghe thấy điều đó, April. Thật sự, đây là một tin tuyệt vời với chúng tôi, rồi...”. Bà sợ rằng thậm chí bà có thể khóc; nhưng may mắn thay việc April đang xin lỗi vì hiện tại “tất cả những rắc rối vì bà đã phải quảng cáo bán nhà trên thị trường,” cho bà có cơ hội đáp lại trong tiếng cười thắm rộng lượng, dễ chịu của một phụ nữ kinh doanh. “Ôi, xin đừng nói thế. Thật sự không có vấn đề gì cả... Được thôi,... Tốt thôi... April... Được mà. Chúng ta sẽ liên lạc với nhau”.

Khi bà để ống nghe xuống như thể bà đang trả lại một viên ngọc quý hiếm vào cái hộp đựng bằng nhung vậy.

Một giấc mơ xấu hay một con chim đang réo lên, và cả hai làm cho anh tỉnh giấc từ sáng sớm và lấp đầy trong anh một cảm giác khiếp đảm - một cảm giác về hơi thở và việc chớp mắt tỉnh ngủ làm cho anh nhận thức lại về một nỗi đau, một gánh nặng của một tin xấu của ngày hôm qua mà việc ngủ chỉ làm vui nhẹ trong chốc lát. Phải mất đến một phút anh mới nhớ ra đó là một tin tốt, không phải là tin xấu: ngày hôm qua là ngày cuối cùng của tuần đầu tiên trong tháng tám. Thời hạn đã đến và đã đi. Chiến dịch đã kết thúc, anh đã thắng.

Anh nhắc mình lên, tựa vào khuỷu tay để nhìn cô trong ánh đèn xanh - cô quay đi với khuôn mặt được giấu dưới tóc - nép sát vào lưng cô là cánh tay đang ôm của anh. Anh muốn giữ cho khuôn mặt mình một nụ cười mãi nguyên và tay chân anh cảm thấy hoàn toàn thoải mái, nhưng nó đã không được như vậy. Một nửa giờ sau anh hoàn toàn tỉnh hẳn, muốn hút thuốc và ngắm mặt trời đang lên.

Điều kỳ lạ là trong tuần qua hay trong khoảng đó họ đã không nhận ra. Mỗi buổi chiều anh về nhà chuẩn bị sẵn sàng chặn đứng tất cả những vấn đề tranh luận vào phút cuối mà cô có thể nêu ra - anh thậm chí còn không uống rượu nữa - nhưng mỗi tối họ có thể nói chuyện với nhau về những vấn đề khác hoặc không nói gì cả. Tối qua cô sắp chân bàn là trước vô tuyến và là quần áo ở đó, ngược lên mỗi giây từ chỗ ống hơi và lướt miếng sắt để là li, nhăn mặt, ở bất kỳ một cảnh vui nhộn nào xuất hiện trên màn hình.

Anh muốn nói chuyện về vấn đề gì? Nét mặt cô dường như muốn nói như vậy, để đáp lại cái nhìn chăm chăm không thoải mái của anh từ phía bên kia của căn phòng. Có gì để nói không nhỉ? Chẳng phải chúng ta đã nói đủ rồi

hay sao?

Khi cô tắt vô tuyến và cuối cùng là cuộn chân bàn là lại, anh đi lại và cầm tay cô.

“Em có biết điều này là gì không?”

“Điều này là điều gì? Anh muốn nói gì?”

“Ngày hôm nay... Là ngày cuối cùng của... em biết rồi đấy. Nếu em quyết tâm làm chuyện đó, hôm nay là ngày cuối cùng để em làm chuyện đó”.

“À, vâng. Em cũng nghĩ là như thế”.

Anh vỗ nhẹ vào vai cô, cảm thấy lóng ngóng. “Em không hối tiếc chứ?”

“Thật ra,” cô nói, “Em nghĩ rằng em không nên nói gì, phải vậy không? Hơi muộn để làm chuyện đó rồi, phải vậy không?” Cô mang chân bàn là đi một cách khó chịu, một trong những cái chân đu đưa, và cô đang đi về phía cửa bếp trước khi cho anh cơ hội có thể giúp cô. Anh nhảy đến bên cô.

“Đề anh mang cho”.

“Ôi, cảm ơn anh”.

Khi vào giường, không một lời, họ lặng lẽ yêu nhau, một tình yêu chín muồi, đúng mực và thật nồng nàn. Điều cuối cùng anh nói trước khi rơi vào giấc ngủ là, “Em này, mọi việc rồi sẽ ổn thôi”.

“Em hy vọng thế,” cô thì thầm, “Em hy vọng thế; rất nhiều”.

Thế là anh đã thả mình vào giấc ngủ, và bây giờ anh tỉnh dậy.

Anh tỉnh dậy và đi quanh ngôi nhà tĩnh mịch. Phòng bếp rực sáng với ánh mặt trời mọc - đó là một buổi sáng đẹp trời - và quyển lịch đã không còn nghĩa lý gì nữa. Nó được treo lên ở đó, qua nét lịch sự nhã nhặn của A.J. Stolper và con trai, một loại giấy tờ chỉ có tác dụng với việc nhắc nhở lịch thanh toán các hoá đơn và làm những cuộc hẹn với bác sĩ nha khoa. Ngày và tuần có thể trôi qua mà không cần phải có sự quan tâm của một ai; một tháng

có thể biến mất trước khi có ai đó nghĩ là cần phải bóc lịch cho tháng trước đó.

Franklin H. Wheeler rót cho mình một cốc nước cam lạnh, màu của mặt trời, và uống nó từ từ ở bàn ăn, vì anh sợ rằng nó sẽ làm cho anh bị ốm nếu anh uống hết liền một lúc. Anh đã thắng nhưng anh lại không có cảm giác của người chiến thắng. Anh đã thành công trong việc lấy lại định hướng của cuộc đời nhưng anh cảm thấy mình giống như một nạn nhân trong thế giới của sự lãnh đạm. Điều đó thật không công bằng.

Nay ngồi ở bàn, anh chỉ dần phân loại và xác định được điều gì đã khiến anh bị ám ảnh khi thức giấc, điều gì đã làm cho anh bị nghẹn lại với cốc nước cam và hiện giờ không cho anh tận hưởng niềm vui với bãi cỏ xanh tươi, cây cối và bầu trời phía bên ngoài cửa sổ.

Đó là vì anh chuẩn bị có thêm một đứa con nữa, và anh không chắc là anh có muốn không.

“Biết được những gì bạn có, phẩy,” một giọng nói vang lên của việc tua lại máy chính tả, “biết những gì bạn cần, phẩy, biết những gì bạn có thể làm mà không cần, gạch ngang. Đó chính là quản lý hàng hoá tồn kho.

“Xuống dòng...”.

Thế là đã qua giữa tháng tám, và hai tuần đã trôi qua kể từ buổi nói chuyện cuối cùng với Pollock, hay có thể ba; thời gian, bây giờ anh đã vượt qua được việc cần thiết phải kiểm tra và chia nhỏ thời gian, đã lại bắt đầu đi qua anh. “Ý em là đã lại thứ sáu rồi?” anh cứ nghĩ mới chỉ là thứ ba hay thứ tư gì đó, và phải mãi cho đến tận bữa trưa hôm nay, khi anh đi ngang qua một quầy hàng trưng bày những chiếc lá mùa thu và lời quảng cáo QUAY TRỞ LẠI TRƯỜNG, anh nhận ra mùa hè đã kết thúc. Chẳng bao lâu đã đến lúc phải mặc áo cao cổ, và rồi sẽ lại đến Giáng sinh.

“Việc chính mà anh phải làm bây giờ là,” anh vừa mới giải thích cho April, “là phải hoàn thành một sê-ri các đoạn thu. Ý anh là anh không thể nói chuyện với ông ta về tiền cho đến khi anh hoàn thành công việc, có phải vậy không?”

“Không, em không nghĩ thế. Anh đã biết hết rồi mà”.

“Thật ra, anh không thể. Ý anh là chúng ta không thể mong chờ một sự thay đổi nhiệm màu chỉ qua một đêm với một việc như thế này; đó là một việc không thể vội được”.

“Em có giống như đang thúc giục anh không? Thật sự, Frank; có bao nhiêu cách để em có thể nói với anh? Nó hoàn toàn phụ thuộc vào anh”.

“Anh biết,” anh nói. “Anh biết, dĩ nhiên là anh biết. Dù sao, anh muốn hoàn thành cái mớ công việc ngớ ngẩn đó càng sớm càng tốt. Có thể anh sẽ về muộn trong một vài tối trong tuần này để hoàn thành công việc”.

Và anh hầu như đều về muộn suốt từ thời gian đó đến giờ. Anh thích ăn tối một mình ở thành phố rồi thả bộ vào buổi tối trước khi lên tàu. Nó cho anh khoảnh khắc được độc lập, tự do giữa những người đi làm; và ngoài ra, dường như đó là một việc làm cần thiết cho một cuộc hôn nhân mới, chín muồi và không theo cảm tính chắc chắn sẽ theo họ từ bây giờ.

Vấn đề duy nhất là đoạn quảng cáo thứ hai này đã trở nên khó hơn đoạn thứ nhất. Anh đã kết thúc nó hai lần, và mỗi lần anh lại phát hiện ra khe hở về logic hoặc sự nhấn mạnh dường như phải xem lại toàn bộ.

Đồng hồ ở văn phòng chỉ 5:45 phút khi anh lắng nghe băng tua lại đến lần thứ ba và lần kiểm tra cuối cùng, và sự yên lặng phía bên ngoài phòng làm việc đã chứng tỏ thậm chí với những người làm việc tận tâm nhất ở tầng 15 thì họ cũng đã về; chẳng mấy chốc nhóm người dọn dẹp sẽ đến với giẻ lau nhà và xô chậu. Khi máy thu âm phát ra tiếng kêu o o kết thúc anh cảm thấy khá kiệt sức. Công việc không tốt lắm nhưng nó sẽ là như vậy. Bây giờ anh có thể ra về và sẽ uống một chút trước bữa tối.

Anh cúi xuống tắt máy khi tiếng đế giày của phụ nữ vang lên ở lối đi phía bên ngoài. Anh biết ngay lập tức đây là Maureen Grube, rằng rất có thể cô ta cố tình về muộn để được ở gần anh, và rằng anh sẽ đưa cô ta đi ăn tối. Dường như không quan trọng phải nhìn ra lối đi khi cô ta đi qua; thay vào đó anh vẫn khom vai qua máy Chính tả, lén nhìn ra phía bên ngoài. Chính là Maureen, được thôi; cái nhìn thoáng qua của anh đã khẳng định điều đó. Đủ để chỉ cho anh thấy tà váy lót ve vẩy một cách nhịp nhàng qua đường xẻ theo đường viền của chiếc váy juyp theo từng bước đi, và rằng khuôn mặt cô ta, tế nhị ngoảnh đi như anh, hoàn toàn không thèm liếc vào nhìn anh.

Bước chân cô ta dần xa, và khi anh tin chắc chờ đợi những bước chân quay trở lại, anh đặt máy thu ở chế độ “bắt đầu” và ngả người ra sau ghé để lắng nghe. Theo cách đó anh có thể tự nhiên nhìn ra lối đi, vẫn thể hiện hoàn toàn chính đáng với công việc, khi cô ta lại đi qua.

“Một bản sao cho Phòng đánh máy,” máy thu nói. “Tiêu đề: Bàn về Quản lý Kiểm kê hàng hoá, ngoặc đơn, kiểm tra lần thứ ba. Xuống dòng. Biết những gì bạn có, phẩy, biết những gì bạn cần, phẩy, biết những gì bạn có thể làm mà không cần, gạch ngang. Đó là...”.

“Ôi,” cô ta dừng ngay trước tầm nhìn của anh, và sự thể hiện ngạc nhiên cẩn thận của cô ta phần nào bị vô hiệu hoá bởi việc ửng đờ vì thẹn choán hết mặt và cổ. “Chào anh Frank. Anh làm việc muộn à?”

Anh tắt máy và chậm chạp tiến về phía cô ta với dáng vẻ của một người buồn ngủ, luộm thuộm biết chắc là mình đang làm gì.

“Chào em,” anh nói.

CHƯƠNG III

Vào mỗi tối thứ sáu và thứ bảy, “Vì sở thích nhảy của bạn”, ban nhạc bốn người Steve Kovick chơi ở Nhà gỗ của Vito, trên Đại lộ số 12, và vào mỗi hai tối đấy (Steve nói, nhảy mắt qua ly whiskey gừng), đám đông thật sự muốn nhảy.

Piano, bass, kèn saxô têno và trống, họ kiêu hãnh với dàn nhạc đa dụng này. Họ có thể chơi bất cứ thứ gì họ muốn, theo bất kỳ phong cách nào mà họ đặt tên, và để đánh giá được niềm vui sướng đang quay tít trong mắt họ, họ không hề khái niệm được thế nào là những nhạc công cấp thấp như họ. Trong thành viên hỗ trợ của Bộ tứ, sự kém nhận thức có thể được bỏ qua với những lý do thiếu kinh nghiệm hay nghiệp dư hay là cả hai, nhưng khó bỏ qua hơn với người lĩnh xướng, tay chơi trống. Một người có quai hàm chán nản, lỗ mãng, lè nhè, khoảng bốn mươi tuổi, là một người chơi chuyên nghiệp trong vòng hai mươi năm mà chưa hề một lần đi học thực sự. Được áp ủ và hoạt động một cách khéo léo từ những ngày đầu ghi âm và trong những bộ phim của Gene Krupa, anh ta đã dành những giờ khắc hạnh phúc duy nhất của tuổi trẻ trong tình trạng bị thôi miên bởi việc bắt chước những người anh ta tôn sùng - những tiếng đập đầu tiên một cách có chủ ý vào những cuốn điện thoại và vào đấy những xoong bị úp ngược, sau đó là sử dụng một bộ trống thực sự trong cảnh mồ hôi ướt đẫm và bốc mùi dầu trong buổi tập thể dụng cụ ở trường cấp 3 - cho đến tận một đêm tháng sáu ở năm học cuối cấp khi những người khác của ban nhạc dừng chơi, hàng trăm cặp tình nhân đứng chết cứng, và Steve Kovick cảm thấy tất cả niềm vui sướng đè nặng lên cái đầu đang đung đưa và đang nghiền ngẫm trong khi anh ta đánh thêm ba phút solo nữa. Nhưng tiếng xúng xoảng của cái chũm chọe anh ta dùng để kết thúc bài diễn đã đánh dấu đỉnh cao và phá hủy tài năng của anh ta. Anh ta không bao giờ còn chơi trống hay được như thế nữa, anh ta không bao giờ lại được bốc cháy với sự ngưỡng mộ nữa hay cũng như không bao giờ lại điên rồ tin rằng anh ta luôn tuyệt vời và ngày càng tài năng hơn. Thậm chí, kể cả bây giờ, ở một quán bia-và-pizze tối tệ như Nhà gỗ của Vito, có một điệu bộ oai vệ cầu thả ngáng trở anh ta đứng, cách mà anh ta nhìn mặt với sự sắp xếp của que chỉ huy, chôi và chũm chọe kép và rồi nhìn sẫm soi, cau lông mày lại, để hoài nghi liệu đèn pha có thể được chỉnh một phần của một inhsơ trước khi anh ta ngồi xuống; và có sự hạ mình trau chuốt

ngáng trở anh ta đánh qua khúc dạo đầu bằng điệu fôxtrot, hay điều khiển những cái trống bầu vào những lúc nghỉ kiểu Mỹ Latinh; bất kỳ một ai đều có thể nói anh ta chỉ làm cho qua ngày, chờ đợi đến lúc anh ta nói ban nhạc chơi tự do trong một những điệu nhảy kiểu Benny Goodman cổ xưa.

Chỉ khi đó, một hay hai lần một giờ, anh ta dành toàn bộ tâm trí cho công việc. Để đánh được trống bass như thể bạt tai từng khách hàng trong nhà hàng, làm điều ngớ ngẩn nhất với dây căng trống và trống com, anh ta có thể cởi phăng quần áo trong chiến thắng của một tài năng bị đặt không đúng chỗ và chơi không ngừng cho đến khi tóc anh ta ướt đầm mồ hôi và làm cho anh ta yếu ớt và hạnh phúc như một đứa trẻ.

Những khách hàng quen của Ngôi nhà Gỗ vào những đêm nhảy hầu hết là những học sinh cuối cấp (đó là ban nhạc cổ lỗ sĩ nhất trên đời nhưng là ban nhạc sống duy nhất có trong vùng, ngoài ra, không có gì khác và họ có thể phục vụ bạn mà không kể tuổi tác và học có một chỗ đỗ xe hấp dẫn và tối). Anh nhóm người hời hợt gồm những người bán hàng trong vùng và nhà thầu đang ngồi trong trạng thái cười không ngớt với những cánh tay ôm vợ, họ cảm thấy trẻ lại khi nhìn thấy bọn trẻ phấn khích. Đôi khi cũng có hiện tượng thô bạo, những anh chàng mặc áo da đen, đi ủng thường trượt đứng trong góc bốc mùi nước tiểu gần phòng vệ sinh nam, tay rút túi quần, quan sát các cô nàng, mắt nheo lại, đầy vẻ đe dọa và liên tục đi vào nhà vệ sinh để chải đầu và chải lại đầu; những khách quen, cô đơn, trung niên và hình như vô gia cư, độc thân hoặc những người có gia đình không tương xứng đến Ngôi nhà Gỗ hằng đêm, dù có nhạc hay không, để uống và cảm xúc dưới hình ảnh gây cười, ô ưế trong một quán bar quê mùa.

Không thường xuyên, trong hai năm qua, câu lạc bộ nhảy ban đêm có một đội bốn thanh niên vô cùng hài hước không thuộc về một nhóm cụ thể nào cả: Vợ chồng Campbell và vợ chồng Wheeler. Frank phát hiện ra chỗ này ngay sau khi chuyển về sống ở ngoại ô - phát hiện ra quán này trong tình trạng say khướt vào một đêm sau khi cãi nhau với vợ, và ngay sau đó lại đưa vợ mình đến nhảy mỗi khi vợ chồng hạnh phúc.

“Chắc là các bạn chưa đến Ngôi nhà Gỗ?” anh hỏi vợ chồng Campbell khi họ vừa mới quen nhau, và April đã nói, “Ôi, anh, chắc là mọi người sẽ ghét chỗ đấy lắm. Nó thật khủng khiếp”. Vợ chồng Campbell nhìn nhau với nụ cười không xác định, sẵn sàng yêu hay ghét hay tán thành bất kỳ một ý kiến nào để có thể làm hài lòng vợ chồng Wheeler nhất.

“Không, anh không nghĩ là mọi người sẽ ghét nó,” Frank nài nỉ. “Tôi cá là mọi người sẽ thích. Nó có một không khí rất riêng, đó là tất cả. Ý tôi là những việc diễn ra ở Ngôi nhà Gỗ, bạn biết đấy,” cuối cùng anh giải thích cho họ, “thật khủng khiếp đến mức có thể coi là dễ thương”.

Đầu tiên, qua mùa xuân và mùa hè của năm 1953, thỉnh thoảng bốn người bọn họ đã đến đây, như để được cười nhạo hơn là đến để giải trí; nhưng với mùa hè sau đó họ đã lao đến đó giống như một thói quen rẻ tiền, xấu, và chính việc nhận thức được sự thoái hoá, giống như những người khác, đã mang đến ý tưởng thành lập Nhóm Diễn Laurel, hấp dẫn một cách đặc biệt ở mùa đông năm ngoái. Khi *Rừng Hoá đá* đi vào diễn tập, sự có mặt của họ ở Ngôi nhà Gỗ hầu như bị bắt dằn (có những nơi khác, yên tĩnh hơn để uống trên đường từ trường về nhà), và trong thời gian dài khó khăn kể từ thất bại của vở kịch họ đã không đến đây - cứ như thể nếu đến đó thì sẽ là sự thừa nhận của sự thất bại phẩm hạnh.

Nhưng “Thế thì đã sao,” Frank đã nói như vậy tối nay, sau mọi cố gắng đàm thoại trong phòng khách nhà Campbell đuối dần và lặng hẳn, “tại sao chúng ta không nghỉ một lát và đi đến Ngôi nhà Gỗ nhỉ?”

Và thế là họ đã đến đây, một nhóm bốn người lặng lẽ gọi hết lượt này đến lượt khác, đứng dậy và tách nhau ra để nhảy, quay về chỗ ngồi và lặng lẽ lắng nghe tiếng kèn theo nhịp nhảy. Nhưng trên tất cả, sự vụng về tối nay cảm giác thoát được sự căng thẳng một cách kỳ cục, hoặc ít nhất nó cũng dường như là như vậy đối với Frank. April tách biệt và khó hiểu, tách biệt khỏi nhóm như trong thời gian tồi tệ cô đã từng bị rơi vào trong những ngày xa xưa, nhưng sự khác biệt là bây giờ anh từ chối không muốn lo lắng về điều đó nữa. Ngày trước anh có thể đã nói và tự cười với mình vì phải cố để có được một nụ cười tình tứ của cô, hoặc là phải hết sức cố gắng để chuộc lỗi với vợ chồng Campbell về sự khiếm nhã của cô (vì rốt cuộc đó là những gì tương tự như vậy, cô ngồi đó giống như một nữ hoàng nào đó với cổ cao và hàng mi dày giữa những người bình dân - một sự khiếm nhã rất tồi tệ); thay vào đó anh bằng lòng với việc thư giãn trên ghế, một tay đập nhẹ vào bàn theo tiếng gõ của Steve Kovick, đưa ra một vài lời nhận xét hài hước trong khi miên man với những suy nghĩ của riêng mình.

Vợ mình không vui à? Thật là đáng tiếc, nhưng, cuối cùng thì đây là vấn đề của cô ấy. Anh cũng có một vài vấn đề mà. Cách suy nghĩ dứt khoát này,

không cảm thấy tội lỗi hay bối rối, thật mới lạ và thoải mái như bộ vét nhẹ mùa thu của anh (một bộ vét bằng vải gabardine bóng màu vàng nâu đậm dễ chịu, một mẫu vét dành cho người quản lý cấp thấp, có thắm mỹ hơn, trẻ hơn bộ vét của Bart Pollock đã mặc.) Việc tiếp tục quan hệ với Maureen đã giúp anh lấy lại lòng tự trọng, đến nỗi khuôn mặt anh tình cờ nhìn thấy trong gương những ngày gần đây mang lại cho anh một cái nhìn cân bằng, không bối rối. Đây có thể không phải là khuôn mặt của người anh hùng nhưng nó cũng không phải là khuôn mặt của một cậu bé tự thương xót mình hay là khuôn mặt của một người chồng lo lắng đáng thương; đó là khuôn mặt của một người có quyền lực, vững vàng với một vài suy tính, và đúng hơn là, anh thích nó. Việc quan hệ với Maureen chắc hẳn sẽ phải đi đến hồi kết phong nhã sớm - mỗi quan hệ đã đạt được mục đích - nhưng trong lúc này anh cảm thấy anh được quyền nhấm nháp mỗi quan hệ này. Rằng, trên thực tế, những gì anh đang làm là, cho phép tiếng trống tình ái phát ra từ cái trống com của Steve Kovick, làm cho anh nhớ lại cái hông của cô ta, nhìn chăm chăm một cách giễu cợt vào vòng xoáy của người nhảy khi anh rơi vào trạng thái của nỗi nhớ xác thịt.

Trong ba lần cuối, vào các buổi tối khi họ không thể sử dụng căn hộ của cô ta vì bạn cùng phòng ở nhà, cô ta với sự sốt sắng đến ngạc nhiên đã đồng ý để anh đưa đến khách sạn. Ăn danh và an toàn sau một cái cửa có hai lần khoá trong một toà nhà có điều hoà, họ đã ăn sườn cừu và uống rượu được phục vụ tại phòng trong khi tiếng giao thông của khu giữa thành phố vắng vắng từ hai mươi tầng phía dưới; họ đã say sưa trong chiều sâu của chiếc giường vừa rộng, vừa dài và đắm mình sạch sẽ trong bọt xà phòng ở buồng xông hơi của phòng tắm được chất đầy khăn tắm; và mỗi lần, khi cuối cùng, anh đưa cô ta vào trong taxi và một mình quay trở lại nhà ga trung tâm, anh muốn cười thật to vì cảm giác được lấp đầy một cách hoàn hảo sự mơ mộng đạt tiêu chuẩn của một người đàn ông đã có vợ. Không bức tức, không phức tạp, mọi thứ đều được để lại phía sau trong một căn phòng sắp lộn nhào với cái tên của một người nào khác, và tất cả mọi thứ được cuộn lại đúng lúc để bắt được nhịp mười... mười bảy. Quá tốt để trở thành hiện thực, giống như những câu chuyện đầu đầu mà những người lính già hơn, kinh nghiệm hơn một lần đã nói với anh về ba ngày quan hệ với những cô gái ở hội Chữ Thập đỏ. Chuyện đó không thể kéo dài lâu hơn, dĩ nhiên là thế, và cũng sẽ không thể. Trong lúc này...

Trong lúc này, tất cả trong giai điệu chậm sắp đến và giai điệu sau đó, anh đã thân mật nhảy với Milly Campbell. Cô ta là một món luộm thuộm, ngớ ngẩn

trong tay anh và cô ta nói chuyện thật ngốc nghếch (“Chúa ơi, anh có biết điều này không, Frank? Tôi không nghĩ rằng tôi đã uống nhiều như thế này trong nhiều năm nay...”), nhưng anh sợ rằng nếu anh nhảy với April bây giờ, cô chỉ có thể nói rằng, “Thật kinh khủng; thôi về đi anh,” và anh không thích như thế. Anh cũng không bận tâm khi phải về nhà một mình, nếu như điều đó có thể xảy ra (anh tưởng tượng ra bản thân mình chuẩn bị gọn gàng đi ngủ với sách, mũ mềm đội cho ấm, với phong cách của một người độc thân); ngoài ra anh đã đủ hạnh phúc để ở lại cái nơi sống động, lộn xộn này, nơi mà đồ uống thật rẻ và ban nhạc đủ lớn và anh thấy sự bình yên trong nội tâm bằng việc cảm nhận tất cả quần áo của mình thật mới và vừa vặn làm sao.

“Chúa ơi, Frank, tôi sợ rằng tôi không... xin lỗi”. Milly đi lảo đảo thăm hại về phía nhà vệ sinh nữ, làm cho anh có cơ hội đáng được hưởng một ly yên tĩnh một mình ở quán bar. Khi cô ta đi ra, một lúc lâu sau, cô ta trông kiệt sức và tái xám dưới ánh đèn xanh. “Chúa ơi”. Cô ta cố gắng cười, bốc mùi nôn mửa. “Tôi nghĩ Shep và tôi nên về nhà, Frank. Tôi nghĩ tôi bị ốm hay bị làm sao đó. Tôi nghĩ tôi là một người đồng hành khờ dại; chắc hẳn tôi...”.

“Đừng có ngốc nghếch như thế. Đợi một chút, để tôi gọi Shep”. Anh nhìn kỹ, chóng mặt vào căn phòng toàn người nhảy cho đến khi anh túm được cái cổ đồ to của Campbell và cái đầu bé nhỏ của April đang di chuyển dọc theo bức tường đằng xa; anh gạt đầu ra hiệu khẩn cấp, và ngay lập tức cả bốn người bọn họ đi lạo xạo trên sỏi ở phía bên ngoài, lạc lối trong một biển tối om toàn xe ô tô.

“Đường nào nhỉ...?”

“Lối này... Đây rồi...”.

“Em không sao chứ?”

“Tối quá...”.

Những mũi xe ô tô đầu cao bóng mượt làm thành một bề mặt gọn sóng trải dài trong bóng tối theo mọi hướng; phía dưới là những dãy lò mờ vô tận của chấn bụn và rìa xe, của những cái hãm xung phòng lên phức tạp và những phen sắt với vô số những điểm được phản chiếu của bóng đèn nê-ông. Cùng lúc, khi Frank cúi xuống đánh diêm tìm đường, ngọn lửa chỉ cách mặt anh vài inhsơ làm cho anh rụt lại vì đau - anh giật mình thấy một đôi tình nhân

trong một chiếc xe - anh vội vàng biến vào bóng tối sang hàng tiếp theo, và nói, “Chúng ta để xe ở đâu nhỉ? Có ai nhớ không?”

“Đây rồi,” Shep kêu lên. “Phía đằng này, ở hàng cuối cùng. Ôi, nhưng Chúa ơi, xe của tôi bị tắc ở trong này rồi”. Anh ta đỗ chiếc xe Pontiac đồ sộ sát vào một cái cây, nhiều giờ trước đó. Bây giờ hai chiếc xe khác đứng ngay trước nó và không có chỗ đánh lái ra ở cả hai phía.

“Chúa ơi, thật là rắc rối...”.

“Thật đúng là đúng là không tính toán gì cả...”.

“Cái cây chết tiệt này...”.

“Nhìn này,” Frank nói. “Chúng ta vẫn còn một chiếc xe nữa; chúng ta có thể đưa Milly về nhà và sau đó đưa Shep quay lại đây, và có thể vào lúc đó chiếc xe sẽ...”.

“Nhưng có thể sẽ mất hàng giờ,” Milly nói yếu ớt, “và trong khi chờ đợi sẽ phải trả thêm tiền cho người giữ trẻ. Ôi, trời ơi”.

“Khoan đã,” Shep nói. “Chúng ta cùng đi về nhà bằng xe của anh; sau đó tôi sẽ mượn xe của anh và quay lại và - không, đợi đã...”.

“Nghe này,” giọng của April cắt ngang cái mớ hỗn độn với một uy lực làm cho tất cả bọn họ phải dừng lại. “Thật đơn giản. Anh đưa Milly về nhà, Frank, sau đó anh đi về nhà - và điều này giải quyết được vấn đề người trông trẻ - còn em và Shep sẽ đợi ở đây cho đến khi những chiếc ô tô kia ra về. Chỉ còn một cách như vậy thôi”.

“Được thôi,” Frank nói, rút chìa khoá đi lấy xe và sẵn sàng, “Mọi người đồng ý chứ?”

Điều tiếp theo mà Shep Campbell biết, khi ánh đèn hậu của chiếc xe Wheeler nhấp nháy xa dần về phía Đại lộ số 12, là anh ta đang đi bộ về phía Ngôi nhà Gỗ (nơi đang rộn ràng chuyển sang điệu van tình tứ và chậm rãi) với khuỷu tay thon nhỏ của April trong tay anh ta. Với tất cả những sự tương tượng tội lỗi, anh ta không bao giờ có thể có cơ hội tốt hơn để được ở một mình bên cô, và phần hài hước nhất là thậm chí anh ta không phải dàn dựng

chuyện này: chuyện này đã diễn ra theo logic duy nhất - ồ, không, đợi đã. Tâm trí hoang mang của anh ta làm việc rất căng thẳng để phân loại được khi họ bước từng bước dưới ánh đèn xanh đỏ. Đợi đã - tại sao cô ta lại không thể đưa Milly về nhà nhỉ, và để Frank ở lại đây? Chẳng phải đó cũng là một logic sao?

Cùng lúc đó anh ta cũng nhận ra họ đã gần đến chỗ sàn nhảy; cô trang nghiêm quay về phía anh ta, đôi mắt đọng lại trên ve áo anh ta, và điều duy nhất trong lúc này là nhẹ nhàng ôm lấy vòng eo của cô và đưa cô vào nhảy. Anh ta đã không thể mời cô khi cô dàn xếp sự việc theo cách này mà không phải là một kẻ khờ, và anh ta cũng không thể thừa nhận là cô đã dàn xếp nếu như không phải là một người thông minh hơn. Cho phép những ngón tay của mình ôm trọn một cách bền lễn vào tấm lưng nhỏ nhắn của cô và cái má nóng bỏng của anh ta đang tựa vào tóc cô, anh ta đi theo điệu nhạc và vô cùng biết ơn là sự việc đã được sắp xếp như thế này; không bao giờ nghi ngờ là nó đã được diễn ra như thế nào.

Nó cũng giống như mùa hè năm ngoái, nhưng nó còn thú vị hơn rất, rất nhiều. Lần trước là cô bị say, anh ta ôm chặt cô một cách đáng thương, đó hoàn toàn là điều mong muốn một chiều: chắc hẳn cô đã không biết mình đã cho anh ta một cơ hội như thế nào, và bằng chứng là cách cô ngửa cổ ra đằng sau để nói chuyện và tán gẫu trước mặt anh ta như thể họ đang ngồi đối diện nhau qua một cái bàn hay một thứ vớ vẩn nào đó, thay vì ôm nhau thật chặt như những tình nhân từ phần xương đòn trở xuống. Lần này cô không say rượu, hầu như cô không nói gì, dường như cô nhạy cảm như anh ta với mỗi cảm nhận tinh tế của xúc giác, với mỗi sự tìm kiếm thăm dò và chấp nhận rút lui ngưng nghỉ và lại tìm kiếm; nó là một cái gì đó còn lớn hơn cả việc trái tim rụt rè của anh ta có thể chịu đựng được.

“Em có muốn uống nữa không?”

“Vâng, được thôi”.

Nhưng khi họ đứng cạnh quầy rượu, nhấp những ngụm rượu một cách có ý thức, hút thuốc bập bập giữa những khách quen, anh ta không thể nghĩ ra được điều gì để nói. Anh ta cảm thấy mình như một cậu bé trong lần hẹn hò đầu tiên, bị thuốc làm cho tê liệt, tăng lờ sự thèm muốn trinh nguyên; anh ta đang toát mồ hôi.

“Đề anh nói em nghe,” cuối cùng anh ta nói, gần như vô cùng khó khăn. “Anh sẽ đi kiểm tra xe”. Và anh ta tự hứa với mình nếu cô chỉ tỏ ra một chút cơ hội, nếu cô mỉm cười và nói, “Sao anh vội thế, Shep” hay bất kỳ điều gì khác, anh ta có thể quên hết mọi thứ - vợ anh ta, nỗi sợ hãi, mọi thứ - và đi theo cô.

Không có một biểu hiện nào trong đôi mắt xám của cô gợi ý sự đồng loã: đó là đôi mắt của một mệnh phụ vùng ngoại ô còn trẻ, mệt mỏi và dễ thương, người đã thức đêm, bỏ qua giấc ngủ của mình, chỉ có vậy thôi. “Vâng, thế cũng được ạ,” cô nói. “Tại sao anh không...?”

Suýt vấp ngã ở những bậc đi bằng gỗ và khi lẩn vào trong bóng tối, nghiền nát đá sỏi dưới đế giày, anh ta cảm thấy tất cả sức mạnh của sự ăn nói khéo léo, sự báo trước điều bình thường đã bao trùm lên anh ta như những sợi dây thừng. Không có gì sẽ xảy ra; những điều ngờ ngẩn với cô. Tại sao cô lại không ở nhà, nơi thuộc về cô? Tại sao cô lại không đi châu Âu, hay biến mất hay chết đi? Điều gì ngờ ngẩn với nỗi đau, sự chịu đựng, ảo tưởng nửa mùa, non nớt rằng anh ta đã “yêu” cô. Điều quái quỷ gì với “tình yêu”, với mỗi cảm giác nửa mùa, lãng phí thời gian, giả đò trên đời. Nhưng khi anh ta đến chỗ hàng cuối cùng, anh ta cảm thấy đầu gối đông cứng lại và run lên với lời cầu nguyện lặng lẽ: Ôi, Chúa ơi, làm ơn xe đừng trống.

Và nó đã không trống. Những chiếc xe khác vẫn còn làm cho nó bị mắc lại chỗ cái cây. Khi anh ta lao trở lại đối mặt với toà nhà, những ánh đèn chiếu nghiêng về phía đầu và gần như anh ta bị bỏ nhào. Anh ta đang bị chất chứa. Ly cuối cùng chắc hẳn phải thật sự... Wow! Phôi anh ta cảm thấy rất nông, và anh ta biết rằng, trừ khi điều gì đó cần phải được làm ngay lập tức để dừng những ngọn đèn kia quét trên đường, nếu không anh ta có thể bị ốm. Anh ta bắt đầu chạy, nắm tay và nâng cao gối, đôi giày anh ta tạo nên những âm thanh mạnh mẽ và hoạt bát trên sỏi. Anh ta làm như vậy cho đến khi đếm đến một trăm, thở sâu, khi anh ta dừng lại thì những tia ánh sáng cũng đứng nguyên. Anh ta cảm thấy được sự kiềm chế và đầy máu trong người khi anh ta quay lại Ngôi nhà Gỗ, nơi nhóm Bộ tứ đang chơi bản nhạc thô của riêng họ những bài hát lại một trong số những ban nhạc lớn, xa xưa: “Một điệu nhảy của thời gian,” hay “Thớ ngọc trai” hay là loại gì đó, một loại nhạc luôn làm cho anh ta nhớ lại kiến thức cơ bản.

Cô đã rời khỏi quầy bar để đến ngồi ở quầy đồ giả da gần đó; cô đang ngồi thẳng trong một chỗ sâu, một phần quay ra quan sát anh ta qua làn khói

thuốc, và cô đã chào anh bằng một nụ cười ngượng ngịu.

“Anh thấy vẫn bị tắc,” anh ta nói.

“Vậy à. Ngồi đây chờ một chút vậy. Em thấy cũng không sao cả, thế còn anh?”

Anh ta đã có thể bò qua ghế giả da và vùi đầu mình vào vạt áo cô. Những gì anh ta làm thay vào đó là trườn sát vào gần cô như anh ta muốn và bắt đầu xé hộp diêm cho vào gạt tàn thuốc, tách ra từng phần bằng móng tay và cẩn thận lột lớp vỏ ngoài thành từng mảnh, cau mày chú ý như một người thợ đồng hồ đang tập trung vào công việc.

Cô đang nhìn chăm chú vào mọi vật lơ mờ trên sàn nhảy, đầu ngẩng cao nhẹ nhàng đánh nhịp theo ban nhạc. “Thể loại nhạc này làm cho những người ở độ tuổi như chúng ta rất nhớ nhà,” cô nói. “Anh có vậy không?”

“Thật sự anh cũng không biết nữa”.

“Em cũng không biết. Em thích chúng nhưng em cũng không biết nữa. Nó làm cho ta nhớ lại sự phẫn khích của tuổi niên thiếu vô tư, và đáng buồn là em đã không có. Em không có một lần hẹn hò thực sự mãi cho đến sau chiến tranh, và rồi không một ai chơi thể loại nhạc này nữa, hoặc nếu có ai đó chơi thì em cũng không thèm để tâm đến. Toàn bộ thời kỳ của nhạc xuynh[18], những ban nhạc lớn em đều đã lỡ mất cơ hội. Nhảy giật gân (*Jitterbug*). Nhạc rock đồng quê. Ô, không, trước đó, có phải không nhỉ? Em nghĩ mọi người sinh nhạc rock đồng quê khi em học lớp sáu, ở Rye Country Day. Em chỉ nhớ được là có những dòng chữ “*Artie Shaw*” và “*Benny Goodman*” ở mọi nơi trong trường mà không nhận thức được về họ, bởi một vài học sinh nữ lớp trên viết những cái tên này trong sách của họ và dường như nó là một việc làm rất sành điệu, giống như việc chấm màu sơn móng tay vào mắt cá chân để phô ra những chiếc tất cảnh sát. Chúa ơi, em đã muốn mình ở tuổi mười bảy khi em mới mười hai tuổi. Em thường hay quan sát bọn tuổi mười bảy lên xe ô tô đi chơi với bọn con trai sau giờ tan học, và em nghĩ rằng họ biết hết tất cả mọi thứ”.

Shep quan sát khuôn mặt cô gần đến mức tất cả mọi thứ khác đều không còn trong nhận thức của anh ta. Thậm chí, những gì cô đang nói không còn quan trọng nữa, và anh ta cũng không quan tâm việc cô ta tự nói với chính mình

như đang nói với anh ta.

“Khi em đến tuổi mười bảy em bị nhốt trong chính cái trường nội trú ác nghiệt này, và lần duy nhất em thật sự đi nhảy là đi với bạn gái, trong một phòng có khoá. Bọn em đã nghe những bản nhạc của Glenn Miller bằng chiếc máy xách tay cũ kĩ Victrola của cô ta^[19], và bọn em tập theo giờ. Đó là tất cả những gì mà loại nhạc này đã để lại ấn tượng trong em - nhảy quanh với bộ đồ thể thao kinh khủng trong phòng khoá trái cũ kĩ ướt đẫm mồ hôi và nhận thấy cuộc sống đã trôi qua”.

“Thật khó có thể tin được!”

“Gì cơ?”

“Em chưa bao giờ hẹn hò hay làm bất cứ điều gì, trong suốt cả quãng thời gian đó”.

“Tại sao?”

Anh ta muốn nói rằng, “Ôi, Chúa ơi, April, em có biết vì sao không. Vì em thật đáng yêu; vì chắc hẳn mọi người đã luôn yêu em,” nhưng anh ta đã không có dũng khí để nói được điều đó. Thay vào đó anh ta nói, “Thật ra, ý anh là, em chưa bao giờ có những thú vui ở kỳ nghỉ hay sao?”

“Thú vui ở những kỳ nghỉ,” cô nhắc lại một cách đàn độn. “Không, em chưa bao giờ. Và bây giờ anh đã vạch đúng vấn đề rồi đây, Shep. Em không thể phàn nàn trường nội trú về điều này, có phải vậy không? Không, tất cả những gì em có thể làm ở những ngày nghỉ là đọc sách hay đi xem phim một mình và việc cãi nhau với bất kỳ người nào là dì, em họ hay là bạn của mẹ có thể bất chợt xảy ra với em vào mùa hè đó, hay Giáng sinh đó. Tất cả những điều này nghe có vẻ như không đúng, phải vậy không? Vì thế anh hoàn toàn đúng. Đó không phải là lỗi của trường nội trú và đó không phải là lỗi của bất kỳ một ai, đó là “Vấn đề cảm xúc” của riêng em. Và có một kinh nghiệm khá tốt cho anh, Shep: dẫn dắt ai đó lo lắng về việc cuộc đời đang đi qua họ, và cơ hội một trăm lẻ tám trên một là chính “Vấn đề Cảm xúc”.

“Anh không có ý nói như vậy,” Shep nói không thoải mái. Anh ta không thích những lời lẽ mỉa mai phát ra chán nản từ miệng của cô - những điều này rất dễ phá hỏng hình ảnh mà anh ta đã nghĩ về cô trong suốt mười năm

qua cho tới bây giờ. “Anh chỉ muốn nói là anh chưa bao giờ nghĩ em lại cô đơn đến vậy”.

“Chúa ơi,” cô nói. “Chúa ban phúc cho anh, Shep. Em luôn không mong mọi người sẽ nghĩ về em cô đơn đến như vậy. Đó thật là một điều tốt nhất khi ở New York sau chiến tranh, anh biết đấy. Mọi người không...”.

Bây giờ khi cô đã nhắc đến cuộc sống ở New York, anh ta khao khát được hỏi một câu hỏi, một câu hỏi đã ám ảnh anh ta một cách không lành mạnh đeo đẳng trong suốt thời gian biết cô: liệu cô vẫn còn trinh nguyên khi cô gặp Frank? Nếu không, nó cũng một phần nào làm cho anh đỡ ghen tị; nếu có, nếu anh ta phải nghĩ rằng Frank Wheeler là mối tình đầu của cô và cũng là người chồng của cô, anh ta sẽ cảm thấy điều đó làm cho sự ghen tị của anh trở nên quá lớn có thể chịu đựng được. Đây là cơ hội gần gũi nhất để anh ta có thể phát hiện ra điều này, nhưng nếu có thể đặt được câu hỏi thì dường như từ ngữ của anh ta đã biến mất hết rồi. Anh sẽ chẳng bao giờ biết được. “... mà thật là hài hước, em nghĩ thế, những năm đó,” cô nói. “Em luôn nghĩ về điều đó như một thời gian hạnh phúc, phấn khích, và em cũng nghĩ rằng nó là như vậy, những thậm chí có là như vậy đi nữa...”. Giọng cô không còn dứt khoát nữa. “Em vẫn cảm thấy - Em không biết”.

“Em vẫn cảm thấy cuộc đời đang đi qua em?”

“Một cái gì đại loại như thế. Em vẫn suy nghĩ vẫn có một thế giới gồm toàn những người quý như vàng ở một nơi nào đó, vượt xa khỏi em như là những người có thâm niên ở Rye khi em mới học lớp sáu; những người biết mọi thứ theo bản năng, những người đã xác định được cuộc đời mình theo cách họ muốn mà không cần bất kỳ một cố gắng nào, những người không bao giờ phải cố gắng tốt nhất ở cả những công việc tồi tệ nhất vì không bao giờ xảy ra chuyện họ phải làm một điều gì đó không hoàn hảo ngay từ phút đầu. Một thế loại người hùng, tất cả bọn họ xinh đẹp và dí dỏm, điềm đạm và tốt bụng, và em luôn nghĩ rằng khi em tìm thấy họ, ngay lập tức em sẽ thuộc về thế giới của họ, em là một trong những người bọn họ, và đáng nhẽ ra em đã hoàn toàn thuộc về họ, mọi thứ trong lúc này đều là một sai lầm; và họ cũng biết điều đó. Em giống như một con vịt xấu xí giữa một bầy thiên nga”.

Shep đang nhìn vào khuôn mặt cô ta một cách điềm tĩnh, hy vọng rằng sức mạnh của tình yêu thâm lặng sẽ làm cho cô quay lại và đối diện với anh ta. “Anh hiểu cảm giác này,” anh ta nói.

“Em nghi ngờ điều đó,” cô không nhìn anh, và một vài lời lại xuất hiện trên miệng cô. “Ít nhất em hy vọng là anh không, vì anh. Đó là điều em không mong muốn ở bất kỳ một ai. Đó là một sự tự dối mình ngu xuẩn và gây tác hại, và nó không mang lại cho anh điều gì ngoại trừ những rắc rối”.

Anh ta để cho không khí thoát ra khỏi lồng ngực và ngồi phịch xuống phía sau ghế. Cô không thật sự muốn nói chuyện; không phải với anh ta, dù sao cũng là như thế. Tất cả những gì cô muốn là phải nói, phải làm cho cô cảm thấy khá hơn bằng cách diễn kịch với tâm trạng băng khuâng và chán nản, và cô đã lựa chọn anh ta như một khán giả của mình vậy. Anh ta không thật sự mong chờ tham dự vào một buổi thảo luận như thế này, và chắc chắn là anh ta không hề có một ý tưởng gì; vai trò của anh ta là một Shep già nua, điềm tĩnh, ngớ ngẩn và to cao cho đến khi ô tô được giải phóng, hoặc là cho đến khi cô cảm thấy hài lòng với những gì phát ra từ giọng cô. Rồi anh ta sẽ đưa cô về nhà và cô sẽ nói một vài câu thông minh trên đường về; thậm chí cô có thể ngã người và dành cho anh ta một cái hôn vội của một người em gái vào má trước khi cô trượt ra khỏi xe, đóng sầm cửa ô tô lại và đi vào phòng ngủ với Frank Wheeler. Và anh ta có thể mong chờ gì hơn nữa? Khi nào anh mới thực sự trưởng thành?

“Shep!” Cả hai bàn tay lạnh lẽo mảnh khảnh của cô với ra bắt lấy tay anh ta để ở trên mặt bàn, khuôn mặt của cô, đang tiến về phía anh ta, đã chuyển thành một nụ cười tinh nghịch. “Ôi, Shep - hãy làm việc đó nào”.

Anh ta nghĩ anh ta chuẩn bị nản lòng. “Làm gì cơ?”

“Nhảy. Nào ra thôi”.

Steve Kovick gần đạt đỉnh cao của tối nay. Gần đến lúc rồi; hầu hết mọi người đã ra về, người quản lý đang đếm tiền, và Steve, không kém gì một anh hùng của phim Hollywood chơi nhạc jazz, biết rằng đã đến lúc chơi hay nhất.

Shep thật sự chưa bao giờ học nhảy, tự cấm bản thân mình với điệu nhảy như thế này, nhưng bây giờ thì không có gì có thể ngăn cản được anh ta. Quay lại, nhảy lên một cách vụng về và lê bước ở trung tâm đã bị bỏ bùa mê của căn phòng quay tít, anh ta cho phép tiếng ồn và khói, ánh sáng quay tròn và quay tròn quanh anh ta vì bây giờ anh ta đã nắm chắc được cô rồi. Dài

như thời gian anh ta đã sống, anh ta chưa bao giờ nhìn thấy một điều gì đẹp hơn cách cô quay xa ra khỏi tầm tay và khẽ nhún đầu gối cúi chào, khẽ nhún mông cúi chào trước khi cô quay trở lại. Ôi, nhìn cô kia! Trái tim anh ta hát vang. Nhìn cô kia! Nhìn cô kia! Anh ta biết rằng khi nhạc dừng lại là cô sẽ rơi vào tay anh ta cười vang, và cô đã làm như vậy. Anh ta biết rằng, khi nhẹ nhàng đưa cô ra quầy bar, cô sẽ để cho tay anh ta ôm quanh cô trong khi họ uống với nhau thêm cốc nữa, và cô cũng đã làm như thế. Khi họ nói chuyện với giọng trầm đầy khêu gợi, anh ta không còn quan tâm đến việc anh ta nói gì nữa - nó sẽ có vấn đề như thế nào nhỉ? Dù sao những từ ngữ hàm ý gì cơ chứ? - vì anh ta đã đầy những kế hoạch điên cuồng rồi. Một nhà nghỉ nhảy nhót trong tâm trí anh ta: anh ta nhìn thấy mình điền vào tờ đăng ký trong ánh sáng rực rỡ của văn phòng ván che (“Cám ơn ông. Sáu-năm mươi, số 12...”) trong khi cô ngồi đợi ở ngoài ô tô; anh ta mừng tượng một sự riêng tư hết sức bất ngờ trong cái buồng nhỏ với bàn và ghế bằng gỗ thích và một cái giường đôi đập ngay vào mắt, và anh ta hơi băn khoăn một chút: Thật sự mình muốn đưa một cô gái như April Wheeler vào một nhà nghỉ hay sao? Nhưng tại sao lại không? Và ngoài ra, nhà nghỉ cũng không phải chỉ là khả năng duy nhất. Hàng dặm và hàng dặm của một vùng ngoại ô mở ra đang chờ đợi theo mọi hướng; buổi đêm thật ấm áp và anh ta có một cái áo choàng ponsô của lính cũ kĩ trong ô tô; họ có thể trèo lên một vùng đồng cỏ mềm mại ở khuất xa tầm nhìn và âm thanh và làm thành một cái giường ở giữa bầu trời đầy sao.

Chuyện đó được bắt đầu ở bãi đậu xe, trong bóng tối cách xa khoảng mười thước Anh từ chỗ đèn xanh đèn đỏ. Anh ta dừng lại, để cho cô tựa vào tay mình, và rồi đôi môi vỡ vụn của cô hé mở dưới miệng anh ta và tay cô luôn lên trên, vòng quanh cổ anh ta khi anh ta tì sát lưng cô vào cái chắn bùn của một chiếc xe ô tô đang đỗ. Họ như tan ra và rồi lại gần nhau; rồi anh ta để cho cô quay đi và lưỡng lự đi qua khu đất - giờ khu đất gần như là trống không - đến chỗ có chiếc xe Pontiac nhuộm vàng ở đó, một mình, bắt lấy những tia sáng sao le lói, mờ nhạt dưới những lời thì thầm của những rặng cây tối sẫm. Anh ta nhìn thấy cửa xe bên phải và đỡ cô vào; rồi anh ta đi không vội vàng, chính xác vòng qua mũi xe để về phía chỗ người lái. Cánh cửa đóng sầm lại sau anh ta và vòng tay của cô, đôi môi cô đã ở đây đón chờ, cảm nhận mùi hương cơ thể phát ra từ cô, và những ngón tay anh ta đang tìm cách thần kỳ để cởi được quần áo của cô, và rồi là bộ ngực đang dâng lên trong tay anh ta. “Ôi, April. Ôi, Chúa ơi... Ôi, April...”

Tiếng thở của họ át đi tất cả những âm thanh của tiếng côn trùng âm ĩ ngay

bên cạnh ô tô, tiếng o o của giao thông trên Đại lộ số 12 và những âm thanh xa vắng của Ngôi nhà Gỗ - tiếng cười inh tai của một người phụ nữ hoà tan vào trong tiếng còi, pianô và trống.

“Em yêu, đợi đã. Anh sẽ đưa em đến đâu đó - chúng ta sẽ phải ra khỏi...”.

“Không, đừng anh,” cô thì thầm. “Ở đây, ngay bây giờ. Ở chỗ ghé sau này”.

Và ghé sau của ô tô là nơi đã xảy ra chuyện đó. Tù túng và vật lộn với điểm tựa trong bóng tối, chìm ngập trong mùi bị trộn lẫn giữa mùi gas, mùi giày trẻ con và thảm Pontiac, trong khi một cơn gió thoang thoảng mang những gợn sóng của đợt trống chơi sô-lô cuối cùng của Steve Kovick của đêm đó, cuối cùng Shep Campbell cũng đã tìm thấy và hoàn thiện được sự thỉnh cầu tình yêu của anh ta.

“Ôi, April,” anh ta nói khi anh ta đã thực hiện xong việc ấy, khi anh ta nhẹ nhàng tách khỏi cô và chỉnh lại chỗ cho cô, khi anh ta giúp cô nằm gọn nhỏ và một mình trên ghế với chiếc áo choàng làm gối và bó người anh ta lại trong tư thế ngồi xồm kỳ quái ở trên sàn, cầm tay cô, “Ôi, April, đây không hẳn chỉ là việc đó. Nghe anh nói này. Đây là điều mà anh luôn... anh yêu em”.

“Đừng nói thế anh”.

“Nhưng đó là sự thật. Anh luôn yêu em. Anh không làm chuyện đó chỉ vì...”.

“Làm ơn, Shep. Hãy yên lặng một phút, rồi anh có thể đưa em về nhà”.

Hơi ngỡ ngàng một chút anh ta nghĩ về những gì anh ta đã không dao động để hết tâm trí của mình vào tối nay, những gì thoáng qua đã xảy đến với anh ta và hoàn toàn không phải như một sự nhụt chí trong sự thôi thúc của ham muốn, và bây giờ lần đầu tiên bắt đầu cảm thấy sức nặng đạo đức đến nghẹt thở: cô đang có bầu. “Được rồi,” anh ta nói, “anh không quên một điều gì cả”. Anh ta dụi mắt và miệng bằng tất cả sức mạnh của mình, rồi thở dài. “Chắc hẳn em sẽ nghĩ anh là một loại đàn độn hay gì đó”.

“Shep, không phải như vậy”.

Và có đủ ánh sáng để chỉ cho anh khuôn mặt cô đang ở đâu, nhưng không đủ

cho anh ta nhìn thấy sự biểu lộ cảm xúc hay thậm chí để nhận thấy liệu có cảm xúc gì hay không.

“Không phải như vậy. Chân thành mà nói. Chỉ vì em không biết anh là ai”.

Một sự yên lặng trôi qua. “Đừng nói những lời khó hiểu,” anh ta thì thầm.

“Không. Em thật sự không biết anh là ai”.

Nếu anh ta không thể nhìn thấy khuôn mặt cô, ít nhất anh có thể chạm vào nó. Anh ta làm thế với sự yếu đuối mong manh của một người đàn ông bị mù, đưa những ngón tay mình từ thái dương xuống dưới chỗ trũng của cổ cô.

“Và thậm chí nếu em biết,” cô nói, “Em sợ rằng điều đó cũng không giúp được gì, vì anh biết đây em cũng không biết em là ai nữa”.

CHƯƠNG IV

Đi khỏi tiếng hít gió và âm ì của chiếc ô tô buýt trên Đại lộ số 6, ba hay bốn ngày sau đó, Frank Wheeler bước đi với sự tự mãn về phía phố nhà Maureen Grube. Anh không thật sự cảm thấy muốn đến với cô ta tối nay, và điều này nữa, anh biết rằng, đó là điều anh cần làm. Mục đích của việc đi gặp tối nay là cắt đứt quan hệ, và bất kỳ một ham muốn bốc đồng nào biểu hiện từ phía cô ta sẽ phải bị làm cho chung hững. Anh luôn bị ngạc nhiên và cảm thấy hài lòng khi tâm trạng anh luôn nói lên được bản chất của sự việc mà anh phải làm, và trạng thái này gần đây đã trở nên một thói quen. Anh đã có thể, ví dụ, cuốn tất cả những phần còn lại của công việc về sê-ri của những bài viết *Bàn về...* thành một công việc phải làm không quá hơn một ngày cho mỗi một quảng cáo. *Bàn về phân tích bán hàng*, *Bàn về tính toán chi phí* và *Bàn về tiền lương* - tất cả bây giờ được kết thúc một cách an toàn với *Sản xuất và Quản lý chất lượng*, trong một cặp tài liệu bìa cứng đẹp ở trên bàn làm việc của Bart Pollock.

“Tốt rồi, Frank. Tất cả những bài viết đều ổn,” Pollock nói như vậy ngày hôm qua, lật nhanh các trang với ngón tay của mình. “Và, thật là may mắn, tôi có một vài tin tốt cho anh sáng nay”. Tin tốt, cái mà Frank có thể nhận với một sự điềm tĩnh đến hoàn hảo, là những kế hoạch dự án của Pollock đã được “hoàn chỉnh”. Sẽ có một “cuộc thảo luận kỹ càng không chính thức” vào thứ hai tới, mà ở đó Frank có thể tham gia với những đồng nghiệp mới trong việc giúp “phác thảo ra một vài mục tiêu”, và sau đó anh có thể coi như anh không còn là nhân viên của Bandy nữa. Trong lúc này, bây giờ là lúc “thời gian cho hai chúng ta bàn về vấn đề lương”. Không một giọt mồ hôi sợ hãi nào rịn ra trong chiếc áo somi của Frank khi họ cùng bàn với nhau về việc đó, và không một bóng ma lơ lửng nào của Ear Wheeler treo lơ lửng trên việc anh đang làm. Mắt anh không bao giờ lang thang tìm kiếm sự thiếu thắm mỹ trong đồng hồ ở văn phòng của Pollock hay bị làm phiền với những suy nghĩ cảnh báo về những gì mà April có thể nói. Đơn giản đây là công việc. Anh đã có thêm ba nghìn mỗi năm sau khi bắt đôi tay dày của Pollock sáng ngày hôm đó - một giá trị hài lòng, đầy đủ, có thể cung cấp, giữa những điều khác nữa, một sự tài trợ thoả mãn cho những gì phải chi phí cho việc sinh nở và chữa trị tâm lý.

“Tốt quá,” April nói khi nghe về con số. “Đó là những gì anh mong muốn, có phải vậy không?”

“Gần đúng như vậy. Dù sao thì cũng thật tuyệt là đã ổn định được mọi việc”.

“Vâng, em cũng nghĩ là cần phải như vậy”.

Và bây giờ, sau khi đã thu xếp hoàn toàn được mối quan hệ công việc, anh có thể tập trung toàn bộ tâm trí vào vấn đề cá nhân - một việc mà vào thời điểm hiện tại cần phải được giải quyết đáng kể. Trong hai tối qua, hay là ba tối gì đó, hôn nhân của anh đã trở nên tồi tệ hơn, nếu như ngày trước, với hành động theo kiểu như vậy chắc hẳn đã lấp đầy trong anh một sự phiền muộn: April lại bắt đầu ngủ ở phòng khách. Nhưng lần này, cảm ơn Chúa, không giống như ngày lần nữa. Lần này không phải là một cuộc chiến tranh, theo một quan điểm nhất định và không đi kèm với sự hiềm thù được thể hiện ra bên ngoài ở cô.

“Em đã ngủ không được tốt lắm,” cô nói vào tối đầu tiên, “em nghĩ rằng em cảm thấy thoải mái hơn khi ngủ một mình”.

“Được thôi”. Anh cho là, mặc dầu vậy, chỉ là tối hôm đó, và anh đã bực mình với buổi tối hôm sau khi cô lại lê bước từ phòng để đồ với một ôm tay khăn trải giường và chăn để làm giường ngủ ở ghế sofa.

“Chuyện gì thế em?” Anh hỏi nhẹ nhàng, ngả người về phía khung cửa phòng bếp với một ly rượu trên tay trong khi cô đập và trải ga. “Em bực anh hay có chuyện gì thế?”

“Không, đương nhiên là em không giận anh”.

“Em sẽ tiếp tục làm chuyện này một cách không xác định, hay còn chuyện gì nữa?”

“Em không biết. Em xin lỗi nếu chuyện này đã làm anh phiền lòng”.

Phải mất một lúc anh mới trả lời lại, đầu tiên là anh uể oải dùng tay ấn viên đá trong ly xuống, rồi liếm tay, rồi quay đi với một cái nhún vai đầy mệt mỏi. “Không,” anh nói. “Điều đó không làm anh bực mình. Anh rất xin lỗi là em đã không được ngủ ngon”.

Và, dĩ nhiên, còn là một điều khác nữa, một sự khác biệt thật sự quan trọng: điều đó đã thật sự không làm anh phiền lòng. Nó hơi làm phiền anh một chút thật, nhưng nó không làm anh bức. Tại sao lại phải như vậy? Đó là vấn đề của cô ấy. Những gì được coi là đạt được vô hạn của sức khoẻ tốt, những gì được gọi là một sự dòi dào về hoà bình nào trong khả năng mới nhận thấy để phân loại và xác định được những thực tế về những cá tính khác nhau - đây là vấn đề của anh, kia là vấn đề của em. Sức ép trong một vài tháng qua đã làm cho mỗi người mang trong mình một loại khủng hoảng; bây giờ anh đã có thể nhận thấy. Đây chính là thời gian để họ khôi phục lại, mà trong đó một sự xa cách nào đó từ sự quan tâm mỗi bên chắc chắn là hoàn toàn tự nhiên, và có thể là một dấu hiệu tốt. Anh biết, một cách hoàn toàn thông cảm, rằng trong trường hợp của cô sự đánh giá sẽ rất khó khăn; nếu điều đó đã gây nên cho cô những giai đoạn ủ rũ và mất ngủ thì hoàn toàn có thể hiểu được. Dù trong bất kỳ tình trạng nào, bây giờ không phải là lúc anh có thể, theo bản năng đánh giá, có thể giúp cô được điều gì. Tuần tới, hay sớm nhất có thể, anh có thể dùng bất kỳ một bước gì đó cần thiết trong việc sắp xếp một sự phân tích đáng tin cậy; và anh có thể nhìn trước những buổi thảo luận ban đầu với một người mà anh tưởng tượng ra thật nghiêm nghị và nói chậm, có thể là người Viên (“Tôi nghĩ sự tự đánh giá về khó khăn đúng là chính xác, thưa ngài Wheeler. Chúng ta vẫn chưa thể dự đoán được khoá chữa trị liệu pháp này kéo dài như thế nào, nhưng tôi chắc với anh một điều: với sự thấu hiểu và kết hợp liên tục của anh, có lý do để chúng ta có thể hy vọng cho việc nhanh chóng...”)

Trong lúc này, nhiệm vụ chính đối mặt với anh là phải chấm dứt mối quan hệ với Maureen. Đáng nhẽ anh đã có thể làm được việc đó ở một quán bar hay một quán cà phê ở phố trên; đó là những gì anh đã suy nghĩ sáng nay, khi anh dẫn cô ta vào góc trong hốc tường của trung tâm lưu trữ để làm cuộc hẹn này, nhưng, “Không, hãy đến chỗ em,” cô ta thì thầm qua đồng hồ sơ đang được bày ra để nguy trang. “Norma sẽ đi sớm, và em dành căn phòng cho chúng ta”.

“Không, thật sự,” anh nói. “Tôi không nên, vấn đề là...”. đáng nhẽ ra anh đã phải nói, “Vấn đề là tôi muốn có một buổi nói chuyện với em,” nhưng đôi mắt cô ta đã làm anh hoảng sợ. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô ta khóc hay làm một điều ngớ ngẩn gì đó, ngay tại đây, tại văn phòng này? Thay vì thế anh nói, “Tôi không muốn mang lại cho em một điều phiền phức nào,” mà điều này cũng hoàn toàn đúng; nhưng cuối cùng thì anh đã đồng ý.

Nơi nói chuyện không phải là một vấn đề; điều quan trọng là bản thân buổi nói chuyện đó, và điều quan trọng duy nhất là câu chuyện phải được xác định và kết thúc. Không, anh tự công nhận với bản thân mình hàng trăm lần, phải xin lỗi. Nó đã làm cho anh chán nản để xác định được anh đã lãng phí bao nhiêu sức lực, trong suốt những năm qua, để rơi vào trạng thái phải xin lỗi quên mình.

“Xin lỗi,” giọng một người phụ nữ tức giận vang lên. “Anh là Frank Wheeler?” Cô ta đang đi về phía anh, dọc theo lối đi bộ, mang theo một va li nhỏ, và ngay lập tức anh biết cô ta là ai ngay từ nụ cười thực dụng của cô ta. Cô ta đã bắt gặp anh khi anh lúc đầu đặt chân lên những bậc thang bằng đá màu hồng trong toà nhà của Maureen.

“Tôi là Norma Townsend, bạn cùng phòng với Maureen. Liệu tôi có thể gặp anh một chút được không?”

“Được thôi,” anh không nhúc nhích. “Tôi có thể giúp gì cho cô?”

“Làm ơn,” cô ta hơi nghiêng đầu về một phía như thể mắng mỏ một đứa bé rầu rĩ. “Không phải ở đây”. Và cô ta đi qua anh về phía một cái sảnh cà phê nhỏ cách hai cánh cửa. Không có gì để làm ngoại trừ việc đi theo cô ta, nhưng anh giải quyết sự nhu mì của mình bằng cách nhìn đắm chìm vào cái móng đang rung lên và căng ra của cô ta. Cô ta rần rỏi, đi như vịt, mặc một chiếc váy quây tân thời, một “cái váy bó chèn,” để chống lại một thực tế về cơ thể vạm vỡ và to khổ của mình, cô ta sực mùi nước hoa *Bóng tối và Hứng thú* được bày bán ở quầy hàng giảm giá của Lord và Taylor.

“Tôi không giữ anh đến một phút đâu,” cô ta nói khi cô ta ép sát anh vào góc một chiếc bàn nhỏ có mặt bằng đá cẩm thạch, khi cô ta để chiếc va li bên cạnh bàn chân, gọi một ly vermouthe ngọt, và để cho tay mình phát ra một loại âm thanh có tổ chức của tiếng lách cách, lách cách trong lúc cô ta lấy một bao thuốc ra khỏi chiếc túi xách cầu kỳ. “Tôi chỉ có đủ thời gian cho một ly khai vị, sau đó tôi phải đi gấp. Tôi chuồn đến Cape trong vòng hai tuần. Đáng nhẽ Maureen đã đi cùng tôi, nhưng cô ta đã thay đổi kế hoạch. Và bây giờ cô ta muốn dành toàn bộ thời gian nghỉ ở đây, theo tôi nghĩ là anh đã biết. Tôi không biết cho đến tận tối qua, điều này e rằng làm cho tôi bị rơi vào tình thế khó xử với những người bạn mà tôi sẽ đến thăm. Anh không muốn uống một chút à?”

“Không, cảm ơn” anh phải công nhận khi quan sát cô ta, cô ta không phải là không hấp dẫn. Nếu cô ta xoã tóc thay vì buộc ngược nó ra sau, nếu cô ta có thể giảm bớt một chút cân nặng trên má... nhưng rồi anh cho rằng cô ta còn phải làm nhiều hơn nữa. Giá mà cô ta học được cách không nhún lông mày quá nhiều trong khi nói, giá mà cô ta không nói một cách chắc chắn rằng “Tôi chỉ có một phút cho một ly khai vị” hay “Tôi chuẩn tới Cape”.

“Đột nhiên tôi rất tức giận với Maureen vào lúc này,” cô nói. “Sự đảo lộn kỳ nghỉ này chỉ vì một sự việc gần đây trong một chuỗi các hành động ngu xuẩn, nhưng đó chỉ là vấn đề phụ. Vấn đề chính là...” và cô ta đang nhìn anh rất sắc sảo, “điều quan trọng là, và cũng chính là điều tôi cũng rất quan tâm về cô ta. Tôi đã biết cô ta được một thời gian dài và tôi tin rằng tôi biết về cô ta nhiều hơn anh, anh Wheeler à. Cô ta là một đứa bé rất non nớt, rất không an toàn và rất ngọt ngào, cô ta đã phải trải qua bao điều kinh khủng trong một vài năm qua. Ngay bây giờ cô ta cần một sự dẫn đường, một tình bạn. Để đương đầu với nó - tôi hy vọng anh sẽ tha thứ cho tôi có thể nói thẳng - để đương đầu với nó, điều duy nhất mà cô ta hoàn toàn không cần là phải tham dự vào một mối quan hệ không mục đích với một người đàn ông đã có vợ. Để nhắc anh rằng, tôi không - xin đừng ngắt lời. Tôi không thích lên mặt dạy đời. Tôi muốn anh và tôi có thể nói về việc này như những người trưởng thành. Nhưng có lẽ tôi sẽ phải bắt đầu bằng một câu hỏi khó chịu. Maureen cảm nhận là anh đã yêu cô ta. Điều đó có đúng không?”

Câu trả lời thật đơn giản đến mức cổ điển làm cho anh tràn đầy thích thú. “Tôi sợ rằng đây không phải là chuyện của cô”.

Cô ta lùi lại và cười khẩy theo cách suy đoán, từng trải, với những vòng khói nhỏ bay ra từ lỗ mũi, lấy phần còn lại của miếng thuốc ra khỏi miệng với những cái móng tay đã được sơn của ngón út và ngón cái. Câu nói của Bart Pollock ở bữa trưa làm cho anh nhớ đến, “Để xem là tôi đánh giá con người chính xác đến mức nào,” và anh muốn vươn qua cái bàn bóp cổ cô ta.

“Tôi nghĩ rằng tôi thích anh, Frank,” cuối cùng cô ta nói. “Liệu tôi có thể gọi anh như thế không? Tôi nghĩ thậm chí tôi còn thích cách anh giận dữ; nó thể hiện sự chính trực”. Cô ta lại đưa người về phía trước, nhấp một ngụm là đom, và chống một khuỷu tay lên bàn. “Nghe này, Frank,” cô ta nói, “Hãy cố hiểu nhau. Tôi nghĩ anh có thể là một anh chồng rất tốt với một người vợ dễ thương và một đàn con đáng yêu hiện đang sống ở Connecticut, và tôi nghĩ

có thể tất cả những chuyện xảy ra ở đây là anh đã bị sa lầy vào một tình huống có thể hiểu được và rất con người. Chẳng phải đó là một sự kết luận hay sao?”

“Không,” anh nói. “Thậm chí còn chưa được gần đến như vậy. Bây giờ hãy để tôi nói, được không?”

“Được thôi”.

“Được thôi. Tôi nghĩ rằng cô là một tuýp phụ nữ phiền hà, nhiều chuyện, cũng có thể là đồng tính chìm, và hoàn toàn...” - anh để đồng một đô trên mặt bàn - “hoàn toàn khó chịu. Chúc cô đi nghỉ vui vẻ”.

Và với bốn sải chân trong tình trạng thiếu suy nghĩ, suýt làm cho một người hầu bàn như đàn bà ngã sóng soài với một cái khay toàn tách cà phê, anh bước ra khỏi quán. Suốt đoạn đường bước trên những bậc đá màu hồng anh cảm thấy anh không thể phá lên một nụ cười đang được đè nặng trong ngực - đó là sự thể hiện khuôn mặt của cô ta! - Nhưng lúc ở sảnh, nơi anh tựa vào một hàng hộp thư bằng đồng thau đã được đánh bóng để làm cho sự nghẹn tức thoát ra khỏi mình, anh nhận thấy thay vì cười hô hô anh chỉ có thể có một nụ cười nghẹn ngào thoát ra từ một cơn đau tức không kiềm chế được, cảm nhận thấy ở phần trên của phổi và làm đau cơ hoành. Anh không thể thở được.

Khi việc đó kết thúc, hay là gần như kết thúc, anh bò về chỗ cửa trước, gạt cái rèm cửa che kính bám đầy bụi sang một bên và nhìn sẫm soi xuống dưới, vừa đúng lúc bóng của Norma đi ra ngoài trong cơn bực tức, vẫy cái túi gọi taxi. Lưng cô ta chết cứng vì giận dữ và có cái gì đó thật thảm bại về chiếc va li của cô ta, cái va li trông còn mới và đắt tiền. Chắc hẳn cô ta đã dành hàng nhiều ngày để chọn mua nó và hàng tuần liền đi mua đồ để thể hiện vẻ bóng mượt ngày hôm nay - bộ đồ tắm mới, quần mặc thường ngày, kem chống nắng, một chiếc máy ảnh mới - tất cả chỉ là bộ đồ nghề cầu kỳ, kiểu cách của một thời con gái. Với những âm thanh rên rỉ kỳ lạ vẫn sôi lên trong lồng ngực, anh cảm thấy một đợt sóng xúc động một cách không thích hợp vẫn dành cho cô ta khi cô ta bước lên chiếc ô tô và đi khuất.

Xin lỗi. Nhưng bây giờ anh sẽ phải cố gắng hết sức; đã đến lúc phải làm việc với Maureen. Anh hít vài hơi thở thật sâu và nhấn chuông, và khi máy trả lời để anh vào trong hành lang anh cẩn thận không đi lên cầu thang quá nhanh.

Anh không muốn thở gấp khi anh lên trên đó; mọi thứ đều phụ thuộc vào sự bình tĩnh của anh.

Cửa đang chốt. Anh gõ cửa một hay hai lần gì đó và rồi nghe thấy giọng của cô ta, hình như phát ra từ phòng ngủ. “Anh Frank à? Có phải anh không? Anh vào đi. Em sẽ ra ngay bây giờ”.

Căn hộ thật là sạch sẽ, sạch đến từng chi tiết, như thể đang chuẩn bị cho một buổi tiệc, và một mùi thơm phảng phất của thịt ninh bay ra từ phòng bếp. Chỉ bây giờ, khi đi đi lại lại trên thảm, anh chợt nhận ra một chiếc máy quay đĩa đang chơi một bản nhạc mà anh lơ mơ nhận ra là đã nghe thấy từ lúc đi lên cầu thang, một điệu waltz của Viên được chơi với dàn violon, một thể loại nhạc dành cho nhạc cocktail.

“Có đồ uống và một vài thứ trên bàn,” Maureen nói với ra. “Anh cứ tự nhiên đi nhé”.

Anh đã khách sáo với vẻ biết ơn và cố thư giãn khi ngồi lù lại trong chiếc ghế sofa sâu lông.

“Anh đã đóng cửa chưa?” Cô ta gọi với ra. “Và đã khoá chưa ạ?”

“Anh nghĩ thế. Chuyện gì thế...?”

“Và có chắc là anh đang có một mình không đấy?”

“Đương nhiên rồi. Có bí mật gì thế?”

Cô ta mở phăng cửa phòng ngủ và nhón chân đứng đó cười, trần truồng. Rồi cô ta bắt đầu điệu nhảy dập dờn quanh phòng, theo nhịp của điệu waltz, dung đưa và vẩy cổ tay như một nữ diễn viên ba lê nghiệp dư, ngượng ngùng và cố không cười rúc rích khi cô ta xoắn lấy anh như những dây đàn thăng hoa. Anh chỉ kịp để ly rượu xuống bàn, làm tràn ra ngoài một chút, trước khi cô ta rơi đánh phịch vào vòng tay anh và đánh bật hơi thở của anh. Cô ta sục mùi nước hoa giống Norma, và khi cô ta trùm lên đầu anh một nụ hôn chào mừng, anh nhìn thấy, giật mình khi nhìn gần, cô ta đã trang điểm mắt nhiều hơn mọi khi. Mỗi hàng mi dày hơn và thật tức cười như những cái chân nhện trên má cô ta vậy. Cuối cùng, khi thoát khỏi được miệng cô ta, anh cố gắng nói lỏng cơ thể trong tư thế ngồi thẳng, trút bỏ trọng lượng của cô ta ra khỏi

bụng mình, nhưng không dễ dàng làm được chuyện đó vì tay cô ta đang khóa chặt quanh cổ anh, và trong sự cố gắng, áo choàng và áo sơ mi của anh bị kéo căng một cách không thương tiếc qua lưng và ngực. Rồi anh cũng thả được một tay ra để kéo cái cà vạt đang bóp nghẹt lấy anh và cố gắng mỉm cười.

“Chào anh,” cô ta thì thầm một giọng khàn khàn, và rồi lại hôn anh, lấp đầy miệng anh bằng lưỡi của mình.

Lần này có sự tuyệt vọng của một người đàn ông bị chết đuối trong sự vật lộn đang dâng trào; khi anh dâng trào, cô ta lùi lại phía sau và nhìn anh thất thần, bộ ngực của cô ta lúc lắc giống như những khuôn mặt hoảng hốt. Anh không thể cất lời trong giây lát cho đến khi anh lấy lại được hơi thở; rồi thay vì nhìn cô ta, anh nhìn chăm chăm vào tay mình đang siết chặt lấy cái đai nặng nề nằm ườn ra của cô ta. Anh nói lỏng tay, căng các ngón tay và nhẹ nhàng tiến lên phần trên đai, như thể nó là cái rìa của bàn hội nghị.

“Nghe này, Maureen,” anh nói. “Tôi nghĩ rằng chúng ta cần nói chuyện”.

Những gì diễn ra sau đó, thậm chí ngay cả trong lúc làm chuyện đấy, giống như một giấc mơ hơn là một thực tế. Chỉ có một phần nhận thức của anh là thức tỉnh; phần còn lại trong anh là một người được biệt phái quan sát hiện trường, ngáp ngừng và bó tay nhưng khá chắc chắn là anh sẽ hồi tỉnh sớm. Cách khuôn mặt cô ta bị che phủ khi anh bắt đầu nói, cách cô ta cởi áo của anh và vứt bỏ bộ đồ ngủ mà cô ta choàng chặt quanh cổ như một chiếc áo mưa trong một trận mưa khi cô ta đi tới đi lui trên thảm - “Thật ra; trong lúc này thật sự không có gì để nói, có phải vậy không ạ? Không có một lý do gì khác để anh đến đây ngày hôm nay, có phải vậy không?” - dường như những điều này đã giày vò, day dứt anh thậm chí trước khi họ làm chuyện ấy: và cách mà anh theo cô ta đi quanh phòng cũng vậy, hèn hạ, đê tiện, tay họ xoắn với tay kia khi anh xin lỗi và xin lỗi.

“Maureen, nghe này; hãy cố lắng nghe nhé. Nếu tôi đã từng nói với em những lời để em tin rằng tôi... rằng chúng ta... rằng tôi không có hôn nhân hạnh phúc, thì, tôi xin lỗi, tôi xin lỗi”.

“Thế còn tôi thì sao? Tôi sẽ phải suy nghĩ như thế nào đây? Anh đã bao giờ nghĩ về tình huống mà tôi sẽ phải chịu đựng chưa?”

“Tôi xin lỗi. Tôi...”.

Và đây là hình ảnh cuối cùng: Maureen uốn cong người trong làn khói đen bay ra từ phòng bếp trong khi món thịt dê của cô ta cháy thành than.

“Điều đó không quá tồi tệ, Maureen. Ý tôi là chúng ta có thể vẫn đi ăn, nếu em muốn”.

“Không, hỏng hết rồi. Mọi thứ đã hỏng hết rồi. Anh nên đi bây giờ”.

“Nghe này. Không có lý do gì để chúng ta phải...”.

“Tôi nói: làm ơn đi cho”.

Không một tử lượng nào ở quán bar Grand Central có thể làm mờ đi hình ảnh đó, trong suốt cả quãng đường về nhà, đói, say mềm và mệt lử khi ngồi trên tàu, anh ngồi với đôi mắt to tròn, khăn cầu và đôi môi thương tâm, vẫn cố gắng tranh luận với cô ta.

Nỗi khiếp đảm khi phải nhìn thấy cô ta ở văn phòng ngày hôm sau thật quá căng thẳng đến nỗi việc anh bước chân ra khỏi thang máy trước khi anh kịp nhớ ra là cô ta sẽ không ở đó. Cô ta đang đi nghỉ. Liệu cô ta có theo Norma đến mũi Cape không? Không; có vẻ như là cô ta sẽ dùng hai tuần nghỉ phép này để đi tìm một công việc khác; dù là tình huống nào đi nữa anh cũng chắc chắn rằng anh sẽ không bao giờ gặp lại cô ta nữa. Và sự khuây khoả mà anh mừng tượng ra chẳng mấy chốc, éo le thay, đã biến thành nỗi lo lắng khiếp đảm. Nếu anh không bao giờ nhìn thấy cô ta nữa, làm sao anh lại có cơ hội để - thật ra, để giải thích mọi thứ với cô ta? Để nói với cô ta, với một cái giọng đều đều không biện hộ, về tất cả mọi thứ cân bằng và không cần biện hộ mà anh phải nói?

Những suy nghĩ lo lắng về Maureen (Anh có nên điện thoại cho cô ta? Anh có nên viết thư cho cô ta?) vẫn còn làm cho anh bận tâm vào ngày thứ bảy, trong khi anh dốc sức hoàn thành lối đi bằng đá dưới cái nóng đến chóng mặt hoặc làm những công việc lật vạt mà anh cố nghĩ ra để có thể ra khỏi nhà, những công việc làm cho anh có thể ra đường một cách không mục đích trong chiếc xe ô tô, lảm bảm một mình. Mãi cho đến tận chiều chủ nhật, khi anh ra khỏi xe để lấy báo và thôi không lái xe đi hàng dặm nữa bằng cách cất lên từ miệng anh những từ “Quên nó đi”.

Đó là một ngày đẹp trời. Anh lái xe qua một con đường dài trên đỉnh đồi, đi qua một bụi cây đu với những chiếc lá chuẩn bị sang mùa, rồi anh bắt chợt cười vang và đắm liên hồi vào miếng nhựa đã vỡ của tay lái. Quên nó đi! Tại sao lại phải nghĩ về nó? Toàn bộ hồi truyện này bây giờ có thể được giải tán như một phần tách biệt và hoàn toàn khác với dòng chảy chính được tường thuật lại của cuộc đời anh - một phần gì đó mà đặc biệt hài hước, phần phụ và thoáng qua. Norma vác trên vai cái va li, Maureen chạy giạt ra khỏi tà áo của anh, chính bản thân anh lết bước theo cô ta trong làn khói của thịt bị cháy, tay ướt sũng mồ hôi - tất cả dường như ngóc nghếch như những nhân vật méo mó trong bộ phim hoạt hình náo nhiệt trong khoảnh khắc khi điệu nhạc bé tí, sung sức bỗng lên và vòng tròn lớn bắt đầu tới gần tất cả các phía, nhanh chóng kèm theo động tác với một vòng nhỏ hơn và nhỏ hơn, nuốt chửng vòng tròn đó cho đến khi không có gì ngoài một điểm sáng đang rung lên lung linh cùng phát sáng như một huyền thoại “Tất cả chỉ có thế, hỡi các Chàng trai!” ườn ra một cách hạnh phúc trên rạp chiếu bóng.

Anh dừng ô tô bên lề đường cho đến khi tiếng cười của anh lắng xuống, cảm thấy khá hơn nhiều, anh quay một vòng chữ U và phi về nhà. Quên nó đi! Trên đường quay về trên Con đường Cách mạng, anh để cho tâm trí mình tập trung vào những điều tích cực: vẻ đẹp của ngày hôm nay, công việc hoàn thành đã được để trên mặt bàn làm việc của Pollock, ba nghìn một năm, thậm chí “buổi họp thử nghiệm” đã được sắp xếp vào sáng mai. Đó không hẳn hoàn toàn là một mùa hè tồi tệ. Bây giờ, lăn bánh về nhà, anh có thể mong chờ một sự nghỉ ngơi bằng cách tắm vòi hoa sen và mặc quần áo sạch; rồi anh sẽ nhấp một ngụm rượu sherry (môi anh nhả nhúm mãn nguyện với suy nghĩ như vậy) và lơ mơ với tờ *Thời báo* suốt buổi chiều còn lại. Và tối nay, nếu mọi thứ đều tốt đẹp, sẽ là một thời điểm thích hợp cho một buổi nói chuyện hợp tình, hợp lý với April về việc phiên toái này trên ghế sofa. Bất cứ một điều gì làm cho cô khó chịu đều có thể được giải quyết, cái điều mà đáng nhẽ đã phải được giải quyết cách đây nhiều ngày, nếu anh đã chịu khó ngồi xuống và nói chuyện với cô hết tất cả.

“Em này,” anh sẽ bắt đầu. “Đây thật là một mùa hè điên rồ, và anh biết cả hai ta đều phải chịu căng thẳng. Anh biết em đã cảm thấy cô đơn và hiện tại còn đang bối rối; anh biết mọi việc dường như thật ảm đạm, và hãy tin anh, anh...”

Ngôi nhà trông thật gọn gàng và trắng toát hiện lên qua rặng cây lá vàng,

xanh; cuối cùng đó không phải là ngôi nhà tồi tệ. Trông nó, như một lần John Givings nói, giống như một nơi mà có con người đang sống, một nơi mà diễn biến phức tạp và khó khăn của cuộc sống thỉnh thoảng có thể trào dâng những hạnh phúc lạ thường và thỉnh thoảng là sự hỗn loạn gần như bi kịch, cũng như những giai đoạn ngắn nghỉ lấy sức thật lố bịch (“Tất cả chỉ có thế, hỏi các Chàng trai!”); một nơi có thể làm cho toàn bộ mùa hè trở nên điên rồ, nơi ta có thể cảm thấy cô đơn và bối rối theo nhiều cách và thỉnh thoảng dành cho những lúc trống trải, lạnh lẽo, nhưng là nơi mà mọi thứ, với sự phân tích cuối cùng, sẽ ổn thôi mà.

April đang làm việc trong bếp, nơi chiếc radiô phát ra âm thanh om sòm.

“Wow,” anh nói, để ngật một chồng báo Chủ nhật trên bàn. “Chẳng phải hôm nay là một ngày thật tuyệt sao?”

“Vâng, một ngày đẹp trời”.

Anh tắm nước nóng thật lâu, đầy khoái cảm và đánh răng, chải đầu mãi. Trong phòng ngủ, anh xem kỹ ba chiếc áo sơ mi trước khi quyết định lựa chọn mặc cùng với một chiếc quần ka-ki sạch và bó - một loại vải cotton flannel đắt tiền trong một chiếc áo choàng xanh đen sẫm màu - và anh thử nhiều cách trước khi anh quyết định vén cổ tay áo hai lần, dựng cổ áo ở đằng sau và để hở khuy xuống đến tận ngực. Cúi mình trước gương trên bàn phấn của April, anh dùng gương phụ để kiểm tra cổ áo nhìn từ bên cạnh và anh thử tác dụng, trên khuôn mặt, của việc mím chặt hàm.

Quay trở lại phòng bếp, lướt qua đồng báo và khẽ chạm tay vặn đài đúng lúc chương trình nhạc Jazz, anh phải liếc nhìn April hai lần trước khi anh nhận ra sự khác biệt về cô: cô đang mặc váy dành cho bà bầu.

“Trông đẹp quá,” anh nói.

“Cám ơn anh.”

“Có còn rượu sherry không em?”

“Em không nghĩ thế. Em nghĩ chúng ta đã dùng hết rồi”.

“Khỉ thật. Chắc là cũng không còn bia”. Anh định dùng whiskey để thay thế

nhưng còn quá sớm để sử dụng trong ngày.

“Em chuẩn bị một chút trà đá, nếu anh muốn. Em để ở ngăn đá”.

“Tốt thôi”. Và anh tự rót cho mình một cốc mà không nhận ra là anh thật sự muốn uống. “Bọn trẻ đâu em?”

“Ở nhà Campbell”.

“Ôi, chán quá nhỉ. Anh nghĩ anh định đọc cho các con nghe truyện cười”.

Anh tiếp tục soát các báo trong một vài phút, trong khi cô rửa dọn ở bồn rửa; rồi, vì không có gì để làm, anh đến đứng gần cô và cầm lấy tay cô, làm cho cô cứng khựng lại.

“Em này,” anh nói. “Đây thật là một mùa hè điên rồ, và anh biết em... anh biết cả hai ta đều bị căng thẳng. Ý anh là anh biết em...”.

“Anh biết là em không ngủ với anh và anh có muốn biết vì sao không,” cô nói, rút ra khỏi tay anh. “Thật ra, em xin lỗi, Frank, em không thích nói về điều này”.

Anh ngậm ngừng, và rồi, cố gắng tạo ra một không khí nói chuyện tốt hơn, anh hôn gáy cô với sự tôn sùng. “Được mà,” anh nói. “Vậy em muốn nói về điều gì?”

Cô đã rửa bát xong và tháo nước khỏi bồn; hiện cô đang giặt cái giẻ rửa bát, và cô không nói nữa cho đến khi cô vắt kiệt, treo nó trên lên móc và đi ra khỏi chỗ bồn rửa và lúc này mới quay lại nhìn anh. Trông cô hoảng sợ. “Liệu có thể chúng ta không nói gì được không?” cô hỏi. “Ý em là liệu chúng ta có thể chấp nhận từng ngày đến, và cố gắng hết sức, và không cảm thấy là chúng ta sẽ phải nói về tất cả mọi việc cùng một lúc được không?”

Anh cười với cô bằng một nụ cười của một bác sĩ tâm lý kiên nhẫn. “Anh không nghĩ là anh đã yêu cầu chúng ta “phải nói về mọi chuyện cùng một lúc”,” anh nói. “Anh hoàn toàn không có ý định đó. Tất cả anh chỉ muốn làm dịu vấn đề...”.

“Được thôi,” cô nói, lùi lại một bước. “Chỉ vì em không yêu anh. Điều đó thì

sao?”

Thật là may mắn với nụ cười của bác sĩ tâm lý ôn tồn vẫn còn vương trên khuôn mặt anh; nó đã cứu anh thoát khỏi việc chấp nhận lời tuyên bố của cô một cách nghiêm túc. “Đó thật sự không phải là một câu trả lời,” anh nói chân thành. “Anh tự hỏi liệu em thật sự cảm thấy như thế nào. Anh tự hỏi những gì em đang làm ở đây liệu có phải là sự cố gắng lẩn tránh cho đến khi em... thật ra, cho đến khi em có thể xác định được tình huống. Một sự cố gắng gì đó để rũ bỏ được trách nhiệm cá nhân từ nay cho đến khi em bắt đầu thời kỳ sinh nở. Có phải em muốn nói điều đó không?”

“Không,” cô ngoảnh đi. “Ôi, em không biết; vâng. Bất kỳ điều gì anh muốn. Làm nó theo cách mà anh cảm thấy thoải mái”.

“Thật ra,” anh nói. “Hình như đó không phải là vấn đề làm cho anh thoải mái. Tất cả những gì anh đang nói là cuộc sống vẫn tiếp diễn, dù có phân tích hay không. Khi thật, anh biết hiện em đang ở trong một thời kỳ khó khăn; thật là một mùa hè nặng nề. Vấn đề là cả hai ta đều đã bị rất căng thẳng, và chúng ta phải cố gắng giúp đỡ nhau càng nhiều càng tốt. Ý anh là, có Chúa chứng giám, gần đây thái độ của anh thật khó hiểu; vấn đề thực tế anh đã nghĩ có thể sẽ là một ý tốt nếu anh là một bác sĩ tâm lý cho chính mình. Thật sự...” anh quay đi và đứng nhìn ra cửa sổ, mím chặt quai hàm. “Thật sự, một trong những lý do anh đang hy vọng là chúng ta có thể xích lại gần được với nhau vì có một điều anh muốn nói với em; một thể loại,... thật ra, một thể loại bị thần kinh phi lý đã xảy ra với anh cách đây một vài tuần”.

Và gần như, nếu không muốn nói là hoàn toàn, trước khi anh nhận ra giọng anh đã lên cao đến mức như thế nào, anh đang nói với cô về Maureen Grube. Anh nói về sự việc đó với một sự khéo léo vô ý thức, xác định cô ta chỉ như “một cô gái ở New York, một cô gái mà hầu như anh thậm chí không hề biết,” hơn là một cô nhân viên đánh máy ở văn phòng, cẩn thận nhấn âm, rằng không hề có một cảm xúc nào trong anh, để không hàm ý là sự cần thiết của cô ta đối với anh đã rất sâu sắc và không thể cưỡng lại được. Giọng anh mềm mại và khỏe, thỉnh thoảng pha trộn với sự ấp úng khàn khàn, ngập ngừng chỉ làm nổi bật thêm nhịp điệu, hòa trộn với sức mạnh của sự thú tội với sự kể chuyện duyên dáng về một câu chuyện tình.

“Và anh nghĩ vấn đề chính chỉ đơn giản là một cảm giác... thật ra, tính đàn ông trong anh, theo một nghĩa nào đó,... bị cảnh báo về việc phá thai; muốn

chúng tỏ một điều gì đó; anh không biết nữa. Dù sao, anh cũng đã cắt đứt tuần trước; toàn bộ chuyện ngu xuẩn đó đã chấm dứt; hoàn toàn chấm dứt. Nếu anh không chắc chắn những điều anh nghĩ anh sẽ không bao giờ có thể nói với em về chuyện này”.

Trong nửa phút, âm thanh duy nhất trong phòng là tiếng nhạc ở trong đài.

“Tại sao anh...?” Cô hỏi.

Anh lắc đầu, vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ. “Em à, anh không biết. Anh đã cố gắng giải thích cho em; anh vẫn đang cố gắng giải thích cho chính bản thân mình. Đó là những gì anh muốn nói về một thể loại thần kinh phi lý. Anh...”.

“Không,” cô nói. “Em không có ý là tại sao anh lại quan hệ với con bé đó; ý em là tại sao anh lại nói với em về điều đó? Ý anh là gì? Liệu có phải muốn làm cho em ghen, hay là có ý gì? Liệu có phải là cách làm cho em yêu anh, hay là tiếp tục ngủ với anh, hay là điều gì? Ý em là bây giờ em phải nói gì?”

Anh nhìn cô, cảm nhận thấy khuôn mặt mình đỏ bừng và co rúm vào trong một nụ cười bẽ bàng mà anh đã cố gắng, một cách không thành công, chuyển sang một nụ cười tâm thần. “Tại sao em không nói những gì em cảm nhận được?”

Dường như cô suy nghĩ trong giây lát, và rồi cô nhún vai. “Em có suy nghĩ. Em không cảm thấy gì cả”.

“Nói cách khác là em không quan tâm những gì anh làm hay đi ngủ với ai hay làm bất kỳ điều gì đó. Có đúng vậy không?”

“Không... em nghĩ rằng đúng thế, em không...”.

“Nhưng anh muốn em quan tâm”.

“Em biết là anh muốn. Và em cũng nghĩ là em nên như vậy nếu em đã yêu anh; nhưng anh thấy đấy, em không yêu anh. Em không yêu anh và em sẽ không bao giờ nhận định được điều này mãi cho đến tuần này, vì vậy em không muốn nói về chuyện này ngay. Anh có hiểu không?” Cô nhặt một chiếc quần áo bẩn và đi vào trong phòng khách, một người vợ nội trợ thành thạo, mệt mỏi làm những việc vặt trong nhà.

“Và các bạn hãy lắng nghe,” một giọng nói khẩn cấp phát ra từ đài. “Hiện nay, trong mùa Giảm giá mùa thu, bạn sẽ tìm thấy toàn bộ đồ quần áo dành cho việc đi bộ của nam giới và quần bò thể thao của Robert Hall được giảm giá một cách hết cỡ!”

Đứng sừng sững và nhìn chăm chăm vào ly trà đá chưa được đụng đến, anh cảm thấy đầu anh lấp đầy một sự hỗn loạn dày đặc đến nỗi mà một dòng suy nghĩ liên tục chọt đến: sự nhớ đến chủ nhật là để làm gì, đây là lý do tại sao bọn trẻ sang chơi bên nhà Campbell, và cũng có nghĩa là không còn nhiều thời gian để nói chuyện nữa.

“Nghe này,” anh nói, đổi hướng và đi theo vợ vào phòng khách với những bước sải chân hấp tấp, quả quyết. “Em vừa mới đưa ra một phút ngó ngàng và nghe này. Nghe anh nói này. Trước tiên, phải nói rằng em biết rằng em yêu anh...”

CHƯƠNG V

“Ôi, thật là một sự xa xỉ dễ thương chỉ hợp với việc đi thay vì phải lái”. Bà Givings nói, nắm thật nhanh vào tay cầm cửa hành khách. Chồng bà luôn luôn lái xe vào những dịp đi đến bệnh viện, và bà không bao giờ thôi không nhấn mạnh sự thoải mái cho sự đổi chỗ này. Khi một người phải lái xe suốt cả ngày, bà chỉ ra là, không có một kỳ nghỉ nào trên đời thú vị hơn việc được ngồi ở đằng sau và để cho ai đó lái xe. Nhưng sức mạnh của thói quen thật là lớn: bà tiếp tục quan sát con đường chăm chú như thể bà đang lái vậy, và bàn chân phải của bà sẽ sải ra và nhấn xuống thảm cao su mỗi khi rẽ hay có dấu hiệu phải dừng xe. Thỉnh thoảng, chợt nhận ra mình như vậy, bà bắt mắt mình phải quan sát quanh cảnh đồng quê trong giây lát và buộc ụ thịt của lưng mình nói lỏng ra và phịch xuống cái nệm. Như là một sự chỉ dẫn cuối cùng của việc tự điều chỉnh, bà thậm chí sẽ rời tay khỏi tay lái và để chúng trên vạt áo.

“Ui cha, chẳng phải là một ngày đẹp trời hay sao?” Bà nói. “Và nhìn vào những chiếc lá xanh xắn này, vừa mới bắt đầu thay lá. Có gì đẹp hơn đầu mùa thu không? Tất cả những màu sắc tuyệt vời và không khí sáng khoái; Nó luôn làm cho tôi phải quay lại nhìn thật trùi mền”.

Giày của bà đập xuống thảm sàn ô tô và cơ thể bà uốn cong vào một tư thế điên rồ của việc cố gắng hết sức chống lại sự va chạm: một chiếc ô tô tải màu đỏ đang rẽ vào bên đường, đối diện ngay trước mặt.

“Tôi nhìn thấy rồi mà,” Howard Givings nói, nhẹ nhàng nhấn phanh để chiếc xe tải có đủ chỗ rộng đi qua, và sau đó lại dễ dàng tăng tốc trở lại, ông nói: “Bà cứ thư giãn đi nào, và hãy để mọi lo lắng của việc lái xe sang cho tôi”.

“Vâng, tôi biết; tôi sẽ. Tôi xin lỗi. Tôi biết là tôi thật ngốc”. Bà thở nhiều lần thật sâu và để tay lên đùi, thư giãn như thể những chú chim đang hoảng sợ. “Chỉ vì tôi luôn có cảm giác lo lắng bồn chồn kinh khủng mỗi lần đi thăm như thế này, đặc biệt là đã lâu rồi không đi”.

“Họ tên bệnh nhân?” Cô gái gầy gò đến đau khổ ở quầy tiếp khách hỏi.

“John Givings”, bà Givings nói với một động tác cúi chào lịch sự thật thấp, và bà quan sát cái bút chì nghiền ngẫm của cô ta dò tìm trong danh sách bản sao tên cho đến khi nó dừng lại ở Givings, John.

“Quan hệ?”

“Cha mẹ”.

“Xin hãy ký vào đây và mặc áo choàng. Phòng bệnh 2A, trên gác, bên phải. Bệnh nhân phải quay trở lại lúc 5 giờ chiều”.

Ở phía bên ngoài của phòng đợi, sau khi họ rung chuông được gắn biển chỉ dẫn RUNG CHUÔNG CÓ MẶT, ông bà Givings ngượng ngịu nói vào nhóm những người thăm khác đang xem một cuộc triển lãm tác phẩm của bệnh nhân. Những bức tranh bao gồm một bức chân dung diễn tả một cách trung thực Donald Duck, bằng bút màu, và một bức vẽ Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thánh giá tím nâu công phu mà trong đó mặt trời, hay mặt trăng, đều được vẽ bằng màu đỏ sẫm như những giọt máu rơi ở những khoảng cách đều một cách chính xác từ vết thương trong lồng ngực của Chúa Cứu thế.

Trong giây phút họ nghe thấy một tiếng cộp không rõ ràng của đế giày bằng cao su và tiếng leng keng của chìa khoá sau cánh cửa được khoá; rồi xuất hiện một thanh niên đeo kính, nặng nề với bộ đồ màu trắng nói, “Làm ơn đưa cho tôi bộ áo choàng,” và cho phép họ đi qua, cả hai người cùng một lúc, vào phòng đợi bên trong. Đây là một nơi thật rộng, ánh sáng lờ mờ gồm những cái bàn có mặt bằng nhựa sáng và ghế cho người đến thăm bệnh nhân đặc quyền. Các bàn gần như đã chật hết, nhưng những âm thanh nói chuyện phát ra rất nhỏ. Ở bàn gần cửa ra vào nhất một đôi vợ chồng da đen trẻ ngồi nắm tay nhau, và không dễ gì nhận ra người chồng là bệnh nhân cho đến khi bạn nhận ra tay kia của anh ta đang nắm lấy chân bàn mạ crom trong một trạng thái siết chặt khớp tay đến vàng da đầy tuyệt vọng, như thể nó là tay vịn của một con tàu đang chạy. Xa hơn nữa, một bà già đang chải mớ tóc lộn xộn của con trai mình, trạc tuổi hai năm hay bốn mươi gì đó; đầu anh ta đang đưa dể bảo dưới mỗi cái giạt tóc của bà khi anh ta ăn chuối.

Người phục vụ, gài vòng chìa khoá vào một cái móc ở túi bên hông, đi vào từ cuối hành lang của phòng bệnh và bắt đầu gọi to tên được đính trên những chiếc áo choàng mà anh ta đã thu lại. Nhìn theo anh ta đi về phía đầu cầu thang, nơi được lấp đầy những âm thanh của những radiô được bắt ở những

sóng khác nhau, tất cả những gì bạn có thể thấy là một dải chạy dài vải son lót sàn nhà được bồi sấp và các góc với những giường bệnh bằng thép.

Sau một lúc người phục vụ quay lại, gọn gàng trong bộ đồ trắng đi đầu một cuộc diễu binh tiêu tụy bé nhỏ. John Givings xuất hiện ở phía sau, cao và chân vòng kiềng, một tay cài áo còn tay kia cầm chiếc mũ lưỡi trai công nhân bằng vải chéo.

“Hay quá,” anh ta nói, chào cha mẹ mình. “Hôm nay họ thả tù nhân ra trong một ngày đẹp trời! Hay quá”. Anh ta cẩn thận đội chiếc mũ vào đúng giữa đầu, và hình ảnh đối với trách nhiệm trước cộng đồng thế là được hoàn thiện. “Chúng ta đi thôi”.

Không ai nói chuyện trên ô tô cho đến khi họ đi ra khỏi sân bệnh viện, đi qua hàng dãy dài tường bệnh viện xây bằng gạch, đi qua toà nhà hành chính và nhà chơi bóng mềm, bao quanh bởi những vòng tròn cỏ được chăm sóc kỹ càng gắn liền với hai thân cột màu trắng treo cờ Mỹ, và đi lên con đường rải nhựa dài dẫn đến đường cao tốc. Bà Givings, ngồi ở ghế sau (bà luôn cảm thấy thoải mái ở vị trí đó khi John ngồi đằng trước), cố gắng phán đoán tâm trạng của anh ta bằng việc theo dõi gáy con trai mình. Rồi bà nói: “John!”

“Mm?”

“Chúng ta có một vài tin tốt. Con biết vợ chồng Wheeler rồi đấy, người con thích chứ? Họ đã tốt bụng mời chúng ta ghé qua chơi hôm nay, nhân tiện đây, nếu con muốn; có một điều; nhưng tin thật sự tốt là họ đã quyết định ở lại. Cuối cùng họ không đi châu Âu nữa. Chẳng phải điều đó là tuyệt vời hay sao?” Và với một nụ cười không dễ dàng gì bà quan sát anh ta chậm chậm quay mặt lại đối diện với bà ở phía sau.

“Có chuyện gì đã xảy ra?” Anh ta hỏi.

“Thật ra, mẹ không chắc là mẹ biết... ý con là gì? Mẹ không nghĩ bất kỳ mọi chuyện đều phải “xảy ra”; Mẹ nghĩ rằng họ chỉ đơn giản nói về điều đó và đã thay đổi ý định”.

“Ý mẹ là thậm chí mẹ cũng không cần hỏi? Mọi người đã đặt ra những kế hoạch to lớn như vậy và khi họ từ bỏ toàn bộ ý tưởng, mẹ thậm chí không hỏi họ lý do là gì? Vì sao?”

“Thật ra, John, mẹ nghĩ rằng vì mẹ không cảm thấy đó là việc mẹ cần hỏi. Không ai muốn biết, con yêu, trừ khi người nói chuyện với mình mong muốn được chia sẻ”. Với sự cố gắng giữ cho giọng mình không gây sự chú ý, điều chắc chắn sẽ phản tác dụng với con trai mình, bà bắt làn da của trán mình và cái miệng mình phải nở một nụ cười hóm hỉnh. “Chẳng nhẽ chúng ta không thể hài lòng với việc họ ở lại mà không cần phải thắc mắc lý do tại sao? Ôi, nhìn kia, cái tháp đồ già nua đẹp chưa kia. Mẹ đã không nhìn thấy nó trước kia, con có thấy không? Chắc hẳn đây là cái tháp cao nhất trong vài dặm quanh đây”.

“Nó thật là một cái tháp đáng yêu, mẹ,” John nói. “Và đó cũng là một tin tuyệt vời về gia đình nhà Wheelers, và mẹ cũng thật là một người tuyệt vời, phải vậy không, bố? Chẳng phải mẹ là người tuyệt vời hay sao?”

“Thôi nào John,” Howard Givings nói. “Hãy bình tĩnh nào”.

Bà Givings, với những ngón tay đang nghiền nát và xé toạc cuốn sổ thành từng vụn nhỏ, nhắm nghiền mắt lại và tự nhủ sẽ có một buổi chiều rất tồi tệ.

Sự lo lắng của bà đã tăng lên khi ở cửa nhà bếp vợ chồng Wheeler. Họ ở nhà - cả hai chiếc xe ô tô vẫn ở đó - nhưng ngôi nhà dường như toát lên vẻ không muốn đón khách một cách rất kỳ lạ, cứ như thể họ không mong chờ bất kỳ một người khách nào vậy. Không có ai trả lời cái gõ cửa rất nhẹ của bà vào ô cửa kính ở cửa ra vào phản chiếu chói lọi bầu trời và những rặng cây, khuôn mặt đang ngهن ra của bà, của Howard Givings và của John đang ở đằng sau. Bà lại gõ cửa, lần này, để nhìn được vào bên trong, bà khum tay và ti vào ô cửa kính. Căn bếp trống không (bà có thể nhìn thấy một thứ gì đó giống như một cốc trà đá trên bàn) nhưng rồi Frank Wheeler xuất hiện bất thành linh đi từ phòng khách ra, trông anh thật kinh khủng - trông như thể anh chuẩn bị hét lên hay sắp khóc hoặc muốn gây chiến. Bà nhận thấy ngay lập tức là anh không nghe thấy tiếng gõ cửa và không biết là bà đã ở đó: anh không ra mở cửa mà là trốn chạy khỏi phòng khách trong sự tuyệt vọng, mà cũng có thể là từ chính ngôi nhà của mình. Và không kịp để cho bà lùi lại phía sau trước khi anh nhìn thấy - chính mắt anh bắt gặp bà đang cúi mình nhìn vào - làm cho anh bắt đầu dừng lại, và sửa soạn hình thức với một nụ cười mà chỉ có thể phù hợp với bà.

“Thế là,” anh nói trong lúc mở cửa. “Xin chào mọi người. Xin mời vào”.

Rồi họ thân mật tiến vào phòng khách, nơi có April, và trông April cũng thật kinh khủng: tái nhợt và phờ phạc, ngón tay quắp chặt lấy eo. “Rất vui được gặp lại mọi người,” cô nói một cách uể oải. “Mọi người ngồi đi. Tôi xin lỗi vì hôm nay nhà cửa bừa bộn quá”.

“Hình như chúng tôi đến sớm thì phải?” Bà Givings hỏi.

“Sớm à? Ồ, không đâu... mọi người uống một chút chứ - trà đá hay một thứ gì đó?”

“Xin cảm ơn, thôi chúng tôi không uống gì đâu. Thật ra chúng tôi chỉ ghé qua vài phút thôi; chúng tôi ghé qua để chào mọi người thôi mà”.

Buổi gặp mặt rơi vào một sự giao lưu không thoải mái và lạc lõng: ba người gia đình nhà Givings ngồi theo hàng; hai người nhà Wheeler đứng lùi lại đằng sau, dựa lưng vào giá sách, chuyển tư thế liên tục ngoại trừ lúc họ nói chuyện. Chỉ bây giờ, khi ngắm họ, bà Givings mới có thể đánh bạo phỏng đoán nguyên nhân sự gượng ép của họ: chắc hẳn họ đang cãi nhau.

“Nghe này,” John nói, và tất cả câu chuyện khác đều tắt ngấm. “Dù sao thì, có chuyện gì vậy? Ý tôi là tôi nghe nói các bạn thay đổi ý định. Sao lại có sự quyết định này?”

“Thật ra,” Frank nói, và cười một mình một cách ngượng nghịu. “Thật ra, không hẳn là như thế. Anh có thể hiểu rằng quan điểm của chúng tôi bị bắt buộc thay đổi”.

“Sao lại có thể như thế được?”

Frank khẽ lén đến gần phía vợ mình, tiến lên một chút phía sau cô. “Thật ra,” anh nói. “Cho đến giờ phút này thì tôi nghĩ hoàn toàn là chắc chắn rồi”. Và mắt bà Givings bị lôi cuốn, lần đầu, để ý thấy trang phục mà April đang mặc. Quần áo của bà bầu!

“Ôi, April!” bà kêu lên. “Sao thế nhỉ, thật là một điều kỳ diệu!” Bà lưỡng lự không biết người ta sẽ phải làm gì để thể hiện tình cảm đối với những chuyện như thế này: bà có nên đứng lên và... hôn cô, hay làm bất kỳ điều gì đó? Nhưng April trông có vẻ như không muốn được hôn. “Ồ, tôi nghĩ rằng

điều này thật hay quá,” bà Givings tiếp tục nói, “tôi không thể diễn tả được tôi vui đến như thế nào,” và “À, mà tôi nghĩ rằng anh chị sẽ cần một ngôi nhà to hơn, ngay bây giờ, có phải vậy không?”, và trên tất cả những điều bà vừa thể hiện, bà chỉ mong rằng John hãy giữ trật tự. Nhưng...

“Khoan đã, mẹ,” anh ta nói trong lúc đứng lên. “Khoan đã. Tôi không hiểu”. Và anh ta nhìn Frank chăm chăm như một luật sư bên nguyên. “Cái gì là rõ ràng nhỉ? Ý tôi là, được thôi, cô ta đang có bầu; nhưng điều đó thì sao? Chẳng nhẽ những người sống ở châu Âu không bao giờ sinh nở?”

“Ôi, John, thật sự,” bà Givings nói. “Mẹ không nghĩ là chúng ta cần...”.

“Mẹ, mẹ có thể đứng ngoài chuyện này được không? Con đang hỏi một đấng mày râu một câu hỏi. Nếu anh ta không muốn trả lời con, con chắc rằng anh ta sẽ đủ khôn ngoan để đưa ra một lý do”.

“Dĩ nhiên rồi,” Frank nói, mỉm cười cúi xuống giày của mình. “Cứ cho rằng, theo ý chúng tôi, thì bất kỳ một ai ở bất kỳ nơi nào đều không được khuyến khích sinh con trừ khi họ đã đủ tự tin và chuẩn bị sẵn sàng kinh tế cho việc đó. Vì chuyện này xảy ra, cách duy nhất mà chúng tôi có thể có đủ khả năng là ở lại đây. Đó là vấn đề về tài chính, anh thấy đấy”.

“Được thôi”. John gật đầu hoàn toàn thoải mái, quan sát từ người này sang người kia vợ chồng nhà Wheeler. “Được thôi; đó là một lý do thoả đáng”. Cả hai người bọn họ trông đều nhẹ nhõm, nhưng bà Givings trở nên rất căng thẳng vì bà biết rằng, theo kinh nghiệm trong một thời gian dài, chuyện gì đó thật sự kinh khủng sắp xảy ra.

“Tiền luôn là một lý do chính đáng,” John nói. Anh ta bắt đầu đi quanh tám thăm, tay rút túi quần. “Nhưng nó chưa bao giờ là lý do thật sự cả. Lý do thật ở đây là gì? Vợ anh nói anh dừng lại, hay là vấn đề gì?” Và anh ta đặt cả sức nặng của nụ cười ngớ ngàng nhằm vào April, người đi ngang qua phòng để dúi điều thuốc vào chiếc gạt tàn. Mắt cô nhìn thoáng qua anh ta rồi lại nhìn xuống.

“Hm?”, anh ta khăng khăng. “Người phụ nữ bé nhỏ quyết định cô ta chưa sẵn sàng dừng việc đùa giỡn với gia đình? À ha, không phải là điều này. Tôi có thể nhận thấy. Trông cô ta rất cứng rắn. Cứng rắn, đàn bà, và quả như một địa ngục. Được thôi, rồi thì; nguyên nhân chắc hẳn là từ phía anh”. Và anh ta

nhún nhảy quanh Frank. “Có chuyện gì đã xảy ra thế?”

“Thôi mà, John” Bà Givings nói. “Con đang rất...”. Nhưng bây giờ không có gì ngăn cản được anh ta.

“Có chuyện gì đã xảy ra thế? Chẳng hay anh đã nguội lạnh hay là về vấn đề gì? Cuối cùng anh quyết định là anh thích nơi này? Cuối cùng anh suy tính nơi đây thuận tiện hơn, trong một “Sự trống rỗng Tuyệt vọng cổ điển”, hay - Wow, nhìn này! Hãy nhìn mặt anh ta này! Có vấn đề gì thế, Wheeler? Tôi hơi nóng quá chăng?”

“John, con khiếm nhã quá rồi đấy. Howard, ông hãy...”.

“Con trai, được rồi,” Howard Givings nói, chuẩn bị đi. “Bố nghĩ chúng ta nên...”.

“Này anh bạn,” John phá lên cười. “Này anh bạn! Anh có biết không? Tôi sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu anh có chủ đích làm cho cô ta có mang, nếu vậy thì anh sẽ dành cả quãng đời còn lại của đời mình núp dưới váy áo của bà bầu mà thôi”.

“Nghe này,” Frank Wheeler nói, và với sự ngỡ ngàng của bà Givings nắm đấm của anh siết chặt lại và người anh đang run lên từ đầu đến chân. “Tôi nghĩ rằng anh đủ rồi đấy. Ý tôi là anh nghĩ anh là ai chứ? Anh đến đây và nói bất kỳ điều gì quái quỷ chợt hiện lên trong cái đầu của anh, và tôi nghĩ rằng đã đến lúc ai đó cần phải can thiệp với những suy nghĩ của đờ hơi của anh...”.

“Nó không được khỏe, Frank,” bà Givings cố nói, và rồi bà mím môi thật chặt trong sự khiếp đảm.

“Ồ, không khoẻ cái chết tiệt ý. Xin lỗi bà Givings, nhưng tôi không quan tâm đến việc anh ta khoẻ hay ốm hay chết hay còn sống, tôi chỉ mong anh ta hãy giữ những suy nghĩ chết tiệt của mình trong cái nhà thương điên nơi thích hợp với những suy nghĩ đó”.

Trong khoảnh khắc yên lặng đầy đau khổ sau đó, trong lúc bà Givings tiếp tục cắn môi, tất cả bọn họ đều đã đứng ở giữa phòng; April ngượng chín người nhìn chăm chăm xuống sàn nhà; Frank vẫn đang run lên và thờ thành

tiếng, với một sự pha trộn khủng khiếp của thách thức và bẽ bàng hiện lên trong đôi mắt anh. Chỉ riêng với John, hiện với điệu cười trong sáng, là người duy nhất còn lại trong số họ dường như bình tĩnh hơn cả.

“April, cô đã có một người đàn ông cao cả,” anh ta nói, nháy mắt với cô trong lúc anh ta đội chiếc mũ lưỡi trai công nhân vào đầu mình. “Một gia đình của một người đàn ông cao cả, một công dân kiên định. Tôi cảm thấy đáng thương cho các bạn. Tuy nhiên, có thể các bạn là một cặp bài trùng. Trên thực tế, theo cách mà các bạn đang nhìn nhận, tôi bắt đầu cảm thấy anh ta cũng thật là đáng thương. Ý tôi là hãy suy nghĩ về điều đó, bạn đã thật sự mang lại cho anh ta một quãng thời gian tồi tệ, nếu như việc có con là cách duy nhất anh ta có thể chứng tỏ anh ta còn là một thằng đàn ông”.

“Thôi nào, John,” Howard lầm bầm. “Hãy đi ra ô tô nào”.

“April,” bà Givings thì thầm. “Tôi không thể xin lỗi hết được với cô bằng lời...”.

“Đúng rồi,” John nói, tránh xa cha mình. “Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi. Được chưa mẹ? Con đã nói đủ số lần “xin lỗi” chưa? Tôi cũng xin lỗi nữa. Khỉ thật. Tôi cá là tôi vừa là kẻ hay xin lỗi nhất mà tôi đã từng biết: Dĩ nhiên, hãy nói thẳng vào vấn đề, tôi không có đủ những thứ chết tiệt để vui thú về điều đó, có phải vậy không?”

Và ít nhất, bà Givings nghĩ rằng, nếu không có gì có thể cứu vãn thoát ra được một ngày kinh khủng như thế này, thì ít nhất là con trai bà cũng đã để cho Howard dẫn đi một cách yên lặng. Tất cả những gì bà làm bây giờ là đi theo họ, tìm cách đi qua sà và thoát ra khỏi ngôi nhà, và rồi để tình thế được chấm dứt.

Nhưng John vẫn chưa kết thúc. “Này, tôi cảm thấy vui ở một điều, dẫu sao,” anh ta nói, dừng lại ở gần cửa ra vào và quay lại, định cười, và bà Givings nghĩ là bà có thể chết đi được khi cậu ta đưa ngón tay trở bị ngả vàng chỉ vào cái bụng bầu hơi nhô ra của April. “Các bạn có biết là tôi vui với cái gì không? Tôi rất vui khi tôi không phải là đứa bé kia”.

CHƯƠNG VI

Điều đầu tiên mà Frank làm khi gia đình Givings biến ra khỏi nhà mình là rót cho mình một ly whiskey ngô và uống ngay lập tức.

“Được thôi,” anh nói, quay lại với vợ mình. “Được thôi, đừng bảo anh...”. Tửu lượng whiskey trong dạ dày làm cho anh ho quặn thắt. “Đừng bảo anh; hãy để cho anh tự đoán. Anh đã tự xây dựng một Hình ảnh đáng Kinh tởm về Bản thân. Có phải vậy không? Ồ, mà còn một điều nữa”. Anh đi theo cô thật sát, qua phòng bếp và đi vào phòng khách, trùng trùng giậm dũ trong hồ thẹn, tức giận và năn nỉ đến đáng thương ở đằng sau gáy cô. “Một điều nữa: Mọi điều đàn ông nói đều là sự thật. Có phải vậy không? Liệu đó có phải là điều mà em sắp nói?”

“Đương nhiên là em không phải nói. Anh đang nói hộ cho em rồi”.

“Ôi, nhưng April, chẳng nhẽ em không nhận thấy điều đó là sai sao? Chẳng nhẽ em không nhận thấy điều đó là sai kinh khủng hay sao, nếu như đó là những suy nghĩ của em?”

Cô quay lại đối diện với anh. “Không. Tại sao lại sai?”

“Vì đây là người đàn ông bị tâm thần”. Anh đặt ly rượu vào ngưỡng cửa sô, để hai tay được rảnh, và dùng đôi tay mình diễn tả sự bị kích động rất mạnh, cào lên cào xuống với mười đầu ngón tay trên bộ ngực của mình và rồi nắm thành những nắm đấm run lẩy bẩy đưa qua đưa lại dưới cằm. “Thằng đó,” anh lại nói, “bị thần kinh. Em có biết định nghĩa của từ “bị điên” là gì không?”

“Không. Còn anh?”

“Có chứ. Đó là sự mất khả năng quan hệ với con người. Đó là sự mất khả năng yêu thương”.

Cô bắt đầu cười. Đầu cô quay lại, hai hàm răng hoàn hảo của cô nhô về phía trước, và mắt cô nheo lại sáng rực lên với những tròng cười vang lên trong

phòng. “Khả,” cô nói; “khả... khả ăn... khả năng...”.

Cô trở nên quá khích. Quan sát cô khi cô đu đưa và lảo đảo hết đồ vật này đến đồ vật khác và rồi đến tường và rồi quay lại, cười và cười, anh tự hỏi không biết mình cần phải làm gì. Trong phim ảnh, khi phụ nữ bị kích động như thế này, đàn ông sẽ cho họ bạt tai đến khi họ dừng lại; nhưng đàn ông trong phim luôn giữ được bình tĩnh để làm rõ được việc họ bạt tai về điều gì. Còn anh thì không. Thực tế, thì anh không thể làm được bất kỳ một điều gì ngoài việc đứng sững ở đó và nhìn, mở miệng và ngậm miệng một cách ngu ngốc.

Cuối cùng thì cô rơi vào chiếc ghế bành, vẫn cười, và anh đợi theo như những gì anh phỏng đoán sẽ chuyển từ cười sang khóc - đó là những gì thường diễn ra trong phim - nhưng thay vào đó, sự lắng xuống của cô bình thường một cách thật kỳ lạ, giống như sự hồi phục từ một câu chuyện cười hơn là từ sự kích động.

“Ôi,” cô nói. “Ôi, Frank, anh thật là một người nói giỏi. Nếu trắng có thể đổi thành đen chỉ bằng việc nói, anh hẳn là phù hợp với công việc đấy. Vì vậy, hiện em đang điên vì em không yêu anh - có phải vậy không? Đó có phải là điều anh muốn nói?”

“Không. Sai rồi. Em không điên, em có yêu anh; đó là điều anh muốn nói”.

Cô bước đi và tránh xa anh ra, mắt cô vụt sáng. “Nhưng em không,” cô nói. “Trên thực tế em ghê tởm khi phải nhìn thấy anh. Thực tế, nếu anh đến gần em hơn, nếu anh chạm vào em hay làm bất kỳ điều gì em nghĩ là em sẽ hét lên”.

Anh có chạm vào cô. “Em à, nghe...”, và cô hét lên thật.

Rõ ràng đó là một cái hét giả tạo, được thực hiện trong lúc cô nhìn vào mắt anh một cách lạnh lùng, nhưng nó đủ cao, chói tai và đủ to để làm rung chuyển ngôi nhà. Khi âm thanh ồn ào của tiếng hét dừng lại anh nói:

“Quý tha ma bắt em đi. Phỉ nhổ vào tất cả cái thói khinh khỉnh, đáng ghét. Lại đây, phỉ nhổ vào tất cả...”.

Cô quay nhanh đến lạng người qua anh và kéo một chiếc ghế thẳng để chặn

đường anh; anh chộp lấy nó, quăng nó vào tường và một chân ghế bị gãy.

“Và bây giờ anh sẽ làm gì?” Cô chế nhạo anh. “Anh sắp đánh em chẳng? Để thể hiện anh yêu em đến nhường nào?”

“Không”. Và ngay lập tức anh cảm thấy vô cùng khỏe. “Ồ, không. Đừng lo. Anh không thêm làm việc đó. Em không đáng được đánh. Em không đáng được quở trách. Em thật vô vị...”. Anh nhận thấy, khi giọng anh lấp đầy, một cảm giác tự do xa hoa vì bọn trẻ không ở nhà. Không ai ở đây, và không ai đang đến; mình họ có cả cái nhà chứa đầy tiếng vang. “Em là một con đàn bà với một lớp vỏ bọc rỗng tuếch, và vô vị...”. Đây chính là lần đầu tiên của một cuộc cãi vã được dồn hết tâm trí và to đến như thế trong hàng nhiều tháng qua, và anh đã dành hết cơ hội này để thể hiện mình, hiên ngang và vây bủa cô khi anh hét lên, run lên và thở hổn hển. “Em sống làm cái quái gì trong ngôi nhà của tôi, nếu em căm ghét tôi đến như thế? Hả? Em sẽ trả lời chứ? Em mang giọt máu con tôi trong em làm quái gì?” Giống như John Givings, anh chỉ thẳng vào bụng cô. “Tại sao em không bỏ quách nó đi, khi em còn cơ hội? Vì, nghe đây này, nghe đây này: Tôi có tin cho em nhé”. Sự đè nén lên đến tột đỉnh bắt đầu được thả lỏng trong anh, khi anh chậm rãi và thanh thản nói đầy ngữ điệu với những từ tiếp theo, làm cho câu nói dường như là cái máy hút bụi chọc thủng tới sự thật mà anh chưa từng bao giờ làm được trước đó: “Tôi đã cầu mong với Chúa rằng em hãy làm việc đó”.

Quả thật là một lối thoát hiểm hoàn hảo. Anh đi lao qua cô và ra khỏi phòng, đi về phía hành lang đang nghiêng đi, tròn tránh và đi vào phòng ngủ, nơi anh đá cái cửa đóng rầm lại đằng sau anh, ngồi một cách đầy sung sức trên giường và đập mạnh nắm đấm tay phải vào lòng bàn tay còn lại. Wow!

Thật đúng là một điều để nói! Nhưng đó không phải là sự thật chứ? Chẳng nhẽ anh đã cầu mong cho cô làm việc đó? “Đúng,” anh thì thầm thật to. “Đúng, tôi đã muốn. Tôi đã muốn. Tôi đã muốn”. Anh thở bằng miệng thật nhanh và dốc, và tim anh giống như một cái trống vậy: sau một lúc anh bậm đôi môi khô rang của mình lại và nuốt vào, đến nỗi mà âm thanh duy nhất trong phòng chỉ là tiếng xoạt xoạt của không khí hít vào thở ra qua lỗ mũi anh. Rồi thì, cơn bực tức giảm xuống, rất từ từ, khi máu trong người anh chảy chậm lại, và mắt anh bắt đầu cảm nhận thấy đồ vật quanh mình: cửa sổ có ô kính và rèm sáng rực với màu của hoàng hôn; những bình và lọ sức mùi thơm, tươi sáng trên bàn ăn của April; áo dạ tiệc màu trắng của cô được treo trên mắc bên trong tủ quần áo đang được mở, và đôi giày của cô được xếp

ngăn nắp theo hàng dọc theo tủ quần áo: giày cao ba phân, giày mùa, giày đi ngủ màu xanh da trời dính đất.

Hiện mọi thứ đều rất yên tĩnh; anh bắt đầu cảm thấy anh không nên tự nhốt mình ở đây. Thêm nữa, anh muốn uống thêm một ly nữa. Rồi anh nghe thấy tiếng cửa phòng bếp đóng sầm lại, cảnh vật cũng đóng sập lại sau nó, và nỗi hoảng sợ cổ điển bắt đầu tăng lên: cô đang bỏ anh mà đi.

Anh đã đứng dậy và chạy qua ngôi nhà, định rằng sẽ giữ lấy cô và nói một điều gì đó - bất kỳ một điều gì - trước khi cô nổ máy; nhưng cô đã không ở trong ô tô, và ở bất kỳ chỗ nào gần đây. Không thấy cô ở đâu cả. Cô đã biến mất. Anh chạy dọc quanh phía ngoài nhà tìm cô, má anh thõng xuống rung rung, và anh lại bắt đầu chạy quanh ngôi nhà một cách không ý thức cho đến khi anh nhận thấy bóng cô trên rùng. Cô đang leo loạng choạng lên đồi, trông thật nhỏ bé giữa đá và rùng cây. Anh chạy hết tốc lực qua bãi cỏ, nhảy qua bức tường đá thấp và suýt ngã vào bụi rậm, theo sau cô, tự hỏi liệu lần này cô có lên cơn điên thật không. Cô đi lang thang trên đó làm quái gì thế nhỉ? Liệu cô, nếu khi anh giữ được cô, ôm lấy cánh tay cô và xoay người cô lại, liệu cô có nở một nụ cười mát trí, trông rộng không nhỉ?

“Anh đừng có đến gần hơn nữa,” cô kêu lên.

“April, nghe này, anh...”

“Anh đừng có đến gần hơn nữa. Chẳng nhẽ em không thể chón chạy khỏi anh trong rừng hay sao?”

Anh dừng lại, thở hổn hển, mùi thuốc Anh phía sau cô. Ít nhất thì cô cũng đã đứng; khuôn mặt cô thật rõ. Nhưng họ không thể cãi nhau ở trên này - họ sẽ bị những ngôi nhà ở phía dưới đường nhìn thấy và nghe thấy.

“April, nghe này. Anh không có ý như thế. Thật sự đấy; anh không có ý là anh muốn làm điều đó”.

“Anh vẫn đang nói à? Liệu có cách gì làm cho anh thôi không nói nữa không nhỉ?” Cô đang gắng hết sức mình dựa người vào thân cây, nhìn xuống phía anh.

“Em hãy xuống đi. Em làm gì trên đó đấy...”

“Anh có muốn tôi tiếp tục hét lên nữa không, Frank? Vì tôi sẽ hét lên, nếu anh nói thêm một lời nào nữa. Tôi nói thật đấy”.

Và nếu cô hét lên ở đây, bên sườn dốc này, từng ngôi nhà trên Con đường Cách mạng sẽ nghe thấy tiếng cô. Mọi người ở trên đồi cũng nghe thấy tiếng của cô, và cả ở nhà của Campbell nữa. Không có gì để cho anh làm ngoài việc anh phải quay về một mình, đi băng qua rừng đến bãi cỏ, rồi đi vào trong nhà.

Khi anh quay trở lại phòng bếp, anh dồn toàn tâm trí của mình vào việc quan sát cô qua cửa sổ, đứng đó - hay núp mình, và cuối cùng là ngồi trên ghế - đủ xa trong bóng tối để cô không thể nhìn thấy anh.

Dường như cô không định làm gì ở trên đó: cô tiếp tục đứng dựa vào cây, và vào lúc chạng vạng thật khó có thể nhận ra cô. Thi thoảng có một ngọn lửa vàng loé sáng khi cô châm thuốc, và rồi anh quan sát thấy tàn lửa đỏ bé xíu dần tạo thành hình vòng cung trong khói thuốc; khi đốm lửa hết thì toàn bộ cảnh vật rơi vào một màu đen tối sẫm.

Anh tiếp tục bèn bí quan sát chỗ trong rừng cây cho đến khi anh ngạc nhiên nhận thấy hình bóng xanh xao của cô ở tầm nhìn gần hơn: cô đang đi qua bãi cỏ về nhà. Anh chỉ kịp ra khỏi bếp trước khi cô bước vào nhà. Rồi, giấu mình trong phòng ngủ, anh nghe thấy cô nhắc điện thoại và quay số.

Giọng cô thật bình thường và bình tĩnh. “Xin chào, Milly? Chào... à, vâng, họ đã đi cách đây ít phút. Nghe này, mặc dầu, tôi muốn nhờ chị chút việc. Vấn đề là tôi không cảm thấy khỏe; tôi nghĩ là tôi bị cúm hay là bị sao đó, và Frank thì đang rất mệt. Liệu chị có thể giúp tôi trông bọn trẻ tối nay được không?... Ôi, thế thì thật tuyệt, Milly, xin cảm ơn chị... Dạ, thôi không cần đâu, tôi qua bọn trẻ đã tắm rồi... Tôi biết chắc là chúng sẽ rất thích mà. Chúng luôn có những khoảng thời gian thú vị bên nhà anh chị... Được thôi. Sáng mai tôi sẽ gọi chị”.

Rồi cô đi vào phòng khách và bật đèn, ánh sáng chói lòa bất chợt làm cho họ chớp mắt và nheo lại. Những gì anh cảm thấy, trên tất cả mọi thứ, là trạng thái bối rối. Trông cô cũng bối rối, cho đến khi cô đi qua phòng và nằm xuống ghế sofa với vẻ mặt xa xăm.

Đã nhiều lần nếu sự việc xảy ra như thế này, trong quá khứ, anh đã bỏ đi, rồ máy và phóng xe đi xa hàng dặm, dừng lại ở một quán bar nhấp nháy liên tục đèn xanh đỏ, thua cuộc ở những quầy rượu say bí tỉ, ủ rũ lắng nghe những chuỗi hội thoại say khướt của hầu bàn và những công nhân xây dựng, lắng nghe máy hát tự động đến chói tai và rồi lại lái xe đi, phóng tốc độ, mất trọn vẹn cả đêm trước khi anh có thể rơi vào giấc ngủ.

Nhưng anh đã không làm thế tối nay. Vấn đề là trong quá khứ chưa bao giờ rơi vào tình huống như thế này. Về mặt thể xác anh không có đủ sức để bỏ đi và lái xe một mình. Đầu gối anh gàn như đông cứng và đầu anh kêu o o, và anh nhu mì đến nỗi sợ khi cảm thấy muốn được chui vào vỏ bọc của ngôi nhà; tất cả những gì anh có thể làm là dọn đường đến phòng ngủ và tự nhốt mình trong đó, mặc dầu lần này, với tất cả sự thất vọng, anh chỉ có thể nhận thức được là mang theo chai Whiskey vào phòng.

Tiếp đến là một đêm với những giấc mơ kinh hoàng và sóng động, khi anh nằm sóng soài đầy mồ hôi trên giường trong bộ quần áo chưa thay của mình. Tỉnh thoảng, tỉnh hay mơ anh thức giấc, anh nghĩ anh nghe thấy tiếng April đi lại quanh nhà; rồi có lúc, gần về sáng, anh đã có thể chắc rằng anh mở mắt và thấy cô ngồi sát bên cạnh anh ở mép giường. Đó có phải là giấc mơ không, hay là không phải?

“Em à,” anh thì thầm qua làn môi sưng phồng và nứt nẻ. “Em à, đừng đi”. Anh với lấy tay cô và nắm lấy nó. “Em à, ở lại đây”.

“Sh-sh-sh. Thôi nào,” cô nói, và siết chặt những ngón tay của anh. “Thôi nào, Frank. Ngủ đi anh”. Âm thanh giọng nói cô và cảm giác lạnh lẽo của tay cô mang lại cho anh một phép màu của hoà bình đến nỗi anh không quan tâm liệu đó là có phải là giấc mơ hay không; nó đủ để cho anh chìm vào một giấc ngủ say thật bình yên.

Rồi tiếp đến là sự nhận thức đau khổ khi anh tỉnh dậy thực sự, một mình; và anh chỉ kịp quyết định có thể không đi làm ngày hôm nay trước khi anh nhớ ra là hôm nay anh phải đi. Hôm nay là ngày hội thảo chi tiết. Rùng mình, anh bắt mình đứng dậy và đi vào buồng tắm, nơi anh có thể thả mình một cách nhẹ nhàng với những thử thách của vòi hoa sen và máy cạo râu.

Một hy vọng không căn cứ, không logic bắt đầu làm tim anh đập nhanh khi anh mặc quần áo. Nếu như đó không phải là giấc mơ thì có nghĩa là sao nhỉ?

Sẽ là gì nếu cô đến và ngồi ở đó, trên giường và nói với anh theo cách như vậy? Và khi anh đi vào phòng bếp, dường như hy vọng của anh được khẳng định. Thật là đáng ngạc nhiên vô cùng.

Bàn ăn được dọn chỗ cẩn thận cho bữa sáng của hai người. Phòng bếp tràn ngập ánh đèn và những hương thơm của cà phê và thịt hun khói. April đang ở bên cạnh lò nướng, mặc một chiếc váy bầu tươi tắn, và cô nhìn anh với một nụ cười nguợng nghịu.

“Chào anh,” cô nói.

Anh thật sự muốn khuyu xuống và ôm vòng quanh đùi cô; nhưng anh đã lùi lại. Có gì đó nói với anh rằng - có thể chính vẻ nguợng ngừng của nụ cười cô - tốt hơn là không nên nói gì; tốt hơn là nên cùng cô tham gia vào trò chơi này, sự giả bộ tinh vi và kỳ lạ này dường như muốn khẳng định không có gì xảy ra ngày hôm qua. “Xin chào,” anh nói, không hoàn toàn nhìn vào mắt cô.

Anh ngồi xuống và gỡ khăn ăn ra. Thật là tuyệt diệu. Không một buổi sáng nào sau chiến tranh lại có thể dễ dàng đến như thế này - nhưng, tuy nhiên, anh nghĩ khi anh hơi nhấm một ngụm nước cam, không có một cuộc chiến nào lại kinh khủng đến như thế. Cuối cùng thì liệu có phải là họ tự chiến tranh với chính bản thân mình? Có thể đây là những gì diễn ra khi thật sự và thật ra không có gì để nói, hoặc là cay nghiệt hoặc là tha thứ. Cuối cùng thì cuộc sống vẫn tiếp diễn.

“Thật là một buổi sáng dễ chịu, phải vậy không em?” Anh nói.

“Vâng, đúng thế. Anh muốn trứng bác hay rán?”

“Ồ, thật ra thế nào cũng được... à, mà cho anh trứng bác, anh nghĩ thế, nếu thuận tiện cho em”.

“Được thôi ạ. Em cũng đã chuẩn bị trứng bác rồi”.

Và ngay sau đó họ cùng ngồi đối diện với nhau trên bàn ăn đầy ánh sáng, nhẹ nhàng nói với nhau khi đưa cho nhau bánh mì nướng bơ. Lúc đầu anh còn ăn rụt rè. Nó giống như lần đầu anh đưa bạn gái đi ăn tối, ở tuổi mười bảy, khi ý nghĩ của việc đưa thức ăn vào mồm và nhai, ở ngay đó trước mặt

cô, dường như là một cử chỉ lỗ mãng không thể hiểu được; và những gì đã cứu nguy cho anh bây giờ chính là những gì đã cứu nguy cho anh trước kia: sự phát hiện đến mức đáng ngạc nhiên là anh đang đói đến mức độ không thể kiểm soát được.

Trong khi nhai anh nói: “Thật là một buổi sáng thú vị khi không có bọn trẻ”.

“Vâng”. Cô không ăn trứng của mình, và anh nhận thấy những ngón tay của cô đang run lên khi cô vói lấy tách cà phê; ngoài ra thì trông cô hoàn toàn bình tĩnh. “Em nghĩ rằng anh có thể mong có một bữa sáng để chịu sáng nay,” cô nói. “Ý em là đây là một ngày quan trọng của anh, đúng vậy không? Hôm nay có phải là ngày anh có buổi họp với Pollock đúng không?”

“Đúng vậy”. Cô ta thậm chí còn nhớ cả đến việc này nữa! Nhưng anh che giấu sự hài lòng của mình với nụ cười đủ rộng và không tán thành mà anh đã dùng hàng nhiều năm mỗi khi nói với cô về Knox, và nói: “Một cuộc họp quan trọng”.

“Thật ra,” cô nói, “Em nghĩ rằng đôi với họ, dẫu sao, cũng là một cuộc họp quan trọng. Chính xác, theo anh, anh sẽ làm gì? Cho đến khi họ bắt đầu cho anh cơ hội, ý em là vậy. Anh chưa bao giờ nói với em nhiều về điều này”.

Cô đang đùa à, hay là có ý gì? “Anh chưa bao giờ nói với em á?” Anh hỏi. “Thật ra, dĩ nhiên bản thân anh cũng không hiểu lắm; đó là một công việc. Anh nghĩ hình như đó là vấn đề của những gì mà Pollock gọi là “đưa ra mục tiêu” - mọi người ngồi quanh và để cho ông ta nói, anh nghĩ thế. Hành động giống như bọn anh biết vài điều về máy tính. Và dĩ nhiên lý do chính cho toàn bộ sự việc, ít nhất, anh nghĩ đó là lý do chính, là Knox có thể đã sẵn sàng mua một trong những công ty máy tính thực sự đồ sộ này, đồ sộ hơn “500”. Anh đã nói với em về chuyện này chưa nhỉ?”

“Chưa, em nghĩ là chưa”. Và điều tuyệt diệu là trông cô như thể cô rất thích nghe nói về điều này.

“Thật ra, em biết đấy - một trong những việc to lớn khổng lồ giống như Univac; một loại máy móc họ sử dụng để dự báo thời tiết và dự đoán về bầu cử và tất cả mọi việc tương tự như vậy. Và anh nghĩ những công việc đó bán được một đôi ba triệu đô một món, em thấy đấy; nếu Knox sản xuất một loại sản phẩm này họ sẽ phải tổ chức một chương trình quảng cáo đầy đủ trọn

ven. Anh nghĩ có thể đó là điều sẽ diễn ra”.

Anh cảm nhận thấy một cảm giác kỳ lạ làm cho phổi anh thở sâu hơn, hoặc là không khí đậm đặc ô-xy hơn. Vai anh, cứng và vươn cao, dần được thư giãn khi tựa lưng vào ghế. Liệu đây có phải là cách mà những người đàn ông khác cảm nhận thấy khi họ nói với vợ về công việc của họ hay không?

“... Đơn giản nó chỉ là một cái máy thực sự khổng lồ, thực sự được cài thêm tốc độ,” anh nói để giải đáp những mong muốn đúng mực của cô để hiểu biết về một chiếc máy tính thực sự hoạt động như thế nào. “Chỉ thay vì những phần kỹ thuật, em biết đấy, nó có hàng nghìn những cái ống hút bụi cá nhân riêng lẻ...”. Và trong giây lát anh vẽ ra cho cô, trên khăn ăn, một biểu đồ thể hiện sự chuyển tiếp của xung số nhị phân trong mạch.

“À, thì ra là thế,” cô nói. “Ít nhất, em nghĩ em biết; vâng, thật sự đây là một loại công việc... thú vị, có phải vậy không?”

“Thật ra, anh không biết. Đó là - thì cũng, anh nghĩ, là một thể loại công việc thú vị, theo cách riêng của nó. Dĩ nhiên anh không thật sự biết nhiều về công việc này, ngoài những kiến thức cơ bản”.

“Anh luôn nói như vậy. Em cá rằng anh biết nhiều hơn anh tưởng. Dầu sao thì anh cũng đã giải thích hoàn toàn tốt”.

“Thế à?” Anh cảm thấy hai má đang cười của anh nóng lên khi anh nhìn xuống và cất chiếc bút chì lại vào trong bộ vét vải gabardine nhẵn. “Ồ, cảm ơn em”. Anh kết thúc tách cà phê thứ hai và đứng dậy. “Chắc anh phải đi rồi”.

Cô cũng đứng dậy, phui chiếc váy juýp.

“Nghe này, April; điều này thật sự tuyệt vời”. Thành cổ họng anh cứng lại. Anh cảm thấy anh sắp khóc, nhưng anh cố giữ lại. “Ý anh là một bữa sáng tuyệt vời,” anh nói, mắt nhấp nháy. “Thật sự; anh không biết anh có được một bữa sáng thú vị đến như thế này”.

“Cảm ơn anh,” cô nói. “Em cũng thấy vui; em thật sự thấy vui”.

Và liệu anh có nên bước ra bây giờ không? Không cần phải nói gì? Nhìn cô

khi họ đi về phía cửa, anh tự hỏi nếu anh có thể nói “Anh không thể nói hết được bằng lời với em là anh đã cảm thấy kinh khủng đến như thế nào về việc xảy ra ngày hôm qua,” hay là “Anh thật sự yêu em,” hay một thứ gì đó như vậy; hay liệu có tốt hơn khi không mạo hiểm khơi lại sự việc? Anh ngập ngừng, quay lại đối diện với cô, và cảm thấy miệng mình đang biến dạng thành một hình thù xấu xí.

“Rồi em không thật sự...” anh bắt đầu. “Em thật sự không ghét anh, hay là một điều gì đó tương tự chứ?”

Mắt cô trông sâu thẳm và nghiêm túc; cô dường như thấy vui khi anh hỏi cô điều đó, như thể nó là một trong vài câu hỏi trên đời này cô có thể trả lời với uy quyền của mình. Cô gật đầu. “Không, dĩ nhiên là em không”. Và cô giữ cho cửa mở. “Chúc anh một ngày vui vẻ nhé”.

“Anh sẽ như vậy. Em cũng thế nhé”. Và rồi thật dễ dàng để quyết định cần phải làm gì tiếp theo: không cần phải ôm lấy cô, anh chậm chậm như trong phim, cúi xuống về phía môi cô.

Khuôn mặt cô, khi gần hơn, để lộ ra ngay một sự ngạc nhiên hay ngập ngừng, nhưng rồi nó cũng dịu lại; cô nhắm nửa mắt và để chắc rằng, dù chỉ thoáng qua, đó là một nụ hôn nhẹ nhàng của nhau và mong chờ cho nhau. Chỉ sau khi nụ hôn được kết thúc anh mới chạm vào cô bằng đôi tay mình, trên cánh tay cô. Cuối cùng, cô cũng là một cô gái thật ưa nhìn.

“Em này,” anh nói khàn khàn. “Chuyện quá em nhỉ!”

CHƯƠNG VII

April Johnson Wheeler ngấm khuôn mặt của chồng mình rụt lại, cảm thấy tay anh đang siết nhẹ vào cánh tay mình nghe tiếng anh nói, và cô cười với anh.

“Vâng, dài quá”. Cô đáp lại.

Cô đi theo anh ra ngoài, đứng trên bậc thềm nhà bếp và quan sát, tay quắp chặt bởi cái lạnh của buổi sáng, trong khi anh chuẩn bị xe và lái âm âm ra khỏi ga-ra hoà vào ánh nắng mặt trời. Dáng vẻ phấn chấn của anh, duỗi chân và nhún ga khi ô tô chạy qua thể hiện không một điều gì ngoài việc chứng minh sự điềm đạm của một đấng mày râu với sự tự phụ có thể tha thứ được vì đã biết làm thế nào để lùi được xe một cách chuẩn xác để đi xuống đồi. Cô bước ra một chỗ đầy nắng trước nhà để xe để nhìn anh đi khuất, nhìn theo dáng vẻ cũ kĩ của chiếc Ford trở nên bé dần bé dần. Vào cuối đoạn đường rẽ, khi anh vòng trở lại để đi ra đường cái, tia nắng mặt trời yếu ớt rơi vào kính chắn gió làm mờ đi khuôn mặt anh. Dù sao thì cô cũng giơ tay lên và vẫy, nhớ khi anh đang nhìn, và khi anh lại xuất hiện trong tầm nhìn khi chiếc xe phóng thẳng đi, rõ ràng là anh nhìn thấy cô. Anh cúi xuống và cười toe toét với cô, gọn gàng và hạnh phúc trong bộ đồ vét bằng vải gabardine, chiếc áo sơ mi trắng của anh sáng rực rỡ và chiếc cà vạt tối màu đang đáp lại cô với một cái vẫy tay nhấp nhô, khoái chí; rồi bóng anh khuất hẳn.

Nụ cười cô vẫn còn vương đó cho đến khi cô quay vào bếp, tổng bát đĩa của bữa sáng vào bồn rửa toàn bọt xà phòng; thực ra cô vẫn đang cười khi cô nhìn thấy tờ khăn ăn vẽ biểu đồ máy tính còn hiện ra ở đó, và thậm chí nụ cười của cô cũng không phai nhạt đi: đơn giản là nụ cười nhếch ra, run lên và được khoá chặt trong sự đau đớn đã bị chết cứng lại trong những cơn đau liên tục quặn thắt ở cổ, và rồi nước mắt vỡ oà và rơi xuống má cô nhanh như cô có thể lau chúng ngay đi được.

Cô bật nhạc ở radiô để trấn tĩnh thần kinh, vào lúc cô rửa xong bát cô đã trở lại được trạng thái bình thường. Lợi cô đau tê tái vì hút quá nhiều thuốc vào ban đêm, tay cô đang run lên và cô cảm nhận thấy nhịp đập của tim mình nhanh hơn bình thường; còn lại thì cô cảm thấy bình thường. Dù sao, đó

cũng là một cú sốc. Khi radiô thông báo giờ “tám giờ bốn năm”, dường như đã là buổi chiều, đầu giờ chiều. Cô rửa mặt bằng nước lạnh và thở thật sâu, cố gắng giữ cho tim mình đập chậm trở lại; rồi cô châm thuốc và trấn tĩnh mình bên chiếc điện thoại.

“Chào Milly!... Xin chào, mọi thứ ổn chứ ạ?... Giọng tôi sao cơ?... Ồ, không, thật ra tôi cảm thấy không được khá hơn; vì thế nên tôi gọi điện... Không biết có làm phiền chị quá không? Ý tôi là có thể sẽ không phải mất thêm một tối nữa; có thể Frank sẽ muốn đón bọn trẻ tối nay, phụ thuộc vào công việc được thực hiện như thế nào; nhưng tôi nghĩ rằng tôi nên để mở thì tốt hơn, ngộ nhớ... Thật ra, chị tuyệt vời quá, Milly, tôi rất cảm kích. Ồ, không, không có gì trọng đâu; nó chỉ là - chị biết đấy, một trong những thứ... rồi sẽ ổn thôi mà. Cho tôi gửi đến bọn trẻ cái hôn nhé, và nói với chúng rằng một trong hai người chúng tôi sẽ rẽ qua để đón chúng, có thể là tối nay hay ngày mai... Gì cơ ạ?... Ồ, thật ra... không, nếu như chúng chơi ở bên ngoài. Thôi đừng gọi chúng vào”. Tàn thuốc vỡ ra thành từng vụn nhỏ trên ngón tay của cô; cô thả điếu thuốc vào chiếc gạt tàn và cả hai tay cùng nắm chặt lấy điện thoại. “Chỉ cần chuyển cho mỗi đứa... chị biết đấy; cho mỗi đứa một cái hôn giúp tôi, yêu chúng giúp tôi và nói với chúng rằng... chị biết đấy... Mà thôi, Milly. Xin cảm ơn chị nhé”.

Và cô chỉ kịp gác máy trước khi cô bật khóc. Để kiểm chế bản thân, cô lại châm một điếu thuốc khác, nhưng điếu thuốc đã làm cô nghẹn lại và cô phải chạy vào toa-lét, đứng ở đó một lúc lâu, nôn khan thậm chí sau khi cô đã nôn hết tất cả những gì ít ỏi mà cô đã cố ăn vào bữa sáng. Sau cùng, cô lại rửa mặt và đánh răng, và rồi đã đến lúc phải bận rộn rồi.

“Con đã suy nghĩ kỹ chưa, April?” Di Claire thường hay nói như vậy, giờ ngón tay trở bị viêm khớp lên một cách dứt khoát. “Đừng bao giờ làm gì khi con chưa nghĩ được thấu đáo; và hãy làm những gì tốt nhất mà con có thể”.

Điều đầu tiên là phải sắp xếp ngăn nắp lại ngôi nhà, đặc biệt là dọn dẹp bàn làm việc, nơi, tối qua, cô đã dành hàng giờ liền để cố nghĩ cho thật thấu đáo, còn vương lại một đồng tàn dư. Cái gạt tàn bị chất đông lên vẫn còn ở đó, lọ mực đang bị mở ra được bao quanh bởi toàn tàn thuốc, và tách cà phê còn đọng lại một vòng tròn màu nâu đã khô cong lại. Cô chỉ việc ngồi xuống bàn làm việc và bật đèn để nhớ lại nỗi niềm phảng phất sự sầu não, tan hoang của những giây phút ngắn ngủi.

Trong sọt rác, xếp lại thành đống và vỡ vụn ra, phô bày sự thất bại của những lá thư mà cô đã cố viết. Cô nhặt một lá thư lên, mở nó và trải phẳng ra, nhưng trước tiên cô không thể đọc nó: cô chỉ có thể ngỡ ngàng là sao mà chữ viết lại trông đầy tức giận, đen tối và bị câu thúc đến như vậy, giống như hàng nối hàng những con muỗi bị đập nát chính xác đến thế. Một phần của lá thư, đã viết được đến một nửa trang, đã thu hút được sự chú ý:

... sự tự dối mình đến đờn hèn của anh về “tình yêu”, khi anh nhận ra cũng như tôi, thì đã không còn gì giữa hai chúng ta nữa ngoại trừ sự khinh thường, sự ngờ vực và một sự phụ thuộc đến ghê sợ vào điểm yếu của mỗi người... vì thế. Vì thế, ngày hôm nay tôi đã không thể nhìn được cười khi anh nói về sự Mất khả năng Yêu thương, tôi không thể chịu đựng được lại để cho anh chạm vào tôi, và vì vậy tôi sẽ không bao giờ lại tin vào bất kỳ điều gì anh nghĩ, hãy cứ sống một mình với những gì anh nói...

Cô không muốn đọc tiếp phần còn lại vì cô biết rằng nó không đáng đọc nữa. Nó chỉ thể hiện một sự căm thù yếu ớt, giống như tất cả những lá thư mới viết khác trên những tờ giấy nát kia; tất cả những lá thư này cần phải được đốt hết.

Mãi cho đến tận 5 giờ sáng nay - và có thể là chỉ cách đây có bốn tiếng? - cuối cùng cô đã thôi không viết thư nữa. Rồi cô bắt mình phải đi ra khỏi bàn, đau đớn vì mệt mỏi, và ngâm mình trong bồn tắm nước ấm thật lâu, nằm im không động đậy dưới mặt nước phẳng lặng một lúc, giống như bệnh nhân đang trị liệu. Cuối cùng, cảm thấy đãng trí và hết sức bình tĩnh, cô đi vào phòng ngủ, mặc quần áo; và anh ở đó, đang nằm.

Hình ảnh anh, trong ánh sáng màu xanh buổi sớm, nằm ườn ra, cuộn tròn trong bộ đồ thể thao ngày chủ nhật nhăn nheo, làm cho cô sửng sốt như thể cô nhìn thấy một người lạ mặt đang nằm trên giường. Khi cô ngồi xuống bên cạnh mùi hôi nồng nặc của whiskey để nhìn được gần hơn vào khuôn mặt đang ngủ và đầy xúc động của anh, cô bắt đầu nhận ra nguyên nhân thật sự cho sự ngỡ ngàng của cô: nó còn lớn hơn cả sự nhận thức rằng cô không yêu anh. Chính là vì cô đã không, cô đã không thể căm ghét anh. Ai có thể căm ghét anh được cơ chứ? Anh là... thật ra, anh là Frank.

Rồi anh thốt ra một tiếng than vãn còn đang ngái ngủ và môi anh bắt đầu làm việc khi anh tìm tay cô. “Em à, em à, em đừng đi...”.

“Sh-sh-sh. Thôi nào anh. Thôi nào, Frank. Anh ngủ đi”.

Và đó là lúc cô nghĩ được thấu đáo.

Vì thế thật sự không phải là sai trái hay không thành thật khi cô nói không vào sáng nay, khi anh hỏi liệu cô có ghét anh, một cái gì đó còn lớn hơn cả sự sai lầm hay không thành thật để chuẩn bị cho anh một bữa sáng công phu và thể hiện sự quan tâm tỉ mỉ đến công việc của anh, và hôn tạm biệt anh. Nụ hôn, trong hoàn cảnh này, hoàn toàn là đúng - một sự công bằng hoàn hảo, một nụ hôn bằng hữu, một nụ hôn dành cho một cậu bé mà bạn mới quen ở bữa tiệc, một cậu bé nhảy với bạn, làm cho bạn cười và sau đó đưa bạn về nhà, chỉ nói chuyện về bản thân mình trong suốt đoạn đường đi.

Một sai lầm thật sự duy nhất, điều sai trái và không thành thật duy nhất, là đã từng coi anh lớn hơn giá trị thật của anh. Ôi, khoảng một hai tháng nay, chỉ là đùa vui thôi, có thể hoàn toàn ổn để chơi trò chơi này với cậu bé; nhưng để cả trong suốt những năm tháng này... Và tất cả là bởi vì, với một khoảng thời gian trông trải cách đây đã lâu, cô đã nhận thấy một cách dễ dàng và dễ tin vào bất kỳ điều gì mà cậu bé này cảm thấy thích nói, và để đáp lại sự vui thích của cậu bé bằng cách tự nói những lời nói dối dễ dàng và dễ thương - cho đến khi cậu bé nói “Anh yêu em” và cô nói “Thật sự, ý em là, anh là người thú vị nhất mà em đã từng gặp”.

Thật đúng là một sự lừa dối khôn khéo đưa bạn vào tình thế phải đi theo con đường đấy! Vì một khi bạn đã bắt đầu thì thật khó có thể dừng lại được; và chẳng bao lâu sau bạn lại nói “Em xin lỗi, anh đã đúng,” và “Tất cả những gì anh nghĩ đều là tốt nhất,” “Anh là một vật mẫu giá trị và tuyệt vời nhất trên đời”, và điều tiếp theo mà bạn có thể thấu hiểu, toàn bộ sự chân thành, toàn sự thật, đều trở nên xa vời và mơ hồ như không thể đạt được một cách tuyệt vọng như thế giới của những người bằng vàng. Rồi bạn sẽ phát hiện ra bạn đang ứng xử với cuộc sống theo cách mà nhóm Laurel đã diễn trong vở *Rừng hoá đá*, hay theo cách mà Steve Kovick chơi trống - sôt sắng và tùy tiện, đầy kỳ vọng, và tất cả đều là sai; bạn nhận thấy bạn đang nói đồng ý khi bạn muốn nói ý không, và “Chúng ta sẽ phải cùng nhau làm việc này” khi bạn muốn nói ý ngược lại; rồi bạn phải hít thở mùi dầu như thể bạn đang được ngửi hương thơm của hoa và từ bỏ chính bản thân mình trong cơn mê sảng của tình yêu dưới sức nặng của một người đàn ông mặt đỏ, hay cần nhân và vụng về mà thậm chí không thích - Shep Campbell - và rồi bạn rơi vào tình thế mặt đối mặt, trong tràn ngập bóng tối, với nhận thức không biết

mình là ai.

Và làm sao mà ai khác có thể bị lên án bởi tất cả điều đó?

Khi cô dọn bàn làm việc và chuẩn bị giường cho Frank với một tấm ga còn tươi mới, cô mang sọt rác ra ngoài cửa và đi vòng ra sân sau. Đó là một ngày mùa thu, ấm nhưng gió buốt nhẹ làm tung bay những chiếc lá rải rác trên thảm cỏ và làm cho cô nhớ lại những thời kỳ đầu đời dững cảm của tuổi niên thiếu, của táo, bút chì và những bộ quần áo len mới của một vài ngày cuối cùng trước khi đến trường.

Cô mang sọt rác đi qua bãi cỏ đến thùng đốt rác, ném phịch đồng giấy vào trong thùng và bật diêm. Rồi cô ngồi ở rìa tường đá được mặt trời hun nóng để đợi những đồng giấy tờ cháy hết, quan sát tất cả ngoại trừ việc ngọn lửa vô hình dần bén và rồi nhanh chóng lan ra xung quanh, tạo nên những đợt nóng toả sáng lơ mờ lên khung cảnh. Âm thanh của tiếng chim và rừng cây xào xạc hoà lẫn một cách yếu ớt với tiếng kêu của bọn trẻ đang chơi ở đằng xa; cô lắng nghe cẩn thận nhưng không thể phân biệt được đâu là giọng của Jennifer, đâu là giọng của Michael và đâu là giọng của bọn trẻ nhà Campbell - hay thậm chí, với sự chắc chắn, không biết có phải giọng nói phát ra từ phía đồi nhà Campbell hay không.

Từ xa, tất cả giọng nói của bọn trẻ gần giống như nhau.

“Và nghe này! Nghe này! - Chị có biết mẹ mang cho em những gì không? Margie? Nghe này! Em muốn nói với chị điều này”.

“Điều gì thế?”

Margie Rothenberg và đứa em trai bé nhỏ George, và Mary Jane Crawford và Edna Slater đã ở đó, làm hề quanh chỗ hàng rào nơi cỏ đã bị mòn đi, nơi mà với một cái hang nhỏ và đá phẳng chúng đã cất giấu bộ sưu tập nắp cốc giấy Dixie.

“Em nói chị có biết mẹ mang cho em những gì khác nữa không? Mẹ của em ý? Mẹ mang cho em cái áo len casomia màu xanh đẹp lắm, để đi học, và những đôi tất cùng bộ, và một bình xịt nước hoa bé xíu dễ thương lắm! Một cái lọ bé xíu với một thứ mà chị có thể xịt được! Với nước hoa thật trong đó. Ôi, và em đã được đi xe đến Vùng đồng bằng Trắng với ông Minton, đó là

bạn của mẹ em, em đã đi xem phim, ăn kem và nhiều thứ khác nữa, và em đã đi đến tận mười một giờ mười”.

“Sao mẹ em lại chỉ ở lại có hai ngày thôi nhỉ?” Margie Rothenberg gặng hỏi. “Em nói là mẹ em sẽ ở đây một tuần. George, em thôi không làm như thế nữa!”

“Em không nói như vậy; em nói mẹ có thể ở lại đến một tuần. Lần tới có thể mẹ sẽ ở lại đây, hay có thể là em sẽ đi và đến ở với bà một tuần, và nếu em làm thế...”.

“George! Nếu em còn ăn gì mũi thì chị sẽ bảo cho em biết tay đấy! Chị nói thật đấy!”

“... và nếu em làm thế, chị có biết là sẽ có điều gì xảy ra không? Nếu em làm thế thì em sẽ không phải đến trường hay là làm bất kỳ một việc gì trong vòng cả tuần; ha, ha. Này Margie? Chị có muốn về nhà xem áo len và những đồ khác của em không?”

“Chị không thể. Chị phải về nhà đúng giờ để đón “Don Wilson””.

“Chúng ta có thể nghe “Don Wilson” ở nhà của em. Đi nào”.

“Chị không thể. Chị phải về nhà. Đi nào, George!”

“Này Edna! Này Mary Jane! Có biết mẹ tôi mang gì đến cho tôi không? Mẹ mang đến cho tôi những đồ đẹp này... này, nghe này Edna. Nghe này...” Có tiếng cửa sổ trên gác kêu lách cách mở ra, và cô biết rằng nếu cô quay lại cô sẽ nhìn thấy hình bóng lơ mờ của dì Claire nhìn sẫm soi qua bình phong bằng đồng.

“Apr - il...”.

“Mẹ mang cho tôi chiếc áo len màu xanh đẹp lắm, nó bằng len casomia, và cái này đẹp...”.

“Apr - il...”.

“Gì thế ạ? Cháu đang ở đây”.

“Tại sao cháu không trả lời thế? Cô muốn cháu đến đây ngay lập tức, rửa ráy và thay đồ. Bố cháu vừa gọi. Ông đang đi đến đây và ông ấy sẽ có mặt ở đây khoảng mười lăm phút nữa”.

Cô chạy ra khỏi nhà nhanh đến nỗi dường như giày của cô không chạm đất. Chưa bao giờ một điều như thế này từng xảy ra trước đó: hai ngày với mẹ, và rồi ngày tiếp theo với bố...

Cô bước lên cầu thang hai bậc một, bay vào phòng mình và bắt đầu cởi quần áo vội đến mức cô làm đứt hai cúc áo trên áo sơ mi, vừa nói, “Bố cháu gọi khi nào? Bố cháu nói gì? Bố cháu sẽ ở đây bao lâu?”

“Cô không biết; bố cháu nói ông ấy đang trên đường đến Boston. Cháu không cần phải giặt quần áo của mình như vậy đâu. Còn nhiều thời gian mà”.

Và rồi cô ra ngoài hành lang với bộ váy dự tiệc, nhìn xuống phố tìm kiếm sự thoáng hiện của chiếc xe du lịch đẹp, dài và bánh cao của cha. Khi chiếc xe bắt đầu xuất hiện, cách khoảng hai toà nhà, cô buộc mình không được chạy xuống đường; cô đợi cho đến khi chiếc xe dừng lại và đỗ trước nhà, để cô có thể nhìn thấy cha bước ra ngoài.

Và ôi, trông ông mới mảnh khảnh và gọn gàng làm sao! Ánh mặt trời chiếu trên tóc ông và khuôn mặt ông mới thật vàng và chói lọi - “Bố ơi!” - cô chạy xuống, và rồi cô ở trong tay ông.

“Con yêu thế nào rồi?” Ông toả mùi của vải lạnh, whiskey và thuốc lá; tóc cắt cao sau gáy sờ vào thật cứng và quai hàm ông giống như một miếng đá bọt còn ấm. Nhưng giọng ông thì tuyệt vời nhất: sâu và rung lên như nói qua miệng của chiếc bình đất nung. “Con có biết là con đã cao lên được ba phân rồi không? Bố không biết liệu bố có thể bế một cô gái to như con thế này. Dù sao thì bố cũng không bế được nữa rồi; bố biết mà. Vào trong đi con và thăm dì Claire của con nào. Mọi thứ thế nào con? Những người bạn trai của con thế nào rồi?”

Trong phòng khách, khi nói chuyện với dì Claire, ông thật tuyệt vời. Mất cá chân thon, dưới lớp gấu lơ-vê của quần được gấp lên ở một độ thích hợp, được che giấu trong lớp tất căng làm bằng len màu đen có nếp; đôi giày màu

nâu đen được đặt quá đôi cân đối và thanh nhã trên thảm, một chiếc hơi nhô lên một chút còn chiếc kia thì hơi thụt xuống, đến nỗi cô cảm thấy cô phải xem rất cẩn thận, thật lâu, để cam kết ghi nhớ được cách mà đôi bàn chân của một người đàn ông cần phải được thể hiện theo cách như vậy. Nhưng cái nhìn chăm chăm của cô bị tản mạn bởi đầu gối sang trọng của ông, đến bộ vét mặc thật vừa khít được xếp nếp vừa đẹp với chiếc đồng hồ, đến cách ông ngồi trên ghế, và đôi với khuôn mặt sáng sủa của ông. Có quá nhiều thứ về ông làm cho đôi mắt phải ngắm cùng một lúc.

Ông đang kết thúc một câu chuyện hài: "... vì thế Eleanor tự bắt mình đứng dậy và nói, "này chàng thanh niên, anh say rồi đấy". Chàng trai nhìn cô và nói, "Đúng thế, thưa Quý bà Roosevelt, tôi đúng là như vậy". Ông nói, "Nhưng ở đây có một sự khác biệt, thưa bà Roosevelt: Tôi sẽ ổn vào buổi sáng"”.

Thân hình mập mạp của dì Claire gập đôi xuống vạt áo và April giả vờ nghĩ rằng nó cũng thật hài hước đến mức không thể chịu nổi, mặc dầu cô không nghe được phần đầu và cũng không chắc rằng đầu sao thì cô cũng có thể hiểu được cốt chuyện. Nhưng điệu cười cũng chỉ kịp chết lịm trong căn phòng trước khi ông chuẩn bị đứng dậy để đi.

“Ý bố là bố... ý bố là bố thậm chí không ở lại ăn tối, bố?”

“Cung ơi, bố muốn lắm, nhưng có người đang đợi bố ở Boston và họ sẽ rất tức giận với bố con nếu ông ta không nhanh chóng đến đó. Cho bố cái hôn nào!”

Và rồi, tự bức tức với bản thân mình, cô bắt đầu sử xự như một đứa trẻ. “Nhưng bố chỉ ở lại đây có một giờ đồng hồ. Và bố... thậm chí bố còn không mang quà cho con hay bất cứ một thứ gì đó!”

“Ôi, Apr-il,” dì Claire kêu lên. “Tại sao con lại muốn làm hỏng một chuyến ghé thăm như thế này?”

Nhưng chỉ ít là ông cũng không đứng lên: ông đã nhanh nhẹn ngồi xuống cạnh cô và ôm lấy cô. “Cung à, bố nghĩ là con đã đúng khi hỏi bố quà, và bố cảm thấy bố thật tệ quá. Đầu sao, nghe này con. Bố nói thế này nhé. Bố và con cùng đi ra ô tô và lục tung đồ của bố lên xem có thể bố con ta sẽ tìm được thứ gì đó chẳng. Con có muốn thử không?”

Bóng tối bao trùm khi họ để di Claire ở lại và cùng nhau đi xuống dưới đường, phía bên trong tĩnh mịch của chiếc ô tô được lấp đầy bởi một cảm giác về quyền lực và tốc độ tiềm tàng đang được rung lên. Khi ông bật đèn ở bảng đồng hồ, trông nó giống như một căn nhà bằng da gợn gàng ngăn nắp của riêng họ vậy. Mọi thứ họ có thể cần cho một cuộc sống đã được đầy đủ ở ngay trong chiếc xe này: những chỗ ngồi thoải mái, một phương tiện đi lại, chiếc bật lửa hút thuốc của ông, một cái giá nhỏ cô có thể trải khăn ra để dùng cho bánh sandwich và sữa dùng cho những bữa ăn ở trên đường; những chỗ ngồi đằng trước và đằng sau đủ rộng để có thể ngủ được.

“Một ngăn chứa đồ phải không con?” Ông hỏi. “Không; không có gì ở đây cả ngoại trừ bản đồ và đồ đạc. Mình cùng thử kiểm tra cái vali nào”. Ông quay lại và vói tới ghế sau, mở cái ghim cài của một chiếc cặp to hiệu Gladstone. “Hãy xem nào. Tất này, áo sơ mi này; không hấp dẫn rồi. Chúa ơi, có rắc rối thật rồi. Con có biết những thứ này không? Một người đàn ông không bao giờ đi xa mà lại không mang theo vòng tay và đồ trang sức; không thể nói là sẽ không gặp bất kỳ một cô gái trẻ đẹp nào. Ôi, con xem này. Đợi nhé, có cái này này. Không nhiều, đương nhiên rồi, nhưng là một thứ gì đấy”. Ông kéo ra một cái chai màu nâu dài có hình một con ngựa với dòng chữ “Ngựa Trắng” ở trên mác. Một thứ gì đó rất nhỏ được dính vào cái cổ chai bằng dây ruybăng, ông che nó đi cho đến khi ông mở chiếc dao kẹp và cắt dải ruybăng ra. Rồi, cầm lấy dải ruybăng, ông đặt nó một cách tế nhị vào tay cô - một chú ngựa trắng hoàn hảo, bé tí.

“Con yêu, nó đây rồi,” ông nói. “Và con có thể giữ nó mãi mãi”.

Ngọn lửa đã tắt. Cô chọc cho đồng giấy bị đen thui bằng cái gậy để chắc chắn rằng giấy đã được cháy hết; không có gì còn lại ngoại trừ tro bụi.

Tiếng bọn trẻ văng vẳng bên cô khi cô đi ngang qua bãi cỏ; chỉ khi đi vào trong nhà và đóng cửa lại cô mới có thể dập tắt được âm thanh đấy. Cô cũng tắt đài đi, và ngôi nhà trở nên im ắng đến sợ.

Cô để sọt rác lại vào chỗ của nó rồi ngồi xuống bàn với một tờ giấy còn mới. Lần này không mất một phút nào để hoàn thành lá thư. Chỉ có một điều quan trọng và đáng nói, và điều tốt nhất là chỉ nên viết một vài dòng - một vài dòng đủ để tránh không cho một sự hiểu lầm vụn vẹo hoặc tự dựng lên được.

Frank thân yêu,

Dù có gì xảy ra đi chăng nữa,

đừng oán trách bản thân mình.

Với thói quen cũ, hơi quý quýet, cô gằn như định điền thêm dòng chữ *Em yêu Anh*, nhưng cô đã dừng đúng lúc và ký trắng: *April*. Cô cho vào trong phong bì, viết chữ *Frank* bên ngoài, rồi đặt nó vào đúng giữa bàn.

Cô mang xuống bếp một chiếc nồi to nhất, cho đầy nước vào và đặt nó lên bếp để đun sôi. Từ những hộp các tông dự trữ ở nhà kho, cô lấy ra một thứ cần thiết khác nữa: cái kẹp đã được sử dụng một lần vào việc tiệt trùng những chai sữa trẻ em, và cái hộp thuốc màu xanh có chứa hai xilanh, quả bóng cao su và một cái vòi bằng nhựa dài. Cô thả những thứ này vào nồi hầm đang chuẩn bị được hấp.

Cùng lúc cô cũng chuẩn bị những việc khác nữa, đặt chiếc khăn tắm sạch vào trong phòng tắm, viết địa chỉ bệnh viện và dựng nó bên cạnh điện thoại. Nước đang dần sôi. Cái nắp vung đang rung lên làm cho xilanh kêu ùng ục.

Lúc đó là 9 giờ 30 phút. Trong vòng mười phút nữa cô sẽ tắt bếp đi; rồi đợi một lúc cho nước nguội. Trong lúc đó không có việc gì để làm ngoài việc chờ đợi.

“Con đã nghĩ kĩ chưa, April? Đừng bao giờ làm điều gì cho đến khi con...”.

Nhưng cô không cần thêm một lời khuyên nào nữa và cũng không cần một sự chỉ dẫn nào nữa. Cô bình tĩnh và yên lặng với việc thấu hiểu những gì mà cô luôn biết, những gì mà không một người nào, có thể là cha mẹ cô, dì Claire hay Frank hay bất cứ một ai khác phải dạy bảo cô: rằng nếu bạn muốn làm gì hoàn toàn thành thật, đúng, thì lại luôn hoá ra là điều mà bạn phải làm một mình.

CHƯƠNG VIII

Vào hai giờ chiều hôm đó, Milly Campbell vừa làm xong công việc trong nhà, còn đang ngồi nghỉ trên đệm xem vô tuyến, bỗng rối với bụi và mùi xi đánh bóng sàn nhà và tiếng bọn trẻ con bên ngoài (một người phải trông coi sáu đứa trẻ một lúc là quá nhiều, thậm chí dù chỉ trong đôi ba ngày), nên sau đó cô ta luôn miệng nói là mình “có linh cảm rất rõ” ít nhất trong một giây phút trước khi nghe thấy âm thanh khẳng định điều đó.

Đó là âm thanh cấp cứu - cấp cứu - Cháy, Giết người, Cảnh sát - đó là một âm thanh đều đều, sâu, nghe bặt cả tai mà tiếng còi ô tô hú phát ra khi người lái xe vừa mới cho xe chạy và giảm tốc độ ở chỗ rẽ trước khi mở hết tốc lực. Cô ta đã chạy kịp ra ngoài cửa sổ để xem, nhìn từ trên cao tí ngọn cây xuống đến bãi cỏ phía dưới: đó là một chiếc xe cứu thương có hình dài rẽ từ Đường Cách Mạng, gập ánh nắng nên hắt ra ánh sáng chói loà thật nhanh khi chiếc xe lao vun vút dọc theo Đường 12, còi rú mỗi lúc một to, nghe ịat tai nhức óc, còn đọng lại trên không gian mãi cho đến khi chính chiếc xe biến mất hút từ xa. Điều đó khiến cô ta bặm môi đầy lo lắng.

- Tôi muốn nói là mình có quen nhiều người trên con đường đó - cô ta nói - Không phải ai cũng có được cảm giác, nhưng tôi có được là vì đó là April. Tôi định gọi điện cho cô ấy, những rồi lại thôi, bởi tôi biết làm thế thật ngớ ngẩn, mà nhớ đâu cô ấy đang ngủ.

Vì vậy cô ta ngồi đó, đầy lo lắng bên chiếc điện thoại cho đến lúc bỗng thấy nó réo chuông. Đó là bà Givings. Tiếng điện thoại rung nghe bặt cả tai Milly.

- Chị có biết điều gì xảy ra với nhà Wheeler không? Chẳng qua là tôi vừa mới đi qua nhà họ và thấy có chiếc xe cứu thương đi từ trong nhà họ ra, nên tôi hoảng quá. Lúc này tôi ra sức gọi điện cho họ nhưng không ai trả lời...

- Tôi gần như chết điếng - sau đó Milly giải thích - sau khi bà ta gác điện thoại, tôi chỉ còn biết ngồi đó, vô cùng đau khổ, rồi làm những gì mình luôn làm khi có điều gì đó khủng khiếp xảy ra. Tôi gọi điện cho Shep.

Anh ta vừa từ từ xoa gáy vừa đứng nhìn ra ngoài cửa sổ của Phòng Thí

nghiệm chính xác của Liên minh. Shep Campbell đang chìm đắm trong u mê. Đã một tuần nay, kể từ cái đêm không thể tin nổi đó tại Log Cabin, anh ta chẳng mang lại ích lợi gì cho Phòng thí nghiệm, cho Milly và cho cả bản thân. Vào ngày đầu tiên, giống như một kẻ tương tư, anh ta đã gọi điện cho cô từ máy điện thoại công cộng “April, khi nào anh gặp được em?” và cô đã nói rõ thật lâu rằng anh ta không thể gặp cô được và nhẽ ra anh ta phải biết điều đó mà đừng có gọi điện thoại nữa. Anh ta đã day dứt suốt cả đêm cho đến tận ngày hôm sau khi nhớ đến điều đó - Ôi, lạy Chúa, hẳn cô ấy phải nghĩ anh ta là một tên hề vụng về, cục mịch biết nhường nào - và điều đó đã khiến anh ta phải mất hàng nhiều giờ đồng hồ nói đi nói lại những gì cho thật hay, chín chắn và dễ hiểu khi anh gọi lại cho cô. Nhưng khi anh ta đi vào trạm điện thoại, anh ta lại làm hỏng mọi thứ. Những gì được suy nghĩ cẩn thận đều được phát ra hỏng hết, tiếng của anh ta nghe run lên như một tên ngớ ngẩn, rồi anh ta lại bật ra tiếng “anh yêu em” và toàn bộ câu chuyện kết thúc bằng câu trả lời tử tế, nhưng cương quyết của cô “Shep ạ, em thật sự không muốn gác điện thoại đâu, nhưng em e rằng mình phải làm thế thôi, nếu không anh phải là người gác điện thoại trước đây”.

Anh ta chỉ gặp cô có một lần. Hôm qua khi cô đưa bọn trẻ đến nhà thì anh ta đứng ần run bắn người trong phòng ngủ và nhòm qua bức màn che vải sọc để nhìn cô đi ra khỏi xe - một phụ nữ có thai, trông mệt mỏi - và anh ta không thể đứng đó mà nhìn cô được vì tim đập thốn thốn quá.

- Anh có điện thoại này, anh Campbell - một cô gái gọi anh ta và khi cầm điện thoại lên, anh ta cứ phân vân trước mọi lý lẽ logic xem có phải đấy là April không, nhưng lại không phải.

- Chào em... Gì cơ? Thôi nào, hãy bình tĩnh đi. Ai ở trong bệnh viện hả? Khi nào? Ôi, lạy Chúa.

Nhưng điều kỳ diệu là ở chỗ đây là lần đầu tiên trong suốt cả tuần lễ anh ta có cảm giác mình có đầy năng lực. Mông anh ta rơi phịch xuống đệm ghế bằng thảm len, cẳng chân co gập xuống dưới ghế trông như ngòi xôm và một tay anh ta áp chiếc điện thoại vào má mình, một tay cầm chiếc bút chì kỹ thuật giơ lên - một động tác của một lính dù căng thẳng, nhưng vững vàng, sẵn sàng hành động.

- Em hãy bình tĩnh một chút đi - anh ta nói với cô ta - Thế em đã gọi điện cho bệnh viện chưa? Em yêu, đó là điều đầu tiên cần phải làm trước khi gọi

cho Frank... Thôi, được rồi, anh biết là em buồn và thất vọng lắm. Anh sẽ gọi điện cho họ để xem sự thể ra sao, rồi anh sẽ gọi cho anh ấy. Bây giờ em hãy nghe anh nói này, em hãy bình tĩnh, em có hiểu không? - Chiếc bút chì vạch liên hồi hàng loạt dòng chạy song song một cách cương quyết trên tập giấy nháp - Thôi được, lạy Chúa, em đừng có cho bọn trẻ biết điều xấu đã xảy ra - bọn trẻ của chúng ta hay bọn trẻ của họ... thôi được rồi. Anh sẽ gọi cho em.

Sau đó anh ta gọi điện cho bệnh viện và nhanh chóng cắt mọi sự lúng túng của tổng đài, bỏ qua mọi tiếng nói không giúp ích gì cho mình và cố gắng hết sức lấy lại giọng nghe nhanh, đầy mệnh lệnh.

-... Phải cấp cứu cái gì hả?... Hừm, nhưng là để điều trị cái gì hả?... Chà, ý chị là cô ấy bị sảy thai hả. Thôi được, thế chị có thể cho tôi biết là tình hình của cô ấy ra sao rồi không?... Tôi hiểu. Thế chị có biết là phải mất bao lâu không?... Bác sĩ cái gì cơ? - Chiếc bút chì bật ra và anh ta viết ngoáy tên - Được rồi. Còn điều này nữa: thế đã có thông báo cho chồng chị ta chưa?... Thôi được, cảm ơn.

Khom người xuống hẳn chiếc điện thoại, anh ta gọi cho cơ quan Knox Business Machines ở New York.

- Xin cho nói chuyện với ông Frank Wheeler... Ông ta ở đâu ạ?... Thế thì xin cho gọi ông ta ra khỏi cuộc họp ngay. Đây là chuyện khẩn cấp - Và trong lúc chờ, lòng dạ anh ta càng rối bời lo lắng.

Sau đó Frank nhận điện.

- Ôi, lạy Chúa! - Giọng anh bị sốc, nghe thật yếu ớt.

- Không sao, Frank, hãy nghe tôi nói: anh hãy bình tĩnh. Theo tôi được biết thì chị ấy ổn thôi. Đó là tất cả những gì họ thông báo cho tôi. Thôi, anh hãy đáp ngay chuyến tàu đầu tiên đi Stamford đi, tôi sẽ đón anh ở đó, và chỉ trong vòng dăm phút là chúng ta có mặt ở bệnh viện thôi... Đúng rồi. Bây giờ tôi sẽ ra khỏi đây. Được rồi, Frank.

Ra khỏi bãi đỗ xe, chạy hết tốc độ, vừa mặc chiếc áo vét vào người, Shep cảm thấy sự hứng khởi trở lại với mình qua cơn gió mát rít quanh tai. Đó là cảm giác chiến đấu ngày nào, cảm giác được làm điều chính đáng, nhanh và

tốt đẹp, khi tất cả những nhân tố khác của hoàn cảnh này đã không thể kiểm soát nổi.

Tại nhà ga, đứng đợi tàu, anh ta liên tục gọi lại cho Milly (cô ấy đã bình tĩnh) và gọi bệnh viện (không có tin tức gì); rồi anh ta đi đi lại lại trên sân ga trong nắng chiều, tiếng những đồng xu kêu lanh canh trong túi và nói thì thầm “Nào, nào”. Sự lảng xuống một cách không thích hợp này cùng giống như sự lảng xuống trong cuộc chiến tranh - háo hức đợi. Rồi đột nhiên tàu rùng mình lao vào sân ga và hình bóng Frank trông cuống cuống bám bên cạnh thân con tàu, nhảy bổ xuống, suýt nữa thì ngã sấp mặt xuống. Anh ta chạy bổ đến bên Shep, hai mắt như điên dại, chiếc cà vạt tung bay.

- Không sao, Frank ạ... - Hai người chạy bên nhau đến bãi đỗ xe thậm chí trước cả khi con tàu đứng hẳn lại - Ô tô ở ngay đây thôi mà.

- Thế cô ấy... thế bọn trẻ...?

- Vẫn như lúc tôi gọi cho anh thôi.

Trên đoạn đường ngắn, lái chậm qua hàng xe cô đi lại để đến bệnh viện, hai người không nói chuyện với nhau, Shep cũng không dám chắc những gì mình nói có tác dụng gì không nếu như có muốn cố làm điều đó. Cung cách hai con mắt của Frank nhìn và cách anh co rúm người vào run lên trên chiếc ghế bên cạnh mình đã khiến cho Shep thấy sợ. Lúc này anh ta biết rằng tất cả những cơ hội để hành động chẳng mấy chốc sẽ qua đi. Khi anh ta lái chiếc xe ngược lên ngọn đồi cuối cùng để đến toà nhà nâu trông xấu xí, anh ta phải cho xe chạy vào một chỗ hoàn toàn và không tự mình lo liệu được.

Khi họ lao người qua cánh cửa kêu cọt kẹt để Lối vào của khách, họ dừng lại thở và áp úng trước phòng thường trực, rồi đi vội theo hành lang, trông chẳng khác gì những người thi đi bộ, đầu óc Shep hiện lên một sự nhàn từ, như chẳng chóng thì chày nó từng xảy ra như thế trong chiến đấu, một tiếng nói từ nội tâm nghe không rõ, như che chở: Điều này không thật sự xảy ra; đừng có tin vào bất cứ điều gì.

- Bà nào? Bà Wheeler hả? - Cô y tá mập, đầy tàn nhang đứng ở gần cuối hành lang, mắt hấp háy đằng sau tấm mặt nạ tẩy trùng - Các ông định hỏi là phòng cấp cứu phải không? Thế thì tôi không biết. Tôi e là mình không thể... - cô ta liếc nhìn một cách bối rối vào cánh cửa được đóng trên đó có ánh đèn

đỏ, và thế là Frank lao ngay vào. Cô y tá chặn anh lại, nếu cần có thể cô ta sẽ dùng sức mạnh, nhưng Shep đã tóm lấy cánh tay anh và giữ anh lại.

- Thế anh ta không được vào sao? Anh ta là chồng cô ta mà.

- Không, hoàn toàn không được - cô y tá nói, hai mắt tròn tròn, tỏ ra có trách nhiệm. Nhưng cuối cùng cô ta cũng đồng ý một cách miễn cưỡng, bản thân cô ta vào trước xin phép bác sĩ đã. Một phút sau, bác sĩ đi ra, đó là một người mảnh dẻ, tỏ ra hơi lúng túng trong bộ áo mổ nhăn nheo.

- Ai là ông Wheeler? - Bác sĩ hỏi, rồi ông ta nắm cánh tay Frank, dẫn ra nói chuyện riêng.

Shep, đứng cách xa tỏ phép trân trọng, trong thâm tâm anh ta luôn nghĩ là cô ấy không thể chết được. Con người ta không thể chết như thế được, ở cuối hành lang đầy mệt mỏi như thế này và vào giữa buổi chiều được. Đúng thế, nếu cô ấy mà chết thì người gác cổng kia đã không nện cái đầu hói một cách thanh thản vào bức tường bọc vải nhựa, mà rõ ràng ông ta không cất tiếng hát thầm, mà họ cũng không để cho chiếc đài phát thanh kêu âm ã trong một phòng bệnh nhân cách đó có mấy gian như thế. Nếu April Wheeler mà chết, chắc chắn họ sẽ không đăng trên biên thông báo in bằng rô-nê-ô treo trên tường này về một cuộc khiêu vũ của nhân viên trong bệnh viện (“Vui chơi! Có cả Giải khát!”), và họ đã chẳng sắp xếp những chiếc ghế mây theo cách này, có chiếc bàn, trên bày ngay ngắn những tạp chí. Thế thì họ mong mình làm cái quái gì bây giờ? Hãy ngồi xuống và giờ qua tạp chí *Cuộc sống* trong khi người khác chết sao? Dĩ nhiên là không rồi. Đây là nơi những đứa trẻ sơ sinh ra đời hoặc là nơi những vụ sảy thai đơn giản, bình thường được giải quyết chóng vánh; đó là nơi ta phải ngồi đợi và lo lắng cho đến khi ta dám chắc rằng mọi việc đều ổn cả và ta đi khỏi đó, uống nước và đi về nhà.

Anh ta thử gọi xuống chiếc ghế mây. Có một tờ tạp chí tên là *Máy ảnh Mĩ*, anh ta tò mò định cầm lên, xem qua những bức ảnh phụ nữ khoả thân, nhưng bỗng anh ta đứng phắt dậy và đi đi lại lại vài bước. Vấn đề là anh ta phải đi vào phòng tắm. Bàn quang của anh ta đột nhiên đau nhói và anh ta lúng túng mãi mới tìm được nhà vệ sinh rồi sau đó quay lại.

Nhưng lúc này bác sĩ đã đi vào phòng và Frank đang đứng một mình, lấy mu bàn tay xoa hai bên thái dương.

- Ôi, lạy Chúa, thậm chí tôi không hay biết tí gì về những gì ông bác sĩ nói với tôi. Ông ta nói là cái thai đã tuột ra ngoài trước khi họ đưa cô ấy đến đây. Ông ta nói là phải mổ để lấy cái gì nhỉ, à, để lấy nhau ra, và họ đã làm điều đó, nhưng vấn đề lúc này là cô ấy vẫn còn chảy máu. Ông ta nói là cô ấy bị mất nhiều máu thậm chí trước khi xe cứu thương đến, và giờ đây họ đang cố gắng cầm máu cho cô ấy, và ông ta nói một lô một lốc những thứ mà tôi chẳng hiểu gì, nào là về những ống mao mạch và cô ấy vẫn hôn mê. Lạy Chúa!

- Ta ngồi xuống đây một lát đi, Frank.

- Ông bác sĩ cũng nói thế. Thế tôi phải ngồi xuống để làm cái quái gì hả?

Thế là họ lại tiếp tục đứng, nghe tiếng hát thầm của người gác cổng và nhịp điệu đều đều khi cái đầu hói của ông ta nện vào tường thành thạch, tiếng giày đế cao su nện đều đều cùng tiếng đi lại của cô y tá. Khi đôi mắt của Frank tập trung một lúc lâu để đón lấy điều thuốc mà Shep đưa cho với một cử chỉ thân thiện và lịch sự.

- Hút thuốc không, cậu? Tôi có diêm đây - nói xong, anh ta tỏ ra hào hứng hơn bởi chính tiếng nói vui vẻ của mình - Này Frank, tôi đi kiếm cốc cà phê uống nhé.

- Không đâu.

- Không à. Được thôi. Tôi sẽ quay lại ngay.

Anh ta đi vội xuôi xuống căn phòng lớn, đi vòng quanh và xuống một phòng khác cho đến khi tìm được phòng vệ sinh nam, tại đây anh ta đứng run cầm cập và gần như rên lên vì bàng quang căng đang được thải dần ra. Sau đó anh ta lại đi ra phòng lớn và hỏi đường tìm đến nhà ăn, cách xa đó hàng trăm mét ở tận cuối toà nhà, được gọi là Cửa hàng mền khách. Anh ta lục lọi đồ và những cái bánh nướng nhỏ, tạp chí, và gọi hai cốc cà phê to. Rồi từ từ nâng cốc giấy nóng hồi lên để tránh cho các ngón tay không bị nóng bỏng, anh ta đi trở lại phòng cấp cứu. Nhưng anh ta đi biến mất rồi. Hành lang nào trông cũng y hệt như nhau và anh ta đi xuống tận cùng hành lang trước khi phát hiện ra là mình sắp đi lạc đường. Anh ta phải mất một lúc lâu mới tìm được đường quay trở lại và anh ta luôn nhớ rằng đó là những gì mình đang làm, đi quanh quần trong hành lang, tay cầm hai cốc cà phê, miệng nở nụ

cười ngớ ngẩn, dò hỏi, đó là những gì anh ta đang làm khi April Wheeler qua đời.

Anh ta biết điều đó ngay khi quay trở lại chỗ rẽ cuối cùng đi vào phòng lớn dài có cánh cửa màu đỏ sáng ở cuối. Frank đã biến mất; toàn bộ căn phòng lớn không một bóng người. Anh ta vẫn còn cách đó độ năm mươi mét thì nhìn thấy có cửa mở và rất nhiều y tá đi ra một cách vội vã theo mọi ngã; phía sau họ, có ba đến bốn bác sĩ đang từ từ đi ra, có hai người đỡ Frank như những người hầu bàn lịch thiệp, cẩn thận đang giúp một người say rượu ra khỏi phòng rượu.

Shep cuống cuống nhìn quanh chỗ để hai cốc cà phê, rồi anh ta ngồi xuống, đặt chúng lên sàn nhà sát ngay tường và chạy bỏ đi, rồi đến lúc đã đứng giữa những bác sĩ, thấy họ toàn mặt áo trắng, những bộ mặt hồng hào và tiếng nói nghe không hợp âm, chói tai:

“... dĩ nhiên bị sốc khủng khiếp...”

“... bị băng huyết quá trầm trọng...”

“... này, cô ngồi xuống đi và...”

“... những ống mao mạch...”

“... thực ra cô ấy có sức chịu đựng tuyệt vời...”

“... không, hãy ngồi xuống và...”

“... những điều như thế này vẫn xảy ra và thật sự có...”

Họ đang cố gắng để Frank ngồi xuống một cái ghế mây nghe cọt kẹt, nhưng anh vẫn cương quyết đứng, im lặng, vô cảm, thở nhanh, đầu lắc lư mỗi khi thở, khi anh nhìn vào chôn hư vô.

Những sự kiện nối tiếp nhau xảy ra sau đó vẫn còn đọng lại mãi mãi trong trí nhớ của Shep. Đã hàng giờ đồng hồ có thể trôi qua bởi khi họ về đến nhà thì trời đã tối, và chắc hẳn họ đã đi được không biết bao dặm đường vì anh ta đã lái xe suốt cả thời gian đó, nhưng cũng thật sự không biết là đi đâu. Ở một thành phố nhỏ anh ta đã dừng xe một lần tại một cửa hàng bán rượu mạnh và

mua một chai rượu *bourbon* và anh ta mở chai rượu ra trong lúc xe chạy từ từ bên lề đường. Anh ta đưa cho Frank:

- Uống đi, cậu - rồi theo dõi Frank uống, môi trẻ ra như môi đứa trẻ - Nơi nào khác hay là đi đâu hả cậu? - rồi anh ta đi đến một trạm điện thoại bên đường và gọi cho Milly. Khi cô ta kêu lên - Ôi, lạy Chúa, không thể thế được! - anh ta bảo cô ta hãy ngậm miệng ngay lại kéo bọn trẻ nghe thấy. Anh ta đứng bên điện thoại cho đến khi cô ta bình tĩnh lại, mắt theo dõi cái đầu không nhúc nhích của Frank trong xe - Bây giờ em nghe đây. Anh không thể đưa anh ấy về nhà được cho đến khi bọn trẻ ngủ hết; nên em phải đưa bọn chúng lên giường đi ngủ ngay nhé, mà này, em nhớ là phải tỏ ra thật tự nhiên đấy. Lúc đó anh sẽ đưa anh ấy về nhà chúng ta nghỉ một đêm. Ý anh muốn nói là dứt khoát chúng ta không thể đưa anh ấy về nhà anh ấy được...

Thời gian còn lại họ cứ vất vưởng trên đường, không biết đi đâu. Anh ta nhớ là chỉ loang loáng thấy đèn xe cộ đi lại, dây điện, cây cối, nhà cửa, các cửa hàng cùng những ngọn đèn lồng dưới bầu trời nhợt nhạt, và Frank lúc thì im lặng, lúc thì thở hắt ra tiếng nghe sàu sào hoặc anh ta cứ lảm bảm điều gì đó mãi: "... và cô ấy sáng nay sao mà tuyệt vời thế. Liệu đấy có phải là điều kỳ lạ nhất không? Sáng nay cô ấy sao mà tuyệt vời đến thế...".

Có lúc Shep lại không sao nhớ được liệu lái xe lúc đó là sớm hay muộn nữa, vì anh nói: "Cô ấy đã tự gây ra điều đó cho bản thân đấy, Shep ạ. Cô ấy tự giết mình đấy".

Rồi đầu óc Shep lại rơi lên bằng một cú đấm: mình phải nghĩ đến điều này sau.

- Frank, hãy bình tĩnh. Đừng có nói vớ vẩn thế. Sự việc đã xảy ra, thế thôi.

- Không phải việc này. Việc này không xảy ra. Tháng trước cô ấy đã định hành động thế rồi, và nhẽ ra lúc đó là an toàn, tôi cũng đã nói điều đó với cô ấy và cũng vì chuyện đó mà ngày hôm qua chúng tôi đã cãi nhau, giờ thì, ôi lạy Chúa, lạy Chúa tôi. Mà sáng nay cố ấy thật tuyệt vời biết nhường nào.

Shep dán mắt nhìn vào con đường, thầm cảm ơn rằng anh ta vẫn còn tỉnh táo, vì làm thế nào mà biết được có bao nhiêu sự thật trong chuyện này chứ? Mà cũng làm sao mà biết được mình phải hành động như thế nào cho phải?

Một mình trong căn phòng khách đã trở nên tối om, Milly ngồi nhai chiếc khăn tay và cảm thấy mình sao lại hèn đốn đến thế. Cô ta đã từng hành động hợp lý cho đến thời điểm đó; chị đã cố làm tốt công việc với bọn trẻ và đưa bọn chúng đi ngủ sớm trước hàng giờ trước khi Shep đến; cô ta đã làm mấy cái bánh xăng-uyých và để sẵn trong nhà bếp phòng khi có ai đói bụng (“Cuộc sống vẫn tiếp diễn,” mẹ cô ta thường nói thế khi làm những chiếc bánh xăng-uyých vào ngày có người qua đời); thậm chí cô ta còn có thời gian để gọi cho gia đình nhà bà Givings, và họ đã phản ứng trước cái tin đó bằng cách phát ra liên hồi tiếng kêu “Ôi, chao ôi! Ôi, chao ôi!”; cô ta đã cố gắng hết sức để sẵn sàng đón nhận thử thách khi phải đối mặt với Frank. Cô ta đã ngồi thức suốt cả đêm với anh - đã đọc cả cuốn kinh thánh hoặc điều gì đó cho anh ấy nghe; sẵn sàng ôm và để anh ấy khóc trên ngực mình; bất cứ điều gì cô ta cũng sẵn sàng làm vì anh ấy.

Nhưng trước con mắt trống rỗng của anh ấy khi Shep dẫn anh ấy lên bậc thềm nhà bếp, cô ta thấy chẳng có gì mà chuẩn bị cả.

- Ôi, Frank! - Cô ta đã nói thế và bật khóc, chạy vào phòng khách với chiếc khăn tay bịt miệng, và từ đó trở đi cô ta hoàn toàn vô dụng.

Cô ta không làm gì khác ngoài ngồi lắng nghe những âm thanh nghe không rõ mà hai người đó tạo ra trong nhà bếp (tiếng ghé kéo lê, tiếng chai va vào cốc lạnh canh và tiếng Shep: “Đây, cậu uống đi...”), cố lấy hết can đảm để trở lại. Shep đi rón rén vào trong, sắc mùi rượu để bàn bạc với cô ta.

- Ôi, anh ơi, em xin lỗi - cô ta thì thào vào áo anh ta - Em biết mình chẳng giúp được gì, nhưng em không thể, em không thể chịu đựng trước cái nhìn của anh ấy.

- Không sao, em ạ. Hãy bình tĩnh; anh sẽ chăm sóc cậu ấy cho. Cậu ấy bị sốc quá đấy mà. Lạy Chúa, thật là khủng khiếp - anh ta nói, nghe hơi bị say - Thế em có biết cậu ấy nói gì với anh trong xe không? Cậu ấy bảo là tự cô ấy làm đấy. Em có tin điều đó không?

- Cô ấy làm gì cơ?

- Tự nạo thai, hoặc là cố làm điều đó.

- Ôi, - cô ta thì thào, rùng mình - Ôi, thật khủng khiếp. Thế anh ấy nghĩ cô

ấy đã làm thế à? Nhưng mà sao cô ấy phải làm thế?

- Làm thế nào mà anh biết được? Thế anh phải biết mọi việc sao? Anh chỉ kể cho em nghe những gì anh ấy đã nói với anh thôi - anh ta lấy hai bàn tay xoa đầu - Trời, anh xin lỗi em.

- Không sao. Anh nên quay lại đi. Em sẽ ra ngồi với anh ấy một lát và anh có thể nghỉ một chút. Hai chúng mình thay nhau nhé.

- Được.

Nhưng hai giờ đồng hồ đã trôi qua và cô ta vẫn chưa lấy lại được sức mạnh để thực hiện lời hứa của mình. Cô ta chỉ biết ngồi lì ra đấy và sợ hãi. Đã một lúc lâu rồi mà không thấy trong nhà bếp có tiếng động gì. Họ đang làm gì trong đó? Chỉ ngồi lì ra đấy hay là làm gì không biết?

Và cuối cùng cả sự tò mò lẫn lòng can đảm đã giúp cô ta đứng dậy và đi qua phòng xuống căn phòng lớn dẫn đến lối cửa nhà bếp sáng trưng. Cô ta do dự, thở thật sâu, liếc nhìn để quen với ánh đèn chói loà và sau đó đi vào.

Đầu Shep đang gối lên cánh tay đặt trên bàn trong nhà bếp, cách cái đĩa bánh xăng-uych chỉ độ gang tấc, những không động đến một chiếc bánh nào; anh ta ngủ say và ngáy khẽ. Frank không có mặt ở đó.

Khu nhà Đồi Cách Mạng không phải thiết kế ra để chứa sự bi thảm. Thậm chí vào ban đêm, cứ như là chủ định, cả khu nhà không có một bóng lù lù hay hình bóng người tiều tụy nào. Nó hoàn toàn vui vẻ một cách đầy thuyết phục, một khu đất gồm toàn những ngôi nhà trắng bằng phấn màu với những cửa sổ sáng rực không che rèm nhấp nháy thật dịu qua những lá cây vàng xanh lốm đốm. Những ngọn đèn pha ngạo nghễ chiếu xuống những thảm cỏ, xuống những cửa trước và xuống một loạt những chiếc ô tô màu kem đỗ ở đó.

Một người đàn ông chạy bộ xuống những con phố trong cảnh đau thương tuyệt vọng trông thật lạc lõng trong khung cảnh như vậy. Ngoài tiếng giày quét trên đường nhựa và tiếng thở gấp của chính người đó, mọi vật xung quanh đều tĩnh lặng khiến cho anh ta có thể nghe thấy tiếng từ những máy truyền hình phát ra trong những căn phòng còn đang ngái ngủ ở phía sau những hàng cây - một tiếng kêu của một diễn viên hài nghe không rõ, tiếp

theo là hàng loạt những tiếng cười và vỗ tay hoan hô nghe lờ mờ, vụng về, và tiếp đến là tiếng nhạc của một ban nhạc nổi lên. Thậm chí ngay cả khi anh ta đi tránh khỏi vỉa hè, chạy tắt qua sân sau của nhà ai đó và lao thẳng vào khu rừng chạy thoai thoải trên dốc với ý định đi tắt một cách điên cuồng đến Đường Cách mạng, ấy vậy mà vẫn không thoát khỏi những cảnh đó: những ngọn đèn trong nhà hắt ra và đuổi theo anh ta một cách sung sướng giữa những cành cây đập vào mặt, và khi anh ta bị mất đà ngã loạng choạng xuống khe đá, thì anh ta vớ phải một cái rổ bằng thiếc có tráng men của một đứa trẻ nào đó.

Khi anh trèo khỏi vách đá lên đường nhựa ở ngay dưới chân đồi, anh mặc cho đầu óc của mình phiêu diêu với một ảo giác tàn bạo là: tất cả là một cơn ác mộng; anh sẽ đi vòng quanh chỗ rẽ tiếp và nhìn thấy những ánh đèn chiếu sáng trung trong chính căn nhà của mình; anh sẽ chạy vào và thấy cô ấy đang đứng bên bàn để là quần áo, hoặc nằm cuộn tròn trên ghế xô-pha đọc tạp chí (“Có chuyện gì vậy, Frank? Quần của anh dính đầy bùn kia! Dĩ nhiên là anh ớn thôi...”)

Nhưng rồi anh nhìn thấy ngôi nhà - thật sự là nhìn thấy rồi - một ngôi nhà dài, trắng như sữa dưới ánh trăng, với những cửa sổ đen, một ngôi nhà đã trở nên tối tăm duy nhất trên con đường.

Cô ấy rất lo vì máu ra nhiều quá. Trừ có một vệt máu nhỏ chạy đến chỗ máy điện thoại và trở lại, tất cả đều ở trong phòng tắm, và cũng đã đều xả nước cho đi hết. Có hai chiếc khăn tắm to đẫm máu nằm vo tròn trong bồn gần chỗ dẫn nước.

- Em cứ nghĩ đó là cách đơn giản nhất để xử lý việc đó - anh có thể nghe thấy cô ấy nói - Em nghĩ là anh có thể gói những cái khăn đó vào trong giấy báo và quẳng vào thùng rác, rồi lau chùi sạch bồn nước đi. Đúng không nào?

Anh tìm thấy trong tủ để khăn ống bơm tiêm để trong cái hộp có nước lạnh; có thể cô ấy để ở đó để giấu đội xe cứu thương.

- Ý tôi muốn nói là tốt nhất phải đưa nó ra cho mọi người thấy chứ; tôi không muốn phải trả lời những câu hỏi mà mình không sao biết được.

Rồi trong đầu anh lại vang lên tiếng của cô ấy khi anh ta bắt tay vào làm việc.

- Thế là xong - điều đó cất lên khi anh nhét cả một tập báo vào thùng rác bên ngoài nhà bếp, và khi quay lại, anh quỳ xuống lau chùi sạch những giọt máu vẫn còn dính trên người - Hãy lấy miếng bọt biển ướt và một ít bột giặt, anh ạ. Bột giặt để ở trong tủ dưới ngay bồn rửa ấy. Anh phải lấy ra. Thấy chưa hả anh? Đúng rồi. Trên thảm không có dính máu phải không? Thôi được, tốt rồi.

Làm thế nào cô ấy chết được khi ngôi nhà vẫn còn sống động tiếng nói của cô ấy và còn cảm giác về cô ấy cơ chứ? Thậm chí ngay cả khi anh có lau chùi sạch, khi không có việc gì để làm, mà chỉ đi quanh quần, hét bật đèn lên, lại tắt đèn đi, ngay cả khi đó thì cô ấy vẫn hiện diện ở khắp nơi, với mùi quần áo thơm nức trong tủ đựng quần áo trong phòng ngủ. Chỉ sau khi anh đã ở một lúc lâu bên tủ quần áo, ôm ấp quần áo của cô, thì khi quay lại phòng khách, anh mới thấy có một mẫu giấy cô để lại trên bàn cho anh. Mà anh cũng chẳng có thời gian để đọc, thế là lại tắt đèn đi trước khi nhìn thấy chiếc xe Pontiac của Campbell đang chạy từ từ để rẽ vào đường ô tô vào nhà. Anh lại đi nhanh vào phòng ngủ và khoá mình vào trong tủ, giữa đống quần áo. Từ trong đó anh nghe thấy có tiếng ô tô dừng lại bên ngoài; rồi cửa nhà bếp mở ra và có nhiều bước chân ngập ngừng.

- Frank! - Shep gọi, nghe khô khốc - Frank đâu rồi? Cậu có ở đây không?

Anh nghe thấy Shep đi qua các phòng, loạng choạng, miệng văng tục khi anh ta mò mẫm dọc tường tìm công tắc đèn; cuối cùng anh nghe thấy Shep bỏ đi, và khi tiếng xe ô tô đã lắng xa, anh mới ra khỏi nơi ẩn nấp, mang theo ghi chép của mình và ngồi trong bóng tối bên cửa sổ phòng khách.

Nhưng sau gián đoạn đó, tiếng của April đã không nói gì với anh nữa. Anh đã cố hàng giờ liền để tóm lại âm thanh đó, tiếng thì thầm những điều cần nói, trở đi trở lại tủ đựng quần áo nhiều lần và chui đầu vào những ngăn kéo bàn trang điểm của cô, vào nhà bếp, nơi mà anh cho rằng những giá đựng bát đĩa, cùng những chiếc đĩa và những cốc cà phê đều chứa đựng linh hồn của cô, song chúng đều đã biến đi.

CHƯƠNG IX

Theo Milly Campbell, người đã kể lại câu chuyện không biết bao nhiêu lần những tháng sau đó, thì mọi việc đúng là đều được lên kế hoạch kỹ càng và thật chu đáo đúng như mong đợi.

- Ý em muốn nói là - cô ta luôn đem câu đó vào, và đến đây cô ta thường rùng mình - ý em muốn nói là xét cho cùng thì đây là một điều khủng khiếp nhất mà chúng ta chưa bao giờ trải qua trong cuộc sống cả. Có phải thế không anh?

Và Shep thường tán thành, cho rằng đúng là thế. Vai trò của anh ta trong những lần nhắc lại đó là ngồi xuống và nhìn một cách nghiêm túc vào tấm thảm, chốc chốc lại lắc đầu hoặc chặc lưỡi cho đến khi cô ta ra hiệu cho anh ta phải xác nhận. Anh ta vui vì đã để cô ta nói hết - mà thật ra là ngay từ đầu anh ta đã thấy vui, trong suốt cả mùa thu và mùa đông trong năm. Đến mùa xuân, anh ta đã bắt đầu mong mình sẽ tìm được những thứ khác để nói chuyện.

Và sự lo lắng đó đã phát triển lên đến mức không chịu đựng nổi vào một buổi chiều tối Thứ sáu của tháng Năm, khi cô ta sắp kể lại toàn bộ sự việc với mấy người quen, mới nghe Bruce, đó chính là cặp vợ chồng vừa mới chuyển đến nhà của Wheeler. Sự rắc rối một phần ở chỗ mang chuyện đi kể cho người sắp về nhà mới và nói về điều đó trong ngôi nhà đặc biệt đó là một sự phản bội và tội báng bổ thần linh; và cũng một phần nhà Bruce là không biết lắng nghe, gật đầu và lắc đầu cho đủ phép lịch sự khi chơi bài bridge với những người mà họ chẳng bao giờ quen biết. Nhưng hình như tiếng nói của Milly đã mang lại niềm vui kể chuyện. Anh ta nghĩ là cô ta thích thú điều đó, ngắm nhìn cô ta qua cặp mắt kính khi cô ta đi đến phần kể về việc đó sẽ thích thú đến thế nào vào ngày hôm sau. Lạy Chúa, cô ta thật sự bị cuốn hút vì chuyện ấy.

“... và ý tôi muốn nói rằng đến sáng Shep và tôi đều ngỡ ngàng” - cô ta nói - “Chúng tôi không hề hay biết là Frank ở đâu; chúng tôi liên tục gọi điện thoại cho bệnh viện xem họ có biết anh ấy ở đâu không; rồi chúng tôi trải qua mọi chuyện khủng khiếp đó với bọn trẻ con khi cứ phải giả đò là mọi

thứ đều tốt đẹp. Song bọn trẻ cũng mang máng biết là có chuyện; ta đều biết trẻ con là thế nào rồi đấy. Chúng đã linh cảm thấy điều đó. Khi tôi cho các cháu ăn sáng thì Jennifer nhìn tôi và nói: “Cô Milly ơi, thế mẹ cháu có đến đón chúng cháu hôm nay không, hay có chuyện gì hả cô?” Và con bé lại nở nụ cười, cứ như nó biết đó là câu hỏi ngớ ngẩn nhưng nó hỏi vì đã hứa với em trai của nó. Tôi gằn như xiu đi. Tôi trả lời: “Cháu ơi, cô không biết kế hoạch của mẹ cháu ra sao nữa”. Điều đó có thật khủng khiếp không? Và tôi cũng chẳng biết nói gì khác.

“Thế rồi vào khoảng hai giờ chúng tôi gọi điện đến bệnh viện và họ nói Frank vừa rời khỏi đó: anh ấy đã đến bệnh viện và ký mọi giấy tờ, đại loại là tất cả những gì mà ta phải làm khi có ai đó qua đời; một lát sau anh ấy lái xe đến đây. Ngay lúc anh ấy vào nhà, tôi nói “Frank, chúng tôi có thể giúp gì được anh? Anh cứ nói nếu như có thể chúng tôi sẽ giúp được anh mà”

“Anh ấy nói là không có gì và anh ấy cho rằng mình đã lo được mọi chuyện. Anh ấy nói là đã gọi điện cho anh trai mình ở Pittsfield - đây là người anh cả của anh ấy, Frank có ba anh em trai nhưng anh ấy không bao giờ về họ cả; tôi đã quên là anh ấy có gia đình - và anh ấy nói là người anh trai và vợ anh ta hôm sau sẽ đến để giúp đỡ bọn trẻ và mọi thứ, cả đám tang nữa. Tôi có nói, “Thế thì được rồi, nhưng mong anh đêm nay ở lại đây với chúng tôi. Anh không thể đưa bọn trẻ về một mình được”. Anh ấy nói là không sao, anh ấy sẽ đưa chúng về nhà; nhưng anh ấy có nói trước tiên anh ấy muốn đưa chúng đi quanh quần đảo đó và thông báo cho chúng biết. Và anh ấy đã làm như thế. Anh ấy đi ra sân và bọn chúng nhìn thấy, liền chạy bỏ đến, anh ấy chào các con của mình, đưa chúng lên xe và lái đi. Tôi thật sự nghĩ đó là điều đau buồn nhất mà tôi từng chứng kiến trong đời. Và tôi không bao giờ quên được những gì Jennifer nói khi anh ấy đưa bọn trẻ quay trở lại vào đêm đó. Đã quá giờ đi ngủ và cả hai đều buồn ngủ, tôi giúp Jennifer chuẩn bị giường chiếu và cô bé nói, “Cô Milly, cô có biết điều gì không? Mẹ cháu đã lên Thiên đường rồi và chúng cháu ăn tối ở một cửa hàng, cô ạ”.

“Lạy Chúa!” - Nancy Brace nói - “Thế sự việc cuối cùng đã được giải quyết ra sao?” Cô ta là một cô gái có gương mặt sắc sảo, đeo kính, đã từng làm việc trước khi lấy chồng với tư cách là người mua hàng cho một trong những cửa hàng đặc sản nổi tiếng ở New York. Cô ta thích những câu chuyện chặt chẽ và có chủ điểm, và rõ ràng là cảm thấy câu chuyện này có nhiều điều kết thúc quá lỏng lẻo - “Thế họ hàng bà con nhà anh ấy đã ở lại đây một thời gian chứ? Và sau đó có chuyện gì xảy ra không?”

“Ôi chào, không đâu” - Milly giải thích - “Ngay sau khi lo đám tang xong, họ mang bọn trẻ về Pittsfield và Frank đi cùng với chúng vài ngày nhằm giúp bọn trẻ điều chỉnh cuộc sống; sau đó anh ấy trở lại thành phố và lại về đó vào những ngày nghỉ cuối tuần, sự việc là như thế. Tôi đoán đại loại có thể đó là sự sắp xếp vĩnh viễn. Họ là những người tử tế, đó là người anh trai và vợ anh ấy, thật sự là những người tuyệt vời, rất tử tế với bọn trẻ, mà chị biết đấy, họ nhiều tuổi lắm rồi.

“Tôi nghĩ chắc sau đó chúng tôi sẽ không còn gặp lại Frank nữa cho đến tận tháng Ba hoặc bất cứ khi nào khi anh ấy đến để giải quyết bán ngôi nhà. Và đó chính là lúc mọi người gặp anh ấy. Lúc đó anh ấy ở lại với chúng tôi đôi ba ngày và chúng tôi nói chuyện nhiều. Đó chính là lúc anh ấy kể cho chúng tôi nghe về việc tìm thấy một mẫu giấy cô ấy để lại. Anh ấy nói rằng nếu như không vì mẫu giấy đó thì chắc anh ấy đã tự tử vào ngay đêm hôm đó rồi”.

Warren Brace hăng giọng cho long đờm và nuột. Ông ta là một người ăn nói chậm chạp, miệng lúc nào cũng ngậm tẩu, tóc mỏng và đôi môi mềm như trẻ con, không hợp với bộ mặt của ông ta. Ông ta làm việc ở thành phố, cho một hãng chuyên tư vấn quản lý, một loại công việc mà ông ta mô tả là rất thích hợp với những gì ông ta gọi là bước ngoặt phân tích trí tuệ. “Anh biết không, đây là loại công việc thật sự...” - ông ta dùng lời, ngắm nghĩa luồng khói thuốc đang bay lượn khỏi cán tẩu ướn - “Thật sự là khiến ta phải dừng lại và suy nghĩ”.

“Hừm, nhưng làm thế nào anh ta khác đi được nhỉ?” - Nancy Brace hỏi - “Ý tôi muốn nói là liệu anh ta có điều chỉnh được cho mọi việc trở nên tốt đẹp không?”

Milly thờ dài, kéo váy xuống, vắt cẳng chân lên chiếc đệm ghé với một cử chỉ vụng về, nhưng thật nhanh. “Chà, anh ấy gầy xọp hẳn đi, nhưng tôi nghĩ anh ấy cũng không đến nỗi nào, trừ việc gầy đi thôi. Anh ấy nói làm công việc phân tích đã giúp anh ấy rất nhiều và anh ấy có nói chút ít về điều đó. Rồi anh ấy nói về nghề nghiệp của mình, mà không hiểu bây giờ anh ấy đã có công việc mới chưa nữa? Ý tôi muốn nói anh ấy vẫn còn làm việc cho Knox thì phải, nhưng ở một cương vị mới hay đại loại như thế không? Tôi không hay biết gì về việc đó. Tên công ty mới của anh ấy là gì hả anh?”

“Bart Pollock Associates”.

“Ồ, đúng rồi” - ông Warren Brace nói - “Họ làm việc tận trên tầng 59 tại quảng trường Madison. Đó là một hãng rất thú vị. Nó có liên quan đến công việc giao tế nhân sự công nghiệp trong ngành điện tử. Họ bắt đầu từ Knox và tôi nghĩ bây giờ đã có thêm một vài việc khác nữa. Họ thật sự sẽ thành công trong một vài năm tới”.

“Chà, đầu sao em thấy anh ấy bận tíu tit lên” - Milly nói - “Anh ấy như... có vẻ “vui”, không, nói thế không đúng, nhưng ý em muốn nói là anh ấy như thế. Em thật sự cảm thấy thái độ của anh ấy là... can đảm. Rất can đảm, anh ạ”.

Miệng lẩm bẩm, giả dờ đi rót thêm rượu, Shep đi vào nhà bếp và anh ta đập khay đá âm âm nhằm át tiếng của mình đi. Sao cô ấy lại bịa chuyện ủy mị đến thế nhỉ? Nếu cô ấy không thể kể đúng câu chuyện thì thôi, chứ ai lại đi kể như thế? Can đảm ư? Thật ngớ ngẩn, vô nghĩa...

Rồi quên khuấy cả khách, hay nói đúng ra là đột nhiên đi đến quyết định là tự họ đi mà lấy rượu uống, anh ta tự rót cho mình và mang rượu ra sân sau tối như mực, đóng cửa lại thật khế.

Can đảm! Thật là chuyện ngớ ngẩn! Làm thế nào anh ấy can đảm được khi mà thậm chí anh ấy đã không còn sống? Đó là toàn bộ vấn đề; đó là cung cách anh ấy dường như là thế khi anh ấy đến thăm vào buổi chiều tháng Ba: một người không còn sự sống, cứ cho là thế đi, nói chuyện và mỉm cười.

Thoạt mới nhìn khi đi ra khỏi xe, anh ấy trông chẳng khác gì mấy so với ngày nào, trừ chiếc áo vét mặc sát người, cúc trên cùng và cúc giữa cài lại để cho gọn ghẽ. Nhưng sau khi nghe thấy tiếng anh ấy chào “Xin chào Milly, rất vui mừng được gặp cậu, Shep” và cảm thấy cái bắt tay nhẹ, hờ hững, anh ta bắt đầu hiểu rằng anh ấy chẳng còn một chút sự sống nào.

Anh ấy vô cùng mềm yếu! Anh ấy ngồi đó, vuốt cho chiếc quần ngay ngắn và phủ bụi trong lòng mình, tay cầm cốc rượu, ngón tay út ôm lấy chiếc cốc để không rơi. Và anh ấy có cách cười mới, đó là tiếng cười khúc khích nghe êm ái, điệu dàng. Bạn không thể tưởng tượng được cách anh ấy cười đâu, nghe như khóc ấy, như say, như hứng khởi ấy, mà thậm chí rất chịu đựng. Lạy Chúa, trông anh ấy như là người ta có thể tiến lại quật ngã anh ấy chỉ biết nằm lăn quay ra đấy và xin lỗi vì đã cản đường. Cuối cùng anh ấy đã tìm

thấy mẫu giấy ghi lại đó - “Tôi thật sự nghĩ mình đã suýt tự tử nếu không có mẫu giấy đó” - và mọi người thì luôn miệng, “Ôi, thật vớ vẩn! Anh là một tên nói dối khôn kiếp, Wheeler ạ; anh chẳng bao giờ có gan làm thế đâu”.

Và thậm chí còn tồi tệ hơn thế: anh ấy thật chán chường. Hẳn anh ấy phải lái nhái hàng giờ về cái công việc ngớ ngẩn của mình và có trời mà biết được là anh ấy còn lái nhái cái chủ đề ưa thích của mình bao nhiêu tiếng đồng hồ nữa: “sự phân tích của tôi đối với điều này là...”; “sự phân tích của tôi đối với điều đó là...” - khi anh ấy trở thành người luôn miệng nói về phân tích quái quỷ nào đó. “Và ý tôi muốn nói là chúng ta đã thật sự đi đến vấn đề cơ bản nào đó; những điều mà tôi thật sự đã đối mặt trước đây về mối quan hệ của tôi với cha tôi...”. Ôi, lạy Chúa! Và đó chính là con người Frank; đó chính là điều ta cần phải biết nếu muốn tìm hiểu xem sự việc đã thật sự xảy ra như thế nào.

Anh ta uống cạn chỗ Whiskey, ngay sau đó thấy lơ mơ những vì sao và mặt trăng qua lớp mắt kính ướt. Rồi anh ta quay nhà nhưng không được; anh ta lại quay lại và đi thẳng ra bên bãi cỏ phía xa và đi bộ vòng quanh thành những vòng tròn nhỏ; anh ta đang khóc.

Hơi xuân bâng lảng trên không khí mang theo mùi đất và hoa bởi gần như vừa đúng một năm kể từ thời gian ra mắt nhóm diễn Laurel, và nhớ đến nhóm diễn Laurel là nhớ đến cung cách April Wheeler đi qua sân khấu mỉm cười và tiếng của cô (“Thế anh không muốn em yêu anh sao?”), và để nhớ tất cả những điều đó thì Shep Campbell chẳng có gì để làm ngoài việc đi bách bộ quanh bãi cỏ và khóc, một cậu bé đau khổ to đùng, nắm tay bịt miệng và những giọt nước mắt nóng hổi chảy ròn ròn xuống khuỷu tay.

Anh ta thấy khóc là một điều dễ dàng và thú vị đến nỗi anh ta đã không muốn ngừng lại cho đến khi nhận ra là mình đang khóc suốt mướt, mà việc gì phải rung cả người lên thế nhỉ. Rồi tự thấy xấu hổ, anh ta cúi người và cẩn thận đặt cốc rượu xuống bãi cỏ, lấy khăn tay ra và hỉ mũi.

Phải thôi đi, không khóc nữa trước khi say mềm. Tất cả những gì là đau khổ phải được chấm dứt trong lúc còn có điều ý nghĩa hơn, vì sự việc sẽ dễ dàng bị hồng hét; vậy hãy đi mà tô đẹp tiếng khóc của nhà người hay là đi kể cho gia đình Wheeler với một nụ cười buồn bã đầy xúc cảm và nói rằng Frank là người can đảm, và rồi được cái quái gì cơ chứ?

Milly vẫn còn đang nói chuyện, vẫn còn tô đẹp câu chuyện khi anh ta quay lại lấy thêm rượu. Lúc này cô ta đang kết luận, ngả người về phía trước một cách hào hứng, khuỷu tay để trên đầu gối hơi duỗi ra, nhăn nheo.

“Không, nhưng tôi thật sự cho rằng đó là sự trải nghiệm để đưa chúng ta lại gần nhau hơn. Ý tôi nói là Shep và tôi. Có phải thế không anh?”

Và cả hai vợ chồng nhà Brace ngoảnh lại nhìn chăm chăm vào anh ta như thầm nhắc lại câu hỏi của chị vợ. Có phải thế không?

Dĩ nhiên điều duy nhất phải nói là: “Ừ, đúng vậy; đúng thế”.

Và đột nhiên anh ta nhận ra phần đáng buồn cười đó. Lúc này nhìn cô ta qua ánh đèn, một phụ nữ nhỏ bé, luộm thuộm, ngớ ngẩn, anh ta biết là mình đã nói thật. Thật khốn kiếp, cô ta vẫn còn sống ư? Nếu lúc này anh ta đi lại chiếc ghế cô ta ngồi và sờ vào gáy cô ta, cô ta sẽ nhắm mắt và mỉm cười chứ? Đúng là thế. Và khi gia đình nhà Brace đi về nhà, thì cô ta sẽ đi vào nhà bếp, rửa bát đĩa và nói huyền thuyên tràng giang đại hải một lát (“Ôi, em thích họ quá; anh có thích họ không?”) Rồi cô ta đi lên giường ngủ và đến sáng, tỉnh dậy và đi xuống nhà trong bộ quần áo ngủ rách còn vương mùi hơi người, mùi nước cam, mùi xi-rô ho cùng mùi mồ hôi người và tiếp tục sống.

Đối với cả gia đình nhà Giving nữa, thời gian sau cái chết của April là một cú sốc, sự đau đớn và chậm chạp lấy lại tinh thần.

Thoạt đầu bà nghĩ về điều đó chỉ do phần lớn là lỗi cá nhân nên cũng không thể bàn luận được, thậm chí cả với Howard. Bà biết rằng Howard hay bất cứ ai khác cũng chỉ khẳng khẳng cho đó là tai nạn, rằng không ai phải chịu trách nhiệm về việc đó, và điều cuối cùng bà muốn là mình được an ủi. Việc nhớ đến chiếc xe cứu thương lui vào lối đi nhà Wheeler đúng ngay lúc bà đến để muốn nói lời xin lỗi (“Chị April ạ, về chuyện hôm qua ấy mà; cả hai người thật tuyệt vời nhưng tôi không bao giờ muốn chị phải trải qua điều đó; Howard và tôi đã đồng ý thấy rằng những khó khăn của John là vượt qua mọi...”), rồi tiếp đến tiếng nói thờ ơ của Campbell trên điện thoại cũng vào chiều hôm đó, bật mí tin đó khiến cho bà cứ tự trách mình mãi. Cả tuần đó bà ốm dờ.

Điều đó xuất phát từ ý định tốt đẹp. Cố yêu con và bạn đã giúp mang lại cái chết của người mẹ khác.

“Mà tôi biết là ông sẽ nói là không liên đới gì” - bà giải thích cho bác sĩ tâm lý của John - “nhưng xin nói thẳng ra, bác sĩ ạ, tôi không có ý định xin ý kiến ông đâu. Đơn thuần tôi chỉ định nói là chúng tôi không bao giờ được nghĩ đến việc đưa con tôi giao lưu với người ngoài cuộc một lần nữa. Hoàn toàn không thể được”.

“Hừm” - Bác sĩ nói - “Vâng, thôi được, những vấn đề như thế này hoàn toàn tùy thuộc vào ông bà..., à, ông Givings, để quyết định thôi”.

“Tôi biết con tôi ốm,” - bà nói tiếp, sụt sịt mũi, nước mắt chảy như lời cảnh cáo - “tôi biết con tôi ốm và nó đáng thương lắm, nhưng nó cũng ăn tàn phá hại lắm, bác sĩ ạ. Thật tàn hại!”

“Hừm. Vâng...”.

Sau đó họ chỉ bó gọn những chuyến đi thăm cuối tuần trong phòng đợi của khám giam của John. Hình như anh ta cũng không để ý. Anh ta thường hỏi thăm về gia đình Wheeler, nhưng dĩ nhiên họ chẳng nói gì cả. Đến ngày lễ Giáng sinh họ có thói quen để cho hai đến ba tuần trôi qua giữa những lần đến thăm, rồi họ dần dần ra mỗi tháng một lần.

Những gì nhỏ nhặt lại làm nên khác biệt. Vào một ngày tháng Giêng có mưa tuyết, tại trung tâm mua sắm, bà bắt gặp một con chó con màu nâu, lai, trong tủ kính bày các con thú ưa thích. Bà đi vào mua con vật mang về nhà, một hành động phi lí, thật ngờ ngẩn mà bà chưa từng làm trong đời.

Nhưng con vật thật thú vị quá! Nó nhũn nhặn lắm, nên bà phải huấn luyện nó đi vệ sinh trên giấy, cho phóng uest ở nơi quy định và nhiều điều khác nữa. Phải mất nhiều công sức mới luyện được một con vật ngoan, nhưng nó đáng nuôi.

“Lăn người đi!” - Bà thường dạy nó, ngồi sấp chân trên thảm, chân đi dép lê - “Lăn người đi!” Rồi bà thường lấy những ngón tay tết lông bên sườn và bụng con vật khi nó lăn ngửa bụng ra, bốn cẳng nó chới với trên không và cái miệng thâm sì sì của nó nhe bộ răng ra như muốn cười thích thú.

“Cún con ngoan quá! Cún con mũi ướt của ta ngoan quá nhỉ? Đúng rồi, cún ngoan lắm!” - Chính con chó con đó, chứ không phải ai khác hay điều gì

khác, đã làm cho mùa đông của bà được bình yên.

Công việc làm ăn bắt đầu sôi động khi mùa xuân trở lại, khiến bà lúc nào cũng cảm thấy cuộc sống đã bắt đầu trở lại; nhưng một thử thách vẫn còn: đó là việc bán ngôi nhà của gia đình Wheeler. Việc bà sợ phải gặp lại Frank trong phòng luật sư là một điều tất yếu khiến cho bà luôn căng thẳng và không sao chợp mắt được vào đêm hôm trước đó. Tuy nhiên sự việc xảy ra không đến nỗi như bà sợ. Anh ấy tỏ ra lịch thiệp và đĩnh đạc.

- Rất vui mừng được gặp cô Givings!

Rồi họ chỉ nói chuyện làm ăn và ngay khi giấy tờ được ký xong là anh đi liền. Sau đó, dường như bà đóng cửa mãi mãi.

Hai tháng sau bà bận rộn đến kiệt sức: có nhiều nhà cũ đẹp tung ra thị trường, nhiều nhà mới hiện đại được xây nên, nhiều người từ thành phố đến để mua cái gì đó thật đẹp và họ là những người không quan tâm đến chuyện mặc cả. Chẳng bao lâu mùa xuân đó đã trở thành mùa xuân buôn bán bất động sản tốt đẹp nhất trong sự nghiệp của mình. Ngày trở nên dài và thường rất khó khăn, nhưng điều đó chỉ khiến cho những buổi chiều ngắn lại và việc nghỉ ngơi dễ chịu hơn.

Ngoài việc chơi với con cún con và nói chuyện với Howard, bà làm những công việc lật vật quanh quán ở nhà.

- Có tiện nghi không ông? - Bà hỏi Howard vào một buổi tối tháng Năm đẹp trời khi bà thu lu trên một đồng báo bày ra để làm bong ghé. Howard đã chán đọc tờ *Điện tín thế giới*, đang ngồi khoanh tay và nhìn ra ngoài cửa sổ; con cún con đang co ro ngủ trên tấm thảm nhỏ gần đó tận hưởng sung sướng.

- Thật tuyệt vời được thư giãn sau một ngày vất vả! - Bà nói - Ông có uống cà phê không? Hay ăn bánh nhé?

- Không, tôi cảm ơn. Tí nữa tôi uống cốc sữa.

Xoay tròn chiếc ghé một cách cẩn thận trên có trái những tờ giấy báo và ngồi trên sàn nhà, bà nói chuyện tiếp khi chiếc bút lông quệt đi quệt lại.

-... Tôi không sao nói hết được niềm vui sướng về nơi ở trên Đường Cách

mạng. Ông có nhớ vào những ngày mùa đông thật ảm đạm không, Howard? Lạnh lẽo và tối tăm vô cùng - mà còn như bị ma ám nữa chứ. Thật rùng mình. Nhưng giờ đây mỗi khi tôi lái xe qua đó tôi lại cảm thấy đầy hứng khởi khi thấy con đường đã trở nên đầy sức sống và sạch sẽ vô cùng, với những ngọn đèn sáng hắt ra từ những ô cửa sổ. Đám thanh niên mới thật thú vị, ông à, đám thanh niên nhà Brace ấy. Chị ta thật dịu dàng, nói chuyện hóm hỉnh lắm; anh ta thì hơi dè dặt. Tôi nghĩ chắc hẳn anh ta phải làm điều gì tuyệt vời lắm cho thành phố thì phải. Anh ta nói, “Chị Givings ạ, tôi không biết nói gì để tỏ lòng cảm ơn chị cho hết được. Đây chính là tổ ấm mà chúng tôi mong mỏi bấy lâu nay”. Nói thế nghe có sượng tai không ông? Mà ông ạ, tôi cứ nghĩ tôi yêu ngôi nhà nhỏ bé đó hàng bao năm nay rồi và đây là những người đầu tiên thật sự thích hợp với ngôi nhà đó. Thật là những con người tuyệt vời, tương đắc trùng phùng.

Người chồng nhúc nhích người và chuyển vị trí đôi giày chỉnh hình của mình.

- Hừm, trừ gia đình nhà Wheeler có phải không?

- Chà, ý tôi muốn nói đến những con người thật sự tương đắc ấy. Loại người như chúng ta ấy. Ôi, tôi mến nhà Wheeler lắm, nhưng họ luôn có một chút gì đó kì quặc, một chút thần kinh. Có thể tôi không nên nói thế, nhưng họ thường cứ làm cho mọi người phải đối phó với họ bằng cách này hay cách khác. Thực ra lý do chính mà ngôi nhà nhỏ đó khó bán vì họ hạ thấp giá đến phát sợ. Những khung cửa sổ cong queo, nhà hầm ẩm ướt, trên tường toàn vết vẽ bút chì, các núm cửa bẩn thiu, thật sự là chẳng ai chăm sóc. Con đường trải đá đáng sợ chạy giữa bãi cỏ đến cuối đường là một vũng bùn, ông có thể tưởng tượng được xem ai có thể đứng ra mà sửa sang lại không? Việc đó sẽ tốn của ông Brace khá nhiều tiền đấy để sửa sang và trồng trọt cây cối. Không, điều đó còn hơn thế. Đó là điều còn sâu sắc hơn thế.

Bà ngừng lời để ấn cây bút lông cho lóng thêm một lượt bóng nữa, bên cái hộp, rồi nhúu mày, bập môi nhằm cố tìm được ngôn từ cho điều bà muốn nói đến.

- Chính là việc vợ chồng họ còn trẻ. Vô trách nhiệm. Cung cách giữ gìn dè chừng khi họ nhìn ông; cung cách họ nói chuyện với ông; thật không lành mạnh chút nào. Mà còn chuyện này nữa. Thế ông có biết tôi đã bắt gặp điều gì trong tầng hầm không? Tất cả đã chết cứng và khô lại. Tôi tìm thấy một

cái hộp to trồng cây trường sinh mà tôi đã phải mất một ngày để thu thập chúng lại vào mùa xuân năm ngoái. Tôi nhớ rõ khi chọn những mầm khoẻ nhất và gói cẩn thận chúng lại trong loại đất tốt, đó chính là điều tôi muốn nói đến. Ông không nghĩ đến khi ai đó đã bận tâm đưa cho ông một cây hoàn toàn tốt, một cây sống, đang mọc, ông không quan tâm một tý gì về việc...?

Nhưng từ hôm đó trở đi, Howard Givings chỉ nghe thấy cả một biển im lặng trào dâng tiếng chào đón. Ông đã bỏ tai trợ thính.



[1] Nguyên bản: Players.

[2] Rye Country Day School (RCDS): một trường học dự bị đại học dành cho cả nam và nữ ở hạt Westchester, New York (ND).

[3] Túi đấm là loại túi được sử dụng trong thể thao, dùng để tập cơ bắp, đặc biệt được dùng cho việc luyện tập của các đấu sĩ quyền Anh - (ND).

[4] Xe bất động sản chuyên dụng là loại xe chở hành khách có kiểu thân xe giống như xe ô tô có mui kín nhưng phần mui xe giống như mui xe chở hàng, dài và mở theo phương thẳng đứng - (ND).

[5] Theo giáo phái (ở Anh) - (ND).

[6] M.I.T: viết tắt của cụm từ The Massachusetts Institute of Technology - Viện công nghệ bang Massachusetts - (ND).

[7] Sigmund Freud: nhà tâm lý học người Úc gốc Do Thái, là người đã sáng lập ra trường dạy tâm lý học - (ND).

[8] Quaker: một giáo phái được thành lập ở Anh vào thế kỷ 17, thuộc

dòng Tin lành. Giáo phái này được thành lập bởi những nhóm người không hài lòng với giáo phái Tin lành. Người đồng sáng lập ra giáo phái này, đồng thời cũng là một nhân vật quan trọng là George Fox. Cách gọi đầy đủ của giáo phái Quây-cơ là *Xã hội của những người bạn tôn giáo* (The Religious Society of Friends) hay còn gọi là Quaker hoặc là *Những người bạn* (Friends) - (ND).

[9] Câu chuyện được viết vào những năm 30 của thế kỷ XX. Đây là giai đoạn cả thế giới bị chìm đắm trong cuộc khủng hoảng tài chính (The Great Depression) bắt đầu vào năm 1929 từ Mỹ và kết thúc trong những năm 30 tại Mỹ và trong những năm 40 ở những nước khác. Các nhà lịch sử cho rằng cuộc khủng hoảng tài chính này được đánh dấu bởi ngày thị trường chứng khoán sụp đổ: 29 tháng 10 năm 1929. Sự chấm dứt giai đoạn khủng hoảng này ở Mỹ gắn liền với sự bắt đầu chiến tranh kinh tế của Chiến tranh Thế giới lần thứ II, năm 1939 - (ND).

[10] Noel Coward tên đầy đủ là Sir Neol Pierce Coward, là một diễn viên, một nhà soạn kịch và một người sáng tác nhạc POP - (ND).

[11] Nguyên bản: Longland: một hòn đảo nằm ở phía Đông Nam của New York, về phía Đông của Manhattan. Trải dài từ Đông Bắc ra đến Đại Tây Dương, Đảo Dài gồm có bốn hạt: hai hạt trong số đó (Nữ hoàng và Vua - Queens and Kings) là thành phố của New York, hai hạt còn lại (Nassau và Suffolk) là ngoại ô - (ND).

[12] Nguyên bản: Place Pigalle - (ND).

[13] G.I Bill: viết tắt của Government Issue Bill. Đây là một khái niệm được tạm dịch là Hoá đơn Vấn đề Chính phủ. Đây là một loại trợ cấp của chính phủ Mỹ cho cựu chiến binh trở về sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Loại trợ cấp này được dùng vào việc trả tiền học phí cho cựu chiến binh ở trường cao đẳng và trường dạy nghề và một năm tiền trợ cấp thất nghiệp - (ND).

[14] Niffer: tên một làng và một xã về phía Đông Bắc của Pháp - (ND).

[15] Đơn vị đo chiều dài - (ND).

[16] Will Rogers: tên đầy đủ là William Penn Adair “Will” Rogers, là một cao bồi, một diễn viên hài, nhà văn khôi hài, nhà bình luận xã hội, một diễn viên diễn kịch vui và là một diễn viên người da đỏ Mỹ - Cherokee, một bộ tộc da đỏ sống ở vùng Bắc Mỹ - (ND).

[17] Cashmere: tên một loại len làm từ sợi lông dê vùng Kashmir. Loại len này rất mịn khi dệt. Nó cũng rất dai, nhẹ và mềm. Loại len này là một chất liệu để làm thành quần áo, nó vô cùng ấm, ấm hơn nhiều so với len lông cừu - (ND).

[18] Nhạc “xuynh” hay còn gọi là “swing music, swing dances” là một

loại nhạc Jazz êm dịu thịnh hành vào những năm ba mươi ở Mỹ - (ND).

[19] Vào năm 1906, Johnson và những cộng sự của ông đã sáng chế ra loại máy quay đĩa với thiết bị âm thanh khuếch đại, có mặt đĩa hình tròn phẳng được đặt vào trong một cái hộp gỗ với mục đích thẩm mỹ. Loại máy quay đĩa này giống như một tủ trang trí trong gia đình. Thương hiệu máy quay đĩa Victrola được bán ra thị trường vào tháng tám của năm đó và đã rất được ưa chuộng - (ND).